Tuyển Tập

NHỚ HUẾ

SỐ 11

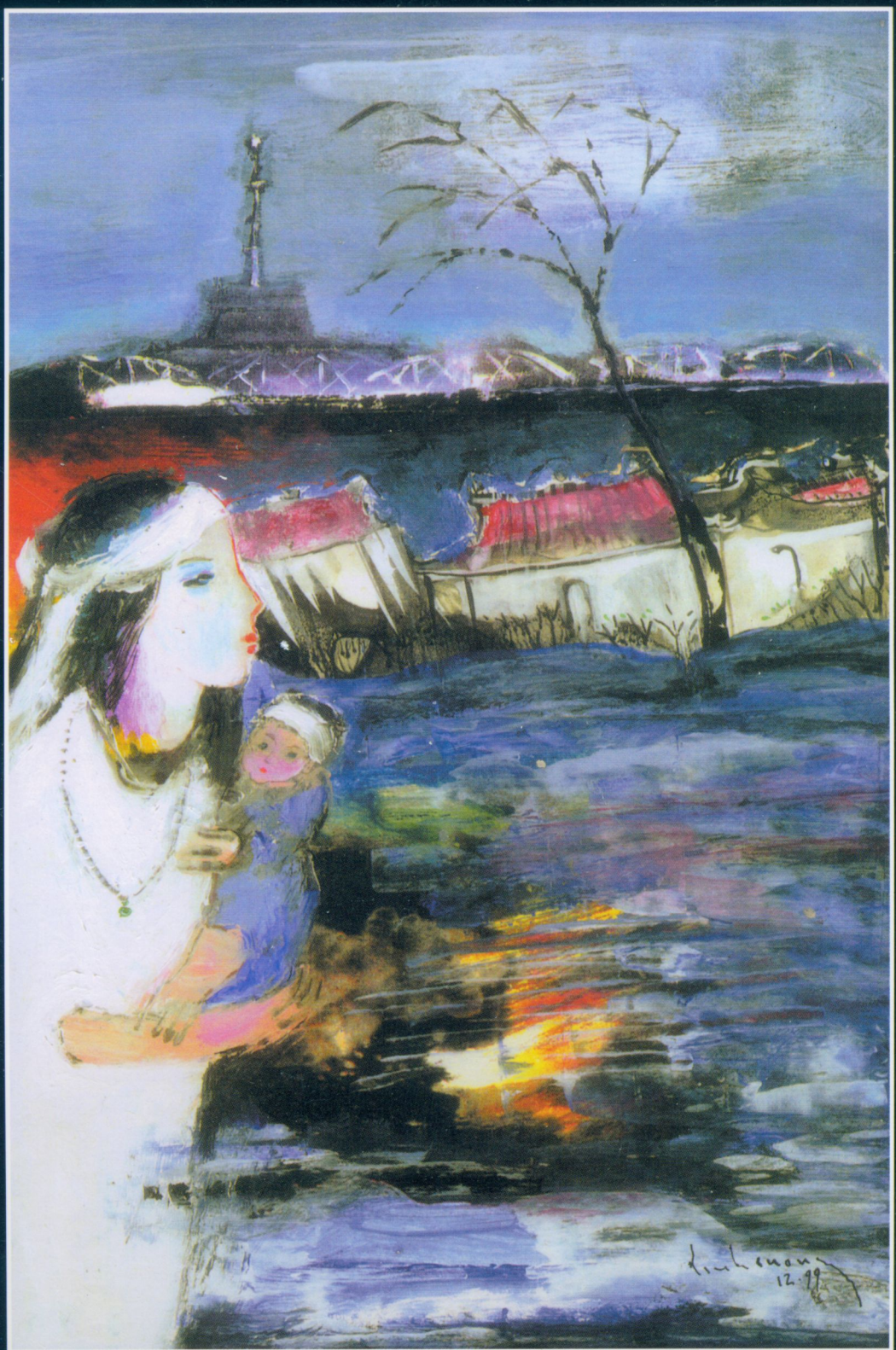

MAGNOLIA MEDICAL IMAGING CENTER, INC.

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN MAGNOLIA

14571 Magnolia St., Suite #101 ■ Westminster, CA 92683

Tel: (714) 893-1915

Bác Sĩ Phùng Gia Thanh

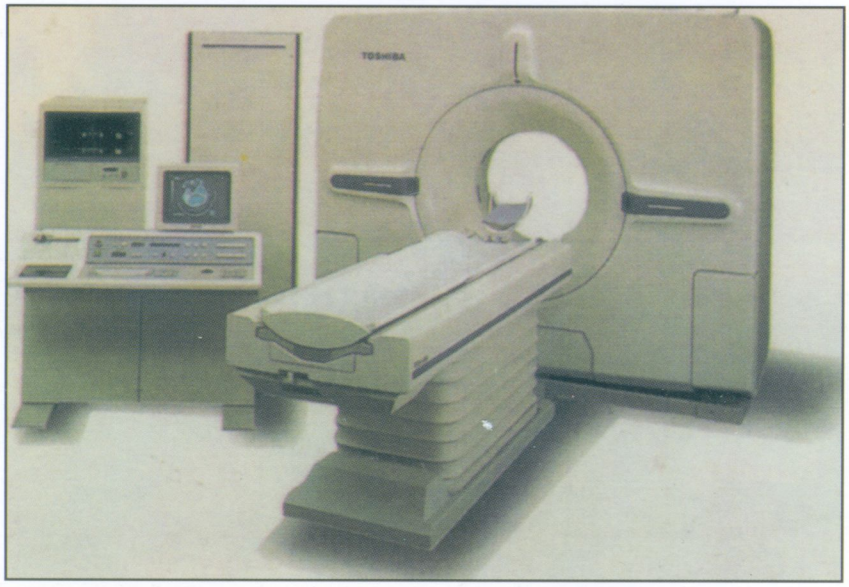

- X-RAY
- MRI
- CAT SCAN
- UL TRASOUND
- MAMMOGRAPHY
- NUCLEAR MEDICINE

CÓ MÁY CAT SCAN TẠI CHỖ

ĐẶC BIỆT

CHỤP VÚ
DO NỮ
CHUYÊN VIÊN
ĐẢM NHIỆM

GIỜ MỞ CỬA

Thứ Hai - Thứ Sáu:
9:00AM - 6:00PM
Thứ Bảy
9:00AM - 3:00PM

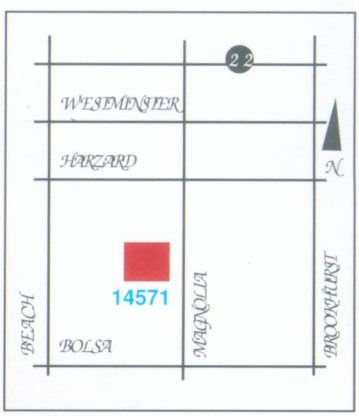

Tân Thiên Niên Kỷ

Tuyển Tập Nhớ Huế 2000 hân hạnh đến tay bạn đọc trong những ngày đầu tiên của một thế kỷ mới, một thiên niên kỷ mới.

Nhìn lại ngàn năm trước dân tộc ta với các triều đại Lý Trần Lê thịnh trị đã viết nên trang sử độc lập trước kẻ thù phương Bắc, với chín đời Chúa Nguyễn đã mở mang bờ cõi về phương Nam và với vua Gia Long đã thống nhất Sơn Hà từ Ải Nam Quan cho đến mũi Cà Mâu.

Nhìn lại trăm năm, suốt thế kỷ 20, trang sử chung của đất nước cũng như riêng của Huế buồn nhiều hơn vui, sụp đổ nhiều hơn xây dựng, chia lìa nhiều hơn đoàn tụ.

Nhìn lại 25 năm qua, hàng triệu người, trong đó có những đứa con của Huế, đã đành phải bỏ nước ra đi tìm tự do và vào khoảng một phần tư thế kỷ ấy người Việt chúng ta định cư tại Hoa Kỳ đã thành công trong việc kết hợp thành một cộng đồng vững mạnh, phát triển nhanh nhất trong số các dân tộc gốc Á ở Hoa Kỳ.

Từ một đất nước nghèo nàn, chúng ta là những người may mắn được sống trong một quốc gia văn minh nhất thế giới. Nhờ những tiến bộ của khoa học gần đây chúng ta đã được hưởng rất nhiều tiện nghi vật chất. Nhớ lại lúc mới đặt chân đến Mỹ, đi mua hamburger hay đi lãnh tiền ở ngân hàng, chỉ cần ngồi trong xe đợi người ta phục vụ đã cho là tân tiến. Bây giờ chẳng cần phải lên xe xuống ngựa, ngồi ở nhà cũng có thể làm nhiều việc tương tự nhờ có máy vi tính nối liền với mạng lưới Internet. Về phương diện giải trí cũng vậy, ngồi ở nhà cũng có thể xem đủ loại phim ảnh, đọc đủ mọi thứ sách, tha hồ nghiên cứu.

Đặc biệt do những phát triển vượt bực của ngành truyền thông như chương trình CNN và hệ thống E-mail, tin tức được phổ biến vòng quanh thế giới vừa nhanh chóng lại vừa rẻ tiền. Nhờ vậy cơn Đại Hồng Thủy ở Huế trong tháng 11 vừa qua đã được đưa ngay lên mạng lưới giúp cho người Việt khắp nơi kịp thời chia xẻ nỗi khổ với đồng hương ở quê nhà.

Đà tiến bộ của khoa học sẽ ngừng lại ở đâu, điều đó khó mà tiên đoán được. Duy chỉ còn việc đi tìm thuốc cải lão hoàn đồng hoặc trường sanh bất tử là chưa thành công. Khoa học đã giúp cho con người sống thoải mái hơn về phương diện vật chất, còn đời sống nội tâm thì hình như chẳng thấy thay đổi bao nhiêu. Suy tư của chúng ta chẳng khác nào của ông cha ta ngày trước. Con người và Thượng đế vẫn là những gì bí hiểm. Ta từ đâu đến và sẽ đi về đâu, vẫn chưa có câu trả lời thỏa đáng. Một bài thơ hay của Lý Bạch, Thôi Hiệu, một Đoạn Trường Tân Thanh của Nguyễn Du cho đến nay vẫn là những tuyệt phẩm ít có ai sánh kịp. Vì vậy chúng ta cần có sự tiến bộ của Văn Hóa, cần có thức ăn tốt cho não bộ. Khoa học và cuộc cách mạng truyền thông chắc chắn sẽ làm đổi thay tương lai của nhân loại nhưng sẽ chẳng làm đổi thay nổi quá khứ, lại càng không thể thay thế những kỷ niệm thân thương. Trong ý nghĩ đó chúng tôi sẽ cố gắng đi tìm những tác phẩm giá trị cho Tuyển Tập Nhớ Huế và mong mỏi được quý vị tiếp tục giúp đỡ.

Xin thân ái kính chúc bạn đọc Tuyển Tập Nhớ Huế và đặc biệt chúc thế hệ trẻ Việt Nam có một thế kỷ mới, một Thiên Niên kỷ mới rực rỡ, huy hoàng.

■ ***Võ Văn Tùng***

Mục Lục

- 1. Tân thiên niên kỷ . . . . . *VÕ VĂN TÙNG*
- 5. Trời hành cơn lụt mỗi năm . . . . . *TRẦN KIÊM ĐOÀN*
- 8. Mất lệ lưng tròng cho xứ Huế . . . . . *LÊ VĂN LÂN*
- 16. Quê hương . . . . . *THOMAS LARGET*
- 18. Nhớ Huế — Thơ . . . . . *MỘNG TRƯỜNG - PHẠM NGỌC BÚT*
- 19. Tưởng niệm Vua Duy Tân . . . . . *HƯƠNG GIANG THÁI VĂN KIỂM*
- 30. Quán cơm Âm phủ ở Huế . . . . . *NGUYỄN HỮU THỨ*
- 37. Nỗi buồn mùa lụt Huế — Thơ . . . . . *HỒ VĂN MẪN*
- 38. Hotel Morin, một "kỳ quan" của đất Huế . . . . . *NGUYỄN PHÚC BỬU TẬP*
- 44. Xuân trắng — Thơ . . . . . *HOÀNG BÍCH ĐÀO*
- 45. Người kiến trúc Dinh Độc Lập: KTS Ngô Viết Thụ vừa qua đời . . . . . *TÔN THẤT AN CỰU*
- 47. Vài nét đại cương về Văn Tịch Chí của Phan Huy Chú . . . . . *ĐOÀN KHOÁCH*
- 52. Nghe tin Huế bão lụt — Thơ . . . . . *TRẦN AN TÂM*
- 53. Dòng sông quá giang . . . . . *LỆ BA*
- 55. Đò ngang . . . . . *HOÀNG BÍCH ĐÀO*
- 57. Cơn lũ và dòng sông — Thơ . . . . . *HUYỀN TÔN NỮ VẤN*
- 62. Xuân xứ người . . . . . *NHÃ CA*
- 70. Tương phùng . . . . . *PHAN MỘNG HOÀN*
- 76. Nắng Cali . . . . . *BÙI BÍCH HÀ*
- 78. Gởi gấm — Thơ . . . . . *HOA VĨ DA*
- 79. Mưa rơi . . . . . *LÊ KHẮC NGỌC QUỲNH*
- 83. Cặp rắn tu ở chùa Trà Am (Huế) . . . . . *LÝ TRƯỜNG TRÂN*
- 85. Một chút tình xa thiên cổ lụy — Thơ . . . . . *NHỚ VĂN NGUYỄN*
- 86. Thầy Bửu Cân . . . . . *VĨNH BỘI*
- 88. Huế và em — Nhạc . . . . . *NHẬT NGÂN*
- 90. Nhà ái quốc Nguyễn Thượng Hiền . . . . . *LỆ VÂN*
- 96. Thơ Đường trong thơ chữ Hán của cụ Ưng Bình Thúc Giạ Thị . . . . . *NGUYỄN HỮU VINH*
- 112. Đi tìm di tích lịch sử Bách Việt qua thi ca kim cổ Hoa Việt . . . . . *HƯƠNG GIANG THÁI VĂN KIỂM*
- 121. Kế hoạch phát triển miền Trung . . . . . *VÂN PHỐ HOÀNG ĐỐNG*
- 125. Quê hương ngàn dặm . . . . . *HUY PHƯƠNG*
- 127. Huế vẫn trong tôi — Thơ . . . . . *TRƯƠNG NHƯ TRẤN*
- 126. Huế, mấy năm tiền chiến . . . . . *TÔN THẤT ĐỆ*
- 132. Tiếng Việt một thời . . . . . *HOÀNG LIÊN*
- 136. Huế thương — Thơ . . . . . *LÊ VĂN THẤM*
- 137. Thu còn vương nắng . . . . . *NGUYỄN LÝ TƯỞNG*
- 149. Bài thơ cho Huế — Thơ . . . . . *NGUYỄN HUY PHƯỚC*
- 150. Những giọt nhớ . . . . . *THÙY VIỆT LÂN*
- 153. Sự thật về bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ với vua Tự Đức . . . . . *TÔN THẤT TÙNG*
- 155. Kỷ niệm . . . . . *THU HÀ*
- 159. Chiếc cầu quê tôi — Thơ . . . . . *TRẦN AN TÂM*
- 160. Ngày Xuân thăm Trung Quốc . . . . . *BN*
- 171. Tên những nàng con gái Huế thuở nào . . . . . *LÊ VĂN LÂN*
- 179. Một đóng góp độc đáo quý giá cho bài "Tên những nàng con gái Huế" . . . . . *THÂN THỊ GIÁNG CHÂU*

Thơ:

- 182. Trở về thăm Huế — Lời người ở lại — Nhớ Huế . . . . . *HOÀNG MỊCH ĐIỂN*
- 21. Mùa đông Huế — Chiều nghe chuông Thiên Mụ — Rằm Thiên Mụ . . . . . *LÊ NGỌC GIAO*
- 186. Thương một dòng sông — Huế còn không? — Dòng đời . . . . . *LÊ TÍN HƯƠNG*
- 189. Qua cầu gió bay — Nhìn đời trôi qua — Hát tiếng đồng giao . . . . . *NGÔ VĂN QUY*
- 190. Còn gặp nhau — Vọng cố hương — Một thoáng hương xưa . . . . . *TÔN NỮ HỶ KHƯƠNG*
- 192. Thanh xuân — Chim nhỏ — Tiếng chuông Thiên Mụ . . . . . *NHÃ CA*
- 194. Huế, thơ tình 58 . . . . . *TRẦN DẠ TỪ*
- 195. Quê hương — Tình quê — Lời trần tình . . . . . *PHONG ĐĂNG*
- 197. Em đi sầu ở lại — Sầu cố xứ — Chiều trên quê hương . . . . . *HOÀNG THƯỢNG DUNG*
- 199. Hẹn thầm với Huế — Thèm! — Tưởng nguyện . . . . . *LÊ NGUYỄN*
- 200. Những cánh vạc bay — Bằng Lăng hoa . . . . . *TĨNH MẶC HOÀNG XUÂN VU*
- 201. Thơ tôi — Chờ một ngày về . . . . . *Y LA LÊ KHẮC NGỌC QUỲNH*

Với sự góp mặt của:

Lệ Ba ■ Thái Bá ■ Vĩnh Bội ■ Bồng Phạm Văn Thoại ■ Phạm Ngọc Bút ■ Ngô Bút BN ■ Thân Thị Giáng Châu ■ Nam Cát Bửu Hạp ■ Nhã Ca ■ Minh Vũ Hồ Văn Châm ■ Hoàng Thượng Dung ■ Phong Đăng ■ Hoàng Bích Đào ■ Võ Văn Đạt ■ Tôn Thất Đệ ■ Hoàng Mịch Điển ■ Trần Kiêm Đoàn ■ Bùi Minh Đức ■ Hoàng Đống ■ Nguyễn Mộng Giác ■ Lê Ngọc Giao ■ Bùi Bích Hà ■ Bạch Thu Hà ■ Thu Hà ■ Hà Thúc Như Hỷ ■ Võ Đình Hữu ■ Tôn Thất Hứa ■ Phan Mộng Hoàn ■ Nguyễn Thị Hiệp ■ Thái Văn Kiểm ■ Hồ Trọng Khôi ■ Đoàn Khoách ■ Tôn Nữ Hỷ Khương ■ Lê Văn Lân ■ Thùy Việt Lân ■ Nguyễn Khoa Diệu Lê ■ Dương Công Liêm ■ Hoàng Liên ■ Lê Phước Lộc ■ Thái Kim Lan ■ Thiên Thanh Như Lý ■ Hồ Văn Mẫn ■ Nguyễn Văn Minh ■ Mai Kim Ngọc ■ Nhật Ngân ■ Nguyễn Đăng Ngọc ■ Lê Nguyễn ■ Nguyễn Văn Nhớ ■ Hồ Văn Phú ■ Nguyễn Huy Phước ■ Huy Phương ■ Nguyễn Khoa Diệu Phương ■ Trần Quang ■ Lê Khắc Ngọc Quỳnh ■ Ngô Văn Quy ■ Trần An Tâm ■ Thomas Larget ■ Nguyễn Phúc Bửu Tập ■ Hà Xuân Tế ■ Lê Văn Thẩm ■ Võ Văn Tùng ■ Trần Dạ Từ ■ Chi Điền Hoàng Duy Từ ■ Nguyễn Lý Tưởng ■ Hương Thủy Hoàng Trọng Thược ■ Tôn Thất Tùng ■ Thanh Toàn ■ Kiêm Thêm ■ Tôn Thất Thiện ■ Nguyễn Hữu Thứ ■ Võ Long Tê ■ Nguyễn Khoa Thiều ■ Đinh Việt Thủy ■ Lê Quang Tiềm ■ Thân Trọng Tuấn ■ Lý Trường Trân ■ Trương Như Trấn ■ Nguyễn Ngọc Thanh ■ Minh Đức Hoài Trinh ■ Thiên Tứ ■ Trần Thị Cẩm Tuyến ■ Tôn Lệ Vân ■ Huyền Tôn Nữ Vấn ■ Hoài Việt ■ Nguyễn Hữu Vinh ■ Hoàng Xuân Vu ■ Nguyễn Văn Y.

Tuyển Tập Nhớ Huế xin chân thành cám ơn:

◆ Chị Hoàng Bích Đào (nhà sách Diễm Phương tại Paris) ◆ Chị Lê Khắc Ngọc Quỳnh tại Toronto ◆ Anh chị Trần Đoàn tại Washington D.C ◆ Anh Tôn Thất Hứa ở Đức ◆ Chị Phan Mộng Hoàn ở San Jose ◆ Chị Nguyễn Kim Soa ở Texas ◆ Anh Nguyễn Văn Nhớ tại Seattle ◆ Chị Tôn Nữ Duy Thạnh ở San Diego ◆ Anh Nguyễn Huy Phước ở New Jersey ◆ Anh Hồ Văn Lợi ở Chicago.

Đã giúp đỡ phổ biến Tuyển Tập Nhớ Huế đến tay bạn đọc ở địa phương.

Tuyển Tập Nhớ Huế

Chủ Trương:

Hội Thân Hữu Huế - Thừa Thiên

Chủ Biên:

Võ Văn Tùng

Ban Biên Tập:

• Tôn Thất Tùng • Hà Thúc Như Hỷ • Thái Doãn Ngà • Bửu Lộc • Nguyễn Khoa Thiều • Nguyễn Phúc Bửu Tập • Hoàng Tuấn Lộc • Hồ Văn Phú • Hoàng Thi Thao • Dương Công Liêm • Nguyễn Ngọc Thanh • Nguyễn Văn Y • Võ Tứ Cầu • Thái Bá

Kỹ Thuật:

Phan Đắc Khôi

Hình bìa

Đinh Cường
Huế trong cơn lụt của Thế kỷ

Thư từ, bài vở, ngân phiếu ủng hộ, xin vui lòng gởi về:

Tuyển Tập Nhớ Huế
9559 Bolsa Ave., Suite D
Westminster, CA 92683
Phone: (714) 531-5754
Fax: (714) 531-5824
E-mail: ttnhohue@yahoo.com

Những bài vở đăng trong **Tuyển Tập Nhớ Huế** không nhất thiết phản ảnh quan điểm của Nhóm Chủ Trương và do người viết hoàn toàn chịu trách nhiệm. Mọi trích dịch đều phải có sự thỏa thuận của Ban Biên Tập.

DANH SÁCH ÂN NHÂN ỦNG HỘ

Tuyển Tập Nhớ Huế 2000

- Ô.B BS Lê Văn Cẩm, Westminster.
- Ô.B Tôn Thất Cẩn, Quán Hỷ, Garden Grove
- Cơm Tấm Trần Quý Cáp, Westminster
- DS Nguyễn Kim Chi.
- Ô.B BS Võ Văn Cầu, Westminster.
- Ô.B Trần Ngọc Châu, Van Nuys.
- Ô.B DS Quách Nhứt Danh, Danh & Linh Pharmacy, Westminster.
- Ô.B Trần Dũ, Vanco & Little Saigon Market, Westm.
- Quảng Đà Restaurant, Garden Grove.
- Ô.B Lê Phúc Điềm, Westminster.
- KT Furniture, Anaheim — Kim Thọ Jewelry
- Ô.B BS Bùi Minh Đức, Westminster.
- Hương Giang Restaurant, Garden Grove.
- Bà Bạch Thu Hà, Thuha Beauty, Midway City.
- Ô.B BS Thượng Hải, Garden Grove.
- BSNK Huỳnh Thị Hạnh, Westm.
- DS Trịnh Lê Hồng, Catinat Pharmacy, Westminster.
- Hue's Rendez Vous Restaurant, Westminster.
- BSNK Trần Ngọc Tâm Hương, Reseda.
- BSNK Nguyễn Diệu Liên Hương, Westminster.
- BS Võ Đình Hữu, Pomona.
- Ô.B BS Trần Tiễn Huyến, Westminster.
- Ô.B BS Phạm Gia Khánh, Westminster.
- Ô.B Nguyễn Đình Liễn, Westminster.
- Ô.B BS Lê Phước Lộc, Van Nuys.
- Ô.B Bửu Lộc, Seafood World, Westminster
- Magnolia Medical Imaging Center, BS Phùng Gia Thanh, Westminster.
- BSNK Hồ Như Mai, Los Angeles.
- BS Thái Diệu My Michelle, Westminster.
- Ô.B BS Trần Nhơn, Westminster.
- Ô.B BS Võ Văn Phác, Long Beach.
- Ô.B BS Đặng Văn Phu, Westminster.
- Ô.B BSNK Hồ Văn Phú, Hawthorne.
- BS Bửu Phụng, Westminster.
- Royal Seafoord & Phương Restaurant, Westminster.
- Ô. Ngô Quang, Italy Shoes Westminster.
- Ô.B BS Trần Tiễn Sum, Los Angeles.
- Ô.B BSNK Tôn Thất Thọ, San Jose.
- Tien Auto Repair, Santa Ana.
- BS Vĩnh Thừa, Santa Ana.
- BS Tôn Nữ Kiều Tiên và Dương Thùy Trang, Westm.
- Ô.B BS Võ Văn Tùng & Tam's Pharmacy, Westminster.
- Ô.B BSNK Dương Út, Los Angeles.
- Ô.B Tôn Thất Vinh, F.Valley.
- Quán Vỹ Dạ, Westminster.
- Ô.B BS Đoàn Yến, Los Angeles.

❄

Trời Hành Cơn Lụt Mỗi Năm

Trần Kiêm Đoàn

Ký ức tuổi thơ là một thung lũng xanh, mà nơi đó thời gian đã phủ lên từng phiến đá, gốc cây một lớp sương mù lãng đãng. Dù thực tế có gai góc đến đâu, nhưng khi nghĩ về kỷ niệm ấu thời, những người lớn — hiểu như là khách trần gian đang lần bước đến tuổi già — khi nào cũng thấy "ngày xưa đó" một cách rất êm đềm và dịu ngọt.

Phải chăng vì thế mà suốt gần 40 năm, bốn mươi mà nhân cho mỗi năm ít nhất nhỏ to là 5 trận lụt, thành ra có đến hơn 200 cơn lụt Huế đã qua trong đời tôi một cách an nhiên... mặc cho "Trời xanh quen thói..."(!)

Từ những ngày bé xí chân quê ở làng Liễu Hạ, hàng năm, tôi cũng như lũ bạn xóm Côi, xóm Cụt, xóm Bàu chuẩn bị tinh thần "nghênh" lụt một cách rất... thơ! Sáp nhỏ, hình như đứa nào cũng thuộc lòng hai câu vè "tiên tri" cá lên trời ăn sao. Chú Đoài, gã hát lời tiên tri, miệng thường ngậm điếu thuốc lá ngọn to gần bằng ngón chân cái, hút bập bập vài phát, rồi dắt điếu thuốc thời Âu Cơ lên mang tai. Khi nói vè, mắt chú nhắm nghiền như đang vân du về một trận đại hồng thủy xẩy ra đâu đó — không rõ từ trong hoài niệm quá khứ hay mường tượng về một tương lai:

(Úi cha) Sông Ngân Hà (mà) vịt lội có ngời,
(Chơ) Cá to, cá nhỏ lên trời (mà) đớp sao
(á... a)

Có nhiều đêm trăng mùa tháng tám, dưới ánh trăng đồng quê chảy tràn lan trên rơm rạ mới, tôi nằm giữa chiếc nốn (nong) to phơi lúa ngoài sân mà vẽ ra một cảnh lụt tuyệt vời. Tôi mường tượng thấy đàn vịt bầy đủ màu của chú Xang, chú Hói bơi lội "có ngời" trên dòng sông trời đầy nước bạc lung linh. Và bầy cá mở miệng tròn xoe đớp những vì sao mọng nước óng vàng. Tôi không cần ưu tư tự hỏi mình sẽ ngồi ở đâu khi nước đã lút tới trời! Tuổi thơ là thơ không tuổi, nên mơ mộng và thực tế thường quyện vào nhau man man như mây trời và áo trắng.

Bão năm Thìn, lụt Năm Ba, thất thủ Kinh Đô là những biến cố khủng khiếp nhất trong khái niệm về tai trời ách nước của người dân xứ Huế.

Tôi "suýt thấy cá ăn sao" năm lên bảy tuổi với trận lụt 1953. Trận lụt được xem là lớn nhất trong lịch sử nước lũ mưa nguồn của Huế vào thời đó. Mùa Đông năm Quý Tỵ. Không ai nhớ mưa đã mấy ngày. Cơn lụt nhỏ bình thường đến và sắp đi ngoài ngõ cũng chẳng làm ai ngạc nhiên hay sợ hãi. Một đêm, tôi nghe những tiếng vọng ì ầm như có tiếng gì chuyển động nặng nề từ dưới lòng đất sâu dội lên. Mẹ tôi gọi đó là "sấm đất"; rồi mẹ giải thích rằng, sấm đất xảy ra là trời đang... "đổi chủ". Ông chủ trời mới thường hay ra oai bằng cách sai thần sấm, thần sét gõ búa đùng đùng; bắt quyết, đọc bùa làm mưa to gió lớn.

Tôi ngủ quên trong tiếng mưa lũ xé lá bên ngoài và chuyện huyền thoại đất trời do mẹ kể — như miếng ớt cay giúp quên mùi mắm mặn — hay sự an ủi để đủ sức chịu đựng của mẹ, của dân làng khi mỗi năm trời hành cơn lụt (?). Nửa đêm thì có tiếng o Cúc la lên là nước lụt đã vô nhà. Mưa từng cơn ào ào xối xả. Thức dậy, tôi dụi mắt ngồi co ro từ trên

giường nhìn xuống ánh đèn dầu chiếu nước đã lênh láng khắp nhà. Mưa càng lớn, nước càng lên nhanh. Nước leo dần lên giường, lên ghế, lên bàn, lên cái cối xay, và sáng ra thì nước đã mấp mé khung cửa sổ. Cái giường tre mỏng manh mỗi lúc được kê lên cao dần. "Lễ sống" của cả bốn người trong gia đình tôi chất gọn trên chiếc giường. Thức ăn, áo quần, mền chiếu, bếp núc đều dồn lên trên bốn cái chân tre ốm yếu lắc lư theo đà chao động của nước. Đến gần trưa thì bốn vó tre già từ từ gục xuống. Thế là xong, lễ sống chìm sâu trong nước. Biên giới cuối cùng giữa sống và chết, giữa ước mơ và thực tại, giữa bây giờ và vĩnh cửu là cái thang tre run rẩy dưới sức bám của bốn người. Chỉ còn một nơi "cao cả" nhất trong nhà là cái "tra" đựng lúa. "Tra" là cái thùng gỗ an toàn có khung bắt dính với rầm thượng và mái nhà, nằm phía trước bàn thờ chính ngay gian giữa. Đó là cái kho an toàn đựng lúa và nơi cất giữ đồ quý báu của phần đông dân quê Việt Nam. Trời lạnh, quần áo ướt đẫm mà tôi vẫn thấy mồ hôi nhỏ dòng trên trán mẹ với da mặt đổi từ xanh xao sang màu xám khi mẹ tôi quyết định mở tra, đổ lúa xuống nước chừa chỗ cho chúng tôi chui vào. Dòng lúa như dòng máu vàng đẫm mồ hôi và nước mắt của tháng ngày làm ruộng chảy xuống nước tỏa bụi mù, tung nước bọt.

Chưa bao giờ tôi thấy mẹ tôi lặng lẽ như phút đó. Tôi ngạc nhiên thấy mẹ tôi lấy hết mo cơm bới để dành trong góc tra từ hôm trước và ép mọi người, nhất là tôi, "gắng ăn no cho có sức". Đã hai ngày, mỗi bữa chỉ được ăn một vắt cơm độn với sắn lát, nay bỗng dưng được ăn cơm trắng ấm bụng, tôi nuốt không kịp nhai với nỗi khoái cảm tuyệt vời mà không chắc đời sẽ có được hai lần. Trong xó tra với ánh sáng mờ mờ do nước bạc hắt lên từ khe hở trên cùng còn sót lại của khung cửa sổ, tôi thấy mẹ tôi mở cái tráp mây cũ kỹ lấy đôi bông tai bằng thòa thời cưới hỏi xa xưa của mẹ đeo lên. Xong mẹ bò xuống thang, lần mò tới mở sợi dây dừa cột giàn xay lúa một nửa chìm xuống nước. Mẹ leo lên tra trở lại với sợi dây dừa và cái mác trong tay. Chị tôi phải ôm mẹ bồng lên tra vì mẹ bỗng run lẩy bẩy. Mẹ tôi túm tay chúng tôi lại, giọng lạc đi: "Cột tay lại! Cột tay lại! Chặt đòn tay trổ nóc. Chết chung..." Tiếng mẹ tôi yếu dần trong cơn xúc động. Bảy tuổi nhưng tôi đủ hiểu mẹ tôi muốn gì. O Cúc là người cuối cùng đưa bàn tay sũng nước, trắng dẻ và nứt nẻ từng mảng da vì dầm nước quá lâu, vào vòng dây thòng lọng. Tôi ấp bàn tay lạnh lẽo, tím ngắt của mẹ vào lồng ngực bé xíu, nhưng còn âm ấm dưới hai tầng áo ướt của tôi, cùng lúc với tiếng reo vui của chị Thuyền như vừa khám phá ra điều gì vừa đột biến: "Nước cầm chừng rồi mạ ơi!"

Bốn mươi sáu năm sau, từ phút "nước cầm chừng" nên tôi còn sống sót đến hôm nay, điện thư đầu tiên của Dũng lọt ra khỏi Huế, đến Mỹ vào lúc nửa đêm sau cơn lũ lụt cao hơn trận lụt 1953 quá 1 mét: *"Đoàn ơi! Nước đang rút dần nhưng vùng thượng nguồn mây vẫn còn vần vũ đe dọa. Nghe tin một làng nào đó ở Bãng Lãng bị nước cuốn sạch. Trưa nay trước bình phong Quốc Học có hơn hai chục xác người bị nước cuốn tấp vào bờ sông Hương vừa được vớt lên. Có cả gia đình mọi người tay còn buộc dính vào nhau..."* Tôi run lên, mắt mờ đi. Lặng người vì xúc động, tôi sờ lên cườm tay. Cảm giác sợi dây dừa ướt quàng quanh cổ tay, phập phồng theo nhịp đập của những trái tim thương yêu, ràng buộc, đợi chờ... đã nửa thế kỷ qua rồi sao vẫn còn nguyên vẹn. Mưa bên trời quê hương mà cơn lũ trong lòng tôi cũng dâng lên từ phương nầy, cuống quýt. Tội lắm. Huế ơi!

*

Ngày 2-11-1999. Tin khẩn cấp số 1: *"Lũ và lụt ào tới Huế từ lúc 4 giờ sáng ngày hôm nay. Lúc 9 giờ sáng, nước vào cầu Kho Rèn 40 cm. Trưa, ngập vào sân Mô-Ranh. Chiều, tất cả các phương tiện hữu tuyến và vô tuyến đều bị ngập. Điện thoại cầm tay cũng không liên lạc được. Đài truyền thanh và truyền hình Huế ngưng phát sóng. Lúc 11 giờ đêm, mực nước*

sông Hương cao 5 mét 20. Cả thành phố Huế chìm trong biển nước. Báo chí bình luận: Thừa Thiên Huế đang trong cơn đại hồng thủy!"

Tôi sững sờ nhận tin "E-mail" từ anh Hồ Đắc Duy ở Sài Gòn và tức tốc chuyển tin cho bạn bè, anh em, người thân Việt Nam, nhất là các "Huế kiều", rải rác khắp các nước trên thế giới. Tôi thức trắng đêm chờ tin khẩn cấp số 2, số 3, số... từ quê nhà truyền đi từng 2 giờ một.

Sáng hôm sau, và hôm sau nữa, Huế vẫn như một thành phố từ cõi âm: Lặng lẽ và im lìm. Cho đến khi nước lũ, mưa nguồn kéo nhau về biển, sau khi đã biến Huế thành một bãi tang thương với 321 người chết trong tổng số 527 người chết và mất tích trên toàn miền Trung, tôi vẫn còn hướng về quê hương. Cầu nguyện.

Đúng hai tuần sau ngày khởi đầu cơn lũ lụt miền Trung, từ giữa lòng xứ Huế, chưởng môn võ đường Bạch Mã lại viết cho tôi: *"Trời Huế nắng ráo, đẹp — như (trời) chưa bao giờ tàn ác với Huế như vậy... Trận lũ lụt đã cuốn phăng đi bao mạng sống của con người, cuốn phăng đi bao tài sản, bao công trình; nhưng nó cũng đã cuốn phăng đi những hận thù ngăn cách; để lộ ra một tấm lòng chung, "máu chảy ruột mềm". Nhìn thực tế trước mắt, và nhìn thực tế "một con ngựa đau cả tàu không ăn cỏ" đang diễn ra khắp nơi, hướng về sự đau khổ của miền Trung, nhiều lần mình đã khóc Đoàn ạ. Khóc, một phần vì nỗi thương tâm, một phần vì trong hoạn nạn mà con người sống với nhau đẹp quá. Tất cả đều chung một lòng, yêu thương, chia xẻ, một cách tự nhiên, hồn hậu. Nếu người Việt Nam mình có một cái chi đó đẹp đẽ, thu hút, chắc là vì mình đã được tôi rèn trong hoạn nạn, đau thương chăng?"*

Không hiểu sao, đã nhiều lần, trong những điện thư không dấu, tôi chẳng cố tình mà vẫn đọc trại "ngập nặng" thành ra "ngập nắng". Không biết vì tôi đi giữa Cali ngập nắng với tâm hồn ngập nặng ưu tư về lũ lụt đang vùi dập quê nhà; hay tự trong cái "tật Huế thơ" quen nhìn khốn khó, tai ương qua ánh sáng cuối đường hầm, qua hy vọng ở cuối con đường đời ngập nắng.

Người Việt khắp nơi trên thế giới đã thao thức cùng với anh em, bạn bè, và đồng bào ruột thịt ở quê nhà. Thể hiện dưới hình thức nầy hay phương thức nọ, ai cũng nồng nàn bày tỏ mối thâm tình "lá lành đùm lá rách". Tôi bỗng thấy con người tứ xứ gần nhau hơn và thế giới xa lạ nầy thu nhỏ lại khi ghi danh cho những sinh viên trường Cosumnes River College, những người mà Việt Nam chỉ mới là một tên gọi mơ hồ trong tâm thức, tình nguyện vận động cứu trợ theo cách riêng của họ. Tseng, Kia, Kumagai, Karen, Bradley, Thanat, Hồng, Tuyết, Dũng... những sinh viên "liên hiệp quốc" của tôi, đang nối kết với nhau bằng một chất keo rất dễ bị lãng quên — tuy lúc nào cũng có: Tình Người.

Nhiều nhà lý thuyết thời danh tiên đoán rằng, với sự phát triển tột bực của khoa học và kỹ thuật, hận thù sẽ vơi đi và tình thương sẽ trở lại, vì con người cách nhau vạn dặm có điều kiện tương giao và chia xẻ nên ít hiểu lầm nhau hơn. Nhờ vậy, rồi đây thế giới loài người sẽ xích lại gần nhau thành một "Làng địa cầu". Sau cơn lũ lụt miền Trung, tôi mường tượng thấy một "xóm Việt Nam" đượm tình người thấp thoáng đâu đó, trong ngôi làng kia, trên đường sang thế kỷ.

■ ***Trần Kiêm Đoàn***

MẮT LỆ LƯNG TRÒNG CHO XỨ HUẾ

Lê Văn Lân

Danh từ Huế một thời thanh bình trước đây với thi sĩ Nam Trân đã được thăng hoa với tĩnh từ cổ điển" Đẹp và Thơ" mà người đời quen nhắc tới! Một cô gái bình dân với tà áo dài, chiếc nón lá giản dị trên sông Hương cũng đã trở thành yểu điệu thục nữ trong mắt người thơ xứ Quảng rồi!

Thuyền nan đủng đỉnh sau hàng phượng,
Cô gái Kim Luông yểu điệu chèo
Tôi xuống thuyền cô, cô chẳng biết
Rằng Thơ thấy Đẹp phải tìm theo!
(Huế: Đẹp và Thơ!)

Điều này không ai cãi, nhất là chúng ta xem lại cuốn album lưu niệm hay xem lại những guồng phim mầu đầu tiên quay về cảnh đẹp tại Cố đô Huế chiếu tại rạp Richard Việt nam Film đường Ngã Giữa năm xưa.

Nhưng tôi thiết tưởng vẫn còn nhiều cái Huế khác đã phản ảnh qua thơ văn mà ký ức thơ ấu của tôi khó có thể nhạt nhòa!

Như lớp học sinh Huế tha hương nay đã tra nậy, họ vẫn còn để lòng tương tư về Huế của phượng vĩ, Huế của mùa hè:

Sung sướng quá, giờ cuối cùng đã đến!
Đàn chim non hớn hở rủ nhau về
Chín mươi ngày bay nhảy ở đồng quê
Ôi tất cả mùa xuân trong mùa hạ
(thơ Xuân Tâm)

Họ vẫn nhớ Huế của mùa thi với Đỗ kim Bảng mà ngộ nghĩnh hát rằng:

Thi ơi là thi, sinh mi làm chi, "bay" nghẹn ngào, "bám ổn ào", buồn vui vì mi!

Còn lớp người cao niên mái tóc kim sinh đã úa vàng thì họ lại muốn ngậm ngùi nhìn về một Huế của sự cổ kính huy hoàng từ chín đời chúa mười ba đời vua với kinh thành, phủ đệ, với lăng tẩm u trầm, với những bóng cung tần nhang khói trước những khám thờ Tiên đế chạm trổ sơn son!

Ngậm ngùi giai nhân khẽ thở dài,
Nắng chiều ngủ úa sắc lâu đài,
Gượng cười trong nét vàng son cũ,
Như ả cung tần tuổi nhạt phai.
(Đông Hồ)

Đôi lúc, họ không thể không có lại cảm giác ớn lạnh về một Huế trong sương mù bảng lảng của không khí Liêu trai:

Dịp cầu Bạch hổ mấy bóng ma,
Biến mất vì nghe giục tiếng gà,
Trăng tỉnh giấc mơ lười biếng dậy,
Động lòng lệ liễu, giọt sương sa.
(Thúc Tề)

Họ khó quên nổi về một Huế của nhiều am miễu vào ngày rằm hay mồng một với đồng cô bóng cậu ban phát bùa linh thuốc dấu, về một Huế của niềm tin phong thủy... Tất cả đã toát ra từ cảnh vật u uất của cây cao bóng cả với những rồng linh nằm trong mạch đất hay

những rắn thiêng đầu có mồng làm ngựa cưỡi cho mấy ngài khuất mày khuất mặt thường đu về đêm trên những cành cổ thụ! Họ còn mang trong trí nhớ về một Huế của linh thiêng huyền bí với bùa yêu thuốc dấu, với thần đá, với ngọc rắn... như đã được mô tả trong cuốn *"Huế: la mystérieuse"* của Louis Chochod từng ở Huế nhiều năm vào đầu thế kỷ. Ngay một nàng đầm cha Pháp mẹ Việt cũng chôn sâu trong ký ức về một Huế mà huyền linh pha hòa với thực tại:

Rồi một hôm, niềm mơ tôi thành sự thực:
Tôi bước về, lạc rừng thơ nhung nhớ
Trời đầy sao — khung cảnh ảo huyền thay!
Bao thần linh cùng rồng thiêng xứ Huế
Nhảy tưng bừng như canh giữ thành xưa!
(thơ của Monique Leverset
do Lê văn Lân chuyển Việt ngữ)

Sống ở Huế lâu, hầu như tất cả người ngoại quốc ít nhiều nhiễm pha giòng máu Huế cũng thấy rằng đất Huế quá nặng về dĩ vãng và là nơi con người dương thế luôn luôn tưởng nhớ đến những hồn ma như trường hợp điển hình của Giáo sư Henri Cosserat. Ông coi Huế cổ kính của lăng tẩm như:

Huế: tam đại bài vị thiên thu yên ngủ
Giữa bảo châu từ quá khứ truyền kỳ.
Tôi, bé mọn: bái tôn hồn linh đế.

Đứng trước cảnh tà dương với vầng mặt trời đỏ rực lặn ở sau dãy Trường sơn phía Tây, Henri Cosserat đã hoài vọng thâm trầm về quá khứ của kinh thành:

Ôi đế đô... kìa vầng dương đỏ ráng
Lặn phương đoài trong lửa rực vinh quang
Huế: dĩ vãng hồi sinh từ lăng mộ!

Nhưng rất nhiều người Việt ở Bắc và Nam đã thắc mắc không hiểu nổi về một đặc thù lớn nhất về tâm tình của những con người xứ Huế:

Người xứ Huế trang nghiêm và trầm lặng,
Thường hay sầu giữa lúc thế nhân vui,
Tâm sự nhiều mà ít hé trên môi...
(thơ của Bích Lan)

Tại sao vậy? Nét tương phản này phải chăng vì Huế là sản phẩm của tang thương, của những giòng nước mắt chảy vào trong, của những ngấn lệ lưng tròng, Huế là hình ảnh của nàng quả phụ sầu muộn muôn đời, Huế là địa bàn của những oan khiên trên giòng lịch sử gây ra bởi những ách nước tai trời. Henri Cosserat đã tinh tế nhận ra cái đặc thù tương phản này trong cái đẹp cực kỳ nên thơ nhưng sao buồn u uất về đất Huế:

Tôi thấy Huế ngủ mơ bên bờ mộng
Miền Cố đô khoác phủ ngọc xanh lam!
Thành lũy oai, cao dầy trông ngạo nghễ
Tôi đã nhìn tỉnh giấc Huế hừng đông!
Tôi lại chọn — giống tay sành cổ ngoạn,
Tranh bình minh mịn phấn rộn lòng tôi
Để ngắm Huế: nàng góa chồng tim rạn
Vén khăn sô màn sương trắng tháng tư

"Vành khăn sô cho Huế" mà Nhã Ca sau này dùng làm tựa cho cuốn sách về Huế sau tết Mậu Thân của bà phải chăng đã từng được quấn trên đầu người dân Huế từ rất lâu rồi vì vùng đất này đã từng chịu bao nhiêu tang tóc vì ách nước tai trời.

Nói đến ách nước, thì vùng đất Phú xuân đã từng là sân khấu của nhiều cuộc giao tranh tiếp nối đẫm máu lịch sử trong vòng vài trăm năm cận đại: Trịnh ào ạt vô tiếp thu, Nguyễn vội vàng bôn tẩu, Tây sơn vô khống chế, rồi Nguyễn lại về để rồi đến nạn Pháp ngoại xâm để giòng Hương giang êm đềm thơ mộng bỗng biến thành *"Nhất giang lưỡng quốc nan phân thuyết"* và làm mặt đất Huế thấm đẫm máu của người dân dày xéo lên nhau mà chạy ngày Thất thủ Kinh đô...[Đây là cái Huế "nước loạn canh tàn khóc biển dâu" mà tiến sĩ học giả Thái văn Kiểm đã viết kỹ.]

Hương khói ngây ngất từ miễu Ngã tư Âm hồn, từ những giàn cúng ngày 23 tháng năm âm lịch hay hình ảnh chập chờn ma quái của những bè chuối đựng bỏng nếp, cháo thí

trong lá đa thắp nến thả trên sông, những tiếng tụng niệm trong hồi chuông tiếng mõ cầu siêu thoát từ hàng trăm cảnh chùa chính là những cái gì mà con dân Huế đã nhập tâm khiến họ *"thường hay sầu trong lúc thế gian vui!"*

Ách nước còn đè nặng trên đất Huế với bao nhiêu cuộc can qua, chính biến ngút ngàn khói lửa trong lòng thế kỷ 20: Những cuộc thủ tiêu về đêm ghê rợn bằng mã tấu, bằng cán cuốc hận thù hồi Cách mạng Việt minh cộng với hàng ngàn thây ma chết bằng đạn AK giữa ngày tết Mậu Thân lấp vùi rải rác từ đồng bằng Phú thứ đến khe núi Đá mài, với bao nhiêu thây người chạy di tản trên bờ biển Thuận an dưới cơn mưa pháo 75 là những cái gì làm cho nụ cười Huế dù sau này có khuây khỏa với thời gian bao nhiêu cũng khó tươi vui nếu không nói là khô môi đắng họng vì oan cừu còn ấp ủ trong lòng trong những ngày kỵ giỗ. Tâm hồn Huế là trong héo ngoài tươi vậy. Lịch sử Huế khẳng định là những giòng lệ chảy vào trong. Còn nói đến tai trời thì câu chuyện thời sự thương tâm mới đây là cơn lũ tháng 11 năm Kỷ Mão (1999) khiến hàng trăm thân xác Huế cuốn theo giòng nước bạc. Ta tự hỏi riết rồi ông trời kia ác nghiệt cũng phá cái lệ truyền thống "bão năm Thìn, lụt năm Tị"? Hay phải chăng lần này yếu tố phá hoại của tay người ta đã góp thêm vào làm nguyên nhân gây ra điều thảm khốc?

Người ta phải thu nhận rằng đọc bài thơ sau của Nguyên Phương khó mà cầm được mắt lệ rưng rưng:

Huế ơi! Cơn lũ lại về

(Gửi Huế trong niềm đau cơn lụt tháng 11 năm 1999)

Không thể nào quên — mà mãi nhớ
Trời hành cơn lụt hàng năm
Huế một đời oan khiên — nghiệt ngã
Tội cho người lại trắng khăn tang!
Bốn mươi năm quay về lụt cũ
Thế kỷ buồn nhớ lũ năm ba
Đón năm hai ngàn bằng hung tin dữ
Huế đắm chìm bão tố phong ba!
Ông tha mà bà chẳng tha
Bà cho cái lụt hăm ba tháng mười!
Huế chưa kịp nở nụ cười
Ông cho cơn lụt ngập trời đầu Đông.
Nước ngập đồng, nước tràn sông
Nước trào khóe mắt tuôn dòng lệ đau
Nguyệt Biều, Vỹ Dạ, Bãi Dâu
Đâu còn thấy Huế — nhuộm màu nước đen!
Nếu làm được phép tiên mầu nhiệm
Xoay chuyển vòng quay nửa địa cầu
Cho Huế thoát cơn nguy truyền kiếp
Cho tia nắng hồng đẹp Huế mai sau!
Chẳng còn bao lâu thay thế kỷ
Huế đã trăm năm lắm đọa đầy
Mưa gió từ đâu gieo hệ lụy
Huế nghèo thêm nỗi khổ oằn vai
Phải Huế, mới thấm đau lụt Huế,
Của xa người òa vỡ giữa mênh mông
Da xanh loang loáng trên giòng nước
Níu kéo nhau đi nỗi hãi hùng!
Phải Huế, mới đau từng đoạn ruột
Mới nghe gió buốt lạnh mềm xương
Mới đảo điên cửa xiêu nhà dột
Nước đầy nhà, cơm chẳng còn cơm
Không Huế, cũng mềm lòng về Huế
Màn trời, đất chiếu khổ nào hơn
Buông tay, chồng vợ xa nhau mãi
Nước chảy tuôn tràn, mẹ bỏ con
Tha phương — lụt Huế — theo từng bước
Nhịp Huế trong tim — Huế thổi bùng
Nhói đau cơn lũ ngàn năm trước
Tin về — lụt mới — nỗi đau chung!

Nguyên Phương đã nhắc lại cơn lũ lụt khủng khiếp ở Huế năm 1953 tức là năm Quí Tị như dân Việt vẫn mang niềm tin rằng *"lụt năm Tị, bão năm Thìn"* là những năm lụt bão nặng nề! Tôi lại bất giác liên tưởng đến nhiều cơn bão cuồng phong mà chính đất Huế từng thê thảm chịu trong những năm Thìn lịch sử:

— Năm Canh Thìn (1820) tức năm Vua Minh mạng mới lên ngôi, mưa to gió lớn làm đổ sụp 300 trượng đất (1200 mét) của bờ thành lũy Huế;

— Năm Giáp Thìn (1904), cơn bão khủng khiếp đã thổi bay bốn vài sắt của cây cầu Thành thái xuống sông Hương.

Có vài giai thoại tôi xin nói trong dấu ngoặc: Cầu này — về sau quen gọi là cầu

Trường tiền — dài 400 mét do hãng thầu Eiffel khởi công xây năm 1897 với vài sắt nhưng còn lót ván gỗ được vua Thành thái khánh thành năm 1900. Lúc ăn lạc thành, viên Toàn quyền Pháp đã kiêu căng ngạo mạn nói với nhà vua rằng cây cầu bằng sắt sẽ vững bền kiên cố như sự cai trị bảo hộ của Pháp vậy, nhà vua mỉm cười nói chưa chắc đâu. Quả nhiên, bốn năm sau — 1904 — cầu bị bay bốn vài vì bão, nhà vua bấy giờ lại nói vào mặt tên Toàn quyền: "Vous" nghĩ sao? Ta đâu có nói sai!

Thi sĩ Tam xuyên Tôn thất Mỹ đã cảm hoài về sự kiện lịch sử này như sau:

Năm Thìn tháng tám bữa mồng hai
Một trận phong tai thực khuấy đời
Vững vàng cầu sắt còn bay nổi
Cứng cáp lầu vôi cũng tả tơi!

Cầu này sau được sửa lại và đúc sàn bằng xi măng, xong năm 1906 nên dân Huế có câu hát:

Chợ Đông ba đem ra ngoài dại
Cầu Trường tiền đúc lại xi-moon

Ngẫm lại, tôi thấy thấm thía cho hình ảnh cuộc tang thương mà đất Huế phải oằn vai chịu qua lịch sử của cây cầu sắt Trường tiền kiên cố này: nó đã bao lần phải đổi tên nào là cầu Thành thái, nào là cầu Clémenceau, nào là cầu Nguyễn hoàng; nó lại bao lần bị hư sụp khiến nhà thơ Thảo am Nguyễn khoa Vy — vốn trứ danh qua câu *"Núi Ngự không cây, cu đậu đất, Sông Hương vắng khách đi kêu trời"* — cũng châm biếm mà cảm tác bài thơ sau:

Sông Hương thường rộng nước thường sâu,
Thành thái năm xưa mới có cầu.
Ngã lại, ngã qua luôn sáu nhịp
Bên oam, bên thẳng khác hai đầu
Trời xô một độ năm Thìn trước
Người phá ba vài tháng Hợi sau.
Cái dại Trường tiền còn đó mãi,
Đố ai biết dại ở từ đâu?

"Trời xô" tức là thiên tai bão lớn năm Giáp thìn (1904), còn "Người phá" tức là nạn nước khiến Việt Minh phá sập ba vài vào năm Đinh hợi (1947) — chưa kể chuyện cầu lại bị Cộng quân đánh sụp Tết Mậu thân (1968). Mỗi lần trời xô, mỗi lần người phá là mỗi lần dân Huế lại bị chít thêm vô số vành khăn sô tang tóc, và mất Huế lại đôi phen đẫm lệ!

Phải Huế, mới đau từng đoạn ruột
Mới nghe giá buốt lạnh mềm xương
Mới đảo điên cửa xiêu nhà dột
Nước đầy nhà, cơm chẳng còn cơm.
(Nguyên Phương)

Tại sao Huế thường dễ lụt vào tháng 10 âm lịch hằng năm để khiến:

"Nước ngập đồng, nước tràn sông,
Nước trào khóe mắt tuôn dòng lệ đau"?

Hãy nghe tiến sĩ Thái công Tụng lấy khoa học mà giải thích:

"Trời hành cơn lụt mỗi năm... Các giòng sông chảy qua các đồng bằng Bình Trị Thiên thường ngắn và có một lưu vực hẹp. Sông Giang, sông Nhật lệ ở Quảng bình, sông Thạch hãn ở Quảng trị, sông Bồ, sông Hương ở Thừa thiên là ví dụ điển hình... Lũ lụt thường đến bất thình lình và thay đổi tùy năm. Có lúc mưa bão gây ra một lượng mưa lớn, có thể vài trăm millimét trong 24 giờ. Ảnh hưởng của dãy núi cũng gây ảnh hưởng. Một phần thì rặng núi gần đồng bằng, mặt khác thì núi có triền dốc rất lớn, nên vận tốc của dòng chảy cũng rất mạnh. Do đó, nước sông lên rất nhanh. Mùa lụt đi sát với mùa mưa lớn. Ở miền châu thổ sông Hồng lũ lụt cao nhất vào tháng 8 dương lịch, vào đến Thanh hóa là tháng 9, Nghệ tĩnh tháng 10, đồng bằng Bình Trị Thiên vào tháng 11."

Câu tục ngữ của dân gian cũng nói lên điều ấy: *"Ông tha mà bà chẳng tha, làm cho cái lụt hăm ba tháng mười"* (tính theo âm lịch) [Thái công Tụng - Vùng thiên nhiên Bình Trị Thiên — Tiếng Sông Hương TX, 1997]

Tại sao vua Gia long lại không dự trù điều trên mà chọn kinh đô tại Huế?

Đương nhiên nhà vua đã chọn vị trí trung ương giữa Bắc và Nam mà cai trị, nhưng cũng vì lý do tình cảm lưu luyến vùng đất Phú xuân với nhiều ưu điểm về phong thủy địa lý huyền bí mà các Chúa Nguyễn tổ tiên từng dấy nghiệp sau dẫy "Hoành sơn vạn đại dung thân" như lời khuyên bảo của Trạng Trình! Tình cảm thường chi phối con người như ông Ngô đình Diệm mặc dù làm tổng thống ăn cơm chỉ thích cá bống thệ kho. Một bằng chứng khác nói lên tình cảm trong quan niệm của nhà Nguyễn chọn kinh đô Huế, đó là cửa biển Tư hiền ở huyện Phú lộc. Cửa này ngày xưa sâu rộng nên tầu thuyền ra vào tiện lợi, nhưng đầu đời Gia long lại hẹp, cát lấp nước nông có thể lội bộ qua, nhưng đến đời Gia long thứ 10, lụt to cửa biển vỡ, sau lại nông cạn, đến năm Minh mạng Quí mùi thì nước cạn đến nỗi thuyền lớn không qua được; đến năm Thiệu trị thứ 4, lụt lớn, cửa Tư hiền lại vỡ nhưng sau lại bồi lấp như trước. Ý của vua Minh mạng về cửa Tư hiền như sau trong Thánh chế thi tập như sau:

"Sự lấp mở cửa sông biển là tự tay trời, không phải dựa vào sức người.... Xét ngược lại, bản triều năm Giáp ngọ vận nước gian nan, quân Trịnh lấn vào, vua Duệ tông ta do cửa này vào Nam, Hoàng khảo Thế tổ Cao hoàng ta (tức là vua Gia long Nguyễn ánh) mới có 13 tuổi cũng cùng theo hầu; đến năm Tân dậu, đại binh lấy lại thần kinh cũng do cửa này tiến vào. Lúc ấy trẫm mới 11 tuổi cũng đi theo hầu. Thế là cái cơ thịnh suy trước sau na ná như vậy, tựa hồ có số mệnh định sẵn. Nay cửa biển vô cố nông cạn, có lẽ ý trời giúp ngầm bản triều, muốn cho cơ nghiệp bền vững, không để cho người ngoài nhòm ngó, cho nên chuyển biến như thế chăng?"

Qua sự kiện trên, ta thấy yếu tố tình cảm đã chi phối ý kiến của nhà vua vì nó nhắc ông nhớ lại tuổi ấu thơ 11 tuổi. [Nói chí tình, "dân Huế mình" bây giờ cũng vậy, tha hương vạn dặm trùng dương, dù đang ở tại những thành phố lớn huy hoàng của quốc tế, mỗi khi họ gặp nhau hay đặt bút viết, đều có luận điệu: *"nhứt Huế, nhì Sịa"*]. Qua chuyện cửa Tư hiền, ta lại thấy đất Huế đã từng bị lụt lớn nhiều lần trong nhiều thế kỷ trước đến nỗi cửa biển Tư hiền phải vỡ rồi sau lại bồi lấp!

Tuy rằng kinh đô Huế nằm vào địa thế bất lợi dễ lụt hằng năm, nhưng ta không nên hồ đồ trách cứ nhà Nguyễn! Đọc lại sử ta thấy các vua nhà Nguyễn cũng gia công trị thủy bằng cách đào nhiều sông nhân tạo để dẫn nước hay làm đập ngăn nước mặn có lợi cho nhà nông, ví dụ các sông Lợi nông (tức An cựu), sông Thiên lộc, sông Xuân hòa, sông Phổ lợi...

Ta thường nghe người ta nói về "mưa Huế", mưa buồn thúi ruột thúi gan, buồn đến nỗi thi sĩ Nguyễn Bính phải than:

Trời mưa ở Huế sao buồn thế
Cứ kéo dài ra đến mấy ngày
Gia hội thuyền kia nằm bát úp.

Chính vì cái "mưa Huế" dầm dề nên học trò đi học phải mang tơi cá, tơi đọt tùm lụp kín mít nên các chàng trai xứ Huế theo gái chẳng thấy gì ngoài các "gót son" của mấy o mà cả tá chàng còn đem ca tụng trong những vần thơ:

Theo em mô dám theo gần quá
Xa khoảng đủ bưa "nghễ gót chân"
Trắng mịn pha hồng như sáp nặn
Hồn thơ ngùn ngụt, tứ lâng lâng
(LVL)

[Nếu những cái mưa dầm, lụt lội ở Huế làm người lớn lo âu đói kém thì tụi con nít ngây thơ lại có dịp lội nước thích thú và được ăn những bữa cơm lạ miệng với cá lúi, cá cấn kho sung với tương. Nghĩ lại tôi thấy mặc cảm tội lỗi len lén trong hồn trước cái đau buồn của người lớn mà tôi dửng dưng không chia xẻ!]

Ở Huế vốn là cái đất gió mưa truyền kiếp nên các ôn mệ ở đây đương nhiên đã thu thập nhiều kinh nghiệm về khí hậu trong năm

trong sự canh tác nên có những danh từ ngộ nghĩnh về gió, về mưa:

— Về mùa xuân giêng hai thì khí trời ôn hòa ấm áp nên cây cỏ trổ hoa, cau bắt đầu ôm bẹ thì ngọn gió xuân là *"gió cau chửa"* tựa như danh từ *"lúa con gái, lúa có mang, lúa trổ đòng đòng"*;

— đến tháng 3, trời nóng dần, thỉnh thoảng có gió mạnh từ phương nam gọi là *"bão Nồm Nam"* thì dân đi sông nước phải đề phòng;

— tháng 4 tiết tiểu mãn, thỉnh thoảng có lụt;

— tháng 5, tháng 6, tháng 7 gió nồm thổi mạnh; trước ngày 7 tháng 7, có mưa lớn tục gọi là *"mưa rửa xe"*;

— tháng 8, tháng 9 khí trời mát dần, thường có mưa lũ, lại thỉnh thoảng có dông vài ba ngày mới tắt. Mùa này gió mát thổi từ sông vô nên gọi là *"gió bến"*;

— tháng 10 trong những ngày mồng 3, 13, 23 thường bị lụt, ngạn ngữ có câu: *"Ông tha mà bà chẳng tha, làm cho cái lụt hăm ba tháng mười"*. Sau lụt thì bùn đóng dơ bẩn nhưng lại có mưa mà dân Huế gọi là *"mưa rửa bùn"*;

— về mùa đông, thì có mưa nhỏ, sắc nước tối nên gọi là *"mưa tro"*.

Đại khái, trong một năm, nửa mùa thu sang mùa đông thì thường mưa nhiều; còn nửa mùa xuân về sau thường nắng nhiều.

Một năm thường có hai vụ lúa:

1) Vụ hạ: tức là tháng 10 cấy thì tháng 3 gặt;

2) Vụ thu: tức là tháng 5 cấy thì tháng 8 gặt.

Nếu lụt sớm vào tháng 7, tháng 8 thì hỏng lúa, cho nên vụ thu được dân nhà nông Huế gọi là "đánh bạc với trời", nghĩa là có cấy mà chưa chắc được ăn!

Dân miền núi rừng thì mỗi năm chỉ cấy một mùa.

Triều đình Huế ngày xưa cũng có tục thu góp những kinh nghiệm dân gian mà soạn ra 11 bài thơ ngắn ngũ ngôn tứ tuyệt gọi là *Nông ngạn* để phổ biến trong ngành canh tác. Ví dụ tục coi trời đêm trừ tịch 30 Tết, mà đoán mùa màng năm tới thất bát hay được mùa: như ngày Nguyên đán trời trong sáng thì được mùa gấp mười, còn mưa dầm lạnh thì mất mùa; mùa hè măng tre mọc đầu hướng vào bụi thì năm ấy gió to nên bất lợi cho lúa. Về tháng 6, khó có mưa; nếu có mưa thì giọt nước rất quí cho lúa nên mưa tháng sáu là *"mưa máu rồng"*, mưa này càng nhiều thì thóc gạo bội thu.

Qua những điều trên, ta thấy nhà nông Huế không những phải "trông trời, trông đất, trông mây, trông mưa, trông gió, trông ngày, trông đêm" như những nơi khác mà còn phải liều lĩnh "đánh bạc với trời":

Phải Huế — mới thấm đau lụt Huế!
Của xa người òa vỡ giữa mênh mông
Da xanh loang loáng trên giòng nước
Níu kéo nhau đi nỗi hãi hùng!
Phải Huế — mới đau từng khúc ruột
Mới nghe giá buốt lạnh mềm xương
Mới đảo điên, cửa xiêu nhà dột
Nước đầy nhà, cơm chẳng còn cơm!

Có hiểu Huế, mới hiểu thấm thía tại sao dân Huế:

Thường hay sầu trong lúc thế nhân vui,
Tâm sự nhiều mà ít hé trên môi.

Bên cạnh đặc tính về địa lý, thiên văn, người dân Huế trong vùng dân cư nói chung Bình Trị Thiên còn phải chịu ảnh hưởng về nạn nhân mãn như tiến sĩ Thái công Tụng giải thích:

Hệ sinh thái đất hẹp mà người đông. Mật độ dân cư trên đất trồng trọt thì quá lớn. Người dân xứ này phải di dân vào Sàigòn, Đà nẵng, Nha trang, Bình tuy, Phước long. Nhưng đến một lúc thì di dân chẳng hiệu quả vì tài nguyên đất là một hằng số có hạn.

Dân số càng ngày càng đông thì nẩy sinh ra một số nhu cầu căn bản: nhu cầu chất đốt, về gỗ xây cất, diện tích đất canh tác càng ngày càng nhỏ; trâu bò, dê không đủ cỏ ăn, cỏ không mọc lên kịp lại làm đất thêm một phen bị xói mòn, chưa kể dê thả lang thang vì đói ăn luôn các đọt cỏ non... Các rừng miền núi trong vài thập niên gần đây bị đốn cây

toàn bộ, cả cây lớn lẫn cây con nên rừng bị hủy diệt không còn cây mẹ để tái sinh. Càng phá rừng bừa bãi thì càng dẫn đến xói mòn, càng dễ lụt to trong khi chính quyền không có kế hoạch kiểm soát lại thêm nạn tham nhũng dung túng thêm. Rốt cuộc, người dân chịu một cổ nhiều tròng thắt siết đến le lưỡi.

Tại sao dân Huế mình thường hay hóm hỉnh nói đùa về một sự tương phản sau:

"Đất Huế không phải là nơi ở để mà thương, nhưng là chốn ra đi để mà nhớ" như mối tình nghịch lý: *"De près, je te fuis mais de loin je te suis!"* mà tôi tạm dịch:

Gần em chạy trốn em hoài,
Xa em dõi nhớ rạc rầy xác ve!

Phải chăng dân Huế đối với đất Huế — cũng như cặp vợ chồng già ở với nhau gần mãn đời — đi ra đi vô trong một mái nhà chật hẹp, hằng ngày cũng nhìn khuôn mặt của nhau khủng khẳng muốn bắt gây gổ,

— *"Ôn hay bà hãy đi mô khuất mắt cho tui khỏe cái thân"* — Ấy rứa mà thử đi vài bữa coi, chao ôi là dớ, là thương, là thiếu vắng te te đi năn nỉ trở về thiệt tội chưa tề.

Hãy nói đứng đắn thì phải chăng đất Huế là một môi trường khép kín khiến con người dễ chia xẻ với nhau một mẫu số chung về nếp sinh hoạt, về kỷ niệm ký ức, về những nét tình cảm và tư duy. Tha hương ngộ cố tri, tha hương gặp nhau là muốn nhận "bà con Huế mình" một cách thoải mái như dân Bắc trước đây gặp nhau, điều gì cũng kể lể: ngoài ta thế nọ, ngoài ta thế kia!

Đất Huế mang một sắc thái tương phản lạ lùng: Huế tuy rằng rất đẹp, rất thơ, rất cổ kính và có một chiều dầy về lịch sử và văn hóa nhưng lại giới hạn vì diện tích sinh thái, vốn hẹp lại càng ngày càng hẹp thêm, tài nguyên không đủ dung dưỡng những con dân, cộng thêm ách nước tai trời, nhân tài đào tạo ra cũng nhiều nhưng không có môi trường dụng võ, thi thố, thăng tiến... như những con rồng nằm nước cạn bị gò bó khó có dịp bay bổng! Nhưng khi xa Huế thì dân Huế lại muốn gần nhau, muốn nhớ đến quê nghèo, càng nghèo lại càng nhớ một cách dị hợm:

Những kỷ niệm thời xa xưa bừng dậy
Âm thanh ấy thoát từ câu mái đẩy
Tiếng "hò ơ" nghe đứt ruột buồn sao.
Biết mấy đau thương, cũng biết mấy ngọt ngào
Lưu luyến ngàn đời như chưa muốn dứt
(Nhớ Huế của Tô Kiều Ngân)

Không phải là chỉ dân Huế chay chính gốc có cái nét tương phản *"ở giận đi thương"* mà ngay cả những ai ngụ cư, thậm chí những người Pháp lai Huế bỏ Huế đi về Pháp cả gần nửa thế kỷ cũng muốn làm một thứ tù nhân của dĩ vãng để nhớ về Huế như bà Monique Liverset năm nay hơn thất tuần ở Paris:

Rồi một hôm, niềm mơ tôi thành sự thực:
Như lời kinh, miệng nhẩm buổi bình minh,
Tôi hân hoan — không trông mai chưa tới
Thích làm tù ôm ấp tuổi hoa niên
Để sống lại ân tình dâng đất Huế.

(— Un jour, mon rêve deviendra réalité
Comme une prière au petit matin
Ma joie n'aura pas de lendemain
Pour rester prisonnière du temps
Et revivre ce bonheur renaissant
De mon enfance près de toi: Huê!...)

Hãy nghe bà đầm lai Monique ni điện thoại nói với Nguyễn Cúc (Tiếng sông Hương Texas) sau khi bà gởi bài thơ Pháp *"Peut- être des retrouvailles!"* rằng:

"Je les ai écrits sans aucune prétention, mais avec mon coeur, car Hué est ma ville natale et le Vietnam est aussi mon pays".

(Tôi làm thơ này chẳng có tham vọng chi mà chỉ viết ra với tất cả tấm lòng tôi, vì Huế là nơi tôi chào đời và Việt nam cũng là quê hương của tôi nữa).

Các bạn nghe thấy tội chưa!

Bài thơ này tôi xin dịch ra thơ Việt với nhan đề ***"Mơ cũ đáy hồn xưa"*** (xin coi phụ lục).

Huế chính là những trang sử dệt bằng những đau thương của nước loạn canh tàn khóc bể dâu, của những thiên tai. Người dân Huế không thể không nhớ về Huế với những mất lệ lưng tròng!

Trước cơn lụt Kỷ Mão vừa qua, "Không Huế - cũng mềm lòng với Huế", huống hồ chi là những tâm hồn Huế chay thường đa cảm, đa sầu, thường nhớ về quê nghèo với mắt lệ rưng rưng. Nếu họ không làm được điều chi to tát như "cho Huế thoát cơn nguy truyền kiếp, cho tia nắng hồng đẹp Huế mai sau" chắc ít ra họ cũng ít nhiều xẻ áo, nhường cơm cho bà con xứ Huế ngõ hầu làm vơi nỗi khổ chung hiện tại!

■ ***LÊ VĂN LÂN***

Phụ lục

Peut-être des retrouvailles!...

- Un jour, mon rêve deviendra réalité:
Je retrouverai tes nuits musicales
Où le soir, sous une lune amicale,
Glissera - sous mes yeux émerveillés-
Un sampan sur ton fleuve embaumé....
- Un jour, mon rêve deviendra réalité:
Je traverserai tes forêts nostalgiques
Sous un ciel étoilé - décor magique -
Où danseront génies et dragons royaux
Fidèles gardiens de tous tes joyaux.....
- Un jour, mon rêve deviendra réalité:
Mes souvenirs, sous le soleil qui plombe
Feront ressurgir de toutes tes tombes
Ton passé glorieux, devenu légendaire,
Blessé et endormi depuis des millénaires....
- Un jour , mon rêve deviendra réalité:
Comme une prière au petit matin,
Ma joie n'aura pas de lendemain
Pour rester prisonnière du temps
Et revivre ce bonheur renaissant
De mon enfance près de toi : HUÊ!....

Monique Liverset- Guilbert

Mơ cũ đáy hồn xưa

Rồi một hôm, niềm mơ tôi thành sự thực:
Văng vẳng lại, nhạc đêm xưa lắng nghe
Chiều nghiêng đổ, dưới trăng vàng bầu bạn
Ngụy chưa tề — dụi mắt rõ mình mê:
Trôi lướt nhẹ, kìa con đò Hương thủy!
Rồi một hôm, niềm mơ tôi thành sự thực:
Nẻo chân bước, lạc rừng thơ gợi nhớ
Dưới trời sao — khung cảnh ảo huyền thay:
Bao thần linh cùng rồng thiêng xứ Huế
Nhảy tưng bừng, quyết bảo vệ thành xưa!
Rồi một hôm, niềm mơ tôi thành sự thực:
Dĩ vãng xưa — khi dương tà rụng tắt
Mở tung ra bao huyệt thẳm mồ chôn
Quá khứ cũ: Sử huy hoàng, huyền hoặc
Ôm vết thương, ngủ vùi thiên niên kỷ!
Rồi một hôm, niềm mơ tôi thành sự thực:
Như lời kinh, miệng nhẩm buổi bình minh,
Tôi hân hoan — chẳng trông mai chưa tới
Thích làm tù ôm ấp tuổi hoa niên
Để sống lại ân tình dâng đất Huế.

Lê văn Lân
chuyển ra thơ Việt

QUÊ HƯƠNG

Thomas Larget

Ta về ta tắm ao ta
Dù trong dù đục ao nhà vẫn hơn
Ca dao

Trong một dịp nào, đó chúng tôi không còn nhớ rõ, xung quanh ly nước trà, bạn bè hỏi nhau:"Trong tiếng Việt các anh thích nhất chữ nào, một chữ thôi?" Không nghĩ ngợi lâu dài, chúng tôi đã chọn chữ "Quê Hương". Chúng tôi không dùng chữ "Tổ Quốc" vì danh từ này theo ý chúng tôi, có màu sắc thiêng liêng, huyền bí, song âm thanh không êm dịu quyến rũ ấm cúng bằng chữ "Quê Hương". Không phải từ ngày sống ở xứ người, trên đất lạ, mà đã lâu rồi, vào những ngày cùng bạn bè "Xếp bút nghiên lên đường tranh đấu" có cơ hội đi nhiều nơi, lên các tỉnh lỵ vùng biên giới Việt Hoa về các làng chài ven biển miền Trung, được chứng kiến cuộc sống của người dân trong thời khói lửa, sự hy sinh xương máu của những bạn trẻ, giữa tuổi yêu đời chúng tôi đã nhận thấy ý nghĩa sâu xa kích động của chữ "Tổ Quốc". Rồi những năm gần đây, những người bạn còn sống sót, vì thời cuộc, phải lưu vong, mỗi người một phương trời, ngày về quê cũng xa dần. Chữ "Quê Hương" gợi trong chúng tôi nhiều hình ảnh âm thanh và hương nồng đặc biệt.

Hình ảnh cậu bé chạy theo con diều say gió trên đê giữa trưa hè nắng gắt;

Hình dáng người đàn bà, tóc hoa râm, ngồi vo gạo trên bờ ao, trong nắng chiều sắp đổ;

Tiếng pháo nổ giao thừa đón xuân, mừng được thêm một tuổi;

Cuối thôn chó nhà ai sủa trăng lơ lửng giữa khoảng trời đầy sao?

Khói trầm thơm tỏa trên bàn thờ những ngày cúng giỗ;

Còn bao nhiêu hình ảnh, âm vang và hương thơm khác, giờ đây làm sao kể hết!

Bạn bè bảo chúng tôi giàu tình cảm, sống nhiều về kỷ niệm. Suy ngẫm lại, nếu không có kỷ niệm, không có những tấm hình phai màu song vẫn còn phảng phất hương xưa, những nét chữ đã nhạt song vẫn còn đầy thương nhớ, thì cuộc đời nào cũng giống nhau - đều tẻ lạnh, vô vị. Thường thường nhất là khi tuổi đã xế chiều, để tự an ủi, để sưởi ấm lòng, chúng ta thường trở về sống với dĩ vãng. Cũng nhờ kỷ niệm mà người đi cũng như người ở lại vẫn còn can đảm chống đối với thời gian, mà người quả phụ còn giữ mãi màu trắng trong lòng. Giầu tình cảm không phải là yếu đuối nhu nhược. Tình cảm là đặc ân của Thượng Đế đã dành riêng cho một số người không giầu tiền bạc.

Nhiều người biết ngôi vị cái bánh ngọt ma-đờ-lên trong văn phẩm của nhà văn hào Pháp Marcel Proust (1871-1922), ít người còn nhớ đến Guy de Maupassant (1850-1893) người đầu tiên trong văn chương Pháp đã đề cập đến hiện tượng "sống lại". Trong cuốn tiểu thuyết nhan đề "Mạnh như tử thần" (1889) (Fort comme la mort), Bertin, nhân vật chánh, đang dạo chơi trong công viên

Monceau (Ba-lê quận 8) với cô bạn gái, bỗng nhiên nhận ra trong tiếng nói cô này giọng nói của người tình xưa *"rồi bao nhiêu kỷ niệm vùng sống lại, những kỷ niệm tưởng đã tiêu tan, chìm sâu vào vào quên lãng, không biết vì sao nay bỗng nhiên trở về với hiện tại"* (Bertin sentait en lui s'éveiller des souvenirs, ces souvenirs disparus, noyés dans l'oubli et qui soudain reviennent, on ne sait pourquoi). Giữa đám đông người trong cái siêu thị, trong những buổi vui đại nhạc hội đón Xuân, mỗi lần nghe giọng nói chuyên biệt của sông Hương núi Ngự, lòng lại thấy xao xuyến, con tim đập mạnh phần vì cảm xúc phần vì bâng khuâng cho số phận chua chát của kẻ lưu đày tha hương. Làm sao, trên đường lưu vong, chúng ta có thể lên tiếng hát như Baudelaire - thi sĩ Pháp thuộc thế kỷ 19

"Je ne geindrai pas comme Ovide
Chassé du paradis latin"

tạm dịch

"Tôi sẽ không than vãn như Ovide
Khi bị đuổi ra khỏi thiên đường La tinh".

Sénèque, nhà triết học La tinh, thế kỷ thứ nhất, trên đường ly hương, trong bức thư gởi Mẹ, đã viết: *"Lưu vong là gì? Là thay đổi nơi định cư sinh sống. Thật ra sống xa quê hương không có gì là quan trọng vì chúng ta là công dân thế giới, nơi nào cũng là nhà. Hơn nữa không một quốc gia nào lại không có người ngoại quốc."* Viết thế là để an ủi mẹ già song Sénèque cũng công nhận sống trên đất khách quê người là một sự kiện khó chấp nhận, nhưng cũng là quãng đường nên biết để cảm thông nỗi buồn của những người không có diễm phúc, vì lý do này hay lý do khác, phải xa quê..

Nỗi buồn xa quê khác hẳn nỗi buồn khác. Nỗi buồn của người con mất mẹ khởi phát từ con tim, đau tràn trề nước mắt. Người con tự kết tội mình chưa đền đủ hiếu thảo cho đấng sinh thành. Người mẹ mất con thấy lòng đau quạnh tựa hồ như ai cầm lấy ruột siết chặt. Đau đớn vô ngàn, không còn nước mắt để mà khóc. Nỗi buồn, nỗi đau khổ của người mẹ mất con hay người con mất mẹ cũng như những nỗi buồn khác trong cuộc đời, dần dần cũng êm dịu theo thời gian. Trái lại, nỗi buồn tha hương thường không duyên cớ, không yếu tố khêu gợi. Người xa xứ nhớ quê hương buồn vẩn vơ, trầm lặng. Mỗi ngày qua, trên xứ người, tình quê hương không phai lạt mà trái lại càng đậm đà hơn. Chúng tôi còn nhớ bài viết về quê hương đầy ý nghĩa trong sách "Quốc văn giáo khoa thư" cho con em tập đọc. Một người may mắn có dịp đi đây đi đó, thăm viếng nhiều thắng cảnh xa lạ, lúc trở về quê bạn bè tiếp đón vồn vã hỏi han:

"Bạn thấy nơi nào đẹp hơn cả."

Không một chút do dự, bạn ta trả lời ngay:
"Chỉ có quê hương là đẹp hơn cả".

Trong bài hát "Douce France" Charles Trenet cũng không nói gì khác hơn là ca tụng những nét đẹp riêng của quê hương.

Đâu đâu cũng là nhà, ở nơi nào chúng ta cũng có thể sống lập nghiệp được. Song xứ này hay xứ kia chỉ là chỗ nghỉ chân, không phải là nơi gửi con tim. Chopin (1810-1849) nhà soạn nhạc trứ danh Ba-lan, trong chúc thư, cầu xin gửi con tim mình về chôn nơi quê quán, thành phố Varsovie, còn thể xác thì để lại Ba-lê (Pháp). Ngay cả loại cá hồi (Salmon) ra biển sinh sống thế mà cũng tìm về nguồn để sinh sản và chết. Con người cũng vậy. Nguyện vọng tha thiết của mỗi người trong chúng ta là được yên nghỉ ngàn thu trên đất quê, nơi chôn nhau cắt rốn, không chết bờ chết bụi, chết đường chết xá. Đầu tháng sáu năm 99, Đức giáo hoàng Joan Paolo II trở về thăm viếng quê hương có lẽ là lần cuối nên trong mười ba ngày Người đi thăm lại cảnh cũ, nhớ lại những kỷ niệm ngày Người còn là thanh niên đầy nhựa sống chưa biết vào đường tu nghiệp. Ngày 23 tháng 7 năm qua, trên đài truyền hình Pháp, chúng ta chứng kiến nhiều gia đình tỵ nạn người Kosovo đang sửa soạn trở về nước, mặc dầu tình hình ở nơi này còn thiếu an

ninh, chưa được ổn định. Một phóng viên hỏi một người đàn bà Kosovo đã có tuổi:

"Tại sao bà muốn trở về Kosovo gấp thế? Của cải nhà cửa còn gì nữa đâu!"

Cụ già mỉm cười, nhìn người phóng viên một chốc rồi vui vẻ trả lời:

"Vì tiếng gọi của đất tổ." (C'est l'appel de Notre Terre). Thấm thoát thế mà đã hơn hai mươi năm rồi kể từ ngày, vì thời cuộc, anh em bạn bè thuở xưa tứ tán quê người. Một thế hệ mới sinh trưởng lớn lên ở hải ngoại. Một thế hệ không biết "Nhớ nhà", không có gì để nhớ. Tuy vậy vững tin vào lịch sử dân tộc, chúng tôi đặt tất cả niềm tin vào tuổi trẻ ngày nay. Vì đọc sử chúng ta phải xác nhận không có thế hệ nào đã làm xấu hổ cho tiền đồ. Không sớm thì muộn, tuổi trẻ ngày nay sẽ thấy rõ vai trò và trách nhiệm của chính mình trong tương lai đất nước.

Viết tới câu này chúng tôi thấy lòng hiu quạnh, man mác buồn như một ngày mưa trên phố vắng, nhớ lại vài câu thơ của thi sĩ Hồ Mộng Thiệp có vài lời khuyên nhủ thế hệ sinh trưởng ở xứ người

"Ngày mai thế hệ trẻ
Về dựng lại quê hương
Không lẽ thành "câm điếc"
Khi đối diện đồng hương."
Bảo tồn tiếng Việt
(Ngàn năm gửi mây bay)

Cũng nhắc lại đây câu thơ của Tản Đà (1888-1939) để các bạn trẻ có dịp ngẫm nghĩ

"Trời sinh ra bác Tản Đà
Quê hương thời có, cửa nhà thời không"

Tránh sao không nói ngược lại.
"Cửa nhà thời có, quê hương thời không"

■ ***Thomas Larget***
Ba-lê, mùa Vu lan 1999

NHỚ HUẾ

Huế ơi... Nhớ lắm... Huế ơi.
Đồng tiền, má núng, đôi môi hồng đào.

Thiếu thời, rầy ước, mai ao.
Sống già với Huế, kiếp nào cho xong.
Xứ Huế, gạo trắng nước trong.
Đi mô về đó, thong dong con người.
Non Bình, cây cỏ tốt tươi.
Sông Hương, vẫn chịu đón người như xưa.
Mấy lời ta nhắn, nhắn chưa?
Đêm đông lữ thứ, chuông chùa hết nghe.
Ngày về, cứ hẹn mai tê.
Đến tuần tuổi hạc, chán chê cuộc đời.
Ai về ta nhắn vài lời.
Nhắn rằng: "Ta vốn là người Thần Kinh".
Thương chi cho uổng công trình.
Họ về xứ họ, bỏ mình bơ vơ.
Hương giang nước chảy lững lờ.
*Ông qua bên nớ, răng chừ ông sang? **
Nước nhà gặp bước sang ngang.
Chạnh lòng cố quốc, hai hàng lệ rơi.
Đành rằng, hai đất một trời.
Hận dài mất nước, biết đời nào nguôi.
Thà rằng ngọn nước chảy xuôi.
Non sông hờ hững, khiến người thờ ơ.
Mấy người đoán được thiên cơ.
Ít ai đoán được giấc mơ cuộc đời.
Mủi lòng ta lắm Huế ơi...

Mộng Trường - Phạm Ngọc Bút (Paris)

* Ông sang Pháp, bao giờ ông trở về VN?

Nhân lễ sinh nhật 100 năm (1900-2000)

TƯỞNG NIỆM VUA DUY TÂN

Giang sơn thùy nhiệm bi thương sắc

Hương Giang Thái Văn Kiểm

Đầu năm Đinh Mão, tôi hân hạnh nhận được thiệp mời tham dự buổi lễ Cầu siêu anh linh Vua Duy Tân tại Học Viện Quốc Tế Phật Giáo (Intitut International Bouddhique) thường gọi là Pagode de Vincennes, Paris Quận 12, nhằm ngày 28 tháng 3 dương lịch 1987, nhân cơ hội di chuyển hài cốt của Vua Duy Tân từ Bangui (Cộng Hòa Trung Phi) về Paris, để rồi đem về mai táng tại Cố đô Huế.

Thiệp mời có ghi tên ông G. Vĩnh San, trưởng nam Vua Duy Tân.

Tôi tự nghĩ rằng sở dĩ ông G. Vĩnh San đã nhớ đến tôi mà gởi thiệp mời và điệm đàm, có lẽ vì ông ta biết rằng trong dĩ vãng, tại quốc nội cũng như ở hải ngoại, tôi có khảo cứu và viết về đời của vua Duy Tân, một vị anh quân yêu nước thương nòi, rất mực thông minh, nhưng sinh bất phùng thời, lực bất tòng tâm, tài bất cập trí, đành phải thất bại trong cuộc khởi nghĩa 1916 chống thực dân Pháp, rồi phải ôm hận, ngậm đắng nuốt cay trên đường tù đày biệt xứ ở đảo Réunion.

Vậy, chúng ta hãy cùng nhau tâm niệm, đốt nén hương lòng, tưởng nhớ nhà ái quốc Duy Tân, nhân lễ cầu siêu của Người, mà cùng ôn lại thân thế và sự ngfhiệp của Người, một nạn nhân của một định mệnh khắt khe.

Để cho được rõ ràng và để theo rõi, bài này gồm có hai phần chính yếu:

— Phần 1: Vua Duy Tân ở quốc nội.

— Phần 2: Vua Duy Tân ở quốc ngoại.

❄ VUA DUY TÂN Ở QUỐC NỘI

Tại trung tâm Sài Gòn, có một con đường mang tên vua Duy Tân, không rõ bây giờ còn mang tên đó chăng? Nhưng dù cho vật đổi sao dời, tên nhà vua ái quốc này vẫn còn tồn tại mãi mãi trong lòng dân Việt quốc nội cũng như quốc ngoại.

Chúng ta hồi tưởng lúc vua Đồng Khánh thăng hà tháng chạp năm Mậu Tí (1888), Bửu Lân, con vua Dục Đức, lên nối ngôi niên hiệu Thành Thái. Vua Thành Thái thông minh cũng có óc duy tân. Nhưng vua bị Chánh phủ Bảo hộ chèn ép, quần thần ưa dựa thế ngoại bang, khiến cho Triều đình không còn được kỷ cương như trước nữa, vua Thành Thái thấy mình hữu danh vô vị, lấy làm bực tức, bèn giả vờ có những cử chỉ bất thường, như tuyển đội nữ binh, cho luyện tập trong Hoàng Thành, khiến cho nhà cầm quyền Pháp lấy cớ vua bị loạn óc (Insanité), cho nên đến năm Đinh Vị 1907, vua bị buộc phải thoái vị, bị đưa an trí ở Ô Cấp (Cap Saint Jacques) ít lâu rồi bị đầy sang đảo Réunion, phía Tây Ấn Độ dương.

Thời còn trị vì, vua Thành Thái thích giả dạng thường dân dạo chơi phường xóm lân cận kinh đô.

Có một lần ngài trông thấy bà lão bán mía bên vệ đường, bèn thốt ra vè đầu của một câu đối:

Kìa mấy cây mía!

Nói lái "kìa mấy" thành "cây mía", rồi Ngài bảo các quan trong đoàn tùy tùng đối

lại. Ai đối được sẽ hậu thưởng. Lúc bấy giờ các quan luống cuống, chẳng ai đối được cả. Mãi về sau, lâu lắm, có một nhân sĩ tài ba đã đối được như sau:

Có vài cái vò.

Tánh Ngài tinh nghịch, ưa dỡn và thích trào phúng. Người đời còn nhắc lại câu này của Ngài:

Kim Long có gái mỹ miều
Trẫm thương, trẫm nhớ trẫm liều trẫm đi!

Cái óc trào lộng đó có thể che đậy một niềm tâm sự phức tạp, một nỗi lòng uất hận vô biên của một nhà lãnh đạo bị bó tay trước thời cuộc, khóc hổ người, cười ra nước mắt!

Nhắc lại, khi vua Thành Thái thoái vị, ngày xe lửa đưa vua đi vào Đà Nẵng để xuống tàu thủy vào Ô Cấp, dân Huế khóc sướt mướt, có người ra nằm ngang trên đường rầy xe lửa để cản trở!

Liền sau khi vua thoái vị, hoàng tử thứ năm tên Vĩnh San được Nam triều và Bảo hộ chọn lên kế vị, lấy niên hiệu Duy Tân. Lúc bấy giờ vua Duy Tân mới được 8 tuổi (sinh ngày 3-8-1900). Lễ đăng phong được cử hành trọng thể ngày 5-9-1907.

Tại sao cha tên Bửu Lâm mà con tên Vĩnh San? Thiết tưởng nên giải thích rằng Bửu Vĩnh đều là chữ lót, còn họ chính thống là Nguyễn Phước. Sự thay đổi cho mỗi chữ lót cho mỗi thế hệ và mỗi phòng đã được vua Minh Mạng qui định trong nhiều bài thơ ngũ ngôn tứ tuyệt, gồm mỗi bài 20 chữ, mà sau đây là hai bài quan trọng nhất:

Miên Hồng Ưng Bửu Vĩnh
Bảo Quí Định Long Trường
Hiền Năng Kham Kế Thuật
Thế Thoại Quốc Gia Xương

*

Mỹ Duệ Tăng Cường Tráng
Liên Huy Phát Bội Hương
Lệnh Nghi Hàm Tôn Thuận
Vĩ Vọng Biểu Khôn Quang

Bài thơ trên qui định cho phòng vua Minh Mạng, vốn là dòng thứ. Bài thơ dưới qui định cho phòng con cháu Hoàng tử Cảnh, vốn là dòng trưởng. Với bài thơ trên, ta sẽ nhớ rằng:

Miên Thẩm là tên vua Thiệu Trị
Hồng Nhậm là tên vua Tự Đức
Ưng Xy là tên vua Đồng Khánh
Bửu Lâm là tên vua Thành Thái
Bửu Đào là tên vua Khải Định
Vĩnh San là tên vua Duy Tân
Vĩnh Thụy là tên vua Bảo Đại
Bảo Long là con vua Bảo Đại

Cứ như thế tùy theo từng phòng mà đặt chữ lót, theo thứ tự trong bài thơ ghi trên.

Với bài thơ cuối ta nhận thấy chữ cường, như Cường Để Kỳ Ngoại Hầu, với hai chữ tắt C.Đ. Trùng hợp với giáo phái Cao Đài (viết tắt: C.Đ) là giáo phái đã chọn Kỳ Ngoại Hầu là minh chủ. Con ngài Cường Để tên Tráng Cử, Tráng Liệt, Tráng Đinh...

Trở lại thời kỳ vua Duy Tân, lúc còn thơ đã được Bảo hộ Phụ đạo (Précepteur) chuyên dạy Pháp ngữ. Ông này tên Eberhartd, tấn sĩ Khoa học, tác giả một cuốn sách cách trí gọi là Lecons de choses mà lúc nhỏ hầu hết chúng ta đều có học. Năng khiếu văn chương của Ngài bẩm sinh đã có sẵn, có thể nói là tiên thiên hữu dư, còn năng khiếu khoa học kỹ thuật của Ngài chắc là do sự dìu dắt của Giáo sư Eberhartd gốc người Nhật - Ái Nhĩ Man.

Tương truyền khi vua Duy Tân mới mười hai tuổi, một hôm ngự yến ở tòa khâm sứ cùng với viên cố đạo người Pháp, viên cố đạo này đã có tuổi, lại là người thông thạo tiếng Việt Nam và chữ Hán, thấy nhà vua tuy ít tuổi nhưng thông minh, anh tuấn, nên mới ra một câu vè câu chữ đối như sau:

Rút ruột ông vua, tam thân thiên hạ.

Chữ vương *** là vua, nếu bỏ nét dọc đi thì thành chữ tam *** . Câu này có ý nhắc đến việc chính phủ thực dân Pháp chia nước ta làm ba kỳ.

Vua Duy Tân nghe xong liền ứng khẩu nói ngay:

Chặt đầu thằng Tây, tứ hải giai huynh

Chữ Tây *** nếu bỏ đầu thì thành chữ tứ ***. Câu đối tuy không chọi lắm, nhưng cũng đã làm cho tên cố đạo đau điếng, nghe rồi tím mặt lại, không nói gì cả.

Khi Ngài lớn lên và đã bắt đầu hiểu biết sự việc thì chiến tranh Pháp Đức bùng nổ năm 1914. Các nhân sĩ thức thời muốn lợi dụng cơ hội, khai thác những khó khăn của nước Pháp, bèn tìm cách liên lạc vua Duy Tân để bày tỏ tình hình và luận bàn quốc sự. Thoạt tiên, các đảng bộ Việt Nam Phục Quốc tức tốc triệu tập hội nghị toàn kỳ để trù liệu phương cách hoạt động.

Các hội họp diễn ra tại nhà ông Đoàn Bổng, một viên thơ lại Bộ Hộ, ở đường Đông Ban (Huế), có mặt các cụ Trần Cao Vân, Thái Phiên, Phan Thành Tài, Đỗ Tư, Lê Ngung, Nguyễn Mậu, Lê Triết, Phan Phù Tiên, Nguyễn Chính (Quảng Bình),... Hội nghị muốn được chính danh, đồng thanh đưa ra khẩu hiệu *Phụng Kim Thượng vi an dân cơ sở* (rước vua Duy Tân tham gia vào công cuộc Cách mạng để yên lòng dân). Đồng thời Hội nghị phân phối công tác: các cụ Trần Cao Vân, Thái Phiên lo việc tiếp xúc vua Duy Tân, còn Nguyễn Thụy, Lê Đình Dương giao thiệp với cố đạo Bàn-Gốc để mật giao với Thiếu tá người Đức hiện đương chỉ huy quân đội Pháp đóng ở đồn Mang Cá, Huế, phần Lê Ngung thảo tờ hịch, Nguyễn Chính làm ủy viên kiểm soát...

Lúc đó, ở hải ngoại, Tòa Đại sứ Đức ở Vọng Các cũng có liên lạc với nhóm Đinh Viết Trung, tự Giáo Trung, được nhóm Nguyễn Hải Thần và Hoàng Trọng Mậu chọn làm Trung gian sứ giữa phe Cách mạng Việt Nam tại Trung Hoa với đại diện Đức tại Xiêm La. Vị này có giao cho Giáo Trung mười ngàn ticaux để hoạt động giải phóng.

Làm sao tiếp xúc được vua Duy Tân? Hai cụ Trần Cao Vân và Thái Phiên phải bỏ ra một số tiền vận động cho tài xế nhà vua thôi việc, đặng đưa Phạm Hữu Khánh, một đảng viên cách mạng vào thay.

Thế là Phạm Hữu Khánh được thâu dụng.

Một hôm, nhà vua đang đi lại trong Nội với cử chỉ bực tức, có lẽ vì hữu danh vô vị, Phạm Hữu Khánh thừa lúc đó đến quì dâng một phong thơ của Trần Cao Vân. Thơ ấy kể qua tình trạng của nước của dân với những lời lẽ lâm ly cảm khích. Đại khái trong đó có câu:

Tha Mỹ quốc hắc nô chủng tộc, ngũ thập niên du khả tự cường, huống ngô dân Hoàng Đế tử tôn, nẫm ngũ triệu khởi cam chung nhược! (Kìa nước Mỹ giòng giống rợ đen, năm mươi năm còn có thể tự cường, huống dân ta con cháu nhà Vua, hai mươi lăm triệu nỡ đành hèn yếu!)

Và câu: Thiên khải thánh minh hữu bài Pháp hưng binh chi chí. Địa sinh tuấn kiệt truất dân thảo tặc chi quyền. (Trời sinh Vua thông minh sẵn có cái chí cử binh chống Pháp. Đất sinh người tài giỏi có quyền đuổi giặc thương dân).

Đến đoạn thống trách Bảo hộ lại có câu:
Phụ hoàng Hoàng Đế hà tội kiến thiên?
Dực tôn tôn lăng hà cớ kiến quật?

(Đức vua cha của Ngài vì tội gì mà bị đầy?
Lăng tẩm vua Dục Tôn (Tự Đức) vì cớ gì mà bị bới?)

Các cụ nhắc lại việc Phụ hoàng Thành Thái bị an trí, và việc Đại Trú sứ Mahé đào mả vua Tự Đức để lấy vàng bạc châu báu. Hai câu này đã khích thích tột độ lòng bất mãn của nhà vua trẻ tuổi.

Đọc xong huyết lệ thư đó, Vua Duy Tân cảm thấy như lửa đốt tim gan, như dao cắt ruột, như máu nóng sôi sục trong thân.

Ngài tức tốc cho vời Trần Cao Vân đến bàn quốc sự. Họ đã bí mật gặp nhau nơi Hậu hồ. Mà có người cho là hồ Tịnh tâm.

Dân miền Trung thuộc lòng bài hò mái nhì sau đây của cụ Ưng Bình Thúc Giạ:

Chiều chiều trước bến Vân Lâu,
Ai ngồi ai câu ai sầu ai thảm?

Ai thương ai cảm ai nhớ ai trông?
Thuyền ai thấp thoáng bên sông?
Nghe câu mái đẩy chạnh lòng nước non!

Nhắc lại hình dáng mảnh mai của vua Duy Tân giả dạng ngư phủ để bàn quốc sự với Trần Cao Vân và các đồng chí. Cụ Thúc Gia còn cảm tác hai câu hò sau đây để diễn tả mối sầu riêng của vị anh quân hiu quạnh chèo chống trong đêm khuya sương sa gió lạnh:

Biết ở đâu là cầu Ô Thước?
Mênh mông nguyện ước, dưới nước trên trời,
Đêm khuya ngớt tạnh mù khơi,
Khúc sông quạnh vắng có người sầu riêng.
Nước đầu cầu khúc sâu khúc cạn,
Chèo qua Ngọc Trản, đến vạn Kim Long,
Sương sa gió thổi lạnh lùng,
Sóng xao trăng lặng động lòng nước non!

Trong một cuộc tuần du Cửa Tùng (Quảng Trị), ông Thượng Nguyễn Hữu Bài hỏi Ngài:

— Thưa Ngài, muốn đánh Tây lấy chi mà đánh?

— Rứa thì Thầy không biết tôi có khí giới rồi chăng?

— Tâu, ở nơi nào?

— Ở nơi lòng dân chứ mô.

Rồi lúc đi câu cá ngoài biển, vua Duy Tân ra một câu đối cho ông Thượng Bài để dò xem ý ông này ra sao:

— Ngồi trên nước không ngăn được nước, trót buông câu đã lỡ phải lần.

Ông Thượng Bài liền đối lại:

— Ngẫm việc đời mà ngán cho đời, liều nhắm mắt tới đâu hay đó!

Trong thời gian này hai ông Trần Cao Vân và Thái Phiên được vua Duy Tân ủy thác quân sự và ngoại giao, cùng với nhiều nhân sĩ khác như Lê Đình Dương (anh Lê Đình Thám), Phan Thanh Tài, Phan Hữu Khánh, Tôn Thất Đề... có nhiệm vụ huy động nghĩa binh, khởi nghĩa ở các tỉnh.

Trần Cao Vân tinh thông dịch lý thi văn, đã nhắn nhủ các đồng chí với một bài thơ lấy đề tài

Hỏa Xa Huế-Hàn 1916

Một mối xa thư đã biết chưa?
Bắc Nam hai ngả gặp nhau vừa,
Đường rầy đã sẵn thang mây bước,
Ống khói càng cao ngọn gió đưa.
Sấm dậy tứ bề trăm máy chuyển,
Phút thâu muôn dặm nửa giờ trưa.
Trời sai ra dọn xong từ đấy,
Một mối xa thư đã biết chưa?

Trong bài thơ này Trần Cao Vân nhắn các đồng chí Nam Ngãi biết rằng cuộc khởi nghĩa đúng vào giờ ngọ (nửa giờ trưa), ngày Ngọ và tháng Ngọ, tức là ngày 2 tháng 5 năm Bính Thìn (8-6-1916), nhưng về sau vì lý do khẩn cấp, phải khởi nghĩa sớm hơn một tháng, vào đêm mồng 2 tháng 4, tức là ngày 3-5-1916, vào giờ Tý (một giờ sáng).

Cuộc khởi nghĩa đã thất bại vì sự phản bội của Trần Quang Trứ, tức là Phán Trứ, cựu lính khố đỏ, thông ngôn tại tòa Khâm sứ Huế. Đồng thời cũng do sự tiết lộ của Võ Huệ, lính giản tại dinh Án sát Quảng Ngãi.

Nguyên là viên cai lính khố xanh Võ An người làng Long Phụng, phủ Tư Nghĩa hiện ngụ làng Năng An, là một đảng viên được tổ chức trong hàng ngũ cách mạng.

Vào hạ tuần tháng ba năm Bính Thìn có lệnh trên đổi Võ An đi nơi khác. Trước giờ cáo biệt Võ An đến từ giã em là Võ Huệ. Huệ bầy bữa tiệc tiễn anh lên đường, trong lúc chè chén hào hứng, Võ An bầy tỏ nỗi băn khoăn của mình về việc đảng; vì tình ruột thịt đối với em, An tỏ bầy đại khái cho Huệ nghe, và dặn Huệ đến ngày biến động ấy nên xin phép về nhà nghỉ.

Vâng lời anh ngày 30 tháng ba năm Bính Thìn, lúc hai giờ chiều, Võ Huệ vào xin viên án sát về thăm nhà. Án sát Phạm Liệu nhân đã có nghe phong phanh việc hoạt động cách mạng, nhưng chưa tìm ra manh mối, nay tình cờ Võ Huệ lại xin về nhà một cách bất ngờ, án sát Phạm Liệu sinh nghi, vặn hỏi này kia. Trước uy quyền một cụ án sát thời ấy, lính Võ Huệ trả lời luống cuống, án sát càng vặn hỏi,

dùng đến lời lẽ hăm dọa. Bí nước, Võ Huệ phải khai ra một cách úp mở. Thế là án sát ra lệnh giữ Võ Huệ lại, chờ công sứ De Tastes và tuần vũ Trần Tiến Hồi đi kinh lý ở phủ Bình sơn về sẽ đem việc ấy báo bẩm.

Được biết cơ mưu sau khi bắt và tra tấn Võ An, công sứ De Tastes đánh mật điện về cho Khâm sứ Trung Kỳ tên Charles. Khâm sứ điện đi các tỉnh lo việc canh phòng cẩn mật, nhưng tuyệt nhiên không cho chính phủ Nam triều biết.

Đêm mồng một rạng mồng hai năm Bính Thìn (3-5-1916), năm Duy Tân thứ 10, kinh thành Phú Xuân cũng như các tỉnh thành Hội An, Đà Nẵng, Quảng Trị, Quảng Bình đều hiện ra quang cảnh có vẻ khác với ngày thường, làm cho các thủ lãnh cách mạng hoài nghi, nhưng tuyệt nhiên vẫn chưa hay biết gì về việc cơ mưu đã bại lộ, nên cứ theo mật lệnh thi hành: khắp các nơi, từ các đơn vị phủ huyện, các đoàn dân quân kéo nhau đến tập trung sẵn sàng ở các địa điểm đã chỉ định, chờ nghe hiệu lệnh.

Hôm ấy vào khoảng mười một giờ đêm, vua Duy Tân cải trang theo lối thường dân, do hai ông Tôn Thất Đề, Nguyễn Quang Siêu hộ vệ ra khỏi Hoàng Thành, đến bến Thượng Bạc, trước cửa Thượng Tứ, sẵn có thuyền hai cụ Trần Cao Vân và Thái Phiên đón rước.

Nhà vua vừa đến Thượng Bạc, chưa kịp xuống thuyền thì gặp Phan Trứ, người được đảng cách mạng ủy thác công việc tuyên truyền cơ lính Bảo hộ. Sau khi gặp nhà vua và được tiết lộ ngày giờ khởi nghĩa, không hiểu vì lòng gian hoạt mưu phản của Trứ để lập chút công danh, hay Trứ đã dò nghe được manh mối từ Tòa Sứ về công việc đang bị bại lộ, sợ lụy đến mình, nên lật đật xuống đò qua sông, thẳng sang Tòa Khâm phi báo...

Đêm hôm ấy, khắp các đồn trại anh em binh lính ngồi đứng không yên, nhất là đội lính mộ ở đồn Thừa Thiên càng nôn nao bực tức vì cửa đồn thình lình bị đóng chặt, khí giới đều bị tước sạch, lấy chi mà làm hiệu lệnh xuất quân? Không có súng lửa, làm sao đốt lửa ở đèo Hải Vân để báo hiệu cho Quảng Nam, Quảng Ngãi?

Khi được Phan Trứ báo tin, Đổng lý văn phòng tòa Khâm tên Le Fol được lệnh của Khâm sứ Charles, cùng đi với võ quan sang thành nội tìm kiếm nhà vua, thì quả thật Hoàng cung bỏ trống, lật đật truyền báo Cơ mật và Lục Bộ hay, thì tất cả triều đình đều kinh ngạc, ngơ ngẩn nhìn nhau, tưởng như một giấc chiêm bao! Lệnh tầm nã đã được truyền ra khắp nơi, đặc biệt về hướng Nam kinh thành, vì có mật ngài và đoàn tùy tùng về làng Hà Trung, tức là Chuông, với ý định sẽ sang ghe bầu vào Nam Ngãi, nhưng tới đó thì ngài đổi ý kiến, vì chờ mãi đến ba giờ đêm vẫn yên lặng, không nghe hiệu lệnh gì cả, thế là việc lớn không thành.

Ngài truyền lệnh cho thuyền về Huế, rồi ngài lên bộ về phía Nam Giao và ẩn náu trong chùa Thuyền Tôn nghỉ tạm một đêm. Nhưng sáng sớm tinh sương, lúc bừng mắt dậy đã thấy lính Pháp vào vây ngôi chùa kín mít, không thể nào thoát thân được.

Lúc gặp ngài, viên Đổng Lý Le Fol hỏi:

— *Eh bien, Sire, Vous avez fini cette randonnée?* (Thế nào, Hoàng Thượng du hành đến đây là hết rồi chứ?)

Vua Duy Tân nhún vai, cũng đáp lại bằng tiếng Pháp:

— *Hélas! Vous ne pouvez pas comprendre!* (Than ôi! các ông chẳng hiểu được đâu!)

Ngay lúc ấy, Trần Quang Trứ, cùng đi với hai ông Le Fol và chánh mật thám Léon Sogny, đến trước mặt vua:

— Tâu Bệ Hạ, tôi là người cùng với Trần Cao Vân đã hội kiến Ngài đêm mồng hai, Ngài còn nhớ chăng?

Vị vua 17 tuổi, từ nẫy giờ vẫn giữ nét mặt điềm nhiên, lạnh lùng nhìn tên Trứ bằng cặp mắt khinh bỉ:

— Phải, ta nhớ mặt mi, đồ phản quốc!

Sau đó, Le Fol bảo người chạy kiếm một chiếc kiệu và một cây lọng để rước vua Duy Tân xuống xe hơi đậu dưới đường cái lớn, ở chân đồi Nam Giao. Nhà vua làm thinh, nghiêm nghị từ chối kiệu và lọng, lủi thủi đi bộ đến xe hơi. Theo sau là Le Fol, Sogny và đoàn tùy tùng.

Đúng 10 giờ sáng ngày 6-5-1916, xe đưa nhà vua đến Tòa Khâm, Ông Charles mỉm cười bắt tay ngài:

— *Eh bien! vous êtes content de votre équipée?* (Này, Bệ Hạ có bằng lòng cuộc dụ ngoạn chứ?)

Vua Duy Tân trả lời sẵng bằng một câu tiếng Pháp:

— *Non! Puisqu'elle n'a pas réussi!* (Không! Bởi vì nó đã thất bại).

Từ đó vua Duy Tân không nói thêm một lời, ngậm bồ hòn làm ngọt. Ngài giữ thái độ một vị anh hùng qui mạt lộ, cho tới khi bị đầy qua đảo Réunion, gần Mã Đảo, Phi Châu. Ngài có ghé lại Vũng Tàu (Ô Cấp) thăm vua cha là đức Thành Thái đang bị giam lỏng tại đây. Ngài bị phụ hoàng rầy la: *Tại sao không cho biết trước kế hoạch khởi nghĩa.* Ngài cúi đầu không hở miệng nói một câu.

Nói về vụ án Duy Tân. Học bộ Thượng Thư Hồ Đắc Trung là người đã được ủy nhiệm thảo bản án, đã tìm mọi cách để gỡ tội cho vua Duy Tân, sau khi nhận được câu đối sau đây của Trần Cao Vân, trối trăn nhắn nhủ trước khi lên đoạn đầu đài tại An Hòa, phía tây kinh thành Huế:

Trung là ai? Nghĩa là ai? Cân đai võng lọng là ai? Thà để cô thần tử biệt!

Trời còn đó,! Đất còn đó! Xã tắc sơn hà còn đó! Mong cho Thánh Thượng sinh toàn!

Tuy vậy, trong bản án này, triều đình Huế vẫn phải chiều lòng chính quyền Bảo hộ, đành thêm mấy câu sau đây, một câu kết án vua Duy Tân: *Vọng thính sàm ngôn, khuynh nguy xã tắc* (nghe theo lời dua nịnh, làm cho xã tắc khuynh nguy), và một câu kết tội các nhà cách mạng giục vua xúi dân gây nên cuộc chính biến:

Thủy nhi Hậu hồ thùy điểu, thiện tả chiếu văn,
Nhị Thương Bạc đình thuyên, yêu nghinh Thánh giá
Hà Trung Mạch phạn, Ngũ phong kê thang, Thánh thể phong trần, giai bỉ bối vi chi tội nghiệt!

(Ban đầu buông câu ở Hậu hồ, chuyên quyền tả lời chiêu,

Kế đến đậu thuyền bến Thượng Bạc, đón rước nhà vua.

Thiết vua cơm nếp làng Hà Trung, cháo gà núi Ngự,

Mình rồng phải chịu giãi dầu gió bụi, tội nghiệt ấy đều bởi bọn kia gây ra!)

Hai chữ *mạch phạn* cũng có thể dịch là cơm gạo tẻ, cơm bắp (ngô), cơm lúa mạch (sorgho), hai chữ này xuất sinh từ trong sử Tàu, thời Đông Hán, lúc Quang Vũ cử binh đánh Vương Mãng, bị quân Vương Mãng đuổi chạy đến sông Hồ Đà, trước tình cảnh bại binh, lương thảo hết sạch, vua Quang Vũ nhờ có dân gian dâng cơm bắp đỡ lòng... vì thế mới có bốn chữ *Hồ Đà mạch phạn* để mô tả nỗi gian lao khổ cực của nhà vua trên đường mưu đồ phục quốc. Tôi dịch cơm nếp vì làng Chuông sản xuất thứ nếp dùng làm bánh chưng, bánh tét thơm ngon danh tiếng.

Cuộc điều tra sau này cho biết rằng vua Duy Tân muốn lợi dụng việc thành lập nhiều tiểu đoàn lính khố đỏ, đang tập trung tại Huế, chờ ngày đưa sang Pháp đánh với Đức. Để phát động phong trào giải phóng sớm hơn một tháng, không theo bài thơ của Trần Cao Vân đã chọn tam ngọ là ngày lành tháng tốt. Kế hoạch khởi nghĩa đã được thảo luận và quyết định một năm trước, bằng cớ là sở Liêm phóng Pháp có tìm thấy tại Nội cung, giấu dưới một viên gạch, một sắc chỉ đề ngày 5-5-1915 của vua Duy Tân chỉ định các tướng lãnh phân công tác trong số đó có Nguyễn Đức Công tức Hoàng Trọng Mậu, được giao phó chức vụ Tả quân chánh soái, Tổng tham mưu trưởng kiêm Chỉ huy trưởng tỉnh Hà Tĩnh. Hoàng Trọng Mậu cùng với Nguyễn Cầm Giang, tức là Trần Hải Thần, là những người chỉ huy đánh đồn Tà Lùng hồi tháng 3 năm 1915, trước cuộc khởi nghĩa Duy Tân một năm.

Tới đây chúng ta đã duyệt qua thời kỳ quốc nội của vua Duy Tân, dòng dõi vua Thành Thái, đồng chí hướng cứu nước thương dân, chí thành thông thánh, hương mãn càn khôn linh Việt địa. Rồi chúng ta sẽ cùng nhau ôn lại những quãng đường chìm nổi đắng cay của vua Duy Tân nơi hải ngoại.

❋ *VUA DUY TÂN Ở HẢI NGOẠI*

Trước hết tôi xin trích một đoạn văn trong hồi ký (Mémoires) của Tướng de Gaulle, quyển 3, trang 220, như sau:

Aux fins qui pourraient être utiles, je nourris un dessein secret. Il s'agit de donner à l'ancien empereur Duy Tân les moyens de reparaitre, si son successeur et parent Bảo Đại se montre, en définitive, dépassé par les événements. Duy Tân, détrôné en 1916 par l'autorité française, redevenu le Prince Vĩnh San et transféré à la Reunion, a néanmoins, au cours de cette guerre, tenu à servir dans notre armée. Il y a le grade de commandant. C'est une personalité forte. quelque trente années d'exil n'ont pas effacé dans l'âme du peuple annamite le souvenir de ce souverain. Le 14 Décembre (1945), je le recevrai pour voir avec lui, d'homme à homme, ce que nous pourrons faire ensemble. Mais quelles que soient les personnes avec qui mon gouvernement sera amené à conclure les accords, je projette d'aller moi-même les sceller en Indochine dans l'appareil le plus solennel quand le moment sera venu.

Đoạn văn này, tôi xin thoát dịch như sau:

"Để sử dụng khi cần, tôi hằng nuôi dưỡng một ý đồ bí mật. Tức là cho cựu hoàng Duy Tân phương tiện tái xuất hiện, nếu người kế vị và bà con là Bảo Đại tỏ ra, rốt cuộc, không còn thích hợp với thời cuộc. Duy Tân tuy bị phế đế năm 1916 bởi nhà cầm quyền Pháp, trở thành Hoàng tử Vĩnh San và bị đưa sang đảo La Réunion; tuy vậy đã quyết tâm, trong trận chiến này, phục vụ trong quân đội chúng ta với chức vụ Thiếu tá. Đó là một nhân vật đầy nghị lực. Khoảng ba mươi năm trích lý không làm phai mờ kỷ niệm vị anh quân trong tâm hồn Việt Nam. Ngày 14 tháng chạp dương lịch này (1945), tôi sẽ tiếp cựu hoàng để cùng xem xét, giữa người với người, những gì chúng tôi có thể chung sức làm được. Tuy nhiên, dù sau này chính phủ của tôi sẽ phải thỏa hiệp với những nhân vật nào chăng nữa, tôi cũng trù định tới dịp sẽ đích thân sang Đông Dương để củng cố thỏa hiệp với những nghi thức thật long trọng.

Độc giả sẽ hỏi sao những dự tính của tướng De Gaulle đã không thực hiện được, đó là điều thắc mắc mà chúng ta sẽ cố gắng làm sáng tỏ trong đoạn sau. Bây giờ, tôi xin nhắc lại một câu tâm sự của cựu hoàng Duy Tân với người bạn chí thiết là ông E.P. Thébault, Tiến sĩ Luật khoa, nguyên là Chánh văn phòng Thống đốc La Réunion, cựu Cố vấn Tối cao Pháp viện Madagascar, tâm sự về cuộc khởi nghĩa năm Bính Thìn 1916 như sau:

... Alors, j'ai lassé déclencher cette révolte: et ce ne fut qu'un feu de paille... et dès qu'il fut clair qu'elle ne pouvait réussir, je me suis laissé faire prisonier, sans chercher ni à me défendre, parce que je savais que mon arrestation amènerait la fin de toute cette agitation et de toute répression sanglante. Et j'ai tout pris à mon compte. J'y ai perdu mon trône, mais j'ai sauvé l'honneur...

(Thế rồi tôi đã phải phát khởi cuộc nổi loạn: và đó chỉ là ngọn lửa rơm... và khi đã rõ ràng sự việc bất thành, tôi đã để cho họ bắt làm tù nhân, không trốn chạy mà cũng không chống cự, vì tôi biết rằng việc bắt tôi sẽ chấm dứt mọi sự rối ren và mọi cuộc đàn áp đẫm máu. Trong biến cố này, tôi đã mất ngôi, nhưng tôi đã cứu được danh dự...)

Sau khi bị bắt đưa về Tòa Khâm, rồi đưa vào đồn Mang Cá, cựu hoàng Duy Tân đã bị đầy qua đảo La Réuion trong Ấn Độ Dương, phía Đông Nam Phi Châu. Ngày 3 tháng 11 năm 1916, Ngài đáp tàu thủy Guediana cùng với mẹ, vợ, em gái và một người hầu hạ. Cùng đi trên chuyến tàu này có Cựu Hoàng Thành Thái, thân phụ, nhưng hai người tuyệt nhiên không gặp nhau trong chuyến đi này.

Ngày 21 tháng 11 năm 1916, Thái tử Vĩnh San đến hải cảng Saint Denis, thủ phủ của đảo La Réunion. Vừa tới nơi ngài lâm bệnh, liền được đưa đi điều dưỡng tại vùng Helbourg, sau lại trở về Saint Denis cư ngụ tại một biệt thự nơi góc hai con đường Jules Auber và Labourdonnais tại trung tâm thành phố.

Cả gia đình sống với số tiền trợ cấp hằng năm là 35.000 ngàn quan của chính phủ Pháp. Sau một thời gian sống kham khổ, mẹ, vợ và em gái không chịu nổi, bèn xin trở về Việt Nam với sự thỏa thuận của Thái tử. Thế là từ đó Thái tử sống cảnh cô đơn nơi đất khách:

Quê người đành gởi thân trăm tuổi,
Cuộc thế mong gì nợ bốn phương.

Nơi đảo vắng, người cảm thấy như đang sống dật dờ trong một thế giới biệt lập thờ ơ, tâm linh ray rứt, thân thể bình bồng như hoa trôi bèo giạt, chẳng biết nương tựa vào đâu. Trong khi đó, hình dạng quê hương vẫn ám ảnh, chập chờn, lãng đãng gần xa, như kêu gọi, thách thức người anh hùng qui mạt lộ. Lại thêm, tin tức quê nhà ngày càng vắng vẻ, khiến người cảm thấy bị lãng quên, bị cô lập hoàn toàn. Và cứ như thế, những năm tháng lạnh lùng trôi qua trên cô đảo, hết xuân sanh, hạ trưởng, đến thu liễm đông tàn, cuộc thế xoay vần lãnh đạm như không hề đoái thương con người khí khái. Nhiều khi dạo chơi trên bãi biển cho khuây khỏa tâm lòng, người tự ví mình như:

Dã tràng xây cát bể đông,
Nhọc nhằn mà chẳng ra công cán gì!

Rồi mỗi độ xuân về, người không khỏi nhớ tới bài Xuân vọng của Đỗ Phủ:

Quốc phá sơn hà tại,
Thành xuân thảo mộc thâm.
Cảm thời hoa tiễn lệ,
Hận biệt điểu kinh tâm.
Phong hỏa liên tam nguyệt,
Gia thư để vạn kim
Bạch đầu tao cánh đoản,
Hồn dục bất thăng trâm.

Người ngóng xuân để nhớ đến nước bị tàn phá, nhưng sông núi hãy còn. Trong thành xuân, cỏ cây mọc đầy và hoa rơi lệ vì cảm thương thời thế. Loài chim sợ hãi vì mối hận biệt ly. Khói lửa liên miên trong ba tháng. Thư nhà đưa đến, quý báu như muôn vàng. Trong lúc buồn phiền, người xoa đầu bạc, thấy tóc ngắn vì rơi rụng, so le, không thể chải chuốt, cài trâm chi được!

Bài thơ tuyệt tác này đã được học giả Trần Trọng Kim dịch ra như sau:

TRÔNG XUÂN

Nước phá tan, núi sông còn đó,
Đầy thành xuân, cây cỏ rậm sâu.
Cảm thời hoa đỏ dòng châu,
Biệt ly tủi giận, chim đau nỗi lòng.
Ba tháng khói lửa ròng không ngớt,
Bức thư nhà, giá đắt bạc muôn.
Gãi đầu tóc bạc ngắn ngun,
Dừng như hết thảy, e khôn búi tròn.

Cũng bài thơ này giáo sư Trần Trọng San đã dịch lưu loát như sau:

NGÓNG XUÂN

Nước tàn, sông núi còn đây,
Thành xuân cây cỏ mọc đầy khắp nơi
Cảm thời hoa cũng lệ rơi,
Lòng chim cũng sợ tình đời bắc nam.
Lửa binh ba tháng lan tràn,
Thư nhà đưa đến, muôn vàn chắt chiu.
Xoa đầu tóc bạc ngắn nhiều,
So le, phơ phất, khó điều cài trâm.

Trở về với Thái tử Vĩnh San, người trở lại với đèn sách, chuyên cần học tập với ngành điện tuyến (radio-électricité), đàn vĩ cầm (Violon), cỡi ngựa du lãm khắp đảo nhằm

quan sát cuộc sống của nhân dân địa phương. Thỉnh thoảng Thái tử tham gia ban Đại nhạc của thành phố Saint Denis, lấy tiền giúp quỹ từ thiện.

Mười ba năm sau, năm 1929, thái tử làm bạn với cô Fernande Antier cho tới năm 1938, kết quả được bốn đứa con: một gái sinh ngày 6- 9-1929, ba trai sinh ngày 31-1-1933, ngày 8-4-1934 và ngày 8-4- 1938. Sau này Thái tử làm bạn với một thiếu nữ khác tên Marie Ernestine Maillot và có thêm một con gái sinh ngày 1-12-1945. Tất cả năm người con này đều được Tòa án Saint Denis ký nhận mang tên Vĩnh San ngày 22 tháng 7 năm 1946. Tại nhà riêng Thái tử đã kiến tạo một đài phát thanh và thu thanh khá mạnh, lại mở thêm một xưởng sửa chữa máy thu thanh cho tư nhân, lấy bảng hiệu:

RADIO - LABORATOIRE VINH SAN
41 rue Labourdonnais. Tél. 2.09
Appareillage radio-électrique.
Dépannage - Réparation

Thái tử rất tinh thông nghành Điện học, đã viết nhiều bài chuyên khảo trong các tạp chí kỹ thuật đương thời và sau đó nhà cầm quyền đảo La Réunion đã nhờ ngài kiến tạo một đài phát thu âm thanh chính thức cho Đảo. Về việc này Tiến sĩ Thébault đã viết như sau:

Le Prince Vinh San se livrait avec ferveur à l'étude des sciences et notamment de la radio-électricité: il avait très vite acquis des connaissances étendues en la matière et s'était construit un puissant appareil émetteur-récepteur. Pour augmenter ses ressources, il songea à mettre à profit ses connaissances en ce domaine et à monter un atelier, un laboratoire òu il va réparer tous les postes que les particuliers voudront bien lui confier: au rez-de-chaussée de son habitation, il ouvre un magasin et l'on voit apparaitre un papier commercial avec ce modeste en-tête...

Il acquiert vite en ce domaine une telle compétence que des revues spécialisées pour les sans-filistes amateurs publient des articles et des études purement techniques rédigées par lui, et même le gouvernement de la Réunion le chargera de construire le premier poste émetteur-récepteur officiel de l'ile.

Nhờ có sẵn đài thu thanh khá mạnh trong nhà mà Thái tử Vĩnh San đã nghe được lời hiệu triệu lịch sử của Tướng De Gaulle đã được đài BBC quảng bá ngày 18-6-1940. Thái tử cảm súc tột độ trước tấm gương ái quốc của Tướng De Gaulle, bèn quyết tâm theo phe De Gaulle, hợp tác với lực lượng Tự do Pháp (Forces Françaises Libres), đứng đầu nhóm trí thức thân De Gaulle tại đảo Réunion. Nhà của Thái tử là nơi nhóm họp để nghe tin tức của nước Pháp Tự Do (France Libre) do các đài BBC Luân Đôn, đài Brazzaville và đài Alger phát đi, đồng thời cũng là nơi thu thập tin tức nội địa để chuyển đi qua làn sóng điện cho các căn cứ kháng chiến hải ngoại Pháp.

Nhưng chẳng bao lâu thì nhà cầm quyền Réunion, mà đại diện của chính phủ Vichy là Thống đốc Pierre Aubert, e ngại những hoạt động của nhóm Vĩnh San và nhất là đài vô tuyến đường Labourdonnais, bèn ra lệnh bắt giam Thái tử bởi quyết định số 880 ký ngày 7 tháng 5 năm 1942, mà nội dung như sau:

Décision No 880 - Article 1: Est prononcé, à compter de la date de la présente décision, l'internement administratif dans le bâtiment visé au paragraphe B de l'arrêté No 1659 du 19 Novembre 1940, du sieur Vinh San, né à Hué (Annam) le 3 Aout 1900, fils de Buu Lân et de Nguyen Thi Dinh, résidant à Saint Denis.

Saint Denis le 7 Mai 1942
Signé: Le Gouverneur P. Aubert

Thế là hai tên sơn đầm dẫn Vĩnh San tới trại phòng dịch (lazaret) của bệnh viện Saint Denis, được tu bổ thành nhà giam. Vĩnh San ở đây sáu tuần cho tới ngày 9 tháng 6 năm 1942 thì được trả tự do bởi quyết nghị số 11436-C. Nhưng mà, tiếc thay, tất cả máy móc và dụng

cụ cơ sở điện tuyến tại nhà riêng đã bị tịch thu hoặc đập phá.

Tuy vậy, khi về nhà, Thái tử đã lập tức ráp một cái máy thu thanh mới để nghe các đài hải ngoại, truyền bá tin tức trong đảo, nhưng không còn phát thanh ra ngoài được nữa.

Về sau này, khi đảo Réunion đã quy thuận Tướng De Gaulle, tân Thống đốc Capogorry đã long trọng trao Huy chương Kháng chiến của Tướng De Gaulle cho Thái tử Vĩnh San, do sắc lệnh ngày 28 tháng 12 năm 1944 và báo Le Figaro có lược thuật trong số ấn hành ngày 23-3-1945. Liền sau đó Thái tử có gởi thơ riêng cảm ơn Tướng De Gaulle, như một bằng chứng "anh hùng tương ngộ, hiệp sĩ tao phùng" hiếm có trên đời này.

Tháng 6-1945, Thái tử được mời sang Pháp. Tháng 7 sang Đức, tháng 10 trở lại Paris và vấn đề hồi hương chấp chánh đã được đặt ra. Tháng 12 ngày 14 là ngày hội kiến giữa Tướng De Gaulle và Thái tử Vĩnh San. Trong buổi hội kiến này, hai người đã đề cập đến thể chế tương lai của Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng. Lập trường của Thái tử là thống nhất ba kỳ, nước Việt Nam được tự trị rộng rãi để tiến dần tới độc lập, ban bố một Hiến pháp công nhận chế độ quân chủ lập hiến trong đó dân quyền được tôn trọng. Lập trường này không được các giới thực dân, bảo thủ, tư bản đế quốc tán thành. Họ đã cấu kết đả phá giải pháp Duy Tân, cản trở kế hoạch của Tướng De Gaulle, đồng thời họ đưa ra lá bài Bảo Đại, lúc bấy giờ đã chuẩn bị đi Côn Minh, tới Hương Cảng tạm trú để chờ thời, sau khi rời bỏ chức vụ bù nhìn Tối cao Cố vấn của chính phủ Hồ Chí Minh tại Hà Nội.

Trước đó, ngày 10-6-1945, trên đài Brazzaville, cựu hoàng Duy Tân đã gởi lời Hiệu triệu nhân dân Việt Nam hãy đón chờ minh quân sắp hồi hương góp phần với quốc dân đồng bào xây dựng một nước Việt Nam tân tiến và phú cường. Ngài mở đầu lời hiệu triệu bằng câu sau đây:

"Các người hãy nhận rằng, trước khi mặt trời lặn, một con chim đen, ai cũng biết là con chim khách, đến kêu trước song cửa sổ nhà các người, rồi các người sẽ tự hỏi không biết khách nào đã đến vậy. Thì đây, chính là ta đó, người lão thành này đã từng suy nghĩ giúp các người. Từ lâu, từ lâu lắm, nay là lần đầu tiên ta mới nói chuyện cùng các người nếu giọng ta không được trong lắm, chính vì nó đã đượm tình thân ái sắt son của chúng ta đối với nhau."

(Convenez-vous un peu, qu'avant le coucher du soleil, un oiseau noir, vous savez celui qui annonce une visite, est venu crier sur une branche de bambou jaune qui est devant votre fenêtre. Vous vous êtes demandés qui devait venir? Eh bien! C'est moi, le vieux sage qui a médité pour vous. C'est la première fois, depuis longtemps, que je vous parle, et si ma voix n'est pas très claire, c'est qu'elle est voilée de toute la tendresse que nous avons les uns pour les autres).

Con chim đen kia là hình ảnh của cựu hoàng Duy Tân, con chim khách báo tin, nhưng đây là một tin chẳng lành cho dân ta, bất hạnh cho nước nhà, là vì ngài đã bỏ mình trong một tai nạn máy bay, hồi 18g30 ngày 26 tháng 12 năm 1945, rớt xuống cạnh làng Bossako, tổng M'Baiki, hạt Lobaye, địa phận Oubangui-Chari, nay là Cộng hòa Trung Phi (République Centrafricane).

Nguyên là sau khi hội kiến với Tướng De Gaulle, ngài rời Paris ngày 24-12 trên một chiếc máy bay Lockheed Lodestar C60, mang số F-BALV, thuộc Réseau des Lignes Aériennes Françaises, khai thác con đường Pháp- Algérie- Madagascar. Máy bay này rời Alger đến Fort Lamy ngày 26-12, rời Fort Lamy lúc 13g50 để đi Bangui. Khi đến trên không phận Bangui, phi công bay quanh một vùng từ 50 đến 200 cây số, tìm phi trường nhưng tìm chẳng ra. Phi công nhận thấy còn rất ít xăng, bèn bay ngược về phía bắc để tìm một khoảng đất rộng rãi mà đậu, nhưng chẳng may, vì khói đốt rẫy của dân miền núi, máy bay không thấy rõ rừng rú, vướng phải

cây cao mà rớt xuống tan tành. Tất cả chín người trên máy bay đều tử nạn.

Nguyên là thái tử Vĩnh San muốn về đảo Réunion để thăm gia đình rồi trở qua Paris, trước khi về Việt Nam chấp chánh theo kế hoạch của Tướng De Gaulle. Nhưng định mạng khắt khe an bài cuộc đời của người nơi rừng sâu núi rậm của Phi Châu. Hồi đó, nhiều giới thắc mắc về cái chết đột ngột của cựu hoàng Duy Tân. Người ta đưa ra nhiều giả thuyết trong đó có thể có sự cấu kết của thực dân đế quốc, đồng thời cũng có thể có sự nhúng tay vào của cơ quan tình báo Anh mệnh danh là Intelligence Service, vì chính quyền Anh hồi đó có bắn tin cho Tướng De Gaulle — và cho cả cựu hoàng Duy Tân — không muốn cựu hoàng trở về Việt Nam, có lẽ họ ngại rằng giải pháp Duy Tân sẽ biến thành vết dầu loang đem lại độc lập cho các dân tộc vùng Đông Nam Á, trong đó còn nhiều quyền lợi của đế quốc Anh. Cựu hoàng đã tiết lộ với Tiến sĩ Thébault đêm 17-12-1945 rằng họ sẵn sàng biếu ba mươi triệu quan nếu ngài bỏ hẳn dự tính hồi hương...

Sau khi đã lược thuật cuộc đời và sự nghiệp của vua Duy Tân, chúng ta tự nhủ: nếu không xảy ra tai nạn máy bay, vua Duy Tân về nước năm 1946, hoặc những năm sau đó, thì vận nước ta sẽ khác hẳn bây giờ! Để kết thúc bài này, chúng tôi xin chép lại đây bài thơ của cụ Huỳnh Thúc Kháng cảm khái về cuộc khởi nghĩa Duy Tân:

Ăn lộc phường kia có thấy không? 2
Rừng khe thầm kết những anh hùng.
Lệnh trời chiếu báo vừa ban xuống, 3
Quỉ khốc thần reo khắp núi sông.
Xoay trời chuyển đất thử ra tay
Minh Trị, Duy Liêm cũng bực này. 4
Hùng đoán dẫu rằng công việc hỏng,5
Hiệu Duy Tân mới thực không sai.
Một nước cờ sai, cả cuộc xong,
Chín năm ngôi báu bỏ như không,
Trong ngoài tôi tớ còn nguyên đó,
Hai bác dân theo đến bước cùng. 6
Đứt ruột Cần Môn ngọn sóng chiều, 7
Lần này hoang đảo lại buồn thiu. 8
Mười năm nào khách mài gươm tá?
Trong vỏ từng nghe tiếng kiếm reo.
Sao chim gió lặng cảnh buồn teo,
Núi khóc rừng rên vắng cọp beo.
Một thớt đầu lô, đầy bụng huyết, 9
Bên Trà-Sơn giận sóng thường reo. 10
Xin sưu tuồng nọ lớp vừa tan,
Tấn kịch duy tân lại mở màn.
Rừng núi khi nào người hết được,
Anh hùng há phải bọn quan sang!

Chúng tôi xin phép kết thúc bài này với một lời than của một thi sĩ Pháp mà phương danh là Guyau: *Y a-t-il de par le monde une larme qui semble naitre de rien?* Có chăng trên thế gian này một giọt lệ mà tưởng chừng như phát xuất từ chỗ Vi-không? Đại ý nhà thơ muốn nói rằng những giọt lệ âm thầm chính là những giọt lệ nặng nề và đau thương nhất! Và xin thêm vào một lời than của một nhà tân học thâm nho Nguyễn Văn Định:

Giang sơn thùy nhiệm bi thương sắc?
Cảnh phụ tài hoa phụ trái thâm!

Giang sơn ai nhuộm mầu tê tái?
Cho kiếp tài hoa chịu nợ nần!

Paris, Tân Niên Thế Kỷ XXI
(1er Janvier 2000)

■ ***Hương giang THÁI VĂN KIỂM***

1- Long Phụng là quê quán của thống tướng Lê Văn Tỵ

2- Phường quan lại 3- Bài chiếu viết vào vạt áo

4- Vua Nhật Bản có công duy tân nước này, vua Guillaume nước Đức.

5- Sự quyết đoán hùng dũng

6- Chỉ Trần Cao Vân và Thái Phiên

7- Cần Môn là Ô Cấp, nơi vua Thành Thái (cha vua Duy Tân) bị giam lỏng trước khi bị đầy sang đảo Madagasca.

8- Đảo Réunion.

9- Đầu lâu.

10- Bến trà: quê ông cử Sụy, một người liên can vào cuộc chính biến, đã tự tử trước khi bị hành hình.

*

QUÁN CƠM ÂM PHỦ Ở HUẾ

Nguyễn Hữu Thứ

LTS: *Trong T.T. Nhớ Huế số 10, chúng tôi có đăng bài "Cơm Âm Phủ" của Gs Trần Kiêm Đoàn. Lần này là một bài phóng sự đặc biệt "Cơm Âm Phủ ở Huế" của Gs Nguyễn Hữu Thứ. Tác giả trước khi về Huế hứa sẽ tìm chi tiết rõ ràng để viết thêm về quán cơm lấy tên là Âm Phủ và sau đây là sự cố gắng ấy.*
TTNH

Người dân Huế, ai cũng biết quán cơm Âm Phủ. Có du khách từ xa đến cũng biết có nhà hàng ăn có tên kỳ quặc đó. Nó nổi tiếng đến nỗi có người nhắc đến trong bài vè. Vè là một thể văn vần dân gian để thuật lại một chuyện buồn, dân Huế thuộc bài *"Thất Thủ Kinh Đô"* nhắc lại chuyện ông Tôn Thất Thuyết lượng không đúng sức mình, sức địch, mở ra trận đánh đêm 22 rạng 23 tháng năm Ất Dậu (4-5.7.1885), làm nhiều người chết, tài sản bị thiệt hại và làm cho đoàn quân Viễn Chinh Pháp cầm hết quyền cai trị.

Dân Huế cũng hay nghe trước đây cụ Bốn nói vè *"Cô Thông Tầm"* ở Gò Bồi (nơi có Nhà Truyền thống Thi sĩ Xuân Diệu) đã bị anh phu xe xích lô giết song hồn cô đã hướng dẫn việc tìm ra thủ phạm...

Người ta cũng đặt vè về chuyện tiếu lâm như bài *"Vè Xứ Huế"*, đăng trong Giai Phẩm Xuân Mậu Dần, 1998 của Hội Ái Hữu Q.H. Đ.K. Bắc California nói về cái quán, tiệm, nhà hàng ăn ở Huế, xin trích một đoạn:

Chừ ta với Huế ngàn trùng
Niềm thương nỗi nhớ, ai cùng biết cho
Nhớ qua mấy tiệm bún bò,
Bún gân mụ Rớt, bún bò cây xăng
...Muốn ăn xôi nếp gởi gà
Ghé qua Gia Hội, gần nhà Châu Tinh.
Muốn ăn cơm đĩa trữ tình,
Có quán Âm Phủ, ma rình phía trong.

Tác giả bài đó là "Mệ" Bửu Thụ, hiện ở Turlock, California cũng nổi tiếng như Quán Âm Phủ vì có người anh là Bửu Tu, phụ trách về X Quang ở B.V, vì có người cháu là Vĩnh Hùng (con ông Bửu Tu) là một trong những nhạc sĩ dương cầm giỏi ở Huế, và vì chính "mệ" cũng làm M.C. và nói *"Vè xứ Huế I"* trong đêm 27-10-1996, kỷ niệm Q.H 100 năm, Đ.K. 80 năm:

Nhớ Dạ Thảo, nhớ Thu Sương
Nhớ O Đỗ Lựu, nhớ nường Hồng Nghê
Nhớ Diệu Trà, nhớ Diệu Lê
Nhớ qua Diệu Uyển, nhớ về Quỳnh Trâm....

Vè là một thể văn vần dân gian xứ Huế, có một loại văn vần khác cũng phổ thông là ru em. Trong Tuyển Tập Nhớ Huế số 9 do Hội Thân hữu Huế - Thừa Thiên phát hành năm 1997, có bài *"Điệu Ru Em Xứ Huế"* của ông La Giang Nguyễn Đình Liễn, bắt đầu bằng câu:

À ư
Ru em cho thét cho muồi
Cho mẹ đi chợ mua vôi ăn trầu
Mua vôi chợ Quán chợ Cầu
Mua cau Nam Phổ, mua trầu chợ Dinh

Chợ Dinh bán áo con trai,
Triều sơn bán nón, Mậu tài bán kim

Bài này lại nói đến địa danh Thừa Thiên Huế, liên hệ đến sản phẩm kinh tế ở đoạn sau cùng có: "...còn về các món ăn độc đáo của thập niên 40 trở về sau, làm sao quên được chả nuộc của Mụ Vỹ trước đình làng Bao vinh, mè xửng Thím Chăng ở Ngõ Giữa, nem chua Mợ Tôm, bún bò Mụ Rớt, cơm Âm Phủ, bánh bèo Ngự Bình...

Trong câu vè, tiếng ru dân gian xứ Huế có nói đến Quán Âm Phủ đã đành, trong sách hướng dẫn của Việt Nam, của ngoại quốc về du lịch ở Huế cũng có nói đến Quán Âm Phủ ở bài "Du lịch cùng cố đô Huế" đăng trong Tuổi Trẻ Chủ nhật số 2-98 ra ngày 11-1-98, tác giả là Ngọc Vinh có câu: *"Những địa điểm như quán cơm Âm Phủ hay câu lạc bộ DMZ thì đầy khách Tây. Các địa chỉ này có ghi trong sách hướng dẫn du lịch về Việt Nam do nước ngoài xuất bản...!*

Người ở xa còn biết đến Quán Âm Phủ, cho nên tôi làm một cuộc phỏng vấn nhỏ để dân Thừa Thiên Huế biết qua một cơ sở thương mại, kinh tế xét ra có nhiều nét ly kỳ.

*

• TÊN TỪ ĐÂU MÀ CÓ?

Năm 1958, Quán cơm Âm Phủ có tuổi thượng thọ 80. Lúc tôi ra chào đời Quán cơm cũng đã được một vài tuổi, đã ở Huế lâu năm thì phải biết quán cơm đó. Nhưng đã làm một cuộc phóng sự — dầu nhẹ, cho vui thôi, tôi cũng phải tìm đến ông quản lý Quán Âm Phủ hiện nay: Ông Tống Phước Thôi, kế thừa từ năm 1954, 44 năm rồi quán Âm Phủ vẫn ở chỗ cũ, ở vùng mà trước đây dân Huế thường gọi là "Đất mới". Không rõ vì sao có từ đó vì vùng này chỉ cách cầu Trường Tiền độ 1km theo đường chim bay, cách mút Đập Đá, bên cạnh K.S Hương Giang I một khoảng tương đương. Có người giải thích, dân Huế đi về phía Bắc bằng lối An Hòa, về phía Nam bằng lối An Cựu, về phía Tây bằng phía cầu Lòn, phường Dúa... Không có gì cần để đi về phía Đông là chỗ có sân vận động Tự Do. Đất đó, gần mà xa, quen mà lạ.

Phải, quen lắm mới phải, vì nay nó nằm trong làng Phú Xuân, nằm ngay trong Kinh sư Phú Xuân mà Chúa Nghĩa Nguyễn Phúc Thái (1650- 1691) đã chọn để thay thế Kim Long lúc Hiền Vương Nguyễn Phúc Tần qua đời năm 1687, Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát (1714-1765) lên ngôi thay cha là Ninh Vương Nguyễn Phúc Thụ, lại thiên đô trở lại Phú Xuân, nằm ở tả ngạn, (tính từ cửa sông lên nguồn) và lấy Bằng Sơn (núi Ngự Bình) án nghệ các chướng khí theo thuật phong thủy Đông Phương. Sách vở ngay gần đây như cuốn Nguyễn Phúc Tộc Thế Phả ra năm 1995, đều nói rằng Nghĩa Vương, Võ Vương đã kiến thiết nhiều cho Phú Xuân trở thành hoa lệ, sách vở không nói các vua triều Nguyễn Phúc đã giữ hay hủy các kiến trúc nào. Dẫu sao, vào lúc sân vận động Tự Do khởi công, Đất nước vẫn nghèo, không có kiến trúc nào đồ sộ. Chỗ xây sân vận động là vùng ruộng thấp, hay bị lụt như cánh đồng An Cựu. Bên cạnh chỗ xây thao trường, phía sau có nhiều nhà chứa gái mãi dâm. Ông Tống Phước Thôi cho biết đôi chi tiết đặc biệt.

Có bốn, năm chủ chứa quan trọng, đó là Bà L., vợ một ông thuộc hoàng gia Nguyễn Phúc; bà C. (sau này phụ trách về ẩm thực cho Thủ hiến Phan Văn Giáo trong một thời gian), bà Bộ T, Bà Ch...

Sự tiếp xúc với khách làng chơi có phần khác ngày nay phần nào. Không phải ai cũng đòi hỏi các cô trẻ, ăn mặc khiêu gợi mà có ông có tuổi đòi hỏi các bà nửa chừng xuân, ít đẹp cũng được, vì các bà, cô này bị "chê" càng tốt.

Sau giờ hoan lạc, các ông đi tìm quán để bồi dưỡng — Đó là lý do để gia đình ông Thôi mở quán ăn. Lúc bấy giờ chưa có phong trào "bia ôm", "cà phê ôm" nên ít có vụ lộn xộn. Các cô gái xem hiền từ, các cô từ chối không tham dự bữa ăn bồi dưỡng vì cho rằng hiện diện lúc đêm như thế là "lạy ông tôi ở bụi này".

Lúc đầu, bữa ăn bồi dưỡng có tính cách đặc biệt, do khách "bảnh" có sáng kiến tổ

chức. Về sau, nó hầu như trở thành thông lệ. Không những chỉ khách làng chơi tham gia mà lính, nhân viên an ninh cũng tìm đến ban đêm để ăn trong một không khí có phần lạ.

Ông **Tống Phước Kỷ** mở tiệm ăn ban đêm năm 1918, không đặt tên gì cả? Có ai muốn làm thương mãi mà dám lấy tên **"Âm Phủ"** nghe rùng rợn quá. Song vì không có tên mà quán nổi tiếng vì thức ăn ngon, rẻ, ban đêm, nơi âm u, có vẻ rùng rợn nên khách hàng đặt cho tên "Âm phủ". Lâu ngày gia đình Tống Phước thấy quen nên chấp nhận tên đó. Thân nhân, bạn bè cũng ủng hộ khuyến khích.

Hóa ra Quán cơm Âm Phủ không phải dựa trên cái huy hoàng của kinh đô Phú Xuân mà dựa vào nhược điểm của nó.

- **SÂN VẬN ĐỘNG TỰ DO VÀ QUÁN CƠM ÂM PHỦ.**

Lúc trước hai chữ "Đất mới" gợi ý không tốt. Việc xây sân vận động Tự Do đã đem đến thay đổi căn bản cho vùng Đất Mới nói chung, cho quán Âm Phủ nói riêng.

Tháng chín năm 1932, vua Bảo Đại hồi hương, hai năm sau ông kết hôn cùng cô Marie Therèse Nguyễn Hữu Hào, tấn phong làm Nam Phương Hoàng hậu. Năm 1935, Vua vận động để Phủ Toàn Quyền Đông Dương xây một thao trường ở Huế và ông được toại nguyện. Không có tài liệu nào nói nói đến công tác này có phần đặc biệt vì Thủ đô hành chánh của Đông Dương là Hà Nội, Thủ đô kinh tế là Sài Gòn, mà tiền dùng để xây lớn, thuộc ngân sách liên bang. Chỗ xây thao trường thấp lụt nên công việc xây khó, tốn kém. Thế mà từ ngày khánh thành, Hè 1936, đến nay, hơn 60 năm, thao trường vẫn vững.

Đầu năm 1936, Hoàng tử **Bảo Long** ra đời, nên vua Bảo Đại tổ chức nhiều việc đáng ghi:

— Khánh thành sân vận động lấy tên Bảo Long, song dân chúng thường dùng tên Sân Tự Do.

— Tổ chức trận chung kết *Giải Bóng Tròn Đông Dương*. Năm 1936, Đội tuyển Nam phần thắng Đội tuyển Cao Miên. Trận bóng đá diễn ra sau nhiều sinh hoạt thể thao khác, như đua xe đạp...

— Tổ chức **Hội Chợ Triển Lãm** ở khuôn viên Tòa Đại Biểu, viện Đại Học Huế trước đây.

— Nâng cấp trường Quốc Học lên, có ban tú tài và trường lấy tên là **Trường Trung học Khải Định.**

Với Quán Âm Phủ, chỉ có việc xây sân Vận động Tự Do là đáng nói. Từ nay, vấn đề xóm bình khang ở gần sân vận động không còn nữa, Thực khách đa số là dân chơi hay mê thể thao. Quán Âm Phủ, nhà ngói khang trang, trở nên một loại hội quán thể thao, nhất là lúc có một trận đấu của đội địa phương và một đội khách. Rất đông người vào ra quán, bình luận, đánh cá, nói đủ thứ chuyện. Không khí quán trở nên sôi động, vui nhộn quá mức tưởng tượng, không có gì là ... Âm Phủ cả. Quán bán giải khát nhiều, nếu có trận đấu thường có cá độ nhỏ, to, tiền cá độ cũng đi vào bia, cà phê hay một thức ăn Âm Phủ nào đó mà khách thích.

Thời kỳ đẹp nhất là thập niên 1950, thanh bình, có nhiều trận đấu, lúc ấy ở Huế có hai đội mạnh hạng A: Đội **Cảnh Sát** và Đội **Bảo An** của Thiếu tá Trần Nguyên An (lực lượng Địa Phương Quân). Đội Cảnh Sát có thành phần mạnh, còn theo chiến thuật W. M, với cặp hậu vê Lợi Anh, Thảng, trung ứng Lợi Em, công thủ đầu. Các cầu thủ vào ra quán Âm Phủ như người nhà. Huế có dịp tiếp đội **A.J.S, Quan Thuế** và nhiều đội khác của Sài Gòn, các đội Nam Hoa, Happy Valley... của Hương Cảng, đội Trung Hoa Quốc Gia của cựu cầu thủ Lý Huệ Quang.

Nhưng có lẽ hai trận làm cho Quán Âm Phủ đông khách nhất đến mức không còn chỗ tiếp là hai trận có Câu Lạc Bộ Thể Thao Vienne (Wiener Sport Klub) tổ chức vào hai ngày 4 và 5-2-1956. Nguyên ông **Phạm Hoàng**, một cựu cầu thủ của đội Sepsh (Sociéte d'Education Physique et de Sport Huế), nhà dìu dắt bóng tròn Huế thời đó (nay định cư ở Springfield T.B Virginia, Hoa Kỳ),

quen với ông Korndorfer, doanh gia Đức ở Sài Gòn, làm cố vấn cho Sài Gòn về bóng đá, ông Hoàng nhờ ông bạn Đức làm trung gian để mời đội CLB thể thao Vienne (Wiener Sport Klub) ghé đấu ở Huế 2 trận trong chuyến lưu đấu ở Đông Á. Câu lạc bộ đó không còn nữa, thời 1956 cũng không phải là đội nhà nghề như Manchester United hay Juventus, song đội đó gồm nhưng cầu thủ trẻ, trí thức. Nếu đội đó nhận lời thì đó là đội người da trắng đầu tiên đến Huế.

CLB Vienne nhận lời, sẽ có 20 cầu thủ và nhà dìu dắt đến, trưởng phái đoàn là B.s. R. Hanuch. Nhiều buổi họp triệu tập hay tự động được tổ chức ở nhiều nơi trong đó có Quán Âm Phủ, không khí sôi nổi, để bàn về nhiều vấn đề.

- **Nơi ở**: Hiện nay Huế có nhiều khách sạn ba, bốn sao như Hương Giang I, II, Century, Sài Gòn Morin và nhiều khách sạn khác trong đó có loại mini. Thời 1956, Huế không có một khách sạn có tiện nghi tối thiểu cho một đội tuyển bóng tròn Âu Châu ở. Cho nên, chọn giải pháp do Bs **Lê Khắc Quyến**, giám đốc BV Huế đề nghị: Phái đoàn ở trong nhà của ông giám đốc BV Huế, đang để trống. Cầu thủ sẽ dùng bữa ăn ở Club Thể Thao Huế, gần đó, một nhà hàng ăn đẹp.

- **Tài chánh:** Kêu gọi độ 30 người đóng góp mỗi người 10.000$, lời ăn, lỗ chịu.

- **Ngày đến:** Trận thứ nhất vào chiều thứ bảy 4-2-1956 (ngày đưa ông Táo, 23 tháng chạp Ất Mùi), Đội Vienne đấu với đội tuyển Huế, gồm có cầu thủ đội Cảnh Sát và cầu thủ đội Bảo An.

Trận thứ hai vào chiều Chủ nhật 5-2-1956, ngày Lập xuân tân niên Bính Thân. Đội Vienne đấu với đội tuyển Huế tăng cường Tư, Đức, Quới, Ngọ, Rạng của Sài Gòn.

Trọng tài trận đầu là ông Tuất, trọng tài trận thứ nhì là ông Lê Xuân Ba.

Quán Âm Phủ không đủ tiện nghi mời khách, nhưng trong những ngày trước, sau trận đấu, nhất là hai ngày đầu, khách vào quán quá đông để xem ai sẽ là người bảo vệ màu cờ sắc áo của Bóng tròn Huế, khát thì uống, đói thì ăn, tiền cá cũng dùng để ăn uống cả...

Quả thật đội khách toàn cầu thủ trẻ, tế nhị, đá hay, nhất là thủ quân Barahand Barchand, giữ vai trung ứng (thời đó còn giữ chiến thuật WM, chiến thuật toàn lực - total soccer - chỉ được cầu thủ Hòa Lan của Ajax là Johann Cruyff bắt đầu áp dụng từ 1970. Cám ơn Trời Đất đã làm tạnh mưa từ hơn nửa tháng, trước đó mưa trong hơn một tháng, làm thúi đất như Nguyễn Bính đã la lên trong một bài thơ, Ưng Lang tỏ nỗi niềm trong một bài hát. Nhờ có mưa tạnh nên thời tiết tốt, lạnh, nước sông trong đẹp đến nỗi cầu thủ Áo cũng công nhận là sông Hương đẹp hơn sông Donau (Danube) của họ.

Đội khách thắng trận đầu, hòa trận sau, 3-3 vì một quả phạt đền do trọng tài tưởng tượng ra để giúp đội chủ. Đội khách không lên tiếng phản đối vì Bs Hanuch không cho phép. Số khán giả - ngồi chật sân ở bất cứ chỗ nào, cũng thỏa mãn vì hai trận đấu. BTC tiêu rộng rãi mà rốt cuộc cổ động (đã đóng góp mỗi người 10.000) lời 100% - ai cá độ, ai ăn thua gì cũng làm lợi cho Quán Âm Phủ - Ông Tống Phước Thôi - lúc đó đã quản lý Quán - cho biết là ông vui nên "nhẹ tay" về giá mà thu hoạch cũng cao.

Như vậy Quán Âm Phủ ra đời năm 1918 để đáp ứng nhu cầu của khách làng chơi, của những người giữ an ninh ở đất mới. 18 năm sau, lịch sử quán đã có một khúc quanh lịch sử đầu tiên với việc xây dựng Sân Vận Động Tự Do năm 1936, sức mạnh của quán vươn lên nhờ sự hưởng ứng của những người đam mê một loại giải trí lành mạnh hơn = Bóng Tròn

- **Quán cơm Âm Phủ có những món ăn gì đặc biệt?**

Lúc quyết định mở quán ăn vào năm 1918, gia đình ông Tống Phước Kỷ nghĩ đến việc tìm ra một vài món ăn đặc biệt để phục vụ những người khách ban đêm, có phần vội vã. Các món ăn hàng ngày của quán là:

- **Nem**: Loại nem ngon ở Huế có nhiều tiệm bán; quán Mợ Tôn ở đầu cầu Đông Ba (gần cửa Đông Ba) có từ lâu, nhưng Quán Âm Phủ

cũng có bà con làm nem ngon và chính ông Kỷ cũng rành về món ấy. Tùy ở sở thích của khách hàng, nem thật mới được luộc và ăn liền, nem tươi có thể nướng và ăn liền. Kinh nghiệm cho thấy khách hàng đều thích cả hai loại nem ấy và có người chỉ ăn một trong hai loại nem ấy, uống bia rồi về.

Có khách thích ăn nem chua uống rượu đế, thì có nem thường để vài ba ngày là đúng, quán cũng có thử bán tré, món ăn thông dụng cho nhiều "bợm" nghiền rượu mạnh, song bán không chạy nên thôi.

Tiệm cũng có thí nghiệm với chả lụa, song kết quả cũng như trên, nghĩa là bán không chạy lắm nên cũng có bán thường xuyên, song trữ ít.

- **Cháo Bo bo:** Sau 1975 có một loại ngũ cốc do các nước anh em viện trợ, bán cho dân ăn, lấy tên bo bo. Đó là một loại đại mạch, giá trị dinh dưỡng, giá bán thấp. Loại bo bo mà Quán Âm phủ dùng để nấu một loại cháo rất ngon có tên là **song ho**, giá đắt hơn và loại cháo ấy, khách hàng rất thích. Bo bo cần nấu lâu nên được nấu sẵn, lúc có khách chỉ cần bỏ thịt lợn, gia vị vào và hầm một lúc ngắn.

- **Thịt nướng:** Thịt nướng ở Huế là thịt bò, thịt lợn có ướp gia vị nên lúc nướng mùi thơm bốc lên đủ làm cho khách thèm ăn.

- **Cơm Âm Phủ:** Quán phục vụ hai loại cơm:

- Cơm thường nấu với **gạo de An Cựu** "thơm ba làng" - về sau này đồng An Cựu - ở phía Nam thành phố Huế không trồng giống lúa đó nữa, thay vào đó loại lúa có năng suất cao hơn, ngắn ngày để dễ tránh tố (cho lúa Đông Xuân), lụt (cho lúa hè thu). Quán Âm Phủ phải mua gạo tám thơm sản xuất đâu đó.

- **Về thức ăn:** Quán chọn những đặc sản Huế mà khách có thể thích; nếu là món ăn thường thì kho, nấu canh theo cách Huế như có câu "Cá bống thệ kho khô, cá rô kho tộ!" Thí dụ một món ăn thông dụng: **thịt phay.** ông Thôi giải thích rõ: dùng thịt ba chỉ của heo nuôi với cám chứ không phải nuôi với bã rượu, hay thực phẩm tăng trưởng nhanh. Quán biết chỗ heo mà đặt hàng. Phải dùng nước mắm Nam Ô, không phải loại thường mà loại đặc biệt. Thịt phay phải ăn với dưa cải do người "khéo tay" làm, quán phải biết người khéo tay mà đặt hàng. Trước đây đã lâu ông Thôi có kể mẩu chuyện nhỏ về thịt phay, dưa cải như sau: Có ba ông ở Nam ra tham quan Huế, vì hiếu kỳ vào ăn ở Quán Âm Phủ lần đầu, Quán giới thiệu một số món sở trường, các ông gọi... hơi nhiều. Các ông khai vị bằng nem mới làm, luộc và khen ngon. Vào cơm, các ông ăn thịt phay ba chỉ với dưa cải, nước mắm Nam Ô, ai cũng khen ngon nên gọi thêm và có lắm món kêu chỉ được đụng đến sơ sơ — Ông Thôi nói ông đã bịa ra câu ngạn ngữ:

Nói cho hay thì được thịt phay dưa cải,
Nói cho mãi thì cũng dưa cải thịt phay.

Một ông khách nói: "Thế à! Món thịt phay dưa cải ở đây nổi tiếng đến thế à!"

Ở Huế, thịt phay có thể ăn với vả và mắm. **Trái vả** là một loại trái ăn chát lắm, nhưng ăn với mắm thì rất ngon. Mắm ở Huế nổi tiếng là mắm tôm, mắm sò... Có cái lạ là cây vả chỉ được trồng ở Quảng Trị, Thừa Thiên cho nên quán Âm Phủ cũng hay mời khách phương xa ăn cho biết; có một bà ở Vũng Tàu nhờ mua một bao tạ vả để vào ăn với mắm Thái, nhiều ở Vũng Tàu.

Về **tôm, cá,** Thừa Thiên, Huế có loại ở sông (như cá bống thệ, cá hanh và loại hến nhỏ ở vùng Cồn Hến, gần Vĩ Dạ), có loại nước lớ (nửa mặn nửa ngọt, ở phá như cá đối, cá đìa; có loại nước mặn (cá nục, cá sòng ngân...) kho, nấu theo nhiều cách.

Có một món ăn cần nói riêng: **Cơm Âm Phủ**, một loại cơm thập cẩm, trộn trong loại cơm này có: nem, chả, thịt nướng, tôm chấy, thịt heo (thứ nào cũng cắt nhỏ), dưa gan hay dưa chuột bóp; nước mắm tương đối ít mặn - thực khách trộn và lấy ra từng chén mà ăn. Có khách chỉ ăn một chén cơm Âm Phủ là đủ.

Với thời gian, Quán ông Thôi có đủ kỹ thuật, nghệ thuật làm vừa lòng ngay cả thực khách khó tánh; tương lai thế mà không bảo đảm vì ta ở Vùng I chiến thuật, lúc nào cũng

là không khí dầu sôi lửa bỏng. Trong vụ **Mậu Thân**, chiến cuộc đẫm máu xảy ra xung quanh Sân Vận động: Mac V, Đại đội Cảnh sát Dã chiến, Ty cảnh sát, Tiểu khu Thừa Thiên.. Chiến cuộc kéo dài cả tháng tròn. Trong tình hình đó, thử hỏi ai có đủ điều kiện để vào Quán Âm Phủ an tâm ăn uống.

Rồi đến vụ **Mùa Hè Đỏ Lửa 1972**, dân Vùng I Chiến Thuật chỉ nghĩ đến việc thoát thân, có ai nói đến việc thong dong vào một quán ăn mà đàm tiếu. Hiệp định Paris ký ngày 27,1973 không phỉnh được ai cả, cứ cho rằng miền Nam sẽ bại là thiết thực nhất và ngày 30-4-1975 đã đến như mọi người đoán.

- **Quán cơm Âm Phủ vào thời Kinh Tế Thị Trường Mới.**

Sau ngày 30-4-75, những người ở miền Nam, đã từng hoạt động cho miền Bắc, thuộc phe chiến thắng chuẩn bị đi lên, đó chỉ là một thiểu số. Đại đa số sống một đời có lẽ vô tiền khoáng hậu: tù cải tạo, sa thải, hưu non, đi kinh tế mới, vượt biên... Chánh quyền Hà Nội theo chủ nghĩa Xã Hội với châm ngôn = cắt tận sở năng, cắt thư sở công, làm việc theo khả năng, tiêu chuẩn theo công làm - nhà nước cầm quyền sản xuất, phân phối tài sản. Quán Âm Phủ làm sao hoạt động trở lại! Hơn 15 năm sau ngày 30-4-75 có hai sự kiện đã có ảnh hưởng tốt cho các nhà hàng ăn, cho nên kinh tế nói chung:

1- Đổi mới Kinh Tế.

Ngày 10-3-1985, Tổng Bí Thư Đảng Cộng Sản Liên Sô Konstantin U. Chernenko qua đời. Người thay thế ông trong chức vụ lãnh đạo Đảng là ông Mikhail S. Gorbachev (sinh năm 1931): Ông chủ chương glastnov, parastroika. Qua năm sau 1986, Đảng Cộng Sản V.N họp Đại Hội 6, ông Nguyễn Văn Linh được bầu làm Tổng Thư Ký Đảng (ông sinh năm 1915, qua đời ngày 27-4-1998) theo đường lối của ông M.S Gorbachev, ông Linh chủ trương "đổi mới kinh tế", đi dần đến kinh tế thị trường "theo đường lối xã hội chủ nghĩa". chưa rõ "đường lối XHCN" là thế nào trong thực tế, nhưng "kinh tế thị trường" có nghĩa là V.N mở cửa đón tư bản, du khách nước ngoài vào trong nước... Du lịch sẽ làm sống lại các nhà hàng ăn, các khách sạn, tăng thu nhập của các cơ cấu đó, tăng thu nhập của quốc gia về ngoại tệ.

2- Quyết định của Unesco.

Sự kiện thứ hai gây ảnh hưởng tốt cho nền kinh tế V.N là việc Ủy ban Unesco của L.H.Q công nhận **Quần thể di tích là tài sản văn hoá nhân loại.** Việc công nhận này xảy ra sau khi **Ủy ban Di sản Thế Giới** (World Heritage Committee) họp ở Colombia (Nam Mỹ) từ 6 đến 11 tháng 12 năm 1993 bế mạc phiên họp 17.

(Năm sau, **Vịnh Hạ Long** cũng được cơ quan Unesco công nhận là Di sản thiên nhiên Thế giới sau buổi họp thứ 18 của Ủy Ban Di sản Thế giới tổ chức tại Thái Lan vào ngày 12 năm 1994).

Việc trao văn bản công nhận Quần thể Di tích Huế là tài sản văn hóa của nhân loại được tổ chức ở Hoàng cung Huế ngày 8-8-1994 một cách trọng thể, làm cho thế giới để ý đến Huế nhiều hơn cho nên bài *"Du Lịch Cùng Cố Đô"* dẫn thượng có câu *"Kể từ khi quần thể di tích cố đô được Unesco công nhận, khách du lịch đổ về Huế ngày càng đông, Hạ Long và Huế là hai nơi được nhắc trên cửa miệng của du khách"*.

Thật ra, không phải đợi có quyết định của Unesco người ta mới để ý đến Huế, đó không phải là một thành phố lớn, đông dân, nhưng là một thành phố đẹp. Đẹp tự nhiên, xem như quà tặng của tạo hóa. Một con sông không quá rộng hay quá hẹp, chảy qua ở ngay giữa thành phố, nước trong, chảy rất chậm, hầu như muốn ở lại mãi với Huế như nước trong hồ. Ở trong thành phố có núi thấp với tên Ngự Bình, Thiên Thai; xa hơn có núi Kim Phụng mờ mờ ảo ảo lúc có mây; xa tận chân trời là dãy Trường sơn.

Huế đẹp là có bàn tay con người, cần cù chỉnh trang trong hàng trăm năm, có dấu vết của nền văn hóa Tây phương (thành xây theo

lối Van ban), của nền văn hóa Đông phương (cách sắp đặt của các cung điện, mái nhà, ngói, gạch dùng...)

Cô An Nguyễn Kiều Mỹ Duyên, trong bài *"Còn gì để nhớ Huế"* đăng ở Tuyển Tập Nhớ Huế ra ngày 27-10-1991 ở Nam Cali viết:

"Ôi nhớ Huế muôn vàn... Ký giả Jeff Brody của tờ báo Register quận Cam đã nói với tôi: - Huế đẹp quá - Không phải chỉ có một người nói Huế đẹp, mà hàng triệu người nói Huế đẹp..."

Cho nên bài "Du lịch cố đô Huế" dẫn thượng bắt đầu bằng câu "Huế cho tôi một cảm nhận = thành phố này sống bằng du lịch..." Quán Cơm Âm Phủ thấy ngay như vậy nên lúc đã có nhiều du khách đến Huế, quán lo xây ở địa chỉ cũ 35 đường Nguyễn Thái Học, bên cạnh Sân Vận động Tự Do một nhà lầu 1 tầng, tầng lầu và tầng trệt có thể để 25 bàn tròn, có thể tổ chức tiệc cưới sang trọng mà giá phải chăng, năm bảy Mỹ Kim, có dàn nhạc, người phục vụ có trình độ văn hoá khá. Đáng để ý là bên cạnh nhà hàng Âm Phủ có khách sạn **Thiên Đường** - Ở hữu ngạn sông Hương (tính từ ngọn xuống) từ Đập Đá lên Ks Morin cũ, đi sâu vào bảy tám trăm mét, có những khách sạn lớn nhất ở Huế và nhiều nhà hàng ăn trong đó Quán Cơm Âm Phủ có hạng lắm như bài "Du lịch cố Đô Huế":

"Những địa điểm như Quán Cơm Âm Phủ hay Câu lạc bộ D.M.Z thì đầy khách Tây. Các địa chỉ này có ghi trong sách hướng dẫn du lịch về V.N, do nước ngoài xuất bản"

Về **thức ăn**, quán này vẫn giới thiệu các món sở trường của mình cùng các món thông dụng và khách chọn thực đơn, quán chỉ việc thi hành. Ông T.D. Thôi cho biết các Việt Kiều từ Bắc Mỹ về cho rằng món thịt bò nướng vỷ của V.N ăn ngon hơn món barbecue nhiều; thịt có ướp gia vị nên lúc nướng lên, mùi thơm bay lên ngào ngạt làm thực khách thèm ăn ngay.

- **Đoạn Kết**

Giữ lời hứa với Tuyển Tập Nhớ Huế của Hội Thân Hữu Huế - Thừa Thiên, tôi dự định làm một bài phóng sự đơn giản, ngắn về một quán ăn có tên lạ lùng là Quán Âm Phủ ở Huế. Lúc nghĩ kỹ về nội dung tôi thấy bài phóng sự không ngắn, không đơn giản vì phải nói đến nhiều sự kiện vượt Phú Xuân, Huế và lên đến phạm vi quốc gia, quốc tế!

Quán cơm ở một vùng đất lịch sử: làng Phú Xuân nằm ngay trong kinh sư Phú Xuân được chọn năm 1687 - "Có tiếng mà không có miếng". Vùng Phú Xuân của Quán Âm Phủ là vùng Đất mới, không trù phú lắm, có xóm bình khang, an ninh không bảo đảm lắm nên có nhân viên an ninh về đêm. Để phục vụ khách làng chơi, nhân viên an ninh, quán ăn của ông Tống Phước Kỷ ra đời, không có tên nữa, mãi về sau, nhân dân đặt cho tên "Quán Âm Phủ". Như vậy, bước đầu của quán có vẻ khiêm tốn.

Năm 1936, việc xây Sân Vận động Tự Do đã làm cho quán đổi đời. Phải công nhận việc xây thao trường này là công trình của cựu Hoàng Bảo Đại vì nhờ ông vận động mà phủ Toàn Quyền đã bằng lòng xuất quỹ mà xây ở Huế chứ không phải ở Hà Nội hay Sài Gòn. Sinh hoạt bóng tròn đi lên là làm cho Quán Âm Phủ sôi động hơn, vui hơn, mạnh hơn.

Chiến tranh gây ảnh hưởng cho nền kinh tế V.N. Cũng may là Liên Sô ngả theo kinh tế thị trường làm cho V.N cũng noi theo nên Quán Cơm Âm Phủ hồi sinh được. Nhờ cơ quan Unesco tạo nên cơ hội để phát triển ngành du lịch, nhờ đó mà Quán Âm Phủ của gia đình ông Tống Phước Thôi có thể nhìn tương lai một cách lạc quan.

■ *Nguyễn Hữu Thứ*

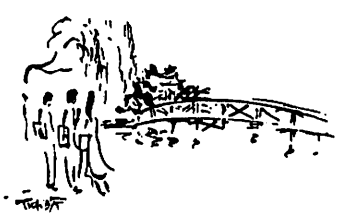

NỖI BUỒN MÙA LỤT HUẾ

Lá thư Huế còn nguyên màu mực mới
Mang nỗi buồn bất hạnh của quê tôi,
Người dân Huế đau thương mùa lụt lội
Mưa lũ trắng đồng, nước cuốn sông trôi.
Dòng Hương giang không còn thơ mộng nữa
Biển nước mông mênh lên sát dạ cầu
Đường phố Huế những ghe thuyền tất tả
Đã vội vàng chạy lụt dắt dìu nhau.
Duyên Kim Long hắt hiu buồn cổ độ
Mưa mưa hoài xơ xác ngọn sầu đông
Nơi Hoàng Thành lắm tường xiêu ngói vỡ
Bao phế hưng trăn trở ở trong lòng.
Vùng ngoại ô cũng cùng chung khổ nạn
Nước cuốn phăng vườn tược với đồi nương
Tiếng kêu cứu trên nóc nhà tuyệt vọng
Những xác người trôi giạt ở trên sông.
Thương làm sao bao đứa trẻ bơ vơ
Đầu chít khăn tang, đói mờ mắt lệ
Những cụ già khắc khoải nỗi ưu tư
Huế tai ương mãi hoài đâu có lẽ?
Mưa lũ kia là nước mắt quê hương
Quặn niềm đau tâm tư người xa Huế
Một chút quà gói ghém vạn tình thương
Của những kẻ ly hương trao về xứ mẹ.
Muôn con tim cùng hòa chung nhịp thở
Góp bàn tay giúp Huế sớm hồi sinh
Rán đi anh, gắng lên nào hỡi chị
Cho quê nghèo mau thoát khỏi điêu linh.
Ngày mai đó dân Huế mình bớt khổ
Cơm đủ no, khói tỏa mái tranh gầy
Tuổi trẻ đến trường dưới hàng phượng đỏ
Cầu Tràng Tiền áo trắng lại bay bay...

Ottawa, tháng 12-1999
Hồ Văn Mẫn

Hotel Morin, một "kỳ quan" của đất Huế

Nguyễn Phúc Bửu Tập

Giáo sư Vĩnh Sính viết cảm xúc về trận hồng thủy vừa tàn phá đất Huế, thuật một đoạn e-mail của người cháu: *"vào lúc cao điểm... mực nước đã lên đến chữ M ở khách sạn Morin.."*. Khách sạn Morin, người xứ Huế quen gọi là Hotel Morin, là một kỳ quan của đất Huế, người địa phương lúc hốt hoảng, dùng chiều cao của mặt tiền kiến trúc để ước lượng mực cao của con nước. Trong một trăm năm vừa qua, ngôi nhà này đối với người sống ở Huế như... tháp Eiffel tại Paris. Người sống ở thủ đô nước Pháp nhắc tới Eiffel như một kỳ quan của thời đại kỹ nghệ; người sống ở đất Huế không thể không biết tới Hotel Morin nằm trên khu đất cao ráo bên "phố Tây", vào địa điểm thuận lợi nhất trên trục giao thông, khách du đến Huế thế nào cũng phải đi qua.

Bài này viết dựa hoàn toàn trên tài liệu của ông Jean Cousso, và ông Nguyễn Đắc Xuân, sử gia thành phố Huế. Jean Cousso hiện là Chủ Tịch Hội *Tân Đô thành Hiếu Cổ* (Nouvelle Association des Amis du Vieux Huế, NAAVH) vừa được thành lập — hay tái sinh — năm 1996. Hội phát hành một bản tin rất khiêm tốn, nhưng trang nhã và đầy đủ, phổ biến hạn chế cho một số thành viên, tóm lược những công trình nghiên cứu về đất Huế hiện đang được thực hiện. Ở cuối bài này, người viết sẽ phổ biến các dữ kiện về hội NAAVH để bà con đất Huế và người Việt Nam hiện sống ở nước ngoài thích sưu tầm về quê hương có thể trực tiếp liên lạc với hội. Trong lúc chúng ta nói nhớ Huế và thương Huế, hiện có những "người ngoài" như Jean Cousso và các bạn đồng tâm đồng chí đang tìm cách vượt qua nghìn trùng khó khăn để phục hưng và tái tạo di sản cố đô Huế. Jean Cousso là một bậc trung niên cháu ngoại của Bác sĩ Sallet và bà Amélie Morin, người em út trong giòng họ Morin. Riêng tài liệu Hotel Morin này đã được rút trong bài *"Hôtel Morin, Hôtel Sàigon - Morin, Petite Histoire d'un Centenaire"* (AAVH, No 3, Février 1999, Biscarrose, France).

Trở lại với khách sạn Morin, người viết xin được hiệu đính là Hotel Morin không phải là một công trình kiến trúc vĩ đại nhắc được hình ảnh của tháp Eiffel, mà chỉ là một cơ sở ba tầng lầu khiêm tốn so với các khách sạn lớn ở thủ đô Hà Nội và thành phố Sài Gòn hiện nay, lại càng không thể so sánh với các khách sạn tân tiến ở Bangkok, Hongkong, Singapore. Thế nhưng đôi lúc dân Paris có thể quên nhà thờ Nôtre Dame, các viện bảo tàng Tuileries và Le Louvre để nghĩ đến cái sườn sắt Eiffel thì người dân đất Huế cũng có thể quên hình ảnh của Đại nội và các lăng tẩm vua đời trước để nghĩ đến Hotel Morin, tòa nhà luôn luôn đập vào mắt, dấu vết khó quên của một trăm năm lịch sử vừa trôi qua, buồn vui lẫn lộn. Những dòng sau đây thử cố ý nhìn Hotel Morin qua lăng kính lịch sử.

Khách sạn Morin trước gia đình Morin

Người Pháp can thiệp bằng võ lực vào Việt Nam bắt đầu từ năm 1856 lúc chiến thuyền Catinat vào cửa biển Đà Nẵng giao chiến thư hỏi tội triều đình Việt Nam về việc cấm đạo

Gia-tô và giết người giảng đạo. Từ năm đó về sau, chắc chắn phải có những phái bộ người Pháp lui tới Huế để thương thuyết. Các phái bộ này không thể ở trên tàu vì cửa biển Đà Nẵng khá xa kinh đô Huế. Trong tập san Đô thành Hiếu cổ xã (Bulletin des Amis du Vieux Huế, BAVH) qua một số bài có tiêu đề *Những người Âu châu xưa đã tham quan cố đô Huế* (Les Européens qui ont vu le Vieux Huế), trước thế kỷ hai mươi, như giám mục Alexandre de Rhodes, như người Anh Thomas Bowyear, người Ý Christophoro Berri, như các bạn đồng chí của giám mục d'Adran... không ít thì nhiều đều có để lại chút ký ức về Huế. Tuy vậy, chưa ai tìm được chút tài liệu nào dẫn cứu về một nơi có thể gọi là khách sạn trong cố đô. Ta phải kết luận là đám du khách trên đã trú ngụ tại các tư gia người quen biết, hay giáo dân. Năm 1875, theo đề nghị của "Ủy ban Cô-sanh xi-na" (Commission de la Cochinchine) do vua Nã Phá Luân đệ tam lập ra để nghiên cứu tình hình chiến hay hòa với Việt Nam, chánh phủ Pháp cử người đại diện đầu tiên bên cạnh triều đình Huế là Nam tước Reinhart. Cũng không thấy tài liệu nào nói rõ ông Reinhart ở đâu, chỉ biết là ít lâu sau ông được một nhà ngoại giao khôn khéo Philastre thay thế. Philastre được triều đình Huế nhượng miếng đất rộng đúng 200 mét vuông (!) ở phía hữu ngạn sông Hương để xây cất văn phòng ở "Đại lý Pháp quốc" (Bureau de la Légation de France), là nơi về sau trở thành tòa Khâm sứ Trung Kỳ. Trong khoảng đất nhỏ hẹp đó, Philastre dựng lên một cơ sở chắc là nhỏ và tiều tụy lắm, gọi là "căn lều của các vị đại sứ" (la Case des Ambassadeurs), làm chỗ trú ngụ cho bất cứ nhân vật nào đến công tác thương lượng với triều đình Việt Nam.

Tài liệu này trích trong cuốn ký ức của Dutreuil de Rhin, một trong những tân khách của căn lều Đại sứ. Ông kể lại là vào năm 1876, một năm sau chiến thuyền Catinat cưỡng nhập cửa biển Đà Nẵng, triều đình Việt Nam cũng chỉ mới cho phép tất cả là bảy người công dân Pháp được cư trú trong tỉnh Thừa Thiên, ngoài một số linh mục người Pháp có thể được giáo dân che dấu. Đó là lý do rõ ràng nhất vì sao kinh đô Huế không cần khách sạn. Cũng nên nói thêm là kinh đô từ trước vẫn có nơi cư trú tiếp rước khách của triều đình, trên bến Thương bạc, ở phía tả ngạn sông Hương, chứ không phải triều đình "quê mùa" tới nỗi không có nơi tiếp khách từ xa đến. Cho đến năm 1898, tài liệu của nhà văn M. Monier đến Huế, ở lại ba tháng trong "căn lều Đại sứ" mô tả các thắng cảnh và đời sống dân địa phương trong sách Vòng quanh Châu Á (Le Tour d'Asie, Plon 1899), đầy đủ chi tiết ký sự, theo ý nghĩa nơi cư trú của người du khách, cũng không thấy nêu lên một nơi nào gọi là khách sạn trong kinh đô.

Phải chờ đến năm 1901, năm đầu của thế kỷ Hai mươi, Huế mới có một nơi gọi là khách sạn với ý nghĩa ấn định của thời bây giờ. Một người sĩ quan trong đoàn viễn chinh, Bogaert năm 1885 đã tham gia việc công phá kinh thành Huế, trở lại yêu Huế. Ngoài cái hình dáng cô tôn nữ cười trong nón, anh ta lại còn bị ám ảnh phải làm tiền trên giải đất thơ mộng không thiết tha với thương mại và kỹ nghệ là đất Huế. Anh ta mua lại xưởng đúc gạch và ngói ở làng Long thọ. Cơ sở làm gạch ngói này đã hoạt động hơn hai trăm năm trước với trang bị và kỹ thuật thô sơ, cung cấp gạch và ngói để xây dựng ngoại thành và nội thành Huế, từ các đời chúa Tiền Nguyễn. Bogaert biến lò vôi thành một cơ sở sản xuất xi măng rất cần thiết cho việc tân tạo thành phố người Pháp vừa mới chiếm được, cần phải xây cất lại theo mẫu mực Tây phương. Xưởng xi măng Long thọ phát đạt, chủ nhân ông dùng tiền lời đầu tư vào kỹ nghệ khách sạn.

Năm 1901, Bogaert dựng lên một kiến trúc lớn hai tầng, trang bị các phòng làm khách sạn, hoạt động từ năm 1902. Hai năm sau, một trận bão lớn (các cụ già còn nhớ tới bão năm Thìn) có lẽ đã làm hư hại một phần cơ sở khách sạn. Bogaert đem bán kiến trúc khách sạn cho một Pháp kiều khác tên là Guérin. Chủ mới sữa chữa cơ sở, đổi tên là *Đại khách sạn Huế A. Guérin* (A. Guérin, Grand Hôtel de Huế). Jean Cousso và Nguyên Đắc Xuân

dẫn tài liệu và hình ảnh khách sạn Guérin trông rất khả quan, trích ra từ một tạp chí của "Phòng Tư vấn hỗn hợp về Thương mại và Nông nghiệp Trung Kỳ" (Chambre consultative mixte de Commerce et d'Agriculture de l'Annam).

Khách sạn Guérin vào tay gia đình Morin.

Tại miền Trung Đông nước Pháp, dãy núi Jura phân chia biên giới Pháp-Đức và Pháp-Thụy Sĩ nuôi sống dân bằng nghề chăn nuôi và nghề trồng nho làm rượu. Tỉnh Artois thuộc Pháp nằm phía Tây Bắc Jura có một làng nhỏ Mesnay là sinh quan của một gia đình nông dân nghèo, họ Morin. Cuối thế kỷ Mười chín, nghề trồng nho ở Jura bị khủng hoảng vì tại miền Nam nước Pháp, kỹ nghệ làm rượu dùng phương pháp lên men mới của Pasteur chế ra, tránh được nho và rượu bốc men hư thối. Phương pháp mới cần trang bị đắt tiền, dân vùng Jura chưa theo kịp.

Lại nữa, nước Pháp thất trận trong cuộc chiến tranh với nước Đức, năm 1871 phải bồi thường hai tỉnh Alsace và Lorraine cho Đức làm cho dân chúng trên miền Bắc nghèo hơn. Giữa tình huống đó, hai người anh lớn trong gia đình Morin là Arthur và Aimé lại xui xẻo bắt trúng thăm phải đi thi hành nghĩa vụ và quân dịch. Hai anh em Morin phải sung vào đoàn quân viễn chinh trong bộ đội Thủy quân Lục chiến tham dự cuộc chiến tranh thôn tính Bắc Việt. Lính Pháp ngày đó đã sử dụng được súng có nòng thép để hiếp đáp quân Việt Nam còn dùng giáo mác và vài cây súng đồng, nên người lính Pháp được mặc cảm tự đại. Thử nghĩ chỉ một nửa trung đội gồm 15 cây súng mà hạ được thành Bắc Ninh! Tuy thế, họ rất sợ quân Cờ đen giết người da trắng không gớm tay do phía Việt Nam chiêu mộ.

Chiến tranh ở miền Bắc tạm chấm dứt, Pháp chuyển qua kế hoạch bình định. Hai anh em Arthur và Aimé không muốn trở lại nhà tiếp tục cuộc đời nông dân lầm than; họ chọn ở lại Bắc Việt là vùng đất mới có nhiều cơ hội khai thác. Họ là cựu quân nhân của đoàn quân chinh phục chiến thắng, dễ hiếp đáp người bản xứ để ăn trên ngồi trước. Cũng vào lúc đó bà cụ mẹ gia đình Morin qua đời, khiến cho quyết định di cư dễ dàng hơn. Thế nhưng tình hình trên đất mới, trên thực tế vẫn chưa được hoàn toàn ổn định. Quân ái quốc được Đội Cờ đen yểm trợ có thể tấn công vào các đô thị bất cứ lúc nào, cho nên trong số bốn anh chị em còn ở lại nhà, họ chỉ đưa hai người anh chị lớn là Emile và Laure sang Hải Phòng. Bốn anh chị em thuê được căn nhà gỗ, mỗi đêm trải nệm ngủ trên sàn, ba người anh trai nằm ngoài canh giữ cô em gái, sợ quân Cờ đen bất ngờ tấn công hãm hiếp.

Đời sống của gia đình mới di cư vào đất thuộc địa diễn tiến thế nào? Jean Cousso — chắc hẳn là một nhà khoa học xã hội, dựa trên hai tài liệu để mô tả cuộc sống của gia đình Morin và có lẽ chung cho đa số người Pháp lớp trung và hạ lưu đến lập nghiệp tại nước ta vào đầu thế kỷ 20. Tài liệu một là cuốn ký sự của Claude Bourrin *Sự Kiện và Nhân Vật gặp tại Ấn độ China* (Choses et Gens en Indochine, 1913), tài liệu hai là một tập hồi ký của một nhà giáo quen thuộc lớp người ở tuổi bảy mươi như chúng ta có biết lúc nhỏ, ông Lafferranderie. Ông từng làm hiệu trưởng trường Lycée Khải Định, và khoảng thập niên 40, làm giám đốc Học chánh Trung Việt.

Lúc ban đầu đời sống của dân mới đến định cư, tuy là người da trắng, cũng rất khó khăn. Bốn anh em Morin đều làm công cho hãng Honorés Debaux ở Hải Phòng (theo Claude Bourrin) và ít lâu sau di cư lên Hà Nội, làm công cho nhà hàng Godart ở phố Trường tiền (theo Lafferranderie). Đi làm công không khấm khá, Emile là người có chút chữ nghĩa xin vào làm cảnh sát, và nhờ có một ít lương tiền dư dả, đưa hai em nhỏ là Wladimir và Amélie sang đoàn tụ.

Trong sáu anh chị em Morin, Wladimir là người có bản lãnh và đầu óc nhất. Anh ta đến Hải Phòng năm 1898, lúc vừa đúng 21 tuổi. Lập tức anh xin làm nghề chạy hàng cho một

người lái buôn người Hoa để kiếm tiền và học việc. Anh nhận xét là gia đình Morin đến Việt Nam đã sáu năm mà vẫn dẫm chân tại chỗ, đi làm công cho người đồng hương, không chút tương lai. Wladimir đề nghị với anh chị em gom góp tất cả tiền dành dụm di cư xuống miền Trung Việt, chọn ngay một cửa biển mới là Đà Nẵng để mở khách sạn.

Wladimir nhìn xa thấy rộng, muốn tránh trước những điều bất hòa giữa anh em xuất thân là "nhà quê" bây giờ sớm giàu, nên thành lập một công ty gia đình gọi là công ty kinh doanh Etablissements Morin Frères. Lý do khác phải lấy tên gia đình kinh doanh là vì Wladimir quan niệm phát triển đa hiệu, không riêng gì trong ngành khách sạn mà phải dùng cơ sở để phát triển mọi ngành thương mại khác trong cộng đồng người Pháp mới định cư, và trong các thành phố địa phương sẽ kiến thiết. Đã có kế hoạch, Gia đình Morin bắt tay vào việc. Sau hai năm cần cù làm ăn tại Đà Nẵng, họ đã kiến tạo được một khách sạn vững vàng gọi là *Hotel Morin Đà Nẵng*. Wladimir bèn giao cơ sở cho người anh Emile quản lý và ra Huế điều đình mua cơ sở khách sạn Guérin cũng đang sống lây lất để làm thành một cơ sở **thương mại, văn hóa và xã hội** độc nhất ở miền Trung.

De Lafferranderie là một cụ giáo già, hay là một con cáo già, nói theo thời thượng, đã đóng góp nhiều trong công trình "khai hóa dân An Nam của Đại Pháp", có nhiều duyên nợ với đất Huế. Các bậc cha chú của chúng ta, nếu không phải là môn đệ của ông tại trường Khải Định, thì cũng trọng nể ông, gọi là "cụ Láp", viết về Vladimir Morin như sau: *"Vladimir sinh ra trong con giáp cần lao... sáng dậy từ 5 giờ (làm việc cần cù) cho tới 10 giờ đêm... 64 năm không không có một giờ ngơi nghỉ"*.

Cụ Láp viết về khách sạn Morin: *"Cơ sở kiến trúc ngày trước (Hotel Guérin, NPBT) chỉ có vài gian nhà làm phòng ngủ cho mướn, một hiệu ăn tập tàng và một gian hàng tạp hóa. Ông chủ mới dầy công làm việc, có óc kinh doanh, giàu phương tính nhanh nhẩu chiều khách, biết thu xếp và không hoang phí, chỉ trong ít lâu đã biến cơ sở thành một khách sạn quan trọng không một nhà nào ở Đông dương sánh kịp"*. Claude Bourrin đã gặp và hiểu biết anh em Morin lúc hàn vi tại Hải Phòng và sau này giàu sang tại Huế, nhận xét về gia đình này như sau: *"Họ là những người không từ nan công tác nặng nhọc, biết cách xử sự khéo léo theo hoàn cảnh, sẵn có sức kiên nhẫn chịu đựng của người dân cày* (tuy khen nhưng có dịp vẫn đá giò lái! NPBT), *và họ đã trở thành giàu có là lẽ tất nhiên"*.

Bourrin viết tiếp: *"Khách sạn của gia đình Morin thu hút rất nhiều người đến Huế vì họ biết tạo một không khí gia đình mà khách hàng (xa nhà) đang thiếu. Riêng phần tôi lúc nào cũng giữ cái cảm tình biết ơn với những người giàu thiện cảm trong gia đình đó đã tận tâm phục vụ cho tôi, tôi muốn nói đến cách phục vụ do thiện tâm tạo ra, cách phục vụ không thể trả bằng tiền"*. Rõ ràng là cách đây gần một thế kỷ, đối với những người Pháp xa quê hương bằng khoảng cách nửa địa cầu, trong cái nắng cháy da và dưới cơn mưa dầm "mang mang vô tận kỳ" của đất Huế, gia đình Morin đã thành công tạo được một mái ấm gia đình cho khách hàng sống trong khách sạn của họ.

Cơ sở khách sạn Morin nằm trên địa điểm tốt nhất của thành phố Huế, bên cánh phải của quốc lộ số 1 đi qua tỉnh Huế bằng cầu Trường Tiền (cũng là chiếc cầu đầu tiên bắc qua sông Hương Giang), nằm sát cạnh Tòa Khâm sứ Pháp là trung tâm quyền lực của miền Trung, trên con lộ sắp hàng những cơ quan hành chánh như sở Kho bạc, sở Lục lộ, ngân hàng, câu lạc bộ... lại ở ngay đầu góc của khu dinh cư người Pháp cho nên thao túng được mọi sinh hoạt xã hội, văn hóa và kinh tế của cộng đồng người Âu châu. Trong khu khách sạn là gian hàng các dịch vụ cần thiết cho khách cư trú và dân chúng trong phố Tây, như hiệu làm tóc cho các bà, hiệu cắt tóc cho các ông. Và tất nhiên là nhà hàng ăn, khang trang và sang trọng nhất của thành phố.

Vào mùa nắng, nhà hàng có khu bán đồ giải khát, bàn ghế để ngoài sân hiên cho khách du ngồi nhấm cà phê hay rượu xem xe

cộ đi qua cầu Trường tiền. Rờ-xíp của hiệu ăn (công thức món ăn ở thực đơn) có thể so sánh với ngự thiện hoàng cung hay nhà bếp Tòa Khâm sứ không thua kém, trong những dịp lễ lạc lớn. Góc phố đối diện với nhà hàng là rạp chớp bóng, rạp chớp bóng đầu tiên của đất Trung Kỳ, gồm hai hạng rành rẽ: hạng ghế da dành cho ông Tây và khách có tiền ngồi lô, ngồi phơ-tơi, hạng sau màn ảnh cho dân nghèo rách mồng tơi, nhưng hâm mộ Charlot và Marlene Dietrich, ngồi xem ngược! Trong khách sạn có khu bán tạp hóa, gọi tên Pháp là Comptoir d'Articles de Consommations, bán vải tơ lụa, rượu mạnh, rượu vang, mỹ phẩm cho phái nữ, cạnh tranh với nhà hàng Chaffanjon cách khoảng vài đường phố và các phố Tàu bên tả ngạn. Dân giàu trong tỉnh sính "ăn Tây" đến Morin chờ mua thịt, bánh mì mỗi sáng ra lò, pho mát Gruyère, Camembert hoặc patê mới nướng.

Kể như vậy để nói ra cái duyên của Morin với các biến cố chính trị và kinh tế xảy ra trên đất Huế giữa thế kỷ vừa qua. Vào những năm khó khăn bắt đầu Thế chiến thứ Hai, cơ sở Morin trở thành trung tâm sinh hoạt kinh tế của người da trắng. Lực lượng đồng minh phong tỏa đường biển, các loại thực phẩm cần thiết như lúa mì không đến được, nhà Morin sản xuất bánh mì bằng bột bắp, bột đậu nành tiếp tế cho thành phố. Cũng trong sinh hoạt chính trị và văn hóa, chính phủ Decoux trưng dụng một gian nhà của cơ sở Morin làm phòng thông tin. Trên bức tường lớn vẽ địa hình châu Âu, kẻ rõ bằng dây len mức tiến quân của Đại Tướng Eisenhower và Zhukov vào từng làng xã đất Đức. Chính phủ vừa ve vãn người Nhật để giữ đất thuộc địa, vừa không thể che dấu hy vọng toàn thắng của quân đồng minh, làm cho đám người đi xem thông tin chưa "giác ngộ chính trị" như chúng tôi phân vân không biết muốn cho phe Mỹ-Nga thắng hay phe Đức-Nhật thắng. Chánh phủ Decoux muốn đánh lạc hướng phong trào ái quốc dành độc lập đang âm ỉ cháy trong lòng dân Nam, tổ chức các phong trào, các đại hội về thể thao như cúp bóng tròn giữa năm đơn vị địa phương (Cao Miên, Lào, Nam Trung Bắc Kỳ; Lào yếu quá không tham gia được), như cuộc đua xe đạp vòng quanh Đông Dương theo hình ảnh của Tour de France. Trong những cơ hội này, Hotel Morin là nơi cư ngụ của các cầu thủ và các cua-rơ xe đạp lúc ghé qua Huế, thu hút hàng chục nghìn người hâm mộ hay hiếu kỳ đến xem.

Như vậy cở sở Hotel Morin đã đạt được hầu hết các tiêu chuẩn người giám đốc Vladimir Morin đã đề ra: Tiêu chuẩn kinh tế thương mại, tiêu chuẩn xã hội, tiêu chuẩn văn hóa và tiêu chuẩn chính trị. Vladimir lúc mới đến Việt Nam chỉ là một người làm công đi giao hàng, hai mươi năm sau đầu óc doanh nghiệp đã đưa anh công nhiên đi vào giai cấp thượng lưu của người da trắng chủ nhân ông thuộc địa. Năm 1914 ông kết hôn với người con gái của một kỹ nghệ gia tơ lụa ở Lyon, cô Jeanne Desrobert, và chắc cũng nhờ vào uy tín và sản nghiệp nhà vợ, Vladimir trở thành một nhân vật có tầm vóc lớn ở Đông Dương.

Hãng Morin lập thêm khách sạn ở Bà Nà nơi nghỉ mát ở phía Tây thành phố Đà Nẵng, ở Qui Nhơn, và ở Bạch Mã, núi nghỉ mát ở Tây Nam thành phố Huế. Vladimir tham gia mọi sinh hoạt chính trị của người Pháp tại Trung Kỳ, được bầu vào Hội đồng thành phố Huế và Hội đồng Tư vấn Trung Kỳ, ông là nhân viên đắc lực của Hội Đô thành Hiếu cổ xã (AAVH), giải quyết nhiều vấn đề tài chánh cho hội. Cô em gái út của gia đình Morin lại kết hôn với một nhân vật đóng góp vô cùng to lớn cho văn học Trung Việt là Bác sĩ Albert Sallet, Hải quân y sĩ trung tá, cây viết đắc lực nhất của Bulletin des Amis du Vieux Huế, tác giả của nhiều công trình khảo sát y học và địa dư. Ông giám đốc Hotel Morin mất năm 1942, thọ 64 tuổi, ba năm trước khi quân đội Nhật tước khí giới người Pháp. Cơ sở thương mại giao lại cho ba người con trai lớn Henri, René và Edmond. Nhưng tình hình chính trị ở Đông Pháp đã biến chuyển rất mau một cách khác.

Năm 45 chủ quyền Pháp tại bán đảo Đông Dương mất. Pháp đi rồi Pháp lại về, nhờ thương lượng ăn ý với quân đội Anh (được giải giáp quân Nhật theo quyết định Postdam) ở miền Nam, và với quân đội Tưởng Giới Thạch ở miền Bắc. Hiệp định mồng 6 tháng Ba giữa ông Hồ Chí Minh và chánh phủ Pháp đưa quân đội viễn chinh mới của Pháp trở về Huế. Cơ sở Morin một lần nữa lại đi vào lịch sử, vì quân đội viễn chinh được trang bị tối tân với khí giới Mỹ, thuộc đoàn quân tinh nhuệ của Tướng Leclerc dùng khách sạn Morin để đóng quân một phần, để giữ khu máy phát điện của xưởng thực phẩm trong khách sạn, máy phát điện dùng cho đài phát thanh của quân đội Pháp liên lạc với bên ngoài.

Đêm 19 tháng Mười hai 1946, cả đô thành Huế bốc lửa. Quân kháng chiến đóng bản doanh dưới hầm nấp bom của Tòa Khâm sứ mở từng loạt tấn công vào mặt tiền khách sạn Morin. Đã được chuẩn bị từ nhiều tuần lễ trước, quân Pháp và kiều dân dùng khu Morin làm tiền đồn của hàng rào cố thủ. Kiều dân Pháp đem tất cả bàn tủ giường nệm của khách sạn làm bức tường chướng ngại vật. Chỉ riêng một đêm 3 tháng Giêng 1847 mặt tiền của khách sạn tan nát chịu đựng 60 quả đạn trọng pháo 75 ly; ngày 14 tháng Hai khách sạn hoàn toàn sụp đổ, còn trơ vài bức tường (Jean Cousso dẫn chứng tài liệu chứng kiến của một kiều dân trong cuộc là bà Husson).

Nhưng rồi kháng chiến quân không tiêu diệt nổi ổ cố thủ. Quân Pháp trong phố Tây bắt được viện trợ từ Đà Nẵng lên Huế và lực lượng kháng chiến phải tháo vào rừng. Hotel Morin được tu sửa chút đỉnh làm nơi trú ngụ cho một số Pháp kiều trở lại sinh hoạt. Chỉ tiếc là những đổi thay trọng đại xảy ra trên thế giới trong Thế chiến thứ Hai không làm tỉnh thức các ý kiến thuộc địa quá lỗi thời của người Pháp, dẫn tới cuộc đau thương của nước Việt Nam và riêng của thành phố Huế, như ta thấy ngày nay. Tháng Bảy năm 1951 gia đình Morin bán đoạn mãi cơ sở thương mại của họ gầy dựng trong nửa thế kỷ. Từ năm 1951 đến nay, qua thế kỷ mới, có bao nhiêu biến cố tầm vóc lịch sử đã xảy ra trên cơ sở định mệnh "khách sạn Morin", mà chắc chắn các thành viên của hội Tân Đô thành Hiếu xã đang có những đồ án điều nghiên giúp chúng ta tìm hiểu.

Tài liệu mới nhất của Tân đô thành hiếu xã cho biết năm 1988 công tác đại tu bổ Hotel Morin đã hoàn mỹ. Ban giám đốc khách sạn mới, theo đề nghị của Jean Cousso giữ cái tên lịch sử, gọi cơ sở mới là Hotel Saigon Morin. Ngày khánh thành, ban giám đốc mời gia đình Morin hiện sinh sống tại miền Tây Nam nước Pháp đến dự lễ. Gia đình Morin đem tặng bức tượng bằng đồng thanh của Vladimir Morin đặt trong đại sảnh của khách sạn.

Theo dõi lịch sử Hotel Morin, người dân Huế hay suy tư có thể nhận xét đôi điều. Trước tiên, trên dãy đất cằn cỗi, nơi chôn nhau cắt rốn của người Chiêm thành ngày xưa đã mất đi, cha ông chúng ta đến lập nghiệp thụ hưởng một mảnh đồng bằng bề ngang không đo được quá mười kilomet, lại còn mỗi năm bị cát biển lấn vào vài tấc (công trình nghiên cứu của Giáo sư Tôn Thất Trình), còn ra là người dân gầy miền Trung chắc một phần tiêm nhiễm cái nhiễm sắc thể hoài cổ của dân Chiêm, chỉ hướng về văn nghệ, thơ với thẩn, hát với ca, mà không mấy thích tính toán làm ăn. Vậy mà có một anh chàng người Pháp như Vladimir Morin, chỉ đôi ba mươi năm cần cù, từ một tên làm công chạy hàng đã trở thành một chủ nhân ông tư bản triệu phú. Khoa học gia nhân văn và xã hội sẽ giải thích là anh ta giàu có đức tính doanh thương (entrepreneurship spirit), cộng thêm đức tính cần lao và cần kiệm, lại biết chia sẻ với tha nhân, biết yêu chuộng văn học, đức tính gọi chung là Christian ethics (để tránh dùng chữ Protestant ethics, trong gia đình Morin có một dì phước đạo Gia tô) đã làm tư bản Âu Châu và Mỹ châu hùng cường. Từ đó ta đi tới kết luận là người Huế không lập nghiệp được trên đất Huế trong nghìn năm trước và bây giờ, chắc hẳn là lỗi ở khí chất (temperament) đã ảnh hưởng đến cách suy nghĩ, cảm xúc và ứng xử của con người, và lỗi ở tâm tính (mentality), tính chất riêng của cá nhân không thích bon chen.

Nhận xét thứ hai cũng trên ý thức văn nghệ. Một trăm năm ta học tiếng Pháp, được nhắc mãi là văn chương của nòi giống gô-loa phong phú nhất. Bây giờ được sống đầu óc cởi mở hơn lại thấy khác. Vì thử ngày nay có một ông sinh viên thạc sĩ (master's degree, danh từ giáo dục mới) hay tiến sĩ (doctoral degree) nào ở bên nhà hay ở ngoài còn vọng về xứ sở, đi tìm các tình tiết đời sống của một gia đình trung lưu Pháp kiều di cư sang đất thuộc địa Đông Pháp chẳng hạn, tài liệu để khai thác được thật là hiếm hoi. So sánh với văn học anglo-saxon như văn chương Anh và Hòa Lan chẳng hạn (hai quốc gia này cũng đã chiếm đất thuộc địa ở Ấn Độ, Nam Dương, Mã Lai...) có vô vàn thiên ký sự, ký ức, hồi ký, truyện ngắn, truyện dài bằng Anh ngữ hoặc Hòa Lan ngữ (dịch sang tiếng Anh) của Ruyard Kipling, của Somerset Maugham, của Edward Dekken..., văn chương thanh thoát, tình ý sâu đậm, cách xa những bản ký ức của Bourrin và De Lafferanderie đã nói ở trên.

Kết luận thế nào, người viết những dòng này cầu xin là vì mình học chưa thấu đáo nên nói sai, và trong tương lai có nhiều vị thức giả sẽ tìm khảo nhiều hơn, bổ túc cho vấn đề tưởng là thiếu sót này.

■ ***Nguyễn Phúc Bửu Tập***

XUÂN TRẮNG

Mùa Xuân hoa tuyết bay
Đơn lẻ cánh đào gầy
Chơ vơ trong giá lạnh
Sầu này ai có hay!

Mùa Xuân hoa tuyết trắng
Ngàn dặm nhớ quê hương
Có mai vàng trong nắng
Và ánh mắt người thương

Mùa Xuân hoa tuyết rơi
Nhớ tiếng mẹ ru hời
Mừng con thêm một tuổi
Mẹ dần xa cuộc đời!

Mùa Xuân nơi xứ lạ
Màn mưa tuyết nhạt nhòa
Chút trầm hương khơi dậy
Cõi lòng thêm xót xa!

Xuân đến mang theo những ngỡ ngàng
Mộng ước phủ dần bụi thời gian
Tuyết rơi, rơi mãi thêm niềm nhớ
Một thoáng tình xưa nghĩa đá vàng.

Xuân 2000
Hoàng Bích Đào

NGƯỜI KIẾN TRÚC DINH ĐỘC LẬP:

KTS NGÔ VIẾT THỤ VỪA QUA ĐỜI

Tôn Thất An Cựu

Kiến trúc sư Ngô Viết Thụ, Khôi Nguyên La Mã năm 1955 và là người thiết kế đồ án Dinh Độc Lập Sài Gòn và Trung Tâm Nguyên Tử Đà Lạt vừa qua đời lúc 10 giờ sáng tháng 3 năm 2000.

Sinh trưởng tại Huế trong một gia đình thanh bạch, thủa thiếu thời ông phải đi dạy kèm con cái các nhà giàu để có tiền ăn học. Cơ duyên đưa đẩy, chính nhờ việc dạy kèm mà ông gặp được cô học trò giỏi, vừa đẹp người lại vừa đẹp nết đã trở thành người bạn đường tri kỷ một đời. Và cũng nhờ gia đình vợ giúp đỡ, Ngô Viết Thụ được đi du học ngành kiến trúc ở Pháp năm 1950. Tại Pháp, ông được một giáo sư có nhiều uy tín là kiến trúc sư Lemaresquier thương mến và nâng đỡ tận tình. Do sự khuyến khích của giáo sư Lemaresquier, Ngô Viết Thụ ghi danh học thêm ở Viện Kiến Thiết Đô Thị Paris.

Trong khi còn là sinh viên kiến trúc Paris, Ngô Viết Thụ đã đoạt giải Paul Bigel do Viện Hàn Lâm tổ chức. Năm 1955 ông được chọn làm đại diện tham dự giải Khôi Nguyên La Mã (Premier Grand Prix de Rome). Tuy là một vinh dự nhưng cũng là một đòi hỏi lớn cho bản thân vì phải ganh đua với hàng trăm thí sinh xuất sắc, của Âu Châu. Năm đó cuộc thi chỉ còn có 10 người vô chung kết. Đề tài thi cuối cùng là phác họa một "Ngôi Thánh Đường trên Địa Trung Hải". Hội đồng giám khảo gồm 29 kiến trúc sư thượng thặng của ngành kiến trúc Âu Châu. Đồ án của thí sinh Ngô Viết Thụ được Hội Đồng tuyển chọn nhưng vị Chánh chủ khảo đã gọi Ngô Viết Thụ vào phòng thi để chỉ trích ông về điểm ông đã vẽ ngôi Thánh đường xây lưng về thánh địa Jesusalem. Nhờ lanh trí và nhờ cái vốn kiến thức về Hán học, thí sinh Ngô Viết Thụ đã viện dẫn tư tưởng triết học Đông phương để biện minh: "Chúa trời là Thượng Đế, là đấng tạo hóa, do đó Chúa có mặt khắp nơi, nơi nào có ánh sáng là có Chúa". Trong một dịp tâm sự với kẻ viết bài này, KTS Ngô Viết Thụ đã nhắc lại kỷ niệm trên đây và nói: *"Lúc đó bỗng nhiên tôi nhớ tới chữ Hán trong sách Minh Tâm Bửu Giám là "Hoàng thiên vô bất sở tại", câu đồng nghĩa với trời có mặt khắp nơi".*

Nhờ tài ứng đối trôi chảy mà thí sinh Ngô Viết Thụ thuyết phục được vị Chánh chủ khảo để hân hoan lãnh giải Khôi Nguyên La Mã, đem lại vinh dự cho dân tộc Việt Nam. Lúc đó ông vừa tròn ba mươi tuổi. Giải này đã đem lại cơ hội ngàn năm một thuở: Ông được cấp học bổng 3 năm liền để ở lại Ý Đại Lợi nghiên cứu và sáng tác. Và lại được ở ngay trong khu biệt thự Médicis, một tài sản lớn của Pháp ở Thủ đô nước Ý. Chính nơi đây, KTS Ngô Viết Thụ đã thai nghén nhiều đồ án kiến trúc để áp dụng trong tương lai tại Việt Nam và đã làm vẻ vang cho sự nghiệp của ông.

Tác giả bài này, trong lần về Sài Gòn, vì bận việc gia đình ở Huế nên chưa vào Sài Gòn để đến thăm ông thì nghe tin KTS Ngô Viết Thụ đã ra đi. Tôi bàng hoàng xúc động như vừa mất một người ruột thịt. Vì vậy, khi vào tới Sài Gòn là tôi tạt qua nhà ông ở đường Đoàn Thị Điểm để chia buồn cùng

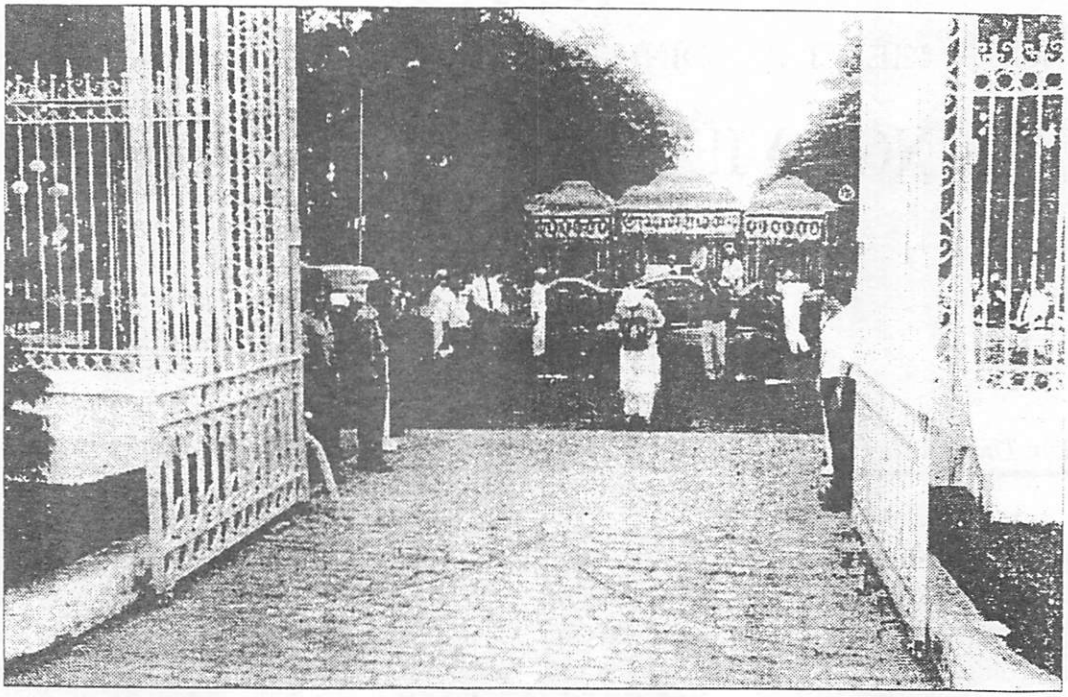

Xe tang của KTS Ngô Viết Thụ dừng trước cổng Dinh Độc Lập

tang quyến. Đón tôi ở cổng là con gái thứ của ông. Nước mắt lưng tròng với giọng nói trầm buồn, cháu Ngô Thị Anh Đào đã kể cho tôi nghe những giây phút sau cùng của thân phụ.

Ông bị stroke ngày 4-3 và êm ái ra đi lúc 10 giờ sáng ngày 9-3- 2000, sau khi đã dặn dò các con hãy thương yêu đùm bọc nhau. Được biết KTS Ngô Việt Thụ có 4 người con hiện sinh sống tại Pháp và hai người đang học ngành Kiến Trúc tại Philadelphia.

Vẫn theo lời con gái KTS Ngô Viết Thụ thì để tỏ lòng kính mến đối với một bậc thầy trong ngành kiến trúc Việt Nam, Viện Trưởng Viện Đại Học Kiến Trúc Sài Gòn cùng với một số Giáo sư và cũng là môn đệ của ông, đã đứng ra xin phép nhà chức trách địa phương cho phép xe tang cố KTS NGô Viết Thụ được dừng lại trước cổng Dinh Độc Lập (cũ) để vong hồn ông được nhìn lại lần cuối cùng tác phẩm ông đắc ý nhất trong số các tác phẩm kiến trúc mà ông đã thực hiện trong suốt cuộc đời.

Điều làm tôi cảm động nhất là khi được cháu Anh Đào cho biết, khi nghe tin Huế bị lụt lớn, ông khóc và buồn bã suốt mấy ngày và than thở với con gái: *"Ba buồn lắm, là một Kiến trúc sư mà ba không tìm ra được một mẫu nhà chống lụt cho đồng bào ở Huế. Ba muốn thiết kế một mẫu nhà nổi có giây neo (Cable) như mẫu nhà nổi ở sông Mississipi bên Mỹ, nhưng chưa có đủ tài liệu."*

"Thiệt thương cho ba cháu, lúc nào cũng ôm ấp hoài bão xây dựng quê hương, chưa thực hiện được nguyện vọng cuối cùng thì đã ra đi!" Con gái KTS Ngô Việt Thụ kết thúc câu nói bằng tiếng nấc nghẹn ngào đầy nước mắt.

Vĩnh biệt anh Ngô Viết Thụ, một nhân tài của đất nước.

Xin cầu nguyện hương linh anh sớm về miền Cực Lạc và xin anh phù hộ cho cháu Ngô Nam Sơn, con trai của anh sẽ thay anh thiết kế đồ án *"Ngôi nhà chống lụt"* cho đồng bào mình trên quê hương khốn khổ.

Quận Cam, tháng 4-2000

■ ***Tôn Thất An Cựu***

Vài nét đại cương về Văn Tịch Chí của Phan Huy Chú 潘輝注 文籍誌

Đoàn Khoách

Năm 1993 di sản Hán Nôm Việt Nam được Viện Nghiên cứu Hán Nôm hợp tác với Học viện Viễn đông Bác cổ Pháp thu lục một cách tương đối quy mô vào 3 tập *Thư mục* gồm 2932 trang (1). Tuy nhiên, kể về thư tịch học Việt Nam thì *Văn Tịch Chí* lại là một trong số hai cuốn sách xưa nhất và quan trọng nhất. Ngoài công dụng của một tài liệu tham khảo cần thiết cho ngành nghiên cứu Việt học, *Văn Tịch Chí* còn là một tuyển tập hiếm những thi văn Việt Nam của lịch triều bằng chữ Hán. Dưới đây chúng tôi xin sơ lược vài nét đại cương về tập sách đó.

*** I. Nguyên lai:**

Văn Tịch Chí nguyên là một phần trong bộ *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí* của Phan Huy Chú, ghi chép những sách vở của người Việt Nam viết bằng chữ Hán và chữ Nôm từ thời Lý (thế kỷ XI) đến thời Lê Trịnh (thế kỷ XVIII). Sách được soạn ra dưới thời Gia Long (khoảng từ 1809 đến 1819) nhưng đến năm 1821 tác giả mới dâng lên vua Minh Mệnh.

Sách chép tay gồm 49 quyển chia làm 10 chí:

1- Dư địa chí (quyển 1-5)
2- Nhân vật chí (quyển 6-12)
3- Quan chức chí (quyển 13-19)
4- Lễ nghi chí (quyển 20-25)
5- Khoa mục chí (quyển 26-28)
6- Quốc dụng chí (quyển 29-32)
7- Hình luật chí (quyển 33-38)
8- Binh chế chí (quyển 39-41)
9- Văn tịch chí (quyển 42-45)
10- Bang giao chí (quyển 46-49)

Từ trước đến nay, nhiều học giả cho *Hiến Chương* (2) là bộ Bách khoa toàn thư đầu tiên của Việt Nam. Nhưng một số khác lại cho *Hiến Chương* chỉ là một bộ sử chép theo lối "chí" tương tợ các phần cổ sử Trung Quốc trong *Nhị Thập Ngũ Sử*, châm chước cách chép *Đại Việt Thông Sử* của Lê Quí Đôn. Cho dẫu quan niệm thế nào chăng nữa, thiết tưởng giá trị của *Hiến Chương* cũng vẫn nguyên vẹn với một nội dung Việt Nam bao quát phong phú, với một chiều hướng biên khảo tiến bộ, với một phương pháp thực thi nghiêm túc. Sách tuy quí nhưng từ trước đến nay vẫn chưa được phổ biến rộng rãi. Ngoài bản chép tay của soạn giả dâng lên vua, tất cả những bản khác hiện tìm thấy được cũng chỉ là những bản chép tay lại, hoặc đầy đủ hoặc thiếu sót.

Theo sự tìm hiểu của chúng tôi trước đây, tại thư viện của Viện Khảo cổ Sài gòn có 5 bộ *Hiến Chương* chép tay dưới hình thức khác nhau nhưng đều mang số VS-40. Tuy nhiên cả 5 bộ không bộ nào đầy đủ và đặc biệt đều thiếu phần *Văn Tịch Chí*. Ngoài ra Viện Khảo cổ còn có hai bộ nữa bằng phóng ảnh và vi điện ảnh. Một của Đông Dương văn khố ở Nhật Bản mang số SA-1/6 và một của Trường Viễn đông Bác cổ Hà Nội mang số A-50-13. Hai bộ này có đủ phần *Văn Tịch Chí*. Riêng bộ A-50-13 theo học giả Trần Văn Giáp thì *"có lẽ là một bản chép lại của một bản chép tay nào của Sử quán Huế vào khoảng năm 1904. Sách chép trên giấy tây khổ 31x21 cm, chép theo hàng ngang từ trái*

sang phải, tờ hai trang, trang 16 dòng, dòng 13 chữ, đóng thành bốn tập lớn". (3)

Mặt khác, theo thư mục của Đông Dương văn khố ở Nhật Bản thì tại đây có ba bộ *Hiến Chương* mang số X-76, X-77, X-78 trong đó bộ X-76 gồm 16 tập và đủ 49 quyển (4). Đó là bản nguyên tác bằng chữ Hán.

Từ những năm đầu thế kỷ XX, một số "chí" của *Hiến Chương* đã được các học giả nghiên cứu và dịch ra Pháp văn hoặc Việt văn.

Năm 1908, R. Deloustal dịch *Hình luật chí* in trong B.E.F. E.O. t.VIII dưới nhan đề La justice dans l' Ancien Annam.

Năm 1924, R. Deloustal lại dịch *Quốc dụng chí* in trong Revue Indochinoise t. XIII dưới nhan đề Ressources financières et économiques de l'Etat dans l'Ancien Annam.

Năm 1931, Trần Văn Giáp nghiên cứu và biên dịch *Văn tịch chí* cùng *Nghệ văn chí* của Lê Quí Đôn (5) ra Pháp văn lấy tên là Les Chapitres bibliographiques de Lê Quí Đôn et de Phan Huy Chú, nhưng mãi đến năm 1938 mới được xuất bản trong B.S.E.I. t. XIII No I ở Sài Gòn.

Năm 1935, E. Gaspardone đã sử dụng tài liệu trong Văn tịch chí phối hợp với tài liệu trong Nghệ văn chí để viết tập Bibliographie Annamite in trong B.E.F.E.O. t. XXXIV. Khoảng năm 1940, Nguyễn Đỗ Mục dịch *Nhân vật chí* ra Việt văn, do nhà Tân Dân xuất bản. Sau đó Nguyễn Tường Phượng nghiên cứu và lược dịch *Binh chế chí,* Bế Lãng Ngoạn lược dịch *Bang giao chí.* Theo Trần Văn Giáp cả hai tập này đều đã được xuất bản.

Năm 1957 Trường Đại học Luật khoa Sài Gòn dịch và xuất bản *Quan chức chí, Quốc dụng chí* và *Hình luật chí.*

Năm 1959 Huỳnh Khắc Dụng trong Sử Liệu Việt Nam có giới thiệu sơ lược *Hiến Chương* và nội dung *Văn tịch chí.* Năm 1960 Hội Việt Nam Nghiên cứu Liên lạc Á châu dịch đăng *Nhân vật chí* trong Tạp chí Văn hóa Á châu từ số 1 đến số 9 tập III loại Mới. (6)

Từ năm 1960 đến năm 1962 Viện Sử học Hà Nội đã phiên dịch và ấn hành toàn bộ *Hiến Chương* của Phan Huy Chú. Chúng tôi đã đối chiếu bản Việt dịch này với bản phóng ảnh chữ Hán mang số A-50-13 của Thư viện Viện Khảo cổ Sài Gòn trong khi viết bài này.

*** II. Tác giả (7):**

Phan Huy Chú (1782-1840) tự Lâm Khanh, hiệu Mai Phong, vốn dòng danh nho thế phiệt, quán xã Thu Hoạch, huyện Thiên Lộc, tỉnh Nghệ An. Thân phụ tiên sinh là Phan Huy Ích (1750-1822) đậu tiến sĩ năm 1775, làm quan dưới hai triều Lê và Tây Sơn; thúc phụ là Phan Huy Ôn (1755-1786) cũng đậu tiến sĩ năm 1780, làm Đốc đồng tỉnh Sơn Tây, Thái Nguyên, tước Mỹ Xuyên bá.

Ngay buổi thiếu thời không những được thấm nhuần một nền Nho giáo uyên bác trong gia đình, tiên sinh chắc chắn còn chịu ảnh hưởng rất nhiều về các trước tác của thân phụ và thúc phụ nhất là quyển *Thiên Nam Lịch Triều Liệt Truyện Đăng Khoa Bị Khảo* của Phan Huy Ôn. Trong sách này Phan Huy Ôn đã khảo cứu sâu rộng và biên chép các truyện về các vị thi đậu tiến sĩ các triều trước theo từng huyện.

Tuy sinh trưởng trong một gia đình danh nho, được đọc nhiều hiểu rộng, song khoa hoạn của tiên sinh thật là lận đận. Sinh vào thời Lê mạt cuối niên hiệu Cảnh Hưng (1782), tiên sinh đã đậu Tú tài khoa Đinh mão (1807) dưới triều Gia Long vào năm hai mươi lăm tuổi. So với cha và chú trước đây cùng tuổi ấy đã rạng danh tiến sĩ trên bảng vàng, chắc hẳn tiên sinh cũng tự coi cái nợ trường ốc chưa trả xong. Nhưng oái oăm thay, mười hai năm sau (1819), khoa Kỷ mão, tiên sinh cũng chỉ được đậu Tú tài một lần nữa. Vì thế mà người đương thời thường gọi tiên sinh là cụ Kép Thày (8).

Nhưng cái rủi đối với tiên sinh lại là cái may cho nền văn hóa Việt Nam. Trong những năm lận đận trường ốc, không phải tiên sinh chỉ riêng dùi mài về lối học khoa cử

như hầu hết các nhà nho khác (9). Tuy còn khắc khoải với nợ bút nghiên, tiên sinh đã có óc nhìn xa thấy rộng. Không đắm đuối vào hình thức bóng bẩy và khuôn khổ chật hẹp của lối học từ chương, tiên sinh đã ngược dòng thời gian, nghiên cứu sự biến chuyển nền văn minh của dân tộc qua các thời đại. Chính trong những năm ấy tiên sinh đã sưu tầm và trước tác xong bộ *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí*. Năm 1821 khi được đặc ân bổ dụng Biên tu Viện Hàn lâm, tiên sinh dâng ngay bộ sách quí đó lên vua Minh Mệnh. Vua đã đặc biệt tán thưởng và ban cho tiên sinh ba mươi lạng bạc, một áo sa, ba mươi ngọn bút và ba mươi thỏi mực quí. Cũng nhờ công trình ấy, tiên sinh được vua biết đến tài văn học quán xuyến của mình, cho nên về sau trong hoạn lộ tuy gặp phải nhiều gian truân nhưng mỗi lần đều được thanh thỏa.

Năm 1824, tiên sinh được cử làm Phó Sứ sang Trung Quốc. Bốn năm sau (1828) được bổ làm Phủ thừa Phủ Thừa Thiên rồi làm Hiệp Trấn Quảng Nam.

Năm 1830, tiên sinh lại được đặc cách thăng Thị Giảng và được cử làm Phó Sứ sang Trung Quốc lần thứ hai. Đường thanh vân tưởng từ nay nhẹ bước. Nào ngờ lúc đi sứ về tiên sinh cùng với Chánh Sứ đều bị cách chức vì tội lạm quyền đối với quan địa phương ở các tỉnh sứ bộ đã đi qua. Dầu sao ngay cuối năm ấy tiên sinh lại được cử tham dự phái đoàn sang Dương-lưu-ba (Batavia). Đi sứ về năm 1833, tiên sinh được bổ Tư Vụ Bộ Công.

Tuy mới ngoài năm mươi tuổi nhưng bao nỗi thăng trầm vinh nhục của bước hoạn đồ đã khiến tiên sinh noi gương các bậc hiền triết, cáo bệnh từ quan trở về dạy học tại làng Thanh Mai, huyện Tiên Phong, tỉnh Sơn Tây. Tiên sinh mất năm năm mươi chín tuổi.

Những tác phẩm của tiên sinh còn để lại, gồm có:

. *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí,*

. *Hoàng Việt Địa Dư Chí,*

. *Hoa Thiều Ngâm Lục,* làm ra khi đi sứ Trung Quốc lần thứ nhất có tựa đề năm 1826,

. *Hoa Trình Tục Ngâm,* làm ra khi đi sứ Trung Quốc lần thứ hai có tựa đề năm 1832,

. *Dương Trình Ký Kiến* hay *Hải Trình Chí Lược,* tập ký sự đi sứ Dương-lưu-ba (Batavia).

*** III. Tác phẩm:**

Văn Tịch Chí là phần chất liệu căn bản và cần thiết cho bộ sách lớn Hiến Chương. Sách bao hàm nhiều ưu điểm về quan niệm, về tài liệu cũng như về phương pháp.

1. Ý thức biên soạn: Với quan niệm truyền thống "Bác học ư văn" của Khổng-tử, trong cương vị một nhà nho Việt Nam, Phan Huy Chú đã đề cao tính cách quan trọng và phong phú của sách vở làm căn bản cho việc xây dựng quốc gia cũng như việc củng cố và phát triển xã hội Việt Nam qua trường kỳ lịch sử. Tuy nhiên để thực hiện ý thức chính đáng đó, tiên sinh đã gặp phải rất nhiều khó khăn trong việc kiếm tìm tài liệu. Chính tiên sinh đã ghi lại những suy tư của mình về ý thức biên soạn trong bài tựa ở loại Văn Tịch Chí như sau: *"Những chính sự của đời trước đời sau phải có sách vở ghi chép, rồi sau mới biết được sự trị loạn, soi xét được cớ hưng suy; sách vở là thứ họp tất cả muôn vật. Trước đời Đinh, Lê văn hóa nước Việt Nam ta chưa mở mang. Từ khi nhà Lý, nhà Trần nổi dậy, văn vật nổi tiếng là thịnh; những tác phẩm của anh quân, lương thần, những áng văn của danh nho, thạc sĩ trong khoảng hơn bốn trăm năm, phô bày rõ rệt. Cho đến đời Hồng Đức nhà Lê ta, vận hội hanh thông, về phần điển chương rất thịnh; ở trên nhà vua sửa sang soạn sách, văn từ tươi đẹp, ở dưới bầy tôi hưởng ứng, sách vở chứa chan, sao mà thịnh thế! Chẳng may gặp lúc tán loạn, đến nỗi tan tác mất đi, khiến người sau tiếc rằng không được đọc nữa. Tuy vậy những sách sót lại, những bản còn lưu, nhiều thứ còn có mà khảo cứu. Những chút đỉnh còn để lại đó, đều là linh hồn trí não của người xưa, có lẽ nào khiến cho mai một không lưu truyền được? Từ đời trung hưng về sau hơn hai trăm năm, sách vở cũng nhiều cuốn còn sao lục được; văn vận đời Hậu Lê lại hơi bừng dậy. Trong thời*

gian đó có những bậc miệt mài về kinh sử, có những bậc phát triển về thơ văn, những tác phẩm đó đều có lựa chọn mà lục ra và biên ký mà phân ra từng loại. Duy chỉ có hội điển của các triều, từ trước đến giờ chưa có hợp lại thành một pho, và trong quốc sử về cách biên niên còn có nhiều chỗ sơ lược. Huống chi từ năm Bính ngọ (1786) có việc quân sự cho đến giờ, những tác phẩm cũ tản mát, bây giờ còn lại chút đỉnh là nhờ sự tàng trữ của các thế gia, sự ghi chép linh tinh ở những sách và bài văn sót lại, thế mà lại còn nỗi hỗn độn nhầm nhặt, chưa phân tích được đầu đuôi; những nhà bàn đến điển cố của lịch triều thật là mênh mang không có chỗ căn cứ. Vậy thời sưu tập những điều kiến văn, phân biệt ra thành mục loại để làm thành ra một cuốn "Hiến Chương" há không phải là một việc cần của học giả sao?" (10)

2. Phương pháp biên soạn: Mục "Phàm lệ" trình bày ở đầu bộ *Hiến Chương* đã chứng tỏ Phan Huy Chú không những có óc khoa học, khách quan sưu tập các tài liệu cổ, mà còn có óc phê bình xét đoán, biết cân nhắc giá trị của từng văn kiện mỗi khi cần đến. Vì thế những tài liệu tham khảo đều được tiên sinh chỉ dẫn xuất xứ rõ ràng. Nếu gặp chỗ kiến giải dị đồng, tiên sinh đều lấy ý mình mà cân nhắc, bình luận, nhưng không quên ghi một chữ "án" (có nghĩa là "xét") lên đầu để phân biệt đó là lời bàn riêng của tác giả. Ngoài ra tiên sinh cũng rành sử dụng phương pháp tổng hợp, không những chép sự trạng, ghi tên sách, mà còn biết thái thủ vững vàng văn chương của các bậc tiền bối.

Văn Tịch Chí được tiên sinh chia làm bốn loại, gồm 213 bộ, có trên 950 quyển:

. Loại hiến chương: 26 bộ
. Loại kinh sử: 27 bộ
. Loại thi văn: 106 bộ
. Loại truyện ký: 54 bộ

Trong số 213 bộ sách trên đây, có bộ còn đầy đủ, có bộ bị thất lạc một đôi phần, có bộ chỉ còn tên nhưng không còn sách, nhưng tất cả đều được tiên sinh giới thiệu khúc chiết rõ ràng nội dung, tác giả và không quên nêu những lời nhận định khái quát nhằm mục đích cho người đọc thấy được giá trị của toàn quyển sách hoặc giá trị của một bài, một đoạn thơ văn trích dẫn.

3. Phần Việt dịch: Đề cập giá trị của bộ *Hiến Chương*, Giáo sư Vũ Văn Mẫu đã viết: *"..... chỉ cần nhớ lại rằng quá một nửa tài liệu trong các lời chú thích của pho Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục đã mượn ở bộ sách của Phan Huy Chú. Một pho tài liệu phong phú và hữu ích như vậy tất nhiên cần phải được dịch toàn bộ....."* (11). Tiếp theo lời Giáo sư họ Vũ, chúng tôi còn có thể nói thêm rằng giá trị tài liệu của bộ *Hiến Chương* sở dĩ có được là nhờ giá trị tài liệu của *Văn Tịch Chí*. Riêng bản Việt dịch toàn bộ *Hiến Chương* trong có phần *Văn Tịch Chí* mãi đến năm 1962 mới được thực hiện (12). Dịch giả *Văn Tịch Chí* gồm có năm người trong Tổ phiên dịch Viện Sử học Việt Nam là Nguyễn Trọng Hân, Trịnh Đình Rư, Cao Huy Giu, Trương Văn Chinh, Nguyễn Mạnh Duân và người hiệu đính là Đào Duy Anh.

Đối chiếu bản Việt dịch này với bản chữ Hán bằng phóng ảnh mang số A-50-13 của Viện Khảo cổ Sài Gòn, chúng tôi thấy trên đại cương bản Việt dịch theo sát bản chữ Hán. Tuy nhiên đi vào chi tiết hai bản không phải không có những dị biệt. Không kể những chữ trong hai bản khác nhau như: Hoàng triều ngọc điệp và Lý triều ngọc điệp, Chu huấn vựng toản và Chu huấn toản yếu,... mà còn khác nhau về thứ tự của từng đoạn nữa. Ví dụ trong bản chữ Hán ở đoạn thơ văn đời Trần về bộ *Nhị Khê tập* của Nguyễn Phi Khanh không ghi bài *"Gia viên lạc thi"* (bài này được để vào đoạn thi văn đời Lê, sau tác phẩm *"Kinh nghĩa chư văn tân tập"* của Nguyễn Trực). Trong bản Việt dịch, bài thơ trên được để đúng vào vị trí của nó. Như thế chứng tỏ các dịch giả ngoài việc sử dụng bản A-50-13, còn tham khảo thêm vài bản chép

tay khác tại Thư viện Hán Nôm ở Hà Nội để hiệu chính nguyên bản.

4. Tuy nhiên, bản Việt dịch *Văn Tịch Chí* nói trên không có kèm theo phần chữ Hán. Đó là một sở đoản. Nhận thấy *Văn Tịch Chí* không phải chỉ là một tập sách ghi chép tình trạng thư tịch Việt Nam của lịch triều một cách khô khan vắn tắt, nhưng đó còn là một tuyển tập thi văn Việt Nam quan trọng viết bằng chữ Hán. Thi văn trích dẫn trong đó dài ngắn không đồng đều. Có khi chỉ hai câu ngũ ngôn như bài *"Đăng Dục Thúy sơn lưu đề"* trong *Hiệp Thạch tập* của Phạm Sư Mạnh (bài số 34), hoặc hai câu thất ngôn như bài *"Quá Thần Phù"* trong *Giới Hiên thi tập* của Nguyễn Trung Ngạn (bài số 27); có khi gồm cả một bài dài đến hai mươi bốn câu thất ngôn như bài *"Tiêu dao ngâm"* của Ngô Thời Ức (bài số 93), hoặc hai mươi hai câu dài ngắn khác nhau như bài *"Côn Sơn ca"* của Nguyễn Trãi (bài số 17).

Cũng nên thấy thêm rằng trong khi trích dẫn thi văn của các tác giả đời trước, Phan Huy Chú đã cố gắng lựa chọn những thi văn phẩm nào khả dĩ tiêu biểu được tâm thuật của mỗi một cá nhân, sắc thái riêng tư của mỗi từng thời đại. Vì thế chúng tôi tưởng nên cố gắng đưa thêm bản chữ Hán (bản A-50-13 chẳng hạn) vào sau bản Việt dịch nhằm giúp người đọc có cơ hội đối chiếu bản dịch với phần chính văn của các thi văn phẩm đó. Vẫn biết sưu tầm được nhiều bản *Văn Tịch Chí* khác nhau để làm công việc khảo dị một cách nghiêm túc thì tốt hơn, nhưng thiết tưởng trong tình trạng khan hiếm những tài liệu căn bản hướng dẫn công việc nghiên cứu Việt học như hiện nay, sự có mặt bộ Hiến Chương (cả phần chữ Hán lẫn bản Việt dịch) là một điều cần thiết. Riêng đối với công việc tìm hiểu kho tàng văn học Hán Nôm Việt Nam trong quá khứ, phần Văn Tịch Chí trong bộ Hiến Chương nói trên, chắc hẳn sẽ giúp ích không ít cho các bạn trẻ hiếu học.

Huế 1970, San Diego 1998

■ ***Đoàn Khoách***

Chú thích:

(1) Viện Nghiên cứu Hán Nôm và Học viện Viễn đông Bác cổ Pháp, Di sản Hán Nôm Việt Nam thư mục đề yếu, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội Hà Nội, 1993, gồm 3 tập 2932 trang, 5038 đầu sách, trong đó *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí* ở số 1977, gồm 20 bản đủ thiếu khác nhau và có mã số khác nhau.

Về thư tịch chí, cũng nên biết thêm *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm* của Trần Văn Giáp do Nhà xuất bản Văn Hóa Hà Nội xuất bản năm 1984 và 1990, gồm 2 tập, trên bảy trăm trang khổ lớn, thu nhặt, giới thiệu 428 tác phẩm trong đó *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí* ở số 415. Sách tuy dung lượng còn khiêm tốn, nhưng có giá trị thông tin cao, có công tác văn bản học nghiêm túc.

(2) Gọi tắt tên bộ sách *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí* của Phan Huy Chú.

(3) Trước biến cố Tết Mậu Thân, Phòng Nghiên cứu Văn học Việt Nam thuộc Trường Đại học Sư phạm Huế có một bản phóng ảnh phần *Văn Tịch Chí* của bản này.

(4) Xem *Đông Dương Văn Khố*, Chiêu Hòa thập tứ niên thập nhị nguyệt, Đông Dương Văn Khố phát hành, trang 97.

(5) *Nghệ Văn Chí* là một phần trong Đại Việt Thông Sử của Lê Quý Đôn.

(6) *Nhân vật chí* gồm 7 cuốn, từ cuốn 1 đến cuốn 12. Bản dịch trong Tạp chí Văn hóa Á châu mới thấy đăng có một phần chưa hết cuốn thứ 8.

(7) Tham khảo một phần trong *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí* của Giáo sư Vũ Văn Mẫu, Đại học Luật khoa Sài Gòn, 1957.

(8) "Thày" là tục danh của làng Thụy Khê. Dòng họ Phan Huy Chú vốn ở Nghệ An, đến đời ông viễn tổ của tiên sinh tên là Cẩn mới dời đến làng Thụy Khê, huyện Yên Sơn, phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây.

(9) Nói đến lối học của các nhà nho đương thời, Lê Quý Đôn trong bài tựa sách *Nghệ Văn Chí* đã viết: *"... Các học giả chỉ sưu tầm văn chương về khoa cử để mong kiếm lấy cái đỗ ông Nghè ông Cống; nếu thấy các sách của đời trước không dính gì với lối học khoa cử thì vất bỏ hẳn không sao lục nữa; thỉnh hoặc có người sao lục thì lại sơ lược trong sự đối chiếu và kiểm soát..."*

(10) *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí*, Đại học Luật khoa Sài Gòn, 1957, trang VIII-IX.

(11) *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí*, Sđd. tr. X.

(12) Vào khoảng cuối thập niên bảy mươi, nghe nói Ủy ban Dịch thuật Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa ở Sài Gòn cũng đã xúc tiến việc dịch lại toàn bộ *Hiến Chương* ra tiếng Việt (?).

*

NGHE TIN HUẾ BÃO LỤT

Ở phương xa
cách ngàn vạn dặm quê hương
bỗng tin đâu đưa đến
như xét đánh bên tai
nghe lòng đau như dao cắt
đôi mắt cũng lệ nhòa

Huế ơi Huế
ôi! Huế tang thương
Huế đang chìm trong biển nước bao la
cả đất trời vần vũ phong ba
sao thương quá
quê miền Trung
xứ dân gầy bao đời thống khổ
đã ngàn năm
đất cày lên sỏi đá
khiến ai cũng ngậm ngùi
đông thì thiếu áo
hè thì thiếu ăn
chừ thêm tai ương ách nước
làm sao mà sống được
với năm tháng cơ hàn

Huế ơi Huế
cảnh tượng quá hãi hùng
cả biển nước trào dâng
ào ào sóng cuộn
không thấy đâu bến bờ
cuốn phăng đi tất cả
trong phút chốc
nhà tan cửa nát
xác trôi sông
tấp bờ tấp bụi
bao gia đình ly tán
con tìm cha
vợ tìm chồng
xác bồng bềnh trôi dạt biển đông

Ôi! qua bao ngày
thắt lưng buộc bụng cả đời người
không dám ăn, dám mặc
để phòng khi mưa nắng
giờ còn đôi tay trắng
cơm đâu ăn
áo đâu mặc
nước đâu uống
nhà đâu ở
người thân cũng không còn

Ôi! đất trời
đọa đầy chi dân miền Trung đã nhiều thống khổ
đã bao ngày vất vưởng
bữa đói,bữa no
rau cháo thay cơm cho qua ngày đoạn tháng
con nước trôi đi
sau cơn hung ác
tàn phá khắp nơi
trả lại mặt đất
không còn chi để sống

tất cả đã tan hoang
còn hơn cơn địa chấn
đậu đền đài miếu cũ
của cha ông để lại
của một chút tự hào
của bao đời trân kính
và tiên tổ
cũng không nơi nương tựa
cho đến người
cũng tàn tạ tháng ngày

Tôi nơi này
cũng tha hương cầu thực
từ quê nhà lưu lạc đến nơi đây
nghe linh hồn cũng ngập lụt
cũng phong ba bão táp
oan nghiệt cũng chực chờ
xin gửi Huế
nén hương lòng tưởng niệm
và quê hương
cũng thôi hết đọa đày.

Trần An Tâm

Dòng sông quá giang

Lệ Ba

Bỏ lại sau lưng sắc đẹp mặt trời của dòng sông Nhật Lệ, tôi theo gia đình vào Huế khi còn đang được ẵm ngửa trên tay. Ba tôi cưới Me tôi khi Người ra làm việc ở Đồng Hới. Và tôi "Con Mèo" là kết quả mối tình giữa một bác sĩ và một sage-femme trẻ đẹp của cái thành phố có động Phong Nha nổi tiếng tuyệt vời.

Ngôi nhà mang số 17 đường Khải Định về sau đổi thành 23 Nguyễn Huệ — nơi gia đình tôi dọn về, không cách bờ hữu ngạn Sông Hương bao xa ấy, chính đã là nơi chứng kiến điều mà sau này tôi mới hiểu ra những cuộc sửa soạn vào Đời. Ba tôi nuôi ăn học hầu hết con cháu trong gia đình, kể cả con em bạn bè phương xa muốn về Huế theo học Khải Định và Đồng Khánh. Ngôi nhà vì thế thực sự đã trở thành một "ký túc xá" gia đình có một không hai.

Tôi còn nhớ như in căn nhà học bao quanh bởi vườn cây trái bốn mùa, nơi trọ học người học sinh được Ba tôi chọn làm gia sư cho các anh chị lớn là Huy Cận. Rồi một chàng nữa, lại thường đến thăm bạn, Xuân Diệu. Có Trời hiểu vì sao tình cờ người chị thứ tư của tôi lại đúng tên Diệu Xuân. Thế là mỗi khi thoáng bóng đầu tóc rối bù của chàng Xuân Diệu trước ngõ thì lũ con nít lại đồng thanh (thật oan cho Chị) "Xuân Diệu — Diệu Xuân" cho đến khi bị dọa đánh đòn mới thôi. Ngôi nhà Ba tôi vì thế, rộn rịp quanh năm, tiếng dạy, tiếng học, tiếng nô đùa... và tiếng thơ. Bài *Tình Tự* nổi tiếng nếu không muốn nói cả nguồn cảm hứng thi ca của người thi sĩ Huy Cận dám đã dậy lên từ lòng nước sông Hương những ngày gia sư này lắm:

Lòng em nhớ lòng anh từ vạn kỷ
Gặp hôm nay nhưng hẹn đã ngàn xưa
Yêu giữa đời và hồn ở trong mơ
Tình rộng quá đời không biên giới nữa
Đây cửa mộng lòng em, anh hãy mở...

Và cả nhà thơ Xuân Diệu: mối tình trai gái đằng đẵng trong thơ chàng chẳng phải cũng đã dâng lên tự dòng sông này?

Chúng tôi lặng lẽ bước trong thơ
Lạc giữa miền êm chẳng bến bờ
Trăng sáng, trăng xa, trăng rộng quá
Hai người những chẳng bớt bơ vơ...

Và tôi Con Mèo (biệt danh mọi người đặt cho tôi thời thơ ấu) đã chập chững những bước đầu đời cũng từ căn nhà học ấy, cũng từ phía hữu ngạn dòng sông ấy — dòng sông thơm.

Như một bác sĩ y khoa hành nghề lâu năm, Ba tôi rất nghiêm khắc với các con. Sau này khi Người đã vĩnh viễn ra đi, tôi mới sực nhận ra rằng chưa bao giờ có dịp dám nhìn kỹ mặt Ba mình. Dẫu trong sâu thẳm nhất, tôi biết là Người thương tôi nhiều lắm. Đi đâu Ba tôi cũng mang tôi theo để khoe niềm hãnh diện "Con Mèo thuộc Truyện Kiều" của Người. Con Mèo lên 5 hai... chân trước khoanh tròn trước ngực, đọc như bị ma đuổi tràng Kiều 108 câu mỗi khi bị bắt ra "triển lãm" trước các bằng hữu tai to mặt lớn của Ba tôi. Ngôi nhà mang số 17 đường Khải Định mà về sau đổi thành 23 Nguyễn Huệ ấy chính là nơi Con Mèo được / hay bị học thuộc lòng đoạn Kiều định mệnh.

Thế mà đang đúng giữa năm đệ ngũ và giữa mùa yêu, Ba tôi đưa cả gia đình vào Saigon ngay sau khi Ông Nội tôi qua đời. Tôi đã khóc hết nước mắt. Phải là những ai đã sống trọn vẹn những ngày thơ ấu ở Huế mới hiểu được nỗi khủng khiếp mà tôi phải gánh chịu khi được báo tin này. Cái cảm giác bị

búng lên thật cao, rơi xuống bồng bềnh như không đủ trọng lượng khoảnh khắc ấy tôi vẫn còn thấy rõ lắm. Ngay sau đó lập tức, vô số hình ảnh, âm thanh, màu sắc, nghĩa là tất cả những gì giác quan tôi cảm thọ được. Huế lũ lượt chen chúc nhau diễn ra trong đầu, trong mắt, trong tim tôi y như một khúc phim đang quay với đầy đủ tình tiết ác liệt của nó. Nhất là dòng Hương, dòng sông sớm chiều hai buổi soi bóng mối tình học trò đầu đời thơ mộng đã dâng lên thật thiết tha trong tâm tưởng của tôi.

Bao la, câm nín, dịu dàng như thiên chức, Hương Giang nâng đỡ mọi chập chững ban đầu, nhưng khi con chim ra ràng vỗ cánh phải tung bay thì dòng Hương đã nuốt nước mắt vào trong, không để tình ở lại vướng bước ra đi. Một ân tình như thế của kẻ ở mà nước mắt đã hóa thành kiểu mưa không nơi nào trên đất Việt còn thấy, hay là phải cho thối đất, thối đai đến như vậy mới giúp được người dứt khoát cất bước ra đi?

Mưa chi mưa mãi
Buồn hết nửa đời xuân
Mộng vàng không kịp hái...
(Lưu Trọng Lư, Mưa, mưa mãi)

Tôi bỗng hiểu ra do đâu Huế đã mưa không ngớt giọt hàng tháng trời. Chỉ như một quán đời mở lòng đón những người con Việt trọ qua đêm trước ngày bôn ba Đời nhập cuộc, đóng "nhãn hiệu trình tòa". Huế đã ân tình, nhưng không giữ chân ai...

*

Con Mèo xa Huế, mang theo cả cái nôi thơ ấu, cả hình ảnh bờ tường dợn sóng căn nhà học số 17 đường Khải Định, và cả chuỗi 108 câu thơ Kiều đậm nét... Cho tới nay , từ sau câu *"Ngày xuân con én đưa thoi"* đến khi *"Hai Kiều e lệ nép vào dưới hoa"* thì chính tôi cũng khó hiểu là duyên nợ gì mà bấy giờ mình đã thuộc trọn cái đoạn thăm mả Đạm Tiên ấy. Nhưng cũng chính cái đoạn có câu *"Sè sè nắm đất bên đàng, Dàu dàu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh"* này mà tôi cứ bị các anh chị lớn trêu ghẹo không tha: "Ê, Mèo, xè xè... gì nữa?" khiến tôi từ đó không còn dám tiếp tục thăm Mả Đạm Tiên nữa.

Cho đến gần nửa thế kỷ sau, khi vết chân Mèo đã vươn tới chân trời, thì nấm mồ định mệnh mà cuộc viếng thăm tưởng chừng bỏ dở năm nao, đã thôi thúc nhức nhối bật thành giọng ngâm... Tôi mơ hồ cảm thấy hình như có một mối giao tình nào đó đã nối Kiều với Huế, với dòng Hương...

Hương Giang nhất phiến nguyệt
Kim cổ hứa đa sầu
(Nguyễn Du - Thu Chí)

Hương Giang trăng chảy về đâu
Miên man năm tháng dòng sầu khôn nguôi

Người thơ ấy, cái hồn dân tộc ấy, cũng đã phải ghé chân qua Huế. Dẫu đã mê câu ví dặm từ những ngày quê cha, dẫu đã lắng gần mười năm điệu chèo quê vợ, dẫu đã đọng nền thi ca ngàn năm quê người, nghĩa là dẫn nàng Kiều đã được thai nghén từ xa xưa lắm, thì phải qua Huế, chuyện Kiều mới ra đời. Chính Huế và chỉ có Huế đã gửi Nguyễn Du đi chánh sứ Trung Hoa, để biết đâu nhờ chuyến Bắc du hơn năm trời ấy mà hình ảnh nàng Kiều của nhà thơ mới được trọn vẹn thành hình?

Tôi bỗng hiểu do đâu, như cô lái đò chở những người con Việt sang sông đi tới chân trời, sông Hương, mà sóng nước đa tình của mắt những người con gái Huế đọng thành dòng chảy — dẫu rộng và sâu, lại rất phẳng lặng êm trôi, dường như lại chỉ trôi ngang... Bao năm lớn lên bên bờ sông, qua lại soi bóng trên sông ngàn vạn bận, phải tận bây giờ tôi mới thật thấu hiểu "lòng sông": quá giang.

Nỗi mơ một ngày... vì thế trở thành da diết hơn bao giờ hết, phút giây đất nước lại thanh bình, bay ngay về Huế, bụm hai lòng bàn tay — nay đã đầy nước sông Seine, sông St. Laurent, nước hồ Ngũ Đại vục vào lòng nước thơm để cám ơn cuộc Quá Giang Đời.

Để lại thêm lần nữa... một Quá Giang.

■ *Lệ Ba*

ĐÒ NGANG

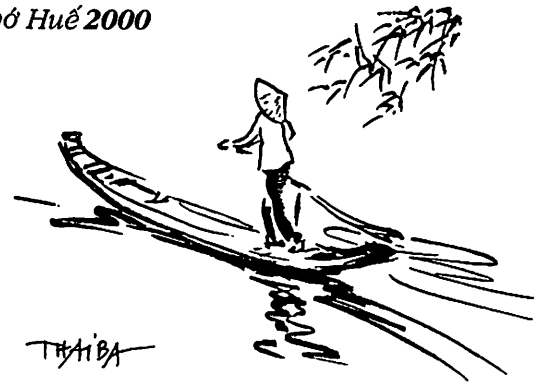

Hoàng Bích Đào

Tôi sinh ra và lớn lên bên bờ Hương Giang, nơi đã ghi dấu những chuỗi ngày thơ dại với rất nhiều kỷ niệm và cả một mối tình thơ mộng đến ngu ngơ.

Mặc dù Hương Giang được nhiều người biết đến không chỉ với chiếc cầu *"sáu vài, mười hai nhịp"*, với dòng nước xanh lơ, lặng lờ trôi chảy... mà còn bởi giọng hò mái đẩy mênh mang trải dài trên sóng nước của những chiếc đò dọc xuôi ngược bán buôn, hoặc bởi những điệu buồn Nam Ai, Nam Bình của các nàng ca nữ liêu trai, trong những chiếc đò mui trần lộng gió cắm giữa dòng Hương thơ mộng vào những mùa trăng.

Riêng tôi, sông Hương chỉ là nơi tôi với bạn bè nghịch ngợm, câu cá, tắm nhảy đua bơi trong suốt những ngày nóng nực của những mùa hè phượng đỏ ve kêu.

Mỗi nhà ở ven sông đều có một bến nước riêng cuối vườn. Vì thế, ngoài giờ học, dòng sông như là một người bạn thân thiết của tôi.

Ven bờ Vỹ Dạ thuộc vùng Hữu ngạn. Nhưng tả, hữu ngạn không nhìn thấy nhau. Chẳng phải vì dòng sông quá rộng mà vì Cồn Hến nổi lên giữa dòng ngăn cách đôi bờ. Được gọi là Cồn Hến có lẽ vì dân ở Cồn hầu hết sống bằng nghề cào hến ở ven sông. Món ăn "Cơm Hến", đặc thù của xứ Huế cũng xuất phát từ đó. Nói đến hến là phải nói đến Cồn và sau này Cồn Hến còn được nổi tiếng với những vườn bắp ngon, ngọt. Người dân Huế chẳng lạ gì hai tiếng *"bắp Cồn"* được các O gánh bán khắp vùng phố trong những buổi trưa hè.

Phải vào những năm cuối của bậc Trung học, tôi mới cảm nhận được cái thơ mộng của dòng Hương. Tầm nhìn cũng đổi khác, dòng sông như hẹp lại, đôi bờ trở thành gần gũi, có lẽ vì cánh tay tôi cũng dài hơn trước, bơi qua sông rồi bơi trở về không mấy khó khăn. Những cây sung, cây cau vươn mình che rợp bến sông đã làm tôi mơ màng như thấy bóng dáng của những nàng Tôn nữ xõa tóc, soi mình trên tấm gương trong suốt.

Văn thơ thường ca tụng cái im vắng, cái ngưng đọng của buổi giao mùa. Tôi không yêu thơ, ít đọc thơ ngoài các giờ Việt văn ở lớp, nhưng hay ngồi một mình câu cá, tôi đã được dịp chiêm ngưỡng, cảm nhận những nét đổi thay, hay đẹp của đất trời khi mùa Hè sắp đi qua và mùa Thu đang dò dẫm đến. Những lúc ấy, dòng sông như ngưng chảy, mặt nước phẳng lặng, êm đềm. Tôi ngồi câu mà tâm hồn đang rong chơi nơi *"Ao thu lạnh lẽo nước trong veo"* của cụ Nguyễn Khuyến.

Không có *"một chiếc thuyền câu bé tẻo teo"* để cảnh sắc thêm thơ mộng nhưng lại được khóm tre già ven bờ rải những chiếc lá vàng một cách bất chợt làm khung cảnh trở nên huyền ảo, mơ hồ. Cơn lốc nhẹ cuốn theo những chiếc lá, bay cuộn lên trời rồi rải khắp mặt nước. Có chiếc xoay tròn như con vụ trước khi xuống nước nằm im; có chiếc nửa nổi nửa chìm, như con thuyền buồm lộng gió lướt nhanh trên mặt nước một quãng dài rồi mới chịu để dòng nước cuốn đi. Tôi nhìn theo chiếc lá, quên cả mọi vật chung quanh và cũng từ đó tuổi thơ nghịch ngợm của tôi cũng đã như chiếc lá... để bắt đầu bằng những *"Chớm Thu buồn"* của tuổi mộng mơ!

*

Cuối mùa Hè này, tôi sẽ rời xa Huế để vào Sài Gòn tiếp tục học. Hồi đó đậu Tú Tài 2, trong xóm đã có người gọi tôi là Cậu Tú, có người muốn gả con gái của họ cho tôi. Mẹ tôi cũng nói, tôi gắng học để sau này có vợ đẹp, con ngoan, giầu sang sung sướng... Chẳng có ai khuyên tôi gắng học để góp phần xây dựng đời mà chỉ vẽ ra một viễn cảnh "vinh thân phì gia". Có lẽ, cũng vì vậy mà xã hội ta đã có một số tay khoa bảng thường "dương dương tự đắc" nghĩ rằng mình phải được xã hội ưu đãi, trọng vọng và chẳng bao giờ có ý thức góp phần!

Riêng tôi cũng tự thấy mình không là "con nít" nữa. Tâm hồn bắt đầu vướng bận nghĩ đến tình yêu gái trai. Có lúc tôi mơ được làm Phạm Lãi, du Ngũ Hồ cùng nàng Tây Thi xinh đẹp, có lúc tôi mơ được cùng người yêu xây nhà bên suối... Mộng mơ, mơ mộng mãi, cuối cùng tôi đã gặp và đã có một mối tình.

Tắm sông vào buổi trưa là chuyện thường tình, nhưng khoảng thời gian gần đây, đối với tôi gần như là việc không thể thiếu. Bởi vì lúc tôi xuống tắm ở bên này thì bên kia bờ, một cô gái áo hồng cũng xuống bến nước giặt rửa rất đúng giờ, đúng buổi. Tôi tự hỏi, có phải tại tôi đưa tay vẫy Nàng mấy ngày trước, nên Nàng để ý và có ý xuống bến sông để gặp tôi? Hay là Nàng đi giặt vào giờ đó chỉ là sinh hoạt thường nhật? Tôi mong rằng, hành động của Nàng mang một ý nghĩa đặc biệt như cuộc hẹn hò.

Đôi bờ khá rộng, qua bóng dáng của Nàng, tôi như thấy khuôn mặt thanh tú, đôi mắt mơ buồn với làn mi cong vút. Mái tóc đen huyền buông thả theo làn gió bay, dáng dấp dịu dàng như nàng Tây Thi giặt lụa.

Suốt cả tuần, ngày nào tôi cũng thấy Nàng và chắc hẳn Nàng cũng thấy tôi.

Rồi một hôm... tôi đến bên Nàng. Nàng không nói, chỉ cầm tay dẫn lên nhà. Hai hàng dậu xanh mướt, cắt tỉa gọn gàng, ở giữa là con đường đất nhỏ sạch sẽ, phẳng phiu. Khung cảnh vắng lặng, êm đềm nghe rõ tiếng chim ríu rít chung quanh. Căn nhà tranh đơn sơ, bao bọc bởi hàng hiên thanh thanh lộng gió. Nàng không đưa tôi vào nhà mà dẫn ra vườn. Hoa thọ, hoa cúc được trồng thành luống, màu sắc rực rỡ, tốt tươi. Chung quanh, hoa chanh hoa bưởi ngạt ngào. Tôi và Nàng, ngắm nhìn đàn bướm lượn, nắm tay nhau đi trong làn gió nhẹ. Mái tóc Nàng bồng bềnh trong màu nắng vàng rực rỡ. Nàng dẫn tôi đi vào cuối vườn, chỉ cho tôi cái võng và đã treo sẵn dưới gốc cây. Tôi nằm võng đọc sách, Nàng ngồi may bên cạnh. Hai đứa không nói gì. Tôi với tay kéo Nàng đến gần, bỗng chiếc võng bị lệch, tôi ngã xuống, giật mình mới biết đang nằm mơ! Tiếc một giấc mơ đẹp, từ đó cho đến sáng tôi nằm mà vẽ vời cuộc sống lứa đôi trong trí tưởng.

Sáng dậy sớm, hít thở không khí trong lành thoang thoảng hương cau. Vài con chim sâu nhỏ đã lao xao, kiếm ăn trên cây khế sau vườn, thỉnh thoảng cất tiếng ríu rít gọi nhau để chia xẻ một ngày vui mới.

Mặt trời đỏ rực, to tròn như chiếc nón bài thơ đang lách mình sau đám tre ở bên Cồn, cố vươn lên bầu trời hồng thắm.

Tôi lững thững xuống ngồi ở bờ đá cuối vườn, mắt hướng về bến nước có bóng dáng người thương bên kia sông. Quang cảnh còn im lìm, những bụi tre già như còn yên ngủ dọc bờ sông. Con đường đất nhỏ ven bờ chưa có bóng người qua lại.

Mặt sông thật yên, nếu không có vài cánh bèo trôi thì tôi đã tưởng như mặt hồ.

Mặt trời lên khỏi ngọn tre, chiếu ánh sáng nhẹ về phía tôi. Dòng nước như chia làm hai màu, nửa bên này xanh nhạt vì được nhuộm ánh nắng mai, nửa bên kia có màu ngọc bích. Đáy nước in ngược hình dáng cây cối ven sông, tạo nên một cảnh sắc thơ mộng.

Một đôi chim sáo tung cánh bay về bên kia sông, tôi nhìn theo mơ màng nghĩ đến rồi một ngày nào đó tôi cũng sẽ lập gia đình như Anh tôi, Chị tôi, như mọi người sống ở trên đời này. Tôi sẽ đi làm, người vợ ở nhà chăm sóc nhà cửa và chờ đợi tôi. Đêm trăng, hai đứa sẽ ngồi bên nhau trước sân nhà, nói với nhau những lời âu yếm để rồi... gió ru giấc ngủ, trăng sao tô điểm thêm hoa mộng tuyệt vời.

Khi gió Đông về, chúng tôi sẽ khoác cho nhau tấm áo ấm của nàng đan. Bên nhau trong khung cửa, nhìn hạt mưa rơi, lắng nghe tiếng rì rào trên mái ngói. Cái rét mướt ngoài trời càng tăng phần ấm áp của đôi lứa yêu nhau dưới mái gia đình. Và tôi, sẽ còn biết bao nhiêu điều hạnh phúc.

Tôi đang đắm hồn trong mơ tưởng, tiếng nói lao xao của những người hàng xóm đi xuống bến sông bên cạnh, đã đánh thức, đưa tôi về với thực tại. Tôi bỗng cảm thấy thẹn với mình vì tôi và Nàng đã có gì đâu? Chỉ là tình yêu đơn phương hay hoang tưởng? Và như vậy thì tôi phải làm một điều gì đó để tình yêu trở thành hiện thực.

Trưa hôm đó, sau những giờ phút mong đợi, Nàng xuất hiện sau hàng dậu rồi từ từ xuống bến sông. Bên này tôi xuống tắm. Có ý định lội qua bên Nàng, nhưng rồi e ngại sợ Nàng nghĩ rằng tôi sàm sỡ. Không có lý, hôm nay cũng như những ngày qua, tôi chỉ ngắm nhìn nàng để rồi *"đâu vẫn hoàn đấy"*.

Đang đắn đo, suy nghĩ bỗng nhiên thấy như Nàng đang ngẩng mặt nhìn về tôi. Tôi phản ứng tức thời, đưa hai tay vốc nước tát lên mặt sông để Nàng chú ý. Hình như Nàng đã hiểu vì Nàng cũng đang vốc nước tạt về phía tôi. Có thật vậy không? Hay Nàng đang xua đi những cánh bèo? Dù sao cũng có chút hy vọng. Tôi nghĩ như vậy và tự nhủ, phải tiến xa hơn nữa.

Đêm đó tôi muốn viết thư gửi Nàng. Nhưng rồi chẳng biết viết gì, nói gì trong lá thư đầu tiên! Tôi nhớ đến mấy câu thơ bất hủ:

"Thiếp tại Tương Giang đầu
Chàng tại Tương Giang vĩ
Tương tư bất tương kiến
Đồng ẩm Tương Giang thủy"

Bốn câu thơ của người xưa tỏ tình thật đẹp và thật ý vị! Phải chi Nàng ở đầu sông, tôi ở cuối sông thì chép tặng Nàng bài thơ này cũng có ý nghĩa, chỉ cần đổi "Tương Giang" thành "Hương Giang" là quá hay rồi! Nhưng khổ nỗi Nàng và tôi ở hai bờ đối diện! Phải mất cả một đêm, cuối cùng tôi dựa vào âm ý của bài thơ chữ Hán để viết tặng Nàng mấy câu:

Sông Hương chia đôi bờ
Nhìn nhau mà không nói
Xin gửi mấy vần thơ
Mong có ngày gặp gỡ.

CƠN LŨ VÀ DÒNG SÔNG

Một kiếp mưa ngàn nhân gian hệ lụy
Một đời nước bạc năm tháng không bờ
Dòng hư vô mái tóc hứa xanh thơ
Gói tha thiết sông lên nhớ bến.
Ôi câm nín là chính lòng Huế đó
Tâm hư vô trắng kiếp nợ mưa ngàn
Dẫu mênh mang bến đợi phá Tam Giang
Uốn vạn khúc không bờ chờ nước bạc
Hư vô chảy xót xa hờn mái tóc
Sông lên hương đâu lỗi kiếp giọng hò
Mà Đông Ba gánh chợ núi chơ vơ
Mà Bến Ngự tả tơi manh thuyền hẹn
Ai trở gót tha hương về Cồn Hến
Người nơi đâu mà giọng chết đáy sông
Vớt giùm ta câu mái đẩy còn ngân
Nước mắt Huế vỗ dòng Hương tha thiết
Con cháu mới chưa một lần Huế thấy
Bạn Huế xưa ríu rít tiếng mô tê
Năm tháng tha phương hẹn một ngày về
Soi bóng nhớ dòng sông ta cơn lũ

Huyền Tôn Nữ Vấn
Cali 11-99

Tôi đọc đi, đọc lại và tưởng tượng khi Nàng nhận được bài thơ này chắc sẽ thích thú và cũng hiểu được tình tôi. Tìm cho được tờ giấy màu xanh, nắn nót viết như thời tiểu học với giờ tập viết, tôi tính ngày mai bơi qua sông gửi bài thơ cho Nàng, tôi cẩn thận xếp gọn và bao bọc lá thư bằng mấy lớp giấy kiếng khỏi thấm nước.

Hôm đó, sớm hơn thường ngày, tôi xuống tắm và bơi qua sông. Lá thư được bao kín ngậm vào miệng. Cũng khoảng 15 phút mới đến được bến nước của Nàng, tôi tính đúng. Nàng chưa xuất hiện. Vội vàng để lá thư trên phiến đá Nàng thường giặt, không quên lấy hòn đá nhỏ đè lên để gió khỏi bay, xong xuôi, tôi bơi trở về. Tuy hơi mệt nhưng lòng tôi vui vẻ, thoải mái vì cảm thấy những đè nén, ẩn ức từ lâu đã được giải tỏa.

Ngồi trên bờ để nghỉ mệt tôi lại bắt đầu hồi hộp đợi chờ, chỉ một lát sau, Nàng đã xuất hiện, chậm rãi đi xuống bến sông. Tôi quan sát thật kỹ, không dám chớp mắt. Tôi có cảm tưởng, Nàng như khựng lại khi thấy trên phiến đá có vật lạ. Tôi nín thở, đợi chờ. Nàng cúi xuống, cúi mình nhặt lấy lá thư rồi hình như Nàng ngước mắt nhìn qua phía tôi. Có lẽ Nàng biết tôi đang nhìn Nàng nên Nàng đưa cao lá thư như ngầm nói với tôi rằng Nàng đã nhận, và bỏ vào túi áo.

Tôi vẫn chăm chú quan sát. Nàng hình như e lệ vì suốt cả buổi, không còn ngẩng nhìn về tôi! Không hiểu nàng vui lòng hay lại giận tôi? Tôi không tìm ra lời giải đáp nào chắc chắn. Thôi thì đành phải chờ đợi ngày mai vậy!

Đêm đó, tôi trằn trọc mãi nhưng rồi cũng qua đêm.

Sáng dậy, mặt trời như lười biếng, phải mất một thời gian dài mới vươn khỏi ngọn trúc bên sông và lâu lắm mới lên được đỉnh đầu. Tôi lại xuống bến sông chờ đợi! Liệu Nàng có bày tỏ gì không? Nếu có, thì bằng cách nào? Hay là cũng bình thường như mọi ngày?

Tim tôi đập dồn dập hơn mọi ngày khi thấy bóng dáng Nàng xuất hiện. Hôm nay, nàng

mặc áo hồng, có lẽ lòng Nàng cũng rộn niềm vui chăng? Hình như Nàng nhìn qua tôi, tôi liền đưa tay lên vẫy như muốn nói rằng tôi đang mong đợi và chờ đón Nàng. Tôi bỗng thấy Nàng, tay nắm một "cái gì đó" đưa cao lên như để cho tôi biết, rồi chậm rãi gài vào khóm tre ở ven sông. Tôi vui mừng vì đoán là tín hiệu tốt cho mối tình của tôi.

Chờ Nàng trở lên nhà, tôi liền bơi qua, một gói lá được gài nơi bụi tre. Tôi hồi hộp mở ra mong nhận được một lá thư hay vài hàng chữ. Nhưng chẳng có gì ngoài hai trái bắp vừa nấu chín còn nóng. Hương thơm ngòn ngọt cho tôi một cảm giác dễ chịu. Mặc dù, hơi thất vọng vì không có ít hàng chữ để tôi hiểu về Nàng, bắp Cồn là một sản phẩm nổi tiếng, có lẽ Nàng muốn bày tỏ cùng tôi một tình yêu ngọt ngào.

Tôi trở về với trái bắp trên tay, dù có làm cho tôi lấn cấn nhưng cũng vui vì nó mang một giá trị đặc biệt, chắc hẳn cũng chứa chất những tình cảm của Nàng.

Thế rồi, trưa nào tôi cũng chờ đợi. Cô gái bên sông cũng thay đổi màu áo nhiều lần. Tôi như thấy đôi má Nàng ửng hồng hơn khi soi mình trên dòng Hương thơ mộng, đôi mắt với rèm mi dài càng thêm huyền ảo dưới bầu trời trong. Trái bắp Nàng tặng tôi hình như ngọt hơn, thơm hơn người ta gánh bán. Tôi sung sướng với mối tình mà tôi nghĩ rằng không còn là đơn phương nữa và mơ ước một ngày mai sẽ cùng Nàng xây nhà bên sông để sống trong tình yêu nồng thắm.

*

Mùa phượng sắp tàn, tiếng ve sầu rã rượi, đã có những chiếc lá vàng rơi rụng. Tôi sắp phải giã từ cô gái bên sông để vào Sài Gòn tiếp tục học hành. Luôn mấy ngày suy nghĩ, phải làm thế nào để cho Nàng biết rằng tôi phải xa bến nước một thời gian. Tôi muốn ngỏ lời hẹn ước để Nàng yên tâm chờ đợi. Lại một bài thơ được hoàn thành, rồi cố tình viết nắn nót thật đẹp để gởi Nàng:

Anh đi, em ở lại
Bến nước có giăng sầu?
Mong tình mình sống mãi
Mai về, chuyện trầu cau.

Lá thư gởi đến Nàng như lần trước. Khi bơi trở về lòng buồn mênh mang và tự hỏi rồi có lúc nào còn bơi trở lại?

Thế là tôi xa Nàng! Trong lòng vẫn còn thường tơ tưởng đến Cô Gái bên sông, người tôi đã trao lời hứa hẹn dù chưa biết tên tuổi, tính tình, gia thế.... Nhưng tôi biết rằng Nàng là người tôi đã yêu và rất mong gặp lại.

*

Năm đó thay vì ở lại ăn Tết ở Sài Gòn, tôi cố gắng thu xếp trở về Huế lấy cớ vì nhớ gia đình. Thật lòng, vì mong nhìn thấy người yêu. Tôi cũng dự định, lần này phải tìm cách qua sông gặp mặt, nói chuyện với Nàng để được yên tâm.

Chuyến xe lửa Sài Gòn - Huế trong những ngày cuối năm vô cùng chật chội! Phải khó khăn lắm mới có được một chỗ ngồi trong toa tàu hạng 2. Ngoài những người buôn bán đường dài, hầu hết là khách viễn phương trở về với gia đình trong ba ngày Tết.

Được ngồi cạnh cửa sổ, nhìn ra bên ngoài thưởng thức cảnh đẹp của quê hương và mơ mộng hình bóng người tôi mong gặp gỡ. Cảnh vật lướt qua mắt tôi, đổi thay một cách thi vị. Khu rừng lá hoang vắng, mênh mông; những cánh đồng "cò bay thẳng cánh"... những hình ảnh cho tôi nhiều ấn tượng là khi tàu bắt đầu tiến vào địa phận miền Trung với núi đồi trùng điệp, với bờ biển trải dài. Những căn nhà nhỏ nằm im lìm rải rác trên những mô đất cao. Quanh nhà bao bọc bởi dàn bầu, dàn bí và những cánh mai vàng vươn mình trong nắng. Hình ảnh tuy đơn sơ, mộc mạc nhưng chan chứa tình xuân. Tôi như thấy một đôi vợ chồng đang sống trong êm đềm, hạnh phúc, ngồi bên nhau, bên bếp lửa hồng ấm áp tình yêu. Tiện nghi vật chất hình như không là cần thiết khi hai người yêu nhau. Tôi cũng ao ước sống cuộc đời như thế. Tình yêu sẽ nuôi dưỡng và tồn tại cho đến khi bạc đầu...

*

Xuân sắp về với Huế. Màn mưa phùn cuối Đông bay theo làn gió nhẹ, khung cảnh vẫn còn đẫm ướt, nhưng sự rộn rịp của mọi người chuẩn bị đón Xuân sang đã làm cho cảnh sắc trở nên sống động, hứa hẹn những niềm vui trong vài ngày tới.

Tôi đã về nhà, xuống nhìn dòng sông Hương. Nước vẫn lặng trôi như tấm lụa dài. Sóng gợn lăn tăn như tấm lòng tôi đang mong được thấy Nàng. Bến nước bên sông không có gì thay đổi. Đám trúc ven bờ còn đó, hàng dậu trên nhà vẫn đậm màu như xưa, nhưng bóng dáng Nàng tôi trông đợi hoài mà chẳng thấy.

Bâng khuâng tôi nhớ về bài thơ của Thôi Hộ:

Khứ niên môn nhật thử môn trung
Nhân diện đào hoa tương ánh hồng
Nhân diện bất tri hà xứ khứ?
Đào hoa y cựu tiếu đông phong.

Thôi Hộ trở lại thăm người con gái năm xưa, chỉ thấy hoa đào khoe sắc thắm mà người cũ chẳng biết về đâu!

Thế nhưng Thôi Hộ hạnh phúc hơn tôi, vì đã đến kịp thời cứu nàng sống lại rồi nên duyên vợ chồng. Còn tôi, cũng trở về, nhưng bến cũ chẳng có người xưa!

Những ngày kế tiếp tôi lại xuống bến nước nhiều hơn, không chỉ buổi trưa mà gần như cả ngày. Thấy tôi mê mải cứ nhìn qua bên kia bến nước, em tôi như sực nhớ.

— Anh biết không, khi Anh đi vài tháng, bên sông có cô gái tự tử. Vừa nói Em tôi vừa chỉ sang bến nước bên kia. Bầu trời như chụp xuống, tôi bỗng dưng như thấy bầu trời đen tối... Giọng xúc động Em tôi kể:

— Hôm ấy, người ta kéo xuống coi rất đông, nhìn qua bên kia sông họ vớt xác người chết. Nghe nói cô ấy thất tình đã cột đá vào cổ tự tử. Phải mấy ngày sau xác cô ấy mới nổi lên...

Em tôi còn đưa tay chỉ sang bến nước mà tôi nghĩ đúng là nơi Nàng thường xuống mỗi ngày.

Ngày Tết chẳng còn ý nghĩa, lòng tôi chẳng còn gì tha thiết. Hoa không còn khoe sắc thắm, tiếng pháo như tiếng nổ trong tim! Tôi ân hận nghĩ rằng có thể vì tôi mà Nàng tự tử? Có thể vì vắng tôi nên Nàng tưởng tôi đã phụ tình...

Nàng? Hoặc gia đình Nàng đã ép duyên mà vì thương tôi, Nàng đã liều mình để giữ trọn mối tình? Tôi thương nàng quá, không còn tha thiết đến ngày xuân. Hương trầm ngày Tết phảng phất trong gió nhẹ, tôi như thấy Nàng đang hiện về, đưa tay vẫy trong làn tóc xõa mơ hồ. Nét mặt u buồn như chứa đựng lời trách móc hướng về tôi.

Tôi quyết định phải đi qua sông để viếng mộ Nàng. Tôi biết trước những khó khăn mà tôi sẽ gặp vì chưa biết mộ Nàng ở đâu và nếu gặp người nhà của Nàng thì tôi sẽ nói ra sao... Nhiều thắc mắc nhưng tôi vẫn quyết tâm thực hiện ý định.

*

Một bó hương gói kín trong tờ báo, tôi đến bến đò ngang để qua Cồn. Chiếc đò vừa cặp bến, mọi người lần lượt xuống. Tôi chậm rãi xuống ngồi bên mạn đò, bất chợt gặp lại người bạn học cũ từ thời tiểu học, đang khệ nệ khiêng chiếc xe đạp xuống đò. Khi anh yên chỗ, tôi mới chào hỏi:

— Mộc, lâu ngày quá mới gặp Bạn. Lúc này ra sao?

Hơi ngỡ ngàng, nhưng rồi cũng nhận ra bạn cũ, Mộc hỏi lại tôi:

— Ồ, Anh! Lâu quá không gặp. Chắc Anh còn đi học? Tôi thì đã đi làm rồi.

Nghe giọng nói không còn "mày, tao", tôi hơi lấy làm lạ nhìn Mộc. Mộc không còn nét nghịch ngợm của tuổi trẻ! Thay vào đó, sự đứng đắn của người trưởng thành. Nét mặt cũng già dặn hơn nhiều, có vẻ "Ông Cụ non" khiến tôi phải thay đổi thái độ và lời nói:

— Anh đi làm chắc là vui? Tôi thì vẫn tiếp tục học.

Mộc cười pha lẫn sự ngượng ngùng:

— Có vui gì đâu, có gia đình thì phải đi làm!

— Đã lập gia đình rồi hả! Lâu chưa? Cưới cô nào bên Vỹ Dạ hay ở đâu?

Nhà Mộc tuy ở Cồn Hến, nhưng gần bờ Vỹ Dạ. Tôi đã có dịp sang chơi và cùng nhau câu cá.

— Tôi lấy vợ cùng quê. Vì hai gia đình quen nhau từ lâu nên làm xui cũng tiện. Hai đứa quen nhau từ nhỏ, nhà ở cạnh nhau, mới cưới vợ mấy tháng mà thôi.

Tôi thầm nghĩ đến tình yêu của tôi với Cô Gái bên sông và tự hỏi, sao Mộc lại có những ý tưởng đơn giản trong việc chọn vợ như vậy? Đời sống vợ chồng được kết hợp bởi những lý do giản dị đến thế hay sao? Chẳng khác gì đi chợ mua con tôm, con cá!

Chuyến đò ngang đã ra giữa dòng, vẫn nói chuyện bâng quơ với Mộc, mắt tôi hướng về chốn cũ, dù biết nàng đã không còn! Sực nhớ, Mộc ở Cồn Hến, có lẽ biết được chuyện tự tử này. Tôi hỏi:

— Nghe nói, mấy tháng trước có người con gái bên Cồn tự tử phải không?

Mộc cố nhớ lại, trả lời không có vẻ gì quan trọng:

— Đâu có ai tự tử, chỉ có Cô ấy mắc bệnh thần kinh, đi xuống sông rồi té chết đấy thôi!

— Sao tôi lại nghe nói Cô ấy cột đá vào cổ để tự trầm mình?

— Người ta đồn đãi vậy thôi!

Tôi lặng người suy nghĩ. Nếu đúng là Cô gái bị bệnh tâm thần thì đó không phải là người tôi yêu. Hay là nàng đã tự tử thật nhưng gia đình sợ mang tiếng nên nói khác đi. Vả

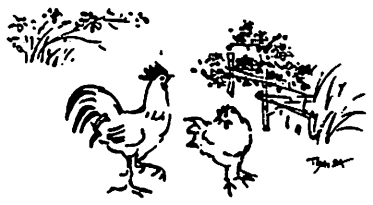

lại, nếu Cô gái bên sông còn sống thì tại sao mấy hôm nay tôi không gặp? Tại sao Em tôi lại chỉ đúng bến nước nhà Nàng?

Rất nhiều câu hỏi, lòng tôi phân vân.

Đò đã cập bến, tôi bước lên bờ. Đang do dự chưa biết đi về hướng nào thì Mộc cũng dẫn xe lên rồi hỏi tôi:

— Anh đi ngã nào? Đi đến đâu?

Tôi trả lời không suy nghĩ, chỉ về hướng nhà nàng tôi nói:

— Tôi đi về cuối Cồn để thăm người bà con.

Mộc vui vẻ, dẫn xe đi cùng và nói:

— Tôi về giữa Cồn, hôm nay ghé nhà của gia đình vợ để ăn Tết. Đi cùng anh cho vui.

Tuy đi với nhau nhưng lòng tôi bấn loạn, chẳng biết gợi chuyện với Mộc. Mộc như có nói gì đó mà tôi chẳng nghe.

Con đường đất ven sông nhỏ hẹp, phải kẻ trước người sau vì Mộc còn phải dẫn chiếc xe đạp. Tôi thầm nghĩ, con đường này từ nay không còn in dấu bước chân Nàng!

Đi một lúc, nhìn qua bên sông, thấy bến nước nhà tôi, như thể là tôi sắp đến nhà Nàng. Tôi đang hồi hộp, bỗng nghe Mộc lên tiếng:

— Lâu ngày không gặp Anh, sẵn đây mời Anh vào nhà bên vợ tôi ăn mứt uống trà cho vui ba ngày Tết.

Cũng muốn hỏi về khu nghĩa trang nên tôi nhận lời. Bến nước nhà tôi đã ở bờ đối diện. Mộc đứng chờ, mời tôi vào nhà.

Hàng dậu nhà Nàng đúng là nơi đây, tại sao Mộc lại vào đây? Tôi vô cùng ngạc nhiên, cố nhìn thật kỹ để xem con ngõ này có phải là nơi Nàng thường xuất hiện? Chưa vững tin, tôi nhìn xuống bến nước thì thấy tảng đá, nơi tôi hai lần gửi thư cho Nàng. Cả bụi tre già, nơi nàng đã gói gém gởi tôi mấy trái bắp, cũng vẫn còn đây. Thật, đúng là nhà Nàng.

Tôi đi vào sân, đứng chờ Mộc dựng xe. Một người đàn bà khá mập, dáng vóc hơi nặng nề, từ trong bếp đi ra, nhìn tôi xa lạ. Mộc vội giới thiệu:

— Đây là vợ tôi, còn đây là Anh bạn học cũ. Anh ấy ở bên kia sông đối diện với nhà mình đó.

Khi nghe tôi ở bên bờ đối diện, người đàn bà chợt ngỡ ngàng và nhìn tôi bằng một cái nhìn thật dài...

Có thể Nàng không phải là Cô Gái tôi yêu vì không có đôi mắt huyền, đôi má thắm, với dáng dấp tha thướt, thế nhưng, màu áo hồng đang mặc, mái tóc dài cuốn lên khiến tôi có thể nghĩ Nàng chính là Cô Gái bên sông, đã không chết mà... đi lấy chồng.

Ngồi với Mộc một lát, tôi nhìn quanh, chẳng có cô gái nào khác trong căn nhà này ngoài Nàng đã là vợ Bạn.

Nàng cũng không xuất hiện, không hiểu Nàng có biết hai bài thơ của người bên sông tặng, chính là tôi không?

Giã từ Mộc, tôi bâng khuâng tự hỏi, có phải tôi đã yêu người con gái qua phóng ảnh của tôi, chứ chưa hề yêu con người thật là Nàng. Từ đó, tôi như trút đi một gánh nặng. Bao nhiêu mộng tưởng vỡ tan. Cũng may là Nàng đi lấy chồng, nếu không tôi sẽ triền miên đau khổ và ân hận cho mối tình đầu.

Trên đường về, tôi liệng bó nhang xuống sông, bó nhang tung tóe trên mặt nước, tản mác trên dòng sông, âm thầm trôi...

Khi đò ngang quay mũi, nhìn lại bờ xa dần, như tôi cũng xa dần những mộng mơ, ảo tưởng. Tự hứa với lòng sẽ không bao giờ quay lại bến xưa, nhưng khổ cho chiếc đò ngang, biết đến bao giờ mới khỏi quay đi, trở lại, trừ phi phải trở thành đò dọc mới có cơ hội xa rời, mới có cơ hội khám phá những mới lạ của dòng sông. Nếu không thì mãi đi mà không đến.

■ ***Hoàng Bích Đào***

XUÂN XỨ NGƯỜI

Nhã Ca

Mary đóng mạnh cửa xe. Người bạn trai còn thò đầu, gọi với:

"Mười một giờ đến đón. O.K?"

"Xong".

Mary gật đầu. Hất mái tóc làm điệu, cô soãi những bước chân dài và cảm thấy chiếc váy bó muốn soạc ra. Người bạn trai của cô tóc cắt ngắn, lởm chởm, vẫn thò đầu nhìn theo, chu mỏ. Nghe tiếng huýt sáo của bạn, Mary mỉm cười. Bước lên thềm, mở khóa. Cô nghe tiếng xe rồ máy chạy đi.

"Mom".

Mary chào mẹ. Người mẹ đang đứng ở quầy rửa chén, nhìn lui.

"Ăn cơm chưa?"

"Con không ăn."

Nói xong, Mary vào phòng, đóng cửa lại. Vất bỏ mớ áo quần đang mặc, cô tròng vô chiếc áo ngủ rộng thùng thình. Nhạc nổi lên ầm ầm, và Mary nằm ươn trên giường.

Buổi đi ăn hôm nay không được vui lắm. Lúc ở trong quán Taco Bell thứ món ăn mà Mary thù nhất, Mary đã bắt gặp Bob nháy mắt với con Mễ. Hình như họ quen nhau và cũng khá thân nữa. Lúc cô gái Mễ bưng cái khay đồ ăn ra, cô cúi xuống hơi thấp và Bob nhìn chăm chăm vào cái khe sâu giữa khoảng áo hở cổ. Bob búng tay. Cô gái quay đi, nguây nguẩy một dáng dấp mời gọi.

Lúc đó Mary ghét Bob và muốn đứng dậy bỏ đi ngay. Nhưng cô vẫn ngồi.

"Ngon lắm. Ăn cái này này..."

Bob cuộn một phần ăn bỏ vào dĩa cho Mary. Cô ăn một cách khó nhọc.

"Sao vậy?"

"Nó có một cái mùi mà "tao" rất thù?"

Bob cười. Lắc đầu ra vẻ không hiểu nổi. Mary cũng không giải thích. Làm thế nào để anh ta hiểu món ăn này có một cái mùi giống khi người ta dí bẹp một con rệp đã cắn no tròn máu. Thủa nhỏ, sống ở làng quê, nằm trên bộ ván gỗ, Mary, lúc đó là con Láo, đã là nạn nhân của lũ rệp sống ẩn sâu trong kẽ ván. Ngôi nhà làng quê đã cháy trong một trận pháo kích. Bố chết trong lửa. Hai mẹ con tìm đường ra thành phố, sống bụi đời. Lúc đó con Láo đổi thành Lan. Mẹ đi bước nữa. Giải phóng. Bố ghẻ đạp xích lô, mẹ bán bún riêu. Nhờ ông bố ghẻ giỏi, móc ngoặc giới thiệu đi vượt biên, hai mẹ con thoát trước. Ông bố ghẻ đi sau, cũng xum họp được. Sang Mỹ còn kịp đi học. Từ con Láo, tới con Lan, và khi nhập tịch là Mary. Tưởng không bao giờ còn bị ám ảnh bởi cái mùi khủng khiếp kia, vậy mà ở đây, trong một món ăn đã làm Mary gợi nhớ lại. Cô đẩy xa món ăn ra, chút xíu thì cô muốn nôn oẹ.

"Lần sau đừng bao giờ đưa tao tới đây."

Bob nhún vai. Có thể anh tưởng lầm là Mary bất bình vì anh đã nhìn cô gái Mễ hơi kỹ.

"Tao không thích cái lối "bất cần" của mày. Mày nên tử tế một chút."

Bob cười thành tiếng:

"Tao là như vậy. Mày chịu rồi mà."

Mary bắt đầu quạu:

"Cũng có thể là tao lầm mày."

"Được. Cám ơn. Chịu khó chờ tao ăn xong."

Coi cái ly cối coca của Bob. Hấn ăn và uống một cách ngon lành. Mary kiên nhẫn

ngồi chờ. Thấy mặt Mary sưng sỉa, hắn đưa tay nâng cằm Mary:

"Mày vui lên một tí. Con gái Á Châu đâu có hà tiện nụ cười."

Hắn muốn Mary nhớ lại chuyện cũ. Bob cũng đã cặp bồ với vài cô gái Á châu trước khi gặp Mary. "Đàn bà là địa ngục." Bob nói. Nhưng rồi nói lại: "Mà cũng phải chấp nhận địa ngục thôi." Đó là sau mỗi lần cãi vã và giải hòa. Mary có yêu Bob không? Cô hơi hồ nghi lòng mình. Bob đẹp trai, con nhà giàu. Chịu chi. Con trai ngoại quốc mà chịu dẫn đào đi shopping, ở xứ Mỹ này hiếm lắm. Xong trung học, Bob được cha mẹ tặng chiếc Mercedes thể thao, hai chỗ ngồi mới quánh. Với bạn gái, Mary là một nỗi thèm thuồng, khát khao của họ...

Lát nữa đây, Bob sẽ tới đón. Họ sẽ đi uống nước trên đỉnh một ngọn đồi, bên cạnh một lò sưởi có ngọn lửa giả để nhìn xuống thành phố. Mary sẽ không phải nhìn thấy khuôn mặt khó khăn của ông bố ghẻ nát rượu, lè nhè, toàn lời châm chích cô với mẹ. Giờ này ông chưa vác mặt về đâu, còn bận nhậu nhẹt với một ông bạn Việt Nam, nhà ở căn đầu đường. Không hiểu sao mẹ có thể chịu được một người đàn ông như thế. Ngu đần. Thô tục và hung bạo. Và hình như gần đây, hai người đã giống hệt nhau. Họ hoàn toàn không hiểu tuổi trẻ. Họ chỉ sống trong màu vàng ố quá khứ của họ, và nhìn tuổi trẻ như một con sâu mọt, một thứ vi trùng, phá hỏng cái nền tảng đạo đức của họ. Chính họ đã tạo ra cái hố và càng ngày Mary càng không thể hiểu nổi họ.

Mary thay bộ áo quần mới khác. Cô kéo cánh cửa tủ áo để soi gương. Phải kẻ lại viền mắt đậm hơn. Lối trang điểm ban đêm, dưới ánh đèn mà.

"Lan".

Tiếng mẹ gọi giựt giọng.

"Gì, Mom."

Mary nói bằng tiếng Anh. Cánh cửa mở. Khuôn mặt người mẹ ló vào rồi dội lại. Cánh cửa đóng cái rầm như cách ngăn hai thế giới.

"Tốt."

Mary hét lên. Cô còn vặn volume máy nhạc hết cỡ. Bởi vì họ không chịu hiểu mình mà. Run tay, một nét chì kẻ lệnh. Mary chửi tục, lấy bông gòn chùi đi vẽ lại. Nhìn đồng hồ. Thằng bạn trai cũng bất tử lắm. Khi thì sớm quá. Khi thì muộn muốn đi ngủ cho xong. Mary ngắm lại mình trong gương, thử những bước đi uốn éo. Eo nhỏ, hông nở, chân dài, đứng với bạn gái Mỹ, Mary chưa bao giờ cảm thấy lép vế. Cô quay một vòng, mỉm cười với mình. Đã rất hài lòng với bộ quần áo mới tậu tuần trước ở một tiệm sang. Không phải với Bob, mà Paul, một thằng bạn mới, lai hai giòng máu đen và trắng. Paul có nhiều chất trắng hơn đen, nên rất đậm đà và có duyên. Gặp nhau trong một tiệm khiêu vũ, quen. Ngay tối hôm đó, Mary đã ngồi chung xe đi ra xa lộ. Rẽ vào một cái Park, Paul đòi hôn. Ôm và hôn nhau. Có rờ rẫm. Nhưng mới tới chừng đó. Và cuối tuần, Mary đã dối Bob, đi mua sắm với Paul. Chuyện mới có vậy.

Chuông điện thoại. Mary nhấc lên. Đầu giây bên kia là Paul.

"Hello Mary. Paul."

"Hi, Paul."

"Khỏe không? You đang làm gì?"

"Paul khỏe không? Không làm gì hết."

"Nhớ em. Còn em?"

"Tôi không biết."

"Gặp nhau được không?"

"Không. Tôi nhức đầu."

"Ngày mai?"

"Có thể. Tôi sẽ gọi lại."

"O.K. Ngủ ngon."

Mary cúp điện thoại. Cô vội vã ra phòng ngoài chờ. Người mẹ vẫn chưa lau chùi xong cái bếp. Mary mở Tivi.

"Mày lại tính đi đâu nữa?"

"Con đi chơi."

Mary đáp, mắt không rời màn ảnh. Cặp trai gái đang hôn nhau bạo quá. Mary nhớ đôi môi Bob đến đờ đẫn.

"Tới giờ đi ngủ, còn đi đâu nữa."

"Mom ở ru rú trong nhà, không biết gì hết. Tới giờ này mới là giờ của những người đáng sống."

Người mẹ cắn môi. Đứa con đã đi lạc xa quá.

"Mày đi với ai?"

"Con đi với bạn con."

"Bạn trai".

"Dĩ nhiên. Nếu giờ này con đi với bạn gái, Mom coi như con bệnh... bệnh lắm."

"Mày trả lời với mẹ mày như thế?"

"Mom. Con phải trả lời thế nào đây? Con đã nói sự thực. Con lớn rồi, con phải có bạn bè. Ông bố ghẻ, ông ấy coi con như là vật sở hữu của ông, muốn con ra sao thì phải ra vậy. Ông ấy thuộc thế hệ xưa rồi, ông ấy phải biết điều đó. Mom cũng vậy, đáng lẽ mom là người hiểu con thì mom lại đứng về phe ông ấy... Con muốn đem bạn về nhà đàng hoàng thì ông ấy không cho. Ông ấy và cả mom đều nói không được lôi lũ bạn về nhà. Con tôn trọng ý kiến của Mom và ông ta, nhưng con phải có bạn. Mom nói đi, trên đời, ai không nhu cầu có bạn nào. Mom cũng vì nhu cầu có bạn mà lấy ông ta đó thôi. Vậy thì con đi chơi với bạn ở ngoài đường, không lý gì mom cấm con..."

"Bạn bè kiểu của con... mẹ không hiểu nổi. Chưa cưới xin mà đi với nhau suốt ngày suốt đêm là sao? Mày bày đặt quá mà, mẹ thì kêu mẹ, mom mom là cái con khỉ gì..."

Mary muốn có một vật gì trong tay ném xuống cho nó vỡ tan. Ngực cô dâng đầy uất khí.

"Mom nói vậy mà nghe được. Thế hệ của mom xưa rồi, lỗi thời rồi. Tụi con sống theo thế hệ của tụi con. Con không biết cái gì mà mom nói là đạo đức, là phong tục, tập quán. Con sống trên đất Mỹ, xung quanh bạn bè của con sống ra sao con phải như vậy, con không thể làm khác được." Người mẹ nghe đắng ở cổ. Lời cũng nghẹn:

"Nhưng mày có là người Mỹ không? Mày đứng chung với bọn trẻ Mỹ, mày vẫn lòi ra da vàng mũi tẹt mà... Mày còn đi suốt đêm với bọn thanh niên hư đốn đó, mày còn gì là con gái nữa..."

Mary hét lên:

"Mom xưa quá rồi. Tức cười. Lúc nào cũng trinh tiết. Đó là chuyện của thế hệ mom, thế hệ của tụi con khác, thích nhau thì love nhau. Đơn giản có vậy."

Người mẹ ôm ngực. Bà vịn vào thành bếp như sợ ngã xuống nền nhà.

"Mày nói chuyện như đồ điếm..."

"Mom sống ở hành tinh nào vậy? Mom không có quyền hạ nhục con. Ngủ với một người đàn ông là điếm à? Vậy mom ngủ với ông ta, ông ta cũng đàn ông, mom có là điếm không?"

Người mẹ mắt trừng trừng nhìn con, từ hai hố mắt kinh ngạc đó, nước mắt trào ra, chảy thành giòng. Âm thanh màn ảnh tivi đứt quãng một tí. Lúc đó, Mary nghe tiếng còi xe ở ngoài.

Cô đứng lên, đeo ví. Không nhìn người mẹ, cô hầm hầm đi ra cửa. Cánh cửa đóng mạnh dội vào lồng ngực người mẹ như một sức nện.

*

Trên xe có ba người con trai. Ngoài Bob, hai người thanh niên kia, Mary có biết sơ qua. Anh chàng John tóc đỏ, lai Bắc Âu, và người kia lai Á châu, mẹ Đại Hàn. Mắt anh ta nhỏ và chỉ có một mí. Tên Mỹ của anh ta là Tommy. Họ chào nhau. Mary vào xe, cô ngồi với Bob ở băng sau.

Họ đã đổi ý, không lên quán trên đồi nữa, và không nói là sẽ đi đâu. Xe ra xa lộ. Mary bắt Bob phải cho cô biết nơi đến. Nhưng Bob gắn vào môi cô những nụ hôn thay câu trả lời. John lái xe. Anh ta lên volume nhạc và Tommy ngồi ngã người, hút thuốc liên tiếp. Mary ngửi thấy có một mùi lạ trong hơi khói. Và cô bỗng nhận ra, lâu nay, trong lúc hôn nhau, cái mùi hơi thuốc trong mồm Bob cũng có mùi khác lạ này. Nhớ lại nụ hôn mới đây với Paul bên trong một góc Park, Mary còn thấy choáng váng vì cái mùi thuốc lá trong mồm, trên quần áo, trong tóc của Paul, cái mùi đặc biệt đàn ông mà Mary coi như đã ghiền đó, lâu nay đã đổi khác nơi hơi thở của Bob.

Mary đưa tay xô khuôn mặt của Bob ra.

"Tại sao?"

Bob hỏi.

"Có những chuyện mà anh tự hiểu và không nên hỏi." Nhưng câu trả lời của Mary bị âm thanh nhạc nuốt mất.

"Nhắc lại."

Bob hét lên. Mary nhún vai. Bob nhào tới. Họ vật lộn nhau ở băng ghế sau. Mary đưa mấy ngón tay chuốt nhọn ra, cào giả một cái vào mặt Bob. Những móng tay sơn đỏ như nhuộm máu, Mary có cảm tưởng vậy, và con "dã thú" trong lòng gầm lên, đã muốn điên dại.

John lại lên "ton" nhạc và hát theo. Tommy vẫn ngất ngư, đầu gục gặc và chửi thề.

"Tao không muốn đi tới đâu mà không biết trước."

"Cái gì?"

Mary chồm lên:

"John, mày có thể bớt nhạc một chút. Vui lòng giùm!"

John vặn nhỏ âm thanh.

"Bob, mày phải nói là mình đi đâu?"

"Mày muốn sang Mễ không?"

Xe vẫn bon bon trên Freeway. Nhưng John rẽ vào Exit đi El Toro. Tưởng là đến một địa điểm nào đó, nhưng xe đỗ lại ở một trạm xăng. Tommy mở cửa bước xuống. Không phải hắn đi vào quầy trả tiền, mà gặp một thanh niên đang đứng dựa vào tường, điếu thuốc trên môi. Họ trao đổi vài câu, rồi thanh niên theo Tommy ra xe.

"Mày có thể lên băng sau."

Tommy nói và đập cửa. Bob ngồi dịch vào bên trong. Người thanh niên lên xe. Anh ta đóng cửa mạnh tay. Đại Hàn hay Thái Lan? Cũng có thể là Việt Nam. Không đoán được, vì khi trao đổi một vài câu, hắn nói tiếng Anh, giọng chính xác.

"Đi sang Mễ hả?"

Mary hỏi lại Bob. Bob vỗ vỗ lên vai Mary, rồi quay sang nói chuyện với người thanh niên mới lên xe.

"Chắc chắn hôm nay gặp nhau được."

"Rất chắc."

Xe chạy đã rất lâu, thỉnh thoảng ra một exit rồi trở vào lại Freeway. Lúc này Mary để ý anh thanh niên tóc đen, mắt lộ, có đôi môi mím chặt còn kè kè bên mình một cái túi dài màu đen. Đựng gì ở trong vậy? Cái túi và vẻ lạnh lùng của thanh niên làm Mary tò mò. Soi nhìn đồng hồ đã quá một giờ đêm. Mary bực mình. Đáng lẽ ra, theo dự tính, Bob đưa Mary đi uống cà phê. Họ ngồi trên ngọn đồi cao nhìn xuống thành phố. Sau đó, Mary sẽ về nhà Bob. Họ đi vào một cái cửa bên hông và phòng Bob nằm riêng rẽ phía sau, sẽ không làm phiền ai hết. Thường thường Mary uống một cốc nước thật lạnh, ăn một miếng bánh mì khô với sữa. Mở nhạc nhẹ, khiêu vũ với nhau và làm tình. Bob sẽ đưa Mary về rất trễ. Hên thì mở khóa vô nhà, ông cha ghẻ và bà mẹ đã ngủ. Còn không hên, gặp bà mẹ, Mary sẽ nghe mấy lời đay nghiến. Thỉnh thoảng ông cha ghẻ cũng cố gắng thức chờ. Lời lẽ thô tục, và cuối cùng kết thúc bằng tiếng: "con đĩ". Sau đó, Mary phải áp tai vào chiếc gối bự, vì ở phòng bên là tiếng cãi vã của mẹ và cha ghẻ... Ông ta thương Mary? Chẳng đời nào đâu. Cô biết. Nhưng ông ta muốn gì? Ánh mắt ham hố của ông ta, cặp môi dày đầy dục vọng đó, Mary đã quá ghê tởm. Một lần giữa đêm, chùm chìa khóa của Mary quên ở phòng khách, ông ta đã mở phòng bước vào, nằm chồm lên người Mary. Nếu có con dao trong phòng, hẳn đêm đó ông ta không thoát chết. Chỉ là lầm phòng thôi mà. Nói vậy mà mẹ cô tin được...

"Có ngày con sẽ đâm chết ông ta..."

Mary không dọa đâu. Mẹ cô khóc.

"Con gái nằm ngủ không mặc quần áo. Đồ hư."

Ông ta chửi vậy. Nghĩ tới đó, mặt Mary nóng bừng lên. Cô nắm tay lại, những móng tay đỏ chót cắm vào lòng bàn tay, đau và "đã" một cách sảng khoái...

Xe tự nhiên quẹo nhanh làm cả người Mary muốn chúi vào lòng Bob. Rồi muốn dội người tới trước vì thắng nhanh. Suýt tai nạn phải không? Mary nhìn ra. Chỉ là đi vào một con đường vắng thôi, và phía trước có hai chiếc xe hơi chặn đường. Tiếng huýt gió quen thuộc của Bob nổi lên. Người thanh niên ngồi bên kéo xoạc dây phẹc-ma-tuya túi xách, đặt tay vào bên trong. Chắc là súng.

Mary rùng mình. Không nghi ngờ gì nữa, hai "băng đảng" đụng nhau. Cô vừa sợ mà cũng vừa bị kích động. Ở chiếc xe đậu hơi xoay ngang ló ra một đầu súng. Mary chỉ thấy sau đó là một cặp mắt trắng dã. Sau thanh niên da đen này, trong xe còn lố nhố mấy người nữa. Giọng ở xe bên kia ra lệnh.

"Đưa "đồ nghề" qua đây."

Người thanh niên ngồi bên nói với Bob.

"Bảo nó đem ra."

Hắn hất mặt về phía Mary. Từ trong túi hắn lôi ra một cái gói bọc kỹ.

"Mary. Em đừng sợ. Mở cửa đưa sang cho bọn chúng."

"Tại sao lại em?"

Giọng Mary như sắp khóc. Một vật gì sắc nhọn dí vào bên sườn cô. Giọng người thanh niên ngồi cạnh Bob dữ dằn: "Xuống. Xuống nhanh."

Cánh cửa bật ra, và như có sức đẩy của Bob nữa, Mary loạng choạng ra khỏi cửa xe, trong tay đã cầm cái gói. Cô cố gắng để hai đầu gối khỏi quỵ xuống. Chiếc xe phía trước chỉ cách khoảng hai mét, mà sao con đường xa quá chừng. Hai chân cô như bị chôn chặt xuống đất. Giọng Bob van nài:

"Cưng, ráng lên. Bước tới, chỉ mấy bước."

Mary cố kéo chân lên. Vô ích. Trời cuối đông, gió se lạnh, mà hai bên thái dương cô như đang rịn vã mồ hôi.

"Lại đây. Nhanh... một..."

Tiếng cò súng lên cái tách. Tự nhiên đôi chân của Mary như bị ai kéo lên, xô tới trước.

"Hai..."

Chưa tới tiếng thứ ba thì Mary đã tới nơi. Cánh cửa xe sau bật mở và nhanh như chớp, Mary và cả cái gói bị kéo vào xe. Cô bị chụp một cái bao vải lên đầu, kéo xuống tận cổ, và cả người cô bị kéo nằm dài, sát người trên mấy cặp đùi người. Một tiếng súng nổ, rồi hàng loạt, tiếng dội như làm máu trong tim Mary vỡ chảy ra, cô run cầm cập. Có tiếng kính vỡ, tiếng kêu:

"Tao bị rồi."

Chiếc xe lạng một cái rồi thắng lại. Như có người đổi tay lái, chiếc xe rít lên, chạy ngược rồi vòng đầu, đâm thẳng. Tiếng súng dứt.

"Nhẹ thôi. Mày không chết đâu."

Một giọng nói khàn đặc. Mary bị một bàn tay ai ấn trên đầu, đè xuống.

"Rồi làm gì với con mồi này?"

Một giọng hỏi và không ai trả lời. Mary đoán trong xe có chừng sáu đứa, vì cô đang nằm dài lên bốn cặp đùi, và phía băng trước có hai giọng nói. Mary ú ớ...

"Làm cho nó câm họng đi."

Một bàn tay chém mạnh lên gáy Mary. Cô chưa kịp kêu thì đã ngất. Lát sau, xe rẽ vào một rừng cây. Một ánh trăng lưỡi liềm nhạt nhẽo làm thành cái móc như chưa sẵn sàng gặt cánh rừng vì trời đã hừng sáng...

*

Người mẹ dừng tay gọt trái đu đủ xanh nhìn đồng hồ. Hai kim chập vào nhau ở con số 9. Bà lại đăm đăm nhìn vào cánh cửa của phòng cô con gái đang đóng im ỉm. Hư đến như vậy. Điệu này, con nhỏ chắc tới sáng bét mới về, và giờ này ngủ như chết.

Cửa ở một phòng khác mở. Người chồng đi ra. Ông ta đã ăn mặc gọn gàng chừng như sắp phải đi đâu.

"Tối qua con nhỏ không về nhà?"

Ông ta tự nói và cũng tự hỏi. Người vợ nói nhỏ:

"Cũng có thể nó đã về và đang ngủ."

"Hừ. Bà luôn luôn bênh nó. Nó không hư cũng uổng."

Lại cãi nhau thôi nếu bà không nhịn. Người vợ đang bửa đôi trái đu đủ ra. Đầu mũi dao thoăn thoắt nạo lớp hột non. Người đàn ông nhớ ra.

"Bà lại làm dưa món. Bữa nay mấy rồi."

"Còn mấy hôm nữa Tết."

"Lát nữa nó dậy bà phải bảo nó. Nếu nó còn muốn sống trong căn nhà này, nó phải biết có cha có mẹ. Bà đừng để tôi phải dính vô chuyện là tanh banh hết."

Vậy là ông ta đi. Đôi môi người vợ mím lại, cắn và nhai nuốt thêm lần chịu đựng nữa. Vẫn cái tật lên xe là rồ ga ầm ĩ, tiếng máy xe rú lên rồi kéo đi xa. Từ ngày sang Mỹ, mấy năm, ngày nào tháng nào? Bà ít khi nhìn lịch.

Bà chỉ nhớ những ngày quét đường, phải nhắc chồng con đưa xe vào sân để tránh phạt, những ngày đổ rác trong tuần, bà phải tự đẩy hai cái thùng rác ra lề đường. Năm trước bà có nhận giữ hai đứa trẻ cho một cặp vợ chồng đều đi làm việc. Mới đây, hai đứa cũng từ giã bà để vào trường. Bà đang mong nhận được một chân giữ trẻ khác. Bà có ít tiền dấu ông chồng. Thì cứ để dư ra vậy. Mặc dù bà với đứa con gái, sống chung trong một nhà mà như mặt trăng mặt trời, nó không thể hiểu được gì đâu. Con bé, đối với bà đã hỏng hoàn toàn. Làm sao nó biết được tình thương của bà dành cho nó. Số tiền bà dành dụm cũng chỉ để cho con gái, nếu nó tìm được người tử tế, bà tổ chức một đám cưới cho nở mày nở mặt với người ta. Nhưng nhìn cách sống, lối giao thiệp của con, bà gần như đã tắt hy vọng.

Lật bật rồi một năm nữa cũng qua. Mới ngày hôm trước đi chợ Việt Nam thấy mấy bà tìm mua gừng, mua cải muối dưa, và trong chợ bày bán kẹo thèo lèo, mứt bánh, bà giật mình là Tết đến nơi. Cũng phải có gì để nhớ. Bà mua đu đủ về làm dưa món. Năm ngoái, con bé gắp lỡ một miếng, nhăn mặt:

"Mom làm gì thứ thức ăn này, mặn chát mà hôi nhà nữa."

Nó muốn nhắc lại hôm nấu nước mắm. Mùi hôi bám vào màn cửa, vào thảm, cả tuần chưa bay hết. Bà nghĩ có lẽ lần này đem ra sân nấu. Không biết có làm phiền người Mỹ ở hàng xóm không đây? Con bé thiệt đã đứt mất cái gốc rồi. Kho cá, nấu bún mắm, nó cũng gắt ầm lên, đùng đùng bỏ đi. Làm sao nó không nhớ những ngày ở vỉa hè thành phố, có được chút muối, khúc xương thừa mà gặm đã hạnh phúc lắm. Nó là con Láo, sửa thành Lan nghe đã đẹp lắm rồi, còn bày đặt sửa tên lại, gọi như Mỹ kia mới chịu. Thiệt cha mẹ sinh con, trời sinh tính. Chị bỗng nhớ tới người chồng cũ. Anh ấy hiền lành, tính cả nhịn, đâu có bà chằng như nó. Ôi thôi, phải nhớ. Ngày cuối năm còn làm giỗ cho anh nữa. Hằng năm chị vẫn nấu ít món giỗ chồng. Người chồng sau khó chịu ra mặt và anh ta không bao giờ ở nhà trong ngày ấy. Kể cả con nhỏ, nó lý luận:

"Ôi, mom bày đặt. Nhớ trong lòng là được rồi, bày đặt cúng kiếng gì chớ. Nghe mùi hương hôi quá, con chịu không nổi."

Chị chửi thầm "con mẹ nó". Nếu còn ở Việt Nam, chân còn dẫm trong bùn, chưa chắc kiếm ra cơm mà ăn. Kệ mày. Cho mày quên gốc quên rễ. Tao vẫn có gốc có rễ như thường.

Điện thoại reo. Đầu giây một tràng tiếng Mỹ làm chị ngớ ra. Con nhỏ có dặn, hễ nghe trong máy nói tiếng Mỹ thì mẹ cứ nói như vầy là được. Chị nói chờ, rồi lật đật gõ cửa phòng con.

Không thấy gì. Chị đẩy cửa. Phòng không khóa. Cũng không có Mary. Chị trở ra, cầm máy lên, lại trả lời câu con gái dặn. Nhưng đầu giây bên kia vẫn một tràng dài. Chị cúp máy càu nhàu. Chị nói một câu tiếng Mỹ ngắn như vậy mà không hiểu được hay sao? Chắc lại mấy đứa bạn trai của con nhỏ thôi, sao mà nói dai, lì lợm.

Điện thoại lại reo. Nhưng người mẹ không nhấc phôn nữa.

*

Điện thoại reo ở một nơi khác. Người nhấc phôn là Paul.

"Halo. Pô-lít..."

"Halo. Đã có chuyện gì?"

"Anh có bạn gái tên Mary?"

"Đúng vậy."

Paul xác nhận. Mary, cô bạn gái mới mà anh cảm thấy rất hợp nhãn.

"Cô ta đang ở cấp cứu tại..."

Paul cúp máy. Sự vội vã làm anh ân hận là đã không hỏi thêm chi tiết. Đã xẩy ra chuyện gì? Paul mặc quần, tròng vội áo. Chiếc xe rú lên. Paul đến bịnh viện.

Mary đã bị đánh đến ngất đi vì chống cự. Cô thoát chết được là nhờ có người nghe tiếng cô la khóc và gọi cảnh sát. Nhưng khi cảnh sát đến nơi thì cô đã ngất xỉu vì một vết thương trên đầu. Bọn gian bỏ chạy. Mary được đưa về bịnh viện cấp cứu.

"Không có gì nguy hiểm nữa... Chỉ là cô ta còn quá sợ hãi...."

Y tá nói. Paul cúi xuống nhìn khuôn mặt hốc hác của cô bạn gái Á đông. Hôm nay không phải là cô ta nữa, cô ta như một bông hoa bị bứt hết cánh, trơ trụi, trống trải.

"Tôi có thể giúp gì được?"

Paul ghé bên tai người bạn gái. Mary cựa mình. Cô nghe một tiếng nói quen, một hơi ấm của người khác phái. Đầu óc chưa tỉnh táo của Mary cũng nhận ra được đích thị là Paul. Có lẽ hắn là người duy nhứt đến. Mary nghĩ thế. Trước đây cô không biết. Cô hoàn toàn hôn mê.

Có nên nói một lời gì với Paul không? Có nên nhờ Paul nhắn về nhà cho mẹ? Chưa bao giờ hình ảnh mẹ lại đậm đà trong lòng Mary như thế. Lúc bị đánh vào đầu té xuống. Một lóe sáng trong đầu, đẩy ra một tiếng "Mẹ ơi" trước khi ngất đi. Chắc cũng chẳng cần đâu. Sáng nay lúc tỉnh dậy, cảnh sát đã lấy lời khai. Mọi chuyện rồi sẽ phơi bày. Mary dính trong đường dây thuốc phiện. Mary sẽ ra tòa khi phục hồi sức khỏe. Cái ngày báo tử đó, sẽ gần đây thôi. Cô nhắm mắt để giữ mấy giọt lệ chực trào. Paul cầm bàn tay Mary thương cảm. Rồi lặng lẽ ra khỏi phòng.

Paul được cảnh sát mời tới hỏi chuyện. Toàn chuyện về Mary mà anh ta thật tình không biết nhiều, ngoài lần làm quen ở một tiệm khiêu vũ. Paul bị thu hút bởi một sắc đẹp thuần Á đông. Hôn nhau ngay lần đầu, cuối tuần đã shoping... và chỉ có vậy. Bob là ai? Băng đảng nào? Nơi đâu chạm súng? Paul hoàn toàn không biết. Anh được ra về.

Về sau, Paul không liên lạc với Mary nữa. Cũng trong tiệm khiêu vũ, Paul đã bắt được một "em" khác, gái Nhật. Lúc này Paul mê uống rượu sa-kê hâm nóng cùng món "sushi" ở một nhà hàng Nhật.

*

Chiều 30 Tết, Mary đứng ở một góc phố, tóc tai rũ rượi và mặt không son phấn. Mary không ra từ bệnh viện mà từ một phiên tòa. Cuối cùng Bob và đồng bọn đã nhận tội. Mary đứng lâu lắm. Sau đó cô nhớ ra một số điện thoại. Có tiếng reng đầu giây bên kia.

"Alo. Paul..."

"Hai. Paul..."

"Mary".

Mary nghe một tiếng động, rồi máy điện thoại như bị ai giằng. Giọng con gái: "Con bồ nào nói chuyện với mày, Paul?"

"Mary. Con này tao dứt rồi..."

Mary cúp máy điện thoại. Còn một số nữa. Nhà mình. Còn là nhà mình không? Mẹ đã ra sao rồi. Ông dượng ghẻ? Mary nghiến răng. Khuôn mặt cô biến đổi một cách dị dạng. Mình giờ đây dám giết người được rồi. Cô nắm tay lại.

Chỉ một gang tấc, sự việc đã đẩy Mary xa quá. Mất luôn mái nhà, mất luôn tương lai. Hồ sơ Mary đã dính án.

"Chị Lan".

Một bàn tay chạm khẽ vào người Lan. Cô quay lại.

"Chị nhớ không, em là Hiền nè".

Nhớ ra. Cô gái ở chung đường, cách mấy căn nhà. Trước đây, một con bé xấu xí, nhà quê. Mary đã "khinh" ra mặt.

"Có chuyện gì?"

Mary nhún vai, hỏi.

"Em theo chị từ tòa án ra... Chị đừng ngạc nhiên. Đừng giận. Chị Lan, tất cả là mẹ chị... là do mẹ chị. Tôi rất thương bà và giúp bà..."

"Rồi sao?"

Mary vẫn bướng bỉnh.

"Tôi đưa chị về nhà. Mẹ chị đang chờ chị ở nhà..."

Mary mím môi:

"Cám ơn. Tôi không về đó."

Mary nhìn mung lung ra đường. Ở đây không có không khí chiều 30 Tết như ở quê nhà. Nhưng ở một nơi có, Mary biết. Đó là góc bếp của Mẹ. Bà ra sao rồi?

"Chị cứ lên xe, mình đi một vòng rồi tính sau."

Mary không cưỡng nổi nữa. Cánh cửa xe đóng sập lại, mạnh mẽ. Trong cô, một con người hiền lành nào đó, đang dỗ dành cô nàng hung dữ muốn gây gỗ.

"Chị Lan, mẹ chị đã lo dữ lắm. Bà nhờ tôi trong mọi việc, từ nhà thương tới cảnh sát."

Mary hiểu. Bà không biết một chữ tiếng Mỹ. Đầu óc bà đặc kín dĩ vãng, không còn một chỗ trống để nhét vào điều gì. Xe ra xa lộ. Ngày cuối năm ngắn. Chạy một lúc thì sáng chói bên con đường ngược lại một giòng đèn, cứ đuổi nhau, nối nhau chạy miết. Mary thấy cần có một điếu thuốc lá. Trong ví trống rỗng mà hai lá phổi đang lên cơn ghiền. Nhạc trong xe là những bản hòa tấu, nhẹ nhàng nhưng đối với cô quá lạt lẽo.

"Tắt dùm nhạc được không? Làm ơn".

Mary nói bằng tiếng Mỹ. Hiền thay một loại nhạc khác, nhạc Việt Nam.

Đúng là nhà quê. Mary rủa thầm. Cô nhìn theo giòng xe đèn lúc này như một giòng sông vàng đổ xuống từ một con dốc phía xa.

"Chị Lan. Hôm nay là ngày ông Táo về Trời. Em thấy mẹ chị tự cắt hình một con cá chép bằng giấy, mua kẹo thèo lèo, kẹo cứt chuột. Bà nói, bà sẽ dốc lòng xin ông Táo chuyển lời của bà tới Ngọc Hoàng, cầu cho chị..."

Thật là mê tín dị đoan. Mary thở dài. Nhưng sau tiếng thở dài, lòng cô bỗng mềm nhũn ra. Mẹ. Giờ này nơi góc bếp là thức ăn, trong nhà là hương khói... Lòng Mary đã nao nao.

"Mấy ngày này em nhớ lắm. Hồi còn ở Việt Nam, dù là sống với cộng sản, nhưng hễ Tết đến là mẹ em nấu bánh chưng bánh tét. Còn ngoại em thì đêm giao thừa mặc áo gấm, chờ con cháu tới là lì xì. Đứa nào cũng thích... được lì xì. Chị biết không, khi qua đây, mẹ em vẫn giữ lề lối đó, thay ngoại em lì xì cho tụi em...."

Mary bỗng dưng thích nghe giọng Hiền nói chuyện. Cô nhìn qua. Hiền đâu có đến nỗi nào xấu xí. Mà còn như có duyên quá là đằng khác.

Mải nói chuyện, xe vào thành phố lúc nào Mary chẳng hay. Khi cô nhận ra thì xe đã đỗ trước cửa. Họ còn ngồi trên xe. Hiền nắm tay Mary:

"Chị Lan, mình cùng vào nhà đi."

Thường ngày, dưới mắt Mary, Hiền là một cô gái nhan sắc tệ. Nhưng sao hôm nay, giọng nói ôn nhu của Hiền lôi cuốn đến vậy. Ngoan ngoãn Mary xuống xe theo Hiền. Hiền đưa tay bấm chuông. Tiếng chuông kêu sao kkông như tiếng kêu reo bình thường, mà như một sức đè nặng lên trái tim của Mary.

Cửa mở. Khuôn mặt Mẹ. Nhiều nét nhăn và đôi mắt nhiều đêm mất ngủ, phờ phạc. Nhưng đôi mắt, khuôn mặt như hồi sinh lại khi nhìn thấy Mary. Không khí trong nhà đã khác hẳn. Chiều ba mươi Tết của quê nhà như đã chật kín bởi mùi thức ăn, bởi khói hương trên bàn thờ. Mẹ đứng đó, nỗi mừng vui vẫn không lấn át được sự rụt rè, bỡ ngỡ, dè chừng đứa con trở chứng. Mary nhào vào và Mẹ tức thì mở rộng vòng tay.

"Mẹ, con Lan của mẹ, con Láo của mẹ đây." Không còn tiếng "mom", không còn cái tên Mary nữa, mà là con Láo của ngày nào, tên Láo mà lại rất ngoan, trở về trong lòng Mẹ. Cả hai khuôn mặt mẹ con đều dàn dụa nước mắt.

Cánh cửa phòng bên mở và một cái đầu thò ra nhìn. Ông dượng ghẻ khựng một giây rồi đi ra. Giọng ông cũng thay đổi hẳn:

"Khóc cái gì mà khóc. Hai mẹ con thay áo mới cúng ông bà."

Hiền mỉm cười sung sướng trước một hình ảnh quá đẹp. Cô nhìn lên bếp gas, đang bày lễ vật cúng ông Táo. Con cá chép bằng giấy đang bốc cháy lưng chừng trong cái thau nhôm. Nhưng lời cầu nguyện của người Mẹ nhờ ông Táo về trời đã khác đi rồi, đã thay bằng giọt lệ mừng vui và lời cám ơn Đất Trời, cám ơn mùa Xuân đã đem lại hạnh phúc cho người Mẹ.

Đối với Láo, từ đây, những ngày qua đã rất cũ.

■ *Nhã Ca*

TƯƠNG PHÙNG

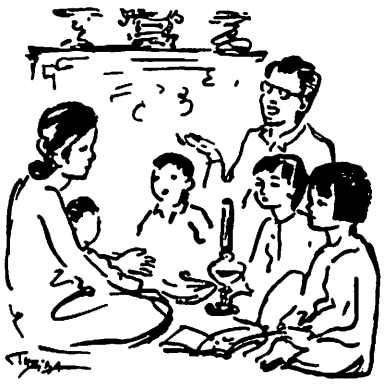

Phan Mộng Hoàn

Chiếc cổng sắt han rỉ, Nam lách người dắt xe đạp bước vào. Anh lầm lũi đi về phía nhà sau để cất xe, loáng thoáng tiếng Ái đang chuyện trò dòn dã với người ta:

- Me ơi, bên trường me hồi xưa hoa phượng nở đầy đẹp lắm, nếu me ưng, Ái chở me đi chơi nghe.

Trái tim Nam chìm xuống khi nghe tiếng cô ấy vang lên, giọng thanh thanh tưởng như trong giấc mơ:

- Để vài bữa rảnh rảnh rồi đi.

Tiếng Ái lại vang lên:

- Răng ba về lâu rứa hè, Ái thả ba nơi khúc quẹo mà, gần nhà mình có chút xíu chớ mấy. Ý cha, me ơi Ái quên mua nước đá.

Nam đoán nó đang vội vã ra khỏi nhà. Anh lặng lẽ lánh vào phòng riêng. Từ căn nhà xếp cất xe và đựng đồ lặt vặt có lối nhỏ rẽ lên nhà trên ít ai thấy nên Nam vẫn còn có thể chưa đụng mặt "họ". Anh ngồi im trên giường nghĩ ngợi mông lung. Lát sau cực chẳng đã Nam phải đứng lên mở tủ lấy bộ quần áo sạch ra thay. Trước sau chi thì cũng phải ra gặp cô ấy. Trống ngực Nam đập thình thịch, anh cảm thấy sao mà nặng nề phút giây tái ngộ này.

Khi Nam bước ra phòng khách. Thục đang đứng quay lưng về phía anh, dáng cô mềm mại, thân mình tròn lẳn trong bộ đồ tây bằng lụa kiểu đơn giản, ngan ngát một màu tím hoa bèo. Nàng bận chăm chú sửa chiếc ly thủy tinh trong veo đựng mấy bông hoa trắng nho nhỏ, đó là hoa Tỷ muội mà anh trồng trong chậu men xứ hồng. Mãi rồi Nam cũng lên tiếng:

- Đoan Thục!

Nàng quay lại, ánh nắng ban trưa từ khuôn cửa đổ vào viền quanh người Trúc một vùng sáng lòa. Cô nhìn anh hai mắt ngơ ngác, đôi rèm mi dài rung động như cánh chim non. Hai người cứ đứng nhìn nhau lặng lẽ như thế, thời gian hình như lắng đọng, một phần tư thế kỷ mất nhau. Là mộng hay thực? Giữa lúc đó thì Ái hăng hái xông vào, cậu ồn ào vừa thở vừa nói:

- Ba về chưa me? Ái...

Cậu định nói thêm thì ngậm miệng lại, vì trước mắt hai người thân yêu của cậu đang sững ra nhìn nhau. Ái nhanh nhẩu chạy tới bên mẹ, lay nhẹ cánh tay Thục và dắt gần tới cha cậu. Ái nhắc Nam:

- Ba mừng me về đi ba!

Và cậu bé cầm bàn tay lạnh ngắt của mẹ đặt lên bàn tay của cha, hai bàn tay Nam cũng lạnh như nước đá Ái vừa mua về!

Trong một giây giọng Thục run run:

- Anh khỏe không?

Nam nhìn nàng đăm đăm khẽ gật đầu. Thục nhẹ nhàng rút tay anh ra khỏi tay mình. Rồi tự nhiên như cô vẫn còn là bà chủ trẻ của ngày xưa, kiểu cách mời khách đến chơi nhà mình:

- Anh ngồi vào bàn đi, tôi còn phải vào trong thưa bà nội Ái ra thời cơm khẻo nguội lạnh hết.

Rồi nàng lên tiếng bảo con:

- Ái lo lấy ly bỏ đá cho mọi người. Nước chanh me đã pha sẵn.

Cô uyển chuyển bước nhanh vào phía phòng bà mẹ chồng. Bà già đang ngồi trên giường có lẽ nãy giờ bà lắng nghe động tĩnh đàng trước.

Thục thấy bà nghiêng tai chăm chú một cách buồn cười. Cô lễ phép thưa:

- Cả nhà đã đông đủ, cháu mời bà ra dùng cơm. Nói xong Thục đưa tay có ý dìu bà cụ nhưng bà cụ lắc đầu bảo:

- Mẹ đi một mình được khỏi phiền chị.

Bà nội Ái đi chậm từng bước khó khăn, Thục lùi lại sau bà. Vừa khi ấy Ái chạy vào thấy bà cụ, nó vừa vỗ tay vừa reo lên mừng rỡ:

- Bà nội đi được rồi ba ơi!

Ái ồn ào khoe với mẹ:

- Cả năm nay bà nội nằm một chỗ đó mẹ. Chừ mẹ về... hay quá! Chị Mai ơi ra mà coi nè, nội đi được rồi chị Mai!

Chị Mai bưng thố cơm đang bốc hơi nghi ngút ra tới phòng khách thì đứng sững lại trước hiện tượng lạ xảy ra. Chị rớm rớm nước mắt kêu lên:

- Tạ ơn Trời Phật! Bà đã bình phục.

Người con trai cũng đứng phắt dậy, bước mau tới bên bà và giang cánh tay đỡ mẹ, dìu bà đi từng bước nhỏ đầy thận trọng tới bàn ăn. Thục ngơ ngác dòm quanh nhìn mọi người như muốn xin lỗi. Cô không ngờ mẹ chồng mình đã nằm liệt giường cả năm trời nay. Cô ấp úng thưa với bà:

- Chúc mừng bà, "con" không hay "mẹ" đau nặng đến như rứa,

Bà già đưa mắt nhìn nàng dâu, ánh nhìn đã ấm áp hơn, bà thủng thẳng nói:

- Vì rứa mẹ mới nhắn chị về gấp cho mẹ gặp mặt!

Nam sững sờ, anh không thể ngờ rằng Thục về thăm quê hương là do lời yêu cầu của mẹ anh. Thấy mọi người cứ đứng xớ rớ giữa phòng, Thục phải lên tiếng:

- Xin mời tất cả vào bàn ăn.

Cô kéo chiếc ghế có gối mềm cho Nam dìu bà nội Ái ngồi xuống đó, rồi cô ra dấu cho con trai ngồi kế bên bà nội cậu và chỗ bên kia là chỗ của Nam. Thục không quên mời chị Mai vào ghế sát chỗ cô. Bà cụ liền lên tiếng giọng hơi gắt:

- Thôi, để cho con Mai ăn sau đi.

Mai đỏ mặt và lúng túng đứng dậy lùi ghế ra, nhưng Thục nhẹ nhàng nói:

- Thưa bà, con nghĩ là mọi việc bếp núc đã xong, chị Mai đã rảnh tay. Cả nhà mình ăn cùng lúc cho nó vui.

Bà mẹ Nam im lặng nhượng bộ cho người con nuôi đồng bàn đũa bát, nhưng ngó mặt bà vẫn có vẻ khó chịu. Mai xới cơm cho mọi người, trừ bà già, vì Thục đã nấu riêng cho bà một tô xúp thơm phức và nóng hôi hổi, Thục nghiêng đầu về phía bà và nhỏ nhẹ thưa:

- Mời bà dùng xúp nóng, con nấu với légumes đủ thứ nên chắc là bổ và nhẹ bụng.

Bà nội Ái húp chút nước nghe vừa miệng, như có mùi nấm tươi, xen lẫn vị cay của tiêu sọ và hương thơm của xả khiến bà không cảm thấy lạt miệng như mọi khi bà vẫn ngán vì phải ăn cháo trường kỳ. Thục phá tan bầu không khí tẻ ngắt của bàn ăn bằng cách lăng xăng gắp thức ăn mời từng người.

- Ái ăn thử món gỏi ni, là ngó sen Tịnh Tâm đó. Bên nớ me hay làm món ni nhưng không cách chi ngon vì thiếu chất liệu của Huế mình. Bà già tò mò:

- Rứa bên Mỹ họ cũng ăn cơm như mình?

- Dạ, chỗ con ở nhiều người Việt Nam, dân Huế nữa nên con đi chợ nấu nướng như ở đây cũng dễ.

Chị Mai hỏi xen:

- Có ruốc, có nước mắm không cô?

Ái ngưng nhai láu táu trả lời:

- Mẹ đã nói đủ thứ của Huế mà, tất nhiên là có chớ.

Ái gắp đầy chén những miếng thịt gà đỏ thắm màu sơn mài, vừa ăn cậu vừa trầm trồ:

- Món ni kêu tên chi rứa me, ngon quá?

Ái chưa nghe me trả lời thì chợt tiếng ba cậu nói nhỏ:

- Là thịt gà kho chao.

Thục nhìn Nam, cảm thấy xúc động vì anh ấy vẫn nhớ đến ngày xưa, nhắc tên món gà nấu bằng tương chao đặc biệt cô đã học được

từ mẹ mình. Hồi đó lâu lâu Thục ưa "tái bản" món gà này "thể theo lời yêu cầu" của Hoài Nam. Bây giờ trong bữa ăn đoàn tụ Thục đã lập lại thói quen đó. Cô thấy anh gầy gò, khuôn mặt tuấn tú ngày xưa nay là những nét gãy với màu da rám buồn. Đôi mắt sắc sảo giờ lúc nào cũng chìm vẻ mông lung. Nam không ngó thẳng vào cô, ánh mắt lưng chừng tránh né. Cánh mũi gọn hơn nên làm cho anh khắc khổ hơn, thêm hai nét hằn bên khóe miệng... Thục muốn khóc vì trông Nam quá thay đổi. Thời gian in dấu vết ưu tư nơi anh ấy. Thục nói với Nam nhẹ như hơi thở:

- Em.. tôi nghĩ là anh phải dùng nhiều cho bà vui, bà sẽ khỏe hơn. Nam, anh ốm quá!

Tiếng Nam vang lên vừa đủ nhắc nhở Thục:

- Nhưng mà tôi đã chịu đựng được bao nhiêu năm tháng...

Anh bỏ lửng câu nói đầy vẻ trách móc đó. Bởi vì người đáng bị dầy vò chính là anh chứ không phải nơi Thục.

Người con trai của họ vờ ăn uống hăm hở, cậu đang lắng nghe mấy lời đối thoại giữa hai kẻ thân yêu của mình. Ái buột miệng:

- Nếu khi mô cũng như hôm ni, cu Ái sẽ trở thành lực sĩ me ơi.

Thục quay sang con trai, cô xót xa nhận ra cậu bé chỉ toàn xương với da. Gần một tuần lễ nay gần gũi bên mẹ trông Ái có vẻ hồng hào chút xíu. Cô âu yếm nói với con:

- Me sẽ ở lâu lâu với con mà.

Nãy giờ bà già chỉ mải húp những muỗng canh thơm ngon mà tưởng như quên hết mọi người. Thực ra bà cũng đang lắng nghe "họ" như thằng cháu nội. Bà bỗng lên tiếng:

- Mẹ ước chi chị Nam ở luôn, đừng đi mô nữa. Cả nhà sẽ khỏe mạnh hết.

Thục dịu dàng thưa:

- Con có đến ba tháng nghỉ phép vẫn ăn lương. Con sẽ chậm trở qua bên nớ.

Ái thắc mắc:

- Rứa nghĩa là răng me?

- Hằng năm ai làm việc dù công hay tư sở đều được hưởng lương 14 ngày nghỉ do mình chọn đầu mỗi năm. Như mẹ suốt thời gian ở bên đó mẹ thỉnh thoảng mới lấy vài hôm để đi thăm bạn bè hay nghỉ hè ở một vùng núi hay vùng biển mô đó. Số ngày nghỉ ăn lương của mẹ vì rứa mà còn nhiều.

Ái hỏi tiếp mẹ câu hỏi đúng ý bà nội nó đang nghĩ đến:

- Rứa me đi "một mình" không buồn à?

Thực ra Ái muốn hỏi, mẹ đi chơi với "ai". Thục mỉm cười với con:

- Me đi với cậu Minh của cu Ái.

Chàng trai liền dồn dập hỏi mẹ:

- Cậu Minh còn đẹp trai không me, cậu lấy vợ chưa me, Mỹ hay người mình rứa me, cậu còn nhớ thằng cu Ái không me?

Bà nội liền chỉnh cháu:

- Cu Ái nói năng từ tốn có được không?

Ái đỏ bừng mặt, cậu lè lưỡi nhìn me cầu cứu như hồi còn bé mỗi lần bị bà nội hay cha la mắng. Bà cụ thẫn thờ nhìn đứa cháu độc nhất của mình. Bà liên tưởng tới thằng con Út từ hơn mười năm bỏ đi không một tin tức. Việt cũng láu lỉnh ồn ào như Ái. Bà nhớ hồi ấy khi bà làm cho con dâu bỏ về bên ngoại, cu Ái cứ buồn bã ủ dột, may nhờ chú Việt dỗ dành thương yêu, Ái mới nguôi ngoai và đủ sức sống xa mẹ khi nó vừa lên bảy. Nhưng sau đó đứa con trai út của bà cũng bỏ nhà đi luôn.

Ngôi nhà Bao Vinh từ đó tắt ánh sáng. Nam đi tù về sống im lìm, gần như không ngó tới bà và nghiêm khắc với đứa con trai "mồ côi" mẹ. Tất cả đều do lỗi bà gây nên cảnh gia đình tan nát.

Thấy không khí ngột ngạt, Thục liền mở lời với Ái:

- Cậu Minh của Ái có nhiều bạn trai và bạn gái nhưng chưa có người yêu. Cậu thương cu Ái lắm. Cậu ấy thích về thăm nhà và ước ao cho Ái qua học thêm bên đó.

Nam chợt lên tiếng:

- Anh nghĩ Thục nên thu xếp cho Ái tiếp tục việc học. Điều này có khó khăn không?

Ái nín thở để nghe mẹ trả lời. Mẹ Ái nhìn thẳng vào mắt bà mẹ chồng, từ tốn giải thích:

- Diện của cu Ái là ưu tiên, vì me Ái đã có quốc tịch Mỹ nên việc du học chắc là không

có chi trở ngại... Tôi chỉ lo Ái quyến luyến bà nội mà thôi.

Chàng trai ngồi im thin thít, cậu hiểu ý mẹ mình, sợ bà nội không muốn cho cậu ở với mẹ nên me đã nói tránh như vậy.

Không khí lại nặng nề và mãi mới nghe im lặng hẳn vì bà cụ thôi húp canh. Bà nói rành rọt:

- Rứa là Cu Ái sẽ đi luôn không về à?

Nam ngó thẳng vào mặt mẹ, cáu kỉnh lên giọng:

- Con nghĩ bây giờ không còn là lúc để mẹ tiếp tục cấm đoán mọi việc nữa!

Nói xong anh liền gác đũa và đứng lên, vội vã bỏ ra khỏi phòng khách. Bà già tái mặt nhìn theo con trai, bà cảm thấy khó thở đến phải há miệng ra. Chị Mai suốt buổi chỉ ngồi ăn cầm chừng để chực "hầu" xới cơm cho cả nhà. Chị sợ hãi rời ghế chạy qua bà mẹ nuôi vuốt ngực cho bà. Ái ngán quá, cầm tay bà nội và quay nhìn me lo lắng. Chỉ có Thục là bình tĩnh, cô ngồi im ngó đăm đăm trước mặt không nói lời nào. Ngày nay gần như cô đứng ở ngoài cuộc với gia đình bên chồng. Việc đoàn tụ của mẹ con cô không ai đủ sức ngăn cản trên pháp lý. Bây giờ thì đã quá tuổi bồng bột, Thục nhìn cuộc đời dưới đường nét tròn trịa hơn chứ không góc cạnh dễ gây thương tích cho tha nhân như trước kia nữa. Lát sau Thục xin phép bà cụ rời bàn ăn. Cô vào bếp rót từ bình thủy hai tách trà sen còn nóng, bốc hương thơm ngát rồi bưng ra sân trước. Nam đang đứng bực dọc nhìn trời. Thục dịu dàng gọi khẽ:

- Mình ngồi xuống đây uống trà đi Nam.

Hai người ngồi bên nhau trên thềm đá cạnh chậu men sứ hồng. Giữa khóm lá xanh mấy bông tỷ muội trắng lung linh hé nụ hàm tiếu, Thục ngắm những cánh hoa nhỏ xinh nghĩ ngợi đâu đâu, chặp sau cô khẽ nói:

- E đến hơn ba mươi mấy năm phải không Nam?

Anh đáp như trả lời mơ hồ của Thục:

- Ngày mô Nam cũng bắt sâu tưới nước cho nó.

- Còn những lúc anh không ở nhà?

- Chú Việt thay anh lo cho nó thời gian Nam đi tù. Thục biết không? Em Việt là thương chị Thục nhất.

Cô bỗng hỏi:

- Còn Nam?

Anh quay nhìn đăm đăm vào mắt nàng, chỉ nhìn mà không nói. Đôi mắt Nam u uẩn những bóng tối phiền muộn. Anh thở dài và nói thật nhỏ như chỉ muốn cho mình nghe:

- Tôi đã gánh quá nhiều lầm lỡ cho người thân... Nhất là Ái. Con trai của mình có lúc nào quên nghĩ đến mẹ nó đâu.

Anh thầm thì:

- Đoan Thục, anh xin lỗi em.

Tay Nam cầm chặt từ lúc nào bàn tay Thục, những ngón thuôn mềm nằm ngoan mặc cho anh ve vuốt. Một giọt nước mắt rơi xuống, long lanh trên chiếc nhẫn cưới của nàng, và Nam cúi xuống hôn đằm thắm lên đó, nuốt vào miệng chút mặn chát ưu phiền của người yêu dấu một đời anh khắc khoải nhớ mong. Nắng trưa lồng lộng trên đọt cây mãng cầu làm cho đám lá non xanh trong hơn. Gió hè lao xao rung rinh cành nhỏ hắt xuống khoảnh sân những hoa ảnh tròn hoe chập chờn. Tiếng chim ríu rít vang trong khóm lá nghe vui tai, vườn trưa nắng hạ tưởng như vẫn có tự thuở nào xa lăng lắc. Nay người xưa đã trở về cho vườn xưa yên tĩnh. Thục không nhìn anh, cô cúi đầu nói nhẹ như hơi thở: - Nam có biết là em đã nhớ nhà lắm không?

Anh vẫn đăm đăm ngó vào đôi mắt đen buồn long lanh với những giọt tủi hờn. Rèm mi của nàng rung động như cánh bướm, anh muốn hôn lên đó để ngăn hết ưu phiền. Khi họ đứng lên bước vào nhà thì nắng đã rời khỏi sân trước, chỉ còn gượng bám những đợt sáng lòa lên vách tường loang lổ màu thời gian, vẽ nên những ảo ảnh mơ hồ. Trong phòng khách vắng hoe, bàn ăn đã được dọn sạch, chỉ còn chàng trai trẻ đang nằm ngủ quèo trên chiếc trường kỷ kê bên cửa sổ. Hai người nhẹ bước để cho con ngủ, cùng nắm tay nhau bước vào phòng xưa.

Thục đứng lặng người bên chiếc bàn viết, nhìn mãi khung ảnh có người thiếu nữ xinh

tươi của ba mươi mấy năm về trước. Hạnh phúc ngày ấy nhiều quá thể cho mắt môi cô gái rạng rỡ niềm vui. Thục lại rưng rưng nước mắt tiếc thương thời gian đã đánh mất. Giữa lúc ấy cô cảm thấy ấm áp vì Nam đã đứng sau lưng mình từ lúc nào, anh vòng tay ôm siết lấy đôi bờ vai cô đang rung động vì thổn thức. Nam cúi hôn lên gáy nàng và gục mãi nơi vùng da thịt thơm ngát ấy. Thục khẽ rùng mình, cảm giác ham muốn được yêu thương bùng lên như muốn đẩy sâu cô vào niềm chung cùng từ lâu rồi thiếu vắng. Thục quay người lại, môi cô chạm vào hơi thở thơm nồng của người yêu. Đất trời đã đứng im vì hơi thở của họ mới hòa vào nhau, sóng lòng cồn lên cho hai người từ lâu xa cách nay quyện lại gần nhau. Thục run rẩy trong vòng ôm chặt chẽ của anh. Hai thân thể khát khao đợi chờ nên một.

Xế trưa hôm ấy hạnh phúc dâng trào, suối nguồn nhung nhớ đã oà vỡ như thác lũ nhận chìm họ vào tận cùng nỗi ái ân đến ngất ngây hồn xác. Thục nằm im ngửa mặt nhìn rường nhà u tối. Nam mãi vẫn âu yếm nghịch hôn đám tóc xõa tung của cô trên mặt gối trắng tinh. Từng chặp anh lại hít hôn mê mải trũng sâu gợi cảm của người yêu. Trưa hạ yên tĩnh lắng nghe núi đồi mênh mông trăn trở và thung lũng chất ngất men say hương địa đàng. Hạnh phúc phòng the đơn giản và nồng nàn của đời sống vợ chồng từ hơn phần tư thế kỷ anh đã vuột mất, nay tìm thấy khiến anh quấn quýt không muốn rời. Họ đã yêu nhau như lúc mới là vợ chồng hồi xuân trẻ. Họ còn yêu nhau say đắm hơn vì lửa tình tưởng đã tắt ngún trong tro lạnh nay bùng cháy, biểu sao khỏi đắm đuối. Âm dương cách trở nay đã tìm về với chu trình khép kín và vì thế càn khôn nào lại không nghiêng ngửa?

Bỗng từ phòng ngoài vẳng vào hàng loạt âm thanh réo rắt, tiếng tơ đồng đang xao xuyến hòa âm khúc nhạc buồn "Come back to sorrento". Tiếng đàn từng lúc thêm nức nở khiến nhói buốt trái tim tưởng vừa rời bỏ cõi sầu tư, nay chợt ray rứt nỗi niềm nuối tiếc. Thục chìm khuất trong sóng nhạc... mơ mộng và biếng lười bên hơi ấm phá ra dịu ngọt của chàng. *"về đây khi mái tóc còn xanh xanh. Về đây với màu gió ngày lang thang. Về đây với xác hiu hắt lạnh lùng. Ôi lãng du quay về điêu tàn. Thôi nhé đừng hoài âm xưa, giọt mưa đã rơi bên thềm nhà. Người về im bóng lắng nghe tháng ngày qua..."*

Hoài Nam chồi dậy nửa người kề sát mặt cô, anh hôn lên má Thục đang nhạt nhòa nước mắt. Gương mặt anh ngời tỏa niềm vui nên như xóa mờ nét sắc cạnh của phiền muộn từ lâu khắc chạm lên đó.

Ngoài kia chiều đã tắt nắng. Thục choàng tỉnh cơn mộng, ngồi bật lên. Cô còn phải trở lên Kim Long khỏi muộn giờ. Nam vùng dậy theo, hai tay với lấy Thục, anh như con chim một lần bị đạn nên sợ cả cành cong, không tin hạnh phúc vừa mới hiện đến với anh là hiện thực. Thấy Nam hoảng hốt, Thục mỉm cười âu yếm:

- Ngày mai em chờ anh trên nớ, Nam rảnh không?

Nam gật đầu nhìn cô không chớp mắt, nhìn như thể phải khắc ghi hình ảnh người yêu vì mỗi phút xa nhau bây giờ sẽ làm tổn thương niềm tin yêu vừa sống lại. Anh không ngờ tình anh với nàng còn say đắm hơn cả thời tuổi trẻ.

Hai người tươi tắn với áo quần chỉnh tề, sóng vai nhau bước ra phòng khách. Ái đang loay hoay bên chiếc cassette, nghe tiếng chân họ liền quay lại cậu tròn mắt khi thấy vẻ tươi cười hé rạng trên mặt mày ba cậu. Từ quá lâu rồi người cha bao giờ cũng ảm đạm như những ngày mùa đông buồn xứ Huế. Ái hớn hở nhìn mẹ hỏi:

- Chiều nay mình có lên nhà ngoại không me?

Thục nhoẻn miệng cười với con vừa nói: - Chừ me nhờ Ái đưa me lên Kim Long. Rồi sáng mai Ái quay về đón ba lên thăm ông bác. Ngày kia là giỗ ông cố ngoại cu Ái, cả nhà mình tổ chức đi thăm mộ ông cố trên Ngự Bình.

Nam góp ý:

- Trưa mai anh mới lên được. Vì anh bận dạy học buổi sáng. Ái khỏi đón đưa ba mất công, ba sẽ đạp xe đạp lên. Thục có tin là từ lâu ni Nam là kiện tướng đua xe không?

Thục reo lên:

- Thục thích môn thể thao ni lắm. Em thấy cu Ái có chiếc xe đạp coi bộ nhẹ hều. Nam coi thu xếp hai đứa mình cùng đi chơi khắp nơi bằng xe đạp đi.

Anh cười:

- Hay để Nam chở Thục bằng xe đạp như ngày xưa nghe?

Hai người trao đổi rộn ràng như hai đứa trẻ khiến Ái ngẩn ngơ ra nhìn họ. Cậu xen vô:

- Nhưng me quên là mình còn quá nhiều việc phải chạy mới theo sát chương trình của me đã vạch ra. Me không nhớ à?

Thục nghe con trai nhắc, cô sực nhớ tới mấy cái hẹn với đám thợ thầy trên Kim Long. Cô hơi nhăn mày. Nam để ý hỏi:

- Em cần anh giúp một tay không? Anh tin anh còn đủ sức làm mọi việc.

Thục quay sang anh phân bua:

- Toàn những việc lỉnh kỉnh vôi gạch gỗ đá... Nhưng nếu có anh đứng ra trông coi Thục có thể yên tâm về sớm...

Hai cha con Ái thảng thốt kêu lên cùng lúc:

- Đoan Thục!

- Me!

Thục hiểu ngay nỗi ưu tư ấy, nàng nói thêm dịu dàng với họ:

- Rứa không phải ba muốn me lo cho Ái du học Mỹ càng sớm càng tốt à. Và vì rứa em muốn mau về bên nớ để lo thủ tục xuất cảnh cho Ái.

Trông thấy vẻ thẫn thờ của Nam, cô nói nhanh một lúc công chuyện phải tiến hành để khỏa lấp nỗi thất vọng của anh khi nghĩ tới việc phải sớm chia tay với nàng. Cánh chim trời đã tung cánh biển biệt nay vừa mới quay về tổ ấm đã vội lao ra cõi sương gió mịt mù. Thục bàn với hai cha con Ái:

- Em nhờ Nam đứng ra trông coi mọi việc trên Kim Long. Còn dưới này mình thủng thẳng, mình nhờ chú Việt từ Đà Nẵng ra sẽ tính sau.

- Còn Ái thì răng đây? Con không hề nghe me giao cho thằng cu Ái việc chi hết rứa?

Mẹ cậu nghiêm trang trả lời:

- Phần Ái hả? Bây giờ con chỉ cần tập trung chuyện đi học! Ba Ái sẽ hướng dẫn việc đó. Em nghĩ là Nam cần bàn với anh Phan.

Thục vừa cười vừa nói thêm:

- Tên họ Đặng coi bộ lanh tay lẹ mắt chuyện ni lắm đó anh.

Nam nghe xong đã cảm thấy dễ thở hơn. Anh thoải mái yêu cầu:

- Chừ thì Thục cho anh ăn đi, Nam nghe đói cồn cào đây nì.

Không biết sao chị Mai rình sẵn từ bao giờ, vừa nghe thế chị đã lẹ làng bưng ra lần lượt những cơm canh, thịt thà — tất cả đều đã được hâm lại, nóng sốt hấp dẫn. Mọi người vui vẻ sà ngay vào bàn ăn, ai nấy nhai nuốt hào hứng. Nhất là Nam, anh nhìn Thục bóng gió:

- Bây giờ anh trở lại là Lê Như Hổ, Thục hiểu tại răng không?

Ái bỗng thấy me cậu đỏ bừng hai má, cô nói lảng:

- Chị Mai bà nội Ái ngủ hay thức? Chị nhớ hâm xúp mời bà và nhớ làm nước sâm cho bà dùng mỗi ngày. Chị coi thay đổi món ăn cho bà khỏi ớn miệng.

Cô không ngó mặt Nam, hai má cô vẫn đỏ rần trông thật đáng yêu. Nam chỉ tủm tỉm cười một mình vừa cúi đầu ăn uống ngon lành.

Khi nàng dâu vào phòng bà mẹ chồng từ giã, cô thấy bà cụ đã ngủ say. Có lẽ bà vờ vịt ngủ sớm hẳn là để tránh mặt đứa con "hung hăng" muốn dành lại uy thế tình cảm trong gia đình từ lâu bị tước đoạt. Thục trở lên Kim Long mà lòng trí nhẹ tênh. Trời chiều bát ngát nhuộm tím thấm dòng sông Bao Vinh họ mới bịn rịn chia tay nhau.

■ ***Phan Mộng Hoàn***

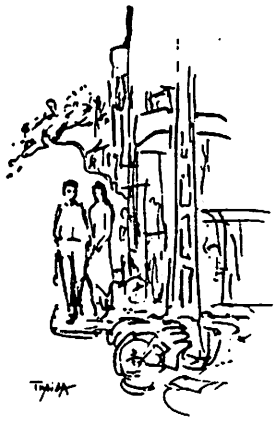

Nắng Cali

Bùi Bích Hà

Thương yêu viết để nhớ bạn hiền D.M

Hiền cắm cúi tra chìa khóa vào ổ. Mặt trời sau lưng đổ bóng nàng lên cánh cửa gỗ sơn trắng làm Hiền lặng người, nhớ ra Cali đang mùa hè.

Từ mấy năm nay, mùa hè ở Cali là khoảng thời gian Hiền sống với mẹ. Sinh trưởng ở một thành phố ven biển vùng nhiệt đới, mẹ Hiền thích nắng gió và cái không gian ẩm mặn hơi muối. Từ ngày di tản qua Mỹ, số phận khiến cả gia đình Hiền định cư ở cái tiểu bang Ohio buồn tẻ và lạnh lẽo. Thật ra, hằng năm, Ohio cũng có những ngày nắng gắt, đường phố, cây cỏ khô nỏ như mảnh sành. Để ý, Hiền thấy mẹ vẫn không vui. Hình như cơn nóng trơ trọi ở đây cuộn mẹ lại như cái chả giò trong chảo dầu, làm cháy háp cả cái nụ cười thường đem lại trên khuôn mặt mẹ vẻ tươi tắn, rạng rỡ của một bông thược dược màu vàng chanh, chỉ nhìn thôi cũng cảm nhận được hết cả cái mát rợi của khu vườn dưới cơn mưa xuân.

Chỉ đến khi con cái khôn lớn, mỗi năm một đứa ra trường đại học, thỉnh thoảng mẹ nàng mới ý nhị nói khẽ giữa những câu chuyện bâng quơ khác, là mẹ muốn dời cư về nơi có nắng ấm. Mùa hè năm Hiền tốt nghiệp văn bằng cử nhân, mẹ con Hiền đi Cali chơi. Hiền còn nhớ mãi hôm hai mẹ con bước chân vào khu chợ người Việt, mẹ Hiền đứng ngẩn ngơ ở quầy tôm cá sực nức mùi hải sản tanh tưởi. Bà thở những hơi nhẹ và sâu, hai mắt càng lúc càng long lanh, đôi môi mềm mại nở một nụ cười rộng, như thể bà vui gặp lại người quen cũ. Mẹ Hiền giải thích:

— Lâu lắm, mẹ mới lại được ngửi hương vị biển.

Mặc dầu mẹ rất yêu thích những con phố rộn rịp người đồng hương vãng lai, những buổi chuyện trò vang động tiếng cười với các bạn cũ nói cùng thứ tiếng ríu rít như mẹ, cả hai mẹ con Hiền chỉ ở lại Cali một thời gian thật ngắn vì ba nàng không muốn rời bỏ công việc ông đang làm ở Ohio.

Sau chuyến đi chơi, Hiền cũng thích Cali vì những lý do khác mẹ. Nàng nhìn thấy ở đây một môi trường đầy hứa hẹn cho sự tiến thân của mình. Nàng quyết định tìm việc làm ở Cali và đi về giữa hai nơi.

Bây giờ nghĩ lại, Hiền băn khoăn tự hỏi không biết sự lựa chọn lúc đó của nàng có phần nào, trong vô thức, chia sẻ với mẹ những ao ước riêng của bà không? Hình như cứ mỗi lần nhìn con gái đóng nắp vali hành lý để bay về Cali, mẹ Hiền lại gửi khéo con ánh mắt tiếc thương thêm một cơ hội bỏ lỡ của bà. Về sau, Hiền thường đem mẹ theo. Nàng thuê một căn chung cư gần bờ biển. Ban ngày khi nàng đi làm, Mẹ hay ngồi sưởi nắng ngoài bao lơn. Bà đọc sách, thêu tranh, nấu nướng cho hai người ăn. Thỉnh thoảng có người bạn nào nhớ đến bà, đem xe đón thì bà theo bạn xuống phố, đi loăng quăng nhặt báo, mua bán ở các chợ hoặc ăn quà vặt ở mấy tiệm bán đồ ăn Huế. Buổi tối Hiền đi làm về, hai mẹ con cùng đi bách bộ dưới

những hàng cây Palm, nói chuyện vẩn vơ và cười rúc rích bên nhau.

Tuy vậy, những ngày vui ngập nắng ấy không có nhiều vì mẹ nàng không thể không về lại Ohio là nơi ba nàng vẫn giữ nếp sống đi làm đều đặn của một viên chức giáo dục tiểu bang. Hành lý, bà mang về sau mỗi chuyến đi chỉ gồm có lương thực đủ cho cả nhà ăn suốt một năm. Phần mẹ, thêm một ít sách báo, băng nhạc và video.

Về đến Ohio, thời tiết lập tức làm mẹ héo rủ như một tàu lá háp nắng. Buổi tối ở Cali, Hiền điện thoại thăm mẹ khi rảnh rỗi. Nghe tiếng mẹ quống quít reo vui sau những khoảng yên lặng bần bặt, Hiền luôn có cảm tưởng mẹ đang uống những ngụm to đến nghẹn thở, câu chuyện nàng kể, như một người khát cố uống chút nước trong trẻo, lấp lánh sáng, đọng giữa các kè đá của một con suối.

Thời gian của mẹ, vài năm gần đây, chia sẻ giữa Ohio và CaLi. Cuộc sống đang yên vui, bỗng bác sĩ phát hiện mẹ Hiền bị ung thư tá tràng. Anh chị em Hiền lo âu. Ba Hiền đập đầu xuống bàn, kêu khóc. Mẹ chỉ bình thản, cười gượng. Một lúc sau, khi ba ngừng khóc, Hiền thấy mẹ điềm tĩnh gỡ mắt kính của ba xuống, dùng mấy ngón tay của mẹ lau đi lau lại vết nước mắt đọng loang lổ trên tròng kiếng. Tính mẹ sạch sẽ, bà thích cái gì cũng phải đẹp, cả nỗi đau khổ.

Công việc chữa chạy bệnh cho mẹ rất đau đớn và mệt nhọc nhưng mẹ không bao giờ than thở. Ở nhà thương về, bà bình tĩnh làm các công việc thường ngày. Thỉnh thoảng từ Cali bay lên thăm mẹ, ban đêm khi cả nhà ngủ say, Hiền nghe mơ hồ tiếng chân mẹ xê dịch nhe nhàng trong bóng tối, tiếng cái vòi nước chảy thật nhỏ ở phòng bếp nhưng mẹ không để cho một người nào trong nhà có cảm tưởng mẹ không ngủ được.

Sau mỗi kỳ giải phẫu, mẹ chống gậy đi lòm khòm chứ không chịu nằm. Giữa hai kỳ chạy điện hay mổ, mẹ vội vã về Cali để sưởi nắng trên bao lơn căn chung cư Hiền cố ý thuê trên bờ biển, để thở hít mùi tôm cá tươi trong các khu chợ Việt Nam và đi bộ dưới hàng dương những buổi tối sương mù với nàng.

Cứ mỗi lần vượt qua cái mốc thời gian bác sĩ ước lượng còn lại cho bà, mẹ chỉ yên lặng cười thật tươi, phô hai hàng răng trắng đều như những hạt bắp vừa tới lứa. Vóc dáng mẹ mảnh mai nhưng sức mạnh từ khối óc bướng bỉnh của mẹ, niềm tin từ trái tim thiết tha với cuộc sống của mẹ, đã là nguồn lạc quan xua đuổi bóng tối khắc khoải của nhiều năm tháng lo âu, đã có lúc làm cho cả gia đình và bạn bè của mẹ quên đứt chuyện mẹ bị bệnh ung thư.

Thế nhưng, mẹ chỉ vượt thoát được hơn bốn năm. Mẹ quỵ ngã ở cái mốc sát với mức thắng của cuộc đua, một cách bất ngờ, giữa cái nắng ửng màu hoa đào chan hòa khắp Cali những ngày đầu xuân. Mẹ chịu thua vì cú hồi mã thương trí mạng của số phận.

Ma chay mẹ xong, ngôi nhà ở Ohio, như con thuyền lớn chở cuộc sống gia đình Hiền xuôi giữa đại dương, rã ra từng mảng. Ngôi nhà chết theo mẹ, không còn chút sinh khí và ánh sáng, là sự im lìm của bộ ngực không còn nhấp nhô hơi thở, của thanh quản đã tắt lịm tiếng nói lèo nhèo, ấm áp của mẹ. Ngôi nhà trở thành nấm mộ tối sau những rèm cửa, không còn bàn tay mẹ cuốn lên mỗi buổi sớm mai. Những đứa con, trong buổi chiều hoàng hôn, từ sở làm bước ra, từ nơi xa xôi, nghĩ về ngôi nhà, không còn mường tượng đôi mắt đau đáu mong chờ của mẹ, không còn nghe réo rắt tiếng gọi thầm của mẹ. Trong lòng chúng, một trang sách đã đóng lại, một quãng đời đã chấm dứt, vĩnh viễn.

Ba Hiền thu xếp hành lý về Cali, một phần vì ký ức ray rứt những lần trước cùng đi với vợ, một phần vì ông không còn biết làm gì khác. Hiền thuê một nơi ở mới cho hai cha con để tránh những kỷ niệm của mẹ. Công việc thường xuyên giữ Hiền ở ngoài đường cả ngày, có khi nàng phải đi những hành trình xa, cả tuần lễ. Ba Hiền ở nhà một mình, vào ra quanh quẩn.

Hơn bốn chục năm nay, từ ngày lấy vợ, ông mất thói quen tự mình quyết định mọi việc. Ông ăn uống, ngủ nghỉ, đi chơi hay làm

bất cứ việc gì đều là do mẹ Hiền sắp đặt. Bây giờ vắng bà, ba Hiền như người Robot thiếu điện. Ông thấy tay chân, thời giờ, tiền bạc thừa thãi mà lòng ông thì khao khát vẩn vơ một điều gì không thực hiện được. Cảm giác tuyệt vọng có lúc khiến ông bưng mặt khóc hu hu hay đập đầu chan chát vào tường vì sự bi thảm dấy lên từ đáy lòng ông như thủy triều. Ông chới với giữa khoảng không trước mặt vừa hụt mất vạt áo vợ, vừa đe dọa vì sự trống trải sau lưng. Sự có mặt của mẹ Hiền bên cạnh ông, tự nhiên, tầm thường, tựa như cái cúc áo trên cái áo lông mặc hàng ngày, đã có lúc ông không còn bận tâm gì về nó cả. Chỉ đến khi cái nút áo ấy đứt ra và rơi mất, ông mới thấy là cái áo không còn dùng được nữa. Cái ý nghĩ ông không còn cách nào tìm thấy lại cái cúc áo mất, thật ảo não. Nó làm nước mắt ông chảy ra như suối. Bạn bè của mẹ Hiền cười cợt sau lưng ba Hiền:

— Mai mốt lấy vợ khác là hết khóc.

Cùng với lời bàn tán hươu vượn của người ngoài, Hiền cảm thấy lòng nàng nôn nao những ý nghĩ phiền muộn. Nàng thực tâm không muốn phải nhìn cha buồn bã, lẻ loi nhưng cứ tưởng tượng ra có một người đàn bà nào khác ở bên cạnh ông, như mẹ nàng ngày nào, Hiền lại thấy lòng đau buốt, tựa như chính nàng bị phản bội. Mỗi buổi chiều đi làm về, Hiền nhìn sâu vào đôi mắt ba nàng, hỏi han ông năm điều ba chuyện, vừa tìm tòi, nghe ngóng, vừa bâng khuâng, lo sợ đọc thấy trong đôi mắt ấy những thay đổi sẽ đem vào lòng nàng, một cách rất vô lý, nỗi thất vọng hay oán hận khiến nàng không còn yêu ông được nữa.

Hiền chỉ không biết rằng, trong thâm tâm ba nàng, ông ý thức mình bị đóng đinh trên cây thánh giá mà ông đã hân hoan lựa chọn cách đây hơn bốn chục năm, mà ông không bao giờ còn cơ hội tháo gỡ kể cả khi cây thánh giá ấy chỉ còn là cái bóng đổ bên đời ông từ một quá khứ đã mất.

Hiền nhìn thấy ba nàng đứng lau mãi cặp kiếng đeo mắt của ông bên cạnh cái điện thoại xinh xắn đặt trên quầy bếp. Bên ngoài tấm mành sáo, gió lùa phơ phất trên những ngọn bông giấy, làm lay động những chùm nắng Cali màu đỏ thẫm. Cơn khóc bị kềm hãm, dồn hết nước vào hai hốc mắt khô khốc của Hiền, làm thái dương nàng muốn vỡ ra.

■ ***Bùi Bích Hà***

GỞI GẤM

Có ai quay gót về làng
Cho tôi gởi gấm về làng thăm quê
Thăm non, thăm nước, thăm nhà
Thăm buồng chuối chín, thăm bà mẹ quê
Người mẹ dậy sớm thức khuya
Nuôi đàn con nhỏ nắng mưa dãi dầu
Gởi lời thăm mấy hàng cau
Đong đưa trĩu trái đẹp màu lá xanh
Gởi lời thăm chị thăm anh
Thăm làng, thăm xóm, thăm đình ngày xưa
Gởi thăm cây mít cây dừa
Thăm hàng phượng thắm bên bờ Hương Giang
Gởi thăm mấy lũy tre làng
Thăm đồng lúa chín thăm đàn cò bay
Gởi thăm Nam Bắc Đông Tây
Đồng bào ruột thịt đếm ngày nhớ thương
Quê hương ơi hỡi quê hương
Ra đi bịn rịn vấn vương vô cùng
Ngày về xa thẳm ngàn trùng
Nhớ quê lệ nhỏ không ngừng từng đêm
Ai về quê mẹ Việt Nam
Cho tôi gởi gấm nhớ thương tấc lòng

Hoa Vĩ Dạ

Thương mến tặng Vinh Tôn và Hồng Loan

mưa rơi

Lê Khắc Ngọc Quỳnh

Tôi đến Sacramento, thủ đô của California vào một buổi trưa buồn. Đài Kỷ niệm những quân nhân Hoa Kỳ đã nằm xuống cho cuộc chiến Việt Nam ở một góc công viên rộng lớn nơi có tòa nhà Quốc hội Capitol. Lá cờ Hoa Kỳ treo rủ thấp xuống ở giữa cột cờ trông buồn làm sao! Trời lành lạnh heo may. Tôi co ro dưới những tàng cây Southerne Magnolia cao lớn rậm rạp, lá nửa xanh nửa nâu như lá cây vú sữa bên nhà. Lá xào xạc trên đầu. Trong cái vắng lặng của công viên vào buổi trưa, chúng tôi không ai nói với ai một lời. Mỗi người quan sát một nơi lựa chọn trong Đài Kỷ Niệm, vừa mới hoàn tất năm trước. Tôi dừng bên một bản nhỏ ghi mấy giòng "Dedication" để vinh danh những người đã chết hay còn mất tích tại Việt Nam từ năm 1959 đến năm 1975. Cảm động đến rưng rưng, tôi dừng bên giòng chữ cuối trên tấm marble:

All gave some,
Some gave all.

Đài được xây cất theo mô hình nhiều cạnh. Chung quanh bên ngoài là những tấm đá cẩm thạch màu đen ghi chi chít tên những người đã không còn nữa... Các bạn trẻ với lứa tuổi từ 18 đến 20 chiếm gần 2/3 bảng tên. Ôi những bạn trẻ của đất nước này! Hoặc vừa xong bậc trung học, hoặc bắt đầu ngưỡng cửa đại học đã nằm xuống trên đất nước tôi. Xúc động đến ngậm ngùi! Các bạn còn trẻ quá... phải bỏ cả tương lai chờ đợi. Các bạn đã vĩnh viễn ra đi trên giải đất hình chữ S, như bản đồ Việt Nam khắc rõ trên nền xi-măng trước cổng Đài Kỷ Niệm này. Một bản đồ không có "đầu", thiếu miền Bắc vì từ năm 1959, đất nước còn chia hai. Bản đồ ghi dấu nhiều địa danh chằng chịt trên đất nước tôi. Nơi đó cuộc chiến đã xảy ra, bao nhiêu dân lành bị tàn sát, mà người Việt Nam như tôi không một lần biết đến: Mũi Hòn, Mũi Tre, v.v...

Bước vào trong lạnh người. Tôi sững sờ trước bức tượng đồng người bạn trẻ, người tù trong tấm áo vải thô, cổ tròn, kiểu áo của người nông dân Việt Nam chúng tôi. Chiếc quần ngắn, đưa đôi chân khẳng khiu. Đôi mắt thẫn thờ, thất thần nhìn vào xa xăm như tìm về quê hương đã mất hướng vời vợi tận nơi đâu...? Bên cạnh, một tô cơm hay cháo lặng lẽ, tội nghiệp. Chiếc phên liếp đằng sau rách một mảng. Bức tượng xúc động lòng tôi đến vô cùng. Bốn bức khác chung quanh: Hai người lính trẻ da màu, một đang bị thương đầu gục nghiêng một bên, tay còn gượng cầm cây súng. Người kia đứng trong dáng cố tiến tới. Rồi một thương binh nằm trên băng ca bên người nữ y tá, áo quần, giầy dép xốc xếch, sắp sửa ống kim chích. Bên kia hai người lính quá trẻ đang nhanh chân bước, một đang ngồm ngoàm nhai miếng táo ăn giở, như cố quên súng đạn chung quanh. Tôi thật sự ràn rụa khi cúi xuống đọc lá thư trong tay bức tượng trước cửa: Người lính trẻ mắt buồn rười rượi, hạ súng xuống, ngồi lên chiếc nón sắt để ngửa, nhìn xa xăm bên lá thư đọc giở. Tờ thư với nét chạm đồng hàng chữ nhỏ đều đặn, rõ ràng: *"... con ơi, đừng bị quyến rũ với anh dũng bội tinh, mề đay danh dự, tước hiệu anh hùng... vì mẹ cần con, con trai của*

mẹ!" Một bà mẹ đang biền biệt xa con, mất còn nơi nào? Tất cả chìm hút trong chiến tranh. Người mẹ mỏi mòn.

Tiếng trẻ chào đời, sung sướng biết bao! Ông bà, cha mẹ chờ đợi tiếng khóc đầu đời của bé với tất cả hạnh phúc... Niềm vui ấy tiếp nối mãi cùng với ánh mắt, nụ cười trẻ thơ mỗi ngày một rạng rỡ. Ngôi nhà thật sự rộn ràng tươi vui. Hình ảnh của bé là hình ảnh thiên thần có đủ sức màu nhiệm cho không khí gia đình luôn ấm áp. Bên những tràng cười non dại, tiếng nói ban đầu, tiếng khóc đôi khi... mọi tăng trưởng làm hạnh phúc gia đình lớn mãi. Học bé, mọi người quên mình, quên hờn giận và trong sáng ý nghĩ. Bé là ánh sáng, nụ cười, bông hoa, tiếng nhạc... để ngôi nhà chan hòa tình thương. Mọi người vì bé mà đơm đầy tin yêu. Người ta quên tất cả chỉ còn hạnh phúc. Bé bụ bẫm, thông minh là nguồn vui của cả nhà. Mọi người tập trung theo bước lớn của bé. Ngày đầu đến trường, bé khóc theo chân cô giáo mà cả nhà tin tưởng, tươi vui. Những tiến bộ vấp ngã của bé được mọi người chia xẻ, lo lắng. Bé là nguồn sống của gia đình và đại gia đình. Một ngày bé biết miệt mài đèn sách, cả nhà kỳ vọng. Tuổi 18, 19 ngời ngợi sức trẻ, nguyên vẹn trong sáng tin yêu. Nhiệt tình say sưa với mộng "lấp biển vá trời" như cây xanh lớn mạnh, cành lá tươi non. Biết đâu có ngày giông bão, lá xanh tơi tả... Lời nguyện cầu của mẹ chìm hút trong bom đạn chiến tranh. Người mẹ trải lòng trên trang giấy... trang giấy đang trong tay người lính trẻ. Nỗi nhớ vỡ òa. Bức tượng đồng bên tôi lạnh ngắt với ánh mắt thăm thẳm sao mà buồn đến thế! Mẹ ơi bao giờ ta thấy nhau? Mẹ đã khóc, con không cầm được nước mắt. Cảnh vật quanh tôi đang nhòe đi. Ai đang quay quắt nỗi mất con. Tôi chất ngất nỗi đau mất Mẹ. Giọt mưa tiếp nối không dứt ngoài kia sao mà lạnh lùng quá đỗi!

Tôi rất sợ tiếng điện thoại giữa đêm khuya, Giọng em tôi xúc động, đứt khoảng:

— Mẹ bị "coma", đã vào bệnh viện!

Tôi hoảng hốt:

— Làm sao?

Em tôi im lặng. Biết em đang nghẹn ngào, tôi cố gắng:

— Mai chị qua ngay nhé!

Bước lên máy bay Air Canada. Tôi thẫn thờ như người mất hồn. Cô chiêu đãi viên đỡ lấy chiếc áo coat tôi đang mặc máng vào closet. Tôi ngồi vào hàng ghế đầu tiên, gần cửa sổ. Chỗ ngồi quá tốt. Nhìn chung quanh toàn người có vẻ làm thương mại, với đồ lớn, cặp da trịnh trọng. Tôi biết tôi đang ở hạng nhất. Tội nghiệp con đã bất kể giá cả vì biết tôi sốt ruột muốn gặp mẹ ngay. Nhìn ra ngoài trời âm u, lất phất mưa. Năm giờ bay quá dài... Tôi mở cuốn sách nhưng chẳng đọc được gì. Buồn quá!

Mẹ đang khỏe mạnh, minh mẫn. Mẹ tỏ ra hạnh phúc. Mẹ quên tuổi mình để hòa hợp với cuộc sống xứ người mà sinh hoạt giờ giấc hoàn toàn không giống Việt Nam. Mẹ làm chúng tôi yên tâm. Sự thông cảm đầy hiểu biết của mẹ xóa hết mọi lo âu trước kia của chúng tôi. Mẹ hội nhập mau chóng. Muốn các con yên lòng, mẹ tươi cười mỗi sáng, mỗi chiều. Chúng tôi hạnh phúc với nụ cười của mẹ. Tuy vậy chị em chúng tôi vẫn luôn "quan sát" mẹ: Sự thay đổi đột ngột môi trường sống; Mẹ có thật sự thoải mái như mẹ vẫn tỏ ra không? Chúng tôi sửa hệ thống điện thoại để dễ dàng cho mẹ. Gọi dì bấm một chấm đỏ, các con 2, 3 chấm xanh v.v... Mẹ đã cười một cách tự tin:

— Mẹ nhớ hết số của mấy dì và các con!

Rồi mẹ đọc vanh vách số của người nọ, người kia. Cả nhà cười xòa vui vẻ. Một chuyến bay 20 tiếng, mẹ vẫn tươi cười. Mẹ đã đặt chân đến bức thang thứ 100 của Vạn Lý Trường Thành ở tuổi 84. Một bà mẹ Việt Nam, một bà mẹ Huế, đã 84, 85, được đi đây, đi đó.. vui vẻ, hòa hợp. Con cháu không thấy phiền phức, trở ngại nào. Mẹ luôn luôn tỏ ra mạnh khỏe dù di chuyển với máy bay, xe bus và cả xe lửa "thống nhất" từ Nam ra Bắc của miền quê Việt Nam. Em trai tôi, em dâu và các cháu tôi đã thật sự phụng dưỡng Mẹ bằng tấm lòng của người con Việt Nam. Dù ở hải

ngoại đã lâu các em tôi còn giữ được nếp sống theo văn hóa việt Nam. Một điều mà chúng tôi vẫn luôn cảm kích. Mẹ chúng tôi được vui vẻ, thoải mái những ngày cuối đời cũng là niềm an ủi của chúng tôi. Thiện chí của các em tôi là niềm vui của cả gia đình. Các con dâu của mẹ đã làm cho gia đình luôn được ấm cúng. Trong những ngôi nhà của các con, dù mới hay cũ, rộng hay hẹp, bao giờ cũng có một nơi dành riêng cho Mẹ, không sang cả xa hoa mà chỉ cần ấm áp tình con. Mẹ vẫn trân trọng niềm vui to lớn ấy. Tôi là đứa con có số sống xa Mẹ nhiều nhất. Hoàn cảnh đưa đẩy, không được luôn gần Mẹ. Nhưng nhìn những chăm sóc của các em dành cho Mẹ, tôi vui mừng và cảm ơn. Chúng tôi vẫn giữ được mái ấm gia đình dù Ba tôi quá vãng từ lâu! Óc tổ chức nổi bật nơi mẹ. Một lần nghỉ hè bên bãi biển Hawaii. Giữa vùng du khách khắp nơi trên thế giới. Những cô gái Hawaian thân hình rám nắng, mầu da nâu hồng với vòng hoa sứ trắng xinh xinh trên ngực. Bên bờ biển nổi tiếng, nước xanh cát trắng, hàng dừa thơ mộng... Mẹ đã cho mọi người một ngạc nhiên, một sự khoái khẩu vô cùng kỳ thú: một bữa cơm xứ Huế có bánh lá chả tôm, bánh bột lọc, miếng ram Huế vàng mọng, dòn tan... Mẹ đã sửa soạn nhiều ngày trước, cho "Frozen" để đến bất cứ nơi đâu, chỉ việc cho vào Microwave hâm lên là xong. Gia đình em tôi xứng đáng được hưởng những chăm sóc ấy của mẹ! Chúng tôi yêu thích món ăn "ready serve" của mẹ. Mẹ rất thích nấu ăn. Tài này làm con cháu "gần' bà hơn. Thấy ai làm món gì ngon lạ cũng muốn học. Học xong về nhà là thực hành ngay, siêng năng, cần mẫn nên con cháu được "nhờ". Mẹ làm món ăn như người ta làm nghệ thuật bền chí, tỉ mỉ, luôn chú trọng đến cái "đẹp" Không những say sưa với "tác phẩm" của mình mà còn muốn "phổ biến" cho con cái, bà con... chỉ tiếc thì giờ ở hải ngoại quá ít để rất ít đứa con chiều theo ý mẹ. Tôi sung sướng có một giáo sư dạy nấu ăn, bỏ cả thì giờ, tiền bạc mua vật liệu, rồi ân cần khuyến khích. "Học viên" chỉ việc "học" và "ăn" thế mà cũng kiên nhẫn và hạnh phúc! Mẹ có trăm nghìn điều để làm gương cho chúng tôi. Tuy nhiên có một điều khó học nhất là lòng rộng rãi của mẹ. Tình thương ban phát cho con cái đồng đều không phân biệt con gái, con trai, con dâu, con rể, cháu nội, cháu ngoại... Trong gia đình nhỏ của chúng tôi, cũng như đại gia đình nội ngoại Mẹ là "gạch nối hòa bình", là "chỗ dựa tinh thần"... Ai cũng yêu mẹ, niềm hãnh diện của chúng tôi. Mẹ sung sướng khi đem được niềm vui cho người khác. Mẹ dạy chúng tôi biết quên mình... nhưng chúng tôi đôi lúc vẫn là những đứa sân si! Những chiều thứ bảy, mẹ dịu dàng với đàn con ở nơi nơi: Một lời thăm hỏi, một dặn dò, ấm áp làm sao!

Có ai ngờ Mẹ ra đi đột ngột và nhanh chóng như vậy? Tôi nghẹn ngào nhìn mẹ thiêm thiếp trong phòng cấp cứu đặc biệt ICU của bệnh viện Good Samaritan - San Jose. Bao nhiêu giây nhợ chằng chịt, thuốc men chung quanh, đôi mắt nhắm nghiền... Tôi thì thầm bên tai mẹ:

— Con đến rồi đây. Bão lớn. Máy bay quần ở phi trường San Francisco cả mấy tiếng đồng hồ. Chừ con mới đến. Mẹ có nghe con không?

Mẹ vẫn bằn bặt. Mẹ có nghe tôi không? Đã 12 giờ đêm, bệnh viện chìm trong im lặng. Tôi còn được phép đứng bên mẹ. Đau xót cầm tay mẹ. Hình như giọt nước mắt long lanh khóe mắt mẹ... trời ơi, còn đau đơn nào bằng! Rồi mẹ nhẹ nhàng thiếp đi trong giấc ngủ ngàn thu sau 5 ngày ở phòng cấp cứu... Tôi cúi xuống hôn trán Mẹ vẫn còn ấm tình thương... Các con Mẹ sụt sùi bên giường... có cả cháu gọi bằng dì vừa từ Los Angeles đến, đặt tay lên trán Mẹ mà nước mắt vẫn lăn dài trên gò má... Người cháu mẹ thương đến kịp giờ nói lời cuối với mẹ! Lại có cháu gọi bằng cô, anh chị vẫn đến với mẹ những ngày cuối cùng ở bệnh viện... Nhưng chúng con biết Mẹ còn đợi gia đình em con còn trên đường từ Modesto về... Mẹ thật sáng suốt, mẹ quyết định cho mẹ mọi chuyện để chúng con khỏi nhiều lo âu! Mẹ chu đáo và luôn lo cho chúng con một trời bình an... Chúng con đau đớn đến tái tê... Chúng con hoảng hốt, muốn níu

kéo mẹ cho chúng con thêm một giây có Mẹ... nhưng trời ơi, Mẹ ơi!

N.D. ôm chặt tay Mẹ, nấc lên từng hồi. N.T. sững sờ, nghẹn ngào đặt tay lên ngực Mẹ, đau khổ mong giữ cho Mẹ chút hơi thở... biết vô vọng, em vẫn cầu xin... Tôi biết hơn ai hết, em tôi đang ở cùng cực đớn đau. Cả nhà tôn trọng niềm đau chất ngất ấy. Tôi biết Mẹ chưa yên tâm về em... Mẹ tế nhị để luôn thương yêu các bạn em và muốn chia xẻ với tất cả tròn đầy như em đã luôn quí mến các bạn... với em tình bạn là niềm trân quí! Mẹ rất biết điều ấy! Tất cả chúng tôi đều đau đớn vô cùng nhưng với em nỗi thống khổ muôn vàn lần hơn... Cháu nội, ngoại thổn thức: ".. vậy là Christmas năm nay không còn ý nghĩa nữa". Tất cả chúng con còn đây, sao mẹ nỡ lìa xa? Chúng con hoảng hốt trước sự mất mát quá lớn lao! Tiếng khóc rấm rứt, phải nuốt vào trong niềm đau khổ vì sợ làm phiền đến những người đang lo sợ chung quanh. Cô y tá, người Phi Luật Tân thì phải, đã chăm sóc mẹ nhiều ngày nhất, nhìn chúng tôi thông cảm, kéo lại tấm màn che giường mẹ. Trong không khí buồn đau trong bệnh viện hôm ấy, mọi người nhìn chúng tôi ái ngại: bác sĩ Iyer, y tá Katherine, Jennifer... Chúng tôi cảm ơn những ánh mắt chia xẻ và an ủi!... Chúng tôi đang hụt hẫng, kinh hoàng nên không còn có biết gì chung quanh?...

Tôi ở xa, ít thì giờ bên Mẹ. Tôi đau xót đã chưa làm được cho mẹ những điều tôi ao ước!

Bức thư em tôi từ Việt Nam thăm hỏi mẹ còn đây. Em tôi biết được tin này chắc phải thét lên! Dù đã có cháu nội, cháu ngoại, em tôi vẫn thường nhõng nhẽo với Mẹ, trong chuyến Mẹ về thăm em tháng trước, em còn khoe với tôi "... em đã tựa đầu lên đùi mẹ suốt dọc đường tàu Thống nhất từ Nam ra Bắc, lim dim ngủ... em sướng chưa? Từng này tuổi còn được ôm mẹ ngủ!..." Mẹ bỏ những chương trình du ngoạn đó đây để ra Bắc thăm người em trai út tuổi đã ngoài 70. Cậu tôi sụt sùi bảo "Có chị nào thương em như thế!" Mẹ ơi ai cũng quý yêu mẹ, sao mẹ nỡ ra đi? Tôi nói thầm với Mẹ mà lòng đau xé... Mẹ đi thật rồi sao?

Tôi biết Mẹ tôi mất,
Bầu trời chẳng trăng sao,
Nước mắt chỉ chảy vào.
Tim xé từng cơn đau...!

Nghĩa trang chìm trong vĩnh biệt. Mọi người chào Mẹ ra về. Tôi ngẩn ngơ đứng nhìn những hoa, những lá phủ kín mồ Mẹ. Đau đớn biết nói sao? Sáng nay Mẹ còn như bà tiên nằm ngủ giữa rừng hoa tươi. Nay hoa la liệt trên thảm cỏ xanh, Mẹ đã nằm sâu dưới lòng đất. Đau đớn quá Mẹ ơi! Buổi tiễn đưa, trời đẹp mầu nắng như Mẹ muốn. Cả chỗ yên nghỉ Mẹ cũng tự chọn lấy. Nơi gần đường, thuận tiện, vui vẻ... Oak Hill Memorial Park, 300 Curtner Av. Láng giềng là hình ảnh của em con đã vĩnh viễn ra đi trước mẹ 25 năm; một bên là người cùng tuổi với cậu con, người em trai duy nhất của mẹ và mấy Dì... Ngạc nhiên vì sự thay đổi vào phút chót mà chúng con không hề hay biết. Nhưng đó là ý Mẹ, phải không Mẹ?

Mẹ vừa nằm xuống. Trời tầm tã mưa. Nghĩa trang Oak Hill tươi mát. Chúng con trở về trong tiếng khóc xót xa... Mất mát này lớn lao quá, Mẹ ơi!

Hàng cây Southern Magnolia vẫn xào xạc trên đầu. Tàng lá xanh nâu chao động trong gió. Một loạt hạt mưa rơi trước mặt. Thoáng thấy bóng mình lồng trong chữ Sàigòn in rõ của bản đồ Việt Nam trên nền mầu marble đen bóng ướt nước mưa... xót xa buồn!... Thẫn thờ, tôi trở ra...

Viết cho các em tôi.

■ ***YLA Lê Khắc Ngọc Quỳnh.***
Toronto

CẶP RẮN TU Ở CHÙA TRÀ AM (HUẾ)

Lý Trường Trân

Năm 1940 là năm mà Việt Nam và toàn cõi Đông Dương bắt đầu nếm mùi khói lửa của cuộc chiến tranh Mỹ Nhật tại Thái Bình Dương lan rộng, và năm ấy tôi đang học tại trường Khải Định Huế. Con nhà nghèo xứ Quảng ra chốn Thần kinh để học một trường lớn có danh tiếng là một may mắn nhất của thời ấy. Được vậy là nhờ sự cố gắng vượt mức của bản thân, và nhờ sự giúp đỡ của một người anh bà con về mặt tài chánh. Ông này thỉnh thoảng từ Quảng Nam ra Huế để thăm viếng một người bà con đang xuất gia và đang tu tập tại Chùa Trà Am Huế.

Chùa Trà Am, sau đổi tên Mật Sơn Tự, là một ngôi chùa nhỏ, nằm sau lưng núi Ngự Bình. Muốn đến chùa, phải đi theo con đường đất đỏ, chạy sau lưng núi từ phía An Cựu, rẽ qua trái, băng qua một giòng suối, đi ngang trước nghĩa trang của gia đình họ Nguyễn Khoa, nép theo các hàng tre xanh dẫn đến cổng chùa. Ngôi chùa này cũng như bao nhiêu ngôi chùa ở Huế, có vườn mít, chuối, chè xanh, có một hàng trúc cao bao bọc. Chùa này thuộc loại chùa nghèo, vách xây, mái lợp ngói âm dương, sân chùa lát gạch, bên trong chánh điện lát xi măng, cách xa phía sau chùa khoảng 100m, có ba ngôi tháp mộ của các vị trụ trì đã viên tịch. Mỗi lần anh tôi ra thăm người bà con tại chùa là mỗi lần tôi tháp tùng anh tôi để viếng chùa, lễ Phật, và nếu gặp dịp nghỉ lễ vài ngày, thì tôi ở lại chùa với anh tôi trước khi trở về đất Quảng.

Điểm sâu đậm đặc biệt ám ảnh mãi trong tôi, mỗi khi nhớ Huế là nhớ đến cặp rắn tu ở chùa này. Trong chuyến viếng chùa lần đầu tiên, khi sương chiều buông xuống sau sườn núi Ngự bình, và sau khi tiếng chuông công phu chiều vừa chấm dứt thì người bà con của anh tôi cho biết là trong chùa này có cặp rắn khổng lồ dưới đất của các ngôi tháp, vào đợt công phu lúc 3 giờ sáng thường hay bò vào chánh điện để nghe kinh, và xong thời kinh, thì bò lại về hang dưới tháp. Theo lời người ấy cho biết thì cặp rắn này ở chùa này đã lâu, rất hiền, không nguy hiểm, không đáng sợ, vì trong mấy năm tu ở đây, ông ta chưa bao giờ thấy hay nghe nói cặp mãng xà nầy làm hại ai cả, mặc dù ngoại hình dễ làm cho người nào gặp lần đầu cũng phải khiếp đảm vì sự to lớn của thân hình bởi những khoang rằn ri màu vàng và đen sọc trên các vảy dày sắp lớp trên mình. Chúng tôi đang nghe kể lại về chuyện cặp rắn tu thì Thượng tọa Viện chủ chùa bước đến. Với nụ cười hồn nhiên và đôn hậu của một vị chân tu, ông ta nói thêm rằng đừng sợ sệt hay lo lắng chi cả, nhưng lúc đầu chưa quen, thì cứ ngồi yên trên giường, rút chân lên, để xem cặp rắn bò vào nghe kinh. Với sự ngạc nhiên pha lẫn niềm lo sợ, tôi đánh bạo hỏi T.T. Viện chủ sao không đuổi cặp rắm ấy vào núi, mà để ở gần chùa như vậy, có thể làm hại đến tánh mạng của các vị tu hành, hay các Phật tử hành hương thì T. Tọa trả lời rằng: "Chùa chiền là nơi thanh tịnh để chúng sinh tìm đến tu tập nay chúng sinh đã đến đây tu hành nghe kinh thính pháp, mà đuổi họ (chỉ cặp rắn) đi thì không hợp đạo lý, hơn nữa, họ không làm gì hại đến ai cả, vả chăng muốn đuổi họ đi, thì không ai có đủ sức đuổi họ, hãy chờ thời công phu sáng, thì quý vị sẽ thấy họ, và chứng kiến sự hiền hòa của họ.

Nghe T.T. Viện chủ giải thích như trên, chúng tôi cũng tạm yên tâm song chưa hết

thắc mắc, nằm trên giường nghĩ miên man, mà ngủ hồi nào không hay, đến khi nghe các tiếng chuông của đại hồng chung ngân vang, chúng tôi mới thức giấc, bèn ngồi xổm dậy, xem đồng hồ thì đã 3g 30 sáng, và buổi công phu sáng bắt đầu. Tiếng chuông đại hồng kèm theo tiếng niệm danh hiệu các vị Phật của chú tiểu sa di vừa chấm dứt, các đèn dầu và nến được thắp sáng thì T. T Viện chủ, đắp y hậu chỉnh tề, bước lên chính điện để niệm hương thỉnh Phật. Xong phần này, Thượng Tọa ngồi trên tọa cụ, một tay chuông, một tay mõ bắt đầu tụng kinh. Độ 5 phút sau, khi chúng tôi còn ngồi xổm trên giường tre, thì bỗng nghe những tiếng đập bạch bạcb dưới nền chánh điện, và qua ánh đèn dầu và đèn nến, chúng tôi thấy rõ ràng một con rắn to, dài độ 1m 50, thân hình tròn, óng ánh xanh như một ống tre luồng cỡ bằng trái chân người, trên đầu có một cái mồng đỏ như mồng gà trống, nhưng mồng không đứng thẳng, mà lại ngả sang một bên, giống như đội một mũ ca-lô trên đầu. Tiếng đập bạch bạch dưới đất là do cái đuôi rắn đập xuống nền, khi di chuyển, vì hình như có phần cuối của đuôi bị cụt. Tiếp theo sau là một con rắn khác thân hình đen nhánh, vẽ từng khoang, dài độ 2m 50 nhưng cái mồng đỏ trên đầu thì nhỏ hơn và đứng thẳng đang bò vào, nhẹ nhàng, ít tiếng động hơn. Bò qua cửa xong, thì 2 con chia làm 2 hướng, bò thẳng về phía bàn thờ, leo lên bàn thờ, và quấn tròn mỗi con một bên, gác đầu lên mình, nằm nghe kinh. Đứng xa ngó vào bàn thờ, người ta có cảm tưởng như 2 chồng vỏ xe hơi, sắp lên nhau, thấy mà lạnh gáy. Sau này khi hỏi tại sao một cặp rắn mà con ngắn con dài, 2 mồng trên đầu lại khác nhau, thì người bà con, tu trong chùa, giải thích rất trịnh trọng, bằng cách gọi 2 con rắn ấy là "ông dài" và "ông cụt". Ông cụt là con rắn đực, có mồng lớn, ông dài là con cái, có mồng ngắn. Cách đây mấy năm, cặp rắn này có thân hình bằng nhau, sau vắng bóng một thời gian mấy tháng, khi trở về lại đây, thì con rắn đực bị cụt đuôi, có lẽ qua một cuộc hành trình nguy hiểm trong rừng sâu, hay sau một cuộc chiến đấu sinh tử với một con thú khác trong rừng, nên bị trọng thương, mình mẩy bị đầy thương tích, phải dưỡng thương trong hang dưới tháp mộ mấy tháng. Và trong lúc ấy chỉ có con cái vào chánh điện nghe kinh mà thôi, mỗi buổi sáng. Ông ta cho biết thêm, ban đêm vào khoảng khuya, lúc 12 giờ đến 1 giờ sáng, trong chùa nghe những tiếng gà gáy xa xa như tiếng gáy của gà tre, thì đó là tiếng gáy của ông cụt, nhất là trong những đêm trăng sáng.., còn ông dài thì không bao giờ nghe gáy cả.

Buổi kinh mai tụng vừa xong, chuông được một hồi, mõ chấm dứt, trong khi T.T. Viện chủ quỳ lạy để rút lui, thì cặp rắn từ từ bò xuống, và trườn ra khỏi cửa như khi mới vào, và tiếng động của ông cụt mỗi lúc xa lần, về hướng các tháp mộ. Trong tuần trà buổi sáng, khi gặp lại Thượng Tọa Viện chủ, ngài mỉm cười hỏi chúng tôi đã thấy cặp rắn ấy chưa, và giảng thêm: "Trong các kinh Phật, quý vị thường nghe nói đến 4 chữ THIÊN LONG BÁT BỘ. Là 8 loại chúng sanh nguyện phát tâm bảo vệ chánh pháp, hộ trì Tam Bảo, mà rắn là một bộ môn trong bát bộ, vì họ cũng biết nghe kinh, thính pháp, tu tập hành trì, nên tâm linh của họ cũng thăng tiến. Và qua một thời kỳ tu tập lâu dài vài nghìn năm, cũng có thể tiến hóa từ ngoại vật, súc sanh đến quã vị loài người, và từ cõi người lên các cõi chư Thiên, hay các vị giác ngộ và thành Phật. Quí vị còn nhớ, ngày trước, khi đức Thích Ca đang tu khổ hạnh, ngồi dưới cội Bồ Đề, trong dãy Tuyết Sơn, có nhiều ngày bị mưa lũ hoành hành các thần rắn đến quấn quanh mình Ngài, dùng 7 đầu xòe ra che cho Phật khỏi mưa ướt, cũng như trong các chuyện Tàu, các mỹ nữ Thanh Xà, Bạch Xà cũng là các con rắn tu lâu năm, Đát Kỷ hay Nguyệt Cô đều do những con hồ ly tu lâu năm thành người v.v.."

Được hỏi về lối sống của cặp rắn tu, thì Thượng Tọa Viện chủ cho biết họ không ăn thịt, chỉ ăn những bó hoa tàn, cúng thải ra, các vỏ bầu bí, dưa, mướp đặt dưới chân các tháp

mộ. Từ ấy đến nay, sau khi người bà con chuyển tu đến một chùa khác, chúng tôi không có dịp trở lại Chùa Trà Am nữa, cho đến 30 năm sau, có dịp đến Chùa Già Lam ở Gò Vấp Sài Gòn, để vấn an Hòa Thượng TRÍ THỦ vì lúc trước Ngài có một thời gian dài tu tại chùa Trà Am, khi nhắc đến cặp rắn tu ở chùa này, thì Ngài cho biết là sau ngày rằm tháng 7 năm 1945, trong mùa thu, người trong chùa không còn thấy cặp rắn vào nghe kinh ở chùa Trà Am nữa.

Về các cặp rắn tu, tôi có duyên hội kiến với Thượng Tọa THIỀN TÂM tu ở ngôi chùa sau lưng Vĩnh Minh Thiền Viện ở xã ĐẠI MINH, thuộc huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Ngài cho biết có làm lễ quy y cho mấy cặp vợ chồng rắn trong rừng Bảo Lộc, ra quỳ xin ngài quy y dưới dạng hình người, và nhiều cặp rắn khổng lồ đã vào khoanh tròn trên giường trong thiền thất của Ngài, mặc dù Ngài đã khóa cửa rất kỹ, vì khi Ngài ngồi thiền, nhiều cặp rắn đã nằm sát sau lưng Ngài. Các đệ tử của Ngài kể lại, trong tang lễ của Ngài khi kim quan của Ngài sắp đưa nhập tháp, kim quan được quàn lộ thiên để các đệ tử đến đảnh lễ, thì một cặp rắn, toàn thân màu vàng, có tỏa ánh sáng, bò đến trước kim quan ngẩng đầu bái 3 bái, và sau đó biến lẹ vào rừng cây xanh ngắt.

Trong đời tôi, thấy rắn và nghe chuyện rắn cũng nhiều như hang rắn tu ở trong núi Sập trong dãy Thất Sơn, con rắn thần khổng lồ Buông Ay Riêng, giữa huyện Cống Sơn giáp ranh tỉnh Phú Yên và Darlac ở Rừng Lào về, nhưng không có hình ảnh nào khiếp đảm và sống động bằng cặp rắn tu ở Chùa Trà Am, mà đã 50 năm qua, hình ảnh cặp rắn ấy không bao giờ phai lợt, và câu nói nhẹ nhàng của T. Tọa Viện chủ Chùa Trà Am vẫn còn văng vẳng bên tai: *"Phật dạy: tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, 4 loài bò, bay, máy, cựa đều có Phật tánh cả, nếu biết tu hành, không chóng thì chầy, đều sẽ đạt Phật tánh ấy?"*

■ ***Lý Trường Trân***
Hội An - Quảng Nam

MỘT CHÚT TÌNH XA THIÊN CỔ LỤY

Lá đã bay, tình thôi cũng bay.
Hồn ta tàn lạnh nước sông đầy.
Mười năm phiêu lãng ngoài sương khói.
Lòng vẫn hoài đau một bóng mây.

Ai có về quê xa mù mịt.
Hỏi dùm ta ngọn cỏ lạc bờ sông
Có hồn phảng phất ta ngoài đó.
Nơi dấu thơ thời em đợi mong

Em nói hồn ta giờ đá tảng.
Tim còn hiu hắt lạnh lùng bay.
Thú thực giữa đời tim đã lạnh
Dẫu khuya mờ nước mắt chảy không hay.

Một chút tình xa thiên cổ lụy.
Một chút hồn đau lộng bên chiều
Ta vẫn quẩn quanh hoài một phiá
Một phiá lòng mưa đổ trắng chân em

Đôi khi muốn nhắn người thân thích
Căn nhà xưa em có hay qua
Có còn thấy trên giàn hoa giấy đỏ
Giọng em cười năm tháng có chia xa

Đôi khi muốn về thăm quê một chuyến.
Dẫu lòng đau như lúc mới ra đi.
Bởi bến nước bên thành xưa cỏ mọc.
Ai dấu gì sau những đóa tường vi.

Tình đã lụn như tường xiêu mái đổ
Một khuya nào cơn bão động giăng qua.
Cho ta chút môi cười xưa em gửi.
Thổi đời tàn, qua vạn ngã sao sa.

Nhớ Văn Nguyễn

Thầy BỬU CÂN

Vĩnh Bội

Năm ấy tôi học luân lý với thầy Bửu Cân. Trống vừa đánh vào lớp, đợi cho học trò ngồi yên tại chỗ, thầy lấy phấn viết lên bảng đen: "Une tête bien faite vaut mieux qu'une tête bien pleine", tiếp theo phía dưới là chữ "Shakespeare" to lớn, rồi xoay lại, thầy vừa nói vừa đưa tay chỉ: "Chữ ni không phải đọc sa-két-pia, mà đọc sét-pia!" Đó cũng là lần đầu tiên tôi tiếp xúc với một ngoại ngữ mới, ngoài Pháp ngữ.

Hôm nay thầy mặc áo trắng, bên ngoài phủ "áo the" mỏng, đầu chít khăn đen, chân đi giầy hạ. Mùa đông thầy khoác áo dài đen, ấm áp, có khi đi giầy cẩn cườm, mỏ quạ. Lúc nào cử chỉ cũng khoan thai, lời nói chậm rãi rõ ràng. Thầy không thích những trò học "gạo", và thường nói: "Đứa mô ưng mười điểm thì ta cho, nhưng hãy nhớ rằng: học ở trường là một chuyện, khi ra đời lại là chuyện khác." Hôm nay, không phí thì giờ nhắc lại những lời Khổng Mạnh, thầy thay đổi đề tài, và kể cho chúng tôi nghe một tác phẩm lãng mạn trong văn chương Anh, bán thế kỷ 19, có nhan đề: *"Wuthering Heights"* của nữ văn sĩ Emily Bronte. Đó là một câu chuyện tình giữa hai nhân vật chính là Heathcliff và Catherine, đầy nhân tính: tình yêu cuồng si, hờn giận thấm thía, và trả thù dai dẳng. Là đôi bạn thân từ thuở bé, họ lớn lên trong tình yêu, rồi vì một sự hiểu lầm, chàng bỏ nhà ra đi, nàng sang ngang. Đến khi trở về, hai bên thấy vẫn còn yêu nhau tha thiết, cho đến khi nàng chết, linh hồn Catherine đêm đêm vẫn hiện về quấy phá Heathcliff đến mãn đời.

Cùng một sự trùng hợp bất ngờ, cuốn phim *"Les hauts des hurle-vents"* đang khởi chiếu tại rạp chớp bóng Morin. Đạo diễn lừng danh William Wyler, cùng các tài tử Laurence Olivier và Merle Oberon, đã làm nức nở bao con tim các nàng áo tím, cũng như của các chàng trai mới lớn đất Thần Kinh.

Đạo diễn Wyler đã kết thúc cuốn phim ở chương 17, trong khi tác phẩm gồm tất cả 34 chương, vì theo ông, Catherine chết thì không còn gì để nói thêm.

Tuy nhiên, có ai đã ở Huế, từng mục kích những đóm lửa xanh, lập lòe nhảy múa trên các ngôi mộ, quanh núi Ngự Bình, sau những cơn giông — mà người Huế gọi là ma trơi — hay được nghe tiếng kèn đưa đám vọng lại từ nhà xác sau trường Đồng Khánh, quen thuộc với những danh từ quái dị như quán âm hồn, cơm âm phủ, mới hiểu thêm câu chuyện hồn ma Catherine, những đêm giông tố, đập cửa xin vào: "Cho em vào. Em đã ở hai mươi năm ngoài đồng nội." Heathcliff tha thiết: "Xin mời em vào", đoạn mở tung cửa, để mặc gió mưa lùa vào phòng, cho đến khi người hầu tìm thấy chàng nằm chết cóng trên giường. Những đêm sau đó, người ta thường thấy bóng Heathcliff và Catherine dắt tay nhau đi trong sương mù, trên những đồi sỏi đá hoang vu, còn gọi là "moors" vùng Yorshire.

Một năm sau khi viết xong *Wuthering Heights*, Emily Bronte cũng hấp hối trên giường bệnh, sau mấy ngày dầm mưa khi đi đưa đám người anh, và nhất định không cho chữa chạy.

Năm 1953, lúc còn là sinh viên ở Paris, tôi có quen hai nhân vật có liên hệ với tác phẩm *Wuthering Heights:* Anh V.A. sinh viên trường Mỹ thuật, nay đã thành danh, và có "atelier" ở Clichy, vùng ngoại ô Paris. Anh rất thích và giỏi Anh ngữ. Một hôm, đến thăm tôi, anh cho biết đã dịch xong *Wuthering Heights*, từ nguyên bản, nhưng có nhan đề thì đành chịu bó tay, nên phải dịch từ "Les hauts des hurle-vents" ra thành "Đỉnh Gió Hú". Tôi cũng không biết gì hơn để góp ý kiến. Một anh bạn khác, đi đâu cũng tự xưng mình là Heathcliff. Câu chuyện anh kể cũng có phần nào giống tác phẩm của Bronte. Anh có yêu một tà áo tím, học sinh trường Đồng Khánh.

Đến khi anh được học bổng du học thì người yêu lặng lẽ sang ngang, không lời từ biệt. Anh buồn bã, được ít lâu sau trở về quê nhà.

Năm 1973, tôi được đề cử đi tu nghiệp ngành quản trị tại Loughborough phía Bắc Luân Đôn. Trường là một lâu đài cổ, nằm trên ngọn đồi, trải cỏ xanh mướt. Vào đầu xuân, bầu trời trong sáng, ấm áp, nên hoa lá được dịp phô sắc dưới làn sương mỏng.

Công việc nghiên cứu không lấy gì làm khó khăn. Học viên được chia thành nhóm, chỉ việc lên thư viện ở tầng lầu trên, lấy dăm cuốn sách được giảng viên chỉ định, đến khi đọc xong, cùng nhau bàn luận để trao đổi kinh nghiệm quản trị.

Một hôm nhân tìm sách đọc, tôi vớ được tác phẩm *Wuthering Heights*. Những kỷ niệm thời sinh viên năm xưa, bỗng nhiên hiện về trong ký ức, tôi liền đọc lại cuốn truyện tình, rồi quyết định cuối tuần, đáp tàu lên miền Yorshire, viếng thăm Bronte Parsonage, nơi gia đình nữ văn sĩ cư ngụ bán thế kỷ trước.

Trong văn chương Anh, người ta thường nhắc đến hai nơi hành hương được bảo tồn như kho tàng quý báu quốc gia, là Bronte Parsonage và Stratford upon Avon, nơi sinh trưởng của đại thi hào Shakespeare. Ra khỏi sân ga, tôi đưa mắt nhìn những đồi sỏi trơ trọi, không một lùm cây khóm cỏ, dưới bầu trời u ám, một màu xám "ardoise", khác hẳn nơi Loughborough tôi đang ở. Đây đó, lưa thưa vài ngôi nhà đá cổ giống như Bronte đã mô tả trong tác phẩm của mình. Tôi lần theo con đường lát đá gồ ghề dẫn đến bưu điện mà trước kia hai chị em Emily và Charlotte (tác giả *Jane Eyre*, một tác phẩm lừng danh khác) thường đến gởi những tập thơ để xin đăng, nhưng chờ đợi mãi mà không thấy trả lời. Nơi kia là ngôi nhà thờ nhỏ mà mục sư Patrick Bronte — cha của nữ văn sĩ giảng đạo suốt mấy mươi năm.

Bên trong khu vườn được chọn làm nơi mộ phần gia đình, ta còn thấy đây đó vài bia đá, lâu ngày đã phủ kín rêu đen, có khắc mấy hàng chữ: Emily Bronte 1818-1848. Ba mươi tuổi, đúng một năm sau khi viết xong tác phẩm độc nhất, tôi thầm nghĩ. Vài con quạ đen cất tiếng kêu não nùng.

Bước vào căn nhà, đúng hơn là một nông trại, nơi Heathcliff và Catherine từng chung sống, như một khách quen, vì sau đó, nữ văn sĩ đã chọn nơi đây làm chính điểm cho câu chuyện của mình: Mọi chi tiết đều được giữ gìn giống như trong tác phẩm: đây chiếc bàn viết nhỏ, kia là chiếc áo cùng đôi hài còn treo trên vách. Tôi hình dung được tầm vóc Emily hay Catherine nhỏ bé so với tuổi 30, không biết mình đang ở trong bảo tàng viện hay đã bước vào "Đỉnh Gió Hú" hồi nào không hay!

Leo lên thang gác, vào căn buồng của Heathcliff để nhìn thấy chiếc cửa sổ còn mở rộng, chờ đón hồn ma Catherine. Ra vườn sau, tôi đưa mắt nhìn lên đồi, nhận ra gốc cây trơ trọi mà mục sư trồng khi mới đến định cư nơi đây. Mỗi lần Heathcliff bị người anh Catherine hành hạ, thì vội chạy đến gốc cây để được Catherine vỗ về, an ủi.

Đứng dưới gốc cây, đưa mắt nhìn những dãy đồi trùng điệp, chia thành tầng lớp cao thấp, khi gió bấc thổi qua, tạo nên những âm thanh trầm bổng nghe ghê rợn. Tôi sực nhớ đến anh bạn năm xưa, khi muốn dịch chữ Wuthering. Đây là một danh từ địa phương, mô tả thời tiết (Weathering) có tính cách giông tố đặc biệt, vùng Yorshire.

Người ta kể vùng đồi sỏi "moors" hiểm trở, khi sương xuống, những kẻ chăn cừu thường hay lạc lối, khó thấy đường về.

Tiếng cửa sau vườn đóng sầm làm tôi giật bắn người, liền chạy vội xuống đồi, vì trời sắp tối, để kịp đón chuyến tàu cuối trở về Lougborough.

Năm 1997, có dịp trở về Paris, tôi được nghe người thân cho biết anh bạn Heathcliff năm xưa, có sang Paris và ngỏ ý muốn gặp lại người yêu cũ. Tôi bàng hoàng: "Đã gần nửa thế kỷ rồi còn gì! Câu chuyện Heathcliff và Catherine cũng chỉ kéo dài đến hai mươi năm thôi! Dầu sao tôi vẫn thương anh, và thầm mong anh được toại nguyện...." Năm 1946, sau ngày toàn dân kháng chiến, thầy Bửu Cân theo trường tản cư ra Thanh Hóa. Một hôm, nhân dịp qua Thủy Tú, tôi ghé thăm thầy, và đó cũng là lần cuối thầy trò gặp nhau.

■ ***Vĩnh Bội***
Thu Cali 99

HUẾ VÀ EM

Nhật Ngân

Viết tặng Hương Lan
làm chủ đề băng nhạc
Huế và em do TT Thúy
Nga thực hiện

Chậm buồn

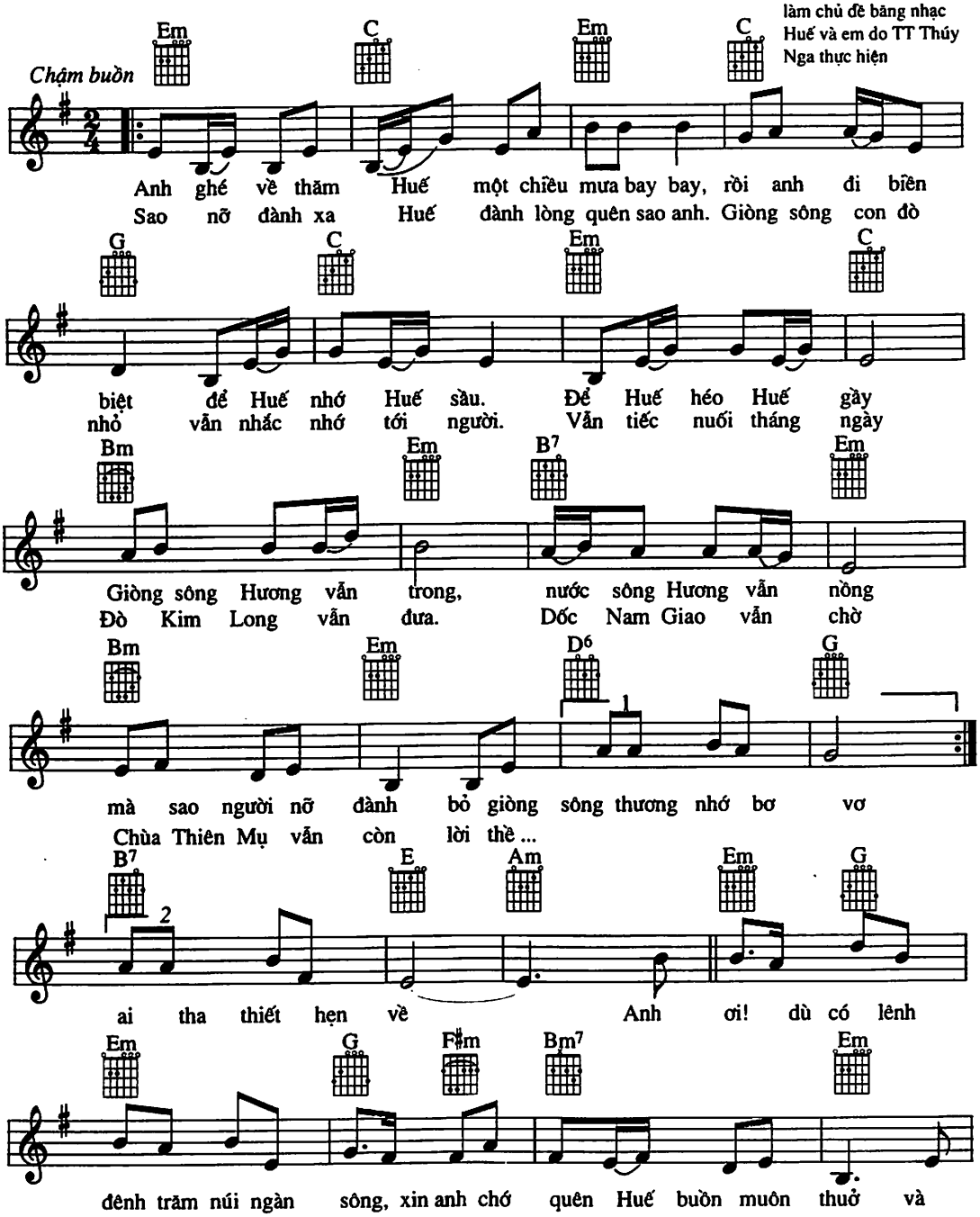

Copyright 1996 Nhat Ngan. All Rights Reserved

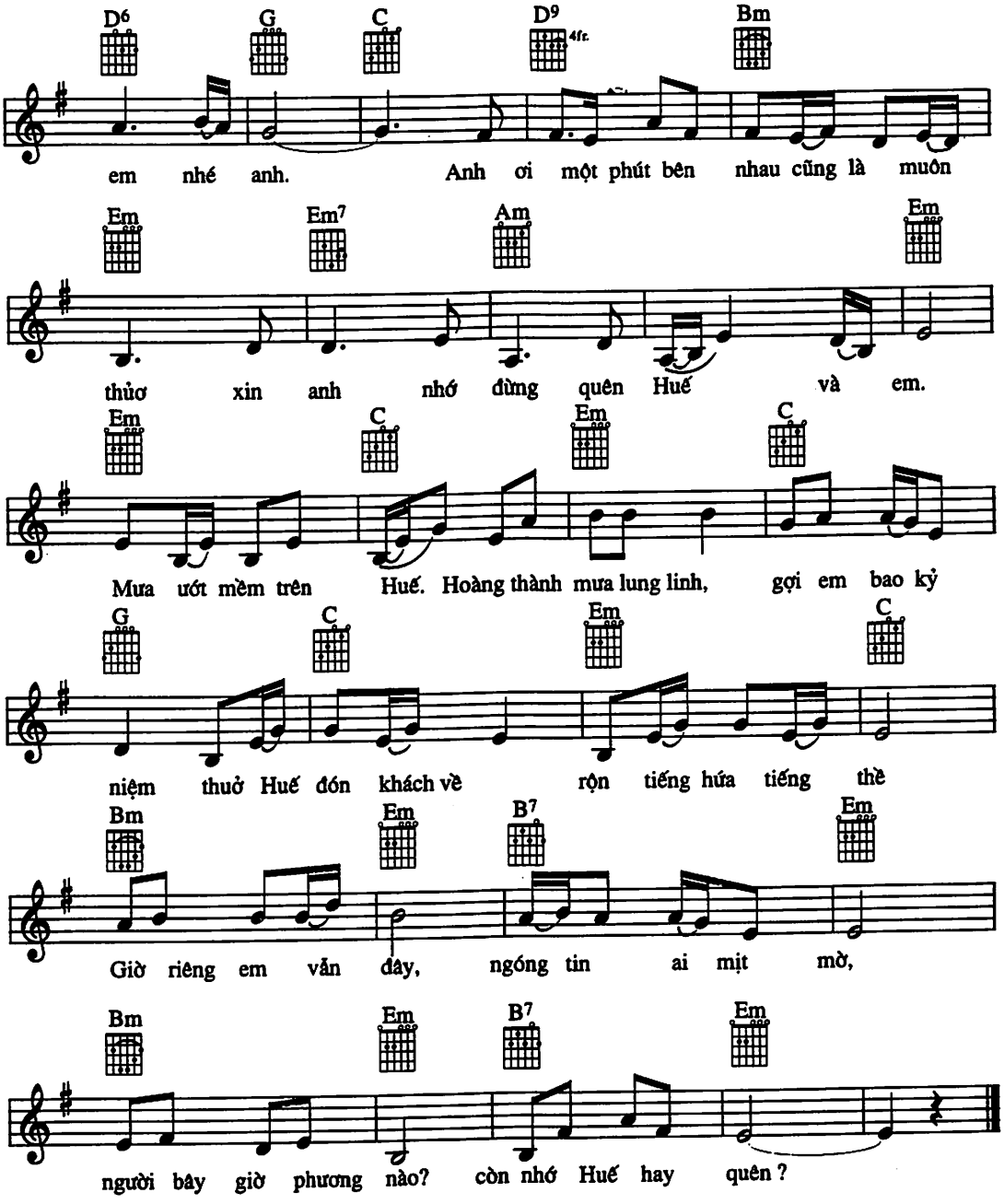
D6 G C D9 4fr. Bm
em nhé anh. Anh ơi một phút bên nhau cũng là muôn
Em Em7 Am Em
thủơ xin anh nhớ đừng quên Huế và em.
Em C Em C
Mưa ướt mềm trên Huế. Hoàng thành mưa lung linh, gợi em bao kỷ
G C Em C
niệm thuở Huế đón khách về rộn tiếng hứa tiếng thề
Bm Em B7 Em
Giờ riêng em vẫn đây, ngóng tin ai mịt mờ,
Bm Em B7 Em
người bây giờ phương nào? còn nhớ Huế hay quên ?

Nhà Ái quốc Nguyễn Thượng Hiền

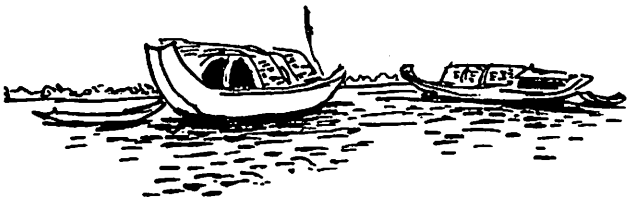

Lệ Vân

"...Độc thay lam chướng nghìn trùng
Nước sâu quẳng xác hang cùng vất xương!
Nỗi diệt chủng vừa thương vừa sợ
Nòi giống ta biết có còn không?
Nói ra ai cũng đau lòng
Cha con khóc lóc vợ chồng thở than..."

Ong Nguyễn Thượng Hiền viết mấy câu trên trong bài ca "Á Tế Á" để nói lên nỗi đau lòng, lo sợ cho thời vận nước ta ở đầu thế kỷ thứ 20, khi nước ta đang bị thực dân Pháp thống trị. Đảng Cần Vương chống quân Pháp không nổi nên bị tan rã, dư đảng cũng tàn dần... Lúc bấy giờ vua Đồng Khánh đã qua đời, vị vua thiếu niên Thành Thái lên ngôi trong nỗi căm hờn uất ức, thấy mình bị bó tay, không chống nổi thực dân. Để có tiền mở mang rộng rãi hơn, thực dân càng ngày càng tăng thêm sưu thuế và đặt thêm các thứ thuế khác nữa. Ví dụ: Nghèo đến đâu cũng phải nộp thuế thân là thứ thuế mới đặt ra đánh trên đầu người. Người dân còn bị bắt đi lính, đi làm xâu, làm phu khai mỏ than, mỏ chì, làm đường xá, cầu cống, đường xe lửa, làm đồn điền tận các nơi rừng xanh nước độc. Những nghề trước được tự do như buôn bán muối, nấu rượu, nay thuộc quyền chính phủ. Càng ngày người dân càng bị cấm đoán, bị khám xét, bắt bớ, trừng phạt. Từ Bắc chí Nam, những người yêu nước chống Pháp càng ngày càng uất hận. Họ có nhiều lý do để sợ sức dân hao mòn và lo dân tộc ta sẽ bị diệt vong. Tuy nhiên, nhờ vào sức sống mạnh của dân ta và những bác sĩ Pháp như ông Calmette, ông Yersin, các bệnh dịch tả, dịch hạch, bệnh đậu mùa, được ngăn chận, vì thế nên dân số gia tăng rất nhanh mặc dầu đại đa số sống trong cảnh rất nghèo khổ nơi thôn quê.

Các sĩ phu và các giới công thương nơi đô thị dần dần biết rõ thêm những phong trào duy tân ở Trung Quốc, Nhật Bản, họ nóng lòng muốn dân ta mau được tự do, tự lập tự cường, thoát khỏi ách thống trị của thực dân Pháp. Ông Nguyễn Thượng Hiền là một nhân vật trọng yếu vào hàng đầu trong phong trào cổ động Duy Tân để cứu nước, ông hô hào thanh niên xuất dương du học, mở hiệu buôn làm kinh doanh và lập hội kín ở Bắc Kỳ.

Ông Nguyễn Thượng Hiền người làng Liên Bạt, tỉnh Hà Đông (trước gọi là tỉnh Hà Nội). Năm 25 tuổi ông đỗ Hoàng giáp tức là Tiến sĩ bậc 2, chỉ thua ông Vũ Phạm Hàm đỗ Thám hoa. Trong kỳ thi Hội trước, hai ông này cũng đã đi thi và chính ông Nguyễn Thượng Hiền đỗ Tiến sĩ bậc nhất, còn ông Vũ Phạm Hàm đỗ bậc 2, nhưng kỳ thi Hội này đề tài đụng chạm đến chính trị nhiều nên bị người Pháp công kích, vì thế khoa thi bị truất bỏ.

Thân phụ ông Nguyễn Thượng Hiền là một vị Thượng thư Bộ Công và cũng đỗ Hoàng giáp như ông con sau này. Ông thường ở Huế với cha và về sau ông thành con rể của xứ Huế. Câu chuyện đặc biệt khác thường ở chỗ: ông cưới luôn một lần, trong một ngày, một lúc hai cô Tôn Nữ. Một cô là Tôn Nữ Thị An, con ông Tôn Thất Thuyết, và một cô là Tôn Nữ Thị Diệm, con ông Thượng Thư Tôn Thất Phan. Lúc bấy giờ đã 25 tuổi, vừa đỗ Hoàng giáp xong, đại đăng khoa rồi đến tiểu

đăng khoa, ông nhất định xin cha cưới con gái ông Tôn Thất Thuyết. Ông đã hứa hôn với cô này trong lúc gia đình ông Tôn Thất Thuyết đang bị đại nạn đến khuynh gia bại sản, thân phụ ông Tôn Thất Thuyết bị đày sang Côn Đảo, 2 con trai ông Tôn Thất Thuyết chết vì tận trung với vua Hàm Nghi, còn ông Tôn Thất Thuyết đã xuất dương qua Trung Quốc cầu cứu với Tàu.

Là người quân tử, ông nhất quyết cưới cô này nên xin được thân phụ cho phép cưới với một điều kiện là ông phải chịu cưới thêm một cô tiểu thư khác nữa vì thân phụ ông đã đính ước với cụ Thượng thư Tôn Thất Phan để xin cưới cô Tôn Nữ Thị Diệm cho ông từ lâu rồi. Cụ Nguyễn Thượng Phiên đành dàn xếp tổ chức làm lễ cưới, rước cả hai cô dâu về cùng một lần, cùng một ngày. Tiệc cưới tưng bừng xôn xao cả kinh đô Huê. Liền sau đó, đáng lẽ vinh qui bái tổ xong, ông sẽ ra làm quan cho xứng đáng với danh phận một ông Hoàng giáp tài cao học rộng. Nhưng không, ông muốn tránh việc ra làm quan khi thực dân Pháp đang lấn ép triều đình dưới chế độ "bảo hộ". Ông làm đơn xin triều đình cho nghỉ 10 năm để ở nhà đọc sách và tu dưỡng.

Biết ý ông không lay chuyển được, nên triều đình dàn xếp để ông nghỉ ở nhà 3 năm rồi sẽ ra nhận việc quan tước của triều đình. Ông mang gia đình ra Thanh Hóa ở ẩn bên núi Na Sơn. Nhưng mối quan tâm với triều đình, vua tôi, cha con, gia đình, bạn hữu của một quốc gia theo đạo Nho không cho phép ông được làm ẩn sĩ đi tu suốt đời. Sau 3 năm, ông trở về Kinh thành tạm nhận chức Sứ quán toàn tu lo soạn quốc sử triều Nguyễn. Tại Huế, ông có dịp giao dịch kết thân với những nhân sĩ có lòng ái quốc ở Kinh đô để cùng nhau trao đổi tư tưởng. Hồi này triều đình vua Thành Thái đang gặp nhiều chuyện rối rắm, các đại thần mới như Hoàng Cao Khải, Nguyễn Thân hùa theo thực dân làm cho vua quan triều đình kình địch nhau, còn thực dân Pháp thì càng ngày càng lấn vào công việc nội trị. Ông bất mãn quá nên từ chức trở về lại núi Na Sơn lấy cớ để phụng dưỡng cha già đã về hưu trí. Nhưng ông thường qua lại với những nhân sĩ ái quốc ở khắp nơi trên đất nước. Biết rõ vậy nên Hội Đồng Cơ Mật ở Huế nhất định bổ ông ra làm Đốc Học ở Ninh Bình để cầm chân dễ cứu xét ông hơn lấy cớ Ninh Bình gần núi Na Sơn, nơi thân phụ ông nghỉ hưu, ông vừa có thể làm tròn chữ hiếu mà vẫn phục vụ đất nước được.

Với sự tán thành của thân phụ, ông lại ra làm quan sau 4, 5 năm ngưng chức. Nhưng với chức Đốc học, ông lại có dịp tìm chọn thêm đồng chí trong đám trí thức và thanh niên, và ông có dịp liên lạc với ông Tăng Bạt Hổ nhiều hơn nữa. Ông Tăng Bạt Hổ thuộc phong trào Duy Tân của ông Cường Để ở Nhật, kết hợp được với ông Nguyễn Thượng Hiền, vây cánh càng thêm mạnh ở Bắc Kỳ và ở Thanh Hóa, Nghệ An.

Nay ta hãy nhìn lại bước tiến triển trên con đường chống Pháp cứu nước của ông Nguyễn Thượng Hiền.

Ông Nguyễn Thượng Hiền theo thân phụ vào ở Huế từ lâu. Ông thi Hương đỗ Cử nhân năm 1885 khi 18 tuổi. Ông vừa mới đỗ Cử nhân thì cùng năm ấy, Kinh đô Huế bị thất thủ. Chính mắt ông đã mục kích cảnh tượng quân dân ta bị quân Pháp đuổi bắt, khủng bố, tàn sát. Còn vị vua trẻ tuổi Hàm Nghi thì phải xuất thân ra Quảng Trị rồi cũng bị bắt.

Sau này khi viết tiểu sử ông Tăng Bạt Hổ trong quyển "Việt Nam Nghĩa Liệt Sử", ông kể lại: *"Năm Ất Dậu, Hàm Nghi nguyên niên (1885), đang trú ngụ ở Kinh đô thì gặp lúc quân Pháp hãm thành. Mắt tôi thấy bọn hung đồ tàn phá khắp nơi và cảnh sông núi tan vỡ dưới bàn tay tàn bạo của chúng. Tôi khôn xiết đau lòng, quyết thề vì nước rửa hận...."*

Về chuyện này, ông có viết một bài dài 53 câu, nhan đề là: "Hương Giang Lão Nhân Tử". Sau 3 ngày chiến đấu, Kinh đô Huế thất thủ, quang cảnh thảm thiết vô cùng, ông tả:

"Thiên môn nhất dạ đông nam băng,
Kinh kỳ lạc lạc ủy nhai bộ
Lộ hàng chiến cốt ô tranh tụ
Hương giang nhật tà thủy thao thao
Huyết tinh nhật tà bất khả độ".

Dịch nghĩa:

Trong một đêm cửa Thiên Môn phía đông nam vỡ
Cờ xí rơi rãi khắp nơi
Bên đường quạ giành nhau bu trên xương cốt người chết
Chiều tà sông Hương nước chảy ùn ùn
Máu tanh hôi không đi qua được.

Dịch:

Một đêm vỡ cửa Đông Nam
Khắp đường cờ xí bỏ ngang tan tành
Bu đầy xác chết quạ tranh
Không sao qua nổi máu tanh pha dòng
Ùn ùn nước đổ sông Hương

Kinh đô Huế thất thủ, vua Hàm Nghi bị bắt chở sang Algérie. Ông Tôn Thất Đính, cha ông Tôn Thất Thuyết bị thế ông Tôn Thất Thuyết đi đày cùng với ông Nguyễn Văn Tường và ông Phạm Thận Duật. Vua Đồng Khánh lên ngôi, trong nước tài chánh kiệt quệ. Được ít năm vua Đồng Khánh mất, vua Thành Thái mới 10 tuổi lên ngôi năm 1888 để rồi đến năm 1907 bị truất phế và con là vua Duy Tân lên 8 tuổi kế vị. Thế rồi cả hai cha con cùng bị đi đày biệt xứ năm 1917.

Ông Nguyễn Thượng Hiền cảm thấy nhục nhã thay cho vua, quá xót xa, ông thốt ra những câu buồn thảm:

"Lữ nhân thất nhất cảm
Đồng khốc kỳ lộ trung
Kiêu vương táng kỳ quốc
Bi thảm lược tương đồng."

Dịch nghĩa:

Kẻ ăn mày mất một đồng tiền
Đồng khóc thảm bên đường
Một ông vua mất nước
Cũng bi thảm nào khác gì.

Dịch:

Ăn mày mất một trự tiền
Cũng than cũng khóc liên miên ngoài đường
Vua hùng mất nước đau thương
Cũng than cũng khóc tương đương khác nào.

Riêng ông Nguyễn Thượng Hiền cảm thấy mình bất lực nên cũng khóc than không kém! Ông thấy vua tôi triều đình bị đàn áp, nước non bị chiếm cứ dễ dàng như thế, làm ông thêm cảm thấy đau lòng, nhục nhã, ông thương xót số phận nhà vua vô cùng. Trong khi ấy, một số Văn thân, phần đông ở Bắc Kỳ, đã bắt đầu theo Tam Dân Chủ Nghĩa của Tôn Dật Tiên. Các cuộc nổi dậy Cần Vương phò vua đã dần dần bị dập tắt. Đạo binh Cần Vương của ông Phan Đình Phùng cầm cự với Pháp hơn 10 năm, từ năm 1885 đến năm 1895 thì vì bị hao hụt quá nhiều, phải rút vào rừng núi xa. Bị bệnh nặng, lúc sắp chết, ông Phan Đình Phùng bảo lấy mũ áo chức quan Ngự sử ra mặc, ông ngoảnh về phía Kinh đô, lạy 5 lạy rồi mất. Ông Nguyễn Thượng Hiền viết ai điếu:

"Vạn lý ai già bất khả văn
Lục long thiên ngoại cách yên thân
Binh qua chấp nghĩa phù tông quốc
Bào hốt lâm nguy bái thánh quân
Lang miếu cựu truyền chân Ngự Sử
Giang hồ kìm chấp cố tướng quân
Tha niên tái kiến trung nguyên định
Hãn tặc Thương Sơn hữu đại Huân."

Ông Nguyễn Thượng Hiền thấy cần phải đoàn kết những người chống Pháp nên dù chánh kiến có khác phần nào ông cũng ủng hộ. Người ông kính phục trước hết là ông Nguyễn Lộ Trạch, con rể của ông Trần Tiễn Thành, được ông này cho đọc các điều trần của ông Nguyễn Trường Tộ lấy ra từ đấy, ông Nguyễn Lộ Trạch viết bài "Thiên Hạ Đại Thế Luận" (bài viết hay nhưng không hẳn là đúng cả). Ông Nguyễn Thượng Hiền thân thiết nhất là với ông Tăng Bạt Hổ. Khi ông này từ Nhật về, hai ông thường bí mật bàn luận đại sự quốc gia, chính ông Nguyễn

Thượng Hiền là người giới thiệu ông Tăng Bạt Hổ với ông Phan Bội Châu.

Ông thua ông Phan Bội Châu một tuổi và là một đồng chí "đồng ưu, đồng hoạn", sát cánh với ông Phan Bội Châu. Tuy nhiên, vẫn có cái khác biệt giữa hai nhà ái quốc này.

Trong nhiều thơ văn, ông Nguyễn Thượng Hiền tự gọi mình là cô thần, một thần dân, một vị quan cô đơn không đủ sức cứu vua, cứu nước, đây là hai vua Thành Thái và Duy Tân mà ông hết lòng kỳ vọng. Ông Phan Bội Châu, một hàn nho chưa hề phục vụ cho triều đình, không phải dòng dõi quan lại như ông Nguyễn Thượng Hiền, nên khi Cách Mạng Dân Chủ của Tôn Dật Tiên bên Trung Quốc nổi dậy, ông Phan Bội Châu và nhiều người khác hăng hái theo ngay chủ nghĩa Tam Dân của Tôn Dật Tiên. Ông Phan Bội Châu và những người theo ông lập hội "Việt Nam Quang Phục" thay thế cho "Phong Trào Duy Tân" mà hội chủ là hoàng thân Cường Để, gồm có những nhà nho còn theo chủ nghĩa quân chủ họ đòi giành quyền hành lại cho vua và đòi Việt Nam phải được độc lập, tự chủ, duy tân kinh tế mở mang doanh nghiệp, công nông nghiệp, và nhất là mở mang dân trí cho kịp văn minh với thời đại. Ông Nguyễn Thượng Hiền mặc dù rất tôn quân, vẫn vào hội "Việt Nam Quang Phục" vì ông mong dựa vào đám cách mạng Trung Quốc của Tôn Dật Tiên để đánh đuổi quân Pháp dành độc lập cho Việt Nam; vả lại ông rất thân thiết với ông Phan Bội Châu và đám đồng chí của ông Phan từ trước.

Dầu theo phong trào nào, ông Nguyễn Thượng Hiền vẫn giữ lý tưởng tôn quân và một lòng trung kính vua Thành Thái và vua Duy Tân. Khi Pháp truất phế vua Thành Thái, ông uất giận quá nên viết một kháng thư gởi lên Thống Đốc Bắc Kỳ, lời lẽ phản kháng rất kịch liệt. Vì thế ông bị mật thám bao vây, theo sát, ông không còn có thể hoạt động hội kín ở trong nước được nữa, nên ông phải xuất dương qua Trung Quốc. Trước khi ra đi, ông thề trước mộ thân phụ là ông sẽ chống Pháp đến cùng để tỏ lòng trung quân báo quốc. Lúc bấy giờ, người Pháp định truất phế vua Thành Thái rồi đặt ông Trương Như Cương lên làm quốc trưởng, nhưng bị các sĩ phu như ông Nguyễn Thượng Hiền phản ứng dữ dội, lòng người quá hoang mang nên vua Duy Tân mới được lên thay thế cho vua cha lúc mới 8 tuổi.

Năm 1905 ông Phan Bội Châu được ông Tăng Bạt Hổ dẫn đường sang Nhật để vận động với Nhật chống Pháp và để gặp ông Cường Để, Hội chủ Phong Trào Duy Tân. Ngoài Ông Tăng Bạt Hổ và ông Phan Bội Châu, ông Nguyễn Thượng Hiền còn qua lại với nhiều người khác như ông Phan Chu Trinh, Ngô Đức Kế, Nguyễn Hải Thần, Võ Bá Hạp, Huỳnh Thúc Kháng v.v... Trong quyển Phan Bội Châu Niên Biểu ông Phan kể: *"Ông Mai Sơn Nguyễn Thượng Hiền rất tán thưởng bài phú 'Bái Thạch Vi Huynh' của tôi. Ông lại đưa cho tôi xem bài 'Thiên Hạ Đại Thế Luận' của ông Nguyễn Lộ Trạch biệt hiệu Kỳ Am. Ông lại cho tôi mượn sách như 'Trung Đông Chiến Kỳ', 'Phổ Pháp Chiến Kỷ' và 'Đinh Hoàn Chi Lược'. Ông lại nói chuyện với tôi về lòng nghĩa dũng của ông Tăng Bạt Hổ..."*

Ông Nguyễn Thượng Hiền có kiến thức rộng nhờ đọc được nhiều báo chí, tân thư từ bên Tàu gửi bí mật qua. Những năm đầu thế kỷ thứ 20, những nơi đô hội có nhiều nhà trí thức, họ thường cùng nhau bàn luận chính trị dưới hình thức binh văn. Họ vào nhiều tổ chức mạnh nhất là Hội Đông Kinh Nghĩa Thục. Tại thương điếm Triều Dương, những bài của ông Nguyễn Thượng Hiền và ông Phan Bội Châu được đem ra bình luận, tán thưởng. Trong những thời kỳ ông Nguyễn Thượng Hiền làm Đốc học các trường Ninh Bình, trường Nam Định, ông thường bí mật giao thiệp với những người chống Pháp và ông khuyến dụ, cổ võ được rất nhiều học sinh theo Phong Trào Đông Du do ông Phan Bội Châu đề xướng. Nhiều người hưởng ứng ông qua những bài giảng luận về Phong Trào Duy Tân, những bài viết bằng chữ Nôm như bài phú Cải Lương toàn dùng cách ngôn, tục ngữ, văn đã hay lại dễ hiểu, dễ nhớ. Ông nhấn mạnh phải duy tân bằng cách phát triển kinh

tế, mở mang công nghệ, góp vốn lập hội doanh thương, lập trại canh nông và chăn nuôi. Để mở mang dân trí, ông đi diễn thuyết nhiều nơi, khuyên bỏ những tập quán, thói quen hủ tục, đình đám ma chay rườm rà và tốn kém.

Tháng 7 năm 1907, vua Thành Thái bị Pháp truất phế lập luận vua bị loạn óc, rồi toan tính lập quốc trưởng thay thế như đã kể trên. Việc này làm náo động khắp nơi, các sĩ phu đại đa số còn trọng Nho giáo, họ phẫn nộ vô cùng, người dân thường cũng rất bị chấn động.

Lúc này thân phụ ông Nguyễn Thượng Hiền đã qua đời được 4 tháng, ông càng mạnh dạn chống đối chính sách của Pháp hơn nữa. Bản kháng thư lý lẽ rất quyết liệt, dưới chữ ký một mình tên ông được ông đem thẳng lên Tòa Thống sứ Bắc kỳ. Viên Thống sứ hứa sẽ chuyển kháng nghị của ông vào triều đình Huế, nhưng ai cũng biết ông sắp bị hãm hại đến nơi rồi. Ông lại còn từ chức Đốc học ở Nam Định rồi về Hà Nội làm ông lang chữa bệnh ở một hiệu thuốc Bắc. Ở đấy, ông tiện liên lạc với nhóm ông Phan Bội Châu là nhóm Đông Du mà ông là người giúp đắc lực nhất. Sau khi thu xếp việc nhà xong, ông bí mật tìm đường sang Trung Quốc với hy vọng tìm phương cách cứu nước. Ông gặp lại ông Phan Bội Châu rồi cùng sang Nhật hoạt động cho Phong Trào Duy Tân của ông Cường Để. Trong quyển "Phan Bội Châu Niên Biểu", ông Phan kể chuyện ông Nguyễn Thượng Hiền được các du học sinh đón tiếp long trọng nhiều nơi bên Trung Quốc và bên Nhật Bản.

Danh tiếng ông vang lừng, ông Nguyễn Thượng Hiền đã gây ảnh hưởng mạnh mẽ cho phong trào cách mạng Việt Nam ở trong nước. Khi ra ngoài nước, ông gặp Hoàng thân Cường Để ở Nhật và rất cảm phục ông Cường Để, nhưng ông không mấy tin tưởng ở chánh phủ Nhật vì ông giao thiệp cả với người Triều Tiên nên biết Nhật Bản rất tàn bạo với nước này. Địa bàn của ông là bên Trung Quốc, ở đây ông giao du rất rộng, gặp được nhiều yếu nhân Trung Quốc. Nhờ vậy năm 1908, khi chánh phủ Nhật trục xuất du học sinh Việt Nam, ông tìm cách giới thiệu để họ được vào các đại học Trung Quốc, nhất là ở Bắc Kinh. Nhiều sinh viên được cấp học bổng hoặc được bổ dụng vào các ngành quân sự hay kỹ nghệ quốc phòng. Các sinh viên còn được cấp giấy thông hành và được tiền lộ phí. Chính ông Phan Bội Châu suýt bị viên Đô đốc Quảng Đông dùng làm hàng quý trao đổi với Pháp, may có ông vận động được với Bắc Kinh ra lệnh viên Đô đốc Quảng Đông không được làm như thế. Hồi ấy cách mạng Trung Hoa đã đến hồi căng thẳng với Đức, Áo. Vậy mà, Việt Nam Quang Phục Hội còn giao cho ông việc qua Thái Lan gặp vị thân vương Thái Lan và hai cộng sự viên Đức, Áo để mưu sự chống Pháp. Năm 1915, ông nhận tiền của hai viên Đức, Áo này mang về cho Hội Quang Phục ở Quảng Đông. Hội chia ra làm 3 phần giao cho các đảng viên để đánh úp Pháp ở 3 nơi Móng Cáy (Hải Ninh), Lào Cai và Lạng Sơn. Chỉ có việc đánh úp Lạng Sơn là thực hiện được, nhưng rốt cuộc bị thất bại nặng nề đến nỗi Hội Việt Nam Quang Phục bị tan rã, phân tán. Cùng khi ấy, Trung Quốc liên kết với Pháp tuyên chiến với Đức-Áo, nên hội này hết chỗ dựa. Chỉ trong vòng một năm bị nhiều thất bại liên tiếp, ông Nguyễn Thượng Hiền lại nghe tin vua Duy Tân bị đày đi biệt xứ năm 1916, rồi quân Đức- Áo thua quân Pháp trong cuộc chiến 1914-1918. Kết quả thấy rõ "mưu sự tại nhân thành sự tại thiên!" Lời thề của ông trước mộ cha hứa sẽ đuổi thực dân Pháp ra khỏi Việt Nam không thực hiện được, ông liều bỏ vợ con ra đi không còn hy vọng có ngày về. Ngày lại ngày, nay 50 tuổi, sống vất vưởng xa quê hương đất nước, thảm sầu, ông tìm giải thoát trong câu kinh tiếng kệ, vào chùa ở và chỉ chịu giao thiệp với các nhà sư cùng một vài người như ông Phan Bội Châu mà thôi. Sau khi nghe tin ông Phan Bội Châu bị bắt mang về Việt Nam, ông càng buồn rầu nên đi sâu thêm vào con đường tu hành cho khuây khỏa.

Ông Nguyễn Thượng Hiền một nhà Nho giữ trung hiếu làm đầu, ông đã trọn chữ trung với vua, chữ hiếu với cha. Chỉ khi thân phụ ông mất, ông mới dám bỏ ra đi nước ngoài. Ông hiểu tâm sự uất ức của cha ông và những vị quan vì vua, vì triều đình, vì sơn hà xã tắc mà phải ở lại với vua, với triều đình để lo gìn giữ kỷ cương triều đình và nền móng quân chủ. Nếu gìn giữ được tốt thì dù không đủ sức đối chọi cũng có thể làm đối trọng với quân Pháp. Họ cho rằng một nước phải có vua quan triều đình dù đang bị tai họa do Pháp gây nên. Họ gắng giữ nền quân chủ cho phải đạo quân thần của người Nho giáo. Với một nhà Nho ái quốc trung quân gồm vào một lý tưởng đồng đều.

Nhưng càng về sau, triều đình càng mất vị trí của nó. Chính vua Thành Thái cũng không chịu nổi bầy tôi, chỉ biết vâng lệnh quân Pháp và luôn học hặc lẫn nhau. Triều đình không còn gì đáng nể vì nữa. Giận quá, ông Nguyễn Thượng Hiền làm thơ chửi thậm tệ những vị quan mà ông gọi là gian thần, còn riêng ông tự xưng mình là cô thần.

Ông Nguyễn Thượng Hiền theo đạo Nho đã hết lòng trung hiếu. Còn cái nghĩa đối với vợ con ông? Vì muốn tìm phương cứu nước mà ông đã bỏ 2 vợ, 5 con (1 gái, 4 trai cả thảy) để ra đi. Rồi không thể về được nữa, ông đau khổ tìm đường tu hành, thay vì lấy vợ Tàu như nhiều người Đông Du khác. Khi bà Tôn Nữ Thị An, con ông Tôn Thất Thuyết qua đời, ông viết câu đối khóc vợ, ông nhắc lại rằng: *"Bà khi xưa, trẻ theo cha thì cha lại phải ra đi theo lệnh vua. Lớn lên theo chồng, chồng vì quốc nạn phải lánh xa. Trước sau 30 năm ngậm đắng nuốt cay, càng thêm thương đầu bạc bà đã hay biết trước, dưới suối vàng mong dứt được nỗi khổ sầu".*

Vì viết đã dài, nên xin tạm tóm tắt như trên, nhưng cũng muốn kể chuyện thêm khi sang Trung Quốc, ông Nguyễn Thượng Hiền có đi tìm và gặp được ông Tôn Thất Thuyết. Ông này đang bị Thanh triều bắt an trí ở Thiều Châu, Quảng Đông. Trong một bài thơ đề là "Triều Thành", ông kể lại chuyện ông được gặp ông Tôn Thất Thuyết, thấy ông này vẫn còn nhiều hào khí, vẫn còn mạnh khỏe, sáng suốt. Hai người ra quán gọi rượu uống, rồi cùng bàn luận chiến lược đối phó với Pháp. Về sau, khi ông Tôn Thất Thuyết chết, ông viết một bài văn tế, trong đó có những câu:

"... Thương ôi! tiểu tử tài trí non nớt. Trẻ làm rể, lớn hầu cung khuyết. Ơn nặng mong đền. Dám nề mỏi mệt. Băng mình vượt trời. Tìm sang Đông Việt. Cứu bệnh không phương. Nỗi lòng đau xót..."

(Cứu bệnh đây là nói chuyện cứu nước).

Ông Nguyễn Thượng Hiền mất năm 1925 ở một ngôi chùa trên núi Hồng Châu lúc ông 58 tuổi. Khi hay tin, ông Phan Bội Châu đặt bàn thờ tại nhà ông ở Bến Ngự (Huế) để làm lễ truy điệu. Trong văn tế có những câu:

"Lửa can tĩnh thiêu xương người khí tiết, sống thanh cao mà chết cũng thanh cao...

Mai Sơn tiên sinh, thơ kiểu Thịnh Đường, văn khuôn Tiền hán...

Ngơ ngác đàn em, riêng càng đau đớn. Em Châu này, đầu xanh lần lữa, vừa bạn vừa thầy... đồng ưu đồng hoạn...

Nếm mật nằm gai... gót bôn tẩu bao phen nguy hiểm... Xót đồng bào đương giữa bể trầm luân..."

Ông Phan Bội Châu thương xót ông Nguyễn Thượng Hiền, còn chúng ta, những hậu sinh cũng không khỏi bùi ngùi cho số kiếp gian truân của những người vì nước mà phải cực khổ, lao đao, bôn tẩu xứ người, để nắm xương tàn nơi đất khách, không hy vọng có ngày về!

■ *Lệ Vân*

THƠ ĐƯỜNG TRONG THƠ CHỮ HÁN CỦA CỤ

ƯNG BÌNH THÚC GIẠ THỊ

Nguyễn Hữu Vinh

Chúng ta đã thưởng thức thơ, ca Huế, ca Trù, hò, tuồng của Cụ Ưng Bình Thúc Giạ Thị, một nhà thơ lừng lẫy của miền sông Hương núi Ngự. Nói đến sự nghiệp văn chương của Cụ mà không nhắc đến thơ chữ Hán là một điều thiếu sót lớn lao. Cụ Ưng Bình Thúc Giạ đã để lại cho kho tàng văn học Việt Nam tất cả 197 bài thơ chữ Hán, nếu kể một bài thơ thuộc loại tám câu, thì Cụ đã sáng tác hơn 200 bài theo lối thơ Đường luật. Phần nhiều là những bài thơ thật tuyệt vời không những về hình thức lẫn nội dung. Thơ chữ Hán của Cụ Ưng Bình cô đọng, thâm thúy, ý thơ dạt dào, hồn thơ tươi mát, đầy dẫy tình người và những hình ảnh đẹp đẽ của những phong cảnh núi non sông nước. Sinh thời, thơ của Cụ đã được cảm tác giữa sự hòa hợp của đất trời, thời tiết, hội hè, đình đám, bè bạn, ca nhi, hò hát, thuyền bè, sông núi. Cụ chịu ảnh hưởng nhiều đối với các thi nhân Tống Đường. Ảnh hưởng nhiều nhất đến triết lý sống và nhân sinh quan của Cụ phải nói đến là nhà thơ điền viên Đào Tiềm tức Đào Uyên Minh. Đỗ Phủ là thi nhân được nhắc đến nhiều sau Đào Uyên Minh, kế đến là Vương Duy, Bạch Cư Dị, Lý Thương Ẩn và Lý Bạch. Ẩn hiện trong tập thơ chữ Hán của cụ có gần tới 30 thi sĩ nổi tiếng thời Đường Tống. Tùy theo mỗi hoàn cảnh, ý và tình của thơ Đường được sử dụng vào mỗi trường hợp khác nhau. Tuy nhiên ý thơ của Đỗ Phủ được dùng nhiều khi làm thơ nhớ bạn. Ý thơ của Lý Thương Ẩn được dùng khi nói đến sự mong mỏi gặp bạn bè. Ý thơ của Vương Duy được dùng khi nói đến sự nhớ nhung, chia ly hoặc thương nhớ bè bạn trong những lúc ngao du sơn thủy. Cụ đã khéo léo lồng bối cảnh đặc biệt, ý thơ tuyệt vời tồn tại hơn ngàn năm nay của thơ Đường để diễn tả ý của mình. Đây là một trong những yếu tố làm cho thơ của Cụ, không những chỉ thơ chữ Hán, thật trữ tình, cô đọng và thâm sâu, đạt được cái tình cảnh "trong thơ có họa, trong họa có thơ" và gây lên được những nỗi cảm thông sâu xa trong lòng người đọc. Mượn tình và cảnh trong thơ cổ Trung Quốc, nhất là thơ Đường để dệt nên những vần thơ trác tuyệt là một trong những đặc điểm trong thơ chữ Việt cũng như thơ chữ Hán của Cụ.

Chúng ta thử đọc lại bài ca Trù **"Thế lời cô đào nói chuyện với tôi là Thúc Giạ":**

Thiếp thị Hà Mô Lăng hạ trú, sắc với hương chưa đủ lối tài ba. Gặp Vương Tôn một tiếng chào qua, khi may mắn cũng là duyên với phận.

Gọi chút nở nang lần má phấn.

Dễ không ghi tạc tấm lòng son. Mãi như ri hoa nở trăng tròn, chưa đúng khúc Châu Lang còn ngoảnh lại.

Xa xa chạnh cảnh Tầm Dương tiêu sái, đặng Giang Châu nghe mãi tiếng đàn chăng?

Một lời hỏi đấng văn nhân.

Cả một phong cảnh chia tay bên bến đò Tầm Dương và cõi lòng ông quan Tư Mã Giang Châu đến đưa tiễn bạn rồi gặp gỡ cô đào tài hoa nhưng tuổi đã về chiều bất hạnh.

Chúng ta hãy đọc thêm bài hò Huế trữ tình **"Trên sông Hương"** của Cụ:

Tiếng hát ngư ông, giữa sông Bành Lệ
Tiếng kêu hàn nhạn giữa áng Hoành dương
Một mình em đứng giữa sông Hương
Tiếng ca du nữ đoạn trường ai nghe.

Ướt áo xanh, lụy tình Tư Mã
Khách thiên nhai vẫn lạ mà quen
Nước non ai kẻ bạn hiền
Biết ai ly phụ giữa miền sông Hương.
Biết ở đâu là cầu Ô Thước,
Mênh mông nguyện ước, dưới nước trên trời
Đêm khuya ngớt tạnh mù khơi
Khúc sông quạnh vắng có người sầu riêng.
Nước đầu cầu khúc sâu khúc cạn
Chèo qua Ngọc Trản đến vạn Kim Long
Sương sa gió thổi lạnh lùng
Sóng xao trăng lặng gây lòng nhớ thương.
Bên chợ Đông Ba tiếng gà gáy sáng,
Bên làng Thọ Lộc tiếng trống sang canh
Giữa sông Hương tiếng sóng khuya thành,
Đêm khuya một chiếc thuyền tình ngửa nghiêng....

Cõi lòng của ca nhi cảnh đẹp man mác, huyền ảo trên sông trong Tỳ Bà Hành lại được dùng để diễn đạt ý và tình của cô lái đò trên sông Hương. Tỳ Bà Hành của Bạch Cư Dị, tuyệt tác thi ca này không những đã được Cụ sử dụng nhiều trong thơ chữ Hán mà còn được dùng nhiều trong thơ chữ Việt, đặc biệt là trong hò Huế, hay ca Trù. Chỉ trong hai bài thơ trên đã rõ thơ của Cụ chẳng kém gì thơ của Vương Duy, trong thơ có họa, trong họa có thơ!

Muốn cảm nhận sâu sắc thơ của Cụ, ta cần tìm hiểu rõ gốc gác những điển tích, những dẫn chứng mà Cụ đã sử dụng. Nhưng trong hai bài thơ trên, chúng ta phải hiểu rõ đâu là nơi xuất xứ của nàng ca nhi, phong cảnh của bến Tầm Dương như thế nào v.v.. thì mới hiểu rõ và mới cảm nhận được những câu thơ của Cụ. Đây là đoạn thơ nhắc tới gốc gác nàng ca nhi trong Tỳ Bà Hành:

Tự ngôn bản thị kinh thành nữ
Gia tại Hà Mô Lăng hạ trú
Thập tam học đắc Tỳ Bà thành
Danh thuộc nhất phường đệ nhất bộ
Khúc bãi thường giao Thiện Tài phục
Trang thành mỗi bị Thu Nương đố

Kể rằng xưa ở kinh thành
Hà Mô Lăng ấy gần quanh là nhà
Học đàn từ thuở mười ba
Giáo phường đệ nhất tiếng đà đồn xa
Thiên Tài phục ngón Tỳ bà
Thu Nương tấm tức khi đà giồi trau

Có bến đò chia tay nào đẹp hơn bến Tầm Dương, có nàng ca nhi nào danh tiếng như nàng ca nhi xuất thân ở Hà Mô Lăng và có ai đa tình và lận đận như ông quan Tư Mã đất Giang Châu. Chúng ta hãy đến viếng bến đò Tầm Dương ly biệt trong mấy câu đầu tả cảnh chia tay trong Tỳ Bà Hành.

Tầm Dương giang đầu dạ tống khách
Phong diệp lô hoa thu sắt sắt
Chủ nhân hạ mã khách tại thuyền
Cử bôi dục ẩm vô quản huyền
Túy bất thành hoan thảm tương biệt
Biệt thì mang mang giang tẩm nguyệt

Bến đò Tầm Dương đêm tiễn khách
Phong dạt lau rung thu réo rắt
Vào thuyền giã biệt khách lên đường
Nâng ly rượu tiễn không tiếng đàn
Đã chẳng say mà thấm ly biệt
Biệt ly khi sông vàng ánh nguyệt
(Nguyễn Hữu Vinh dịch)

Hình ảnh một quan Tư Mã đất Giang Châu đa tình nhưng lận đận, nghe tiếng đàn tỳ bà não nuột, cảm nghĩ thân phận của mình mà cũng là thương khóc cho số phận nổi trôi, cuộc đời bèo bọt gian truân của cô đào danh tiếng nhưng đã lỡ tuổi thanh xuân:

Mạc từ cánh tọa đàn nhất khúc
Vị quân phiên tác Tỳ Bà Hành
Cảm ngã thử ngôn lương cửu lập
Khước tọa xúc huyền huyền chuyển cấp thê
Thê bất tự hướng tiền thanh
Mãn tọa văn chi giai yểm khấp
Tựu trung khấp hạ thùy tối đa
Giang Châu Tư Mã thanh sam thấp

Gảy thêm khúc nữa, hãy ngồi
Tỳ Bà Hành sẽ vì ai đặt thành
Cảm lời, đứng lúc lặng thinh

Lại ngồi lựa ngón lanh lanh gảy bài
Véo von khác trước một hồi
Những người ngồi đó lệ rơi ngắn dài
Khóc nhiều hơn cả là ai?
Giang Châu Tư Mã đẫm mùi áo xanh
(Trần Trọng Kim dịch)

Tỳ Bà Hành mà ngẫm lại thì cũng dễ cho chúng ta thưởng thức *"Thiếp thị Hà Mô Lăng hạ trú."* Xa xa chạnh cảnh Tầm Dương tiêu sái, đặng Giang Châu nghe mãi tiếng đàn chăng?" hay là *"Tiếng ca du nữ đoạn trường ai nghe"* trong thơ của Cụ.

Cụ không những chịu ảnh hưởng sâu đậm thơ văn Đường Tống mà còn chịu ảnh hưởng sâu xa thơ văn của trước đời Đường như những bài phong dao về ái tình của Kinh Thi, những tác phẩm của Khuất Nguyên, Tống Ngọc trong Sở Từ và những bài thơ điền viên ca tụng cuộc sống thanh nhàn, xã hội lý tưởng của Đào Uyên Minh đời Tấn. Họ Đào tính thích an nhàn, uống rượu làm vui, không màng danh lợi, từ quan ở ẩn, không chịu luồn cúi, sống cuộc đời thanh nhàn, vui thú ruộng nương, hoa cỏ, đồng nội. Vì vậy, Cụ dù là quan lớn được bổ nhiệm đủ các loại quan quyền từ các quan bộ Binh, bộ Hình cho đến bộ Học, làm chức thấp như Thị Lang cho tới chức cao như Án Sát, Tuần Vũ, cụ đều có phong cách khinh bạc chức quyền *"Hàng ghế dịch lên năm bảy tấc, Thẻ bài thêm lớn một vài ly"*. Do đó không phải đợi sau khi về hưu, mà ngay trong khi tại chức làm quan, Cụ đã sống với một nhân sinh quan nhàn nhã với thiên nhiên, vị tha và ít chịu luồn cúi vì danh lợi, say mê thơ văn, đàn ca cùng với mặc khách tao nhân. Cái tinh thần của Đào Uyên Minh, cái khoáng đạt của Vương Duy, cái lãng mạn của Lý Bạch, cái thực tế của Đỗ Phủ đã đúc kết nên nếp sống phóng khoáng nhưng đầy thi vị và đầy tình người của Cụ.

Cụ là người làm quan Án Sát nhưng lúc nào cũng say mê với vẻ đẹp thiên nhiên, thiết tha với cuộc sống điền viên nhàn nhã với hoa, với cây cỏ, đồng nội, rào thưa, giậu rậm, mai chớm, cúc cười, thu mơ, xuân mộng. Cụ thường hay sử dụng phong cách bên hàng rào, cũng như cảnh tượng của vài luống hoa cúc để cảm tác cuộc sống đơn giản nhưng đầy thi vị. Đây chính là lối sống điền viên của nhà thơ Đào Uyên Minh. Được Cụ dùng nhiều nhất để cảm tác là phong cảnh bên hàng rào (Li), với hoa cúc (Cúc). Đó là ý thơ đặc biệt trong những bài thơ đầu đề **Ẩm Tửu** *Uống Rượu* của Đào Uyên Minh, tiêu biểu để chỉ sự vui thú thanh nhàn của cuộc sống điền viên, trồng bông, tỉa cành, thanh tĩnh, nhàn nhã và êm đềm.

Thải cúc đông li hạ
Du nhàn kiến nam sơn
Sơn khí nhật tịch giai
Phi tiểu tương dữ hoàn

Tỉa cành hoa cúc bên hàng giậu phía đông
Thanh thản nhìn núi phía nam
Núi về chiều khí trời trong lành
Chim lũ lượt cùng bay
(Nguyễn Hữu Vinh dịch)

Cùng với cái vui thanh tao, đàn ca xướng hát với cô đào ở trong vườn nhà của bạn thơ, được thưởng thức hoa quả nhà vườn, thú vị biết bao! Chúng ta hãy tìm thấy hương vị nhẹ nhàng của hoa, của cỏ trong bài thơ sau của Cụ họa với ông bạn thân Hà Thiếu Trai:

Canh Thìn cửu nguyệt họa đồng du Thiếu Trai tiên sinh nguyên vận

Hoa phát đông li phùng cửu nhật
Yên lung hàn điểu nhập tà dương
Phẩm thi bất hướng Bình sơn lộ
Thập khúc tương đầu y cẩm hương
Đáo để Vi nương thanh điệu cấp
Thiên giao Thứ sử mộng hồn mang
Phong lưu địa chủ cung tân khách
Minh chước hương phù quất tử hương

Tháng chín năm Canh Thìn (1940) họa thơ của bạn Hà Thiếu Trai cùng đi chơi.

Rào đông mồng chín hoa vừa nở
Bóng xế chim đơn khói tỏa mờ

Chẳng muốn làm thơ bên núi Ngự
Tìm nhau phổ nhạc chốn làng thơ
Nàng Vi điệu gấp hoài đàn hát
Quan lớn lòng nao mãi mộng mơ
Chủ sở phong lưu chiêu đãi khách
Trà thơm mùi quýt rót trông chờ
(Nguyễn Hữu Vinh dịch)

Bè bạn, ca nữ, trời thu, cây cỏ, hoa cúc, trời thu là cuộc sống thanh nhàn và thanh tao của Cụ:

Thu cửu nguyệt sơ tứ dạ tri kỷ lục nhân hội vu niết ty đối tửu thích hữu Đại Châu ca cơ tiền lai hiến khúc. Cát Xuyên thi ông diệc huệ lai thẩm âm đề vịnh nhân bộ vận nhị thủ chí kỳ sự. Án Sát Quảng Bình

Kỳ nhất

Giai nhân hữu ước dạ trùng lai
Hà sự ngâm ông khứ phục hồi
Đắc ý thu thâm nghi vãn cúc
Ký hoài giang thượng thổ tân mai
Thi tình cảm hiệu Dương Xuân khúc
Tửu hứng đương phù Lục Nghĩ bôi
Thúc Dã tối si ca vũ phích
Khuyến quân hưu phụ Tiểu Liên tài

Kỳ nhị

Hồng nhạn nam quy yến bắc lai
Định tri thu khứ phục xuân hồi
Nhàn tình ngẫu bạn li biên cúc
Ngâm hứng cần đề lĩnh thượng mai
Tiêu vĩ sạ cha trường toản khúc
Tang thẩm cọng túy thiển thâm bôi
Hoạ quân danh cú xưng kỳ tuyệt
Cảm nghĩ Trần Vương thất bộ tài

Mùa thu đêm mồng bốn tháng chín cùng năm sáu bạn thân gặp nhau tại dinh huyện uống rượu, nhân có ca nhi Đại Châu đến hát, Cụ Cát Xuyên cũng lại nghe, viết lại hai bài thơ để kỷ niệm ngày này.

Bài số 1
Người đẹp y lời hẹn tối nay
Tao ông cớ sự mãi loay hoay
Vui nhìn cúc nở trời thu muộn
Si đượm mai khoe bến nước đầy
Dào dạt Dương Xuân tình khúc gảy
Xì xèo Lục Nghĩ giọt men say
Cuồng si Thúc Dạ mê ca múa
Chớ phụ tình ai ca hát hay

Bài số 2
Nhạn nam yến bắc hướng chia đôi
Đấy lúc xuân sang thu muộn rồi
Nhàn rỗi bên rào xem đóa cúc
Hứng đề đầu núi vịnh cành mai
Lung lay tiếng chuối nghe xào xạc
Ngất ngưởng men dâu uống cạn vơi
Xướng họa cùng anh vui thú quá
Trần Vương bảy bước cũng thua tài
(Nguyễn Hữu Vinh dịch)

Cuộc sống điền viên, vui thú với cỏ cây, mây nước, núi non, đàn ca, thơ văn, bè bạn thật sự bắt đầu từ lúc cụ về hưu năm 1933 lúc 57 tuổi. Cụ chọn Vỹ Dạ là chốn non nước hữu tình của chốn Thần kinh để làm nơi hưu trí và sống đời phong lưu. Trong thơ cụ thường hay sử dụng những chữ như "Tang", "Tang ma" *Cây dâu, đay, gai* để tả cuộc sống vườn nương. Bài thơ **"Quy điền viên cư số 2"** *Về sống nhà vườn* của Đào Tiềm.

Tương kiến vô tạp ngôn
Đản đạo tang ma trưởng
Tang ma nhật dĩ trưởng
Ngã thổ nhật dĩ quảng

Gặp nhau chẳng chuyện lai nhai
Chỉ lo hỏi bạn dâu gai thế nào
Dâu gai nay đã mọc cao
Vườn nhà cũng đã lao rao rậm rồi
(Nguyễn Hữu Vinh dịch)

Bây giờ chúng ta hãy thưởng thức xem cụ tả ngôi vườn nhà Cụ ở khi về hưu sau đây:

Viên lâm tức sự

Triêu dương khả ái hựu tà dương
Dẫn hứng viên lâm nhật nguyệt trường
Cổ thụ tư bồi cầu thạc quả
Lạc hoa bất tảo luyến tàn hương

Oanh ca yến ngữ thanh tao khách
Điệp vãng phong lai hí kịch trường
Đông lộ tây giang cung nhất mẫu
Bán khai đình viện bán nông tang

Cảnh Vườn

Dễ thương nắng sớm với chiều sương
Ngày tháng vườn nương mãi vấn vương
Cây lớn bồi phân mong trái nặng
Hoa rơi chẳng quét giữ làn hương
Yến oanh ríu rít khách tao nhã
Ong bướm nhởn nhơ lối kịch trường
Hơn mẫu đông tây sông giáp lối
Nửa trồng dâu lá nửa tông đường
(Nguyễn Hữu Vinh dịch)

Đã là thi sĩ thì ai cũng yêu mùa thu. Đặc biệt vào mùa thu, Cụ thường cùng với bè bạn ngao du, leo núi chơi vừa để ngắm cảnh vừa đi hái cỏ thuốc. Cụ thường cùng các tao nhân mặc khách tìm vui trong thơ ca với các ca nữ trong dịp thu về, nhất là vào dịp Tiết Trùng Cửu hay là Trùng Dương, là ngày lễ trong tiết trời Trung thu, vào ngày mồng 9 tháng 9 âm lịch. Các cụ thường vào dịp này lên núi, hái cỏ làm thuốc và làm thơ ngâm vịnh. Tục leo núi hái cỏ thuốc có từ xưa ở Trung Hoa, Vương Duy ghi lại những nét đặc thù trong bài thơ **"Cửu nguyệt cửu nhật ức Sơn Đông huynh đệ"** *Mồng 9 tháng 9 nhớ anh em ở Sơn Đông.*

Độc tại dị hương vi dị khách
Mỗi phùng giai tiết bội tư thân
Dao chi huynh đệ đăng cao xứ
Biến sáp Thù Du thiểu nhất nhân

Một mình khách lạ quê người
Mỗi khi gặp tiết mừng vui, nhớ nhà
Anh em lên núi ở xa
Thù du cài tóc vẫn là thiếu ai
(Trần Trọng Kim dịch)

Chính vì vậy các cụ nhà ta khi trời sang thu hoặc khi trời đến tiết Trùng Dương, các cụ thường cùng nhau hội họp đàn hát, ngao du, ngâm thơ, uống rượu. Chúng ta hãy xem cụ tả cảnh Trùng Dương sau đây khi cùng các bạn thơ chèo thuyền ngắm cảnh thu lúc làm quan ở thành Động Hải, tỉnh lỵ Quảng Bình:

Trùng dương vãn giai Mộng Xuân thị Hồ quý Tăng tiên sinh tịnh tam ngũ tri kỷ phiếm chu Động Hải. Án Sát Quảng Bình

Kim niên trùng cửu bất đăng lâm
Cọng phiếm lan chu hướng hải tầm
Phong vũ tam thu vô biệt cảm
Ba đào vạn khoảnh nhập tân ngâm
Ký hoài âu lộ tương lai vãng
Hà sự thương man vấn thiển thâm
Tôn tửu dữ quân quân thả túy
Mạc kinh hàn lộ đái hương châm

Tối ngày lễ Trùng Dương cùng ông Mộng Xuân Hồ Quý Tăng với vài bạn tri kỷ chèo thuyền chơi bên thành Động Hải.

Năm nay Trùng Cửu núi không leo
Về biển cùng nhau khuấy mái chèo
Bao độ gió mưa tìm cảnh cũ
Mênh mông sóng nước lựa vần gieo
Thân tình gửi gấm loài cò vạc
Sâu cạn màng chi cảnh bọt bèo
Rượu uống cùng anh say ngất ngưởng
Lạ gì sương lạnh vấy hương theo
(Nguyễn Hữu Vinh dịch)

Những mùa thu của Cụ thật đầy thi vị. Cảnh vật nên thơ giữa tiết trời về thu gợi cảm, khi gió heo may về, nhạn lẻ bâng quơ gọi bầy, thì lòng người thi sĩ cũng nao nao chuyện tình, tình bạn, tình nàng. Giữa cảnh trăng thu bàng bạc trên sông, trên thuyền thơ bồng bềnh, chén tạc chén thù với bạn tri âm, ngước mắt nhìn trăng vàng trên đầu qua liếp cửa của chiếc thuyền lênh đênh để thấy thời gian, không gian như quyện lấy nhau và ngừng lại. Thế thì trên cõi đời này còn gì hơn được nữa. Cụ đã vượt xa hẳn Lý Bạch khi Lý Bạch phải uống rượu dưới trăng và sầu cô đơn vì thiếu bạn

"Cử bôi yêu minh nguyệt,
Đối ảnh thành tam nhân"

"Mời trăng cất chén kè nhè,
Thân ta, bóng ấy, trăng kia ba người"
(Trần Trọng Kim dịch).

Cụ cũng khéo đưa tiếng đàn Tỳ trong Tỳ Bà Hành, tiếng sáo "Phượng cầu Hoàng" của Tư Mã Tương Như để nhắc nhở khéo léo những mối tình thơ nào đó đã làm quấy động lòng người giữa cảnh trời thu như vầy. Và đây là bài thơ:

Tân Tỵ Trung thu phiếm nguyệt hữu hoài

Nhất diệp kinh chu thủy thượng phù
Sổ thanh hàn nhạn bất thắng thu
Nhĩ Tỳ Bà khúc thương ly hợp
Xuy phụng hoàng tiêu cảm khứ lưu
Phẩm mính đề thi chiêu khách họa
Hữu ngư vô tửu hướng khuê mưu
Bồng song liêm quyển hàm thanh mộng
Thố ảnh tương khuy bạn chẩm đầu

Cảm tác trong đêm Trung thu chèo thuyền thưởng trăng năm Tân Tỵ (1941)

Một chiếc thuyền con thả lững lờ
Thu sầu nhạn lẻ gọi bâng quơ
Tiếng Tỳ tan hợp lòng thương cảm
Sáo Phượng chờ đi luống ngẩn ngơ
Trà nhắm thơ đề mời khách đến
Cá còn rượu thiếu gọi nàng đưa
Mạn thuyền say mộng bên rèm cuốn
Ngước mắt trăng chờ bên gối mơ
(Nguyễn Hữu Vinh dịch)

Nói đến tình bạn thì không thể không nhắc đến tình bạn của Cụ đối với ông Phan Kỉnh Chỉ, ông Đông Chi và ông Thiếu Trai Hà Ngại. Ba người này có mặt trong thơ chữ Hán trong suốt cuộc đời của Cụ, nhất là trong thời gian Cụ bước vào lứa tuổi trung niên và làm quan lớn nhậm chức ở các tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình và Hà Tĩnh. Gần nhau thì ít, chia xa thì nhiều. Ba thì mười họa mới được gặp lại nhau nên lúc chia tay cũng đầy lưu luyến, bịn rịn và dùng dằng. Để nói lên sự nhớ nhung của mình đối với những ông bạn thân này, Cụ thường dùng thơ của Đỗ Phủ nhớ Lý Bạch để bộc lộ nỗi lòng. Tưởng nên nhắc lại mối tình bạn thắm thiết và sâu đậm giữa hai ông thánh làm thơ nổi tiếng thời Đường là Đỗ Phủ và Lý Bạch. Đỗ Phủ sống ở Trường An, phía bắc sông Vị, Lý Bạch đi chơi Cô Tô, ở phía đông sông Trường Giang. Đỗ Phủ nhìn mây trời ở Vị Bắc, nhớ bạn ở phía đông giòng sông, nơi giăng áng mây trời chiều. Nhìn cảnh nhớ người, nhớ bạn, Cụ hay dẫn chứng bằng ý và chữ trong bài "Xuân nhật ức Lý Bạch" *Ngày Xuân nhớ Lý Bạch* của Đỗ Phủ với những chữ như "Vị Bắc, Thiên thụ, Vân thụ"... "Vị Bắc xuân thiên thu, Giang đông nhật mộ vân" *Cây xuân Vị Bắc xanh rờn, Giang đông chiều tối, mây ngàn thênh thênh* (Trần Trọng Kim dịch). Tình bạn của Đỗ Phủ đối với Lý Bạch rất sâu đậm. Hai người rất thân thiết nhưng gặp ít xa nhiều vì chiến tranh ly loạn. Chúng ta hãy xem cụ dùng những chữ "Quan tái, Cực tái, Lâm tái, Hắc tái" *Những cửa ải xa xôi, chỉ nơi rừng núi xa xôi.* Đây là những chữ dùng trong bài thơ Mộng Lý Bạch *Nằm mơ thấy Lý Bạch* của Đỗ Phủ để diễn tả tâm tình bè bạn, nỗi nhớ nhung chân thành của Đỗ Phủ đối với Lý Bạch đi lánh nạn xa xôi. Bài thơ có những câu:

Khủng phi bình sinh hồn
Lộ viễn bất khả trắc
Hồn lai phong lâm thanh
Hồn phản quan tái hắc

Sợ đã chẳng còn sống
Đường xa nhiều bất trắc
Hồn đến rừng phong xanh biếc
Hồn bay về biên ải xa xôi
(Nguyễn Hữu Vinh dịch)

Nói đến chuyện mong mỏi gặp lại bạn xưa hay là nói đến chuyện gặp lại bạn thơ để hàn huyên tâm sự, Cụ thường dùng đến chữ "Tiễn

chúc" *chong đèn.* Ý và cảnh trong bài thơ nổi tiếng "Dạ vũ ký bắc" *Đêm mưa nhớ chàng ở phương bắc* của Lý Thương Ẩn.

Quân vấn quy kỳ vị hữu kỳ
Ba sơn dạ vũ trướng thu trì
Hà dương cọng tiễn tây song chúc
Khước thoại Ba sơn dạ vu thì

Em hỏi ngày về, nói rằng chưa
Núi Ba mươi tối nước lên bờ
Ngày nào gặp lại, bên song cửa
Chong đèn kể chuyện núi đêm mưa
(Nguyễn Hữu Vinh dịch)

Nào, bây giờ chúng ta hãy xem giờ phút trùng phùng với bạn xưa, giây phút hàn huyên tâm sự (Tiễn chúc) trong bối cảnh vườn nhà (Hoàng hoa) như sau:

Mậu Dần thu cựu thức Đốc Giáo Lê Tĩnh tiên sinh trùng phóng chí hỷ

Chấp dư niên sự kỷ Qua thành
Hoạn huống tương phùng trị diệu linh
Sơn đẩu thịnh truyền quân phẩm giá
Hạc cầm sơ tố ngã công danh
Tùy phong kỷ độ phiêu bồng tích
Tiễn chúc kim triêu cựu vũ tình
Cố phán li biên vô trưởng vật
Hoàng hoa bạch phát hỷ tiên sinh

Mùa thu năm Mậu Dần (1938) bạn cũ là ông Đốc học Lê Tĩnh đến thăm, ghi lại nỗi vui mừng.

Hai mươi năm trước ở Qua thành
Cũng bạn làm quan thuở tuổi xanh
Đất nước ông rền vang tiếng tốt
Hạc đàn tôi mới nếm công danh
Bao lần trôi dạt thuyền không bến
Nay dịp hàn huyên một nỗi tình
Quà biếu bên rào tìm chẳng có
Cúc vàng tóc bạc đón mừng anh
(Nguyễn Hữu Vinh dịch).

Nói đến sự mong mỏi, sự xum họp, sự đợi chờ gặp gỡ bạn bè thân thích, Cụ vận dụng một cách tuyệt vời hình ảnh nhìn cảnh nhớ người nổi tiếng trong bài thơ Đường sau đây: Bài "Xuân oán" *Xuân oán* của Kim Xương Tục.

Đã khởi Hoàng Oanh nhi
Mạc giáo chi thượng đề
Đề thời kinh thiếp mộng
Bất đắc đáo Liêu Tây

Đuổi giùm cho thiếp con oanh
Ngăn đừng để đậu trên cành ỉ ôi
Ỉ ôi làm tỉnh giấc rồi
Tan tành mộng thiếp ra ngoài Liêu Tây
(Nguyễn Hữu Vinh dịch)

Mượn ý nhớ nhung này để tỏ ý nhớ mong như bài thơ sau của cụ:

Điệp Thiếu Trai tiên sinh tịnh Chi Tiên nữ sĩ xướng họa tiền vận ký thị.

Nhất thiên giai thảo trường sinh dược
Nhất đóa danh hoa vị lão tình
Chi phạ Văn Quân tư sắc giảm
Mạc sầu Tư Mã mấn mao canh
Liên hương khả túy phong tiền điệp
Liễu sấu do tàng nguyệt hạ oanh
Quả phủ Liêu Tây khanh đắc mộng
Hữu kinh nhân cú đoạn trường thanh

Làm và gửi đi bài thơ họa theo vần thơ xướng họa của ông Thiếu Trai và nữ sĩ Chi Tiên

Văn hay một áng thuốc trường sinh
Một bậc cô nương chan chứa tình
Chỉ sợ Văn Quân hương sắc giảm
Chẳng sầu Tư Mã tóc thôi xanh
Sen thơm lay gió say chàng bướm
Liễu cỗi chờ trăng giỡn bóng oanh
Nếu ở Liêu Tây anh mộng ngủ
Nghe lời thương nhớ động lòng kinh

Những chữ "Kế Bắc", "Liêu Tây". Hai địa danh này bây giờ thuộc vùng tây bắc tỉnh Liêu Tây và phần đông bắc tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc. Vào thời đó vì chinh chiến liên miên, nên trong thơ văn hay được nhắc nhở tới kèm theo sự mô tả nỗi hào hùng và nhọc nhằn của binh lính cũng như sự buồn đau, thương nhớ người chồng đi lính phương xa của người chinh phụ. Có rất nhiều thi sĩ xưa như Dữu Tín (513-581), Giang Tổng (519-594) và Từ Lăng (507-583) là những nhà thơ lưu lạc nổi tiếng vào thời đó còn lưu lại nhiều tác phẩm giá trị như bài "Xuân tự Kế Bắc môn hành" của Từ Lăng có câu: "Kế Bắc liêu trường vọng, hoàng hôn tâm độc sầu" *Nói đến và nhớ về Kế Bắc, một mình tối lại đọng mối sầu.* Bài "Yên Ca Hành" của Dữu Tín có câu: "Hàn nhạn ung dung độ Liêu thủy, tang diệp phân phận lạc Kế Môn" *Nhạn bay vần vũ vùng mây nước Liêu Tây, lá dâu tằm rơi lả tả nơi đất Kế Bắc.* Bài "Khuê Oán thiên" của Giang Tổng có câu: "Liêu Tây thủy Đống xuân ưng thiểu, Kế bắc hồng lại lộ kỷ thiên" *Trời chưa tới mùa xuân, nước non vùng Liêu Tây còn băng giá, nhạn bay từ Kế Bắc về đường xa phải ngàn trùng.*

Rày đây mai đó, nhậm chức phương xa, thương nhớ về quê cũ là điều không thể tránh được. Tâm hồn kẻ lữ khách trong đêm trọ làm sao không nao nao, bồn chồn sao được khi nhìn ngắm sao trời ở phía quê nhà cho cõi lòng thổn thức. Cụ hay dùng chữ "Đẩu đài", "tinh đẩu" *Sao trên trời.*

Nhìn sao trên trời mà nhớ nhà ở phương xa. Thơ Trương Hựu bài **"Đề Kim Lăng độ"** *Làm thơ ở bến Kim Lăng.* Đêm trọ bên gác nhỏ ở bến Kim Lăng, nghe tiếng nước thủy triều rào rạc rầm rì, nhìn sao trời mà nhớ quê hương xa xôi.

Kim Lăng tân độ tiểu sơn lâu
Nhất túc hành nhân tự khả sầu
Triều lạc dạ giang tà nguyệt lý
Lưỡng tam tinh hỏa thị Cô Châu

Kim Lăng quán nhỏ bến giang đầu
Đêm trọ khách xa chớm mối sầu
Ngóng nước triều dâng trăng chếch bóng
Sao mờ lấm tấm ấy Cô Châu
(Nguyễn Hữu Vinh dịch)

Cụ không những thích Đỗ Phủ, Cụ cũng rất hay dùng thơ Vương Duy thâm thúy và truyền cảm. Vương Duy không những hay thơ mà còn có tài họa vẽ và giỏi đàn Tỳ Bà. Có lẽ vì vậy mà thơ của Vương Duy sống động vì cảnh hòa hợp với lời. Tô Đông Pha, nhà thơ danh tiếng đời Tống khi nói về thơ và họa của Vương Duy đã khen rằng "Trong thơ có họa, trong họa có thơ". Vương Duy lưu lại cho chúng ta hai bài thơ bất hủ mà Cụ Ưng Bình thường lồng vào thơ để cảm tác trong những lúc gặp cảnh chia ly bịn rịn hay là trong những lúc leo núi chơi, hái cỏ thuốc giữa trời thu đầy ý thơ nhưng lại vắng bóng bạn hiền.

Nói đến cảnh chia ly bịn rịn giữa bạn bè, Cụ thường dùng ý và chữ "Vị thành", "Dương Quan tam điệp" trong bài thơ "Vị Thành Khúc" *Khúc hát ở thành Vị* của Vương Duy. Bài thơ này, thời xưa ở Trung Quốc, thường hát ba lần khi chia tay, nên gọi là Dương Quan tam điệp. (Tam điệp là ba lần).

Vị Thành triêu vũ ấp khinh trần
Khách xá thanh thanh liễu sắc tân
Khuyến quân khánh tận nhất bôi tửu
Tây xuất Dương Quan vô cố nhân

Vị Thành mưa nắng tươi màu đất
Lữ xá xanh màu sắc liễu xuân
Anh ơi hãy cạn ly này nhé
Qua khỏi Dương Quan ai cố nhân
(Nguyễn Hữu Vinh dịch)

Chúng ta hãy thưởng thức bài thơ sau đây của Cụ diễn tả nỗi nhớ nhung bè bạn và xem những dẫn chứng/ điển tích về chuyện "Nhìn cảnh xưa nhớ người" được diễn đạt rất khéo léo, đạt được "lời ít, ý nhiều", "làm nao nao lòng người" như: "đề điểu", "vân thụ", "lữ dạ", tinh đẩu", "Vị Thành","Kế Bắc":

Xuân nhật hữu hoài Linh giang cựu hữu

Tế sổ lạc hoa sầu vị phá
Tĩnh thính đề điểu tín tương lai
Ngâm bôi hữu khách hoài vân thụ
Lữ dạ hà nhân khán đẩu đài
Kỉ khúc Vị Thành tân sắc liễu
Nhất chi Kế Bắc cựu tình mai
Tư quân nhiễu mộng tầm quân xứ
Chu phiếm Linh Giang thượng Hải đài

Ngày Xuân nhớ bạn cũ ở sông Gianh

Đếm tàn hoa rụng chạnh sầu
Lặng nghe chim gọi đợi cầu tri âm
Mây ngàn rượu ngóng thơ ngâm
Ngóng sao đêm trọ âm thầm nhớ ai
Vị Thành khúc vẳng bên tai
Mơ người Kế Bắc cành mai gợi tình
Nhớ anh vào mộng tìm quanh
Sông Gianh thuyền dạo lên thành Hải trông
(Nguyễn Hữu Vinh dịch)

Gặp gỡ lại bạn cũ sau một thời gian xa nhau là điều sung sướng vô vàn. Cụ lại dùng một chữ "Kê thử" *Gà và khoai* rất đơn giản trong bài thơ "Quá cố nhân trang" *Qua nhà bạn cũ* của Mạnh Hạo Nhiên để nói lên sự hiếu khách và mong bạn của cụ.

Cố nhân cụ kê thử
Yêu ngã chí điền gia
Lục thụ thôn biên hợp
Thanh sơn quách ngoại tà
Khai hiên diện trường phố
Bả tửu thoại tang ma
Đãi đáo Trùng Dương nhật
Hoàn lai tựu cúc hoa

Bạn xưa sẵn có lúa gà
Mời ta đến viếng vườn nhà thăm nhau
Ven thôn cây cỏ xanh màu
Bóng rừng biêng biếc thành đầu chiếu xiên
Ruộng vườn trông rõ trước hiên
Nâng ly trò chuyện hàn huyên mùa màng
Đợi ngày đến tiết Trùng Dương
Lại sang thưởng thức cúc hường với nhau
(Nguyễn Hữu Vinh dịch)

Đang nhung nhớ ông bạn thì bạn đến. Sung sướng biết bao, chuyện trò, hàn huyên tâm đắc dưới ánh trăng nhà vườn. Cuộc gặp gỡ nào rồi cũng có lúc chia tay, bịn rịn dùng dằng bên bến tiễn đưa. Nhưng thôi, đợi sang năm khi mùa màng, súc vật đầy đủ lại mời bạn qua chơi, đừng làm như chuyện Tử Du (con của Vương Hy Chi, một nhà Thư Pháp nổi tiếng Trung Quốc), nhớ bạn trong đêm tuyết rơi, chèo thuyền đi thăm, đến nơi rồi, mà lại vì tính gàn, không vào nhà gặp bạn. Ở đây chúng ta thấy triết lý sống của Cụ thoang thoảng mùi thiền, sống tự nhiên không chèn ép con tim. Bài thơ sau cho ta chiêm nghiệm điều đó:

Kinh lịch Phan Cẩn Giang đông dạ chu phóng biệt hậu thị dĩ thi bộ vận dĩ đáp. Tri Phủ Triệu Phong.

Tương phùng nhất tiếu hệ tâm ty (tư)
Vân thủy nê tình chỉ tự tri
Chánh trị dạ thâm sầu tuyết mấn
Hốt giao đình ngoại đỗ chi my
Giao đàm nguyệt hạ tân tân hứa
Tích biệt giang can bộ bộ trì
Thắng tự Tử Du châu phó Diễm
Thượng kỳ kê thử ước tương y

Quan Kinh Lịch Phan Cẩn Giang đêm mùa đông chèo thuyền đến thăm, lúc về tặng bài thơ, họa vần đáp lại.

Gặp rồi vương vấn dáng ai cười
Ai biết tình thơ anh với tôi
Canh muộn sầu đong đầu đốm bạc
Hiên ngoài bóng thoáng bạn sang chơi
Dưới trăng tâm sự, lòng thêm tỏ
Bên bến chia tay, bước chẳng rời
Hơn cảnh Tử Du về đất Diễm
Đợi gà lúa đủ lại qua mời
(Nguyễn Hữu Vinh dịch)

Sau đây cũng là cách "nhìn cảnh xưa nhớ người". Chỉ cần dẫn chứng vài nét chấm phá diễn tả phong cảnh lơ thơ của vài ba luống hoa cúc là đủ. Đây là ý của chữ "Tam kính"

trong bài thơ "Quy khứ lai hề" *Trở về* của Đào Uyên Minh. Chữ "Tam kính" có nghĩa là *lối đi nhỏ hẹp trong vườn nhà.* "Tam kính cúc" *mấy luống hoa cúc bên đường nhỏ vườn nhà.* Bài "Quy khứ lai hề" *Trở về* của Đào Uyên Minh có câu "Tam kính tựu hoang, tùng trúc do tồn" *Đường đi băng trong vườn đã hoang tàn nhưng tùng, trúc vẫn còn dấu.*

Nhớ đến bè bạn ngày xưa, nhất là bạn đã qua đời rồi, không gì hay hơn là dùng điển tích "Tạ kiều" *Chiếc cầu* trong nhà Tạ Thu Nương một kỹ nữ nổi tiếng đời Đường để cảm tác. Bài "Ký nhân" *Nhớ người*, thơ của Trương Bí nhắc đến danh nữ họ Tạ như sau:

Biệt mộng y y đáo Tạ gia
Tiểu lang hồi hợp khúc lan tà
Đa tình chỉ hữu xuân đình nguyệt
Do vị ly nhân chiếu lạc hoa

Xa rồi nhà Tạ hồn mơ
Vẫn hành lang nhỏ vẫn bờ giậu xiên
Đa tình một mảnh trăng xuyên
Bóng người ly biệt chạnh lòng hoa rơi
(Nguyễn Hữu Vinh dịch)

Ở đây chúng ta hãy xem Cụ đến thăm mộ bạn và làm thơ cúng điếu, đã vận dụng rất đẹp "Tam kính", "Tạ Kiều" để nói lên nỗi lòng nhớ thương của mình, như sau:

Quá Giao Tiều cố hữu trạch viên. Họa Minh Châu Trần Thị Lang nguyên vận

Nhất khoảnh thông điền lạc tiểu thôn
Giao Tiều cố hữu trạch viên môn
Bình sinh trước thuật đa danh thảo
Dữ thế phù sinh thiểu hý ngôn
Xa mã ngũ lăng kim tái phóng
Cúc tùng tam kính cựu do tồn
Tạ kiều hữu khách kinh quá hậu
Quỉ ngữ kinh nhân dục đoạn hồn

Đến thăm lại vườn nhà bạn Giao Tiều đã mất. Họa thơ của Thị Lang Trần Minh Châu

Khoảnh đất đơn sơ ở xóm nghèo
Đây vườn nhà cũ bạn Giao Tiều
Thơ hay sống có bài không ít
Bỡn cợt đời qua tiếng chẳng nhiều
Phần mộ lối xưa nay viếng lại
Dăm hàng tùng cúc cảnh tiêu điều
Từ khi có khách qua cầu Tạ
Rùng rợn hồn kinh tiếng quỉ kêu
(Nguyễn Hữu Vinh dịch)

Cuộc vui thì khi nào cũng tàn. Tiệc tàn rồi thì chỉ còn nhung nhớ. Cụ quan nhậm rày đây mai đó, bạn thơ gặp ít, xa nhiều. Để nhắc nhở đến những lúc hội hè, bè bạn cùng nhau họp mặt, đàn ca xướng hát, đề thơ, ngâm vịnh cùng với mặc khách tao nhân, Cụ hay dùng chữ Nam Lâu *Lầu Nam* để nhắc lại nơi đã cùng nhau ngâm vịnh xướng hát vui vẻ. Nam Lâu là một cảnh ở trên núi Hoàng Hạc, phố Vũ Xương. Thời Đông Tấn, Dữu Lượng thường vào đêm thu hay cùng bè bạn, thuộc hạ lên chơi. Đến thời Đường, Tống, lầu Nam trở thành danh lam thắng cảnh, là nơi tụ họp của các mặc khách tao nhân. Nên được dùng để chỉ nơi hội họp đàn hát, ngâm thơ, xướng họa của tao nhân mặc khách.

Đinh Sửu hạ ngũ nguyệt nhị thập ngũ văn giai Hồ Trai Phạm tiên sinh vãng Quảng Trị Phan Kính Chỉ thi hữu tịch trung tức sự.

Hỏa sí kim ô ảnh vị tà
Mạc sầu đàn giáp xuất vô xa
Chiêu du cọng khiết Hồ Trai thủ
Phóng cựu trùng lai Kính Chỉ gia
Khuê các do tàng xuân nhật tửu
Lê viên tăng chủng cựu thần hoa
Thưởng âm hựu ức Hà Liêm Hiến
Diêu vọng Nam lâu tứ chuyển xa

Đêm 25 tháng 5 năm Đinh Sửu (1937) cùng ông Hồ Trai họ Phạm đi Quảng Trị thăm ông bạn thơ Phan Kỉnh Chỉ, thơ làm trên bàn tiệc để nhớ.

Đỏ rực trời còn lúc giữa trưa
Chẳng lo thăm bạn thiếu xe đưa
Hồ Trai tay nắm cùng đi dạo

Kỉnh Chỉ nhà quen lại viếng qua
Nhà cửa cất chờ vò rượu cũ
Vườn lê trồng lại cội hoa xưa
Nghe đàn thêm nhớ ông Hà Ngại
Ngưỡng ngóng lầu thơ dạ thẫn thờ
(Nguyễn Hữu Vinh dịch)

Cuộc đời của cụ, sống ở Huế chỉ trừ lúc sinh ra, thuở thiếu thời và lúc về hưu, còn ngoài ra đều vì việc quan nên phải rày đây mai đó, nhậm chức quan lúc thì ra phía Bắc, lúc thì vào phía Nam miền Trung. Ta có thể theo những vần thơ chữ Hán của Cụ còn để lại để đi thăm lại những danh lam thắng cảnh mà Cụ đã đi qua. Khoảng từ lúc còn thiếu thời, Cụ sống ở Huế, Quảng Bình, Bình Thuận. Lúc lớn lên làm quan, nhậm chức ở vùng Bắc Trung kỳ, trong khoảng từ năm 1922 tới 1933, Cụ đều làm quan ở Quảng Trị, Quảng Bình và Hà Tĩnh. Do đó Cụ thường làm thơ về những nơi danh thắng. Những bài thơ này thường là những bài thơ họa với bè bạn và ca nữ trong những chuyến ngao du. Nhờ những vần thơ của Cụ chúng ta có dịp thưởng ngoạn những danh thắng sau đây: Chùa Trà Am, chùa A La Mật, chùa Tây Thiên, chùa Linh Mụ, núi Ngự sông Hương ở Huế, sông Ngưu Chữ ở Hương Khê, Đầm Cầu Hai, núi Bạch Mã ở Thừa Thiên, Ngũ Hành sơn ở Quảng Nam, núi Linh Phong hay là chùa Ông Núi ở Bình Định, Động Phong Nha. Lũy Thầy, sông Nhật Lệ núi Đâu Mâu ở Quảng Bình, sông Thạch Hãn núi Mai Lĩnh ở tỉnh Quảng Trị, sông Lam dãy Hồng Lĩnh ở Hà Tĩnh, chùa Thầy ở miền Bắc, v.v...

Cụ tả cảnh rất tài tình, tả phong cảnh lâu đài, nhà hóng mát, chùa chiền, sông nước, núi non v.v... Cụ sử dụng rất hay ý và chữ mượn từ thơ Đường để lồng vào cảnh Cụ muốn diễn tả. Trong thơ cổ Trung Quốc, những bài thơ diễn tả phong cảnh, đền đài nổi tiếng như bài "Đằng Vương Các" *Gác Đằng vương*, "Đằng Vương Các Tự" *Bài Phú Gác Đằng vương* của Vương Bột và bài "Hoàng Hạc Lâu" *Lầu Hoàng Hạc* của Thôi Hiệu là điều không thể thiếu.

Bài "Đằng Vương Các" *Gác Đằng Vương* của Vương Bột đời Đường như sau:

Đằng Vương cao các lâm giang chữ
Bội ngọc minh loan bãi ca vũ
Họa đống triêu phi Nam Phố vân
Châu liêm mộ quyển Tây sơn vũ
Nhàn vân đàm ảnh nhật du du
Vật hoán tinh di kỷ độ thu
Các trung đế tử kim hà tại
Hàn ngoại Trường giang không tự lưu

Bóng gác Đằng Vương in đáy sông
Múa ca đã dứt vắng xe rồng
Mây mai Nam Phố giăng hàng cột
Mưa tối Tây sơn dạt cửa song
Mây tản in đầm bay lãng đãng
Sao dời vật đổi mấy thu đông
Đằng Vương trong gác giờ đâu tá
Ngoài cửa Trường Giang vẫn một dòng
(Nguyễn Hữu Vinh dịch)

Cụ rất thành công khi đưa những địa danh và phong cảnh tuyệt vời trong Đằng Vương Các để lồng vào phong cảnh bên dòng sông Hương, gần làng Vĩ Dạ, hướng về làng Nam Phổ và sông núi ở hướng tây phía dãy Trường sơn như trong bài thơ họa với người em trai là Thúc Thuyên dưới đây:

Họa Thượng Thư Thúc Thuyên hạ nhật vũ hậu lương đình vãn thiếu nguyên vận

Lương đình nhật mộ thủy yên vi
Đắc vũ phù bình thướng điếu ky
Ngư tử nhiên đăng Nam Phố độ
Mục đồng xuy giác viễn thôn qui
Hà tân cao quyển yên tân nguyệt
Áp lục trùng châm thưởng tịch huy
Thảo mộc khai nhan đối tri kỷ
Huân trì tịnh tấu lưỡng y y

Họa theo vần thơ của em là Thượng Thư Thúc Thuyên, Ngày hè sau cơn mưa từ đình hóng mát nhìn ra xa.

Khói tỏa đình chiều sóng bủa quanh
Bãi câu mưa tốt đám bèo xanh
Đèn soi chài thắp bên Nam Phổ
Sáo vọng trâu về dưới xóm tranh
Ngưỡng mặt ngóng trời trăng mới sáng
Châm ly uống ngắm ráng chiều xinh
Cỏ cây cũng một màu tươi mát
Quấn quýt tình thâm em với anh
(Nguyễn Hữu Vinh dịch)

Ngồi trong nhà hóng mát làm thơ với em trai, hạnh phúc vì tình anh em thắm thiết lại thưởng thức được phong cảnh êm đềm ở phía làng Nam Phổ, ở phía tây bên dãy Trường Sơn. Phong cảnh thiên nhiên lại được lồng thêm những yếu tố con người, làm cho phong cảnh đã đẹp lại càng đẹp thêm, càng đầy ý thơ hơn. Chúng ta cũng dễ tìm ra đâu đây là địa điểm bên dòng Hương giang, gần làng Vỹ dạ của Cụ.

Bây giờ chúng ta hãy cùng Cụ với các bạn đi thăm cửa Tùng ở Quảng Trị, thăm lại nhà mát năm xưa của bạn, nhưng bây giờ vật đổi sao dời đã có nét tang thương, trong đó tăm dáng của gác Đăng Vương nổi bật:

Bính Tý niên ngũ nguyệt nhị thập ngũ nhật du Tùng tân hải tấn hữu cảm

Thử khí viêm viêm hạ nhật trường
Chấp niên thử xứ hựu thừa lương
Sạ kinh nhất túc phao thương hải
Hoàn úy doanh bôi túy tịch dương
Đế tử trường châu sa mạc mạc
Tiên nhân cựu quán thủy mang mang
Khả liên ngọa thạch sầu vô ngữ
Não xúc kinh qua khách đoạn trường

Ngày 25 tháng 5 năm Bính Tý (1936) đi chơi cửa Tùng hoài cảm

Nồng nực ngày hè đằng đẵng trôi
Hai mươi năm trước cũng đây chơi
Cảm như thóc bé gieo bờ biển
Bù được ly đầy say nắng rơi
Khanh tướng bãi dài bờ phẳng lặng
Người xưa lầu cũ nước trùng khơi
Thương thay đá cuội buồn không nói
Khách dạo qua đường dạ tả tơi
(Nguyễn Hữu Vinh dịch)

Bài phú "Đằng Vương Các Tự" *Bài phú Gác Đằng Vương* của Vương Bột có những câu tả cảnh non nước trời mây bên Đằng Vương Các *Gác Đằng Vương* rất đặc sắc như sau:

Hồng tỏa vũ tễ
Thải triệt vân cù
Lạc hà dữ cô vụ tề phi
Thu thủy cộng tràng thiên nhất sắc
Ngư chu xướng vãn
Hưởng cùng Bành Lãi chi tân
Nhạn trận kinh hàn
Thanh đoạn Hành Dương chi phố.

Bềnh bồng bàng bạc mây trôi
Cầu vồng sặc sỡ tạnh trời sắc thâu
Ráng bay cò lượn cùng nhau
Long lanh đáy nước in màu trời thu
Lắng tai văng vẳng chiều sâu
Nghe chầm Bành Lãi vang mau giọng chài
Tiếng đâu chìm nổi giữa trời
Hành Dương nhạn lạnh bi ai gọi bầy..

Phong cảnh trời mây nước non bao la, điểm xuyết ráng chiều sặc sỡ, nhạn lẻ kêu chiều, đẹp tuyệt trần như phong cảnh trong đoạn tả cảnh của bài phú Đằng Vương Các Tự trên đây rất thích hợp để Cụ làm thơ nổi trôi ở một nơi nào đó như bài thơ Cụ làm để ca tụng cuộc sống phong lưu tao nhã của một ông bạn làm quan đã về hưu:

Họa loan giang Hiệp Tá trí sự Đỗ Phú Túc tiên sinh Trung thu dạ phiếm nguyên vận. Án Sát Quảng Bình.

Bát cổn tao ông bát nguyệt tra
Di nhàn hải tấn lịch loan pha
Dương phàm khẳng tá phong vi lực
Tiễn chúc ninh tri nguyệt dĩ tà
Lai vãng Hành Dương quan nhạn trận
Thiển thâm Bành Lãi thính ngư ca
Giang hồ thi cốt niên tăng kiện
Cảm bốc kỳ gi mấn vị hoa

Họa thơ ông Loan Giang Hiệp Tá về hưu Đỗ Phú Túc dạo thuyền chơi đêm Trung thu.

Quan ông thu hứng một thuyền neo
Nhàn ngắm non sông ngắm núi đèo
Để đẩy buồm dong bằng sức gió
Cứ chăng đèn rạng mặc trăng treo
Hành Dương lui tới xem đàn nhạn
Bành Lãi nông sâu ngóng tiếng chèo
Càng thú ngao du càng khỏe mạnh
Chắc già tóc bạc chẳng bao nhiêu
(Nguyễn Hữu Vinh dịch)

Cụ cũng rất sở trường khi sử dụng ý tả cảnh lầu Hoàng Hạc trong bài Hoàng Hạc lâu *Lầu Hoàng Hạc* của Thôi Hiệu là một bài thơ danh tiếng vừa ý lẫn lời:

Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ
Thử địa không dư Hoàng Hạc lâu
Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản
Bạch vân thiên tải không du du
Thanh xuyên lịch lịch Hàm Dương thụ
Phương thảo thê thê Anh Vũ châu
Nhật mộ hương quan hà xứ thị
Yên ba giang thượng sử nhân sầu

Người đi cưỡi hạc từ xưa
Nay lầu Hoàng Hạc còn trơ chốn nầy
Hạc vàng bay chẳng trở về
Lững lờ mây trắng tháng ngày còn bay
Hán Dương cây bóng chen bày
Xanh rì Anh Vũ còn dày cỏ lau
Trời chiều quê cũ là đâu
Sóng xao khói tỏa đâm sầu lòng ai
(Nguyễn Hữu Vinh dịch)

Chúng ta cảm nhận đâu đây, vẻ đẹp nguy nga phong cảnh tuyệt vời củ Đằng Vương Các, của Hoàng Hạc lâu và của núi sông trong Đằng Vương Các Tự, trong bài thơ sau mà Cụ cảm tác để khen bạn thân là bác sĩ Phan Văn Hy, khi ông này đề thơ tại gác Thừa Lương ở cửa Tùng ở tỉnh Quảng Trị:

Độc y quan Kính Chỉ thị Phan Văn Hy đề cựu Thừa Lương Các tại Tùng tấn thứ kỳ vận phục thị. Học bộ Thị Lang.

Hoàng Hạc lâu đầu vũ sắc hôn
Tích nhân dĩ khứ Hạc lâu tồn
Ỷ lan hoa diện sầu nhưng tiếu
Nhiễu ngạn triều thanh oán bất ngôn
Thất tự miêu cùng sơn hải ý
Nhất bôi điếu tận tử sinh hồn
Đằng Vương Các Tự thiêm tân bút
Kim cổ tài danh thả tịnh luân

Đọc làm làm thơ vần thơ của bác sĩ Phan Văn Hy hiệu Kỉnh Chỉ đề vịnh lầu hóng mát xưa "Thừa Lang Các" ở cửa Tùng

Trên lầu ảm đạm một màu mưa
Lầu Hạc còn đây vắng kẻ xưa
Buồn vướng hành lang hoa vẫn nở
Oán theo bờ biển sóng còn đưa
Nước non bảy chữ lời cùng tận
Sống chết vài ly rượu cúng thờ
Đề biển Lầu Đằng Vân nét mới
Tài nay khéo sánh với danh xưa
(Nguyễn Hữu Vinh dịch)

Đêm tới khi trăng thu tròn treo vằng vặc trên sông thì các cụ lại rủ nhau đi dạo sông Hương, sông Bồ, lên chùa Linh Mụ, đến điện Hòn Chén, qua ngã ba Sình, tới thăm Bao Vinh, xuôi về Thuận An. Thuyền của các cụ lênh đênh trên dòng sông Hương thơ mộng mơ màng, của đêm thu trăng ảo, sương khuya, sông nước lênh đênh đó, xa xa vẳng lại hồi chuông Linh Mụ thì ý thơ của Cụ cũng tuôn trào với hình bóng của "Nguyệt lạc ô đề" bất hủ của bài thơ nổi tiếng "Phong kiều dạ bạc" *Đêm khuya thuyền đậu bến cầu đầy lá cây* Phong của Trương Kế:

Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên
Giang phong như hỏa đối sầu miên
Cô Tô thành ngoại Hàn sơn tự
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền

Sương rơi giăng mắc khắp nơi, trăng tàn với tiếng quạ kêu sương
Lá phong vàng bên sông chập chờn ánh đèn của thuyền chài ru giấc ngủ u sầu mộng mị
Trên chùa Hàn ở ngoại thành Cô Tô
Nghe vọng lại tiếng chuông chùa đêm khuya khi thuyền khách vừa cập bến.

(Nguyễn Hữu Vinh dịch)

Rồi thuyền thơ của các cụ lênh đênh xuôi dòng về miền cửa biển Thuận An. Nơi đó Cụ lại chợt cảm nhớ đã một thời là chiến địa giữa quân nhà Nguyên với quân Pháp, nên hình bóng "Sa trường" trong bài "Lương Châu Từ" *Bài hát Lương Châu* thơ của Vương Hàn cũng lảng vảng trong hồn thơ của Cụ:

Bồ đào mỹ tửu dạ quang bôi
Dục ẩm Tỳ Bà mã thượng thôi
Túy ngọa sa trường quân mạc tiếu
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi

Rượu nho ngon ngọt đựng trong chén ngọc dạ quang
Đang muốn dâng chén uống thì nghe tiếng đàn Tỳ Bà réo rắt thúc dục ra đi
Nếu có say nằm trên chiến địa anh nhớ đừng cười làm chi
Vì xưa nay chiến chinh, có mấy ai dễ được trở về!!!

(Nguyễn Hữu Vinh dịch)

Chúng ta hãy thưởng thức bài thơ sau với đầy đủ những hình bóng, hồn thơ nói trên khi Cụ cùng bạn bè và ông Thị Lang Trần Minh Châu chèo thuyền về chơi cửa biển Thuận An. Hồn thơ của Cụ cũng bồng bềnh như con thuyền thơ lênh đênh trên sông nước, nổi trôi từ "Phong kiều dạ bạc", "Lương Châu từ" đến chuyện Nguyễn Tử Tư yêu nước, anh hùng thất thế nhảy xuống sông chết tức tưởi, đến nguồn Đào Nguyên, nơi lý tưởng Shangrila của Đào Tiềm, rồi tới chuyện Đỗ Phủ đi lánh nạn An Lộc Sơn khổ đau tại Bạch Đế thành v.v....

Họa Minh Châu Trần Thị Lang tiên sinh phiếm du Thuận An tấn cảm tác nguyên vận.

Kỳ Nhất

Giải dụ loa châu hộ đế kinh
Nhiêm ông phiếm trạo dĩ am trình
Phong đê mạc vấn nhân công xảo
Bế cảng thiên khuy tạo hóa tình
Ngũ dạ sầu miên giai điếu đỉnh
Đương niên túy ngoạ kỷ sa thành
Như hà tiết tận đông minh thủy
Ngũ Tử triều thanh bất phục minh

Kỳ Nhị
Ngâm tiên kỷ độ quán Thần kinh
Hà tự ngâm chu phiếm hải trình
Phá lãng nhân do trường ẩm hận
Xuy tiêu khách hữu vị vong tình
Ngư ông thác lạc Đào Nguyên lộ
Lão Đỗ tiêu tao Bạch Đế thành
Bất quản tang thương phi mộng thuyết
Đình nhiêu thả thính mộc ngư minh

Họa thơ của Thị Lang Trần Minh Châu chèo thuyền đi thăm cửa biển Thuận An.

Bài Số 1

Bãi cua cồn hến cận thần kinh
Ông lão chèo khuya cũng đã rành
Đừng hỏi đường đê công thợ xảo
Trộm xe cảng bến cảnh trời xinh
Thuyền câu canh muộn sầu buông mái
Chiến địa xưa nay ngã mấy thành
Sao tháo biển đông dòng nước cạn
Sóng lòng Ngũ Tử sẽ làm thinh

Bài Số 2

Hò ca mấy buổi ở kinh thành
Khéo sánh thuyền thơ thả biển xanh
Người lướt sóng dồn canh cánh hận
Khách du sáo thổi ngẩn ngơ tình
Ngư chài lạc bước Đào Nguyên động
Đỗ Phủ buồn thương Bạch Đế thành

Dù chuyện tang thương là chuyện thật
Ngừng thuyền nghe tiếng mõ lời kinh
(Nguyễn Hữu Vinh dịch)

Cụ rất thắm thiết với bạn thơ, năm 1934 khi mới về hưu, cư ngụ ở Huế, được tin bạn là Hồ Trai Phạm Khắc Khoan lành bệnh, cụ cũng "mầng" một bài thơ họa để chúc mừng, những không quên nhắc khéo bạn mình là bậc vừa quan lớn vừa là thi sĩ đa tình. Bài thơ đơn giản như sau:

Giáp Tuất cửu nguyệt nhị thập bát nhật đắc Hồ Trai tiên sinh giai tác báo đáo bệnh thuyên chi hỷ họa vận dĩ phục.

Sổ thanh hồng nhạn phá trầm liêu
Quang cảnh kim triêu thắng tạc tiêu
Thu vũ Mậu lăng quân bệnh giảm
Ngã tương tư bệnh diệc toàn tiêu

Ngày 28 tháng 9 năm Canh Tuất (1934) được thư báo mừng lạnh bệnh của ông Hồ Trai, theo vần họa và đáp lại.

Phá tan tịch mịch nhạn kêu tin
Cảnh vật hôm nay thật dễ nhìn
Bên ấy mưa thu anh bệnh giảm
Tôi đau bệnh nhớ cũng lành liền

(Nguyễn Hữu Vinh dịch)

Cụ đã khéo dùng chuyện Tư Mã Tương Như đến Mậu Lăng, lăng vua Hán Võ Đế, dưỡng bệnh, vừa sánh bạn có thơ tài và đa tình như Tư Mã Tương Như. Ở đây Cụ dùng ý Đỗ Phủ trong bài Cầm Đài *Cầm Đài* để ca tụng tình yêu của Tư Mã Tương Như Đối với Trác Văn Quân. Tư Mã Tương Như về già lui về sống ẩn dật đất Mậu Lăng. Dù đã già, lắm bệnh nhưng tình yêu đối với Trác Văn Quân không giảm. Hai vợ chồng từ bỏ cuộc sống giầu sang, ra đi tìm cuộc sống mới. Vì nghèo hai vợ chồng phải mở quán bán rượu để sinh sống.

Mậu lăng đa bệnh hậu
Thượng ái Trác Văn Quân
Tửu tư nhân gian thế
Cầm Đài nhật mộ vân
Dã hoa lưu bảo yếp
Mạn thảo kiến la quần
Quy phượng cầu hoàng ý
Liêu liêu bất phục văn

Cầm Đài

Đau nằm lăng Mậu có chàng
Yêu đương vẫn mãi có nàng Văn Quân
Rượu đong bán mặc thế nhân
Cầm Đài vương vấn mây vần lững trôi
Hoa khoe tưởng dáng mặt cười
Cỏ lan mọc dại nhớ hoài áo ai
Một khúc sáo phượng chờ người
Âm vang hết vẳng bên tai lâu rồi
(Nguyễn Hữu Vinh dịch)

Cụ nói chuyện đợi chờ gặp gỡ, thời gian dài thì cụ dùng ý thơ của Đỗ Phủ. Chúng ta hãy xem bài thơ về chuyện nhớ ông bạn làm quan, bổ nhiệm nơi xa:

Họa Đồng thành Phủ viện Bồ Nguyên Tôn thất Chữ tiên sinh xuân nhật ký hoài Quảng Nghĩa Án Sát Kính Đình Ưng Trình huynh nguyên vận. Án Sát Quảng Bình.

Khúc giang tá khấu vi thùy liên
Trúc mã Đâu Mâu mộng cửu huyền
Vọng trọng đẩu sơn chiêm đại lại
Tình ân thảo mộc khánh xuân thiên
Bạch đầu tái ngộ kỷ tam nguyệt
Thanh nhãn tương kỳ sổ thập niên
Thuyết đạo Kính Đình dư cánh thậm
Tục điêu ngâm ức tửu tôn tiền

Họa thơ của Bồ Nguyên Tôn thất Chữ mùa xuân gửi thư thăm ông Kỉnh Đình Ưng Trình làm Án Sát tỉnh Quảng Ngãi

Thương anh quan trấn xứ sông Trà
Bạn cũ Đâu Mâu nhớ thiết tha

Ngưỡng ngóng núi non trông bạn cũ
Tình vương cây cỏ đón xuân qua
Bạn già gặp lại bao năm nữa
Mắt biết tương phùng mấy thuở xa
Nói đến Kỉnh Trình lòng bịn rịn
Nhớ khi nâng chén chuyện ngâm nga
(Nguyễn Hữu Vinh dịch)

Cụ đã dùng chữ "tam nguyệt" để miêu tả thời gian của Đỗ Phủ "Xuân vọng" *Xuân sang,* "Tam nguyệt" *Tháng ba,* chỉ thời gian

Quốc phá sơn hà tại
Thành xuân thảo mộc thâm
Cảm thời hoa tiễn lệ
Hận biệt điểu kinh tâm
Phong hỏa liên tam nguyệt
Gia thư để vạn kim
Bạch đầu tao cánh đoản
Hồn dục bất thăng trâm

Xuân sang

Núi sông còn, nước nhà tan
Thành xuân cây cỏ mọc lan ngập trời
Lòng đau hoa khó làm ngơi
Chim ca không giảm nguôi ngoai tình nhà
Chiến chinh đã quá tháng ba
Thư nhà khó đổi lụa là tiền muôn
Vò đầu tóc bạc ngắn ngun
E không còn có để luồn chiếc trâm
(Nguyễn Hữu Vinh dịch)

Cụ Ưng Bình Thúc Dạ Thị vang tiếng thi đàn miền Trung, Cụ thường lấy tình người làm gốc chốt, làm lẽ tự nhiên để cảm hứng, để thành những vần thơ ngọt ngào, thanh thoát và đầy ắp tình người. Thơ chữ Hán của Cụ thấp thoáng quanh chữ "Tình". Tình đối với núi sông non nước, tình đối với thiên nhiên, tình bạn thơ ca, tình bạn ở quân trường, tình bạn bè thâm giao, tình với cô đào của ca Trù và ca Huế. Tình của thi sĩ thường được thể hiện qua những "nỗi buồn", nhưng nỗi buồn của Cụ đa dạng nhưng cũng rất đặc biệt. Dù bị ảnh hưởng nhiều của các thi gia Tống, Đường, nhưng Cụ không buồn tê tái như Đỗ Phủ, không buồn mang mác như Lý Bạch, không buồn yếm thế như Lý Thương Ẩn. Trái lại người làm quan Án Sát mà lúc nào cũng say sưa với cái đẹp của vũ trụ, cái đẹp của thiên nhiên và buồn buồn một cách nhẹ nhàng, thanh tươi. Cụ buồn vì xa nhà, nhớ quê; buồn vì xa bạn, xa cô đào, buồn vì thiếu người để cùng ngao du sơn thủy; buồn vì mưa thu, buồn vì xa người ruột thịt. Cụ đã đúc kết và dẫn chứng rất hợp thời, hợp cảnh và hợp ý thơ từ những bài thơ danh tiếng của những thi gia hàng đầu Tống Đường, do đó thơ chữ Hán của cụ có sự thu hút mãnh liệt với đa số người đọc, vì hồn thơ thanh thoát, mộc mạc nhưng tế nhị sâu sắc. Lược qua những bài thơ chữ Hán, Cụ sẽ đưa người đọc về thế giới phong lưu của hàng mặc khách ngày xưa. Ta sẽ cảm thấy buồn vui lẫn lộn, tình cảm sẽ dạt dào, và có được cảm giác nhớ nhung chất ngất. Tai ta còn nghe văng nẳng đâu đây những tiếng cười vui với những nhịp trống, lời ca, tiếng hát, câu hò của khách thơ, của ca nữ trong những dịp vui ca Huế, ca Trù, hay trong những lúc dạo chơi giữa núi non với trăng thanh gió mát, thuyền chèo ở miền Trung nước Việt.

Mùa thu năm 1999,
■ ***Nguyễn Hữu Vinh***
viết tại Tân Trúc, Đài Loan.

Tham khảo:

1) Bản thảo thơ chữ Hán "Lộc Minh Đình Thi Thảo" của Ưng Bình Thúc Gia Thị.
2) Thi ca, Ưng Bình Thúc Gia Thị. Nxb Thuận Hóa, 1995.
3) "Trung Quốc Văn Học Tổng Tân Thưởng", (Tiếng Trung Quốc). Nxb "Địa Cầu", Đài Loan.
Tác giả chân thành cảm ơn nhà thơ Tôn Nữ Hỷ Khương, con gái của Cụ Ưng Bình đã cho phép trích dịch.
4) "Đường Thi", Trần Trọng Kim. Nxb Văn Hóa Thông Tin, 1995.

*

ĐI TÌM DI TÍCH LỊCH SỬ BÁCH VIỆT QUA THI CA KIM CỔ HOA VIỆT

BAO LA Cư Sĩ

Từ mùa hè năm 1951 tới nay, tôi được nhiều cơ hội viếng thăm các nước Hải ngoại khắp bốn châu: Á Âu Phi Mỹ, nay chỉ còn Úc Châu là tôi sẽ cố gắng đi thăm vào cuối năm nay, nhằm đáp lại tấm thịnh tình của nhiều văn nhân thân hữu.

Theo thông lệ thì mỗi lần phải đi xa, tôi đều phải chuẩn bị trước, bằng cách tham khảo kỹ lưỡng khá nhiều bằng hữu, sách vở, tài liệu và đồ bản, liên hệ lịch sử và văn phong của mỗi nơi và mỗi dân tộc, nhằm học hỏi và mở mang kiến thức, vì lúc nào tôi cũng ghi nhớ lời tự nhủ của nhà nghệ sĩ trứ danh Pháp là JEAN GABIN: *"Plus j'apprends et moins j'en sais."* nghĩa là: "Tôi càng học bao nhiêu thì tôi càng cảm thấy kém cỏi bấy nhiêu."

Nhưng dù sao đi nữa, sau mỗi lần đi hải ngoại trở về, tôi cũng có thể tự an ủi với câu phương ngôn mà tổ tiên chúng ta truyền lại: *"Đi một ngày đàng, học một sàng khôn"*. Theo tôi thì một sàng khôn cũng đã quá nhiều! Ngoài cái sàng khôn ấy, cũng có thể chúng ta sẽ mang về nhà năm ba kỷ niệm như công nghệ phẩm, sách báo và mỹ thuật phẩm...

Về phần chúng tôi, sau mấy chuyến công du và du lịch châu Á, chúng tôi đã mang về nhà một bức tranh màu, khắc họa trên đá cẩm thạch mầu trắng, đóng khung gỗ, đích thị là minh họa bài thơ PHONG KIỀU DẠ BẠC của TRƯƠNG KẾ. Bức họa này được trưng bày nơi phòng khách của Chiêu Anh Các Paris và nhiều văn nhân nghệ sĩ đã có dịp chiêm ngưỡng bức họa này, nhân các cuộc Âu du công tác Du ca và quang lãm sự sụp đổ Bức Tường BERLIN vào ngày 10 tháng 11 năm 1989.

Bức họa khắc (gravure) này, tôi đã mua vào mùa Thu 1978, lúc tôi đến Tô Châu, sau khi ghé Tế Nam (Jinang), dọc theo Đại vận hà, nhằm mục đích tìm lại hai con đường đi Sứ Trung Quốc của hai vĩ nhân nước Việt là Lê Quý Đôn và Nguyễn Du:

1. Quế Đường Lê Quý Đôn (1726 - 1781) Phó sứ, cùng đi với Chánh sứ Trần Duy Mật, lại thêm một Phó sứ nữa là Trịnh Xuân Thụ, đều là Khoa bảng thời danh. Sứ đoàn của ta đã di chuyển và lưu lại công tác vài nơi, từ ải Nam Quan lên tới Bắc kinh, qua một cuộc hành trình kéo dài hai năm (1760 - 1762). Ngoài 3 vị chỉ huy Sứ Đoàn, còn có 7 'hành nhân', 11 'tùy nhân' và 4 'dự sai tiến lộ' tức là những cộng sự viên, trong đó có những chuyên viên y dược và nấu nướng, chăm sóc sức khỏe cho phái đoàn. Như thế là cả Sứ đoàn gồm có 25 người.

Lúc đi lên: từ biên giới Hoa Việt cho tới Bắc Kinh, cũng như trên đường trở về, đều được Chính Phủ Trung Quốc cử một thượng quan với nhiều người tùy tùng hướng dẫn và hổ trợ Sứ đoàn của nước ta. Tuy thế, Sứ đoàn vẫn gặp vài khó khăn dọc đường. Ví dụ như:

Theo 'Bắc Sứ Thông Lục' thì 'nhiệm vụ hoàn thành tốt đẹp' ở thủ đô Bắc Kinh. Ngoại trừ lúc trở về đường thủy, Sứ đoàn ta đã ghé Giang Tây ngày 4 tháng 8 năm Tân Tị (1761),

chắc là để xem các lò gốm, lò sành và mua các chén bát tốt đẹp nhất thế giới, như danh bất hư truyền.

Ngày 5 tuy gió xuôi trời tốt mà người lái thuyền không chịu nhổ neo, mặc dù có sự thúc dục của Sứ quan ta. Thậm chí, quan Khâm sai Tàu hộ tống Sứ đoàn, tên là Tần Triều Vu, bảo cũng không được.

Đến trưa, Khâm sai Tần Triều Vu mời Giáp Phó sứ Lê Quý Đôn sang thuyền, bút đàm thơ văn. Ông ta bày cơm rượu và vải muối ra, hỏi:

'Phương Nam có không? Đáp: Có rất nhiều. Hỏi: Sản vật của quý quốc thế nào? Đáp: Sách *Truyện Ký* chẳng nói: *'Cỏ cây kỳ lạ đều ở phương Nam cả sao?* Đâu dám nói quá! Sách *Tây Du Ký* có câu: *Trung Hoa tuy là Trung Hoa, tuy là nước lớn, mà rốt cuộc chẳng có các thứ ấy. Điều đó đâu phải chúng tôi bịa đặt.* Ông ta cười bảo: *Phải kể nước Ngài có nhiều của ngon vật lạ nhất...'*

Cũng theo sách *'Bắc Sứ Thông Lục'* của Lê Quý Đôn, ngày 17 tháng 8 năm ấy, thuyền Sứ về qua núi *Xích Bích*, Lê Quý Đôn nhớ người xưa cảnh đẹp trong lịch sử Trung Quốc, bèn ngưng thuyền lên núi chơi, 'đăng cao vọng viễn' cho thỏa chí khách phi thường!

Lúc trở lại thuyền, Lê Quý Đôn ghi những nhận xét của ông về nơi này và những suy diễn của ông về những mâu thuẫn trong cách viết về trận Xích Bích của Trần Thọ:

"Theo sách *'Nhất Thống Chí'* thì xưa nay nói Xích Bích có 5 nơi khác nhau! Nhưng nên lấy nơi huyện *Bồ Kỳ, thuộc Giang Hạ là đúng,* đất Gia Ngư cũng gần đó. Còn đất Hoàng Châu là núi *Xích Tị, chứ không phải Xích Bích...* Tôn Quyền đóng quân ở Sài Tang, tức Cửu Giang ngày nay. Vũ Hầu Khổng Minh đến thuyết phục Tôn Quyền cùng hợp binh chống Tào Tháo. Sách 'Ngụy Chí' của Trần Thọ nói Lưu Bị phá được quân Tào trước, sách 'Thục Chí' cũng nói như vậy. Nếu trận đánh xảy ra ở giữa Giang Hạ và Gia Ngư thì *hoàn toàn không cần đến gió Đông Nam.* Thế mà sách 'Ngô Chí' thì lại nói nhiều đến việc Hoàng Cái dùng hỏa công... chuyên qui công khó cho Chu Du. Trần Thọ dựa vào đây, do đó mà mâu thuẫn với nhau. Còn như Xích Bích không phải xảy ra ở Hoàng Châu, thì nên *bỏ cái thuyết cầu gió đông nam đi.'*

Xem hai đoạn trên chúng ta nhận thấy Lê Quý Đôn hẳn là một nhà thông thái lớn nhất nước Nam, thông kim bác cổ Đông Tây, là vì ông ta đã từng đọc nhiều sách của Tây Phương do các Giáo Sĩ Dòng Tên đưa sang, được phiên dịch ra Hán ngữ và phổ biến nhiều nơi ở Viễn Đông như Trung Quốc, Việt Nam, Cao Ly và Nhật Bản.

Ngoài ra, theo ý riêng của chúng tôi trong lúc bút đàm với Khâm sai Tần Triều Vu, *Lê Quý Đôn đã tỏ rõ biệt tài hùng biện và chuyên đối của ông,* đồng thời bênh vực uy thế và thanh danh của Quốc gia và Dân tộc Đại Việt.

Nói về kỳ hoa dị thảo và những vật lạ phương Nam mà các triều đại nước Nam thường xuyên cống hiến cho Trung Quốc, chắc hẳn đó là 'Kỳ Nam' (vật lạ phương Nam) mà tên khoa học là Aquilaria crassna Pierre, tên thông thường Tây phương là Bois d'aigle, lấy từ thân cây Trầm (Bois d'aloès) của Chiêm Quốc và nước Nam ta.

Còn nói về trận Xích Bích thì địa điểm đích thực, ngày nay chúng ta được biết là vùng *Tam Giang Khẩu* mà Tây Phương gọi là *Gorge des Trois Rivières,* là nơi nhà cầm quyền Trung cộng đang xây dựng cái Đập nước lớn nhất Thế giới, gây nên những tai hại vô tiền khoáng hậu cho nhân dân Trung Quốc.

Vì nước đập dâng lên quá cao bởi mưa to gió lớn mà nhà cầm quyền đã ra lệnh phá vỡ nhiều đoạn của các đê này, để tránh cho các thành phố lớn và nhiều đại xí nghiệp khỏi bị ngập lụt, nhưng trái lại đã lấp vùi vô số ruộng vườn và nhiều di tích lịch sử đã ghi trong Tam Quốc Chí, vốn gồm Ngụy Chí, Thục Chí và Ngô Chí.

Trong thời gian đi Sứ, phái đoàn Lê Quý Đôn đã mua được cả ngàn quyển sách, nhưng lúc về tới Quế Lâm, có sở quan xuống thuyền Sứ buộc kê khai sách vật đã mua, rồi lạm quyền thu lại một số lớn như bộ bách khoa *Uyên Giám Loại Hàm* (450 quyển), mà Lê

Quý Đôn đã phải nhọc công và mất tiền thương thuyết mới lấy lại được!

2. Bây giờ chúng ta hãy nhắc tới **Sứ đoàn Nguyễn Du** (1765 - 1820). Khởi hành từ đầu năm 1813 mà tới tháng tư năm 1814 mới về tới Huế. Rời Thăng Long mấy ngày trước, Nguyễn Du tới ải Nam Quan đúng vào ngày 6-2 năm Quí Dậu (1814), qua ải này tiến vào đất Quảng Tây, đi ngang tới chỗ đóng binh mã ngày trước của giặc Hoàng Sào. Đây là vùng Việt Tây (miền Tây của nước Việt cũ). Mỗi nơi đều được Nguyễn Du quan sát và ghi chép địa danh và sự tích liên hệ, đồng thời xúc cảm đề thơ, ghi lại rành mạch cho hậu thế, chưa kể bản phúc trình đầy đủ và nghiêm chỉnh, đệ trình lên nhà Vua, tức là vua Gia Long.

Căn cứ trên hai quyển *Bắc Hành Tập Lục* và *Thính Vũ Hiên Bút Ký* của Nguyễn Du, chúng ta được biết nơi Ải Nam Quan, phía bên lãnh thổ Việt, ngày xưa vào năm 41 sau Công nguyên, tướng Mã Viện (Phục Ba) có dựng một cột đồng lớn mà hồi đầu thế kỷ 18, người qua đường còn trông thấy, có khắc ghi câu: *Đồng Trụ chiết, Giao Chỉ diệt* (trụ đồng mà gãy thì nước Giao Chỉ mất). Vì thế mà mỗi người đi qua đều ném đá vào chân cột cho vững, kẻo sợ nước mất! Chẳng ngờ vì người ta cứ ném đá vào mãi, suốt mười mấy thế kỷ, mà rốt cuộc trụ đồng bị lấp vùi và không ai tìm ra dấu vết!

BẢN ĐỒ CHỈ ĐƯỜNG ĐI CỦA SỨ BỘ NGUYỄN DU

Năm 1813 - 1814

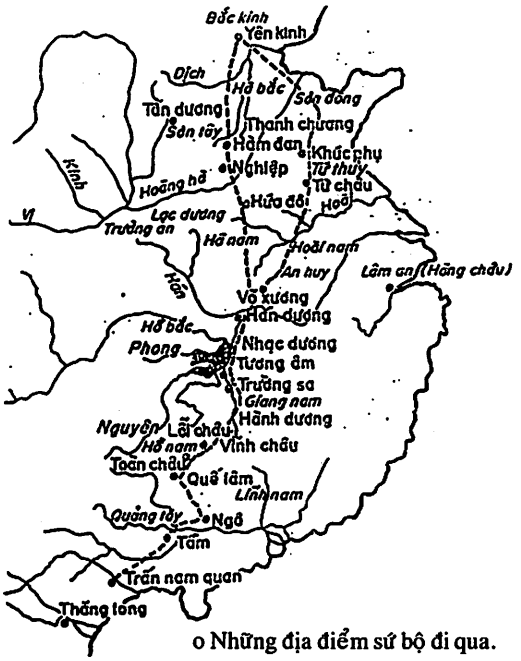

Rời khỏi Ải Nam Quan, Sứ bộ Nguyễn Du gồm cả trăm người sẽ xuống thuyền đi trên sông Tây Giang xuống Nam Ninh và Vũ Châu rồi trở lên Quế Lâm, thủ phủ Quảng Tây để thăm xã giao nhà chức trách địa phương và dự một tiệc lớn. Sau đó Tổng Đốc và Đề Đốc Quảng Tây cử hai viên chức cao cấp văn võ để hướng dẫn Phái bộ (có thông ngôn hai bên) trong suốt lộ trình đi và về.

Rời khỏi tỉnh lỵ Quảng Tây, phái bộ đi qua sông Dương Tử đi ngang qua Phú Quang, Giang Tây và Giang Nam. Lúc còn ở Giang Tây, Phái bộ có ghé thăm lò đồ sứ Cảnh Đức, để đặt làm nhiều thứ đồ sành và đồ sứ tráng men hảo hạng, phần nhiều màu xanh nhạt, tất cả dành cho 'Nội Phủ' nhà vua Triều Nguyễn, ông Hoàng bà Chúa và các đại thần nhờ riêng Sứ quan mua.

Đặc biệt lần ấy (1813), Nguyễn Du có đặt chế nhiều bộ trà gồm có bình ấm, chén tống (tướng), chén quân (nhỏ) và đĩa có vẽ hình 'Mai Hạc', có ghi hai câu Thơ nôm như sau:

Nghêu ngao vui thú sơn hà
Mai là bạn cũ Hạc là người quen

Sau đây là tấm hình đĩa trà Mai Hạc trưng bày tại Viện Bảo Tàng Khải Định Huế, trước thời chinh chiến. những đồ sứ này được các nhà sưu tập Tây Phương gọi chung là *"Bleus de Huế"*.

Rời khỏi tỉnh Quảng Tây, lộ trình hướng về phương Bắc, vượt qua ải Qua Châu, băng qua Sơn Đông, Trực Lệ và tới thẳng Đông Châu. Tới đây, tất cả đều lên bộ, theo đường bộ tới Yên Kinh, tức là Bắc kinh.

Đi vào chi tiết thì toàn bộ lộ trình của Phái Bộ Nguyễn Du 1814 - 14 có thể kê ra như sau:

Thăng Long, Nam Quan, Quảng Tây, Quế Lâm, Toàn Châu, Hồ Nam, Lôi Châu, Hành

Dương, Giang Nam, Trường Sa, Tương Âm, Nhạc Dương, Hán dương, Võ xương,Hứa Độ, Nghiệp. Hàn Đan, Tân Xương, Yên Kinh, Sơn Đông, Khúc Phụ, Tứ, Thủy, Từ Châu, Hoài Nam, An Huy, Võ Xương, Lâm An (Hàng Châu)... trở lại Giang Tây, tới lò Cảnh Đức để lấy những đồ sứ đã đặt năm trước. Từ đó Phái bộ sẽ theo đường cũ về tới Nam Quan.

Về việc Nguyễn Du đi sứ Trung Quốc, gia phả chép: Tháng hai năm Quí Dậu (1813), ông được thăng hàm Cần Chánh Điện Học Sĩ, rồi có chỉ sai làm Chính Sứ tuế cống, cùng với các ông Phó Sứ là Đàm An Hầu, Thiêm sự bộ Lại, và Phong Đăng Hầu, Thiêm sự bộ Lễ, đi sứ Trung Hoa. Tháng tư năm Giáp Tuất (1814), ông trở về Kinh Đô Huế.

Theo dõi lộ trình của Sứ bộ, chúng ta để ý một điều là nơi nào có di tích *Bách Việt* thì cụ Nguyễn Du dừng lại lâu hơn, để chiêm ngưỡng và ngậm ngùi trước cảnh cũ người xưa, đã từng chiếm cứ và sinh hoạt lâu đời, từ năm bẩy thế kỷ (Xuân Thu và Chiến Quốc) trước Công nguyên, và sử sách còn ghi chép phương danh những nhân tài lỗi lạc trong '*Bách Việt Tiên Hiền chí*'.

Và đây là bài thơ '*Quế Lâm Cù Các Bộ*' ghi lại tâm tình và khí tiết trung trinh của cô thần nhà Minh, liều chết chống xâm lăng Mãn Châu, để lại danh thơm nơi thành trì Quế Lâm và toàn cõi núi sông xứ Việt xưa:

Các bộ họ Cù ở Quế Lâm
Trung nguyên thế đã đổi đường,
Cô thành chống giữ một phương đến cùng.
Trọn ngày coi chết như không,
Nghìn thu dưới đất tóc ông vẫn dài
Tàn Minh miếu đã tả tơi,
Núi sông nước Việt pha phôi bóng hồng.
Trung Hoa vốn trọng người trung,
Mà đây hương khói lạnh lùng vì sao?

(Quế Lâm Cù các bộ
Trung nguyên đại thế dĩ đồi đường,
Kiệt lực cô thành khống nhất phương
Chung nhật tử trung tâm bất động
Thiên thu địa hạt phát do trường
Tàn Minh miếu xã đa thu thảo
Toàn Việt sơn hà tận tịch dương
Công đạo Trung Hoa thượng tiết nghĩa
Như hòa hương hỏa thái thê lương!)

Đĩa trà Mai hạc
(lò Cảnh Đức) (Viện Bảo Tàng Khải Định Huế)

Nhìn dãy núi Việt Tây, Nguyễn Du cảm tác một bài khá dài mà chúng tôi chỉ trích ra năm câu đầu:

Ninh Minh giang chu hành

Việt Tây sơn trung đa giản tuyền
Thiên niên hợp chú thành nhất xuyên,
Tự cao nhi hạ như bát thiên,
Thiên thượng hà sở văn?
Ứng long kịch nộ lôi điền điền.

bản dịch là:
Trong núi Việt Tây nhiều khe suối,
Nghìn năm chảy thành mương xối,
Từ cao chảy xuống như trời giội.
Trên ghềnh nghe thấy gì?
Như rồng vỗ cánh, sấm vang tai.

Đi qua Hồ Bắc, trên sông Dương Tử, Nguyễn Du nhớ tới Thôi Hạo (Hiệu), ngẩng

mặt nhìn *Hoàng Hạc Lâu* mà cảm tác bài **Hoàng Hạc Lâu**

Nhưng cái điều quan trọng nhất mà Nguyễn Du đã thực hành được trong chuyến đi sứ Bắc Kinh năm 1813 là: theo Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện, Nguyễn Du đã sáng tác, ngoài bản **Phúc Trình** thường lệ để dâng lên vua Gia Long, **Bắc Hành Thi Tập** và **Thúy Kiều Truyện** ('Vưu trường ư thi, thiên quốc âm. Thanh sứ hoàn dĩ Bắc Hành Thi tập cập Thúy Kiều Truyện hành thế.)

Trên đường chu du Trung quốc, Nguyễn Du đã viếng thăm rất nhiều danh lam thắng cảnh, miếu điện đền đài, liên hệ những danh nhân kỳ nữ, những người đồng điệu bên nước láng giềng. Và Nguyễn Du đi đến nơi nào có truyện tích kỳ lạ đều cảm hứng đề thơ, diễn tả tâm tình, chứa chan cảm xúc với những phê phán công minh, và khen chê đúng mực.

Ví dụ như Nguyễn Du đã nhắc tới Mã Viện, Hoàng Sào, hai bà vợ của vua Thuấn là Nga Hoàng và Nữ Anh, Dương Quí phi, Triệu Vũ Đế, Thái Văn Cơ, Trương Nghị, Vi Ứng Vật, Tam Tạng Trần Huyền Trang, Liễu Tôn Nguyên, Khuất Nguyên, Giả Nghị, thi bá Đỗ Phủ và đặc biệt là Thôi Hiệu, tác giả bài thơ Hoàng Hạc Lâu, với giá trị vô tiền khoáng hậu. Sau đây là bài thơ của Nguyễn Du đã *hoài cảm người xưa cảnh cũ* lúc đi ngang qua Hồ Bắc trông về Hoàng Hạc bên sông Dương Tử:

HOÀNG HẠC LÂU

Hà xứ thần tiên kinh kỷ thi,
Do lưu tiên tích thử giang mi?
Kim lai cổ vãng Lư sinh mộng,
Hạc khứ lâu không Thôi Hạo thi.
Hạm ngoại yên ba chung diểu diểu,
Nhãn trung thảo thụ thượng y y.
Minh nguyệt thanh phong dã bất tri.

Dịch thơ:
Thần tiên đâu đó tự bao giờ?
Còn dấu ghi đây tận bến bờ.
Nay đến xưa qua, Lư vẫn mộng,
Hạc bay lầu vắng, Hạo còn thơ
Ngoài hiên khói sóng mênh mang thế,
Trước mắt ngàn cây phảng phất như.
Bày tỏ với ai cùng chất chứa
Trăng trong gió mát cũng thờ ơ.

Xem kỹ bài thơ trên, chúng ta nhận thấy thi bá Nguyễn Du là một bậc kỳ tài, là một phi thường khách với tài hoa quán triệt, ngang hàng với những đại thi gia của Trung Quốc, thật xứng đáng được vua Gia Long chỉ định cầm đầu Sứ bộ Việt Nam, bắc hành tuế cống và chuyên đối với đại lân bang.

*

Nói tới bài thơ *Hoàng Hạc Lâu* thì không thể nào quên bài *Phong Kiều Dạ Bạc* của Trương Kế, từ xưa đến nay, đã có biết bao thi nhân và thức giả biên dịch bài thơ Tàu này ra thơ Nôm Việt, tính ra có thể hơn ba bốn chục bài khác nhau, do nhiều dịch giả mà phần nhiều quí vị độc giả đều biết, tôi thiết tưởng không cần chép hết ra đây.

Cái điều quan trọng đối với chúng ta là tìm ra những di tích xa xưa liên hệ *đại tộc Bách Việt* rải rác khắp nơi, từ phía nam sông Dương Tử và từ đông sang tây Trung Quốc, đặc biệt là miền *Việt Trung* và *Triết Giang* mà thủ phủ là Thiệu Hưng (quê hương của tổ tiên nhà văn lão hữu Phùng Lãng Nhân), mà nhà thơ Lý Bạch có nhắc tới trong bài thơ **Việt Trung Lãm Cổ**:

Việt Vương Câu tiễn phá Ngô quy,
Chiến sĩ hoàn gia tận cẩm y,
Cung nữ như hoa mãn xuân điện,
Chỉ kim cô hữu giá cô phi.
(Lý Bạch)

Qua đất Việt Trung nhớ chuyện xưa

Bình Ngô, Câu Tiễn kéo quân ra,
Chiến sĩ về quê rặt gấm là,
Cung nữ như hoa đầy điện ngọc,
Ngày nay chỉ thấy bóng chim đa.
(Đỗ Bằng Đoàn và Bùi Khánh Đản dịch)

Nguyên sơ nước Việt (***) là một nước chư hầu đời Đông Chu. Tiên tổ vua Việt là Vô Dư, con cháu vua Hạ Vũ. *Vua Chu Vũ Vương* (1134 - 1115 trước Tây lịch) *phong cho Vô Dư làm vua nước Việt.* Đất nước Việt gồm tỉnh *Chiết Giang* và tỉnh *Phúc Kiến* (sau đổi thành *Mân Việt*), đến năm thứ hai đời Chu Nguyên Vương (437 trước Tây Lịch), vua Việt Câu Tiễn đánh được Ngô thì đất nước Việt lại thêm cả tỉnh *Giang Tô* và một phần tỉnh *Sơn Đông.*

Còn nước Ngô (***) là một nước chư hầu đời Đông Chu. Tiên tổ vua Ngô là Thái Bá, chú vua Chu Vũ Vương. Vua Vũ Vương phong cho Thái Bá làm vua nước Đông Ngô, gồm cả tỉnh Giang Tô và một phần tỉnh Sơn Đông, cả hai đều thuộc vùng duyên hải, tiếp cận hạ lưu và hải khẩu Dương Tử Giang.

Vùng này nổi tiếng là xinh đẹp nhất Trung Hoa, nhờ danh lam thắng cảnh và trai thanh gái lịch, di tích lịch sử và văn thơ nghệ thuật, lại còn trù phú nhất nước nhờ kỹ nghệ và thương mại với quốc tế, qua đại hải cảng Thượng Hải với mấy chục triệu dân, được liệt hạng nhất nhì trên Thế giới.

Đi theo sông Dương Tử, tức là Trường Giang, chúng ta dừng xem bia đá khắc những chữ lớn *Nhược Da Tân* (Bến Nhược Da) và nơi tắm gội và giặt lụa của nường *Tây Thi Di Quang*: Tuyệt Thế Giai Nhân. Và trải qua 25 năm thế kỷ, người đời, và sử sách thi ca khắp Á Đông vẫn còn ghi nhớ năm chữ *'Tây Thi Gái Nước Việt'*.

Trên kia, chúng tôi có nhắc phương danh của quí lão hữu Đỗ Bằng Đoàn và Đỗ Khánh Đản, thời kỳ ở Quốc nội thường nhật vẫn cộng tác với nhau trên lãnh vực dịch thuật Thi ca đông Tây Kim Cổ. Nay tuy xa cách đôi bờ Đại Tây Dương mà lòng tôi vẫn nhớ thương người tài giỏi hơn tôi và xin ghi lại đây toàn bài *Phong Kiều Dạ Bạc* bằng Hán ngữ và bản dịch ra thơ Việt ngữ của hai Vị ấy:

PHONG KIỀU DẠ BẠC

Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên
Giang phong ngư hoả đối sầu miên
Cô tô thành ngoại Hàn san tự
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền

(Trương Kế)

ĐÊM ĐẬU THUYỀN Ở BẾN PHONG KIỀU

Quạ kêu, trăng lặn, khắp trời sương
Cây bến, đèn chài, giấc ngủ suông
Bên núi Cô-tô thuyền khách đậu
Chùa Hàn đêm vẳng một hồi chuông.

(bản dịch của Đỗ Bằng Đoàn và Bùi Khánh Đản)

Dịch nghĩa:

1. Trăng lặn, quạ kêu, sương phủ khắp trời.
2. Cây phong bên sông và ánh lửa chài đối giấc ngủ buồn bã.
3. Ngoài thành Cô-tô có chùa Hàn sơn
4. Nửa đêm, tiếng chuông vẳng đến thuyền khách.

Và đây là hình ảnh chụp bài thơ do bút pháp tinh tường của Khang Hữu Vi:

Bức tranh màu 'Phong Kiều Dạ Bạc' khắc họa trên đá cẩm thạch trắng, trưng bày nơi Chiêu Anh Các, Paris.

Chúng tôi cũnhg nhân cơ hội này, trình bày phóng ảnh tấm bia đá lớn, ghi khắc bài *Phong Kiều Dạ Bạc*, nơi thành Cô Tô và trước Hàn

CHÚ THÍCH:

— Phong kiều: Cầu Tây phong, ở trên sông Tây Giang thuộc Ngô huyện tỉnh Giang tô. (Pont aux Erables)

— Cô tô thành: Thành Cô tô, ở trên núi Cô tô, thuộc Ngô huyện tỉnh Giang Tô gần Thượng Hải, chỗ ngày trước vua Ngô Phù Sai xây đài Cô tô cho nàng Tây Thi nghỉ mát.

— Hàn Sơn tự: Chùa Hàn Sơn, ở bên cầu Tây phong, thuộc Ngô huyện, tỉnh Giang tô.

— Phong Kiều Dạ Bạc là một bài thơ tuyệt cú âm điệu rất hay, tả người lữ khách nằm trong thuyền nghỉ ngợi lan man và cảnh đêm khuya tịch mịch nghe tiếng chuông chùa xa vẳng.

— Đường Thi dịch của Trần Trọng Kim: Bài thơ này đã do Khang Hữu Vi, thi nhân đời Thanh, viết lại rồi khắc vào bia đá chùa Hàn Sơn, mỗi chữ to 4 tấc ta, ngày nay vẫn còn.

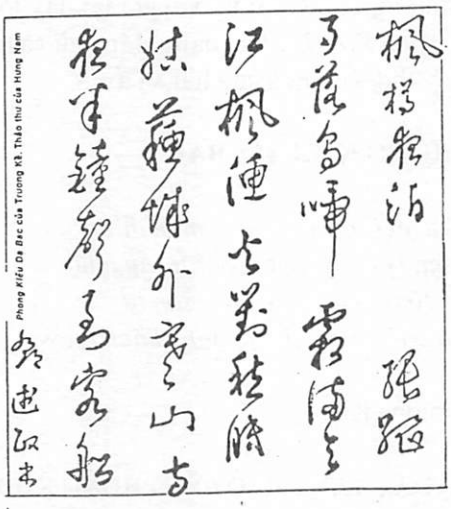

Sơn Tự, bằng đại tự với bút pháp của Khang Hữu Vi, một danh sĩ Trung Quốc thời cận đại. Lại thêm một 'thảo thư' của danh bút *Hùng Nam* của Trung quốc hiện đại, cũng về bài thơ tuyệt cú ấy;

Và sau cùng là bản dịch của Vũ Tùng Chi ở Pau (thủ phủ của xứ Navarre, miền Nam Pháp Quốc)

Thuyền đêm đỗ bến Phong kiều

Não nùng tiếng quạ kêu sương,
Canh tà, nguyệt xế, thê lương lạnh lùng.
Lửa chài bến nước bập bùng,
Chòm phong ủ rũ, ven sông bơ sờ.
Sầu tư hồn điệp dật dờ,
Ngân nga chuông vọng Cô Tô đến thuyền.
Hàn Sơn cô tự u huyền,
Nửa đêm trầm bổng, cửa thiền nện khơi,
Chày kinh tỉnh giấc chơi vơi...
(Vũ Tùng Chi)

Trở lại bài thất ngôn tuyệt cú 'Phong Kiều Dạ Bạc' nhà thơ *Mai Nguyệt Đái Đức Tuấn*, bút hiệu là TchyA (A viết hoa) đã để lại hậu thế Thi tập *Đầy Vơi* mà chúng tôi may mắn còn giữ được lai cảo với bút tháp tinh tường, trong đó có hai bài dịch thơ *Phong Kiều Dạ Bạc* của Trương Kế, tác dịch vào khoảng 1940 - 43, nhiều bài thân tặng tri âm Lãng Nhân họ Phùng (hiện ở Luân Đôn), bài *Oanh Vàng* (cảm tác ngày đầu Xuân Kỷ Sửu 1949 lúc còn ở Côn Minh) mà tác giả đã gởi về nước cho cô đào danh tiếng Đàm Mộng Hoàn ngâm trên đài phát thanh Hà Nội, toàn bài như sau:

OANH VÀNG

Giữa cơn binh lửa tơi bời,
Oanh vàng bỗng tiếng hót lời thi nhân.
Tình xưa lả chén phong trần,
Người xưa lạo thảo mấy vần thơ xưa.
*

Yêu hoa những tiếc ngày xuân Mộng,
Nhớ khách thì ngâm khúc khải hoàn.
Bước giang hồ khôn giảm khách hồng nhan,
Cơn gió bụi khó hoen mầu phấn đại,
Lắm lúc muốn thu gồm tứ hải,
Đổi nụ cười ân ái để mà chơi.
Lúc kề mai, khi tựa liễu, khi rượu chén,
Lúc thơ bài, khi đường tơ ai oán khúc,
Khi dịp trống lẳng lơ rơi,
Kẻ hồng phấn ấy ai người mặc khách.
Đã nhập thế phải nếm mùi thử thách,
Nợ bút nghiên sênh phách cũng đều nhau.
Thiếp xin chàng chớ bạc đầu,
Thiếp thì xin mãi lấy mầu trẻ trung,
Hữu duyên thiên lý tương phùng...
(Mai Nguyệt)

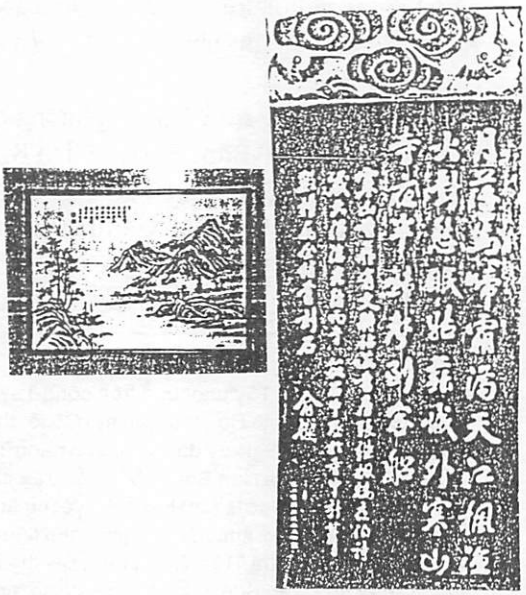

Từ Côn Minh xa vắng, tiếp giáp với trời mây, Mai Nguyệt đã âm thầm gởi tâm thư về thấu Cố Đô Huế, mơ mộng và trầm lặng, để tìm lại hình ảnh dịu dàng của cô lái đò dọc ngang trên dòng Hương trăm thương nghìn nhớ:

Sương sa ướt áo lụa dày,
Anh đà có vợ, Trời đày em thương!

Bài thơ này đã được diễn ngâm trên đài Hà Nội 50 năm rồi mà âm hưởng ngày nay vẫn còn vọng lại phương xa, lúc Phạm Lương Giang, thời sinh tiền, còn tìm kiếm mãi nơi hải ngoại. Nay, gần ngày giỗ của Mai Nguyệt đã qui tiên đêm rằm tháng 7 ta, năm Mậu Thân 1968, nhằm ngày chúa nhật 20-8-1968 (sinh năm 1907), hưởng thọ 61 tuổi, chúng tôi van vái anh linh người bạn cố tri và xin phép đăng tải nguyên văn thủ bút nguyên tác Hán tự và 2 bài dịch *Phong Kiều Dạ Bạc* như sau:

Về thân thế của nhà thơ TRƯƠNG KẾ, chúng ta cũng nên nhắc lại rằng: ông là một nhà thơ danh tiếng thời Thịnh Đường (713 - 765), tự là Y Tôn, quê ở Thương Châu, đỗ Tiến sĩ năm Thiên Bảo thứ 13 (754) đời vua Huyền Tông. Đến năm Đại lịch thứ 11 (776) đời vua Đại Tông, giữ chức Kiểm Hiệu Từ Bộ Viên Ngoại Lang, Phân chưởng Tài phú Hồng Châu.

Theo Mai Nguyệt, vốn là thành viên cốt cán của Việt Nam Quốc Dân Đảng, đã từng xuất ngoại, bôn ba khắp miền Nam Trung Quốc, cho chúng tôi biết thì:

1. *Phong* có bộ mộc là tên cây phong (érable mà Canada lấy lá làm quốc hiệu) không phải là badamier như Đào Duy Anh dịch trong Hán Việt Từ Điển (1936),

2. Hai chữ *Sầu Miên* được Mai Nguyệt viết bằng chữ Hoa, ý Mai Nguyệt nói rằng đây là tên hòn núi lớn đối diện với bến Phong Kiều, là cầu bắc ngang sông có trồng nhiều cây phong, tức là hai cảnh trí cụ thể, vật chất, mới đối diện (opposite) với nhau được, chớ một vật cụ thể không thể đối diện với sự ngủ buồn (sầu miên) vô hình dung. Các giáo sư Trần Kinh Hòa ở Đại Học Đường Đài Loan và Hương Cảng, và Bác sĩ Nguyễn Trần Huân,

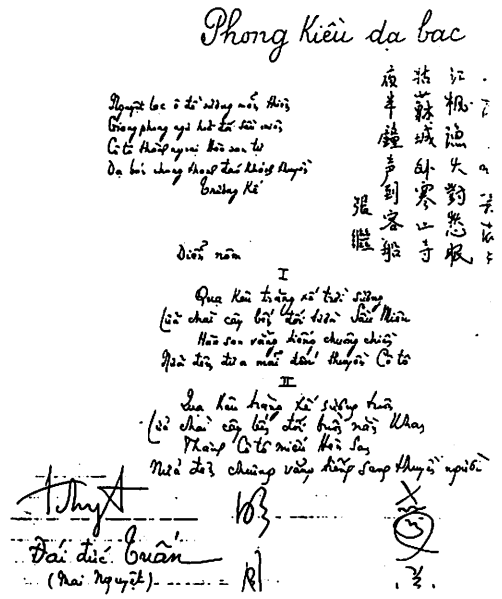

nguyên Giáo sư Hán Nôm ở Đại Học Đường Sorbonne Paris, đều hiểu và giải thích như Mai Nguyệt Đái Đức Tuấn.

Tuy nhiên, Mai Nguyệt cũng dịch thêm một bài nữa, gọi là để chiều ý thiên hạ, quen hiểu như thế.

3. Mai Nguyệt cũng tâm sự rằng: Bút ký *TchyA*, tuy được phổ biến với ý nghĩa *'Tôi chẳng yêu ai'*, nhưng thật sự TchyA hàm ý *'Tôi chỉ yêu Angèle'*, phương danh của cô đầm lai ở Hà nội, tuyệt sắc giai nhân, mà TchyA thương yêu nhất đời. Vì là tên người, vì là trùng với chữ Pháp *Amour*, mà chữ A này luôn luôn viết Hoa. và chữ T hoa cũng biểu trưng cho chữ Tuấn.

Và bây giờ đã đến lúc trình làng rằng nơi Chiêu Anh Các Paris vẫn còn trưng bày một bức tranh màu, bằng đá cẩm thạch trắng Đài Loan, khắc chạm bài thơ *'Phong Kiều Dạ Bạc'* của Trương Kế tài danh, chung quanh có cảnh trí *thành Cô Tô, chùa Hàn Sơn, núi Sầu Miên* đối diện với *bến Phong Kiều*, có thuyền chài đôi chiếc, có bếp lửa dưới ánh trăng mờ, với tiếng quạ kêu sương như chạnh niềm cố quốc, thổi dấu tha hương...

PARIS (Chiêu Anh Các)
Xuân Canh Thìn 2000
■ ***BAO LA Cư Sĩ***

ĐƯỜNG THI

Hoàng Hạc Lâu của Thôi Hiệu

Phụ Bản

GÁC HOÀNG HẠC

Hạc vàng ai cưỡi đi đâu ?
Mà đây Hoàng Hạc riêng lâu còn trơ !
Hạc vàng đi mất từ xưa.
Nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay.
Hán Dương sông tạnh cây bày.
Bãi xa Anh Vũ xanh đầy cỏ non.
Quê hương khuất bóng hoàng hôn.
Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai ?
—Tản Đà

Xưa hạc vàng bay vút bóng người.
Nay lầu Hoàng Hạc chút thơm rơi.
Vàng tung cánh hạc đi, đi mãi.
Trắng một màu mây vạn vạn đời.
Cây bến ánh dương còn nắng chiếu.
Cỏ bờ Anh Vũ chẳng ai chơi.
Gần xa, chiều xuống, đâu quê quán ?
Đừng giục cơn sầu nữa sóng ơi !
—Vũ Hoàng Chương

Hạc vàng người cưỡi bay xa.
Dầu xưa để lại một toà Hạc lâu.
Hạc đi không trở lại lâu.
Chỉ còn mây trắng ngàn thâu lững lờ.
Hán Dương sông lặng cây đưa.
Cỏ thơm Anh Vũ trên bờ xanh tươi.
Chiều hôm quê khuất bên trời.
Khói mờ sông nước làm ai chạnh buồn.
—Đào Hữu Dương

Người cưỡi hạc vàng xưa đã khuất.
Để lâu Hoàng Hạc chồn này trơ.
Hạc vàng một biệt không ngày lại.
Mây trắng ngàn năm vẫn lững lờ.
Sông tạnh Hán Dương cây bát ngát.
Bãi hoang Anh Vũ cỏ tiêu sơ.
Bóng chiều đã ngả đâu làng cũ
Khói sóng sông đầy khách ngẩn ngơ.
—Đỗ Bằng Đoàn & Bùi Khánh Đản

Ai cùng Hoàng Hạc vút xa rồi.
Hoàng Hạc Lâu còn tiếng hạc thôi !
Chớp nhoáng cánh vàng đi mãi mãi.
Lửng lơ mây trắng lươn đời đời.
Hán Dương giòng lặng soi cây mát
Anh Vũ bờ thơm lớp cỏ tươi.
Chiều đổ, hướng nhoà, quê khuất bóng.
Sông hun khói sóng, mạch sầu khơi !
—Y Vân Tử Nguyễn Trung Ân

Người đi cõi hạc từ xưa.
Đất nầy Hoàng Hạc còn lưa một lầu.
Hạc vàng đi mất đã lâu.
Ngàn năm mây trắng một mầu mênh mông
Hán Dương cây bóng lòng sông.
Bãi kia Anh Vũ cỏ trông xanh rì,
Chiều hôm lai láng lòng quê.
Khói bay sóng vỗ, ủ ê nỗi sầu !
—Trần Trọng Kim

LẦU HOÀNG HẠC

Hạc vàng ai cỡi đi đâu mất ?
Lầu Hạc còn trơ ở chồn nầy.
Hoàng hạc một đi không trở lại.
Ngàn năm mây trắng lững lờ bay.
Hán Dương cây tỏ, dòng sông tạnh
Anh Vũ bờ thơm, bãi cỏ tươi.
Chiều xuống quê nhà... đâu đó nhỉ
Trên sông khói sóng não lòng ai !
—Chi Diễn Hoàng Duy Từ

Người xưa cưỡi hạc đã lên mây.
Lầu Hạc còn suông với chồn này.
Một vắng, hạc vàng xa lánh hẳn.
Nghìn năm, mây bạc vẫn vơ bay.
Vàng gieo bến Hán, ngàn cây hứng.
Xanh ngụt châu Anh lớp cỏ dầy.
Trời tỏi, quê hương đâu tá nhỉ ?
Dầy sông khói sóng gợi niềm tây.
—Ngô Tất Tố

Người xưa cưỡi hạc vàng bay,
Riêng lầu Hoàng Hạc đất nầy trơ vơ !
Một đi, hoàng hạc xa mờ,
Nghìn năm bàng bạc lững lờ màn mây
Hán Dương sông rọi hàng cây,
Buồn trông Anh Vũ dạng dày cỏ hoang.
Chiều tàn đâu nẻo cồ hương ?
Sóng xao khói tỏa, vương vương mối sầu !
—Võ Tùng Chi

Người cõi hạc vàng xưa đã vắng,
Đất này trơ gác Hạc vàng không !
Hạc vàng một sớm bay bay mất,
Mây trắng ngàn thu giặc giặc lồng
Anh Vũ bãi in hương ngọn cỏ,
Hán Dương cây chiếu nắng lòng sông,
Chiều tà quê quán nơi nao nhỉ ?
Khói sóng trên sông trạnh nỗi lòng !
—Mai Nguyệt

GÁC HẠC VÀNG

Người xưa cưỡi hạc vàng bay mất
Để quạnh trơ vàng gác hạc không
Một tếch hạc vàng khôn trở lại
Ngàn năm mây bạc trôi mênh mông
Hán Dương cây chiếu lồng lồng nước
Anh Vũ bờ thơm ngát ngát sông
Ngày tắt quê nhà đâu thấy nữa
Âm u khói sóng hỡi ôi buồn
—Vi Khuê

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN MIỀN TRUNG

Vân Phố Hoàng Đống

Lời nói đầu: *Gần 25 năm nay, kể từ ngày Việt Nam di tản, người miền Trung, nhất là người Huế, ở nước ngoài, qua sách báo, tuyển tập đã viết nhiều về tình tự quê hương, về những kỷ niệm của thời thơ ấu nơi xóm làng thương yêu, về trường xưa, về những câu chuyện rất thương tâm của những cuộc vượt biên trên biển cả và trên đường bộ, về những chia lìa chua xót của những cặp vợ chồng có hoàn cảnh không may, và về những vấn đề đời sống và xã hội nơi chốn tạm dung...*

Người Việt tha phương nói chung và người Trung nói riêng, sau bao năm tháng, cũng đã thấy dần dà khuây khỏa. Đã đến lúc chúng ta thấy cần quên chuyện cũ, và nên tập trung vào những ý kiến xây dựng phi chính trị để đưa miền Trung thoát ra khỏi sự nghèo khổ triền miên xưa nay được xem như một sự an bài của số phận.

Trong ý hướng đó, người viết xin hân hạnh đóng góp vài suy nghĩ thô thiển về công cuộc phát triển miền Trung. Ước mong duy nhất của người viết là được nghe phản ứng của độc giả, mỗi người một ý, phong phú hóa kế hoạch phát triển miền đất thân thương nghèo khó, lụt lội, thiếu ăn mà đã là con dân ai cũng phải có trách nhiệm cưu mang.

*

*** Dẫn nhập**

Cấu tạo địa hình và phân bố địa chất đã tạo Việt Nam thành một hệ thống "nhất cống lưỡng cơ" theo đó hai miền Bắc và Nam là hai trung tâm sản xuất quặng mỏ và lúa gạo, còn miền Trung là cái đòn gánh nối hai miền với nhau.

Trong thời kỳ Pháp thuộc, dù ba miền sinh hoạt dưới ba thể chế chính trị khác nhau, hay trong thời kỳ Nam Bắc hay Quốc Cộng phân tranh làm cho đất nước bị chia cắt, người dân Việt không vì sự phân hóa chính trị mà xem nhau như cừu địch.

Phát triển quốc gia là khai thác sở trường sở đoản của mỗi vùng nhằm mục đích tạo cho mỗi vùng khả năng phát huy điểm mạnh, đồng thời, tăng cường điểm yếu của nó, nhờ sự giúp đỡ của các miền khác, để cả nước đồng tiến lên. Ba miền Việt Nam là ba khâu của một sợi xích. Nếu một trong ba khâu yếu, toàn thể sợi xích sẽ yếu theo.

Miền Trung là *"quê hương xứ dân gầy, mỗi năm bị trời hành lụt lội, mùa đông thiếu áo, hạ thời thiếu ăn"*. Nói rõ, miền Trung nghèo hơn hai miền kia nhiều. Từ khi đất nước thống nhất, miền Trung vẫn không được cải thiện bằng hai miền Bắc và Nam. Sự lưu tâm của chính quyền đối với miền Trung không đúng mức. Chẳng cần nghiên cứu các dữ kiện thống kê, chỉ quan sát thực trạng người ta cũng thấy rõ là miền Trung không tiến bộ mấy so với những năm trước 75. Miền Trung, nhất là Huế, ngày nay quá tiêu điều.

Có thể chính quyền trung ương thấy miền Trung nói chung và Huế nói riêng quá thể yếu kém không đáng để đầu tư phát triển. Mọi nỗ lực được dồn cho hai miền Bắc và Nam với hy vọng hai miền nầy sẽ tạo nhiều của cải cho Việt Nam hơn. Mối quan tâm của chính quyền đối với miền Trung "tạm thời" được gác qua một bên cho đến khi Việt Nam giàu mạnh. Trì hoãn việc phát triển miền Trung có hậu quả làm cho tình trạng của miền Trung vốn xấu lại càng xấu thêm đến độ mọi đầu tư phát triển tương lai miền Trung sẽ trở nên quá lớn làm nản chí chính quyền nhiều hơn. Vòng luẩn quẩn lại xoay để đưa miền Trung vào sự lụn bại.

Chớ nên bỏ quên miền Trung. Tình trạng "bất khả phát triển" của miền Trung xuất

phát từ quan niệm phát triển không đúng (hay không có định hướng) về nơi phát động và về thực chất phát triển (không phù hợp với đặc tính và tư chất của dân trong miền). Nói một cách tích cực hơn, sự trì trệ của miền Trung có thể bị phá vỡ nếu sự phát triển được bắt đầu tại một "vùng chiến lược" có khả năng nuôi dưỡng sự tăng trưởng của các vùng còn lại trong miền. Vùng chiến lược từ đó việc phát triển miền Trung khởi đầu không đâu khác hơn Huế.

Huế /Thừa Thiên, ở vị trí trung tâm, là thủ phủ của miền Trung. Huế một thời là kinh đô của một Việt Nam thống nhất dưới Nguyễn Triều. Huế đã đóng góp nhiều "chất xám" được dùng để đào tạo cán bộ trong mọi ngành cho cả nước. Huế cũng là trung tâm của mọi cuộc biến động. Sự đóng góp văn hóa, quân sự và mở mang bờ cõi của Huế cho Việt Nam rất là lớn. Nếu công cuộc phát triển Huế được thực hiện đúng, các vùng ở phía Bắc và Nam của Huế cũng sẽ được phát triển đồng bộ. Vấn đề còn lại là định hướng phát triển Huế cho phù hợp với di sản và truyền thống, với tư chất của người dân và thực trạng tài nguyên của địa phương.

Bài nầy cố gắng đề nghị một số ý kiến về xây dựng cơ sở hạ tầng cũng như trình bày những phương cách tài trợ dự án phát triển Huế.

* Phát Triển Đồng Bộ

Công cuộc phát triển miền Trung phải bắt đầu tại Huế (Thừa Thiên). Nhu cầu dịch vụ, nhân công và nông lâm ngư phẩm phát sinh từ Huế phần lớn sẽ được cung cấp bởi các tỉnh lân cận. Để thỏa mãn Huế, các tỉnh miền Trung phải khuếch trương nông ngư nghiệp. Nhờ kỹ nghệ du lịch, các tỉnh miền Trung, ngoài vai trò cung cấp, sẽ có cơ hội phát triển nền tiểu công nghệ địa phương.

Tài nguyên du lịch của Huế là phong cảnh hữu tình, cơ ngơi và đền đài cổ kính. Khai thác các vùng lân cận nên thơ của Huế, các đường thủy vận trữ tình mà dấu tích là những điệu hò trao duyên tình tứ sẽ hấp dẫn du khách trong và ngoài nước. Tính cách văn học của thành phố cổ kính phải được triệt để khai triển, cốt làm sao biến Huế thành một trung tâm du lịch độc đáo.

Trong ba thành phố chính của Việt Nam — Hà Nội, Huế, Sàigòn — Huế là nơi thích hợp nhất cho những hoạt động trí tuệ và tâm linh. Văn học, nghệ thuật, tin học (informatics) và toán học là những sinh hoạt đòi hỏi một môi trường đặc biệt khả dĩ ru con người vào cõi trầm tư, sáng tạo. Không thành phố nào có thể cung ứng một môi trường tương tự ngoài Huế.

Phát triển Huế theo thiển ý là tạo điều kiện cho các ngành hoạt động trí tuệ và tâm linh nẩy nở. Một khi Huế phồn thịnh, tự nhiên, các tỉnh miền Trung cũng nhờ đó mà vươn lên. Điều nầy có nghĩa là phát triển Huế sẽ đồng thời làm cho các tỉnh của miền Trung phát triển theo.

* Hạ Tầng Cơ Sở

Người Huế có câu: *Tháng bảy nước nhảy lên bờ.*

Mỗi năm cứ đến tháng bảy là Huế bị lụt. Lụt nhỏ nhất cũng xấp xỉ gần tràn bờ, cao gần 4-5m, của sông Gia Hội. Lụt lớn như trận 54, nước dâng cao khỏi nóc nhà tại nhiều nơi thuộc các vùng phụ cận Huế. Người, trâu bò, gà vịt bị chết chìm, thậm chí cọp trên rừng cũng bị lụt cuốn trôi xuống sông Hương. Cây to bị lụt trốc gốc cuốn chảy theo giòng nước. Mùa màng nhà cửa tiêu tan... cầm chắc, mỗi năm đến tháng bảy, Huế bị thiệt hại không biết bao nhiêu mà kể.

Có ba lý do gây lụt lội:

1) Từ thượng nguồn sông Hương không có công trình kiểm soát lưu lượng nước.

2) Cây rừng bị phá làm cho nước mưa tự do tuôn chảy không bị cản trở. Hậu quả là đất bị xoi mòn đào sâu thêm các đường nước giúp cho vận tốc nước gia tăng.

3) Sông Hương và các sông đào như sông Gia hội..., lâu ngày không vét bị tắt nghẽn khiến nước không thoát kịp. Liệt kê các nguyên nhân tự khắc thấy được giải pháp. Có ba giải pháp để kiểm soát lụt.

1. Từ một vị trí thuận lợi trên thượng nguồn sông Hương, xây đập trữ nước với các bộ

phận điều hòa lưu lượng. Hệ thống đập và hồ chứa nước (dam-reservoir system) có tính chất đa dụng: chống lụt (flood control), tưới hoa màu (irrigation), phát triển thủy sản (aquatic life development), và giải trí (recreation).

2. Trồng lại cây rừng (reforestation).

3. Đào vét (dredging) sông Hương và sông Gia Hội, An Cựu...

Mỗi năm, người dân ở Huế và vùng phụ cận, nhờ những công trình trên sẽ tránh được những tổn thất nhân mạng, mùa màng... Người dân vì thế mà giàu có thêm một số của cải tương đương với những tổn thất do lụt gây ra. Các công trình chống lụt là những công trình công chánh đa dụng nhân công, chúng sẽ tạo công ăn việc làm cho người dân từ chuyên viên kỹ thuật, hành chánh các cấp đến các nhà kinh doanh, buôn bán và giới lao động... Thương mãi và dịch vụ sẽ gia tăng vì mãi lực người dân tăng. Cái nọ kéo cái kia để làm cho việc phát triển càng ngày càng thuận lợi.

*** Trung Tâm Văn Hóa và Du Lịch**

Ấn Độ là quốc gia sản xuất nhiều thiên tài toán học và "đầu óc toán học" của dân Ấn đã giúp Ấn Độ đào tạo kịp thời một đội ngũ kỹ sư và chuyên viên nhu liệu (software engineers) không những đủ để thỏa mãn các đòi hỏi về nhu liệu của quốc gia mà còn xuất cảng ra khắp thế giới. Bằng chứng Ấn Độ là quốc gia chiếm nhiều công tác sửa chữa bài toán có tên là Y2K đã làm điên đảo thế giới khi tân thiên niên kỷ bắt đầu.

Toán học và tin học không đòi hỏi phòng thí nghiệm đắt tiền như vật lý hay hóa học. Chất liệu cần thiết là não bộ. Chẳng cần rêu rao, ai cũng biết thời đại nầy là thời đại của điện toán, tức là thời đại của nhu liệu và máy móc điện tử.

Việt Nam có dư chất xám để xây dựng một kỹ nghệ nhu liệu thế giới đang cần. Vốn đầu tư cho công cuộc phát triển kỹ nghệ nhu liệu không cao so với các kỹ nghệ khác. Hai điều cốt yếu để phát triển kỹ nghệ nhu liệu là 1) chính sách đối xử chuyên viên công bằng, tương xứng, 2) môi trường sinh hoạt thích hợp. Chính sách đối xử chuyên viên sẽ được thị trường nhân dụng hướng dẫn. Còn môi trường là điều có thể tạo ra hay sẵn có. Tạo môi trường thích hợp rất tốn kém, đôi khi không thực hiện được. Rất may, Huế có cái môi trường trầm mặc ru người vào suy tư và sáng tạo. Thử hỏi có cái không khí thiên nhiên nào thích hợp hơn Huế cho những hoạt động trí tuệ như toán học và tin học không? Vì lẽ đó, xin đề nghị thiết lập tại Huế:

1. Viện Toán học (Institute of Mathematics)

2. Viện Tin học (Institute of Informatics).

Môi trường Huế không chỉ thích hợp cho hai hoạt động vừa kể mà những hoạt động văn học nghệ thuật cũng tìm được nơi Huế miền đất để nẩy nở. Phải biến Huế thành chốn đô hội, ở đó văn nhân nghệ sĩ sinh sống và sáng tạo. Huế sẽ là thánh địa cho cả nước hành hương đi tìm chân thiện mỹ trong âm nhạc, hội họa, kịch nghệ, phim ảnh, triết học... Huế sẽ là thiên đường cho những cuộc giải trí thanh tao, thi vị, nơi để cho những nhà kinh doanh, chính trị mệt nhọc vì những toan tính, mưu đồ... thư giãn, nơi trai thanh gái lịch tìm lại những tình cảm đẹp đã bị đánh mất ở những thành phố xô bồ, ô trọc. Để làm cho những ước mơ trên thành hiện thực xin xây thêm cho Huế những cơ sở sau:

1. Trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ
2. Trường Cao đẳng Mỹ thuật và Kiến trúc
3. Phim trường (film studio)
4. Hí viện (theatre)
5. Hội trường (convention center)
6. Khuyến khích tư nhân mua du thuyền (cruise boat) cho hoạt động trên sông Hương; mở khách sạn...
7. Sửa chữa sân đua xe đạp lòng chảo (velodrome).
8. Nâng cấp nhà máy lọc nước Vạn Niên
9. Mở rộng thư viện
10. Tiếp tục trùng tu đền đài lăng tẩm

Huế, thành phố văn học, sẽ rộn rịp với tao nhân mặc khách, văn nghệ sĩ, giáo sư, sinh viên, sinh hoạt và giải trí một cách tao nhã trên bộ dưới sông qua các cuộc du thuyền,

thăm thắng cảnh, thưởng thức hòa nhạc, dự các lễ cổ truyền lớn, xem triển lãm tranh, và trình diễn thời trang, kịch nhạc vũ. Và những buổi ra mắt phim mới. Huế sẽ là thành Vienne của Á Quốc.

Hai đại công tác xây dựng: Hạ Tầng Cơ Sở và Trung Tâm Văn Hóa và Du Lịch là những công tác ưu tiên để thực hiện công cuộc phát triển đồng bộ miền Trung. Lẽ dĩ nhiên các công tác thứ cấp cũng cần phải được quan tâm: chẳng hạn như hệ thống cống rãnh, nhà máy biến chế nước mưa và nước vệ sinh phế thải v.v.. Các công tác nầy có thể được tạm thời tăng cấp, nếu có sẵn, hay xây dựng giản tiện với ý định sẽ hoàn thiện khi thành phố làm ăn phát đạt.

Các công trình đề nghị, nhất là hạ tầng cơ sở, là những xây dựng không thể né tránh nếu muốn phát triển Huế. Trong thời kỳ xây dựng, tiền đầu tư đổ vào Huế và lợi tức của người dân phát sinh từ công việc xây dựng sẽ làm gia tăng nguồn tài chánh của thành phố. Tiếp đó, Huế sẽ tạo công ăn việc làm cho văn nghệ sĩ và là nơi cho phép con em phát huy khả năng trí tuệ để phục vụ xứ sở trong những dịch vụ tối cần thiết cho bất cứ quốc gia nào muốn vươn lên trong tân thiên niên kỷ: điện toán.

Toàn bộ đề nghị nhắm mưu cầu sự an sinh và phúc lợi cho người dân miền Trung nói chung và Huế nói riêng.

* Phương Pháp Tài Trợ Dự Án Phát Triển Huế

Ngân sách dự án phát triển Huế không thuộc ngân sách thường niên của thành phố. Cần phải thiết lập một quỹ riêng xin tạm gọi là "Quỹ Phát Triển Miền Trung" (QPTMT). Phần lớn của QPTMT sẽ do ngân sách của Kế Hoạch Phát Triển Quốc Gia đài thọ. Muốn chóng thực hiện công cuộc phát triển miền Trung, cần phải tìm thêm nguồn tài trợ. Đây là trách nhiệm của thành phố Huế, đóng vai trò lãnh đạo các tỉnh miền Trung, phải nỗ lực tìm sáng kiến. Sáng kiến có thể hay và thực tế, tuy nhiên, một khi đi tìm nguồn tài trợ từ lãnh vực tư, có một điều kiện tiên quyết cần sớm thực hiện là tạo niềm tin nơi giới đầu tư. Việc tạo niềm tin phải được bảo đảm bởi luật lệ phân minh, thủ tục kế toán và kiểm soát, cũng như thủ tục đấu thầu phải theo tiêu chuẩn quốc tế.

Thành phố có thể phát hành trái phiếu có bảo chứng với sự giúp sức của một cơ sở tài chánh quốc tế có uy tín đứng ra điều hành. Trái phiếu được bán ra ở trong và ngoài nước. Cách vận động tài chánh có quy củ nầy sẽ giúp thành phố tranh thủ được các định chế tài chánh thế giới như World Bank, Asia Development Bank, International Monetary Fund cho vay tiền hay tài viện. Một khi làm được những việc nầy thì sự kêu gọi các quốc gia bạn và những tổ chức chuyên môn tư tiếp tay về tài chánh và chuyên môn cũng không mấy khó khăn. Nhận định rằng thành phố chưa đủ nhân lực chuyên môn, chưa nắm vững kỹ thuật xây dựng dự án, thiết tưởng sự kêu gọi viện trợ kỹ thuật của nước ngoài là điều cần thiết.

Làm thế nào để truyền đạt thông điệp của thành phố một cách có hiệu quả đến mọi tầng lớp dân chúng và đến các nước có khả năng giúp đỡ là chuyện quan trọng. Theo thiển ý, thành phố Huế phải cố gắng vận động những người có uy tín trong và ngoài nước tham gia một hội tạm đặt tên là Hội Bạn Miền Trung có nhiệm vụ quảng bá Kế Hoạch Phát Triển Miền Trung, tuyển mộ chuyên viên và kêu gọi đóng góp tài chánh từ mọi phía.

* Kết Luận

Mục đích của Kế Hoạch Phát Triển Miền Trung (KHPTMT) là biến một miền nghèo khó thành phồn thịnh tương hợp với dân tình, địa thế, di sản, và truyền thống. Trên bình diện chỉnh trang lãnh thổ, KHPTMT có rất nhiều cơ may thành công vì nó quy tụ được những yếu tố phát triển tương hợp với bối cảnh thiên nhiên. Về phương diện tài chánh, KHPTMT cũng được xây dựng trên một nền tảng vững chãi đúng theo các thủ tục tài chánh quốc tế. KHPTMT, nếu thực hiện, sẽ tạo tiền lệ cho các công cuộc phát triển khác. Nói tóm, KHPTMT là một kế hoạch khả thi.

■ *Vân Phố Hoàng Đống*

Quê Hương Ngàn Dặm

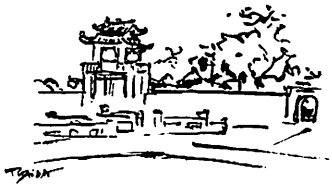

Huy Phương

Chúng ta mỗi người xa Huế hay bỏ Huế ra đi một cách, phần đông là theo con đường học vấn hay hoạn lộ, vào Saigon hay ra ngoại quốc, đẩy đưa theo công ăn việc làm. Cũng có người vì hoàn cảnh chiến tranh, đưa tới những vùng chiến thuật xa xôi, dần dà đi xa Huế. Phần đông tất cả đều tùy hoàn cảnh sinh cơ lập nghiệp, thì thôi chỗ nào cũng là quê hương, ai cũng lấy làm mừng không phải chịu cái cảnh phải quay lại Huế với bão lụt gió mưa. Ai cũng nói thương Huế, nhớ Huế nhưng mấy ai có cái ý muốn được đổi về làm việc hay sinh sống tại Huế. Trên đường lập nghiệp, có người vui duyên mới, phụ tình xưa, còn đâu ngày trở về để tính chuyện trâu đồng nào ăn cỏ đồng nấy.

Trước hết, Huế như một người tình bị phụ bạc. Người ta nói cái xứ đó đi để mà nhớ, chứ không phải ở để mà thương, câu nói đầy vẻ ruồng rẫy hất hủi... Dù đó là một người đàn bà nhan sắc, đức hạnh, tài hoa đến chừng nào, mà phải chịu cảnh hất hủi, phũ phàng như vậy thì chẳng ai chịu mơ ước đổi lấy số phận của nàng. Phải chi nàng là một người đàn bà cục mịch, quê mùa xấu xí cho đành, trái lại nàng cũng thuộc hàng kim chi ngọc diệp, quốc sắc thiên hương... Nhưng nàng cũng mang số phận của nàng Kiều, đã mang lấy nghiệp vào thân. Trời đã có luật bù trừ, hay trời đã ghen cả với nàng... Ttrời đã ban cho nàng một tính tình bất thường, khó chịu... Nàng khóc cười bất chợt, nàng không kềm chế nổi cơn giận giữ hay buồn phiền, khuôn mặt của nàng thay đổi, héo khô hay sũng nước. Không phải không có lúc nào nàng tỏ ra hiền thục, dịu dàng, nhưng những ai đã sống lâu với nàng, nhận ra khoảng khắc ấy thật chẳng có là bao. Rồi bao nhiêu người đã ra đi, mang theo mối tình ngậm ngùi xót xa đối với nàng, thà xa nàng để thương để nhớ, còn hơn là sống bên nàng, và dù trong hoàn cảnh như thế, không ai quên được nàng, vì lấy nhau không đặng, cũng thương hoài ngàn năm. Đó chính là Huế của chúng ta.

Chúng ta đã có bao nhiêu mỹ từ để nói tới tấm lòng thương nhớ đó: *Huế Sống Mãi Trong Chúng Ta - Thương Về Xứ Huế - Nhớ Huế*.. nhưng có ai chịu dừng bước giang hồ, gói gọn hành trang tìm về quê cũ, chốn quê hương đẹp hơn cả, để sống cho trọn mối tình đối với Huế.

Những người đã sống chết với Huế trong bao nhiêu năm nay, chịu bao nhiêu cảnh trái ngang khổ đau với Huế nghĩ sao về những người đã rời xa Huế. Họ cho rằng đó là những người may mắn hơn họ. Không ai muốn sống đời với Huế, chẳng qua là số phận đã trói buộc con người với mảnh đất quê hương. Người Huế ở Saigon về Huế đã khác xa người vốn ở Huế, người ở ngoại quốc về Huế lại càng khác xa hơn. Người ở lại Huế thèm số phận của những người đã bỏ Huế ra đi, người ra đi vẫn thấy có chút xót xa tội nghiệp cho những người ở lại. Có cái gì cách biệt pha chút đau đớn cho người ở lại với kẻ ra đi như thế. Huế với cảnh nắng giải mưa dầu, Huế với cảnh bão tố lụt lội, Huế với cảnh hạn hán thiên tai, Huế với cảnh chiến tranh loạn lạc. Kể làm sao cho xiết những nỗi tai ương hiểm họa từ trời đất giáng xuống, từ con người tạo nên cho thân phận của Huế. Tuy vậy ở đâu cũng có những con người suốt đời chôn chặt cuộc đời trên mảnh đất cha ông. Những thế hệ trước chúng ta, họ đã sống và chết với Huế như bao nhiêu thế hệ nông dân ngày trước đã sinh ra, lớn lên và chết dưới cùng một mái nhà với nhau. Cha tôi ngày trước, khi

nghe tin tôi sau khi ra trường muốn được đi làm và sinh sống tại một tỉnh khác, ông đã yên lặng thở dài và buồn phiền không ít. Điều ông thất vọng nhất về những đứa con là chúng không muốn sống quanh quẩn bên ông. Quả như thế, lúc ông nằm xuống một ngày mà hoàn cảnh khá đen tối sau năm một nghìn chín trăm bảy mươi lăm, chỉ có một người con duy nhất bên cạnh ông. Tôi vẫn thường nghĩ, đứa con thường mỗi đêm thắp nén hương trên bàn thờ tổ tiên hay thường có cơ hội thăm viếng mồ mả cha ông, chính là đứa con thiếu may mắn nhất của mỗi gia đình. Đó chính là đứa con ở lại.

Gia đình nào trong những ngày giỗ tết thường chịu cảnh quạnh hiu lại thường là những gia đình có con cái ăn nên làm ra, hầu hết đều tha phương tứ xứ. Ngày xưa là ở tại các tỉnh miền Nam, bây giờ là tản mác trên khắp thế giới. Và hẩm hiu thay vẫn là những người ở lại, suốt đời nhiều khi không có được một bữa cơm ngon, và mỗi khi mùa màng thất bát, thiên tai đe dọa triền miên, không hạn hán mất mùa thì bão lụt giá rét.

Ngày xưa thuở mới lớn, những ngày nghỉ học, lũ học trò chúng tôi vẫn đi lại quanh quẩn trong cái thế giới nhỏ hẹp của Huế ở hai con phố chính: Trần Hưng Đạo và Gia Long (ngã giữa), thơ thẩn la cà vào các nhà sách Ưng Hạ, Tân Hoa, Lê Thành Tuân, Bình Minh... lật xem những trang sách báo mang từ Saigon ra, nghĩ tới cái hình ảnh rộn ràng tấp nập của kinh đô miền Nam nắng ấm, hay mê xem các cuốn phim ngoại quốc trên những chiếc băng hạng chót của rạp Tân Tân để mơ ước tới cái thế giới xa xôi. Đêm về, trong sự yên tĩnh của Huế, nghe vọng lại tiếng còi tàu kêu lời từ giã ra đi trên sân ga, tôi vẫn thầm mong có một ngày mình được xa Huế, và những năm sau đó lớn lên, tôi đã được toại nguyện. Số phận những ngày sau đó lại đẩy tôi đi những bước xa hơn, những bước xa mà tôi không hề mơ ước... Quả là một sự bội bạc ruồng rẫy của một đứa con xứ Huế, mặc dù tấm lòng lúc nào cũng nghĩ đến Huế nhưng lại mong muốn bỏ Huế ra đi.

Thế mà sao bây giờ đến lúc xế chiều người ta lại muốn trở về Huế một ngày như một tín đồ hành hương về thánh địa. Tôi không phải là một đứa trẻ mù muốn mở mắt để nhìn lại khuôn mặt mẹ, những gì của Huế hãy còn in đậm nét trong tôi, có điều bây giờ chắc những điều ấy đã khác xa trong thực tế nhiều vì sự vật đã biến dâu, thời gian đã thay đổi, hay chính tại chủ quan của tâm hồn mình. Không, tôi hy vọng là mọi sự vẫn còn y như thuở ban sơ: cái mát lạnh của hơi đồng trên những khẩu thần công buổi trưa hè, tiếng ve mùa hạ và hương thơm dịu dàng của những đóa sen trong hồ Tịnh, mùi vị của sông Hương và hình ảnh những nhịp cầu Trường Tiền bạc sáng ướt đẫm ánh trăng. Còn bao nhiêu điều nữa thiết tha về quê hương ngày trước, những điều đã gây nhiều ấn tượng sâu đậm trong tâm hồn những người đã sinh ra và lớn lên ở Huế?

Về để tìm lại hương thơm trong chén trà ướp mộc của ông nội, về để tìm lại những thổn thức bên hòn non bộ xanh rêu có hai ông tiên đang dở cuộc cờ, về để nghe tiếng con mèo gừ gừ quanh quẩn bên mẹ bên mâm cơm chiều, về để tìm lại hơi nóng trong hai chiếc túi đựng đầy bắp rang những ngày nghỉ học vừa mưa vừa lạnh... Nhưng những rung động của một thuở nào xa xưa phải chăng không còn nguyên vẹn ở trong chúng ta. Những cung điện đền đài, những hào sâu, những cổng thành, những hồ sen, những con đường, ngày xưa là cả một cái gì to lớn, vĩ đại trước mắt, bây giờ trở lại với quê hương nhỏ bé ấy, lòng chúng ta còn giữ được cái nhìn và tấm lòng như ngày trước không không? Những con đường ngày xưa có lẽ vẫn còn đó, mùa hè hoa phượng vẫn vô tư nở và tàn lặng lẽ như những mối tình thuở học trò, tiếng ve vẫn rộn ràng khi cơn gió hạ tới âm vang trong những khu vườn xanh mướt u tịch... Chiếc cầu, con sông, ánh trăng có lẽ cũng chẳng có gì thay đổi. Sông núi dễ chừng không mấy đổi thay, vật thể suy tàn theo thời gian dâu biển, nhưng còn những con người, những con người của một thuở nào xa xưa nay còn hay mất. Những

cố nhân ... *"Nhân diện bất tri hà xứ khứ, đào hoa y cựu tiếu đông phong"*, hay ngậm ngùi hơn: *"Những người muôn năm cũ, hồn ở đâu bây giờ."*

Trở về chốn xưa.. Đã bao nhiêu lời thơ, ý nhạc gởi gắm trọn cho tấm lòng đau xót của người đã ra đi, tiếc nuối và mơ ước có một ngày trở lại. Như người ra đi hẹn một ngày về, như người xa quê vẫn muốn gởi gắm tấm lòng để hỏi câu "Ai về xứ Huế.."

Huyền Trân ngày xưa nước non ngàn dặm ra đi, nặng bên tình bên nước. Nàng sẽ không bao giờ trở về nếu định mệnh không đưa đẩy nàng lên dàn hỏa để cùng về bên kia thế giới với Chế Mân, khiến Vua Cha phải gởi Trần Khắc Chung sang để tìm cách cứu nàng. Huyền Trân ra đi từ lúc còn đương độ xuân thì, má hồng da tuyết, ra đi để đền nợ Ô Ly. Chúng ta bỏ Huế từ tuổi đôi mươi, vì định mệnh, vì số phận nổi trôi, hay.. vì món nợ cơm áo, đường trần còn mơ khanh mơ tướng, phút chốc ngoảnh lại tóc đã điểm sương mà quê hương đã ngàn dặm xa, lòng sao khỏi ngậm ngùi thương nhớ.

Trên quả đất này, ai cũng có một quê hương, nhưng chúng ta là những người có quê hương là Huế sao vẫn thường có những nỗi băn khoăn ray rứt không bao giờ phai nhạt. Phải chăng những mối tình buồn bao giờ cũng để lại nhiều ấn tượng sâu xa hơn là những mối tình trọn vẹn. Huế oan khiên, Huế bất hạnh.. nhưng Huế quả đã để lại trong lòng chúng ta những nỗi nhớ khôn nguôi.

■ ***Huy Phương***

HUẾ VẪN TRONG TÔI

Đêm sầu nghe gió thở than,
Âm vang xứ Huế mênh mang là buồn!
Từ khi giã biệt quê hương,
Trái tim rướm máu lòng vương cuối trời
Huế xưa vẫn ở tim tôi,
Cái thương, nỗi nhớ, rối bời bên tai!
Canh khuya nghe tóc thở dài!
Nghe vai thổn thức, nghe tay hững hờ!
Nghe lòng nhớ Huế vô bờ!
Nhớ sông Hương với nón bài thơ trữ tình,
Nhớ Đông Ba, núi Ngự Bình!
Ai than, ai thở, cho mình nhớ thương!
Đồng Khánh, Quốc Học mây vương,
Cùng thôn Vĩ Dạ nhớ thương tuổi buồn,
Tám năm (a) giấc mộng Nghê thường,
Bỏ quên năm tháng trên đường lưu vong!
Trường Tiền mấy nhịp qua sông,
Nữ sinh Đồng Khánh thong dong lối về,
Hồn tôi nửa ở bên ni
Nửa sang bên nớ sầu bi ngút trời!
Cuộc đời đã phải chia đôi.
Bên ni, bên Huế, rối bời tháng năm.
Đêm sâu nghe gió thì thầm,
Huế đô tang tóc, thăng trầm khổ đau!
Lòng nghe tim bỗng chao dao!
Huế thương, Huế nhớ! Đớn đau cõi lòng
Sông Hương! Ôi một giòng sông,
Đông Ba phố chợ, ngóng trông đêm ngày.
Vần thơ nặng trĩu đôi vai,
Huế ơi! ta khóc những ngày lưu vong!!

Santa Ana, CA
TRƯƠNG NHƯ TRẤN

Ghi chú:
(a) Tám năm ở đất Mỹ
- tù cải tạo đi HO 11

HUẾ, MẤY NĂM TIỀN CHIẾN

Tôn Thất Đệ

Trong những năm chiến loạn, nhiều người nhắc đến thời tiền chiến một cách nuối tiếc, như đó là một thời kỳ thanh bình thịnh trị vàng son. Thật ra, tình trạng nước nhà kể cả đất đế đô trước khi bắt đầu cuộc chiến tranh Việt Pháp không lấy gì làm khả quan cho lắm. Tuy nhiên phải công nhận rằng từ năm ba mươi chín đến bốn mươi lăm, trong khi "can qua xứ xứ khởi đáo binh" thì toàn cõi Đông Dương trong đó có thành phố Huế đã sống trong "nền hòa bình Pháp" (La paix Françaises). Sở dĩ được như vậy là vì ở bên trời Âu, "Đại Pháp" đã đầu hàng Đức Quốc Xã sau một cuộc chống trả gượng gạo. Pháp đã trao trọn miền Bắc cho Đức quản chế trong khi chính phủ Vichy của Thống chế Pétain cai trị dưới con mắt cú vọ của Đế Quốc Nhật Nhĩ Man. Còn ở biên giới Đông Dương sau một trận giao phong ngắn ngủi, chính quyền thuộc địa chịu cho quân đội Thiên Hoàng mượn đường để tiếp tục chinh phục Đông Nam Á và đồng thời đài thọ chiến phí cho họ. Toàn quyền Cartroux rút lui trao cho Đề Đốc Decoux trách nhiệm ở lại giao hảo với người Nhật. Việt Nam lúc đó tuy vẫn chịu ảnh hưởng trầm trọng về kinh tế do thế chiến gây ra nhưng khỏi phải "dấy động can qua". Như trong quyển hồi ký *"Lèo lái con thuyền Đông dương"* (A la barre de l'Indochine) của Toàn quyền Decoux ghi lại tình hình Đông Pháp lúc đó ổn định đến độ người ta có thể di chuyển từ Bắc vào Nam mà không gặp một sự trở ngại nào! Nhìn lại Huế mấy năm gọi là "tiền chiến" đó, ta thấy có ba cộng đồng sống song hành nhưng với cảm quan và hành sử khác nhau.

- **Thái độ của chính quyền Pháp.**

Chính phủ Pháp nhờ chịu lép vế với Nhật nên vẫn tiếp tục nắm quyền cai trị dân bản xứ. Cái thành trì quyền bính của họ phần lớn nằm ở hữu ngạn sông Hương. Với tòa Khâm Sứ đồ sộ nằm cạnh cầu Tràng Tiền đối diện với chợ Đông Ba, tòa Công sứ ở gần ga sát cạnh Viện Dân Biểu Trung Kỳ và khu hội chợ Huế, họ nắm trọn quyền cai quản Trung Kỳ và đô thị Huế. Đồn Khố Đỏ De Courcy, xéo góc khách sạn Morin ở đồn Mang Cá ở cửa Trài là hậu thuẫn quân sự của chính quyền thuộc địa. Ngoài ra còn có hai đồn binh Khố xanh, một gần tòa Khâm, một trước mặt tòa Công phụ lực cho công việc an ninh, bố phòng.

Các "ông Tây, bà Đầm" chỉ trừ một số ít đau lòng vì nước Pháp thất trận và tủi nhục vì sự hiện diện của người Nhật đang lén lút tìm cách liên kết với đồng minh Anh Mỹ, đa số vẫn ăn chơi phè phỡn ở khách sạn Morin hoặc Câu lạc bộ Thể thao và vẫn nhìn người bản xứ với cặp mắt khinh khi, kỳ thị.

Để che dấu tình trạng vong quốc và để đánh lạc hướng của dân chúng chú trọng về thời cuộc, họ cực lực đề cao chủ trương hòa

giải của Thống chế Pétain. Họ chối bỏ nền Cộng Hòa Pháp (Republique Françaises) với chủ trương Tự do (Liberté), Bình đẳng (Egalité), Bác ái (Fraternité) và chấp nhận Quốc gia Pháp (Etat) với khẩu hiệu: Cần lao (Travail), Gia đình (Famille), Tổ quốc (Patrie). Để lấy lòng dân chúng địa phương và người Nhật, họ thêm hai chữ "Trung hiếu" lên đầu để hợp với luân lý Á đông. Họ hô hào "Pháp Việt Phục Hưng" và rêu rao: "Đại Pháp khắng khít với hòa bình như dân quê với đất ruộng". Muốn dập tắt tinh thần Quốc gia bồng bột do người Nhật khuấy động, họ khởi xướng phong trào Ducoroy, tập hợp học sinh trong tổ chức "Thanh niên Đế Quốc Pháp" (Jeunesse de l'Empire Française). Họ gởi giới trẻ đi huấn luyện thể thao, thể dục ở Phan Thiết và tổ chức cuộc đua xe đạp vòng quanh Đông Dương.

Để đối phó với tình trạng bất ổn có thể xẩy ra vì chủ trương "Châu Á của người Châu Á", chính quyền Pháp tìm cách bắt bớ, giam cầm những ai mà họ cho là có hành động khả nghi.

Những người có thành tích chống đối hoặc có tên trong sổ đen của sở Mật thám đều bị đưa đến các trại tù Lao Bảo, Ban Mê Thuộc. Kẻ nào có thái độ mà nhà chức trách tình nghi là "phá rối trị an" sẽ đưa đi an trí tại vùng nước độc ở Nam Đông và Phèn. Ai có hành vi tuy vô hại nhưng khác thường như ở nhà không làm việc gì, chuyên chú học chữ Hán hoặc trước đây có đi nghe ông Goddard của Mặt trận bình dân Pháp diễn thuyết đều bị quản thúc tại một huyện lỵ xa nhà. Sự kiểm soát của người Pháp chặt chẽ đến nỗi vài ba người bạn rủ nhau đi chơi núi Ngự Bình cũng bị tình nghi, theo dõi. Họ chặt chẽ kiểm duyệt báo chí, ấn phẩm và thư tín. Một câu chuyện hài hước được lưu truyền lúc bấy giờ là hai người bạn viết thư cho nhau có câu "mình cứ ăn no, ngủ kỹ không nghĩ đến ai" mà cũng bị điều tra, hạch hỏi. Đâu đâu, người ta cũng thấy bóng dáng của mật thám, mã tà kín. Thậm chí đến đám tang của Chí sĩ Phan Bội Châu mà cũng chỉ tiến hành trong bầu không khí trầm lặng với sự hiện diện của một số nhỏ đồng chí thân thiết chứ không gây được một sự náo động nào trong dân chúng.

- **Hành động của Quân phiệt Nhật.**

Ở Thuận Hóa, quân đội Nhật Bản chỉ chiếm đóng trong khuôn vi trường Hồ Đắc Hàm, một tư thục đã đóng cửa nằm cạnh Đông dương Ngân hàng theo chéo góc với Câu lạc bộ Thể thao và Tòa Công chánh Huế. Cơ quan đầu não của quân đội Thiên Hoàng là Hiến binh hay Kimpetai vừa phụ trách về kỷ luật vừa có nhiệm vụ phản gián, tương truyền chỉ huy bởi Đảng Hắc long. Sự hiện diện của binh sĩ Phù tang gây một ấn tượng sâu sắc với dân chúng đất thần kinh. Với quân phục gọn ghẽ, đầu đội mũ lưỡi trai che khuất cặp mắt luôn luôn dọ hỏi, hai tay cầm lăm lăm khẩu súng trường có gắn lưỡi lê trong tư thế sẵn sàng chiến đấu làm tăng vẻ oai dũng của một quân lực đang chủ động khắp các chiến trường Á châu.

Với chiêu bài Đại Đông Á, họ làm cho một số người bị mê hoặc. Họ tuyên truyền sẽ dành lại châu Á cho người da vàng. Họ rỉ tai là người Việt và người Nhật có những "tứ đồng". Nào là "đồng châu" vì cùng là Á châu, "đồng chủng" đều là da vàng, "đồng văn" chung dùng chữ Hán và "đồng đạo", đa số theo đạo Phật. Một bài hát mà họ thường lải nhải là: *"Ta là người sinh trong cõi đất Á tế Á, sống hằng ngày dưới ách quân Âu..."*

Người ta rủ nhau đi học tiếng Nhật, nhất là sau khi xem những quảng cáo về sự phát triển kỹ thuật vượt mức và những chiến thắng huy hoàng của Đế quốc Nippon tại phòng triển lãm làm gần cầu Trường Tiền. Ngoài ra cảnh núi Phú Sĩ với đỉnh tuyết trắng xóa và cái cờ mặt trời mọc đỏ ối cũng dễ làm rung động cái tâm hồn mẫn cảm của dân chúng đế đô! Bên cạnh phòng triển lãm có tiệm bán thuốc Nhật tên là DAINAN KAOSI (Đại Nam công ty) bán những thứ thuốc như Jintan trị bá chứng hoặc CHINOMOTO, bổ huyết v.v... cũng quyến rũ được một số người mình thường hay đau yếu và thiếu máu vì ăn uống không đầy

đủ. Người ta đồn đãi rằng Đại Nam công ty chẳng qua là một cơ sở điệp báo của quân đội Phù tang. Sự xuất hiện của tám chữ Hán "Quốc gia chí thượng, Dân tộc chí thượng" bằng mực đen trên nền vôi trắng tại trạm biến điện ở đầu cầu Tràng Tiền cạnh sân quần vợt của hội SEPH vào thời đó không biết có do bàn tay điệp báo của DAINAN KAOSI tô điểm hay không?

Có nhiều huyền thoại về Hoàng quân Nhật tốt có, xấu có làm cho đa số dân chúng nhìn quân đội Thiên hoàng với đôi mắt vừa kính phục vừa kinh sợ. Thiên hạ đồn rằng có một viên sĩ quan Nhật đi một mình bị một toán người Pháp tập kích. Vị sĩ quan nọ bèn chống cây kiếm xuống đất rồi nói lẩm bẩm vào đồng hồ đeo tay thì năm phút sau có một đoàn quân xa chở lính Nhật đến giải cứu cho ông ta. Lại có một chuyện người bán lúa cho quân đội Nhật nhưng vì trong lúa có pha lẫn sạn làm cho con ngựa của họ ăn xong thì lăn đùng ra chết. Người Nhật liền bắt người buôn kia bỏ vào bụng con ngựa chết rồi may lại!

Đạo Cao Đài lúc đó vừa phát triển mạnh vì ngoài chúa Giê su, Phật Thích ca, Victor Hugo... họ lại thờ cả Kỳ ngoại Hầu Cường Để hiện đang lưu vong tại Nhật. Có tin là trong tương lai, sau khi lật đổ người Pháp, người Nhật sẽ đưa vị hoàng thân này lên ngôi Hoàng đế thay thế cho vua Bảo Đại.

- **Đời sống của dân chúng Việt Nam.**

Dân Huế lúc bấy giờ ngoài sự đè nén dày đinh săng đá và chà đạp của gót ủng phù tang lại còn sống dưới sự cai trị của chính phủ Nam triều. Cũng may là cái chính quyền mà các cơ quan nằm gọn trong thành nội Huế ở tả ngạn sông Hương giang lại chỉ có tính cách tượng trưng chứ không có thực quyền. Người cầm đầu là vua Bảo Đại chỉ có quyền "sắc phong cho những người chết và cúng tế những thánh thần". Dù vị Hoàng đế này có muốn cọ quậy cũng không được vì người Pháp đã đặt một viên Đại úy bên cạnh lấy tiếng là để "hộ giá" nhưng thật ra là để theo dõi hành động của ông ta. Ngoài việc đi săn bắn, đánh cù, lái máy bay và trượt nước nhà vua cũng chẳng biết gì hơn. Thỉnh thoảng người ta thấy bóng dáng "ngài ngự" xuất hiện đầu đội khăn vàng, mình mặc hoàng bào ở khán đài sân vận động trong các buổi trình diễn thể thao, thể dục hoặc ngồi trầm ngâm trong kiệu ngọc lộ trên đường đi tế Nam Giao. Về phần lục bộ, thì không những bộ Binh bị bãi bỏ từ lâu và thay thế bằng bộ Học mà bộ Công cũng vừa bị dẹp vừa thay thế bằng bộ Kinh tế. Bộ này ra đời thật đúng lúc vì đời sống dân chúng lúc đó đã bắt đầu chật vật. Người ta thường nhắc lại câu sấm của Trạng Trình:

"Người ngốc mà lên làm vua
Dân gian được mùa mà khó làm ăn"

Mà theo Hán tự chữ Bảo là do chữ Nhân có nghĩa là người và chữ Ngài là si đần ghép lại.

Vì chiến tranh, hàng hóa nhập cảng bị đình trệ nên các nhu yếu phẩm đều bị khan hiếm. Vì thiếu dầu hỏa, người ta phải thắp đèn bằng dầu rái hay dầu phụng. Ngọn đèn tim bấc lờ mờ cộng với lệnh che phủ ánh sáng để đề phòng phi cơ Anh Mỹ tìm đường đến oanh tạc làm cho thành phố Huế nhiều đêm trở nên tối tăm ảm đạm. Cũng may nhờ thế mà lần đầu tiên nhà đèn chịu cung cấp điện lực cho các vùng phụ cận An Cựu, Bao Vinh. Do dầu săng không đủ dùng, người ta phải đốt than tạo sức ép cho các máy nổ xe ô tô. Tuy nhiên, những xe dùng năng lực gọi là "gazogène" này di chuyển rất chậm chạp và yếu nhất là khi phải bò lên dốc. Mỗi buổi sáng các chú lơ xe đò phải dậy thật sớm để quạt đỏ các lò than gắn đằng sau xe, mắt mũi nhem nhuốc thật tội nghiệp.

Giấy trắng nhập cảng cũng hiếm hoi không kém nên người ta phải dùng giấy cũ chế hóa lại nhưng vì không thể tẩy sạch các vết mực cũ nên phải nhuộm màu để che lấp đi. Các tập vở học trò thời ấy lòe loẹt đủ màu không khác gì giấy bánh in ngũ sắc.

Hai chữ "Ngọ Môn" bằng vàng khối trên cửa chính ngọ bỗng một sáng không cánh mà biến mất không biết là người Nhật vì cần quý kim để tiêu dùng vào chiến tranh nên mượn tạm hay người Pháp vì sợ người Nhật phỗng tay trên nên đã nhanh tay cất dấu đi. Dù sao số vàng đó không bao giờ lai hoàn cho chủ cũ và người ta phải thay thế hai chữ Ngọ Môn bằng đồng lá.

Ngoài ra, vì Đông dương Ngân hàng phải in thêm giấy bạc năm trăm để cung ứng cho nhu cầu của quân Nhật sinh ra lạm phá khiến cho vật giá cứ tăng lên vùn vụt. Các công chức vì chỉ lãnh một số lương cố định nên đời sống trở nên chật vật. Tuy nhiên họ được chính phủ phân phát những thẻ tiếp tế (carte de ravitaillement) để mua gạo, vải, đường v.v.. với giá rẻ nên cũng đủ tạm sống qua ngày. Duy các nông dân thì giờ đây đời sống được thoải mái nhờ giá gạo lên cao. Họ đua nhau đi chuộc lại các thửa ruộng mà ông cha họ đã cầm cố ngày trước. Riêng các thương gia được lời nhiều nhờ giá cả gia tăng nên việc buôn bán rất phát đạt. Một ví dụ điển hình là có một thương gia vì tính sai nên đặt hàng quá số lượng. Về sau ông ta trở lên giầu sụ vì được lời gấp bội nhờ số hàng đặt trội trước kia. Còn đa số dân chúng thì đời sống rất khó khăn chật vật, thiếu thốn đủ mọi điều. Họ không đủ gạo để ăn và thiếu vải để mặc. Có người bèn lấy đệm buồm để làm quần áo nhưng chính quyền lại cấm đoán vì sợ mất thể diện. Khổ nhất là dân chài lưới. Người ta chỉ cần ăn no nên chỉ coi trọng lúa gạo còn cá tôm lại bị mất giá phải bán rất rẻ. Thảm cảnh thiếu ăn xuất hiện và có một số người đã phải mạng vong vì đói khát. Đó đây vang lên âm điệu não nuột của khúc nhạc "Buồn tàn thu".

Trước tình trạng đó, ai cũng mong có một sự đổi thay để cải thiện tình hình. Họ tìm mọi triệu chứng báo hiệu một ngày mai tươi sáng. Có người nhắc đến hai câu kết trong bài thơ "khóc chồng" của cụ Phan Bội Châu:

"Bao giờ duyên mới thay duyên cũ
Thuận cả đôi bên tát biển đông"

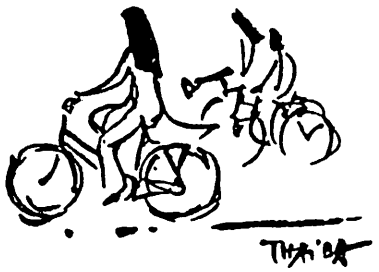

Rồi bàn luận rằng Phan tiên sinh ám chỉ rằng người Nhật sẽ thay thế người Pháp để cùng người Việt Nam xây dựng tương lai cho vùng Đông Nam Á. Họ không nghĩ rằng cụ Phan, một nhà cách mạng chân chính đời nào lại muốn cảnh "dịch chủ, hoán nô". Lúc ấy không biết từ đâu lại có một loài chim cứ sáng sáng lại kêu liên hồi bốn chữ "cúc cù cúc cục" làm cho dân quê dựa vào hoàn cảnh đói kém đương thời mà đoán rằng đó là lời kêu cứu: "Cơm còn cho cục". Các nhà trí thức có tinh thần quốc gia lại giải đoán là điềm "Nam triều khôi phục". Cũng vào thời đó người ta rỉ tai nhau một câu sấm truyền không biết của ai:

"Bao giờ lúa mọc trên chì
Voi đi trên giấy, Tây thì về Tây"

Số là vì Ngân hàng Đông dương đang thu hồi các tiền tệ bằng bạc thật và phát hành tiền mười xu (còn gọi là một cắc hay một hào) hoặc bằng chì một bên có khắc một nhánh lúa hoặc bằng giấy một mặt có in hình con voi màu đỏ ứng với hai câu lục bát trên kia.

Câu sấm này về sau ứng nghiệm thật. Đêm mồng chín tháng ba năm một ngàn chín trăm bốn mươi lăm tức Ất dậu, người Nhật đảo chánh người Pháp kết thúc nền đô hộ một trăm năm. Tiếp theo Việt minh cướp chính quyền khởi đầu cho cuộc chinh chiến liên miên đến năm bảy mươi lăm mới chấm dứt.

■ ***Tôn Thất Đệ***

TIẾNG VIỆT, MỘT THỜI...

Hoàng Liên

Sau mấy tiếng trống vang dội, tất cả học sinh lũ lượt kéo nhau đứng xếp ngay ngắn trong nhà chơi rộng thênh thang của trường trung học Khải Định, đợi giờ vào lớp. Chúng tôi tập họp ở ngoài cùng, bên trái, gần sát bãi cỏ, về phía cổng sau của nhà trường. Nhìn đi nhìn lại, chỉ thấy có sáu mống, còn ít hơn mấy năm về trước.

Lòng chúng tôi rộn ràng, xao xuyến. Ngày khai giảng nào mà không khuấy động lên những nỗi xúc động bồi hồi, khi "tủ mới đánh và lòng trai thơm ngát", như lời thơ của một bậc đàn anh, cũng thường đứng ở gốc cây này. Dáng người thấp, nước da ngăm ngăm đen, trong chiếc áo vét xám nhạt, anh hay trầm ngâm ngắm hàng cây phi lao trồng dọc theo con đường chạy ngang qua cái cổng sau. Có phải anh đang lắng nghe tiếng gió tỉ tê trong cành lá để rồi thì thầm với người sắp chìm vào giấc ngủ. *"Ru em sẵn tiếng thùy dương mấy bờ"?* Hơn thế nữa, lòng chúng tôi rạo rực vì đang bước vào một niên khóa mới khi nước nhà vừa được độc lập sau 80 năm đô hộ. Chúng tôi đang sống những ngày lịch sử. Nhưng sao chỉ có sáu anh em? Không đủ để lập một đội banh cho lớp mình. Có lẽ là vì vào năm 1945 biến động ấy, sĩ số thi đỗ Tú Tài I không nhiều, mà phần lớn lại chọn môn Toán. Một số khác đã "xếp bút nghiên" để xung vào bộ đội vừa mới thành lập. Vì vậy sáu học sinh lớp Triết lèo tèo được đưa vào một phòng hẹp vốn không phải là một lớp học, mà là nơi dùng để xếp những bản đồ địa lý. Các bản đồ đã được dọn qua thư viện để nhường chỗ cho sáu chiếc bàn dài và một cái bàn lớn của giáo sư.

Chúng tôi vừa mừng vừa lo. Kể từ hôm nay, chúng tôi sẽ học tất cả các môn bằng tiếng Việt. Tiếng Pháp quen thuộc mà chúng tôi đã trau dồi từ mười năm nay, kể từ lớp ba tiểu học, sẽ không còn là chuyển ngữ nữa. Trong cuộc sống hàng ngày, chúng tôi đã có nhiều cơ hội dùng tiếng Pháp, và trong lớp học, chúng tôi buộc phải sử dụng nó. Vì chương trình giáo dục đòi hỏi, chúng tôi đã học khá nhiều sách Pháp, học những môn văn chương, sử địa, toán, lý, hóa và vạn vật bằng tiếng Pháp và làm bài bằng ngoại ngữ ấy. Không khá tiếng Pháp thì không theo đuổi việc học được. Sau một lần thay đổi thể thức thi cử vào cuối thập niên 30, trong kỳ thi Cao đẳng Tiểu học (tức là Trung học đệ nhất cấp sau này): thí sinh phải đạt số điểm tối thiểu về luận văn Pháp, nếu không sẽ bị đánh hỏng; thí sinh phải lọt vào vòng I để trắc nghiệm trình độ Pháp văn rồi mới được thi các môn học khác.

Ngày nay, có lẽ không mấy ai còn nhớ rõ địa vị của Pháp văn trong xã hội Việt Nam thời Pháp thuộc, nhất là ở những thành thị. Dù chính quyền Việt Nam vẫn tồn tại và hoạt động, Pháp văn là một văn tự chính thức được dùng trong các công tư sở do người Pháp điều khiển: tòa Khâm sứ, tòa Đốc Lý Thành Phố, các Sở, Ty Bưu Điện, Ngân Khố, Thương Chánh, Kiểm Lâm, Công An, Cảnh Sát, các trường học... Cho nên tiếng Pháp được sử dụng rộng rãi trong những hoạt động hàng ngày của dân chúng. Lập một hồ sơ xin việc làm, viết một lá đơn khiếu nại, đánh một cái điện tín, và ngay cả đi xem chiếu bóng, đều phải cần đến ngôn ngữ của kẻ thống trị. Nó cần thiết cho những dịch vụ thương mãi, kinh doanh xí nghiệp, ít hay nhiều tùy theo trường hợp. Nó hiện diện khắp nơi, từ tên một con đường, một công viên, một nhà ga xe lửa cho đến những cơ sở làm ăn của người Pháp cũng như Việt hay Hoa. Có khi nó tràn cả đến những nơi không cần thiết: dưới một cây đa bên cạnh một chiếc ghế gỗ và một cái bàn

nhỏ trên đó có bày ra tông-đơ, dao kéo và một tấm gương cũ kỹ, cũng có chữ coiffeur kẻ trên một tấm gỗ đóng vào thân cây...

Trong hoàn cảnh ấy, và vì Pháp ngữ là một lợi khí để tiến thân, người ta chuộng nó và thường tự hào khi có khả năng xử dụng nó. Người giỏi Pháp văn thường được kính nể và trong nhiều phạm vi, tiếng mẹ đẻ trụt xuống hàng thứ yếu. Thật chua xót cho tình trạng một dân tộc bị mất chủ quyền.

Nay nhất đán phải sử dụng tiếng Việt để học và làm bài, chúng tôi không khỏi ngỡ ngàng. Các giáo sư sẽ giảng dạy bằng Việt ngữ và sẽ giúp đỡ chúng tôi. Nhưng những sách giáo khoa viết bằng tiếng Việt thì thiếu vắng hẳn, và những danh từ triết học, toán, lý hoá, vạn vật... có được đầy đủ để phiên dịch những sách giáo khoa khác không? Ngoài ra phải tìm đọc một số tác phẩm viết về những môn học nói trên và nhất là cuốn Danh Từ Khoa Học của giáo sư Hoàng Xuân Hãn.

Vỏn vẹn chỉ có sáu anh em mà cũng có những ý kiến khác nhau. Một vài người nêu lên những khó khăn khi phải học và làm bài bằng tiếng Việt và mong rằng tạm thời vẫn được tiếp tục dùng Pháp ngữ như trong những năm vừa qua. Một số anh em khác lại tin tưởng vào khả năng của Việt ngữ và cho rằng chúng ta chỉ gặp khó khăn trong buổi đầu, vả chăng chúng ta đang chống thực dân Pháp thì không nên dùng tiếng Pháp làm chuyển ngữ. Dù ý thức sâu sắc rằng sự hiểu biết một ngôn ngữ Tây phương là một lợi điểm, họ tự hào rằng Việt ngữ có thể thay thế Pháp ngữ và sẽ trở thành phương tiện diễn đạt vừa chính xác vừa hoa mỹ cho mọi ngành khoa học, văn học, nghệ thuật...

Một điểm khác mà chúng tôi cũng nhận thấy là trong lúc này, chúng tôi chưa có những sách giáo khoa bằng tiếng Việt và phải dùng những sách giáo khoa Pháp.

Chúng tôi đang thảo luận thì giáo sư Nguyễn Huy Bảo bước vào. Dáng người cao lớn, giọng nói sang sảng, thầy đã dạy văn chương Pháp cho chúng tôi ở lớp Première Moderne. Thầy cho biết rằng, trong bước đầu, thật có những trở ngại khi dùng Việt ngữ để giảng giải tâm lý học, luận lý học, siêu hình học... Vả chăng đối với học sinh, sự thu nhập qua tiếng Pháp cũng dễ dàng và thuận tiện hơn khi còn phải dùng những sách giáo khoa Pháp. Thầy tin rằng những khó khăn sẽ được giải quyết trong một thời gian ngắn. Tiếp theo, thầy bắt đầu giảng bài bằng tiếng Pháp. Chúng tôi nghĩ rằng một khi đã hiểu bài học rồi, chúng tôi sẽ cố gắng dịch bài ra tiếng Việt.

Ngoài môn học chính là triết lý ra, những môn học khác như vạn vật, sử địa, công dân đều được giảng bằng tiếng Việt. Thỉnh thoảng giáo sư dùng thêm tiếng Pháp để xác định một vài danh từ mới trong tiếng Việt. Chúng tôi nhanh chóng "làm quen" với chúng và dễ dàng sử dụng chúng. Chỉ trong một thời gian ngắn, chuyển ngữ không còn là một vấn đề đem ra bàn cãi nữa, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn khi phiên dịch những bài triết học.

*

Bao trùm lên những lo âu thắc mắc về học hành, là một không khí nô nức phấn khởi sau khi nước nhà được độc lập, mặc dù vào lúc ấy, theo đuôi quân đội Anh đến Đông Dương để giải giới quân đội Nhật Bản, quân đội Pháp đã bắt đầu xuất hiện tại Sài gòn với những mưu đồ đen tối. Ngồi nghe giảng bài mà lòng chúng tôi xao xuyến mỗi lần nghe một đoàn "giải phóng quân" di chuyển trên đường Lê Lợi và hát vang bài *"Xếp Bút Nghiên"*. Trong tình hình hiện tại, đáng ra chúng tôi phải rời ghế nhà trường để xung vào bộ đội hoặc tham gia những hoạt động bảo vệ và xây dựng đất nước. Và chúng tôi không khỏi vương vấn một mặc cảm tự ty dai dẳng.

Thực ra, tinh thần yêu nước đã được khơi dậy từ những năm trước, khi cuộc Thế chiến thứ hai bùng nổ, Pháp thua trận. Chính quyền Đông Dương được đặt dưới chế độ Pétain. Tại Pháp, Thống chế Pétain chủ trương "cách mạng quốc gia", chống lại chủ nghĩa cá nhân và lấy cần lao, gia đình, tổ quốc làm khẩu hiệu để phục hưng quốc gia. Tại Đông dương, rập theo đường lối của "chính quốc", nhà cầm quyền Pháp cũng hô hào phục hưng. Tình hình ấy tác động đến tinh thần dân chúng Việt Nam. Tuy không thể công khai đòi độc lập, báo chí Việt ngữ, với nhiều hình thức, đã nêu lên những vấn đề liên quan đến tương lai của dân tộc trong những phạm vi

chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa... trong mục đích phục hưng nói trên.

Trước hết, với tạp chí Tri Tân do những văn gia và sử gia chủ trương, một phong trào nghiên cứu lịch sử Việt Nam được dấy lên. Chúng ta quay nhìn về quá khứ, tìm hiểu nguồn gốc của dân tộc, theo dõi lịch trình tiến triển của đất nước, đào sâu vào nền văn hóa cổ truyền. Tự mình đánh giá lại chính mình, chúng ta gạt bỏ mặc cảm tự ty của một dân tộc bị ngoại bang thống trị, tự hào về những công trình xây dựng và bảo vệ tổ quốc của tiền nhân, và do đó, tin tưởng vào tương lai.

Nhưng những bài học của quá khứ, dù có cung cấp cho chúng ta những kinh nghiệm quý báu, cũng không thể đáp ứng đầy đủ những như cầu cấp bách của thời cuộc. Kể từ năm 1945 trở về sau, lớp trí thức tân học được đào tạo tại những trường đại học trong nước và một ít tốt nghiệp từ Pháp về, bắt đầu nhận trách nhiệm nghiên cứu và đề nghị những giải pháp cho những vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội, văn học và giáo dục. Họ tập trung nỗ lực trong tạp chí Thanh Nghị. Cùng với tuần báo Ngày Nay của Tự Lực Văn Đoàn, Thanh Nghị gây được ảnh hưởng rộng lớn trong giới trí thức, sinh viên và học sinh, mặc dù Thanh Nghị kén độc giả hơn. Tuy nhiên, khác với Ngày Nay chủ trương hoàn toàn theo mới, theo Tây phương để cải tạo xã hội và đã lãng quên kho tàng văn hóa cổ truyền, Thanh Nghị dung hòa hai nền văn hóa Đông, Tây.

Chủ trương phục hưng dân tộc và thu thập những kiến thức từ Tây phương ấy, riêng trong lãnh vực ngôn ngữ đã tạo ra một môi trường và những điều kiện thuận tiện cho đám học sinh chúng tôi trau dồi tiếng mẹ đẻ. Nhờ vậy mà chúng tôi không hoàn toàn bỡ ngỡ khi một sớm một chiều phải thay đổi chuyển ngữ. Một số anh em chúng tôi, những ai ham mê đọc sách báo Việt ngữ, đã được chuẩn bị cho sự thay đổi ấy. Từ nhiều năm trước, lớp học sinh lớn tuổi đọc Ngày Nay và về sau, Tri Tân và Thanh Nghị cùng với những tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn. Chúng tôi có cơ hội tự mình học thêm tiếng Việt, mặc dù trong chương trình giáo dục, nó bị rẻ rúng, chỉ được học hai giờ một tuần. Đối với phần đông chúng tôi, tiếng mẹ đẻ có một hấp lực lạ lùng và chúng tôi yêu mến nó, dù nó không có giá trị thực tiễn trong các kỳ thi. Mọi nỗ lực của sĩ tử đều dồn vào học tiếng Pháp và những môn học có hệ số cao. Cho nên một số học sinh không chú tâm vào việc học tiếng Việt và thờ ơ với văn hóa dân tộc.

Nhưng chúng ta nên lùi lại ít năm về trước nữa. Cái duyên của một số anh em chúng tôi với tiếng Việt đã manh nha từ những năm tiểu học. Hồi đó vào những năm 30, chúng tôi chưa có một quan niệm rõ ràng về quốc gia dân tộc. Những bài tập đọc, sử ký, địa lý đơn giản không đem lại một khái niệm đầy đủ. Mà dù có được giảng giải thêm, chúng tôi cũng không đủ khả năng để lãnh hội vì còn non nớt quá. Nhưng có những bài học, một cách rất tự nhiên, đã gây xúc động và thu hút chúng tôi, chẳng hạn như bài học thuộc lòng "Quê hương là nơi đẹp hơn cả". Chưa đến tuổi phân biệt được cái "trong", cái "đục" trong ao nhà, chúng tôi vẫn cảm thấy "ao nhà" gần gũi và thân thương.

Từ lớp Nhì (Cours Moyen Première Année), một số anh em chúng tôi, ngoài những sách giáo khoa Pháp và Việt, đã tìm đọc những cuốn tiểu thuyết kiếm hiệp như Giang Hồ Kỳ Hiệp, Hoàng Giang Nữ Hiệp và trinh thám như Đôi Mắt Thần, Lệ Hằng Phục Thù... Đó là những tập truyện mỏng xuất bản hàng tuần, giá bán ba xu một cuốn. Cho nên vào thời gian đó, có nhóm từ "tiểu thuyết ba xu" để chỉ loại truyện ngắn, truyện dài rẻ tiền và không mấy giá trị.

Nhóm chúng tôi học ở trường tiểu học Paul Bert — mà chúng tôi đặt cho cái tên Việt Bánh bèo mà về sau là trường Thượng Tứ, tọa lạc trên bờ sông Hương, phía ngoài cửa Thượng Tứ của Thành Nội Huế. Trường ở gần nhà sách Hương Giang. Cửa hiệu sách luôn luôn mở rộng. Hàng tuần chúng tôi đến đó để đón mua loại tiểu thuyết ba xu, và cũng nhân dịp ấy, xem cọp vài tờ báo, liếc qua đầu đề của một vài cuốn sách mới ra. Quan Hải Tùng Thư của học giả Đào Duy Anh nằm cách đó một đoạn đường ngắn. Nhưng giống như chủ nhân của nó, thư quán này nghiêm nghị và lạnh lùng quá nên thỉnh thoảng chúng tôi mới bước vào. Nhờ ở gần sách vở, chúng

tôi sớm yêu mến chữ nghĩa và tập thói quen đọc sách.

Trong những tháng hè rỗi rãi, tôi đọc được một số sách tiếng Việt. Ở vào lứa tuổi 11, 12, tôi chưa biết chọn sách để đọc, và đâu có hiểu hết được ý nghĩa của tác phẩm. Nhưng bị cốt truyện và hành động của những nhân vật lôi cuốn, tôi đọc rất say mê. Hồi đó phụ thân tôi thuê mấy người thợ mộc, thợ nề làm lại ngôi nhà. Để có chỗ làm việc và chứa vật liệu, họ cất một cái lán đơn giản và trống trải. Trong mấy tháng 6, 7 và 8 oi bức tôi thường ngồi trên khúc gỗ để đọc Tây Du, Tam Quốc chí diễn nghĩa. Cho mãi đến 5, 10 năm sau, khi bắt gặp mùi gỗ chua chua hăng hắc, tôi lại nhớ đến những hành động oai hùng của Tôn Ngộ Không, Lưu Bị, Quan Vũ, Trương Phi, Triệu Vân, Lã Bố, Hứa Chử. Những chiến công của họ như quyện vào mùi gỗ bị thấm nước mưa. Nhờ cái cảm giác ấy của tuổi ấu thơ, về sau này, tôi hiểu được tác dụng của chiếc bánh madeleine trong quá trình gợi lên những ngày cũ của tác giả *"Đi Tìm Thời Gian Đã Mất"*. Và ngược lại, ngày nay, khi đọc lại Tây Du, Tam Quốc, lắm lúc tôi còn nhớ lại hương vị hoang dã của những khúc gỗ bị dầm mưa trong một góc vườn ở Thành Nội Huế.

Thói quen đọc sách Việt ấy có ảnh hưởng bất ngờ. Cụ thể và sinh động hơn những bài học luân lý khô khan, những cuốn tiểu sử danh nhân Việt Nam, từ Hai Bà Trưng đến Trần Hưng Đạo, từ Chu Văn An đến Nguyễn Trãi đã nêu lên những tấm gương trung, hiếu, tiết, nghĩa và tác động đến tâm lý của đám học sinh nhỏ tuổi. Chúng tôi bắt đầu tiếp xúc với những giá trị tinh thần của dân tộc. Cũng nhờ vậy, khi lớn lên, chúng tôi gắn bó với nguồn gốc của mình, yêu mến văn hóa Việt Nam và hướng về Đông phương trong lúc chương trình học buộc chúng tôi chú trọng đến phương Tây với một sự thán phục rất dễ hiểu.

Trong những năm trung học, chúng tôi đọc khá đều đặn tạp chí Ngày Nay và những tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn. Chúng tôi đọc Khái Hưng, Nhất Linh, Thạch Lam, Thế Lữ, Hoàng Đạo, Xuân Diệu, Huy Cận và những nhà văn nhà thơ ngoài Tự Lực Văn Đoàn như Lưu Trọng Lư, Nguyễn Tuân, Nguyễn Bính, Chế Lan Viên... Rất rõ ràng, với sự xuất hiện của Ngày Nay và nhóm Tự Lực, tiếng Việt đã tiến một bước khá dài. Sự đóng góp của họ thật lớn lao. Tiếng Việt trở nên gọn gàng sáng sủa, chính xác và có khả năng diễn đạt những tình cảm và suy tư của con người, đặc biệt mô tả được tâm lý của lớp thanh niên thiếu nữ đương thời. Tiếp theo Thanh Nghị nặng về nghiên cứu và biên khảo lại cung cấp cho chúng tôi một số danh từ mới thuộc nhiều nghành chuyên môn khác nhau.

Nhờ những may mắn ấy, như đã trình bày ở trên, một số học sinh chúng tôi, khi phải đột ngột thay đổi chuyển ngữ, đã nhanh chóng khắc phục những khó khăn và tin tưởng vào tương lai của Việt ngữ

*

Ôn lại hoàn cảnh và những mẩu chuyện vụn vặt của một thời, chúng ta đã lần theo những bước phát triển của Tiếng Việt. Sau một buổi giao thời ngắn ngủi, nó đã đánh tan những thành kiến, gạt bỏ những mặc cảm tự ty, vươn mình lên, trở nên phong phú để được xử dụng rộng rãi trong xã hội, trong những công tư sở và trường học, kể cả bậc đại học.

Mặt khác, trong một thế giới được thu hẹp lại với những phương tiện truyền thông nhanh chóng và tiện lợi, có lẽ không còn một quốc gia nào có thể sống riêng biệt, tách hẳn ra với những quốc gia khác. Trong mọi ngành hoạt động, sự giao lưu trở lên cần thiết, và không còn có những nền văn hóa hoàn toàn khép kín, ngay cả dưới những chế độ Cộng Sản còn sót lại. Trong tình trạng ấy, sự hiểu biết những ngôn ngữ thông dụng trên thế giới sẽ đóng góp một phần không nhỏ vào sự phát triển văn hóa dân tộc. Cho nên, có thể xem câu ca dao "Ta về ta tắm ao ta..." như là một lời nhắn nhủ để khỏi quên cội nguồn, mà không nên máy móc và hẹp hòi đóng khung những hành động và suy tư của chúng ta trong "ao nhà". Vả chăng, không chỉ riêng chúng ta mới thiết ta với bản sắc và di sản tinh thần của dân tộc như vậy. Một nhà thơ Pháp, Albert Samain, cũng khuyên:

Sois content des fleurs, des fruits et même des feuilles,

Si c'est dans ton propre jardin que tu les cueilles.

Từ quan điểm ấy, chúng ta không khỏi suy nghĩ về tương lai của tiếng mẹ đẻ ở hải ngoại.

Vì nhu cầu học vấn và hội nhập xã hội mới, chúng ta, nhất là những thanh thiếu niên, đang học ngoại ngữ. Trong một hoàn cảnh và những điều kiện khác với thời Pháp thuộc, tiếng Việt, một lần nữa, lại bị đặt vào vị trí yếu. Cũng may chúng ta có một số trường Việt ngữ đang dạy thêm tiếng Việt cho những học sinh Việt Nam hiện theo học những trường bản xứ. Một số trường trung học và đại học ngoại quốc cũng có dạy tiếng Việt như là một sinh ngữ. Chúng ta có những nhà cầm bút bền bỉ và hăng say sáng tác và nghiên cứu bằng tiếng Việt. Số lượng sách báo Việt ngữ đạt một mức khá cao, mặc dù ngành sản xuất đang gặp trở ngại vì số độc giả giảm sút. Nhưng quan trọng hơn vẫn là tấm lòng yêu mến văn hóa giống nòi và đặc biệt là tiếng mẹ đẻ. Chúng ta cần trau dồi và phong phú hóa ngôn ngữ của chính chúng ta, bởi vì một ngày rất gần, phần lớn chúng ta sẽ trở về cố quốc để sử dụng nó trong công cuộc phục hưng đất nước trong tự do và dân chủ. Đó là chưa kể nhiệm vụ trường kỳ đối với văn hóa dân tộc.

■ ***Hoàng Liên***

HUẾ thương

Huế lụt to, Bà con ơi!
Ở bên ni mà ruột gan như còn bên nớ,
Nghe Huế mình lũ lụt quá thương đau.
Hết tai ương này, đến cơn đại nạn
Ôi! Suốt đời khó nhọc rứa Huế ơi!
Nỗi thương thân mình còn rỉ máu,
Nỗi đau xứ Huế vẫn hờn oan,
Có chi mô! mà đất trời nổi cơn thịnh nộ
Dân Huế tôi hiền, như dòng nước sông Hương,
Chất phác như cỏ cây trên núi Ngự.
Tai họa này, trăm năm chừ mới có
Nghe đau lòng xót ruột lắm Huế ơi!
Nước lên mau, trở tay không kịp.
Đùng một phút mà nhà tan cửa nát.
Xác ai trôi dạt bên đường.
Vành khăn trắng vấn vội mái đầu xanh,
Mắt vợ thất thần, nhìn chồng tuyệt vọng.
Ôn bỏ cháu trong lu, đẩy qua dòng lũ,
Ngờ đâu! nước cuốn nhận chìm cả cháu ôn
Thả tay ra, mạ tra rồi chết cũng được,
Con phải sống, sống để nuôi cháu có ngày mai
Thảm như rứa, bà con ơi!
Xin hỏi? Hỏi ai đã vay?
Mà cứ bắt Huế trả hoài
Chịu chi nổi, rứa Huế ơi!
Lớn lên đây, đã thấy trận lụt (53) năm ba
Qua (68) sáu tám, nghe tiếng la thất thanh trong hầm chôn tập thể
Rồi (75) bảy lăm, kẻ chết ngoài bể
Người đói trên non
Chừ, Huế đói, Huế lạnh, Huế thổn thức!
Nghe Huế kêu, mà xót ruột, xót gan.
Nghe Huế than, mà nỗi buồn dâng lên rười rượi
Bà con ơi, kẻ ít người nhiều.
"Một miếng khi đói, bằng gói khi no."
Thương Huế, thì tình thương bao la bát ngát
Thì sức người thì có hạn, rứa Huế ơi!
Thôi Huế gắng lên!
Dựa lưng vào cổ thành đại nội
Tay vin cành phượng vĩ
Cố gượng dậy mà hồi sinh
Bà con bên ni, dù có xa Huế nghìn trùng
Mà vẫn thương thương nhớ nhớ
Chớ quên răng được!
Mỗi khi nghe tiếng đàn bầu, như ai xé ruột bào gan.
Giọng hát Nam ai, câu hò mái đẩy
Rung tận đáy lòng, não ruột lắm Huế ơi!
"Biết răng chừ, biển hẹp bằng ao,"
Vói tay ôm Huế nghẹn ngào xót thương.

■ ***Lê Văn Thẩm***

LTS: Bài thơ này đã được tác giả diễn ngâm trong đêm tâm tình với Huế.
Quý Mão 1-30-2000

THU CÒN VƯƠNG NẮNG

Nguyễn Lý Tưởng

Cụ Vũ, người miền Bắc, vào học trường Quốc Tử Giám, thi đỗ cử nhân Hán Học, xin được một chức quan nhỏ thuộc bộ Hình ở Huế. Mùa Thu năm 1945, sau khi Việt Minh cướp chính quyền, vua Bảo Đại thoái vị, cụ về xóm Nam Giao mua một căn nhà nhỏ với mấy sào đất, tự tay xây dựng nên một cái vườn cây cảnh rất đẹp, đặc biệt chuyên trồng hoa thược dược.

Trước khi vào Huế, Cụ đã có vợ ở quê nhà do cha mẹ chọn từ khi cụ còn cắp sách đi học. Bà nầy nhan sắc tầm thường, không có học hành gì, nhưng lại chịu khó làm ăn, biết chăn nuôi trồng trọt, lo phụng dưỡng mẹ chồng và đã sinh cho cụ một đứa con trai nối dõi tông đường. Từ ngày cụ vào kinh đô, bà chưa một lần đi thăm chồng, suốt đời cam phận, lo giữ gìn nhà cửa kẻo sợ người khác tranh mất phần hương hỏa của con. Trải mấy năm chiến tranh từ 1945 đến 1954, rồi hiệp định Genève chia đôi đất nước, cụ hoàn toàn mất liên lạc với gia đình ở quê nhà thuộc vùng kháng chiến do Việt Minh kiểm soát. Bây giờ cụ chỉ biết an vui tuổi già ở xóm Nam Giao với bà người Huế, vừa duyên dáng, vừa trí thức lại thêm cô con gái xinh đẹp, mang tên một loài hoa trong vườn: Thược Dược, rất được cụ cưng chiều. Dân trong xóm không đông lắm, nhưng họ sống với nhau rất có tình nên cụ cũng muốn ở đây luôn mà không nghĩ đến chuyện dời nhà đi nơi khác.

Mỗi năm vào cuối tháng Chạp, trời lành lạnh có điểm thêm mưa phùn, hoa nở đủ màu, cụ bứng hoa vào chậu, đem bày ở trước sân nhà cho khách qua lại thưởng thức. Danh tiếng vườn hoa Nam Giao của cụ đã khiến cho nhiều người ở xa phải lặn lội vượt qua ba con giốc cao để đến tận nơi, chọn cho được chậu hoa vừa ý, đem về chưng ở nhà trong ba ngày Tết. Các nhà giàu, các tiệm buôn ở Huế thường khoe với bạn bè những chậu hoa xinh tươi nầy.

Cạnh nhà cụ có một đồn lính, khoảng 1960, sau hòa bình được mấy năm, quân đội rút đi hết. Khu nhà đó đã được sửa sang thành "Cư Xá Nam Giao" để sinh viên nghèo ở tỉnh xa về Huế học có chỗ tạm trú.

Mỗi ngày, tiếng nhạc từ các quán bún, phở, cà phê, chè, nước mía... ầm ầm vang lên. Tiếng xe gắn máy đi về nườm nượp. Tiếng đàn, tiếng ca hát, tiếng người nói, tiếng cãi nhau ồn ào như vỡ chợ, nhất là vào giờ cơm. Buổi sáng, buổi tối còn có người chạy thể thao ngoài đường; ngày nghỉ thì có những cuộc chơi bóng chuyền, bóng rổ, bóng bàn, tiếng vỗ tay vang dậy cả một góc sân.

Những cô gái duyên dáng cũng thấy xuất hiện bên cạnh các quán tạp hóa, quán sách báo để câu khách. Nữ sinh trong xóm đi học thường có một vài chàng sinh viên chạy xe theo, kềm sát bên cạnh, tìm cách làm quen,

hỏi tên, hỏi địa chỉ. Có chàng đã bạo dạn theo các em đến tận trường, đến tận nhà. Con gái trong xóm cũng thay đổi nếp sống, đua đòi ăn mặc, cắt tóc kiểu mới, trang điểm son phấn mỗi khi ra đường... Quả thật đại học xá Nam Giao đã làm cho cuộc sống của dân chúng ở đây bị xáo trộn.

Thược Dược vào tuổi dậy thì càng thấy lòng mình rộn ràng hẳn lên. Cô thường tìm dịp ra vườn săn sóc hoa hay thay cha mẹ tiếp đón khách vào xem vườn... Những lần thấy cô xuất hiện, mấy chàng sinh viên thường tìm dịp lân la đến hỏi chuyện. Cụ Vũ tuổi đã ngoài sáu mươi lăm, thích làm thơ ngâm vịnh, lúc "xem hoa nở, khi chờ trăng lên". Bầu không khí nhẹ nhàng thanh thoát bên cạnh những khóm hoa tươi đã bao năm rồi rất thích hợp với cụ. Nhưng bây giờ bỗng nhiên cụ cảm thấy bị thương tổn bởi cuộc sống của đám sinh viên bên cạnh. Điều đáng lo ngại hơn hết đối với cụ là cô Thược Dược mỗi ngày một lớn, nhan sắc càng thêm duyên dáng, quyến rũ, không biết rồi tương lai sẽ ra sao?

Trong xóm, có một chàng thanh niên con nhà nghèo, chăm học, thường qua lại và đã trở thành bạn vong niên, chơi cờ tướng với cụ rất tương đắc. Nghe nói người cha của chàng ngày xưa làm nghề kim hoàn ở phố Gia Hội, về sau không hiểu vì lý do gì lại đem gia đình đến ở đây. Cha chết sớm, mẹ đổi nghề, mở lò làm bún, bánh bèo, bánh ướt, cung cấp cho bạn hàng ở chợ, gia đình cũng tạm sống qua ngày. Cha mẹ đặt tên cho chàng: Huỳnh Hữu Bạc và cô em gái: Hoàng Kim, có lẽ cha mẹ làm nghề vàng bạc nên đã chọn loài kim khí quí để đặt tên cho con. Nhưng đi đâu bạn bè cũng gọi chàng là thằng "bạc phước", "thằng "tệ bạc"... Vì thế Bạc thường nói với mọi người:

— "Tôi tên Bạc nhưng lòng tôi không bạc!"

Sau khi thi đỗ Tú Tài II, Bạc thi vào trường sĩ quan hải quân Nha Trang, quyết chọn cho mình một tương lai bềnh bồng trên sông biển. Bạc lớn hơn Thược Dược mấy tuổi, chàng đã thầm yêu nàng từ lâu nhưng chưa dám viết thư hay trực tiếp ngỏ ý với nàng. Chàng dự định sau khi ra trường với cấp bậc Thiếu Úy, sẽ nhờ người đến thưa chuyện với cụ Vũ cũng chưa muộn.

Bạc đi Nha Trang rồi, Thược Dược mỗi ngày một xinh và đã đến tuổi mười tám, đôi mươi lúc nào không hay. Những năm Bạc lăn lóc tại quân trường thì Thược Dược cũng đã học đến lớp mười hai, chuẩn bị thi Tú Tài Toàn Phần. Có biết bao chàng thanh niên ngắm nghé, tìm cách làm quen với nàng, nhưng chưa có người nào được lọt vào mắt xanh của nàng. Ba năm qua, hình ảnh anh bạn hàng xóm tên Huỳnh Hữu Bạc cũng đã phai mờ trong trí nhớ của nàng.

Một hôm vào mùa Tết, Thược Dược đang đứng trước sân tiếp đón khách thì bỗng một chàng sinh viên trông có vẻ hào hoa phong nhã bước vào... Thược Dược nhớ rõ, trước đây nàng chưa hề gặp chàng này bao giờ, và cũng không biết tên biết tuổi anh ta. Thế rồi, thỉnh thoảng chàng lại đến, và tìm cách lân la trò chuyện, làm như hai người đã từng quen biết nhau lâu rồi. Chàng gọi đúng tên của nàng và chưa một lần cho nàng biết tên của mình.

Trong số bà con bên ngoại của nàng có Trung ở Bến Ngự, mỗi lần đến cư xá sinh viên tìm bạn bè trao đổi chuyện học hành, thường ghé vào nhà thăm cha mẹ nàng. Có lần đi học về, nàng thấy Trung ngồi nói chuyện với chàng nọ trong quán cà phê trước mặt nhà. Thấy nàng, Trung cất tiếng chào, nhưng nàng chỉ gật đầu rồi đi thẳng vào nhà ngay, không dừng lại. Sau đó, Trung tìm dịp gặp riêng nàng:

— Thược Dược, em thấy ông bạn của anh thế nào?

— Em có biết bạn của anh là ai đâu!

— Trần Minh Chung, chàng sinh viên ở bên cư xá Nam Giao thường đến thăm em tại vườn hoa đó. Chàng rất ái mộ em.

— Em có biết gì đâu!

— Thế anh ta không nói gì với em sao?

— Nhiều người đến xem hoa, mua hoa, làm sao em biết hết được! Ai hỏi thì em trả lời. Em đâu có hỏi tên tuổi họ hàng người ta làm gì!

— Em không biết tên anh ta thật sao?

— Em không biết! Em không để ý!

— Chàng tâm sự với anh rằng chàng đã yêu Thược Dược...

— Em còn đi học, đang chuẩn bị thi cử, cha mẹ em đang đặt nhiều hy vọng nơi em... Anh đặt vấn đề đó với em làm gì?

— Trần Minh Chung sắp đi du học bên Tây Đức, tương lai sẽ là kỹ sư hay tiến sĩ, sẽ trở về làm việc cho quê hương, có thể là giáo sư đại học Huế sau nầy. Anh muốn giới thiệu Trần Minh Chung cho em. Chàng đã để ý đến em lâu rồi. Em có đồng ý cho Chung gặp không?

— Em sợ cha mẹ em không đồng ý!

— Để anh trình bày chuyện đó với ông bà cho.

— Nhưng em còn phải suy nghĩ kỹ đã. Hiện giờ em đang chuẩn bị thi cử...

— Trần Minh Chung sẽ vào Sài Gòn lo thủ tục giấy tờ xuất ngoại trước ngày em thi Tú Tài. Anh ta muốn em hứa một lời... để yên tâm trước khi đi xa.

— Em không dám đâu!

— Em hãy suy nghĩ kỹ đi rồi sẽ trả lời cho anh sau.

Nói xong, Trung từ giã Thược Dược, lên xe Honda phóng đi.

Tối hôm đó, Thược Dược trằn trọc mãi không ngủ được. Hình ảnh Trần Minh Chung cứ hiện ra trong trí tưởng tượng của nàng:

— Chàng có yêu mình thật không?

— Nếu mình nhận lời, biết đâu sau nầy ở ngoại quốc, chàng sẽ gặp người khác hơn mình, rồi sẽ bỏ rơi mình thì sao?

— Người ta thường nói "xa mặt thì cách lòng"... điều đó có đúng không?

Những thắc mắc đó, nàng không làm sao trả lời được!

*

Thược Dược vừa đạp xe ra khỏi cổng nhà được chừng một đoạn đường thì nghe tiếng xe gắn máy của Trần Minh Chung theo đàng sau. Qua hết mấy con giốc đến cầu Nam Giao, Chung liền cho xe kềm sát bên cạnh nàng:

— Thược Dược! Anh muốn trình bày với em một chuyện quan trọng. Em vui lòng cho anh gặp riêng, bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu, tùy em quyết định.

— Anh là ai tôi chưa hề quen biết! Tôi bận đi học! Anh đừng đi theo tôi. Tôi sợ người ta dị nghị...

Chung không biết nói sao, đành phải chào nàng rồi phóng xe đi trước. Chàng suy nghĩ mãi mà không tìm ra cách gì để có thể gặp được nàng. Thế rồi chàng lại đi tìm Trung và kể cho Trung nghe câu chuyện giữa đường hôm trước với Thược Dược:

— Trăm sự nhờ anh đấy! Chỉ có anh mới có thể liên lạc được với nàng. Hay là tôi viết thư, nhờ anh trao cho nàng...

— Con gái khi mô cũng rứa... Đừng nản lòng... Để tôi cố gắng lần nữa xem sao? Tôi có ý định trình bày chuyện nầy với cha mẹ của nàng, nhưng không nên thúc ép nàng quá. Phải để cho nàng suy nghĩ chín chắn mới được vì chuyện nầy rất quan trọng...

Thược Dược đã nhận được một món quà nho nhỏ nhân ngày sinh nhật của nàng do Trung mang đến. Đó là một lọ nước hoa đắt tiền mà nàng hằng mơ ước nhưng chưa bao giờ dám bỏ tiền ra mua để xài: "Thược Dược ơi! Anh yêu em lắm! Xin cho anh được gặp em một lần trong tháng Năm nầy trước khi đi xa... Anh sẽ đợi em ở đàn Nam Giao từ 5 đến 7 giờ chiều Thứ Bảy.... Trần Minh Chung".

Thược Dược đọc vội mấy dòng chữ của Trần Minh Chung viết trên một mảnh giấy nhỏ kèm theo gói quà... Nàng trao tất cả cho Trung:

— Không được đâu! Nhờ anh trả lại cho "người ta" đi! Em sợ cha mẹ em....

Trung năn nỉ:

— Em đừng làm thế... Trần Minh Chung là bạn cùng lớp với anh... Anh ta yêu em thật lòng và muốn xây dựng với em... Anh nhìn thấy tương lai của Chung rất sáng sủa... Sau khi học thành tài, Chung sẽ cưới em. Chung

là thanh niên vừa học giỏi, vừa khôi ngô tuấn tú, con nhà danh giá, cha mẹ họ hàng đều tốt... Anh không bắt ép em... Nhưng đây chỉ là giai đoạn tìm hiểu thôi. Nếu hai người tâm đầu ý hợp thì sẽ tiến tới... Em không nên để mất một cơ hội...

Thược Dược vẫn im lặng không trả lời. Trung trao hết thư và quà vào tay nàng rồi bỏ đi.

*

Dưới chế độ phong kiến, vua thay Trời để cai trị muôn dân nên gọi là thiên tử, con của ông Trời. Trên nguyên tắc, địa vị đó chỉ dành cho vua Trung Quốc là nước lớn trong thiên hạ, tất cả các chư hầu, nước nhỏ, đều phải thần phục thiên tử. Dòng họ nào được thiên tử thừa nhận và phong vương thì có quyền cha truyền con nối cai trị dân trong nước của mình. Nếu có ai chống lại hay gặp trường hợp nước khác đem quân gây hấn thì thiên tử sẽ can thiệp hoặc các chư hầu cũng có thể nhân danh thiên tử đem quân đội đến giúp tái lập trật tự. Dân có bổn phận trung thành tuyệt đối với vua, còn vua thì chịu trách nhiệm với Trời. Vì thế, cứ ba năm một lần vua đi đến một chỗ đất nằm về phía Nam kinh thành gọi là Nam Giao để tế Trời.

Trải qua gần một ngàn năm dưới chế độ cai trị của Trung Quốc, từ năm 938, Ngô Quyền thắng được quân Nam Hán đến đời Đinh Bộ Lĩnh, nhà Lương mới chính thức thừa nhận nền độc lập của nước ta và phong cho Đinh Bộ Lĩnh làm An Nam Quốc Vương. Dưới các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần, Hậu Lê và Nguyễn, các vua Việt Nam bên ngoài vẫn theo lệ triều cống, thừa nhận vua Trung Quốc là thiên tử. Nhưng bên trong vẫn là vua một quốc gia độc lập. Cứ ba năm một lần, vua nước ta vẫn tổ chức tế Nam Giao, tự xưng mình là thiên tử đối với con dân trong nước. Bảo Đại là vị vua cuối cùng của Việt Nam đã tổ chức lễ tế Nam Giao.

Trời vừa hừng sáng, đoàn rước đã từ điện Thái Hòa ra cửa Ngọ Môn, đi thuyền qua sông Hương, thẳng tới Nam Giao, gồm có lính tráng, kỵ binh, tượng binh, ban nhạc của hoàng gia, các quan văn võ, các vị vương tôn công tử trong hoàng tộc. Sau hết là nhà vua và hoàng hậu ngồi trên mình voi che lọng vàng và có các nghi trượng cờ quạt theo hầu. Dọc đường vua đi qua, dân chúng lập bàn thờ hương án để chào đón. Trên bến dưới thuyền người người tấp nập kéo nhau đi xem. Bên cạnh Nam Giao có một cái nhà gọi là Thanh Ốc để cho vua đến đó, ăn chay, nằm lạnh, tự kiểm điểm bản thân xem có làm tròn nhiệm vụ người lãnh đạo quốc gia dân tộc mà trời đã trao phó hay không?

Theo quan niệm "trời tròn, đất vuông", bàn thờ tế Trời được đặt trên nền tròn, bao bọc bởi một nền vuông, nơi đó có bàn thờ các thần sông, núi, xã tắc. Vua là chánh tế, bước lên đứng ở trên đài hình tròn để tế Trời và tổ tiên, còn các quan thì đứng ở nền vuông để tế các thần thuộc về đất.

Từ ngày chế độ phong kiến sụp đổ, dân không còn được xem đám rước của vua đi tế Nam Giao nữa. Nơi đây đã trở thành một vùng trồng thông, nền hoang cỏ mọc. Bọn mục đồng tha hồ thả trâu bò để cùng nhau tụ tập vui đùa hay các em học sinh trong xóm đến đá banh. Thỉnh thoảng có một vài du khách với tinh thần hoài cổ, đến đây ngồi nhìn lên núi Ngự Bình hay ngắm cảnh chiều tà bên kia dãy Trường Sơn.

Thược Dược ở xóm Nam Giao, nhưng chẳng mấy khi đến đây chơi vì cuộc sống luôn bận rộn, nào học hành, nào chăm sóc vườn tược giúp cha mẹ. Sau khi nhận thư của Trần Minh Chung, nàng đã trải qua mấy đêm không ngủ, suy nghĩ mãi mà không biết phải trả lời chàng như thế nào. Mặc dù nàng đã tỏ ý từ chối, trả lại thư và quà, nhưng Trung vẫn dúi vào tay nàng tất cả những gì của Trần Minh Chung gởi đến... Cuối cùng, trong âm thầm, nàng vẫn một mình đến điểm hẹn.

Trung không nói cho Trần Minh Chung biết chuyện Thược Dược trả lại thư và quà và chuyện chàng đã bắt ép nàng phải nhận... Do đó, đúng ngày hẹn, Chung đã đến đàn Nam

Giao rất sớm để hy vọng được gặp nàng. Lần đầu tiên trong đời, Thược Dược đã nghe những lời tỏ tình của một chàng trai. Nàng chỉ im lặng không nói một lời nào để mặc cho chàng thao thao bất tuyệt, đem hết ruột gan ra trình bày với người yêu. Chung đã cho nàng biết những dự tính trong tương lai: chàng sẽ vào Sài Gòn làm thủ tục giấy tờ, sẽ xuất ngoại du học, sẽ học ngành gì, sẽ ở thành phố nào, quốc gia nào. Chung hứa sẽ viết thư, sẽ gởi quà, sẽ về thăm nếu có điều kiện...

Sự hiện diện của Thược Dược là bằng chứng trả lời cho Trần Minh Chung rằng nàng đã không từ chối lời đề nghị của chàng. Trước mắt, nàng phải thi đậu, phải vươn lên, phải đi làm để giúp cha mẹ già. Hai cụ Vũ không thể tiếp tục sống nghề làm vườn được nữa. Ông bà càng ngày càng lớn tuổi, sức khỏe kém nên phải thuê người đến cuốc đất, làm cỏ, tưới nước thay cho mình. Thu nhập cũng kém đi so với những năm trước.

Những ngày cuối tháng Năm, trước khi Trần Minh Chung lên đường đi xa, Thược Dược luôn luôn ở trong tâm trạng bâng khuâng, lo lắng... Một lần đã lỡ nhận lời đi chơi với chàng thì nàng cũng không thể từ chối lần thứ hai, thứ ba... Chàng đã đưa nàng đi xem chiếu phim, vào quán giải khát ăn kem và cũng có lúc đi xem danh lam thắng cảnh của miền sông Hương núi Ngự... Những lần hò hẹn như thế, hai người đều không cho ai biết, kể cả Trung.

Lần cuối cùng trước khi từ giã nhau, Thược Dược đã quyết định để cho Trần Minh Chung chính thức đến thăm cha mẹ nàng. Trung đã thực hiện kế hoạch đó một cách hoàn hảo và đã khéo léo trình bày hoàn cảnh của bạn mình với hai cụ Vũ.

Cụ Vũ đã vui vẻ tiếp đón Trần Minh Chung; trong khi đó, Thược Dược lấy cớ bận học thi nên tránh mặt. Ông bà chỉ có một cô con gái nên chỉ muốn con ở với mình suốt đời. Nhưng chuyện đó chưa thể nói ra bây giờ được.

Chung vào Sài gòn, tuần nào cũng viết thư cho Thược Dược. Bao nhiêu điều chưa nói hết, chàng đã viết ra trong thư gởi cho nàng. Thỉnh thoảng cụ Vũ cũng nhận được thư của Chung thăm hỏi và gia đình cụ đã xem chàng như là một người con tương lai rồi.

*

Bạc nhận được giấy phép về thăm gia đình trong thời hạn mười hôm cùng với sự vụ lệnh đến trình diện đơn vị mới sau khi mãn khóa huấn luyện với cấp bậc thiếu úy hải quân. Chàng đã về Huế thăm mẹ vào những ngày cuối năm, trước Tết Mậu Thân 1968 chừng vài hôm. Ngay chiều hôm sau, chàng đã mang quà đến biếu cụ Vũ và đã nhờ Kim, em gái của chàng gặp riêng Thược Dược, trao cho nàng quà Tết và một bức thư. Chàng đã mang lễ phục sĩ quan màu trắng với huy hiệu của binh chủng qua trình diện cụ. Món quà Bạc mang biếu cụ là một bộ cờ tướng bằng sừng rất đẹp còn thêm các thứ trà, bánh, mứt, rượu Tết.

Đối với cụ Vũ, Bạc cũng như con cháu trong nhà nên cụ luôn luôn tỏ ra thân tình với chàng. Bạc bây giờ là một thanh niên khôi ngô, tuấn tú, một sĩ quan mới ra trường, một quân nhân với trách nhiệm bảo vệ tổ quốc. Chàng rất tự hào với binh nghiệp của mình và cũng rất tin tưởng sẽ thực hiện được mộng ước của mình, nhất là vấn đề tình cảm, tình yêu đối với Thược Dược. Quà biếu cụ Vũ, Bạc đã đích thân, đường đường chính chính mang đến nhà. Nhưng quà riêng cho Thược Dược thì Bạc đã nhờ em gái kín đáo gởi đến cho nàng mà không cho mọi người biết. Vừa thấy Bạc đi vào sân trước, cụ Vũ đã vội chào đón:

— Bạc đấy à? Lâu ngày quá hè! Trông cậu bây giờ khác xưa quá.

— Mấy năm rồi cháu bận ở trong quân trường, nay đã mãn khóa, được về nghỉ phép thăm gia đình, nên mới có dịp ghé thăm hai cụ. Hai cụ vẫn khỏe chứ?

— Chúng tôi vẫn được bình yên cả. Cậu về thăm, bà cụ thân sinh có vui không?

— Dạ, mẹ cháu mừng lắm. Thược Dược có ở nhà không?

Cụ Vũ cất tiếng gọi, nhưng không thấy Thược Dược trả lời, cụ bèn giải thích:

— Chắc em nó đi ra ngoài rồi.

Thật ra, Thược Dược đã biết tin Bạc trở về từ chiều hôm qua và nàng cũng đã nhận được thư và quà của Bạc do Kim mang đến tận phòng riêng của nàng. Món quà đó gồm một cái kẹp tóc bằng đồi mồi và một cây đèn đọc sách làm bằng vỏ ốc thật lớn, quà đặc biệt của miền biển Nha Trang và một cái vòng bằng bạc chạm trổ tinh vi do chính tay chàng làm ra. Bạc vốn là con của một người thợ kim hoàn nên chàng rất khéo tay. Sở dĩ món quà bằng bạc là vì chàng muốn nhắc cho nàng "Bạc" chính là tên của chàng. Khi nàng mang chiếc vòng đó vào tay có nghĩa là tên của chàng luôn gắn bó với cuộc đời tương lai của nàng. Vốn quen thân với Thược Dược từ nhỏ nên Kim có thể vào phòng riêng của nàng mà không chút ngại ngùng gì. Kim đã tự động mang quà đến để trên bàn cho Thược Dược mà không nói năng gì thêm vì trong gói quà đó đã có thư riêng của Bạc. Chàng đã gởi cho nàng một bức ảnh chụp ngày được mang cấp bậc thiếu úy hải quân với lễ phục màu trắng, nét mặt rất tươi vui. Thược Dược đọc dòng chữ chàng viết sau bức hình:

"Nếu có ai trên đời nầy nói rằng đã yêu em chân thành và thề hứa trọn đời chung thủy với em thì người đó chính là anh đây: Huỳnh Hữu Bạc".

Nàng đã nhận thư và quà, nhưng im lặng không trả lời. Chàng không hiểu tại sao nàng đã cố ý tránh, không cho chàng gặp mặt? Thái độ đó làm cho Bạc suy nghĩ rất nhiều. Dù sao thì chàng vẫn luôn luôn nuôi hy vọng. Vì Thược Dược chưa chính thức nhận lời nên mẹ của Bạc không thể qua thưa chuyện với cụ Vũ được. Mối tình giữa Thược Dược và Trần Minh Chung chỉ có Trung và hai cụ Vũ biết mà thôi. Bên gia đình của Bạc, dù là lối xóm với nhau vẫn không hay biết gì.

Sau ngày Trần Minh Chung đi du học Tây Đức, sức khỏe của Thược Dược sa sút hẳn, điều đó rất trở ngại cho việc học hành. Nàng đã thi trượt cả hai kỳ thi Tú Tài và đã xin đi

làm tạm để có tiền giúp cha mẹ và tự ôn lại bài vở đợi kỳ thi năm sau. Sự liên lạc giữa Trần Minh Chung và nàng trong năm đầu rất đều đặn, với những lời hứa hẹn đầy tin tưởng. Nhưng sau đó, càng ngày chàng càng tỏ ra lạnh nhạt với nàng. Một hôm, tình cờ nàng nghe được từ một người bạn gái có anh ruột đi du học mới về thăm, kể lại đời sống phức tạp của những thanh niên Việt Nam ở nước ngoài làm cho nàng đâm ra hoang mang lo lắng. Thược Dược vẫn tin rằng chuyện tình cảm của mình và Trần Minh Chung, ngoài gia đình nàng ra, chắc không có ai biết. Có lần, nàng đi vào thư viện thì nghe mấy chàng sinh viên nói với nhau:

— Con bé xinh thế mà để cho tên kia lừa dối. Bây giờ hắn bỏ rơi người ta mà đi theo đám khác!

— Con bé đã hiến dâng tất cả cho người yêu rồi!

— Chuyện đó là lẽ đương nhiên thôi!

— Con bé cũng được nhiều người cảm tình, nhưng không một ai bắt liên lạc với nàng được...

— Tội nghiệp! Con bé đã đặt nhiều hy vọng vào tên đó và quá trung thành với hắn...

Những tiếng xì xầm, nhỏ to của bọn sinh viên cùng trường, cùng lớp với Trần Minh Chung, những lời kể lại của Hoàng, người nữ sinh Đồng Khánh có anh ruột mới ở ngoại quốc về... đã làm cho nàng rất đau khổ. Phải chăng mọi người muốn cho nàng biết về tình trạng của Trần Minh Chung hiện nay? Thời gian gần đây nàng lại nhận được thư của Trần Minh Chung thắc mắc chuyện nầy chuyện

nọ. Nàng cũng thường nghe những câu ví von:

"Ví dầu tình bạn muốn thôi, Bạn gieo tiếng ác để rồi bạn xa!"

Giữa hai người dần dần đi đến tuyệt giao với nhau, không còn thư từ tin tức qua lại như trước nữa...

*

Bạc chờ đợi đến ngày Tết để qua nhà cụ Vũ thăm Thược Dược. Nhưng tình hình chiến sự đã trở nên sôi động và tiếng súng tấn công bắt đầu. Lúc đầu nhiều người còn ngỡ là tiếng pháo mừng Xuân, nhưng sau mới phân biệt được rằng hai bên đang đánh nhau.

Trong biến cố Mậu Thân có lẽ Bạc là một trong số rất ít người đã may mắn trốn thoát được vòng vây. Chàng thầm tạ ơn Thượng Đế đã che chở cho mình tai qua nạn khỏi...

Sau đó, Bạc ghé qua nhà thăm hai cụ Vũ và cũng muốn trình bày ý nguyện của mình cho hai ông bà biết. Nhưng khi chàng bước vào nhà thì thấy cụ Vũ đang nằm trên giường bệnh, thân hình quá tiều tụy. Bà cụ mắt rưng rưng, nói với chàng:

— Ông cụ nhà tôi đau nặng đã mấy tháng nay. Thược Dược cũng đã đi làm xa, cả năm rồi chưa về.

Bạc ngồi xuống bên cụ Vũ, cầm tay xem mạch, thấy rất yếu, đàm kéo lên chận họng, hơi thở khò khè như người bị bệnh suyễn. Chàng bèn hỏi riêng bà cụ:

— Bà đã đưa cụ ông đi bác sĩ chưa?

— Có một vài lần, nhưng bệnh cứ kéo dài mãi không lành.

— Bác sĩ có cho biết tình trạng của cụ ông ra sao không?

— Bác sĩ nói: cụ lo nghĩ nhiều quá nên khó chữa trị. Tim và phổi đều kém, thần kinh suy nhược...

— Thược Dược có biết tin cụ đang bệnh nặng hay không?

Thấy bà cụ có vẻ ái ngại, không trả lời. Bạc bèn nói:

— Xưa nay cháu vẫn xem hai cụ như cha mẹ, chú bác trong gia đình. Cháu cũng có ý định, sau khi mãn khóa sẽ xin được làm bà con với gia đình cụ. Từ ngày còn thơ ấu cho đến bây giờ, gia đình cháu vẫn gần gũi với gia đình hai cụ. Tình cảm của cháu đối với Thược Dược, chắc hai cụ và cô ấy cũng biết rồi. Vì nhà nghèo, nên cháu quyết học hành để mong ra đời có chút công danh hầu xứng đáng với gia đình cụ, xứng đáng là người chồng tương lai của Thược Dược. Mẹ cháu cũng định qua thưa chuyện với hai cụ, nhưng trong lúc Thược Dược không có ở nhà mà cụ ông lại đang bệnh nặng nên chưa dám trình bày...

— Hoàn cảnh của chúng tôi bây giờ thật khó nói. Việc nầy, chúng tôi cần hỏi ý kiến của Thược Dược vì chuyện hôn nhân, cha mẹ không thể bắt ép con cái được.

Bà cụ không dám nói sự thật về chuyện tình cảm của con mình với Trần Minh Chung trước đây cho Bạc biết. Ông bà cũng cảm thấy có chuyện gì không hay đã xảy đến cho nàng nhưng vì nàng vẫn giữ im lặng không tỏ bày với ai nên cha mẹ nàng bắt buộc phải có thái độ dè dặt đối với Bạc.

Bạc từ giã cụ Vũ ra về, kể lại cho mẹ và Kim biết tình trạng sức khỏe của cụ Vũ cũng như câu chuyện đối đáp giữa chàng và bà cụ vừa rồi. Gia đình chàng rất thông cảm với bên cụ Vũ và cũng thường xuyên qua lại, giúp đỡ để tăng cường mối giây liên lạc thân tình với nhau. Qua một đêm trằn trọc không ngủ được, sáng hôm sau Bạc dậy sớm, định qua chào cụ Vũ để ra đi. Vừa lúc đó, bà cụ từ bên nhà chạy qua, có vẻ lo lắng:

— Cậu Bạc ơi, hôm qua tôi có nói lại cho ông cụ nhà tôi biết ý định của cậu, ông muốn gặp cậu sớm, ngay bây giờ... Xem ra sức khỏe của ông càng ngày càng kém... Vậy mời cậu qua gặp cụ gấp...

Bạc liền chạy qua nhà cụ Vũ, đi thẳng tới bên giường người bệnh. Chàng trông sắc diện của cụ, chỉ mới một hôm mà đã sa sút quá nhanh, sợ không còn sống được bao lâu nữa! Thấy bóng chàng, cụ vội gượng dậy, nhưng không đủ sức nên đã gục đầu vào bên gối. Bạc đỡ cụ nằm xuống... Cụ thều thào:

— Bạc ơi, xưa nay tôi vẫn xem cậu như con cháu trong nhà, hơn nữa, như một người bạn vong niên. Những điều cậu nói với bà cụ nhà tôi hôm qua, tôi rất thông cảm. Nhưng hiện giờ con gái tôi ở xa, không biết ý kiến của nó thế nào. Trong lúc sức khỏe của tôi mỗi ngày một kém, tuổi đã ngoài bảy mươi rồi, thất thập cổ lai hy, nếu số Trời đến đây là hết thì tôi cũng sẵn sàng để ra đi, về với ông bà tổ tiên. Sinh ký, tử quy, đó là luật của Tạo Hóa, làm người ai mà tránh khỏi được. Nếu trong giờ phút cuối cùng của đời mình mà tôi không gặp được con gái của tôi thì xin cậu hãy nói lại cho nó biết rằng tôi không có trở ngại gì đối với việc hôn nhân của nó. Nó chọn người nào thì tôi đồng ý người đó. Nếu nó thương cậu như cậu đã thương nó từ bao năm nay... thì tôi rất yên tâm mà nhắm mắt lìa đời. Tôi cầu mong cho Thược Dược với cậu được sớm nên vợ nên chồng, sống trung thành thương yêu nhau trọn đời. Hết đời chúng tôi thì tất cả tài sản, nhà cửa, vườn tược nầy là của nó... Nếu nó là vợ của cậu trong tương lai đương nhiên tài sản đó là của chung. Hai gia đình chúng ta là một...

Giọng nói của cụ Vũ càng nhỏ dần, Bạc phải cố lắng tai mới nghe được. Bà cụ cũng có mặt ở đó và đã nghe tất cả những gì chồng mình nói với Bạc. Đang tiết tháng Mười, xứ Huế mưa dầm ngày nầy qua ngày khác, khí hậu ẩm ướt rất khó chịu, người già yếu, bệnh hoạn không chịu nổi với cơn rét mướt nầy. Bỗng cụ Vũ ho lên một tràng thật dài và bắt đầu cơn suyễn... bà cụ liền lấy thuốc bơm vào miệng cho cụ, nhưng đàm vẫn kéo lên, không thể nào hạ xuống được! Bạc thấy hai mắt cụ Vũ nhìn chòng chòng vào hướng bàn thờ ông bà, gần đó, có bức hình chụp bán thân của Thược Dược treo trên tường... Chàng không còn thấy con mắt của cụ cử động nữa. Sau đó, Cụ đã gục đầu xuống bên gối và ra đi một cách nhẹ nhàng!

Bạc nghe tiếng bà cụ la lên một cách thảm thiết rồi chạy đến ôm lấy người ông cụ lay gọi... Chàng bèn nói:

— Cụ đã tắt thở rồi!

Nghe tiếng bà cụ Vũ khóc một cách khác thường, mẹ của chàng và Kim liền chạy qua chia buồn với gia đình cụ. Bạc liền hỏi địa chỉ của Thược Dược để báo tin, nhưng bà cụ trả lời:

— Tôi không biết!

— Bấy lâu nay Thược Dược không hề liên lạc với gia đình sao?

— Nó đi cả năm nay rồi, nghe nói ở Nha Trang hay Sài Gòn gì đó. Nó có gởi tiền về nhưng không thư từ gì hết! Tuồng như nó làm việc cho...

Bạc không dám hỏi han gì thêm nữa, chàng vội viết cáo phó và phân ưu gởi đăng báo và đọc trên đài phát thanh trong một tuần. Chàng cũng nhờ nhắn tin qua các phương tiện truyền thông, hy vọng Thược Dược hoặc bạn bè của nàng sẽ biết... Theo phong tục, sau khi cụ Vũ qua đời được ba hôm thì chuẩn bị chôn cất. Bạc đã tự đặt mình vào địa vị con cháu trong nhà, nên đã cùng họ hàng bên bà cụ đứng ra lo đám tang cụ Vũ một cách chu đáo theo đúng nghi lễ cổ truyền Việt Nam. Dù sao thì cụ Vũ cũng là một nhà Nho khoa bảng, có tên tuổi tại địa phương, được nhiều người biết đến, bạn bè cùng thời vẫn còn.

Bạc lấy lý do có thân nhân mới qua đời nên đã đánh điện xin thêm mấy ngày nghỉ phép nữa. Sau khi chôn cất cụ Vũ xong, Bạc đã giúp bà cụ lau chùi nhà cửa, thu dọn đồ đạc, sách vở, giấy tờ... Lợi dụng cơ hội đó, chàng đã vào phòng Thược Dược... Những vật kỷ niệm, thư và ảnh của chàng gởi cho nàng vẫn còn để nguyên trong tủ sách. Gối mền vẫn xếp ngay ngắn trên giường, một ít quần áo cũ và giày dép, đồ dùng nguyên vẹn như lúc nàng còn ở nhà. Bạc lật gối lên và thấy một chiếc khăn tay còn mới có thêu hình hoa cúc vàng và mấy chữ màu tím:

"HẬN KẺ BẠC TÌNH"!

Chàng không biết "kẻ bạc tình" đó là ai? Từ lâu, chàng vẫn nghĩ rằng nàng chưa yêu ai và chàng thành thật tin tưởng rằng mình là

người đầu tiên và là người duy nhất đến với nàng. Ba năm thụ huấn tại trường sĩ quan hải quân chàng vẫn gởi thư thăm hỏi, vẫn nhờ Kim tìm cách liên lạc với nàng và chưa bao giờ nghe Kim nói "Thược Dược đã có người yêu"! Nếu có, thì người đó là ai? Chàng tự nghĩ: mình chưa làm điều gì đến nỗi phải mang tiếng với nàng là "kẻ bạc tình"... Ai đã gây nên đau khổ cho nàng ? Nàng bỏ nhà ra đi là vì muốn tìm việc làm để giúp cha mẹ hay là có ý xa lánh mọi người? Nàng không trả lời thư tỏ tình của Bạc phải chăng vì nàng đã có người yêu và đã thề hứa với nhau rồi? Nếu quả thật vì sự xa cách trong mấy năm vừa qua mà nàng giận rồi lên án chàng là "kẻ bạc tình" thì thật quá oan ức cho chàng. Bây giờ chàng không biết tìm nàng ở đâu để giải bày tâm sự. Hồi còn nhỏ, chàng thường nghe mẹ hát ru em:

"Gió đưa cây cải về trời,
Rau răm ở lại chịu lời đắng cay!"

Lời ca dao rất bình dị nhưng đã diễn tả được tâm trạng của chàng trong lúc nầy.

Trước cái tang của cụ Vũ, chàng cảm thấy buồn vì mất một người thân, thương cho Thược Dược đã không được gặp mặt cha của nàng trong giờ phút cuối cùng, và rất ân hận vì chuyện tình cảm của chàng và nàng vẫn còn nhiều trở ngại... Bây giờ, hiểu được tâm sự chua chát của nàng, chàng lại càng buồn hơn. Bạc chọn một tấm hình của Thược Dược để ở trong Album, bỏ vào túi của mình rồi ra đi.

*

Bạc từ giã mẹ và em, rồi qua chào bà cụ Vũ để trở về đơn vị. Chàng đã xin quá giang xe quân đội từ Huế vào Đà Nẵng. Khi xe vừa xuống đèo Phước Tượng thì bỗng một tiếng nổ long trời lở đất, xe bị mìn của Việt Cộng chôn giữa đường... Máu chảy ướt cả mặt, chân tay rã rời, chàng không còn hay biết gì nữa.

Vào khoảng nửa đêm, Bạc cảm thấy trong người đau nhức, chàng bắt đầu cựa mình nhưng khắp thân thể đều bị quấn chặt bởi những lớp băng vải màu trắng nên chàng không cử động được. Chàng ngửi thấy mùi hương trầm và cảm thấy chói mắt vì ánh sáng của đèn điện và những ngọn nến lung linh ở chung quanh mình. Chàng rất ngạc nhiên vì khung cảnh ở đây có vẻ khác thường. Chàng định thần hồi lâu và đưa mắt quan sát... Những xác người nằm la liệt đầy cả căn phòng... Đúng là nhà quàn trong bệnh viện quân đội! Bạc cảm thấy lạnh người: đây là cõi âm hay cõi dương? Mình đang còn sống hay đã chết rồi? Có tiếng bước chân người đang đến gần rồi một toán binh sĩ khiêng những chiếc quan tài vào nhà. Chàng vẫn nằm im lặng, chưa dám lên tiếng cho đến khi người ta đến gần và chuẩn bị khiêng chàng bỏ vào hòm thì chàng liền nói:

— Tôi đã sống lại rồi! Tôi chưa chết đâu!

Những binh sĩ trong đội mai táng bị một cú bất ngờ nên quá kinh hãi, định bỏ chạy. Chàng vội giải thích thêm: — Hôm qua, xe của chúng tôi bị mìn, tôi bị ngất đi nhưng chưa chết. Vào khoảng nửa đêm, tôi đã tỉnh lại. Cám ơn anh em đã cứu tôi thoát nạn.

Nghe Bạc nói rõ ràng như thế, mọi người liền chạy đến đỡ chàng dậy và đặt lên băng-ca đưa vào bệnh viện ngay. Bạc nằm ở đây đến mấy tháng, có lúc khỏe, có lúc rất mệt, đầu óc lộn xộn, khi nhớ, khi quên. Ban hành chánh đã lục tìm giấy tờ trong túi của chàng, lấy tên tuổi, địa chỉ đơn vị để làm tờ trình cho Bộ Chỉ Huy, đồng thời báo tin cho thân nhân biết. Tất cả 4 người cùng đi chung một chuyến xe với chàng đều chết hết, chỉ có một người sống sót là Bạc.

Chàng nhớ lại, trước khi vĩnh biệt cụ Vũ, chàng đã khấn trước mộ cụ:

— "Thưa cụ, xưa nay cháu vẫn xem cụ như người cha. Hôm nay cháu từ giã cụ để trở về đơn vị, đời chiến binh sống chết lúc nào không ai biết trước được. Xin cụ giúp cho cháu hai việc: — Thứ nhất, xin cụ phù hộ cho cháu đi đường được bằng an, khỏi mọi tai nạn hiểm nghèo; — sau đó, xin cho cháu được gặp lại Thược Dược và trở thành vợ chồng, sống trọn đời bên nhau".

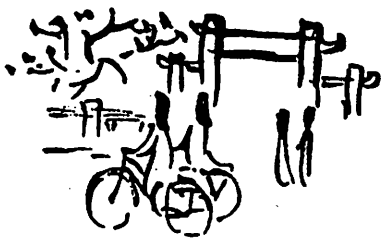

Chàng tin rằng, nhờ phúc đức của ông bà và cũng nhờ vong linh cụ Vũ phù hộ nên chàng mới thoát chết trong tai nạn vừa rồi.

Xuất viện, chàng được cho về nhà đợi tái khám. Chàng ăn uống, đi lại bình thường nhưng trí óc thì rất lộn xộn, không còn làm việc được nữa, cứ ngẩn ngẩn ngơ ngơ suốt ngày. Tình trạng đó kéo dài hơn một năm, cuối cùng chàng được đưa ra hội đồng y khoa và được giải ngũ với cấp độ tàn phế 75 phần trăm. Từ ngày bị tai nạn, thỉnh thoảng chàng lại bị một cơn lạnh run lên bần bật, dù mặc bao nhiêu áo, đắp mấy cái mền và ngay cả khi ngồi bên cạnh lò suởi vẫn không ấm lại được. Uống thuốc Tây chán, chàng lại xoay qua thuốc Bắc vẫn không lành.

Bạc về Nam Giao sống với mẹ và em, thỉnh thoảng chàng vẫn qua thăm và giúp bà cụ Vũ. Chàng cố dò xem tin tức của Thược Dược, nhưng bà cụ vẫn không biết nàng đang làm gì và ở đâu. Vì cảnh nhà đơn chiếc nên bà phải đem một đứa cháu họ về ở cho có bạn và để săn sóc vườn tược. Bạc đứng nhìn những chậu hoa thược dược tàn tạ, khô héo mà đau lòng. Chàng nghĩ đến hoa rồi nghĩ đến người vì cả hai cùng mang chung một cái tên: Thược Dược. Bây giờ chàng mới hiểu được định luật của Đấng Tạo Hóa, muốn sinh trưởng trong trời đất thì phải có hai yếu tố là âm và dương. Cây nẩy mầm, vươn lên, đơm bông, kết trái là nhờ hít thở khí trời (dương khí) và tiếp nhận màu mỡ của đất (âm khí). Con người cũng vậy, có nam thì phải có nữ; có vợ, có chồng mới sinh con cái, lưu truyền nòi giống, hưởng hạnh phúc của cuộc đời. Bạc không có Thược Dược chẳng khác nào hoa không có đất để sống.

Chàng vẫn giữ cái khăn của nàng có thêu bốn chữ "HẬN KẺ BẠC TÌNH"... Nếu quả thật nàng đã mất người yêu hay bị người yêu phản bội thì đau khổ biết mấy! Ước chi "kẻ bạc tình" mà nàng đã "hận thù" kia là Huỳnh Văn Bạc thì vấn đề rất dễ giải quyết. Lúc đó, chàng sẽ đến quỳ dưới chân nàng và nói:

"Anh yêu em mãi mãi và thề sẽ trung thành với em suốt đời. Nếu có điều gì hiểu lầm nhau thì xin em bỏ qua cho anh."

Chàng đề nghị bà cụ cho chàng được săn sóc vườn hoa để có việc làm cho vui và mỗi ngày qua lại, trò chuyện với bà cho khuây khỏa. Như hiểu được tấm lòng chân thành của chàng, bà cụ đã vui vẻ trao tất cả dụng cụ làm vườn, các giống hoa và chậu kiểng cho chàng. Mỗi năm đến tháng Mười âm lịch, người ta chuẩn bị cây giống ương vào chậu, phải làm sao cho hoa nở đúng vào dịp Tết mới bán được giá. Tuy bên ngoài, thân hoa đã tàn tạ, nhưng sức sống vẫn còn tiềm tàng trong lòng đất. Bạc đào lấy củ từ gốc thược dược để gầy giống mới, khi cây đã phát triển, ra hoa thì đem trưng bày trước sân nhà. Chàng ví mối tình của chàng với Thược Dược như cây hoa đã tàn nhưng dưới gốc vẫn còn một chùm củ để có thể phát triển trở lại và ra hoa vào mùa Xuân. Chàng chăm sóc vườn hoa như chăm sóc người yêu là cô Thược Dược vậy.

Cụ Vũ qua đời đã hai năm, nhưng nhờ bàn tay chăm sóc khéo léo của Bạc, vườn hoa Nam Giao vẫn xinh tươi mỗi độ Xuân về và khách quen biết trong vùng vẫn đến đây chọn hoa chơi Tết. Mỗi ngày chàng đến làm vườn, có khi nghỉ lại trong phòng riêng của Thược Dược để thả hồn về dĩ vãng với hình ảnh người yêu của những ngày còn bé bỏng. Bạc đã xâm vào cánh tay phải mấy chữ: "HẬN ĐỜI ĐEN BẠC" và bên tay trái: "BẠC! NHƯNG LÒNG ANH KHÔNG BẠC" để trả lời những chữ thêu trên khăn tay của Thược Dược: "HẬN KẺ BẠC TÌNH".

*

Kim đã tốt nghiệp sư phạm tiểu học. Chồng nàng cũng là giáo viên, cả hai người được về dạy cùng trường gần nhà. Mẹ của Bạc đã đặt điều kiện với bên nhà trai, sau đám cưới, vợ chồng Kim về ở với bà. Bạc vừa lo cho mẹ, vừa giúp bà cụ Vũ. Chàng vẫn ở độc thân và hy vọng một ngày nào đó sẽ được gặp lại người yêu. Từ ngày cụ Vũ qua đời, Thược Dược vẫn không liên lạc với gia đình.

Một hôm Bạc được tin có người đến trao cho bà cụ Vũ một số tiền lớn và cho biết Thược Dược hiện đang ở ngoại quốc. Nàng cũng đã được tin cụ ông qua đời. Bà cụ muốn hỏi thêm một đôi điều, nhưng người đó không biết gì hơn để trả lời. Dù sao thì đây cũng là một tin mừng đối với gia đình bà. Ngày giỗ đầu, một năm sau ngày cụ Vũ qua đời, bà cụ làm mâm cơm, bánh trái, hoa quả để tưởng nhớ cụ. Khách được mời chỉ có mấy người bà con bên bà và gia đình Bạc. Từ ngày Thược Dược đi xa thì Trung cũng không hề lai vãng đến đây nữa. Câu chuyện giữa Trần Minh Chung và Thược Dược kể như chấm dứt, giữa Trung và người bạn cũ đó cũng không còn liên lạc tin tức gì với nhau.

Sau lễ giỗ, bà cụ đã cùng Bạc lên núi Ngự Bình thăm mộ cụ Vũ. Gia đình đã chọn cho cụ nơi an nghỉ cuối cùng tại khu đất hoang phía sau núi, bia mộ chỉ ghi tên, tuổi, nơi sinh quán, ngày mất và người đứng tên lập bia là bà cụ và Thược Dược, con gái duy nhất của người quá cố. Nhân dịp đó, bà cụ đã tâm sự:

— Đáng lẽ ra trên ngôi mộ nầy phải có tên chồng của Thược Dược trong số những thân nhân đứng ra lập bia... Nhưng vì con gái của tôi số kiếp long đong, lưu lạc quê người, duyên phận dở dang nên ngày hôm nay tôi không biết tên chồng nó là ai? (Cũng có thể nó chưa có chồng!) Hôm nay, trước vong linh của ông nhà tôi, tôi muốn nói điều nầy với cậu: — Nếu sau nầy con tôi trở về mà tôi không còn gặp nó được nữa thì tôi nhờ cậu nói lại với nó: "vợ chồng tôi đã xem cậu như là con ruột hay là con rể, nếu nó còn độc thân thì nó sẽ sống chung với cậu cho đến mãn đời. Tôi sẽ làm di chúc, nhận cậu là con nuôi và để lại toàn bộ nhà cửa, vườn tược, tài sản cho cậu sau khi tôi qua đời. Tôi cũng sẽ viết thư để lại cho nó..."

*

Trước đây Bạc rất thích các bài hát: "THỦY THỦ VÀ BIỂN CẢ" của Y Vũ trong đó có câu: *"Với biển cả anh là thủy thủ, với tình nàng anh là hoàng tử... cho anh luôn yêu đời hải hồ..."* hay trong một bài khác mà chàng không nhớ tên tác giả: *"Mắt em màu trùng dương, tóc em như sóng cồn..."* Nhưng bây giờ, chàng rất sợ biển. Có lần bạn bè đưa chàng ra Thuận An chơi, đứng trên bờ Thái Bình mênh mông, tự nhiên chàng cảm thấy một sự mất mát, xa cách đầy tủi hận. Hình ảnh của Thược Dược ở nửa bên kia quả địa cầu càng gợi nhớ trong lòng chàng một nỗi buồn thật chua xót. Bài hát "BIỂN NHỚ" của Trịnh Công Sơn với những câu: *"Ngày mai em đi, biển nhớ tên em gọi về... Ngày mai em đi, đồi núi nghiêng nghiêng đợi chờ. Sỏi đá trông em từng giờ..."* bỗng vang lên trong tâm thức, trong hoài niệm của chàng. Do đó, chàng quyết định sẽ không bao giờ trở lại với đời thủy thủ nữa mặc dù sức khỏe của chàng hiện nay đã ổn định và chàng có thể xin tái ngũ.

Ngoài việc chăm sóc vườn hoa, chàng vẫn còn nhiều thì giờ nhàn rỗi nên phải tìm thêm việc gì làm cho bớt trống trải, cô đơn. Chàng tập làm thơ, viết văn, ghi lại những cảm xúc, những tư tưởng của mình lên giấy. Hằng ngày, chàng vẫn gần gũi với thiên nhiên, cây cối, hoa lá, chim chóc, ong bướm trong vườn. Những hình ảnh đó đôi khi cũng làm cho chàng xúc động để viết văn, làm thơ, ghi lại những cảm xúc, những tư tưởng của mình lên giấy. Chàng mua sách báo về đọc và nghiên cứu thêm về hội họa. Từ nhỏ, Bạc vốn khéo tay nên bây giờ chàng cũng muốn chuyển hướng qua nghề vẽ tranh. Chàng nghĩ rằng nếu có chết đi thì cũng phải để lại cho đời những đứa con tinh thần.

Từ ngày ra khỏi quân đội để trở về cương vị một người dân tầm thường, Bạc tính đã gần năm năm rồi. Chàng vẫn nhớ thương và chờ đợi Thược Dược. Nếu nàng còn độc thân hoặc người chồng đã qua đời, thì Bạc vẫn ước mong được sống chung với nàng. Trong trường hợp nàng nhất quyết từ chối thì chàng cũng không nghĩ đến chuyện vợ con làm gì nữa. Chàng muốn giữ mãi hình ảnh của nàng trong lòng mặc dù tình yêu luôn đòi hỏi phải có đáp trả.

Trước ngày 30-4-1975, bà cụ Vũ đau nặng. Bà đã chuẩn bị sẵn hai bản di chúc có thị thực của chính quyền xã và quận: một bản trao cho Bạc và một bản thông báo cho bà con biết. Sau khi bà qua đời, chàng đem bà về một chỗ với cụ Vũ, xây lăng và làm lại bia mộ chung cho hai ông bà, nội dung vẫn như trước, ngoài người đứng tên lập bia là Thược Dược, con gái của ông bà, còn có tên Huỳnh Hữu Bạc, nghĩa tử. Ngôi nhà cũ nay trở thành từ đường, trên bàn thờ có đủ di ảnh và bài vị của ông bà. Mỗi ngày, chàng mở cửa vào thắp hương, kính cẩn vái ba vái để tưởng niệm rồi ra về.

Trong vườn có đủ các cây ăn trái như cam, bưởi, nhãn, mãng cầu, ổi, đu đủ, mít, chuối, v.v... Cứ đến mùa, chàng đem biếu bà con bên ngoại của Thược Dược hoặc những bạn bè thường lui tới thăm viếng hai cụ. Còn lại, nếu ăn không hết thì bán cho bạn hàng rau quả ở ngoài chợ. Bạc vẫn tiếp tục chăm sóc vườn hoa vì đó là niềm vui của chàng.

Từ khi hai cụ qua đời, Bạc thường ở nhà, ít đi đâu. Chàng cũng không bao giờ đến tiệm cắt tóc hay tiệm may quần áo. Trải qua năm tháng, mái tóc của chàng mỗi ngày một dài thêm như tóc đàn bà. Chàng say mê vẽ tranh đến nỗi áo quần lấm sơn đủ màu mà chàng cũng không quan tâm. Mỗi khi vẽ xong một bức tranh, chàng lại đem treo trong từ đường, dần dần ở đó cũng không còn chỗ nên phải mang tranh ra để ở trước thềm.

Thu năm nay, sau cơn mưa bão tàn phá các tỉnh miền Trung, hàng ngàn đồng bào ở Huế phải chịu đói rét, không còn nhà cửa để trú ẩn. Riêng xóm Nam Giao là một vùng đất cao, tuy không bị ngập lụt, nhưng hoa màu cây trái vườn tược cũng rất tiêu điều. Bạc phải lo sửa sang lại nhà cửa, phục hồi cây cảnh, hoa màu trong vườn. Suốt một tuần trời không mưa, nắng thật tươi, đôi chim hoàng oanh ríu rít trên cành làm cho tâm hồn chàng cảm thấy rạo rực, bâng khuâng. Thời tiết vào cuối Thu mà ấm áp, sáng sủa như thế nầy, thật hiếm có!

Bạc mang giá vẽ ra đặt ở góc vườn, nắng đổ xuống hàng cây, đọng trên lớp lá vàng nằm dưới cội như những mảnh lụa thêu hoa thêu gấm. Hình ảnh Thược Dược lại hiện về trong tâm tưởng như một gợi nhớ xa xôi. Nguồn cảm hứng đang cuồn cuộn dâng trào trong huyết quản làm cho chàng chơi vơi giữa khung cảnh mơ hồ như hư như thực. Bức tranh sơn dầu hiện lên một rừng cây màu hung hung chen lẫn màu vàng, màu lá cuối Thu bắt đầu rụng, loang loáng từng vạt nắng đọng trên cành, trên thân cây, trên mặt đất... Một cô gái tóc thề, áo tím tay cầm vành nón, e ấp đang vào tuổi mộng mơ, tuổi học trò mới lớn, tuổi biết yêu như nàng công chúa đang chờ đợi hoàng tử trong truyện "Nàng Bạch Tuyết với bảy chú lùn..." Nét bút đầy xúc động, hai hàng nước mắt của Bạc bỗng dâng trào, tất cả hình ảnh trên bức tranh dần dần mờ nhạt, chàng không còn nhìn thấy gì nữa. Chàng ngồi đó cho đến khi bóng tối bao trùm cả khu vườn.

29-12-1999

■ ***Nguyễn Lý Tưởng***

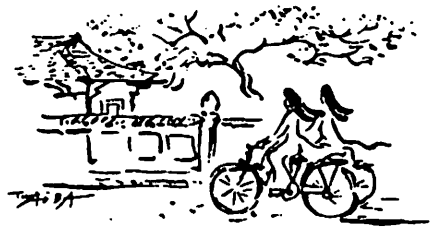

BÀI THƠ CHO HUẾ

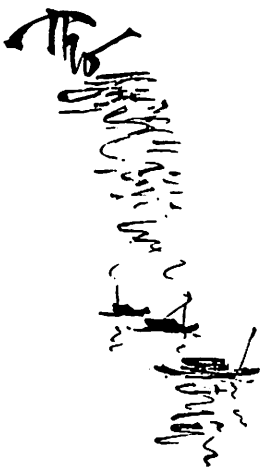

Tháng mấy thì mưa kín núi đồi?
Nhớ nhau chiều lạnh, nước mây trôi
Đời chia đôi ngã, xa bao lối?
Quê cũ vời trông cánh nhạn xuôi.

Anh vẫn nơi đây, sầu chiếc bóng.
Ngày trông, bóng núi nhớ quê nhà
Đêm nghe cố quận về trong mộng,
Một tiếng từ qui vọng bến xa...

Ôi Huế, những chiều mưa rả rích,
Chùa xa trầm ẩn tiếng chuông ngân,
Thuyền ai một bóng trong hiu quạnh,
Chở mối sầu qua mấy bến sông?

Huế, những đêm buồn như cổ tích,
Có nàng cung nữ nhớ quân vương,
Có hoàng hôn ủ trên thành quách,
Có lá me bay trong khói sương...

Huế của những ngày em mới lớn,
Đi qua Đồng Khánh tuổi thơm hương,
Trang thơ dài tóc, tình hoa phượng
Sách vở ôm đầy những vấn vương.

Huế của lòng tôi bao ước mơ,
Cả thời hoa mộng tuổi ngây thơ,
Những ngày tan hợp, đêm chia cắt,
Mỗi bước lưu vong mỗi mịt mờ.

Hăm mấy năm rồi, tay gác trán,
Nằm mơ em ở cuối hoa viên,
Mùi thơm hoa bưởi đêm trăng sáng,
Lá trúc còn che mặt chữ điền.

Hăm mấy năm trời, bao gió bão,
Biết hoa còn nở, cuối vườn trăng?
Biết em còn trắng trong màu áo,
Hay đã gieo neo giữa bụi trần

Huế vẫn im lìm trong ngõ vắng?
Tiếng ve ron rả giữa trưa hè,
Ai qua thôn Vỹ đầy hoa nắng,
Ai xuống Hương Trà xanh bóng tre...

Ai ngược Kim Long, về Bến Ngự,
Ai xuôi Gia Hội, ghé Vân Lâu,
Câu hò mái đẩy, thương trăng nước
Bến cũ tình xưa vẫn đậm màu?

Thôi đã xa rồi, Huế của tôi,
Những tình, những mộng, những yên vui,
Bao nhiêu chớp bể mưa nguồn ấy,
Vắng ngắt, còn chi những giọt bùi.

Tháng mấy thì mưa kín núi đồi,
Chiều nay bàng bạc bóng mây trôi,
Chiều nay có một người xa Huế,
Quê cũ buồn trông cánh nhạn xuôi.

Nov, 2/99
NGUYỄN HUY PHƯỚC

NHỮNG GIỌT NHỚ

Thùy Việt Lân

Ở Hoa Kỳ, với những "Coffee maker" người ta chế ra được chừng mười "cup" cà phê (hoặc hơn), để dùng nóng, lạnh, đen, với đường hoặc với "coffee mate". Cà phê ở đây được uống với cốc lớn như một thứ nước giải khát và coffee maker phục vụ cho số nhiều người trong thời gian ngắn. Chỉ cần mươi, mười lăm phút là có cà phê để uống.

Dùng cà phê như vậy không phải là cái thú ẩm thực của người Việt Nam chúng ta. May mắn là ở các chợ Á Đông trên đất Mỹ có bày bán những "single filter", tức là các "phin" cà phê cá nhân mà ta thường dùng ở Việt Nam.

Tôi đã mua được một cái phin này vào những ngày mới bước chân đến Hoa Kỳ và rất lấy làm mãn nguyện gặp lại một vật dùng quen thuộc. Hàng ngày, dùng nó pha một tách cà phê đen nhỏ để uống với các loại cà phê sản xuất ở đây, tuy không hợp lắm với cái "gu" của mình, tôi vẫn thấy thích thú hơn là dùng ly cà phê lớn được chế ra từ cái Coffee maker kia.

Nhâm nhi từng ngụm nhỏ cà phê tôi hồi tưởng những ngày còn ở trên đất Huế mến yêu.

Hồi đó, tôi và một người bạn, nhà văn H.S., vào những ngày chủ nhật vẫn thường gặp nhau ở quán Lạc Sơn, một nhà tứ giác trước mặt chợ Đông Ba. Cà phê Lạc Sơn được nấu trong ấm lớn, có cái bọc vải để chứa một lượng cà phê xay thích hợp, có dáng hình như chiếc tất. Nước sôi ngấm qua bọc này để cho ra một lượng cà phê đậm đặc, mà người ta vẫn gọi là cà phê "bí tất". Vì cần phục vụ số đông khách, nhà hàng đã dùng loại cà phê này, vừa chế ra được một lượng lớn trong thời gian ngắn mà vẫn có vị đậm và khéo chế thì cũng có hương vị thơm ngon. Tuy nhiên, quán cà phê nào cũng có phin cà phê cá nhân, dành cho khách ưa dùng loại này, thường là thiểu số.

Trong sinh hoạt rộn rịp, xôn xao của phố phường ở quãng đường Trần Hưng Đạo và chợ Đông Ba, chúng tôi không có cái không khí thích hợp để ngồi bên phin cà phê nhỏ và thưởng thức ý vị riêng của nó. Chúng tôi chỉ mượn ly cà phê Lạc Sơn — không phải là ngon nhất ở thành phố Huế — để ngồi lại với nhau, vừa trò chuyện, những câu chuyện gẫu, vừa nhìn ra phố Trần Hưng Đạo với những dòng người qua các cửa hàng, hoặc những dòng xe lướt qua trên đường phố. Phần nhiều là xe đạp, thỉnh thoảng mới thấy một vài xe ô tô. Hồi đó, hai bên đường Trần Hưng Đạo còn có những gốc "đoát" già, những cây phượng vĩ, mùa hè hoa đỏ nở rộ trông rất đẹp mắt. Ngồi ở quán Lạc Sơn, chúng tôi còn được thấy những tốp người lần lượt đi vào chợ Đông Ba để mua sắm hàng hóa, thực phẩm, phần nhiều có dáng vội vã. Tất nhiên là có những bóng hồng, tô điểm nét tươi thắm cho bức tranh sinh hoạt của phố phường.

Chỉ một vài hoạt cảnh đó, đôi nét thiên nhiên đó, qua ly cà phê nhâm nhi chậm rãi, chúng tôi có cái thích thú đặc biệt trong buổi sớm hay buổi chiều của một ngày rảnh rỗi. Buổi đó, nếu gặp ngày trời tốt, với nắng tươi đẹp thì ly cà phê đá cho chúng tôi cái cảm giác như vừa uống được những ngụm nước mát của giòng Hương giang. Vào những ngày mưa lạnh, thì cái nóng của cốc cà phê làm cho chúng tôi cảm thấy ấm nồng hơn lên khi nhìn cơn mưa đổ bụi trên mái phố cũ, trên vỉa hè xưa đã có nhiều vết loang lổ, nứt nẻ, được lót bằng loại ca-rô từ thời Pháp thuộc, khi mà đường Trần Hưng Đạo còn gọi là đường Paul Bert. Anh bạn tôi, vẫn có cái thú đốt lên những điếu thuốc lá "Bastos xanh", loại nặng dành cho dân nghiền thuốc lá đen, vừa nhả khói vừa uống những ngụm cà phê với vẻ khoái trá. Anh đã viết nên những thiên truyện ngắn, dài đăng trên một nhật báo ở Huế, sau những giờ ngồi trầm tư ở quán cà

phê này. Có lẽ vì vậy anh ít chịu ngồi uống cà phê ở nhà, mà chịu khó đạp nhiều vòng xe từ nhà ở ngoại ô đến đây để tìm hứng viết.

Quán cà phê Lạc Sơn đã lôi cuốn được nhiều khách nhờ ở vị trí thuận lợi này, mà ẩm khách phần đông là giới trẻ vẫn có cái thú tụ hội với nhau trên chiếc bàn vuông nhỏ, ghế thấp đặt trước quán, để ngó mông lung vào chợ hoặc ra ngoài phố. Trong quán, cũng có những ghế cao ngập nghệu ngang tầm quầy hàng (chỗ ngồi thâu tiền) hình vòng cung, cho khách ngồi uống cà phê được bày trên đó. Có người vẫn có thích thú vừa uống cà phê, vừa lúc lắc mình miệng phà khói thuốc, để tai lắng nghe những bài hát của ban hợp ca Thăng long, qua máy truyền thanh.

Ở quán cà phê Lạc Sơn thường có các em bé xách cái thùng gỗ đựng giẻ và "xi" đến mời khách đánh giầy. Khách gật đầu bằng lòng hoặc miễn cưỡng vì lịch sự, em bé đặt chân khách lên thùng gỗ, lấy giẻ tẩm xi cọ xát một hồi cho giầy bóng lộn lên — khách biếu em một số tiền nhỏ. Một số trẻ khác mời mua báo, thuốc lá lẻ, vé số kiến thiết... Thỉnh thoảng xẩy ra một cuộc cãi vã, xô xát ở các gian hàng trước mặt chợ, giữa người mua kẻ bán, hoặc những vụ mất cắp để cảnh sát xuất hiện can thiệp.

Ngồi ở một góc quán nhìn ra bên ngoài, người ta thấy một phần nào sinh hoạt của thành phố Huế. Đây là một dòng sống bình thường, êm ả, trôi qua trong những năm tháng an lạc, khi xã hội chưa bị xô đẩy vào hoàn cảnh kinh tế khó khăn để con người phải luôn luôn bận bịu, hối hả chạy theo cuộc sống dưới ảnh hưởng phát triển của cơ giới. Ngồi ở quán Lạc Sơn, tôi từng hưởng được niềm vui gặp gỡ bạn bè, qua tách cà phê với giờ phút trò chuyện triền miên đậm tình tri kỷ. Nay người bạn của tôi không còn nữa, nhưng mỗi lần nâng tách cà phê lên môi tôi lại nhớ đến hình ảnh của anh, một người cao gầy, mái tóc lòa xòa hai bên thái dương, đã qua đời vì cơn bệnh hiểm nghèo vẫn hay dành cho những nhà văn đã trải nhiều đêm thức lao tâm để hiến cho đời những tác phẩm cao đẹp.

Uống cà phê ở quán có cái thú như vậy đó. Nhiều người vẫn thích uống cà phê ở quán, không phải chỉ là để thưởng thức cái hương vị thơm ngon của cà phê mà còn để tìm cái ý vị của cuộc sống rộn rã, tấp nập ở quanh mình, bên cạnh những giờ phút nhàn rỗi của họ.

Ngoài những buổi đi uống cà phê với bạn bè ở quán, tôi cũng có cái thú nâng tách cà phê được pha ở nhà với cái phin, để bình văn thơ với bạn bè, hoặc nhẩn nha thưởng thức một mình bên phin cà phê đơn độc. Uống cà phê phin cũng là thưởng ngoạn một nghệ thuật ẩm thực, như thú uống trà (trà ẩm) vậy.

Cây cà phê có gốc gác Âu tây, được du nhập vào Việt Nam từ thời Pháp thuộc, nên ở cao nguyên đã có những đồn điền cà phê. Nhưng cà phê thường được ưa chộng trước đây là cà phê Martin, trồng ở đảo Martinigne thuộc Pháp, được nhập vào Việt Nam, qua ngã Pháp quốc. Hạt cà phê được rang xay theo lối Pháp, có tẩm bơ để gia tăng hương vị. Nhà hàng có nhiều loại cà phê bày bán: cà phê nguyên hột, để uống hoặc rang chín, cà phê rang đã xay nhỏ. Cà phê xay có thứ mầu nâu sẫm, có thứ màu nâu nhạt ngả vàng trông lạ mắt. Sau năm 75, không có cà phê nhập cảng, vùng cao nguyên Việt Nam đã sản xuất được nhiều loại cà phê ngon, nổi tiếng là cà phê Ban Mê Thuột và đặc biệt là cà phê *"Cứt chồn"* dù có cái tên không đẹp! Cà phê này được chế biến từ những hạt cà phê nhặt trong phân của loài chồn hương. Loài chồn ăn những trái cà phê chín, hạt không tiêu hóa được đã quyện lẫn chất xạ tiết trong ruột, trước khi thải ra ngoài. Do vậy, cà phê (cứt chồn) có hương vị ngon đặc biệt.

Chọn loại cà phê để uống là điều kiện căn bản. Thứ đến là chọn (phin). Người ta đã bày bán nhiều loại phin bằng nhôm, nhiều cỡ, nhiều kiểu khác nhau, nhưng đều là phin dùng cho cá nhân, nhiều lắm là cho vài người. Nay ở Hoa Kỳ các cửa hàng Á đông có bán loại phin sắt mạ kền, ở trong lòng phin có cái trục để lắp tấm ép (có châm lỗ thủng) vặn xoay được, tiện nén chặt cà phê trước khi cho nước sôi vào. Loại phin này dùng tốt hơn loại phin cũ — có tấm ép gài lơi lỏng dễ bật sút khi nước sôi được chế vào phin. Phin cà phê có bộ phận nén tốt thì nước cà phê mới đậm đặc được. Sau phin là tách. Cà phê được chế vào tách sứ men trắng trông hấp dẫn hơn vì càng thấy màu cà phê đen đậm hơn lên. Có người thích chế vào ly thủy tinh để thấy suốt

qua ly những giọt nước đen rơi chậm rãi vào trong tách như đếm từng giọt thời gian.

Vào thời buổi sinh hoạt đắt đỏ, có người ưa mua cà phê nguyên hột đã rang chín, đem đến một hiệu bán bánh kẹo, có sẵn máy xay, thuê người ta xay nhỏ, để khỏi mua loại cà phê xay bán sẵn, thường bị nhà buôn pha trộn bằng bắp rang xay nhỏ để có nhiều lời hơn. Sau năm 75 bơ nước ngoài đắt giá, những người sản xuất cà phê đã dùng loại mỡ (edible fat), pha chút nước mắm lấy vị mặn, để rang cà phê, đây là loại cà phê của thời gạo châu củi quế.

Cà phê nguyên chất rang xay rồi, bốc lên một hương vị đặc biệt mà người sành sõi có thể nhận biết được. Khi chế ra, cà phê có vị đậm vừa đắng vừa ngọt trên đầu lưỡi, gây nên cảm giác kích thích nhẹ nhàng.

Trước khi pha chế, phải biết lường một lượng cà phê xay nào đó hợp với sức chứa của phin. cho cà phê vào phin xong, xoay tấm ép khớp vào trục (hoặc gờ của loại phin cũ) để nén chặt cà phê. Cà phê không được nén chặt, khi có nước sôi chế vào sẽ tung vương vãi trong phin làm giảm bớt vị đậm của nước sau khi lọc. Dùng nước thật sôi để chế, cà phê mới đủ độ nở và tiết hết tinh chất, nước mới có mầu đen đậm, nếu không ta chỉ có một thứ nước lờ lờ như nước trà pha đậm thôi. Cho vào phin một lượng cà phê đầy đủ và nén chặt, khi vừa chế nước sôi vào, cà phê không chảy kịp, có người lấy muỗng cà phê trở mặt cong cà dưới đáy phin một lát, hoặc lật ngửa nắp phin áp xát vào mặt đáy phin, một hồi sau gỡ nắp ra, do sức cuốn hút của hơi nước nóng, cà phê từ từ đổ giọt xuống, cho lượng nước đen đậm đặc. Chế cà phê phin mà không cho đủ lượng cà phê và không dùng nước sôi già thì sẽ thấy nước đổ dòng xuống nhanh, nhạt màu, uống chẳng có vị gì.

Có người thích vị đắng của cà phê nên không dùng đường, mặc dù cà phê rất đậm đặc. Đó là hạng "siêu ẩm". Ở Hoa Kỳ người ta cũng hay dùng loại cà phê không đường, song nước không đậm do những Coffee maker cung cấp, thường dùng kèm theo các bữa ăn hay bất cứ lúc nào người ta muốn.

Có người thích uống cà phê vừa đậm vừa ngọt và cho nhiều đường vào. Người Việt miền Nam thích uống cà phê đá với ly lớn, cũng vì thời tiết nóng quanh năm. Có người hay uống cà phê sữa nóng vào buổi ăn sáng. Cũng có người dùng loại cà phê (uống liền) (Instant coffee) của Âu Mỹ cho tiện thì giờ sinh hoạt.

Thường thì người nghiền cà phê vẫn có thói quen dùng một lượng vừa phải cà phê phin đen, đậm đặc, vào bất cứ giờ nào trong ngày với một ít đường. Đường uống cà phê là loại đường trắng mịn, đặc biệt có loại đường viên, hoặc đường thẻ. Cà phê đậm chế vào tách xứ trắng, nâng tách lắc nhẹ, nước cà phê bám vào vành tách một đường vòng vàng trông rất thích mắt.

Vào những ngày mưa lạnh, đi đâu về, pha một tách cà phê nóng, cho vào một ít rượu "rhum" — theo cách người Pháp — để uống cho ấm người, ta lại thấy thêm một thú vị trong nhiều lối uống cà phê.

Sau năm 75, ở Huế có quán bán cà phê "kho", một loại cà phê lạ. người ta dùng ấm nấu một lượng lớn cà phê, cô đặc lại, rồi cho vào hũ. Khi khách đến uống thì múc cà phê kho cho vào ly, chế nước sôi vào và quậy tan ra. Loại cà phê này cũng tương tự như cà phê "bít tất", có cái tiện về thời gian pha chế và phục vụ.

Uống cà phê cũng như uống trà, phải ngồi bên cạnh ấm trà hoặc bên cái phin, tự tay mình pha chế theo ý thích mới có nhiều thú vị. Nhất là khi người ta có thì giờ nhàn rỗi, ngồi đối ẩm mạn đàm, với thân hữu, hoặc là độc ẩm.

Trong những giây phút đó, ngồi nhìn hoặc lắng nghe từng giọt cà phê rơi xuống lòng tách, để trầm tư về ý nghĩa của cuộc sống, tưởng niệm những bóng hình đã đi qua trong đời mình, hồi tưởng bao nhiêu kỷ niệm, hoặc buông mình theo dòng cảm nghĩ miên man để sáng tạo văn chương nghệ thuật...

Người xưa có nói: *"Nhất ẩm, nhất trác giai do tiền định"*, tôi nghĩ rằng cái thú uống cà phê, như thú uống trà, với tính chất nhàn tản của nó, rồi cũng sẽ là những "vang bóng một thời" không còn tồn tại trong dòng sống "tốc độ" của thời hiện đại.

■ ***Thùy Việt Lân***

Sự thật về bản điều trần của **NGUYỄN TRƯỜNG TỘ với Vua TỰ ĐỨC**

Tôn Thất Tùng

Từ hơn một thế kỷ qua, trong các cuộc trà dư tửu hậu hay trên giấy trắng mực đen, mỗi khi nhắc đến câu chuyện lịch sử của Nguyễn Trường Tộ với vua Tự Đức vào cuối thế kỷ 19, người đời thường tỏ ý thán phục những tư tưởng canh tân đất nước của Nguyễn Trường Tộ và nặng lời chê trách vua Tự Đức. Thậm chí có người còn phát biểu: "Càng tìm hiểu Nguyễn Trường Tộ, tôi càng thấy xót xa thương cảm ông và càng căm giận vua quan triều đình nhà Nguyễn, toàn những kẻ tối tăm và thủ cựu". Ý muốn nói vì triều đình vua Tự Đức không chịu nghe những lời điều trần của Nguyễn Trường Tộ để từ đó đi đến hậu quả mất nước vào tay thực dân Pháp.

Vậy sự thật ra sao? Bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ gồm có những gì và thái độ của vua Tự Đức với bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ như thế nào? Để tìm hiểu một sự kiện lịch sử trọng đại của đất nước có liên quan đến một giòng họ lớn, chúng tôi đã bỏ nhiều công phu sưu tầm các tài liệu tản mạn khắp nơi, nay ghi chép lại để cống hiến bạn đọc để tùy nghi phê phán của quý vị thức giả.

Theo tài liệu chúng tôi tham khảo, từ năm 1866 đến năm 1871 là năm Nguyễn Trường Tộ qua đời, không phải một mà có đến hàng chục bản điều trần của ông được đệ trình lên Triều đình Huế. Trong số 58 văn bản dài ngót hai triệu chữ (theo Viện Sử Học Hà Nội) của Nguyễn Trường Tộ đệ trình, có đến 35 văn bản có thể xác định rõ những người ký nhận gồm có: "Cơ Mật Viện đại thần", "Lục Bộ đại thần" hay các "đại nhân" danh tiếng như Phan Thanh Giản, Trần Tiễn Thành, Phạm Phú Thứ và Ngụy Khắc Đản.

Trước khi trình bầy thái độ của vua Tự Đức đối với đề nghị cải cách của Nguyễn Trường Tộ, tưởng cũng nên nhắc lại nơi đây những gì mà Nguyễn Trường Tộ đã nêu lên trong các bản điều trần:

1- Bàn về tình thế lớn trong thiên hạ (1863)
2- Bàn về tự do tôn giáo (1863)
3- Kế hoạch duy trì hòa ước mới (1864)
4- Về việc mua và đóng thuyền máy (1864)
5- Kế hoạch khai thác tài nguyên đất nước (1864)
6- Dùng giám mục và linh mục trong việc canh tân (1866)
7- Về việc học thực dụng, đề nghị mở trường Kỹ Nghệ ở Huế (1866)
8- Phải tạm thời dựa vào Pháp (1866)
9- Bàn về khả năng lấy lại 3 tỉnh đã nhượng cho Pháp (1866)
10- Tổ chức việc khai mỏ và đào tạo chuyên viên (1867)
11- Về việc gởi người đi học ở Pháp (1868)
12- Kế hoạch thu hồi 6 tỉnh Nam Kỳ 91871)
13- Bàn về quan hệ với người nước ngoài (1871)
14- Bàn về cải cách phong tục (1871)
15- Về việc chỉnh đốn quân đội và quốc phòng (1871)
16- Về chính sách nông nghiệp (1871)
17- Đề nghị nên mở cửa giao thương (1871)

Qua các tài liệu đã tham khảo, mặc dù chúng tôi không được đọc những đề nghị cụ thể trong các văn bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ, nhưng dù chỉ với những "đầu đề" trên đây, chúng tôi phải công nhận rằng đó là những điều tâm huyết của một con người dồi dào kiến thức, có một tấm lòng thiết tha nồng nhiệt đối với tiền đồ tổ quốc. Riêng vua Tự Đức, trước khi phê phán, chúng ta nên tìm

hiểu người lãnh đạo quốc gia vào thời đó có lắng nghe và tin cậy Nguyễn Trường Tộ hay không? Và sau đây là những chi tiết liên hệ giữa vua Tự Đức với Nguyễn Trường Tộ:

1- Vào năm 1867, sau khi phái đoàn Phan Thanh Giản đi Pháp thương lượng chuộc 3 tỉnh miền Tây không thành, vua Tự Đức đã khiển trách vị quan đầu Triều, Trần Tiễn Thành, là không sưu tập và tâu kịp thời bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ liên hệ đến "khả năng lấy lại 3 tỉnh đã nhượng cho Pháp" (bản điều trần năm 1866).

2- Để giải quyết vụ tàu London do thống soái La Grandière chỉ huy với mưu đồ lấn chiếm các tỉnh miền Đông, vua Tự Đức cho triệu Nguyễn Trường Tộ về kinh đô bàn bạc với Trần Tiễn Thành và Phạm Phú Thứ tìm cách đối phó và thảo thư gửi La Grandière. Trong phó bản bằng Hán văn hiện lưu giữ tại Viện Sử Học Hà Nội có "châu phê" của vua Tự Đức: *"Bài này lý lẽ rất mềm dẻo, không chống, không theo. Rất nghiêm chỉnh mà trang nhã, kiến cho họ (Pháp) biết không thể hiếp chế mình được, thật là không dạy mà cũng như dạy cho họ vậy"*.

3- Sau khi Nguyễn Trường Tộ trở về quê nhà ở Nghệ An, ông có làm thêm một tờ biểu, nhờ quan đầu tỉnh Nghệ An chuyển về Huế, nhắc nhở Triều đình lưu ý đến những đề nghị của ông. Vua Tự Đức đã phê vào văn bản: "Nguyễn Trường Tộ có thể dùng được, Bộ Lại nên xét phong quan chức để dùng", đồng thời vua cử Trần Tiễn Thành và Phạm Phú Thứ ra Nghệ An tiếp xúc với Nguyễn trường Tộ. Khi trở về kinh, Trần Tiễn Thành đã thừa nhận với vua Tự Đức rằng: *"Nguyễn Trường Tộ và Nguyễn Hoằng (?) "không phải là người vong bản", nhưng vì thể chất yếu đuối, không muốn nhận quan chức, chỉ sẵn sàng làm mọi điều Triều đình sai bảo"*.

4- Tuy chưa thực hiện kế sách của Nguyễn Trường Tộ nhưng vua Tự Đức đã trân trọng lưu ý các đề nghị của ông khi quyết định giao cho các đại thần thân tín nghiên cứu các bản điều trần với chỉ dụ: *"Nghiên cứu các khoản nên chăng, khoản nào nên làm ngay, khoản nào sẽ xét lại. Phúc trình riêng có bao nhiêu nguyên bản, xét kiểm sơ qua để tiện xem, nên đóng chung để khỏi thất lạc"*.

5- Vào năm 1866, do lời của một vị giáo sĩ, viên Kỹ sư người Pháp tên Cassin đến Huế tiếp xúc với Nguyễn Trường Tộ, được Nguyễn Trường Tộ đề nghị Triều đình nên thu dụng Cassin để mở Trường Kỹ Nghệ huấn luyện chuyên môn cho người Việt Nam (bản điều trần năm 1866) nhưng một số đại thần không thuận, viện lý do "quá tốn kém". Người bác bỏ ý kiến "quá tốn kém" và cương quyết dùng chuyên viên kỹ thuật này chính là vua Tự Đức khi Ngài cho rằng: *"Đã đem Cassin về Việt Nam thì không nên bỏ phí, nên để "hắn" ở lại dạy nghề chuyên môn cho mình"*. Theo tài liệu của Viện Sử Học Hà Nội, hiện có một văn bản của sử gia (?) Trương Bá Cần ghi: *"Sở dĩ dự án thành lập trường Kỹ Thuật ở Huế không thành là do sự cản trở của Nguyễn Tri Phương và Nguyễn Trọng Bình là hai vị đại thần có thế lực trong Triều đình"*. Điều này không biết thực hư thế nào, nhưng theo chỗ chúng tôi biết thì tại Huế có trường Kỹ Thuật, trước năm 1945 mang tên "Ecole Industriel de Huế" thường được gọi là trường "Bá Công", theo nghĩa chữ Hán là "Một Trăm Nghề". Sau 1945 đổi thành "Trường Kỹ Thuật Thực Hành". Trường tọa lạc bên giòng sông An Cựu, gần cầu Phú Cam, đối diện nhà bà Cả Lễ, chị của cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm.

Ngoài sự kiện trên đây, phải kể đến việc Nguyễn Trường Tộ đã trực tiếp thảo luận với các quan đại thần vâng mệnh vua Tự Đức nghiên cứu các bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ. Lúc đầu có Nguyễn Bá Nghi, Phan Thanh Giản, Phạm Phú Thứ, Ngụy Khắc Đản và Trần Tiễn Thành. Về sau thêm Nguyễn Tri Phương, Nguyễn Trọng Bình, Phan Huy Thọ, Đoàn Thọ, Nguyễn Văn Phong, Hoàng Tá Viêm và Trần Nhượng. Dù trong số các đại thần trên đây có những ý kiến khác nhau, người thì chủ hòa, kẻ thì chủ chiến, nhưng tất cả đều tỏ ra cẩn trọng, một khi không đồng ý một vấn đề gì đều phân tích nguyên nhân một cách minh bạch. Vậy kế sách canh tân đất nước của Nguyễn Trường Tộ nếu chưa thực hiện được dưới Triều Tự Đức, không phải là ông không được lắng nghe và tin cậy. Thiết tưởng hậu thế không nên võ đoán trước khi tìm hiểu lịch sử một cách chính xác.

■ ***Tôn Thất Tùng***

KỶ NIỆM

Thu Hà

Nàng thấy mình chạy trên hành lang trường Đồng Khánh vắng lặng, băng ngang lớp học có bộ xương người, kê ở một góc, băng ngang khoảng rộng sân chơi trong nhà, nền xi măng láng bóng, chỗ này người ta gọi là cái préau; băng qua vài lớp học trống nữa, đến một góc quẹo, nàng dừng và nhìn vào phòng trống, hình như là của bà cai. Nàng nhìn qua dãy lớp học bên kia, các chị lớn thường nói, "Đừng qua bên đó, bên đó là của Khải Định." (Hồi đó, trường Khải Định mượn một dãy lớp học của trường Đồng Khánh). Nàng cứ đứng đó mà lo sợ. Nỗi lo sợ vô cớ của một giấc mộng.

Đã trên năm mươi tuổi, cơn mộng vẫn cứ đến với nàng trong cái nhìn của một đứa bé gái sáu tuổi. Cơn mộng cứ đến mỗi đêm và làm cho nàng choáng ngợp vì bất lực mà không đuổi nó đi được.

Mà đuổi nó làm gì? Phải chăng những ngày xưa ở Huế là những ngày vui nhất đời nàng?

*

Hồi đó, khoảng năm 1954, tôi học ở dãy nhà nhỏ họ xây thêm sân sau trường Đồng Khánh cho các em Tiểu học. Mỗi buổi sáng, mụ vú của Thúy Minh là con của bà Quang, Giáo viên, đều đem tới cho Thúy Minh một ly sữa cao đầy và bà Quang bắt Thúy Minh uống ngay trong lớp, trước mặt các bạn. Tụi tôi, khoảng ba chục đứa con gái nhỏ đều chố mắt nhìn chuyện ni. Đến bây giờ, tôi vẫn còn bụm miệng cười. Chuyện ni không thể xảy ra ở bất cứ lớp nào bên Mỹ được, chỉ có trường Đồng Khánh, chỉ có ở Huế. Sau này, gặp lại một bạn gái cũ (tha hương ngộ cố tri), bạn tôi cũng còn nhớ chuyện này. Lại còn Cô Huệ dạy tôi tập viết. Vốn quen xài tay trái, nên chữ a đầu tiên trong đời tui viết ngược. Cô Huệ cười quá chừng. Còn hôm văn nghệ đắc ý nhứt trong đời tôi, chị Lục Hà hát bài Tình Nước, các cô, các trò đều xuýt xoa, mê mẩn. Đây là lần đầu tiên chị hát trước công chúng. Hôm đó, chị Hương Thủy hát cũng rất hay. Các màn vũ và kịch cũng rất tới. Sân khấu dựng ở préau. Hôm đó tôi mặc một cái áo đầm voan màu hồng có chấm trắng li ti, tay phồng và đằng sau có thắt một cái nơ to tướng. Mẹ tôi may cái áo này và bà cứ suýt xoa khen tài mình hoài. Bà cứ nhắc đi nhắc lại: "Cái áo đầm của con đẹp quá."

Mùa hè chúng tôi ở Vỹ Dạ, nhà của ông bà ngoại. Nhà nhỏ thôi nhưng rất xinh, người xây nhà có vẻ muốn dồn hết tâm trí một hưu quan vào ngôi nhà này. Đằng trước nhà có hồ sen, rồi hàng rào bằng cây chè, rồi một thửa ruộng bằng bàn tay, rồi một hòn non bộ, một sân nện đất với đàn gà đi lang thang, kêu chíp chíp. Trước mặt là một cây tử vi và một cây sầu đông. Bên hông nhà là một cây mai đặc biệt, cánh kép rất to lớn và phong nhã. Gần đó là một lạch nước trong veo với sỏi trắng. Đây là biên giới rất nhã nhặn của ông ngoại tôi để ngăn ông anh vợ và gia đình ông ở bên cạnh, đừng có lai vãng. Ông lại trồng một cây vả trứ danh, cành lòa xòa xuống tận mặt nước. Vả trái rất ngọt và dòn, ăn với mắm ruốc rất là tuyệt vời. Đằng sau nhà là một dàn gấc để nấu xôi, một cây mít, một ao cá chạy dài suốt trong vườn ra tới đường Thuận An. Ao này cũng để chận đường đi nước bước loạng quạng của chú em vợ ở phía sau nhà. Phía đường cái, bà tôi trồng một cây dừa,

mãng cầu và một cây khế ngọt. Vườn của bà tôi có những luống cải, cây rau răm, cây lá dung, cây sắn, cây lá gai, giây khoai, hành, ngò, tỏi, riềng vân vân... rất là thực tiễn. Còn phía vườn của ông tôi thì toàn là hoa, hoa thược dược, hải đường, hoa lan tím, ôi thôi đủ thứ hoa thanh tao để ổng thưởng thức. Ban đêm ông thường đốt đèn đi bắt sâu với một cây kéo, đôi khi ông dắt tôi đi theo. Ông rất cưng tôi vì tôi nhỏ nhất trong nhà.

Tuy là người lớn rất nể nang nhau, nhưng tôi thích nhất là băng ngang con lạch qua nhà ông Phủ, tức là nhà ông anh vợ của ông ngoại tôi. Có một hàng dậu ngăn hai nhà cạnh con lạch, nhưng lại chừa ra một khoảng trống làm cái cổng "thiên nhiên" để đôi khi hai nhà "thông thương" với nhau. Vào những buổi trưa hè, gió mát thổi từ ao sen, ve kêu, tre lắc kút kít, là tôi phóng qua nhà ông Phủ vì tôi có hẹn. Không phải là có hẹn với ông anh họ nào, mà vì bà Phủ đợi tôi đến nhổ tóc bạc. Bà là một người mập phốp pháp, rất vui tính và đọc rất nhiều truyện cổ Trung Hoa. Bà ngồi đợi tôi ở nhà ngang, thế là tôi sà vào nhổ tóc cho bà. Để bồi đáp, bà kể tiếp chuyện Tam Quốc. Đến đoạn Triệu Tử Long phò A Đẩu, bà thích chí la lên: "Rứa mới gọi là trung." "Trung là chi bà?" Cứ thế tôi được kể hết cuốn Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa theo lời bà Phủ. Mà tóc bà vẫn không hết bạc. Đến năm bốn mươi, tôi mới hiểu Tam Quốc Chí là gì, vì hồi trước bà nói loạn xạ. Bà chắc phải rất cô đơn vào thời gian đó nên mới nói chuyện với con nít.

Nhà của ông Phủ là một tòa nhà rất nguy nga, sau này các chị tôi về Huế thăm lại và than rằng: "Trời ơi, cái nhà nhỏ chút chẻo mà răng hồi đó tau thấy nó vĩ đại quá!" Bên trong có nhiều phòng trống, treo toàn tranh vẽ của người con trai ông Phủ. Ông vẽ rất tài hoa và tranh ông để lại Huế rất nhiều, trong nhà tắm cũng có, trong nhà kho cũng có. Ông em trai là người rất lịch sự và học giỏi, làm đến chức Bộ Trưởng của chính phủ Trần Trọng Kim. Bà ngoại tôi, tức là chị của ông, kể lại rằng lúc sinh ông ra thì có một ngôi sao lửa đỏ từ trên trời rơi xuống, làm nhà tranh của ông cố tôi cháy rụi (như là A Đẩu vậy).

Tuy ông ngoại tôi rất lạt lẽo nhưng vẫn tổ chức nhiều trận tài bàn, xâm hường liên tiếp. Ông bà Phủ cũng qua dự trận rất vui thú và thanh nhã. Trong những dịp này, tôi được gặp các cụ như cụ Thúc Giạ và các hưu quan khác. Các cụ bàn tán rất hăng say về thời thế và thôi thì lúc cười, lúc sầu. Ôi chao, nói sao hết được về những lối tiêu khiển rất thanh tao của các cụ: Thơ, trà, rượu, nem nướng, chè đủ loại, bánh canh, cơm hến, bún bò. Gánh nào đi ngang cũng ghé các cụ. Tôi đứng loanh quanh cũng nghe lõm bõm về bom nguyên tử ở Nhật, Hitler, chiến tranh Cao Ly, trận Điện Biên Phủ vân vân... lại được lúc thì một cuốn nem, lúc thì chén chè hạt sen. Phận sự của tôi là lượm bài rớt qua khe sập. Sập là hai ba tảng gỗ bóng ngời, ghép lại với nhau nên có khe hở. Khi các cụ liệng bài vì khích động hay vô ý, thì bài rớt qua cái khe sập, thế là tôi nhanh nhẹn chui xuống lượm lên, hớn hở trả lại cho các cụ (hai tay!). Các cụ khen: "Quân bay giỏi a!", rứa là tôi hãnh diện hơn chú lính lệ.

Khi nào các cụ ra về, áo gấm, áo đen, khăn đống, ba toong khua tùm lum, nói giọng sang sảng rất oai vệ, là cả nhà phải đưa tiễn các cụ ra tận cổng. Ôi sao mà cổ kính và thơ mộng quá. Cảnh này ngày nay làm sao còn nữa?

Khách khứa ra về, ông ngoại tôi ngồi đọc sách, ngâm thơ, uống trà một mình. Có những buổi trưa hè, ông nằm ngâm nga thơ chữ Nho, mà không ai hiểu ông ngâm gì. Tay ông gõ tóc tóc rất là hứng thú lên trên mặt sập. Có lần ông muốn dạy tôi học chữ Nho mà tôi không chịu, nên ông chỉ dạy tôi được cửu chương chín theo chữ Nho: "cửu cửu bát nhứt, bát cửu thất nhị". Thật là tôi dại quá, nếu thời đó tôi để cho ông dạy chữ Nho thì giờ đây có thể đọc được sách tiếng Hoa hay là khi coi phim chưởng Hồng Kông có thể hiểu được subtitles. Bây giờ nghĩ lại, tôi rất thương ông vì chữ Nho lúc ấy không dùng được. Thương chung cho các sĩ phu của nền Nho học cũ vào lúc Tây hóa. Bà tôi thường khoe tiếng Tây

với ông và ông lập lại theo, nhưng không đúng giọng, thế là bà cười cách phát âm của ông. Rồi hai ông bà cùng cười... tiếng Tây.

Ông rất kín đáo và lịch sự. Chỉ có lần ông buột miệng là lần đi bầu cử đầu tiên, Tôi vừa đi xem họ vận động bầu cử về, tôi lắc xắc hỏi ông: "Ông ngoại, ông ngoại, ông bầu cho ai? Vua Bảo Đại hay Ông Ngô Đình Diệm?"

Ông cười và nói: "Bầu cho bắp".

Các người đàn bà vội ra dấu cho ông bằng mắt. Ông vội vã nói: "Bầu cho Thủ Tướng Ngô Đình Diệm."

Dân Huế là như vậy, rất giữ kẽ vì đã quen sống cẩn mật dưới các triều đại vương giả và qua các thời kỳ chính trị đảo điên khác. Nhất là các quan lại cựu trào thì vẫn còn thương mến nhà Nguyễn, nên cũng buồn lòng lắm. Ôi thôi, tôi cũng không dám lạm bàn bằng các nhận xét ba xu ở đây làm chi.

Nói ra đây để mà thương, có một hôm Tây đi lùng, cả nhà chun xuống hết dưới gầm sập. Ông bà tôi, lúc đó đã sáu bảy chục tuổi, đã lấy thân mình để che chở tôi, một con nhỏ, nhỏ chút xíu. Ai nói là Việt Nam ta trọng nam, khinh nữ? Suốt đời tôi không có bao giờ quên mang ơn hai ông bà ngoại của tôi về chuyện đó. Hôm đó, bà tôi bị bắn sướt một viên đạn vào bắp đùi và có dịp xổ tiếng Tây thật với một lính Tây.

Hai chị tôi có một tủ sách rất là xinh xắn và đầy đủ trong phòng của hai chị. Khi nào hai chị đi vắng, tôi thường lén mở tủ ra đọc. Hai chị có đầy đủ sách của Tự Lực Văn Đoàn và các sách khác. Ngoài ra, còn có các tập bản nhạc. Tôi tha hồ coi sách và hát nghêu ngao. Một hôm chị Mi về bất ngờ, thấy tôi nằm trên giường đọc sách của hai chị. Chị la lên: "Mi coi chi đó?" Thấy tôi đọc Gánh Hàng Hoa, chị bằng lòng. Rồi chị Li cũng sà lên giường, nói: "Mi đọc chi thì đọc, không được đọc Đoạn Tuyệt và truyện của Lê Văn Trương." Chị Mi đồng ý, rồi nói: "Rứa chớ mi đọc mấy quyển rồi." "Đọc hết rồi." Hai bà giật mình, nhưng cũng gượng nói. "Chớ truyện chi mi thích nhứt?" "Em thích Nắng Thu của Thạch Lam." Hai bà hài lòng.

Ba chị em tôi rất thích nói chuyện với nhau. Khi đi xi nê, hai chị cũng dẫn tôi đi. Ra về, ba chị em suýt soa. Chị Mi nói: "Tau thích nhất là con Deanna Durbine và thằng Clark Gable." Chị phát âm Kờ-Lát-Gáp. Còn chị Li thì thích Robert Taylor. Chị phát âm Rô-Bẹt Tây-Lo. Còn tôi, tôi chỉ thích anh Gene Kelly thôi hà. Vì anh múa hay và miệng cười nghịch ngợm, hai con mắt long lanh. Nữ tài tử thì tôi thích Esther Williams. Cô làm tôi mê mẩn vì các màn tắm synchronized.

Bên kia đường, hơi xéo xéo một chút là trường Thế Dạ do ông Thầy Phùng làm Hiệu trưởng. Tôi học lớp ba ở đây. Thầy Phùng rất nghiêm chỉnh. Có một lần lụt, chúng tôi chạy xuống bến sông Hương, ở đằng sau trường, coi nước lụt, trở về thì thấy Thầy đứng ở một cái cổng vào duy nhứt với một cây roi.

Chúng tôi líu ríu đi vào cổng, đứa nào đi ngang cũng bị thầy quất một roi. Lại có một bọn không đi coi nước lụt cứ đứng nhìn và ồ à khoái trá, mỗi lần thầy quất vào đít bọn tôi. Thật là quê hết cỡ. Nhớ đời.

Trường có một vườn rau phía sau (mà không thấy ngọn rau nào). Lâu lâu ban giám đốc lại bắt chúng tôi ra cào đất và rốt cuộc cũng chẳng thấy gì ngoài đất. Té ra là để học trò vận động thân thể cho dãn gân cốt gì đó mà thôi. Một thời gian, trường được dùng để cho những người Bắc di cư năm 54 ở tạm, rồi họ đi đâu mất.

Chúng tôi chỉ dám rụt rè nhìn vào, nhưng mừng rơn vì khỏi phải đi học ít lâu. Lần đầu, chúng tôi được thấy sữa bột viện trợ Hoa Kỳ vào thời gian này. Có lúc trường được dùng để chiếu xi nê vào buổi chiều. Họ chiếu phim tài liệu giữ vệ sinh của Phòng Thông tin Hoa Kỳ. Bọn con nít chúng tôi và dân trong xóm rất thích mục giải trí này. Buổi chiều nhà nào cũng lo xách ghế ra sân trường đợi sẵn. Xe thông tin đến là chúng tôi đã đứng, ngồi sẵn sàng để thưởng thức.

Đằng sau trường có một xóm nhà tranh. Bên kia ngõ hẻm đối diện với trường, có một cái nhà tranh nhỏ, trong đó người ta lên đồng. Thời thơ ấu ở Huế, tôi thường hay đứng rình ngoài cửa nhìn vô. Tôi thấy người ta: đàn ông

và đàn bà, õng ẹo, nói giọng nhõng nhẽo, mặc hết áo lụa tím, lại lụa xanh; hết lụa xanh lại lụa đỏ, thắt lưng hai ba cái bằng lụa, đầu đội khăn đỏ. Trong khói hương nghi ngút, người đội khăn đỏ lúc la, lúc lắc thấy hay hay. Về nhà tôi cũng bắt chước đội khăn đỏ, ngồi xếp bàn tròn lúc lắc. Mọi người trong nhà đều hoảng hốt, la rầy và cấm tôi không được tới gần cái nhà lên đồng đó nữa. Tuy vậy, lâu lâu viện cớ đi xuống sông Hương, đi ngang qua nhà đó, tôi lại liếc liếc nhìn thèm thuồng. Đến bây giờ, mọi người vẫn cho tôi là có vẻ "đồng bóng".

Khoảng sông Hương đó là nơi chúng tôi thường tắm vào buổi chiều. Thật là một kỷ niệm đẹp vui. Sông đầy ốc, nước xanh lặng lẽ, nhìn qua bên kia là cồn Hến, xa xa nữa là chợ Đông Ba và núi Kim Phụng và các ngọn núi khác. Chị tôi thường dọa, "đừng ra xa, có ma rà đó." Khoảng sông Hương phía dưới của nhà các quan lớn còn êm ả và đẹp hơn. Có một lần lễ tế trong họ, tôi được vào dinh thự của ông bác tôi, mà tôi gọi là Bác Hường. Cổng gạch và hai cánh cổng bằng sắt mở ra bờ sông. Bờ sông được đặc biệt lát đá ở đoạn này và có bực tam cấp gạch đi xuống từ cổng. Lần đó tôi thấy một ông người làm đang ngồi quay heo cho buổi tiệc trên bờ sông lát đá, giữa hàng tre và sông Hương thơm ngát. Vào năm 1956, đất nước thanh bình, cảnh tượng này thật đã lưu dấu trong tâm cảm của một đứa nhỏ khờ khạo.

Trong nhà các bà các cô tíu tít làm bánh, gói bánh, giã, hấp, chiên, xào. Các ông mặc áo dài gấm, áo dài đen, khăn đóng, giầy đen, ở nhà trên, cười nói hỉ hả. Lại nói chuyện chính trị chớ chi mô.

Những nhân vật Huế mà tôi còn nhớ là anh Tôn Thất Tiết, rất yêu trời mưa Huế, nhà anh cũng ở Vỹ Dạ; Bác Tôn Thất Hanh, đàn vĩ cầm hết xẩy, nhà bác ở Kim Long hay Bạch Hổ gì đó, rất đẹp, có cả một vườn sau là vườn non bộ; Bác Nguyễn Hữu Ba chơi đàn tranh, nhà có dàn hoa phía trước rất tuyệt đẹp và nhạc sĩ Ưng Lang, vân vân... Còn nhiều người tài danh khác mà tôi không nhớ hay không biết, vì lúc đó tôi còn nhỏ quá.

Một hôm, mẹ tôi bỗng kể lại một ký ức thời thơ ấu của bà làm tôi thích thú vô cùng. Hồi bà còn nhỏ, được người nhà dẫn đi dự một tiệc giỗ trong Hoàng Cung. Bà được gặp tận mặt vua Bảo Đại. Lúc ấy Ngài còn rất trẻ, mới đi Tây về và mới lấy vợ, nói nôm na theo kiểu thường dân. Ngài ngồi trên một cái ghế mây có thể lắc được, ngày nay ta gọi là rocking chair đó. Tôi hỏi mẹ tôi: "Rứa mạ thấy Vua Bảo Đại ra răng?" Bà nói, giọng khâm phục: "Ông rất đẹp, cao lớn và rất oai." Đúng là Vua Bảo Đại.

Tôi cũng hỏi về Hoàng Hậu Nam Phương, mẹ tôi khoe là có cài khuy áo cho bà (vinh dự, vinh dự). Hoàng Hậu Nam Phương theo lời mẹ tôi nói là một người đàn bà rất đẹp và lịch sự. Chính Hoàng Hậu ban cho mẹ tôi hai chữ: "Cám ơn." Có phải là rất nhã nhặn và rất cao quý không?

Quý vị có thể nói: "Chà! chà! Name-dropping nhiều quá." Không có mô, tôi chỉ nghe răng, thấy răng thì kể lại rất trung thực.

Ở Huế mấy cái chuyện này thường quá mà!

*

Trăng sáng đêm nay. Cả nhà nàng lại trải chiếu trên bực tam cấp. Dưới ánh trăng, cây mai im lìm chứng kiến cả nhà quây quần ăn bữa cơm đạm bạc. Ông ngoại nói: "Không biết năm ni, cây mai có nở hoa đúng mồng một không?"

■ *Thu Hà*
Houston tháng 8/99

CHIẾC CẦU QUÊ TÔI

Ôi! chiếc cầu sao duyên dáng
như thiếu nữ xuân thì
nằm mơ màng trên chiếu nước Hương giang
cầu khoác áo trinh nguyên
dù trải bao mưa nắng bao thế hệ thăng trầm
vẫn âm thầm
như thân vàng ngọc nữ
soi bóng nước ngọc tuyền
gác đôi bờ hư ảo
giữa đất trời huyền hoặc trong mơ
ai qua cầu bao bận
ai bao thuở đi về
cầu đưa sang bên nớ
cầu đón về bên ni
nghe nhịp cầu xoắn xít
nghe vài cầu choàng ấp tựa con thơ
áo ai vờn theo gió
ai nón lá che nghiêng
ai bờ vai tóc xõa
cầu nhịp bước đưa sang
cầu đầy lòng trắc ẩn
đưa ai về với ai
biết ai chờ, ai ngóng
biết ai đợi, ai trông
biết ai mong, ai nhớ, ai thương
để ai không lỡ dịp duyên tình
má ai hây hây đỏ
mặt cúi xuống thẹn thùng
cầu xe duyên chỉ thắm
đưa đôi lòng thỏa nguyện
nghe rộn ràng dáng bước ai qua
ai tất tả dòng đời
ai âm thầm ngấn lệ
hồn cầu cũng rưng rưng
đưa sang bờ hy vọng
đưa đến bến yêu đương
mọi cuộc đời đều được ấm êm
ôi! Tràng Tiền
sáu vài mười hai nhịp
ai bắc chiếc cầu xinh
đinh ninh giữ mãi lời thề
dù xa vạn dặm cũng về bên nhau.

Trần An Tâm

Ngày xuân thăm Trung Quốc

BN

Cuối tháng hai năm 1999, vợ chồng một bạn thân từ Texas gọi về Virginia rủ chúng tôi "đi Tàu" mà theo anh chị ấy thì rất vui vì sẽ có sự tham dự của một số bạn cũ. Nghe nói "đi chơi" và nghe nhắc đến bạn cũ, chúng tôi rất thích. Càng vui thích hơn nữa khi nghĩ rằng sẽ có dịp cùng bạn vừa hàn huyên, vừa thấy tận mắt lại vừa nghe tận tai những gì mà mình được biết qua sách vở về một nơi mà một thời đã có nền văn học nghệ thuật liên hệ mật thiết đến văn học nghệ thuật của nước mình. Do đó, vợ chồng chúng tôi đã ghi tên đi thăm Trung Quốc trong mười ba ngày do China Focus Travel, Inc. ở San Francisco (California) tổ chức từ ngày 15 đến ngày 27 tháng 4.

Nói chung, việc tổ chức của hãng du lịch rất chu đáo và nhân viên hướng dẫn có trình độ học vấn cao đủ khả năng giới thiệu với du khách những nét đặc thù của từng địa phương. Thời gian tham quan có thời tiết đã thuận hòa vì ngày đi nhằm ngày 29 tháng 2 năm Kỷ Mão thuộc tiết Thanh Minh và năm ngày sau (thứ ba ngày 20 tháng 4 năm 1999 nhằm ngày 5 tháng 3 năm Kỷ Mão) chuyển qua tiết Cốc Vũ trời có mưa nhưng chỉ là mưa nhẹ. Về thành phần tham dự phải nói là gần như đồng nhất. Trên dưới bảy mươi du khách tham dự thì ngót sáu mươi vị là người đồng hương và trong số đồng hương đó thì hơn một nửa là bà con và bạn bè thân thiết Huế đã từng có với nhau nhiều kỷ niệm trong nhiều thập niên qua.

Về địa bàn tham quan, chúng tôi đã được hướng dẫn thăm sáu thành phố Trung Quốc chia ra ba vùng theo thứ tự thăm viếng như sau:

1. Thung lũng Hoàng Hà gồm có Bắc Kinh và Tây An là nơi có nhiều di tích lịch sử;

2. Miền nam Trung Quốc có Quế Lâm là một đệ nhất danh thắng;

3. Châu thổ sông Dương Tử gồm Nam Kinh, Tô Châu và Thượng Hải. Vùng này còn gọi là vùng Giang Nam vì nằm về phía nam sông Dương Tử.

Về đối tượng, chúng tôi được hướng dẫn xem:

1. Cung điện, cổ thành, đền chùa miếu vũ, di tích lịch sử;

2. Hoa viên, phong cảnh thiên nhiên;

3. Tác phẩm mỹ nghệ, trình diễn nghệ thuật, thưởng thức món ăn.

Cung điện có Tử Cấm Thành với toàn bộ kiến trúc được sơn màu đỏ tía. Cổ thành có thành Tràng An với niềm kiêu hãnh ở tuổi thọ hàng ngàn năm. Chùa có chùa Từ Ân và tháp Đại Nhạn mang màu sắc độc đáo của "chùa Tàu". Đó là tường sơn màu đỏ, mái ngói xanh uốn cong các góc, từ cột tới mái chạm trổ rồng phượng. Di tích lịch sử khá nhiều nhưng đa số không còn là những công trình nguyên thủy mà chỉ được trùng tu lại. Các di tích này không những bị tàn phá bởi thời gian mà thường là do con người, do kẻ thắng muốn hủy diệt hết dấu tích của người bại, do việc xâm lăng của quân đội Nhật, việc nổi dậy của Nghĩa Hòa Đoàn vào cuối đời Thanh và gần đây là cái gọi là "cách mạng văn hóa" với các "vệ binh đỏ". Về di tích, đặc biệt phải kể đến làng Bán Pha và

đoàn binh mã bằng đất nung (Terra Cotta Warriors) gần mộ Tần Thủy Hoàng vừa được khám phá thời gian gần đây là một tài sản hiếm quý của loài người.

Hoa viên là tác phẩm độc đáo của Trung Quốc cổ. Trên cả nước mặc dù qua thời gian dài và qua nhiều biến cố, Trung Quốc còn tồn tại hàng trăm hoa viên mà trong đó có bốn đại hoa viên thì một tọa lạc tại Bắc Kinh là Ngạch Hòa Viên, hai tại Tô Châu là Lưu Viên và Chuyết Chính Viên và cái thứ tư ở Thượng Hải là Ngự Viên. Theo nhận xét của chúng tôi thì người Trung Quốc xưa quan niệm hoa viên là nơi để di dưỡng tinh thần không những cho riêng mình mà còn cho bằng hữu. Do đó, khi dựng hoa viên họ đã muốn thâu tóm vũ trụ vào quanh mình trên một mảnh vườn, không những chỉ có cỏ cây mà còn có sông núi. Mỗi hoa viên điển hình của Trung Quốc thường có một hồ sen chính giữa, tản mác chung quanh là nhà cửa đình tạ, thư viện, nhà khách, v.v.. Đi du ngoạn trong hoa viên không những chỉ có cây trồng hai bên đường mà còn có các cầu làm thành hình chữ chi để cho lối đi dài hơn.

Sau cùng, không thể không nhắc vài giòng đến việc mua sắm là một khía cạnh hết sức sống động của chuyến đi. Cường độ mua sắm lên khá cao ngay ngày đầu tiên ở Bắc Kinh với giá cả chênh lệch nhau một trời một vực ngay trong một cửa hàng và chỉ trước sau vài phút đã đem lại cho mọi người những trận cười đến chảy cả nước mắt. Việc mua sắm giảm đi chút ít ở các nơi kế tiếp rồi lại dâng cao ở Tô Châu và cuối cùng thì cao điểm ở Thượng Hải khiến một anh bạn phải kêu lớn là "Đô La ngập bãi Thượng Hải" để nhại lại đề tài một cuốn phim mang tựa đề "Máu nhuộm bãi Thượng Hải".

Tài liệu được trích từ "Internet" và được tiếp nhận tại chỗ bởi lời dẫn giải của hướng dẫn viên du lịch. Xin lược lại và ghi dưới đây. Nếu có điều sai thì xin được chỉ giáo. Người viết vô cùng đa tạ.

• Thứ năm 4/15/99 (N-01): Bằng chuyến bay số 986 của Air China, chúng tôi cùng bạn bè từ nhiều nơi trên nước Mỹ đã rời San Francisco lúc 3 giờ 30 phút chiều để đi Bắc Kinh, mở đầu cho cuộc tham quan.

• Thứ sáu 4/16/99 (N-02): Đến Bắc Kinh lúc 10 giờ 20 tối (sau 15 giờ bay kể cả khoảng thời gian quá cảnh tại sân bay Thượng Hải) và về ngụ tại khách sạn Landmark.

Bắc Kinh có diện tích 16,000 km^2 với dân số 12 triệu là thành phố đông dân cư vào hàng thứ ba (Trùng Khánh 30 triệu dân và Thượng Hải 13 triệu dân). Trong lịch sử thì đây là kinh đô của năm triều đại quân chủ là Liêu, Kim, Nguyên, Minh và Thanh. Riêng nhà Minh, sau khi đánh bại nhà Nguyên đã thiên đô về Nam Kinh cho đến đời thứ ba mới trở lại Bắc Kinh. Mỗi thời đặt một tên khác nhau. Triều Kim gọi là Yên Kinh, triều Nguyên (1279-1368) gọi là Trung Đô (Đại Đô), triều Minh (1368-1644) và triều Thanh (1644-1911) gọi là Bắc Kinh. Từ năm 1919, Bắc Kinh tiếp tục là thủ đô của chế độ Cộng Hòa Trung Hoa do Tôn Dật Tiên lãnh đạo và Tưởng Giới Thạch kế vị cho đến năm 1949 thì Bắc Kinh là thủ đô của Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc do đảng cộng sản lãnh đạo.

• Thứ bảy 4/17/99 (N-03):

- Sáng: nắng hanh, không lạnh, viếng nội thành Bắc Kinh với đường sá đầy người và xe cộ chen chúc trong không khí ô nhiễm. Chúng tôi được hướng dẫn thăm hai nơi:

1. Thiên An Môn đồ sộ với hai mái cong chạm trổ và với Quảng Trường Thiên An Môn là quảng trường lớn nhất thế giới vì chứa được cả trăm ngàn người. Đây cũng là nơi ghi lại vài sự kiện lịch sử đáng kể. Đó là việc Mao Trạch Đông tuyên bố sự thành lập chính thể cộng sản tại Trung Quốc vào năm 1949 và mới đây, vào năm 1989 là nơi đã xảy ra các cuộc tàn sát đẫm máu những người tham gia biểu tình đòi thực hiện dân chủ ở Trung Quốc.

Trong hiện tại, nơi đây có nhiều chỗ bị chặn lại tu sửa để chuẩn bị cho đại lễ tháng 10 sắp tới nên việc đi lại vốn đã khó khăn vì đông đúc lại càng khó khăn hơn gần như xô

đẩy để dành lối đi. Đại khái, từ nơi quảng trường, chúng ta có thể thấy: Cuối quảng trường và đối diện với Thiên An Môn là đài kỷ niệm các anh hùng nhân dân và mộ Mao Trạch Đông; hai bên quảng trường, nếu nhìn về phía Thiên An Môn thì bên tay mặt là Viện bảo tàng lịch sử Trung Quốc và bên tay trái là Tòa đại sảnh nhân dân. Vượt qua quảng trường rồi băng qua Thiên An Môn thì vào khu vực chính là Tử Cấm Thành. Từ đây thì đỡ chen chúc hơn.

2. Tử Cấm Thành còn gọi là Cố Cung. Đây là nơi mà ngày xưa 24 đời vua đã sống cùng hoàng gia. Thành gồm có 14 cung, 10 điện, 5 cửa và 6 viện được xây từ đời nhà Minh và nhà Thanh.

Từ ngoài vào trong có các nơi chính sau đây:

— Trước hết là Ngọ Môn (Meridian Gate);

— Băng qua một cái sân mà cuối sân có một cái lạch gọi là Kim Khê Thủy. Trên lạch có năm cái cầu đá chạm trổ hình chim phượng gọi là Ngũ Phượng Kiều;

— Đi tiếp thì tới Thái Hòa Môn (Tai He Men) được ghi là xây năm 1420. Đây là nơi cơ quan du lịch dùng làm chỗ giới thiệu Tử Cấm thành và bán đồ kỷ niệm. Từ ngoài vào đến đây, đường nét kiến trúc còn thô sơ và không có gì đặc biệt.

— Qua khỏi Thái Hòa Môn thì đến sân rồng hình gần vuông mỗi cạnh trên dưới 1 km là nơi chứa được cả ngàn người đứng chúc tụng nhà vua. Từ nơi đây trông thẳng vào là Thái Hòa Điện (Tai He Dian) là nơi nhà vua lâm triều. Tới đây mới bắt đầu thấy cái hùng vĩ của kiến trúc và cái đẹp của nghệ thuật trang trí nội và ngoại thất với mái ngói màu vàng và với những vạc đồng sừng sững sắp hàng ngang trước điện. Điện được xây trên một nền cao 7 m gồm 3 tầng;

— Kế đó là Trung Hòa Điện (Zhong He Dian) là nơi làm việc thường trực của nhà vua. Điện này đang được tu sửa;

— Tiếp theo là Bảo Hòa Điện (Hall of Protective Harmony) (thời nhà Minh gọi là Thần Điện) là nơi mà vua Khang Hy và hoàng hậu thết tiệc quần thần và sứ thần các nước vào dịp Giao thừa và là nơi vua Càn Long dùng để chấm thi Hội gọi là "đình thí";

— Sau ba ngôi điện này là một sân lớn mà thẳng tới trước là Càn Thanh Môn. Bên cạnh Càn Thanh Môn là Đào Tư Quán (Hall of Ceramics) với tám vạc đồng lớn bên ngoài. Nơi đây có sự hiện diện của thực tế bởi quán bán "thức ăn vội" và nhà vệ sinh.

— Càn Thanh Môn là ngõ dẫn vào cung vua mà mở đầu có Càn Thanh Cung (Hall of Heavenly Peace) là nơi vua ở và làm việc. Thời Ung Chính, nhà vua dấu di chúc chỉ định hoàng tử kế vị sau bức hoành phi của cung nầy;

— Phía sau về phía trái của Càn Thanh Cung là Dưỡng Tâm Môn dẫn vào ngôi điện khác được giới thiệu là nơi Từ Hy Thái Hậu đặt con trong lòng ngồi sau màn bàn việc nước với cận thần;

— Kế theo là Giao Thái Điện (Hall of Union and Peace) là nơi vua Càn Long chứa các quốc ấn và về sau là nơi vua Gia Khánh và hoàng hậu ngự giá để nhận sự chúc tụng của quần thần trong dịp Giao thừa;

— Khôn Ninh Cung (Hall of Earthly Peace) là nơi ăn ở, thờ Phật và nghe giảng pháp của các vua nhà Minh. Các vua Khang Hy, Đồng Trị và Quang Tự làm lễ cưới tại đây;

— Ra khỏi khu này là một khung cửa lớn dẫn tới Ngự Hoa Viên (Vườn Ngự Uyển). So với cung điện nguy nga thì vườn này nhỏ và cây cối cằn cỗi dù đang trong mùa xuân. Có một số đại thọ và nhiều vườn mẫu đơn. Tiếc rằng mẫu đơn đệ nhất chi hoa- đang còn ươm nụ;

— Cuối cùng là lối ra khỏi Tử Cấm Thành bằng Bắc Môn. Phía trên Bắc Môn là nơi triển lãm văn hóa.

— Chiều, trời đầy mây, rời xa thủ đô 12 km về phía tây bắc để viếng:

3. Hạ Cung: Đúng ra, phải gọi là Ngạch Hòa Viên là tên chính thức của hoa viên này. Một tên khác của vườn được ghi tại chỗ là "Đại Hựu Bảo Cảnh". Hoa viên này đồng

thời cũng là một cung điện nên người phương tây gọi là "Cung điện mùa hè" (Summer Palace). Cung điện khởi xây từ thế kỷ thứ 12, tiếp tục dưới thời vua Càn Long, bị nhiều lần tàn phá và cuối cùng được trùng tu bởi Từ Hy Thái Hậu. Đây là nơi mà ngày xưa hoàng gia dùng để trốn cái nóng mùa hè của Bắc Kinh. Đặc biệt là Từ Hy Thái Hậu đã chi ra rất nhiều công của để xây dựng lại sau các vụ đốt phá, nhất là của Bát quốc liên quân trong cuộc nổi dậy của Nghĩa Hòa Đoàn.

Về toàn bộ, vườn rất đẹp với kỳ hoa dị thảo, với kiến trúc hùng tráng, với hình kỳ lân có sừng, với rồng năm móng, v.v.. Cổng của công viên mang tên là Nhơn Thọ Môn dẫn vào Nhơn Thọ Điện (The Hall of Benevolence and Longevity). Ngoài cung điện đình tạ, điểm nổi bật nơi này là hồ Côn Minh. Hồ rất lớn và chiếm nửa diện tích toàn bộ. Trên hồ có nhiều thắng cảnh mà đặc biệt có chiếc cầu 17 nhịp bằng đá và chiếc thuyền 2 tầng bằng đá nằm bên bờ hồ. Ngoài ra, một hành lang dài 700 m chạy dọc theo bờ hồ có mái và hai bên có vách được trang trí các di tích lịch sử Trung Quốc và nhất là phong cảnh Hàng Châu mà các vua nhà Thanh rất ưa chuộng.

Để rút ngắn việc đi bộ, mọi người đồng ý với đề nghị của hướng dẫn viên du lịch là trả thêm một số tiền nhỏ để đi thuyền trên hồ vừa để ngắm cảnh vừa để đỡ nhọc. Trời chuyển mưa, thuyền khá đông người lại không có phương tiện cứu cấp cá nhân nên hai du khách người Mỹ từ chối tham gia khiến một trong các hướng dẫn viên phải đội mưa lên bờ hướng dẫn hai vị khách qúy về bãi đậu xe với một lộ trình khá xa.

— Tối, xem trình diễn:

4. Văn nghệ Bắc Kinh (Peking Opera): Buổi trình diễn hôm nay thuộc loại cổ điển. Diễn xuất hay, y phục đẹp, lại có phụ đề bằng Anh ngữ cho khán thính giả ngoại quốc nhưng vì quá mệt sau một ngày tham quan nên nhiều người phải rời hội trường sớm. Rất tiếc.

• Chủ Nhật 4/18/99 (N-04), viếng ngoại thành Bắc Kinh:

— Sáng, trên đường đi thăm Trường Thành, ghé thăm:

5. Đồng Nhơn Đường: Đây là trung tâm nghiên cứu và bào chế đông y được xây dựng từ ba trăm năm (vào đời nhà Thanh). Ngoài một đại sảnh với ba chữ "Đồng Nhơn Đường" thật lớn và thật uy nghi, các phòng làm việc với nhân viên trong áo choàng trắng và một cửa hàng bán thuốc khang trang thì nơi đây có mấy điểm độc đáo. Trước hết là bố trí bên trong có nhiều ngõ ngách thâm u dẫn tới nhiều chiếc cổng uốn cong khuất nẻo với những chiếc đèn lồng cổ kính khiến bản thân liên tưởng đến Viện Thái Y của Đại Nội Huế vào những ngày trước biến cố 1945. Thứ hai là có sự hiện diện của vài vị y sĩ người Việt Nam (dĩ nhiên là từ nước CHXHCNVN chuyển đến). Cuối cùng là sự hiện diện của viên giám đốc trong sắc phục "đại phu" cổ truyền đi đi lại trong khuôn viên của Đồng Nhơn Đường như hình ảnh trong... "chuyện Tàu".

6. Trường Thành thường gọi là "Vạn Lý Trường Thành" được xây từ thời Chiến Quốc (475-221 trước công nguyên) thành nhiều đoạn để bảo vệ Trung nguyên. Khi nhà Tần (221-207 trước công nguyên) thống nhất Trung Quốc, Tần Thủy Hoàng huy động hơn ba vạn dân nối liền các thành lại. Đến đời nhà Minh (1368-1644), Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương huy động trên một triệu dân xây lại trường thành trong 18 lần và nâng chiều dài của thành lên 6,700 km. Tính từ Gia Cốc Quan đến Sơn Hải Quan, trường thành dài hơn 2,500 km. Cứ 36 trượng lại có một vọng gác. Chỗ cao nhất trên 1,000 m. Tường thành cao từ 5 đến 10 m. Mặt thành rộng từ 5 đến 8 m. Dọc theo Trường thành, nhà Minh lập ra tám biên trấn để phòng thủ cùng với trấn Liêu Dương gọi là Cửu Biên. Khu vực gần Bắc Kinh dài 629 km với 71 cổng và 827 vọng canh.

Trước khi lên thượng tầng để tham quan, đại diện công ty du lịch mời du khách chụp ảnh lưu niệm. Vì đoàn du khách quá đông

nên phải chụp theo hai nhóm. Sau đó, mọi người phát triển "tài năng" của mình. Các bậc cấp gập ghềnh và đường lên cao hun hút của "Thiên Hạ Đệ Nhất Quan" khiến nhiều người phải "ngất ngư con tàu đi"... Vốn biết sức mình, chúng tôi chỉ leo "tượng trưng" một đoạn rồi dừng lại. Thành quả đầu tiên là tin nhắn về cho hay có vị đã ói trên lối đi. Âu cũng là một kỷ niệm đáng nhớ. Một bạn trẻ sau khi đã vận khinh tốc leo lên khá cao, khi trở về cho biết sau lưng cái trạm trên tầm cao mà mọi người nghĩ là nơi ghi dấu gì đó của lịch sử thì đó chỉ là nhà... "toilet" (nguyên văn chữ dùng của cơ quan du lịch nhà nước Trung Quốc).

— Trưa, trên đường về, xe chạy dưới hàng cây cao và băng qua trùng trùng điệp điệp các vườn hoa đào màu hồng pha tím đậm nhạt để tiếp tục thăm:

7. Thập Tam Lăng: Mười ba ngôi mộ của các vua nhà Minh được nhìn ra từ trong xe nằm rải rác trên một thung lũng hùng vĩ cây cối xanh tươi. Du khách được hướng dẫn đến thăm một trong 13 ngôi mộ có tên là Minh Định Lăng.

Đường lên núi thoai thoải. Qua nhiều cổng, đình, tạ rồi tạt vào nơi trưng bày một số ngọc ngà châu báu cũng như y phục được khai quật từ một vài lăng. Cuối cùng, mọi người được hướng dẫn "chui" xuống hầm sâu để đích thân thăm ngôi mộ được gọi là "Huyền Cung Phối Điện". Đường xuống hầm đông nghẹt người, dưỡng khí không bảo đãm cho sự hít thở và hệ thống an toàn thô sơ. Trở lại đất liền mới thấy là mình... dại ngoại trừ niềm tự hào đã thấy tận mắt cái gọi là "mộ" của một trong mười ba vị vua nhà Minh dù không có gì bảo đãm rằng dưới đó là nắm xương tàn của một trong những người mà giòng họ đã một thời cai trị rất tàn ác đất nước và dân tộc mình!

Sau lần "độn thổ" thì du khách lại được mời đi trên *"Đường thiêng dẫn tới mộ nhà Minh"* (Sacred Way to Minh Tomb). Đường dài nửa dặm chạy giữa hai hàng liễu với nhiều tượng đá đủ loại từ người cho đến súc vật với điểm cuối là một tấm bia được dựng trên lưng một con rùa lớn gọi là Bi Đình. Trên tấm Bi Đình một mặt có bút tích của vua Minh đời thứ ba và mặt kia là bút tích của vua Càn Long nhà Thanh.

Một chuyện bất ngờ đã xảy ra trong đoạn "đường thiêng". Đó là việc một vị niên trưởng trên bát tuần vì say mê quay phim trên đoạn đường thiêng nên đã quên chiếc xách tay trên xe khiến hướng dẫn viên địa phương phải hối hả phóng xe đạp đi ngược lại con "đường thiêng" mang về cho cụ. May là "vật" đã được hoàn cho "chủ"...

- Chiều: Trên đường trở về nội thành Bắc Kinh, đoàn được hướng dẫn vào thăm:

8. Xí nghiệp Mỹ nghệ Bắc Kinh (China Beijing Sha He Ding Fu Huang Zhuang). Đây là xí nghiệp nổi danh về việc sản xuất các vật dụng bằng đồng cán mỏng rồi đan lên đó thành hình nhiều màu sắc mà khi nhìn vào sản phẩm mọi người tưởng như đó là đồ gốm tráng men rồi vẽ hình trên đó. Đây là một loại mỹ nghệ đã xuất hiện từ nhiều trăm năm về trước và rất phổ biến dưới triều đại nhà Minh.

Cần kể thêm là đoàn cũng được hướng dẫn đến thăm một trung tâm quốc doanh chuyên nuôi và sản xuất ngọc trai nhưng không có gì đặc sắc nếu đem so sánh với kỹ nghệ này của Nhật Bản.

— Tối, dự:

9. Dạ tiệc Vịt Bắc Kinh: Gọi là "dạ tiệc" để dịch chữ "dinner party" do công ty du lịch quảng cáo. Thực chất chỉ là một bữa ăn không những không đặc sắc mà rất thường nếu không nói là xoàng. Nếu so sánh với "Vịt Bắc Kinh" ở Virginia, ở Maryland và kể cả ở Sài Gòn trước năm 1975 thì món nầy ở đây không thấy ngon. Tuy nhiên, nếu xét một cách khách quan thì phải giải thích rằng đây mới là chính gốc vì vịt nuôi tại Bắc Kinh lại do đầu bếp Bắc Kinh làm gia vị. Đành tự hẹn sẽ thưởng thức "Peking Duck" do người Tàu phục vụ ở một nơi khác!

• Thứ hai 4/19/99 (N-05)

— Sáng, tiếp tục viếng nội thành Bắc Kinh bằng việc thăm:

10. Thiên Đàn: Thiên Đàn tương tự đàn Nam Giao ở Huế nhưng lớn hơn nhiều. Đây là nơi nhà vua đến để cầu quốc thái dân an và nhất là cầu cho việc làm ruộng của thần dân. Đàn được cất từ thế kỷ thứ 15, bị hư hoại và được trùng tu vào thế kỷ thứ 18 dưới thời vua Càn Long. Năm 1889, Đàn lại bị tàn phá bởi hỏa hoạn nên lại được sửa chữa một lần nữa.

Đứng ngoài trông vào thì đây là một ngôi đền ba mái với màu sắc xen lẫn xanh và lục. Nhìn toàn bộ thì ở hai đầu về hướng bắc nam là hai cổng lớn màu đỏ. Chính giữa là các công trình xây cất dùng vào việc tế lễ gồm ba phần: từ phía nam nhìn tới thì một đàn hình tròn có bao lơn chạm rồng phượng là chỗ vua đứng tế, tiếp theo là đền thờ các thánh với tường bao quanh màu đỏ và trên cùng là mái hình nón màu xanh; tiến về phía bắc là một Niệm Phật Đường với tường xây hình tròn đường kính 30 m và cao gần 40 m. Bên trong đền có 24 cột lớn sắp thành hai vòng tròn, vòng trong 12 cột tượng trưng cho 12 tháng và vòng ngoài 12 cột tượng trưng cho 12 giờ âm lịch. Giữa hai vòng là 4 cột tượng trưng cho 4 mùa.

Điểm đặc biệt là toàn bộ ngôi đền đồ sộ này gỗ được ghép lại bằng mộng và không hề có một cái đinh kim loại nào nên được thế giới coi là một thành công tuyệt diệu về kiến trúc.

— Chiều, bằng chuyến bay số 1201, rời Bắc Kinh lúc 3 giờ, đến Tây An lúc 4 giờ 30 và ngụ tại khách sạn Tây An.

Tây An, thủ phủ tỉnh Thiểm Tây và là thành phố lớn nhất miền tây bắc Trung Quốc với 3 triệu cư dân và cách Bắc Kinh hơn 900 km. Đây là vùng đất trước kia thuộc cố đô Tràng An vốn là cái nôi của văn minh Trung Quốc và là trái tim của Hán tộc vì được thành lập từ sáu ngàn năm trước đây, vào thời đại đồ đá mới (Neolithic).

Khởi đầu là nhà Chu (1111-770 trước công nguyên). Đời Tần (221- 210 trước công nguyên) thống nhất Trung Quốc bởi Tần Thủy Hoàng sau khi vị vua này tóm thâu Lục quốc thì kinh đô là Hàm Dương. Nhà Tây Hán (206 trước công nguyên- 8 sau công nguyên) do Lưu Bang thành lập sau khi đánh bại nhà Tần và đốt sạch Hàm Dương thì kinh đô là Tràng An. Nhà Tùy (581-618) kế theo một giai đoạn ngắn tuy đóng đô ở Lạc Dương nhưng đã triển khai Tràng An thành một địa danh nổi tiếng. Sau nhà Tùy là nhà Đường (618-907). Nhà Đường đã vượt bực mọi mặt kể cả mậu dịch quốc tế khiến Tràng An trở thành một thành phố lớn nhất châu Á.

Riêng về văn học nghệ thuật, Tràng An một thời là ngôi sao sáng vì là nơi đã lưu lại hậu thế nhiều áng văn thơ tuyệt tác và tên tuổi nhiều nhà thơ bất hủ. Đại thi hào Lý Bạch đã dừng chân lại nơi đây một thời gian năm năm (742-747) ngắn ngủi nhưng đã gặp nhiều thi hữu nỗi danh như Hạ Tri Chương và nhất là gặp Đường Huyền Tông tức là Đường Minh Hoàng và người đẹp Dương Quý Phi khiến đời sau được thưởng thức nhiều bài thơ bất hủ trong đó có bài Thanh bình điệu, Trường tương tư, v.v..

• Thứ ba 4/20/99 (N-06)

— Trọn ngày, thăm ngoại thành Tây An với:

11. Viện bảo tàng làng Bán Pha: Làng Bán Pha mới được khám phá do một sự tình cờ của nông dân làm việc ngoài đồng vào năm 1953. Đây là một ngôi làng có từ thời đại đồ đá mới (Neolithic) cách đây hơn sáu ngàn năm. Viện bảo tàng được thành lập năm 1958 với bản đề bên ngoài "Bán Pha Di Chỉ Phạm Viên Hòa Phát Cục". Phạm Viên Hòa là tên người phát hiện đầu tiên. Nơi nhà trưng bày, du khách có dịp xem tận mắt những điều mà mình chỉ được đọc trong sách hay chỉ thấy trên màn ảnh về các dụng cụ bằng đồ đá, nông nghiệp, trồng trọt, chăn nuôi, săn bắn, v.v.. Việc xem tại chỗ rất thích thú nhưng thời gian quá hạn chế nên khá tiếc để ghi chú đầy đủ dành lại về sau. Đối với các nhà khảo cổ học thì đây là một tài liệu rất quý của loài người.

12. Hoa Thanh Cung nằm dưới chân Ly sơn và cách Tây An 30 km về phía đông. Đây là cung điện mà Đường Minh Hoàng cho xây

cất từ một ngàn năm trước để vui chơi cùng qúy phi Dương Ngọc Hoa. Từ cổng đi vào rẽ trái là Cửu Long Hồ. Bên bờ hồ có tượng Dương Qúy Phi. Trong khung cảnh mờ ảo nhuốm màu sắc cổ điển Á Đông lại trời đang ủ ê mưa bụi do tiết Cốc Vũ bỗng nhiên xuất hiện pho tượng gần như khỏa thân trắng toát đã khiến những người vốn chọn cái "thanh" đã thất vọng. Lý Bạch là người đã ca tụng Dương Quý Phi với câu *"Vân tưởng y thường hoa tưởng dung"* và đã từng so sánh nàng với hoa mẫu đơn (Danh hoa khuynh quốc lưỡng tương hoan) có lẽ cũng không khỏi cau mày.

Rời hồ và dọc theo hồ về phía đông và phía nam là cung điện đình tạ và sau cùng là suối nước nóng Hoa Thanh Trì. Nơi nầy còn lưu lại chiếc hồ được giới thiệu là hồ tắm cuả Dương Quý Phi. Trở về phía hồ Cửu Long, qua một dãy nhà lớn với rất nhiều liễu rũ là khu nghỉ mát của các nhân vật cao cấp đương thời. Từ cửa chính, Cửu Long Hồ có cầu với hai lầu bát giác mang tên Bình Minh và Hoàng Hôn. Cần phải kể thêm là các cây cảnh trong Hoa Thanh Cung thân cây nào cũng nhẵn nhụi vì nhiều nữ du khách đã đặt tay vào đó với niềm tin rằng sẽ được phần nào nhan sắc của người xưa.

13. Đoàn binh mã bằng đất nung (Terra Cotta Warriors) được khám phá bởi nông dân vào tháng 3 năm 1974. Nhà bảo tàng có tên là "Tần Thủy Hoàng Binh Mã Thông Bác Vật Quán" được xây ngay vào năm 1974. Trước khi tham quan tận mắt, du khách được xem và nghe thuyết minh trên hệ thống màn ảnh nổi 360 độ. Theo đó thì có nhiều hầm mà hầm 1 đã bị đập phá và đốt sau khi nhà Tần (Tần Nhị Thế) bị diệt bởi Hạng Võ rồi Lưu Bang lại diệt Hạng Võ để lập nên nhà Tiền Hán.

Từ chỗ xem phim, du khách được hướng dẫn vào "hầm". Thực ra, đây là một khuôn viên lộ thiên 210 m từ đông sang tây và 60 m từ bắc xuống nam. Khuôn viên gồm ba hầm. Hầm 1 gồm sáu ngàn binh mã bằng đất nung cách đây hơn hai ngàn năm. Trong thực tế chỉ phục chế lại một số nhỏ gồm những người cao gần 2 m, cầm khí giới với những động tác như người đang sống. Tất cả đất nung đều ngả ra màu xám của đất. Hầm 2 được khám phá tháng 4 năm 1976 hiện đang khai quật và làm công việc "phục chế". Khi khách tiến đến đây thì thấy hai khuôn mặt vừa được phát hiện màu còn nguyên màu đất nung, đang được nhân viên chuyên môn quay phim chụp ảnh. Việc mới khám phá này khiến mọi người ngạc nhiên thích thú kể cả hướng dẫn viên là người đã đến đây nhiều lần. Hầm thứ 3 nhỏ hơn nhưng được biết là quan trọng hơn vì đó là "hậu quân" được khám phá tháng 6 năm 1976 theo đó các cấp chỉ huy trong thế đối mặt để luận bàn chứ không đứng hàng theo hàng như ở hai hầm trước là "tiền quân" (hầm 1) và "hữu quân" (hầm 2). Từ ba hầm đó, một câu hỏi được đặt ra là phải có hầm 4 là cánh "tả quân" để phù hợp với tổ chức quân đội cổ Trung Quốc. Cạnh hầm có viện bảo tàng trưng bày 2 cỗ xe tứ mã bằng đồng bằng phân nửa ngựa xe mà TTH thường dùng. Hai bộ tứ mã này được khám phá vào tháng 12 năm 1980 được đặt tên là "Group of Bronze Chariots & Horse" gồm "High Chariot" (Stand Chariot) và "Comfortable Chariot" (Wenliang Chariot). Tất cả toàn bộ vốn nằm trong một hòm chứa cao 2m, dài 6.8 m, rộng 2.10 m và nằm sâu 7 m dưới lòng đất.

Cũng nên biết là khu vực gồm ba hầm binh sĩ của Tần Thủy Hoàng nầy nằm cách mộ của vị bạo chúa nọ 1,500 m về phía đông. Mộ TTH nằm ở chân Ly sơn. Theo Tư Mã Thiên, sử gia nổi danh vào thế kỷ thứ 1 trước công nguyên thì mộ TTH là một tiểu vũ trụ với đầy đủ trăng sao, vòm trời, sông núi và biển cả bằng thủy ngân thay nước. Ngoài ra thực phẩm kho tàng đầy đủ với nội dịch quân hầu và những thợ xây mộ được chôn theo bạo chúa. Việc khai quật mộ hết sức khó khăn vì gặp phải rất nhiều cạm bẫy giết người.

— Tối, trở về nội thành vừa ăn tối vừa xem trình diễn:

14. Vũ Nhạc đời Đường: Buổi trình diễn gồm có nhiều màn ca, nhạc và vũ phỏng theo các điệu vũ nhạc đời Đường với các diễn

viên xinh đẹp, trang phục rực rỡ và khung cảnh tráng lệ. Người mang tâm trạng tìm kiếm cái đẹp xưa với khúc nghê thường của Đường Minh Hoàng tỏ ra không hài lòng vì lối pha phách với vũ ba lê hiện đại. Tuy nhiên, nhìn việc biểu diễn nghệ thuật trước mắt, chúng tôi đã thấy hài lòng.

• Thứ tư 4/21/99 (N-07): Trời tạnh và nắng ấm.

— Sáng, thăm nội thành Tây An:

15. Tháp Đại Nhạn nằm về phía nam của Tràng An. Tháp nằm trong khuôn viên chùa Từ Ân do Đường Cao Tông xây để tôn vinh mẹ vào thế kỷ thứ 7 với năm tầng cao và sau đó xây tiếp thành bảy tầng cao 60 m. Đây là nơi dùng để tàng trữ kinh sách do Huyền Trang Tam Tạng sau bảy năm khổ công tu luyện ở Tây Trúc trở về Trung Quốc tiếp tục hàng chục năm dịch kinh Phật. Ngoài cổng chính với tấm bảng ghi bốn chữ "Đại Từ ẽn Tự" dẫn vào "Đại Hùng Bửu Điện" rồi tới "Pháp Đường" và cuối cùng là "Đại Nhạn Tháp". Du khách quá đông đảo chen chúc lễ Phật như trong một ngày đại lễ khiến việc tìm hiểu tại chỗ hết sức khó khăn. Do đó, ráng xem tận mắt được chừng nào qúy chừng đó. Ngoài ra, đành theo lời giới thiệu của Trần Hồng Châu trong bài "Trường An Tây Vọng" ghi vào đây vài chi tiết với đại ý là: ... Từ trên tháp có thể nhìn thấy toàn thể Tràng An; gần chân tháp là dấu vết con đường dẫn từ hoàng thành đến tháp, nơi Đường Cao tông thường đến chùa lễ Phật và vấn an mẹ; xa chút nữa, về phía đông là toàn cảnh Ly sơn (núi mang hình con ngựa đen) với mộ Tần Thủy Hoàng và Hoa Thanh Cung của Đường Minh Hoàng; phía tây bắc, trên bờ sông Vị là Hàm Dương (kinh đô của Tần Thủy Hoàng) với cung A phòng; phía tây bắc, xa hơn một chút là dấu vết cung Vị triều Hán xây từ thế kỷ thứ 2 trước công nguyên; phía tây là Mao Lăng (lăng Hán Vũ Đế) và mộ Dương Quý Phi; phía bắc, dọc theo bờ sông Vị là lăng mộ của các vua Chu, Hán, Đường, v.v..

16. Cổ thành Tràng An là cổ thành duy nhất còn tồn tại tương đối nguyên vẹn trên Trung Quốc vì các cổ thành khác như Cô Tô, Bắc Kinh đều đã bị phá hủy gần hết. Cổ thành Tràng An còn đủ bốn cổng thành và các tường thành kiên cố bao quanh xây từ đời Đường. Thành của cổ thành hình chữ nhật có chu vi 14 km. Mỗi cạnh có một cổng trên đó có ba tháp cao. Mỗi góc thành có vọng gác. Thành cao 12 m và dày từ 12 đến 18 m. Tường thành hùng vĩ với hào sâu bao quanh. Trung tâm của cổ thành là Tháp Chuông đồ sộ chia thành bằng bốn đại lộ đông, tây, nam, bắc. Từ trên tháp cao, du khách nhìn thấy gần như toàn bộ thành phố đang sinh hoạt dưới chân.

— Chiều, bằng chuyến bay số 1226, rời Tây An lúc 4 giờ 45, đến Quế Lâm lúc 6 giờ 15 và về ngụ tại khách sạn Quảng trường Quế Lâm (Guilin Plaza Hotel).

Quế Lâm — thành phố với 1.3 triệu dân — thủ phủ tỉnh Quảng Tây có rất nhiều cảnh thiên nhiên đẹp nhất nước với 27,000 núi, 3,000 hang động và với Lý giang dài 437 km mà trong đó 83 km chảy xuyên qua thành phố. Lý giang rất đẹp, không những đối với người đời nay mà cả với người xưa. Hàn Dũ (768-824), một thi sĩ đời Đường đã từng ví Lý giang như *"giải khăn lụa xanh với núi hai bên như những trâm ngọc thạch"*. Thành phố vốn là thành phố kỹ nghệ và trở thành thành phố du lịch từ năm 1981. Năm 1988, Quế Lâm có 8.5 triệu du khách, trong đó khách ngoại quốc đã đạt tới con số nửa triệu.

• Thứ năm 4/22/99 (N-08)

— Sáng, rời thành phố Quế Lâm bằng bus về vùng quê, xe chạy hơn một tiếng đồng hồ giữa cảnh nông thôn để xuống thuyền:

17. Ngoạn cảnh trên Lý giang: Thuyền rời bến và nhẹ nhàng trôi giữa giòng sông. Nắng nhẹ vừa đủ tỏa ánh sáng bàng bạc xuống khung cảnh thiên nhiên khi ẩn khi hiện trùng điệp hai bên bờ. Nước xanh biếc và núi đá hai bên bờ khi gần khi xa với đủ hình thù ngoạn mục. Xen vào cảnh hùng vĩ của núi là những cánh đồng lúa bát ngát với đàn trâu gặm cỏ trong thanh bình hoặc thuyền đánh cá trên sông hoặc nông dân giặt giũ hai bên bờ. Cuộc ngoạn cảnh kéo dài 4 tiếng đồng hồ không chán.

— Trưa, trở về thành phố, tiếp tục thăm:

18. Đồi Phục Ba tọa lạc ngay trung tâm Quế Lâm. Nơi nầy có Hoàn Châu Động và Thiên Phật Động. Gọi là "thiên" nhưng chỉ có độ 20 tượng Phật đục ngay trong vách động. Trên núi, theo mô tả của hướng dẫn viên du lịch có đền thờ Phục Ba tướng quân là một vị anh hùng của Trung Quốc. Nhớ lại quá khứ, chúng tôi thấy lịch sử nước ta có nhắc tới hai vị "Phục Ba tướng quân" của người Tàu. Một vị là Mã Viện, danh tướng của nhà Đông Hán. Vị kia là Lộ Bác Đức, tướng của vua Vũ Đế nhà Tây Hán. Không rõ người được thờ là vị nào. Dù sao, "Phục Ba" nào cũng là người đã giúp cho vua của họ thôn tính nước ta và tạo nên hai thời kỳ Bắc thuộc cả ngàn năm.

19. Đồi Voi phục với cảnh núi hình voi nằm. Không có gì đặc sắc.

— Tối, trình diễn trang phục của các dân tộc và biểu diễn việc bắt cá của một loài chim. Hai mục nầy ngoài chương trình nên phải trả tiền. Chúng tôi không tham dự vì đã được thấy nhiều lần việc trình diễn trang phục loại nầy trên màn ảnh truyền hình Mỹ và một lần bằng con người thật tại "Splendid China" ở Florida. Về loài chim bắt cá cũng đã được thấy trong phim ảnh Trung Quốc nhưng không thích cảnh thương tâm nầy do việc ngư dân xua một con chim xuống nước để bắt cá rồi thu hoạch cá từ mỏ chim vì cổ chim bị thắt bằng một vòng sắt!

• Thứ sáu 4/23/99 (N-09)

— Sáng, tiếp tục viếng thành phố Quế Lâm bằng việc thăm:

20. Đại học sư phạm Quảng Tây: Trường tọa lạc trong một cổ thành và chính giữa trường sở có một ngọn núi rất hùng vĩ đã đập vào mắt du khách với một giòng chữ Hán được khắc vào núi tạm dịch là "Cột trụ dựng trên bầu trời miền nam". Đối tượng cuộc viếng thăm là phòng triển lãm và bán tranh do những cây bút vốn là họa sĩ giáo sư của ngành hội họa và một số tranh của các danh họa đương thời. Tranh thủy mặc vốn là đặc phẩm của Trung Quốc. Tranh được vẽ bởi những tài danh dĩ nhiên là rất có giá trị nghệ thuật. So với "tranh Tàu" bán ở Mỹ, giá tranh ở đây rất phải chăng. Cuối khuôn viên của trường là những di ngôn của Tôn Dật Tiên được khắc trên đá.

21. Thạch động Sáo Trúc (Reed Flute Cave): Nhìn chung, thạch động này cũng đẹp nhưng phần thiên nhiên đã bị giảm đi rất nhiều bởi các sự thêm thắt của những bàn tay thiếu nghệ thuật khiến nó không đẹp bằng Luray Cavern ở Virginia. Điều này, bản thân đã trao đổi với một du khách vốn là giáo sư kinh tế ở Boston và đã được sự đồng ý của vị nầy khi cả hai chúng tôi phải phăng phăng vừa đi vừa chạy về phía trước thật nhanh. Nguyên do là để cố tránh nhiều làn sóng quần chúng chen chúc quá đông đảo và lời giới thiệu được phát ra từ các máy phóng thanh bằng tiếng Trung Quốc quá ồn ào trong động khiến không thể nào nghe được rõ tiếng "sáo trúc" vẳng lại thật nhẹ từ nơi thâm u nào đó trong động như tên của thắng cảnh nầy.

— Trưa, bằng chuyến bay số 1532, rời Quế Lâm lúc 1 giờ 25 trưa, đến Nam Kinh lúc 3 giờ 30 phút chiều và được hướng dẫn tham quan ngay sau khi ra khỏi sân bay.

Nam Kinh (tỉnh l Giang Châu), thành phố có 3 triệu dân với 2,400 năm lịch sử nằm về phía nam sông Dương tử là thành phố đang phát triển với các công trình xây cất do sự góp ý của chuyên viên người Anh. Thành phố mới với hệ thống đèn báo lưu thông hiện đại và với các xe bus hai tầng. Nhớ lại trong văn chương, Kim Lăng (Nam Kinh ngày nay) có Phượng Hoàng Đài trên núi Phượng Hoàng với chim phượng đến rồi đi là đề tài bài thơ "Đăng Kim Lăng Phượng Hoàng Đài" của Lý Bạch nổi tiếng với hai câu mở đầu *"Phượng Hoàng Đài thượng phượng hoàng du, Phượng khứ đài không giang tự lưu"*. Kim Lăng là kinh đô của Ngô Tôn Quyền (222-251) thời Tam Quốc và cũng là kinh đô của vua Nguyên Đế (317-322) đời nhà Tấn.

Đặc biệt là viếng:

22. Mộ Tôn Dật Tiên: Tôn Dật Tiên (1866-1925) được người Trung Quốc gọi là "Quốc Phụ", cha đẻ của thuyết "Tam dân chủ nghĩa" với khẩu hiệu *"dân tộc, dân sinh, dân quyền"*; chủ tịch Quốc Dân Đảng; người lật đổ chế độ quân chủ và lập ra Cộng Hòa Trung Hoa vào năm 1911. Mộ của ông nằm trên một núi cao với 392 bậc thềm. Từ ngoài vào trong, cổng thứ nhất có hai chữ "Bác Đi" và cổng kế theo bốn chữ "Thiên Hạ Vị Công". Kế đến là nhà bia với ba giòng chữ sau đây: *"Trung Quốc Quốc Dân Đảng - Tụng Lý Tôn Tiên Sinh Y Chỉ - Trung Hoa Dân Quốc năm thứ tám, tháng sáu, ngày một"*. Nơi cao tột cùng là mộ của Tôn Dật Tiên với một tượng đá ngồi phía trước và một tượng đá theo tư thế nằm trên mộ chí.

— Tối, về ngụ tại tại khách sạn Dingshan. Cũng như thành phố, khách sạn rất tốt, vừa có hệ thống điện tân kỳ vừa được trưng bày rất nhiều tranh trên lối đi.

• Thứ bảy 4/24/99 (N-10)

— Sáng, tiếp tục thăm Nam Kinh bằng việc thăm:

23. Lăng Hoàng đế Chu Nguyên Chương: Lăng của vị vua đầu tiên nhà Minh không có gì đặc sắc.

— Trưa, rời Nam Kinh bằng xe lửa lúc 1 giờ và đến Tô Châu lúc 3 giờ 30 chiều. Đoàn du khách được hướng dẫn tham quan ngay sau khi ra khỏi nhà ga.

Tô Châu với những con đường hẹp đầy bóng cây, với nhà cửa còn mang dấu xưa, với 22 kênh đào và rất nhiều lạch nhỏ chạy gần như khắp thành phố nên có tên là "Venice của phương đông". Tô Châu từ bao đời đã nổi tiếng về tơ lụa và hàng trăm hoa viên mà trong đó có Lưu Viên và Chuyết Chính Viên, Tô Châu còn có Đại Vận Hà. Cuối cùng, Tô Châu có rất nhiều cây "sycamore" khiến cô hướng dẫn cứ nhắc đi nhắc lại tên "crying sycamore". Theo cô ấy thì người Trung Quốc gọi nó là "French sycamore" mà người Pháp lại gọi nó là "Chinese sycamore" khiến bản thân nó không còn quê hương nên nó phải khóc cho thân phận nó...

Trở lại chuyện ngày xưa với việc tranh bá đồ vương thì Tô Châu có cổ thành Cô Tô với Cô Tô Đài. Cô Tô nguyên là kinh đô của nước Ngô thời Xuân Thu (770-481 trước công nguyên). Lịch sử vẫn còn nhắc đến Tây Thi vì người đẹp giặt lụa thôn Trữ La này đã khiến Ngô Phù Sai vong mạng. Ngoài ra, về văn học thì Tô Châu có Hàn Sơn Tự với Ngô Kiều theo thời gian đã đi vào thi ca nhân loại qua bài Phong kiều dạ bạc của Trương Kế.

Đoàn du khách được đưa đến thăm:

24. Lưu Viên: Tiếng Anh ghi là "Garden of Fishing Net Master". Tìm tên nơi lối vào chỉ thấy ghi ba chữ "Cương Sư Viên" và cửa chính lại thấy ghi "Thanh Năng Tảo Đạt". Hướng dẫn viên giới thiệu rằng đây là "Vườn của ông già họ Lưu" với lời kể lại rằng vị quan hồi hưu không trở về quê cũ mà lưu lại nơi đây thiết trí một vườn hoa để vui chơi với bạn bè. Chủ nhân ông của hoa viên quả là người có tâm hồn nghệ sĩ và là người thích hội họa vì trong hoa viên ngoài đình tạ hoa cỏ lại có một phòng họa.

25. Nhà máy dệt lụa: Lụa Tô Châu nổi tiếng qua thời gian và không gian nên khỏi bàn mà chỉ cần xem tận mắt tiến trình tạo nên một tấm lụa từ A đến Z.

26. Trường dạy thêu (Suzhou Embroidery Research Institute) tọa lạc trong một dinh cơ cũ kỹ rêu phong. Tận mắt thấy người công nhân gò người trên tấm vải thêu ta nghĩ rằng họ phải là những nghệ nhân có tâm hồn đồng thời là những nhà tu khổ hạnh. Nơi trưng bày hàng thêu quá phong phú đa dạng và quá đẹp.

— Tối, về ngụ tại khách sạn Tô Châu (Suzhou Hotel)

• Chủ nhật 4/25/99 (N-11)

— Sáng, tiếp tục thăm Tô Châu với:

27. Chuyết Chính Viên: Ba chữ này được ghi rõ trên lối chính vào hoa viên kèm theo hàng chữ "Zhuozheng Garden" (tiếng Anh ghi là "Garden of Humble Administrator"). Hoa viên này lớn hơn hoa viên được xem hôm qua. Rất đặc sắc và rất đa dạng. Nhìn cách bố trí của hoa viên, chúng tôi nghĩ là chủ nhân ông quả đã có một tâm hồn nghệ sĩ rất

phong phú. Theo hướng dẫn viên, hoa viên này vừa được UNESCO nhận là "world heritage" vào năm 1997.

28. Đại Vận Hà (Grand Canal) dài 1,794 km là con kênh rất lớn được đào để thông Hoài giang và Trường giang. Đây là công trình vĩ đại dưới đời nhà Ngô do Ngũ Tử Tư thực hiện không kém công trình xây Vạn Lý Trường Thành của Tần Thủy Hoàng. Sau khi đào, kênh đã hai lần được mở rộng và dài thêm dưới đời Tùy và đời Nguyên.

— Trưa, lúc 2 giờ, bằng xe lửa rời Tô Châu và đến thượng hải lúc 3 giờ 30 chiều. Lần đi này, đoàn được dành nguyên cả một toa xe nên suốt cuộc hành trình đã có một màn văn nghệ bỏ túi khá đặc sắc. Đến nơi, đoàn được đưa về ngụ tại khách sạn Thiên Hạc (Qianhe Hotel).

— Chiều, trong lúc chờ ăn tối tại khách sạn, một số lớn du khách đã thuê xe đi "shopping" vì không chịu nỗi sự chờ đợi qua ngày hôm sau. Thay vì được hướng dẫn tới nơi bán tơ lụa (ở Tô Châu mua chưa đủ) và gấm (gấm Thượng Hải nổi tiếng), xe đổ mọi người xuống khu phố Tây rất lớn bán toàn hàng Mỹ...

Thượng Hải nằm trên cửa sông Dương Tử, trong quá khứ là một làng đánh cá nhỏ dưới thời nhà Nguyên đã bị các nước tư bản mà đặc biệt là Anh, Pháp, Nhật xâu xé và chia thành những tô giới, biến nó thành trung tâm thương mãi kỷ nghệ quan trọng bậc nhất của Trung Quốc nhưng đồng thời cũng biến nơi này thành một trung tâm tội lỗi lớn nhất nước và đầy bất công nhất nước. Đây cũng lại là một lò cách mạng, nơi khai sinh đảng cộng sản, nơi xảy ra tranh chấp quốc cộng và cũng là nơi bùng nổ cuộc cách mạng văn hóa. Gần đây, theo chính sách đổi mới, nhà nước cộng sản cho Thượng Hải được sinh hoạt tự do nên đã được kinh tế tư bản tái phát triển mạnh mẽ. Đây là thành phố đông dân cư thứ nhì của Trung Quốc với số dân là 13 triệu.

• Thứ hai 4/26/99 (N-12):

Du khách được hướng dẫn thăm thành phố với:

29. Giang biên là con đường huyết mạch của Thượng Hải xa xưa với các dãy cao ốc là trụ sở các ngân hàng và công ty thương mãi phương tây và với các khách sạn sang trọng có lối kiến trúc của những năm đầu của thế kỷ 20. Tại tô giới cũ của Pháp hiện còn dấu tích nơi cư ngụ của Tôn Dật Tiên, Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai, v.v..

30. Hoa Viên Ngự Viên (Yu Yuan Garden, Qiuxiu Pu Garden, Garden of Autumn Clouds) là một trong tứ đại hoa viên của Trung Quốc. Hoa viên được xây dựng từ năm 1502 theo kiến trúc đời Minh và Thanh và mới được trùng tu. Hoa viên có đặc điểm như hầu hết hoa viên của Trung Quốc như núi đá, đình tạ, cầu chữ chi, v.v..

31. Ngọc Phật tự là một ngôi chùa mới được tu sửa sau nầy nổi tiếng với hai tượng Phật lớn bằng ngọc nguyên tảng do sư Huệ Căn mang từ Miến Điện về từ cuối thế kỷ thứ 19, một tượng ngồi cao 2 m và một tượng nằm, hình ảnh Phật trước khi nhập Niết Bàn, xung quanh xếp hàng ngàn bộ kinh Phật trên hai trăm năm.

— Tối, xem:

32. Trình diễn nhào lộn (Acrobats show) của đoàn Nhào lộn Thượng Hải. Đây là một sở trường của người Trung Quốc về việc giữ thăng bằng của cơ thể và việc khéo tay chân. Đoàn nầy đã nhiều lần lưu diễn tại nhiều nước trên thế giới.

• Thứ ba 4/27/99 (N-13)

— Sáng, mọi người được hướng dẫn đi mua sắm.

— Chiều, vào lúc 4 giờ 40 phút, bằng chuyến bay số 985 của Air China, chúng tôi rời Bắc Kinh và đến San Francisco vào lúc 1 giờ 5 phút chiều (cùng ngày). Từ nơi nầy, du khách ở xa lại tiếp tục đáp các chuyến bay nội địa trở về nhà với niềm vui còn vương lại và với các cơn buồn ngủ đang ập đến. Ngày xuân qua mau nhưng niềm vui vẫn còn mãi trong lòng.

■ *BN*

TÊN NHỮNG NÀNG CON GÁI HUẾ MỘT THUỞ NÀO!

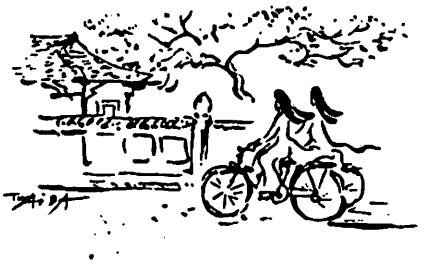

Lê Văn Lân

Tên những nàng con gái Huế một thuở nào! Đề tài này tôi đoan chắc không thiếu gì người hồi hộp nôn nóng muốn coi vì nó đầy chất thơ mộng, khêu gợi lại một thuở hoa niên. Nói đâu xa, xin chỉ gọi là khai mào nhè nhẹ thôi thì anh bạn cùng lớp thời 45 - 52 với tôi là Minh Vũ Hồ-văn Châm — vị tổng trưởng Chiêu Hồi của VNCH lẫm liệt ngày nào — đã để hồn thơ lai láng của mình tuôn chảy trong một bài nhắc đến tám nàng bạn gái cùng lớp như sau:

Thần kinh vui đón tiết XUÂN AN
HƯƠNG THẢO bâng khuâng quyện lá vàng!
Gió thổi LÊ rơi đầy thạch động
Mây đùn lệ nhỏ ngút THIÊN HƯƠNG.
THANH HÀ một giải chia đôi ngã
THU CÚC mười bông đã chín tàn!
Mũi chỉ đường KIM CHI phải bận
CẨM HÀ một bức hóa công ban.

Té ra chàng trai trắng trẻo Quốc học Khải định này cũng như tôi đã một thuở ốt dột từng *"bụi hồng lẽo đẽo đi về chiêm bao"* theo những hình bóng nhiều o trong đó có một o hình như tên lót chữ Phương chi đó đã chịu về nâng khăn sửa túi cho chàng và làm thân cò vất vả lo lắng thăm nuôi chàng trong nhiều năm bị cải tạo! Ta hãy đọc lại lời thơ tha thiết của chàng trong cái thuở chàng đã lẽo đẽo theo o:

Ta nhớ kinh kỳ ngày đầu thu năm ấy
Đường Lê Thái tổ rải hoa nắng lung linh
Bím tóc đong đưa xuôi bờ vai nhún nhẩy
Theo bước chân em, lòng ta rợn ngập men!

Hoặc giả một tiếng thơ khác là Trần thương Bá đã nhắc đến vài o bạn gái như **Ngọc Túy, Ngọc Trinh, Ngọc Cầm, Hoàng Lan** qua những kỷ niệm sau:

Dăm ba áo trắng, đò Thừa phủ,
Nón lá ngang vai, gió hửng hờ
Sóng vỗ mạn thuyền ru giấc ngủ
Trống trường Đồng Khánh tỉnh cơn mơ
Rợp đường long não gót ai qua
Tiếng guốc âm vang ôi thiết tha.
Là lúc sầu đông bừng hoa tím
Một mùa đông nữa đã trôi xa

Vừa rồi, tôi lại có cơ duyên biết một chuyện vui ngày xưa về tên của hai bậc phụ nữ thuộc lớp trưởng thượng mà tôi mạn phép kể ra đây: đó là hai cụ bà Công tằng Tôn nữ Tuyết Lê (phu nhân của cố G/s Y khoa Phạm biểu Tâm) và C.T.T.N Anh Lạc (thân mẫu của B/s Lê đình Thương); thuở con gái, hai cụ thường hay đi học và đi chơi chung không rời nhau một bước khiến nhiều chàng trai — nay đã thành những cụ ông đã ăn thượng thọ bát tuần từ khuya rồi! — không dám theo đuổi sát tán tỉnh mà chỉ bóng gió đứng xa xa ngâm bài thơ tựa đề là *"Le Lac"* (Lê Lạc!) của thi sĩ lãng mạn Lamartine của Pháp!

Nói theo tiêu chuẩn khảo cứu, chuyên đề nghiên cứu về *"Tên những nàng con gái xứ*

Huế" chính là một đề tài văn hóa lớn, đòi hỏi tối thiểu một sự thống kê, điều tra, khảo sát, so sánh đầy nghiêm túc và khoa học hẳn hoi. Ví dụ như ít ra phải dựa vào sự thống kê từ những sổ bộ đời (vital statistics) tùy theo địa phương (dưới quê hay trên dinh) trong một thời điểm nào (thời cựu triều, Pháp thuộc, tiền hay hậu chiến), điều tra về thành phần giai tầng xã hội (hoàng phái, quan lại Nam triều, công chức tòa sứ, giáo chức, buôn bán hay công nhân), trình độ giáo dục (cựu khoa bảng hay Tây học, hay bình dân giáo dục), tôn giáo (Phật tử hay Ki tô hữu) ... Chao ôi là bất bộn thứ phải làm!

Chính vì rứa mà trong khuôn khổ một bài bút khảo đầy tính chất tài tử tùy hứng này, kẻ hèn tôi chỉ xin giới hạn trên những dữ kiện thu hẹp về tên những người phụ nữ đã từng ở Huế mà tôi đã có cơ duyên nghe, hay quen biết xa gần hay góp nhặt lang bang từ những tuyển tập hay đặc san về xứ Huế trong một thuở nào trong giới học sinh.

Tôi không dám nói thế nào là "gốc Huế chay" bẩy mươi hai phần dầu mà chỉ nói là những vị "phụ nữ từng ở Huế" một thời gian đủ để làm "dân Huế" có "Huế tính" vì tôi nghĩ thế nào cũng có người hỏi vặn tôi có chắc những tên kê ra trên là những tên của những phụ nữ chính gốc bản địa Huế không? Nói của đáng tội, thiệt khó cho tôi mà trả lời! Không lẽ tôi lại nói đến những nàng Chiêm thành của châu Ô châu Rí thuở Huyền trân công chúa mà chỉ đành nói là những cái tên mà tôi từng chính tai nghe ở Huế thời thơ ấu của những bà hay những cô thuộc lớp trước tôi, ngang tôi hay sau tôi.

Lấy gốc gác địa dư mà nói, ngay cả mấy công chúa, mấy bà Tôn nữ của nhà Nguyễn thì gốc phát xuất từ làng Gia Miêu Ngoại Trang, huyện Tống sơn, tỉnh Thanh Hóa hoặc giả như mấy nàng giòng Nguyễn-khoa thường có lót chữ Diệu thì tổ quán ở làng Trạm Bạc, tỉnh Hải Dương.

Nói xa xưa thì mấy nàng gái Huế dưới Bao vinh một chút thuộc họ Trần tiễn... chính là gốc Tầu thời Minh! Huyện Tống sơn Thanh hóa quê của nhà Nguyễn chính là gốc Trung hoa đời Nam Tống trôi dạt tỵ nạn qua đảo Macao Áo môn rồi qua Thanh hóa, đặc biệt có họ Tống phước nghe quen ở Huế. Lục theo hoàng phả, ngọc phả của phủ Tôn nhơn, ta thấy cả thẩy 8 phụ nữ gốc miềm Nam kỳ tiến cung làm phi tần và hoàng hậu, hay mấy công chúa hạ giá với các phò mã gốc ở tỉnh khác. Trường hợp bà Từ dũ là mẹ của vua Tự đức người Gò công quá rõ, còn mẹ của gia đình gồm 4 thi sĩ trứ danh xứ Huế: Tùng thiện vương và 3 công chúa Qui đức, Mai Am và Huệ phổ là bà Thục tần Nguyễn thị Bảo người Gia định. Ở miệt trên Kim luông, có làng Nam Trung là làng của dân Nam từ Bến nghé, Đồng nai ra ở Huế nhiều đời như cố giáo sư y khoa Phạm biểu Tâm vừa tạ thế và cũng kể luôn trong đó có bà Nguyễn hữu thị Lan gốc Gò công là dân làng danh dự mà học giả Phạm Quỳnh chọn dâng lên cái tên Nam Phương hoàng hậu cho hoàng đế Bảo đại.

Còn theo tiêu chuẩn thời gian sinh sống thiệt gần thì lấy trường hợp của hai cô em của tôi là Thiên Úy và Minh Mỹ, cha mẹ mới từ Bắc vô Huế lập nghiệp mới mẻ một đời thì khi nghe nói tiếng Huế đặc sệt và cách ăn mặc của hai cô đã "Huế hóa" một cách sâu đậm qua sự đi học hay chơi bè bạn trong tuổi ấu thơ khó mà ai biết cha mẹ họ là dân Bắc kỳ chính hiệu. Trường hợp gia đình tôi cũng giống vài gia đình Bắc ở Huế như các chị B/s Bích Tuyết, Kim Hồng, anh bạn Ngô đình Long hay Âu ngọc Trác hay chị Bùi Bích Hà... Thành thử ra theo tiêu chuẩn lấy tổ quán và thời gian lập nghiệp ngụ cư khó mà định nghĩa cái "Huế tính". Cái Huế tính theo tôi là cái mẫu số chung về cung cách ở ăn, sinh hoạt của những người gốc bản địa nhiều đời đã đành mà còn bao gồm những dân ngụ cư tự nguyện có thái độ chấp nhận "làm dân Huế mình" một cách ngon ơ, ăn bún bò, cơm hến, bánh bột lọc, bánh nậm chấm nước mắm dầm ớt tươi hườm hườm rồi hít hà, xuýt xoa không ốt dột hay cảm thấy ngụy tặc chút mô cả rồi trầm trầm nói: "răng mà ngon rứa thê!"

Một đặc thù mà tôi chú trọng để đề cập trong bài bút khảo này là *khuynh hướng cha mẹ ở Huế thường đặt tên cho những con gái là đa số dùng tên đôi, tên kép gồm hai chữ ghép lại ở Huế phải chăng đã nhiều hơn các nơi khác ở Việt nam?* Ví dụ điển hình cụ thể là lấy hình chụp của các bà học sinh lớp đệ nhất niên Đồng Khánh 1936 - 1937 đăng trong tập san Tiếng Sông Hương 1988 của anh luật sư Lê chí Thảo thì có tổng cộng 30 người (gồm bà giáo Rérat và 29 nữ học sinh) thì tôi chọn ra được 16 tên kép nghĩa là 55% đứt đuôi nòng nọc rồi như: Thu Cúc, Đào Nguyên, Vân Huyền, Xuân Diễn, Túy Nhạn, Tố Tâm, Phương Lan, Diệm Nga, Thoại Ba, Cẩm Lai, Kim Phụng, Thánh Tín, Tâm Thành, Diệm Song, Phú Xuân, Phương Thảo; kỳ dư là 13 tên chiếc một chữ như Tùng, Hựu, Đỏ, Cam, Hy, Sung, Oai, Phú, Tảng, Ngà, Du, Hường, Trai. Một ví dụ khác dựa vào Tuyển Tập nhóm Phượng vỹ "Kỷ niệm 80 năm trường Đồng Khánh", trên hình ảnh của 11 vị Hiệu trưởng của trường này từ 1945 - 1975, tôi thấy 6 vị có tên đôi là Đào T. Xuân Yến, Đặng Tống Tịnh Nhơn, Tôn nữ Thanh Cầm, Thân thị Giáng Châu, Lê thị Tường Loan, Phan thị Bích Đào, nghĩa là cũng 55% chớ bộ dỡn sao. Còn trong 52 hình ảnh của những vị nữ giáo sư Đồng khánh trong cùng một thời gian, tôi điểm ra được 40 vị sau có tên đôi: Diệu Liễu, Hoa Diên, Nhân Đức, Giáng Châu, Hỷ Khương, Như Kha, Từ Nguyên, Thanh Tâm, Đạp Thanh, Kim Chi, Quỳnh Diêu, Khánh Tịnh, Như Lê, Vân Trà, Ngọc Thạch, Kim Anh, Mỹ Trang, A Trang, Phạm thị Hoàng Oanh, Nguyễn thị Hoàng Oanh, Quế Hương, Mộng Hà, Thu Cúc, Ngọc Khuê, Bách Diệp, Tiểu Bích, Như Quý, Thúy Nga, Ngọc Mỹ, Phương Chi, Tuyết Mai, Bạch Tuyết, Tuyết Anh, Thanh Thu, Quỳnh Chi, P.N. Đông Hải, Mộng Hoàn, Marybeth Thanh Mai, Thanh Ngọc, Chi Điền, Bạch Hạc. 40/ 52 là tròm trèm 77%, thật là một vườn hoa của những mỹ danh đôi.

Một đặc thù cần nêu ra khác nữa là *tên đôi con gái Huế đặt ít khi trùng hợp với những tên đôi thông dụng quen nghe ở những nơi ngoài Bắc hay trong Nam,* ví dụ trong bài *Vùng Kỷ niệm* của bà Hạnh Nhơn trong tập san Quốc học & Đồng Khánh Nam California 1999, tôi nhặt ra những tên: Nhân Lý, Kiều Miên, Lan Huê, Diên Hy, Tiên Nhạn, Như Miên, Bích Sen, Việt Thường; trong bài Nhớ hoài ngàn năm của Công tằng Tôn nữ Tri Túc, tôi cũng lượm ra hai tên ít nghe là Phạm thị Thứ Vọng, Trần thị Hà Long, Tôn nữ Cẩm Bàn. Riêng cá nhân tôi, thử vận dụng trí nhớ, tôi cũng moi ra bộn bề biết bao là những cái tên đôi đặc biệt, chẳng hạn như Mộng Thu, Đạm Phương, Nhân Đức, Tuyết Lê, Anh Lạc, Mộng Nhiên, Túy Thiện, Thương Túy, Thanh Lô, Thanh Hoài, Hồng Vinh, Trà Mi, Diệm Mi, Nga Mi, Dã Thảo, Miên Hoa, Như Ngộ, Diệu Hồi, Diệu Phước, Diệu Sâm, Diệu Hạnh, Diệu Điền, Diệu Cầm, Kim Soa, Thu Sương, Thiều Anh, Lạc Nhân, Hồng Tuyến, Dạ Khê, Lai Hồng, Bạch Trĩ, Tâm Thường, Duy Thạnh, Bản Anh, Liên Hà, Kim Điểu, Minh Nam, Bích Loan, Thanh Xuân, Thanh Hà, Hà Thanh, Khánh Trợ, Phùng Mai, Đoan Phương, Đoan Hạnh, Đoan Thư, Sơn Hà, Bội Lan, Bội Ngọc, Thượng Khanh... Ít khi trong Nam ngoài Bắc, có những tên tương tự, đúng không nà, bà con mình hỉ?

Trước hết, nói chung về cái tên con gái đàn bà Việt nam, thì đã kể từ đầu thế kỷ này, ta đã giảm dần tục trọng nam khinh nữ không còn như sử sách xưa chép về những danh nhân chỉ nói mẹ là người thuộc họ Bùi (Bùi thị), hay vợ là người thuộc họ Nguyễn (Nguyễn thị), kê họ ra mà không bao giờ nói rõ tên. Đã qua lâu rồi cái thời mà trên giấy tờ hay văn kiện, phái nữ bị gọi xách mé chung là "y thị", do đó phải chăng hiện nay cái chữ "thị" có khuynh hướng bị cắt đi như là một tàn tích cổ hủ vậy vì nó vô tình bị đàm tiếu là "thị mẹt"! Phái nữ Việt Nam bắt đầu có tính cách pháp nhân trong xã hội giống phái nam ngày xưa có tên ghi vào sổ đinh để thi hành nghĩa vụ với làng nước. Tôi nghĩ trước đây ở Huế cũng giống như các nơi khác, khi con gái còn bé mặc quần xẻ đũng vì còn đái mế, trong gia đình, họ vẫn có thể mang những tên tục, xấu hái như hĩm, hến, gái, cũn, lọ, vá, tẹt, tôm,

tép... của lớp người bình dân quê mùa hay những tên thông tục nôm na thân mật dễ thương "gọi chơi" ở nhà: ví dụ theo thứ tự sanh ra thì Chút chị, Chút em, Chút xí; hoặc theo nghề nghiệp gia truyền như tấm, cám, hẻo, the, lụa, lượt, là... (tên hai bà Trưng Trắc, Trưng Nhì vì sanh ở làng chuyên nghề tằm tơ quen gọi "kén chắc, kén nhì"); hoặc giả đặt tên dính liền với một kỷ niệm nào đó (ví dụ như tên "Út chòi" mà một vị hưu quan đặt cho con gái út mà vợ ông mắc rặn đẻ khi ông vừa ăn một ván bài chòi ngon lành vào ngày Tết). Các vua nhà Nguyễn khi còn bé cũng có tên gọi chơi như Mệ Tríu (Dục Đức), Mệ Mến (Hiệp Hòa), Mệ Vững (Bảo Đại), và bà Từ cung húy là Hoàng thị Cúc nhưng tên tục là Khế hồi nhỏ ở Mỹ lợi nên sau này trong Nội gọi cữ trái khế là"trái khến". Nhưng thông thường, khi mà các con gái đến tuổi đi học, cha mẹ ở tỉnh thành cũng thường đặt cho những tên nếu không hay ho thì ít ra cũng nghe được, tùy theo trình độ văn hóa gia đình. Có nhiều lối đặt tên, ví dụ như có vần miệng hay tiếp ý nghĩa với tên cha mẹ hay anh chị em như mẹ tên Lê, con có thể là Đào, Lựu, hay Lý; chị Bưởi thì em Bòng. Hoặc là đặt tên theo bộ sậu của các anh chị em theo thứ tự năm sanh với tên 12 con giáp, hoặc theo những điều chúc Phúc, Lộc, Thọ, Khang, Ninh; hay theo tên thảo mộc quí như Tùng, Bách, Trúc, Mai, Quế, Hòe, Cúc, Liên; các tên chim như Phượng, Yến, Nhạn, Thước hay tên các thứ quí kim, bảo ngọc như Kim, Ngân, Ngọc, Quỳnh, Dao, Bích..

Một điều tôi xin thưa rõ ràng là tôi nghĩ mọi người đều đồng ý rằng không nhất thiết chỉ có tên đôi, tên kép mới có ý nghĩa và đẹp, mà những cái tên đơn cũng ý nghĩa và đẹp không kém, ngoài ra chúng lại mang một ý nghĩa gọn gàng, tiêu biểu dứt khoát, khẳng định nữa, vì cũng có một số người cho rằng những tên đôi dài lê thê, chung qui là vấn đề sở thích.

Tôi thiết nghĩ cũng nhiều người muốn đặt tên con để chuyên chở một ý nghĩa cao đẹp, tao nhã nhưng lại thận trọng, khiêm tốn và dè dặt sợ rằng con mình không đủ tư cách đáp lại điều mơ ước của mình khiến thiên hạ đàm tiếu. Hoặc giả họ cũng nơm nớp kiêng cữ những cái tên "hoa nguyệt" hoặc những tên quá diễm tuyệt, sắc sảo, hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh sợ rằng nó vận vào số mệnh "hồng nhan đa truân". Đương nhiên, cũng có người ít học mới giàu nổi nhưng học làm sang không cần hiểu ý nghĩa thâm thúy của chữ nghĩa mà chỉ cốt kiếm cái cầu kỳ về âm thanh du dương hài hòa của những cái tên hay đẹp nhưng rỗng tuếch, nghĩ cũng thật thương hại cho cái thói rởm trong đời.

Chọn những tên đơn một chữ đã khó thay, huống hồ chi chọn những tên kép, tên đôi. Ngoài Bắc trong Nam, — nhất là cái xứ Bắc hà ngàn năm văn vật — nói nào ngay cũng không thiếu gì phụ nữ mang tên đôi tên kép mỹ miều, ý nghĩa, dựa vào điển tích Nho học sâu xa, nhưng tôi chỉ xin nói đến những tên nghe được ở Thừa thiên - Huế thôi.

Trong bút khảo này, tôi chỉ nêu ra những tên con gái Huế theo giấy tờ khai sinh chứ không nói đến những tên, hay bút hiệu, bút danh mà vài cô, bà tự chọn về sau khi ra đời, lúc bấy giờ thì họ tha hồ, tự do hơn, không những tên hai chữ mà còn ba bốn chữ, để nói cái sở nguyện của bản thân. Khi còn nhỏ đi học, đặt tên ba bốn chữ thường rườm rà, gọi điểm danh không gọn mà viết ra còn choáng cột, nên rất dị ồm, khiến bạn dễ chòng ghẹo.

Muốn khảo sát, nghiên cứu về lối đặt tên, tôi nghĩ ta không những thống kê phải theo thứ tự vần A, B, C, theo bộ loại về ý nghĩa mà còn phải điều tra về gia đình, gia cảnh, gia phong của những tên liên hệ. Ví dụ như ta thấy vài cung cách hay khuynh hướng đặt tên sau: Chữ Diệu thường là của giòng họ Nguyễn-khoa như Diệu Trà, Diệu Lê, Diệu Uyển, chữ Như của giòng Hà-thúc ở La chữ, chữ Diệm của giòng họ Lê-văn ở Kim long, chữ Hồng của gia đình họ Võ ở An Ninh Hạ như Hồng Hoa, Hồng Trang, Hồng Diệp, Hồng Điểm, Hồng Điệp; chữ Ngọc của họ Lê-khắc như Ngọc Quỳnh, Ngọc Cầu, Ngọc

Túy; chữ Tâm của gia đình cụ Bửu Bác như Tâm Thường, Tâm Quỳ, Tâm Nhung - cụ Bửu Bác là tác giả bài hát Hải Triều Âm tức là Trầm Hương Đốt hiện được chọn làm đạo ca đã được gia đình Phật tử hát trong những ngày lễ Phật. Ta cũng nên điều tra thử coi những chữ như Diệu, Tâm, Tịnh, Như, Ngộ có phải thuộc gia đình sùng Phật giáo không? Những chữ Mi có phải là đặc biệt riêng cho gia đình một thuở có con gái đẹp ở đường Hàng Me không? Đối với những gia đình hoàng phái thì sự điều tra còn xoáy vô gia phả tìm hiểu về thế hệ tiền hay hậu biên, chánh hệ hay phiên hệ, về thơ văn sáng tác vì liên hệ đến cách thức đặt tên theo các bộ Hán tự, theo những bài thi làm ra gồm những chữ cho từng thế hệ thuộc nam hay nữ. Còn những gia đình nổi tiếng khoa bảng, hay thi xã, thi đàn thì nhiều khi tên đặt mang một điển tích cổ hay lấy ý từ một bài thi phú ngày xưa. Thường khi điều tra thì có vẻ tọc mạch, nhưng cũng mang lại nhiều điều thú vị, bổ ích cho sự nghiên cứu nghiêm túc mà tôi nghĩ chưa có thể làm được vì thiếu dữ kiện. Những người đầy đủ tư cách làm công việc nghiên cứu đặc biệt về tên những cái tên học trò là những thày giáo, cô giáo nhiều năm ở Huế.

Ngoài yếu tố gia đình cục bộ, người nghiên cứu phải chăng cần phân tách những yếu tố xã hội trong khung cảnh lịch sử, địa lý và nhân văn: Vùng đất cố đô Huế văn vật, thơ mộng hữu tình đã mang một sự tương phản về sắc thái là quá chật hẹp về diện tích không gian đất đai kẹp giữa chân núi và cửa biển, nhưng lại có một chiều dày về kích thước thời gian về lịch sử và văn hóa Nho giáo trong 9 đời chúa, 13 đời vua từ mấy trăm năm. Nơi đây đã từng là chốn tụ hội thi tài của bao nhiêu sĩ tử ngoài Bắc trong Nam đổ về để thi hương, thi hội, thi đình. Nơi đây đã từng là nơi vãng lai của những tao nhân, mặc khách, nơi có những thi xã, thi đàn, có Văn miếu, có Quốc tử giám, có cơ quan Lục Bộ làm việc của các quan lại, nhất là có triều đình Hoàng đế, có Tôn nhơn phủ với nhiều phủ đệ ông hoàng bà chúa kín cổng cao tường, có lăng tẩm với những bà cung tần nhang khói. Những yếu tố trên phải chăng giải thích cung cách đặc biệt cũa những nàng gái Huế cổ truyền mơ mộng, trang nghiêm, trầm lặng đi ra ngoài bao giờ cũng mặc áo dài và đội nón lá dù trời im nắng:

Người xứ Huế yêu thơ và nhạc lễ
Tà áo dài trong trắng nhẹ nhàng bay.
Nón bài thơ e lệ nép trong tay
Thầm lặng bước những khi trời dịu nắng
(Bích Lan)

Dân số của Tôn Nhơn phủ Huế cũng theo thời gian mà gia tăng nên hình ảnh của phái nữ hoàng phái đương nhiên phải lọt vào thơ văn, nói lên ít nhiều cái cung cách phủ đệ quí phái vang bóng một thủa vàng son:

Gió cầu vương áo nàng tôn nữ
Quai lỏng nghiêng vành chiếc nón thơ!
(Đông Hồ)

Đất Huế trong một thuở huy hoàng trước đây được các tao nhân mặc khách cho đồng hóa với ý niệm Đẹp và Thơ, nên chúng ta không nên ngỡ ngàng nhìn hình ảnh "thăng hoa" của một mỹ nhân công chúa đất Thần kinh trong lời thơ chải chuốt óng ả của Vũ Hoàng Chương trích trong tập "Mây":

Bồng bềnh mun chảy óng lưng thon,
Nhạc tía đền vua chuyển gót son.
Yểu điệu Hương giang mềm nếp áo,
Trầm bay sóng mỏng vạt trăng non.
Công chúa — là đây mộng ngự thuyền,
Bài thơ mờ tỏ, nón nghiêng duyên
Hàng mi ánh phớt tình thanh liễu,
Gờn gợn giòng thu, mắt ngọc tuyền
Môi chĩu mùa nho ngọt ý hương
Má thơm hồng hạnh kín tin hương.
Lòng ơi nghe đã niềm xưa động,
Nắng quái bờ mây gấm tịch sương
Kề song nguyệt chếch ngủ chung giường
Kinh khuyết trời xa trán tuyết sương.

Và ngay một cô lái đò bình dân ở Huế với chiếc áo dài và vành nón cũng trở thành "yểu điệu" dưới mắt của người thơ:

Thuyền nan đủng đỉnh sau hàng phượng
Cô gái Kim luông yểu điệu chèo
(Nam Trân)

Còn đối với những nàng con gái con nhà hay dân thường cắp sách đi học nhất là học tại trường École des Jeunes Filles hay tại Đồng Khánh là ngôi trường Nữ Trung học lớn nhất nước mở ra từ năm 1917, họ đương nhiên là mang truyền thống "yêu Thơ và Nhạc, Lễ". *Lễ là cái trật tự bên ngoài, còn Nhạc là trật tự bên trong.* Chính vì sự tôn trọng cái truyền thống ám tàng thầm lặng về tinh thần chuộng "yêu Thơ và Nhạc, Lễ" đã khiến các bậc cha mẹ của cái xứ văn vật thường kỹ lưỡng trong sự đặt tên, không nhất thiết phải kiều diễm, du dương nhưng ít ra nghe cũng thanh tao, nhũn nhặn, gói ghém cái đẹp ý nghĩa về tinh thần hơn là về thể chất. Phần lớn các vị nếu không phải là những vị hưu quan cựu khoa bảng thuộc Nam triều, những gia đình hoàng phái, tôn thất "tiếng cả nhưng nhà thanh", những vị hàn nho từng lẽo đẽo trường ốc một thời, thì ít ra họ cũng thuộc giới trung lưu công tư chức trong ngạch hành chánh mới nhưng còn chuộng cái đẹp của nền cựu học. Đại khái nếu ta nhận xét chung chung về những tên đôi của phụ nữ xứ Huế một thời trước đây, tuy ta không hoàn toàn hiểu cặn kẽ cái ý nghĩa uyên áo ẩn tàng được gói ghém trong những từ ngữ chữ Nho thì ta cũng cảm nhận cái thông điệp ca tụng cái nề nếp **Công, Ngôn, Dung, Hạnh** cho người con gái hay tinh thần chuộng cái đẹp thanh nhã, nhàn tản trong cảnh vật thiên nhiên của người xưa. Tôi còn nhớ câu nói về tiêu chuẩn lý tưởng về tư cách của một phụ nữ Huế là *"thô cũng đặng, mà thanh cũng hay"*, ở nhà khi cần thì xốc vác, đảm đang chuyện nhà cực nhọc như gánh nước, chẻ củi, bếp núc lọ lem, ra ngoài thì áo nón chỉnh tề, đi đứng ý tứ, nói năng lễ độ, họp bạn thì ít nhiều cũng góp tiếng ngâm thơ đàn hát. Phải chăng lý tưởng này cũng đã phản ánh qua nhiều cái tên cho phái nữ mà các cụ muốn gửi gắm tâm nguyện dạy hai chữ "thanh thô" hay "nhạc lễ" cho các con gái sau này về làm vợ, làm dâu? Bản thân tôi thì học hỏi ăn đong chữ Hán nhưng cũng mù mờ hiểu tên **Minh Đức** hay **Tri Túc** là lấy từ câu trong sách xưa về đạo tu thân như *Tại minh minh đức*, hay *Tri túc tiện túc hà thời túc*... hay **Thứ Vọng** nói lên cái ước nguyện sống hài hòa trong tinh thần hỉ xả tha thứ với tha nhân; **Túy Thiện** phải chăng là mê say điều thiện hảo. Cái tên **Hồng Nghê** phải chăng là cái mầu hồng trên cái cầu vồng mà vị thâm nho thích ngắm nhìn khi trời mới tạnh mưa với con mắt nghệ sĩ? Nghe nói ở Huế có gia đình lấy chữ Nghê đặt cho những o con gái của mình? Cái tên **Đạp Thanh** (dẫm lên cỏ xanh non) rõ ràng nói đến sự du xuân chạp mộ vào tiết Thanh minh trên núi Ngự. Tên **Miên Hoa** phải chăng đặt ra là để ghi lại kỷ niệm của mùa bông gòn nở....

Qua việc tìm hiểu cách đặt tên, tôi lại cơ duyên đặc biệt hiểu thêm nhiều điều lý thú, ví dụ như chữ Diệu nhuốm màu Phật pháp của đại đa số cô gái giòng Nguyễn-khoa ở Huế! Tôi chỉ nói là "đại đa số" thôi, ví dụ như bà Bội Lan (con gái cụ Nguyễn khoa Vy), các bà Phương Dung, Phương Mai con gái của cụ Nguyễn khoa Du, họ không còn Diệu nữa! Ngược lại, cũng có một số bà giòng họ khác thích chọn chữ Diệu như Diệu Nhơn, Diệu Ngãi, Diệu Lễ (em ruột B/s Quyến?).

Vọng tộc Nguyễn-khoa ở Huế nguyên thủy là họ Nguyễn-đình có tổ quán là làng Trạm Bạc, tỉnh Hải dương ngoài Bắc nhưng theo chúa Nguyễn Hoàng mà vào Nam và sau đó cải thành họ Nguyễn-khoa. Giòng Nguyễn-khoa có ông Nguyễn khoa Đăng chức Nội tán là vị danh nhân có công nghiệp dẹp giặc cướp tại truông nhà Hồ nên được dân gian ca tụng trong câu ca dao:

Nhớ em, anh cũng muốn vô,
Sợ truông nhà Hồ, sợ phá Tam giang!
Phá Tam giang, ngày rày đã cạn
Truông nhà Hồ, Nội táng cấm nghiêm!

Họ Nguyễn-khoa là một giòng họ có truyền thống rất sùng đạo Phật, ưa xây chùa

lấy công đức, thích vun xới phước điền như ông Nguyễn khoa Thuyên tước Hiến chương hầu khi về hưu lập Long Quang tự tại Vĩnh long mà tu. Trước khi về hưu tại Vĩnh long, ông đã lập một cảnh chùa tại Bình định là chùa Linh Phong mà dân địa phương quen gọi là Chùa Ông núi. Riêng đặc biệt ở Huế vùng Tây thượng có chùa Ba la mật do ông Án sát Nguyễn khoa Luận khai sơn và tu trụ trì với pháp danh là Viên giác thuộc đời thứ 41 dòng Thiếu lâm tế ở Việt nam, đệ tử của ông về sau là sư Viên thành và sư Thích Trí thủ. Về sau, lại có ông thượng thư bộ Hộ là Nguyễn khoa Tân từng làm chánh hội trưởng hội Phật học miền Trung và ông Thượng thư bộ Kinh tế là Nguyễn khoa Kỳ lập chùa An lạc dưới chân núi Ngự bình. Lại có ông Nguyễn khoa Toàn, chữ nghĩa thông thái, vẽ đẹp, đàn hay chưa đủ lại còn kiêm tài nắn pho tượng Phật tại chùa Từ đàm nữa. Đi tu tức là như vun xới khu đất phước đức cho con cháu, và hạnh bố thí cho chúng nhân nên ta không lấy làm lạ tại sao trong dòng Nguyễn khoa có những tên **Diệu Phước, Diệu Hạnh, Diệu Điền...**

Cũng trong việc tìm hiểu về tên, tôi lại gặp tên **Như Ngộ** cũng rất nhuốm màu Phật pháp vì "ngộ" tức là tỉnh ngộ, thoát khỏi u mê còn "như" thì nhắc tôi nhớ câu thơ đầu của cuốn sự tích của Phật bà Quan âm Hương tích nguyên là Chúa ba Diệu Thiện là *"Chân như đạo Phật rất mầu, Báo ân chữ Hiếu, niệm đầu chữ Tâm"*. Nhưng câu chuyện lại khá trớ trêu, ly kỳ ở Huế thì cái tên Nguyễn thị Như Ngộ là tên người em gái cùng cha khác mẹ với linh mục Nguyễn Hy Thích, tự là Sảng đình tức là cha J.M. Thích dạy tại trường Quốc học mà chúng tôi rất kính thương. Cha Thích là con thứ hai của cụ Thượng thư Nguyễn văn Mại, hiệu là Lô giang Tiểu Cao, người làng Niêm phò hay Kẻ Lừ, tỉnh Thừa thiên; cụ Mại rất đông con, cả thẩy đến 25 người, con trai đều có tên lót chữ HY cả. Cái tên tự Sảng đình của cha Thích phải chăng là ngôi đình ngồi hứng mát trên đỉnh núi Túy vân có ngôi chùa cổ nằm quấn quít với mây trời ở gần làng Mỹ lợi, huyện Phú lộc? Ngồi ở Sảng đình, tao nhân mặc khách có thể nghe vọng lại tiếng sóng biển Đông từ chân núi vọng lên, vừa tạo hồn thơ, vừa thoát tục. Tên Sảng đình khiến ta nhớ tới bài tuyệt cú của Tùng thiện vương làm lúc lâm chung, thấm đượm mùi Thiền:

Bán sinh học đạo thái hồ đồ
Thoát tỉ như kim nãi thức đồ
Tiến Sảng đình ba, Thiên Mụ nguyệt
Thủy Hương lâm ảnh hữu nhân vô

(Học đạo nửa đời thật viển vông!
Cởi dép nẻo đường mới được thông
Sóng chốn Sảng đình, trăng Thiên mỗ
Hương gian bóng mát biết hay không?)

Gia đình cụ Mại vốn theo Phật giáo thuần thành nên cái tên Như Ngộ vốn là tên mà sư của chùa Tam Thai chọn đặt cho người em gái của cha Thích khi bà mới chào đời năm 1902. Cha Thích tự ý theo Công giáo và sau lại đi tu làm linh mục là một chuyện rất trái nghịch với truyền thống gia đình. Người ta kể rằng khi cha còn tu ở tiểu chủng viện Cửa Tùng ở Quảng trị lúc 26 tuổi, một bữa cha về thăm gia đình cụ Mại bấy giờ làm việc ở Qui nhơn, bị cha mẹ ngăn cấm trở về nhà tu, nên cho người đón đường bắt về, nhưng cha đã cải trang thành con gái mà đi thoát ra nhà ga mua vé về lại Quảng trị. Về sau, bà em là Nguyễn thị Như Ngộ cũng chịu ảnh hưởng người anh cũng đòi đi tu khiến gia đình một phen lại ngăn cấm khiến bà phải trốn vô tu tại giòng tu kín Carmel ở Kim Long. Nghe đâu hai cụ ông và bà Thượng Mại đã đến nhà tu trách mắng, yêu cầu trả lại con và còn đích thân lôi con gái về nhà, nhưng bà Như Ngộ (sau bèn cải ra là Nguyễn thị Ngọc) đã khóc lóc nằm trì xuống đất nên hai cụ cũng đành chịu thua. Bà này sau lấy tên dòng tu là Marie de l'Eucharistie năm 1921... Về sau, khi cụ Thượng Mại qua đời vào năm 1945 lúc 87 tuổi lại được chính cha Thích rửa tội cùng một lần với cụ bà mẫu thân thuộc giòng vọng tộc Thân trọng. Tôi nghĩ rằng thuở trước đây hồi Nho giáo còn thịnh thì mỗi cái tên mà gia

đình nào đặt cho con, không ít thì nhiều cũng có một sự tích hay liên quan đến một qui cách chữ nghĩa nào đó hay một kỷ niệm riêng tư nào đó. Cái tên **Giáng Châu** — viên ngọc trời cao ban xuống — chính là trái măng cụt trong Nam đem ra di thực ở Huế trồng ở sơn lăng. Vua Minh Mạng rất ưa ăn nên đã ban cho cái ngự danh *"giáng châu tử"* (Đại Nam nhất thống chí - Phủ Thừa thiên). Nhà vua nguyên đẻ ra là dân Nam vì sanh tại Sàigòn phường Tân Lộc hay tại góc hai đường Lê quí Đôn và Trần quí Cáp sau này. Nhà vua rất mê ăn canh chua nên cũng đem trái tầm duộc trong Nam ra trồng và cũng ban cho ngự danh là *"Thanh Châu tử"* và làm thơ ca tụng trái tầm duộc với bài *"Vịnh Thanh Châu tử"* trong tập "Minh Mạng thánh chế". Sở dĩ gọi là "Thanh châu" — viên ngọc trai xanh — vì tầm duộc lúc chín vẫn giữ màu xanh. Còn quí bạn biết không, cái mỹ danh "Nam Trân" (hình như là phương danh của một vị phụ nữ giòng Thân trọng) chính là trái lòn bon mà vua này cũng khoái, bắt đem trồng ở Sơn lăng. Nghe chuyện vua Minh mạng với mấy thứ trái giáng châu, nam trân, thanh châu, xin bà con đừng nhễu nước miếng. Tầm duộc nấu canh chua với cá lóc ngon lắm, mà cá lóc, cá tràu thì theo Đại Nam nhất thống chí cũng là trong Nam đem ra ngoài Huế chứ mô nữa! Theo kỹ sư Tôn thất Trình, quít Hương cần, mía Mỹ lợi cũng là thảo mộc gốc Nam kỳ di thực. Vợ của vua Minh Mạng cũng dân Nam nhũ danh Hồ thị Hoa, con gái ông Hồ văn Vui người làng Thủ đức. Cái tên nôm "Vui" viết theo chữ Nho là Bôi, làm tôi nhớ đến cách nói trại ở Huế như "thời cơm chơi ba hột cho bui hỉ!" Bà phi Hồ thị Hoa hiền thục, hiếu kính nên đẹp lòng vua cha Gia long nên được khen và cải tên rằng: Phi nguyên tên là Hoa, hoa thì chỉ nghe thơm mà thôi, chi bằng chữ Thật (nghĩa là cái hột trái) là gồm có quả Phúc. Bà Hoa sanh ra hoàng tử Miên (sau là vua Thiệu trị), sanh mới 13 ngày thì bị sản hậu mà chết lúc bà mới 17 tuổi khiến hoàng gia thương tiếc vô cùng. Do đó hai cái tên Hoa và Thật trở thành tên húy kỵ nên ở Huế thường nói là huê, bông, ba, thiệt như những cái tên **Lan Huê** (con gái của cụ Tôn thất Quảng và là em của thầy Tôn thất Hanh trường Quốc học), chợ Đông ba, tiệm chụp bóng Thanh ba, kết bông kết ba đám cưới thiệt đẹp, ăn nói thiệt thà! Quí bạn có biết chỉ riêng cái tên húy một chữ là HOA cũng là cầu kỳ lấy ý từ bốn chữ cổ văn là *"Đặc dĩ phương văn"* (cốt để truyền hương thơm). Chưa hết, lúc bà Hồ thị Hoa chết sản hậu, đứa con mới sanh ra 13 ngày — sau này là vua Thiệu trị — cứ khóc riết ngày đêm nên được ông nội Gia long đến thăm và cho rằng còn nhỏ xíu mà biết thương mẹ như vậy thì lớn lên sẽ là con hiếu nên đặt cho là DUNG.

Sau này, bà Từ Dũ — mẹ vua Tự Đức — cũng là dân Gò công, nên cũng đem vài thứ sản vật trong Nam ra Huế, ví dụ như cá thác lác thịt làm chả rất ngon đem thả nuôi ở Huế, nên ở Huế có địa danh "Cống Thác lác" (đọc trại ra là phát lác) qua khỏi Quẹo Dầng Xay gần cánh đồng trồng lúa de An cựu. Bà Từ dũ đã nhờ ông cậu Miên Thẩm (Tùng thiện vương) chăm sóc dùm hai thứ ngon miền Nam là "trái Giáng Châu" và cá thác lác để các vua chúa trong cung nội dùng ngự thiện hay nói theo cung cách ngôn ngữ Huế thanh bai thông dụng là "thời" vậy.

Lý do là Tùng thiện vương đã xin mua 12 mẫu tự điền để cất nhà gọi là Phương thôn thảo đường (nhà tranh ở xóm dậy mùi hương) và đào ao dẫn nước gọi là Hoàng tử pha (ao của con trai vua), trên ao có giường tre ngồi uống rượu ngâm thơ còn dưới ao thì thả cá chỉ việc vớt lên làm đồ nhắm, thiệt là thú vị. Nhân đây tôi cũng đôi khi thắc mắc về chính tả chính xác của vài tên như Bách diệp hay Bạch diệp. Bách diệp nghĩa là "trăm lá" không biết dựa theo một điển cố văn thơ nào nhưng khiến vài kẻ tinh nghịch gọi lái là "tra lắm!". Còn nếu là Bạch diệp (lá trắng) thì khiến tôi nhớ lại câu ca dao:

Hồ Tịnh tâm giàu sen bạch diệp!
Đất Hương Cần ngọt quít thơm cam
Ai về cầu ngói Thanh toàn,
Chờ em về với một đoàn cho vui!

Sen Bạch diệp chắc là một giống sen quí, cánh trắng muốt quen gọi là Bạch Liên. Hay là loài sen Bách diệp có rất nhiều cánh nào đó đã được tiến kinh trồng đặc biệt cho nhà vua ngự trà hay lấy hột nấu chè hột sen bọc nhãn, hay dùng ngó sen nhồi đậu xanh trong những món bổ ngự thiện. Chuyện sen hồ Tịnh nhắc ta nhớ đến chuyện tương truyền các cung tần vào mùa hạ chèo xuống nan để nhét trà trong những búp sen mà ướp qua đêm rồi sáng tinh sương hôm sau lại chèo ra lấy thu hoạch trà đồng thời hứng những giọt sương long lanh đọng trên tàu lá sen làm nước pha trà! Thôi mà gọi là Bách hay Bạch diệp chi cũng đặng cả vì cốt nghe để mà tưởng tượng đến cái hậu vị ngon tuyệt vời của chén ngự trà thơm ngát hương sen! Vua Minh mạng cũng khoái bông sen lắm nên năm Minh mạng thứ 17 ngài cho khắc hình bông sen trên Nhân đỉnh trong Thế Miếu. Người ta phải phục nhà vua này vừa biết "ăn" vừa biết "chơi" thiệt đúng nghĩa yêu đương!

Nói chuyện vua, xin nói qua chuyện dân về cái lối đặt tên con. Tôi có một ông bạn vong niên đặt tên con là Lạc thư. Mới nghe, tôi ngỡ anh thích nghiên cứu kinh Dịch với Hà đồ, Lạc thư. Ai ngờ lại khác hẳn, anh là loại mê đọc sách nên Lạc thư có nghĩa là tìm cái vui trong thú đọc sách!

Khuôn khổ giấy không cho tôi bút khảo dông dài. Tôi chỉ nêu lên vài đặc thù cũng như về vài sự tích quanh những cái tên gọi ở cái đất Thần kinh cổ kính mà tôi có dịp lượm lặt. Điều này không có nghĩa là những tên phụ nữ Việt Nam ở ngoài Bắc hay trong Nam, kém hay, kém đẹp và không có những nét đặc thù và ý nghĩa riêng biệt đáng nghiên cứu đâu! Phụ nữ ở đâu cũng là một vưu vật của vũ trụ cả.

Nhìn chung, than ôi, chúng ta là những kẻ hậu sinh trong một giai đoạn lịch sử đã xoay chiều, đối với cái chiều dầy của nền văn học cũ uyên áo thâm thúy thì chúng ta đành thú nhận là dốt nát khi tìm hiểu toàn bộ những cái tên của những phụ nữ Việt nam — trong đó xứ Huế đã đóng góp một phần đáng kể trong một thuở nào? Phải chăng đó là những thông điệp bằng ngôn từ chúc nguyện hay giáo dục về trau dồi đức hạnh cùng là quan niệm nghệ thuật trang nhã được cô đọng gửi gắm cho lũ con đàn cháu mà những bậc sinh thành muốn truyền đạt để chúng noi theo dựa vào thuyết chính danh. Riêng ở Huế, những cái tên thâm thúy hay đẹp đặt ra kể từ thập niên 50-60 về trước, dần mai một, một loại "trân quí đang bị thất truyền" (endangered species!) về văn hóa vì cái dư vị Nho học, cái cung cách Huế thuần túy phai lạt hay tắt ngúm với sự ra đi vĩnh viễn của các ôn, các mệ thâm nho rồi.

Trong bài này, tôi đã mạn phép kể ra nhiều phương danh mỹ tự của nhưng vị phụ nữ ở Huế mà tôi hoặc là qua trí nhớ hoặc là trích dẫn từ các tuyển tập, đặc san về Huế với mục đích thuần túy biên khảo. Có thể tôi đã phạm những sơ sót, sai lầm vô tình về chính tả hay lời giải thích này kia nên tôi chân thành mong quí vị hoan hỉ chỉ giáo hay nhuận chính, hay góp ý, bổ túc hay cung cấp những tài liệu cụ thể. Xin muôn vàn đa tạ.

■ *LÊ VĂN LÂN*

Lá thư của Chị THÂN THỊ GIÁNG CHÂU

MỘT ĐÓNG GÓP ĐỘC ĐÁO QUÍ GIÁ CHO BÀI "TÊN NHỮNG NÀNG CON GÁI HUẾ"

Ngay trước khi báo lên khuôn thì quí hóa thay người viết Lê văn Lân nhận được lá thư của chị Giáng Châu dưới hình thức góp ý chân tình "gặp chi nói nấy như chuyện trò thường vậy thôi".

Bậc đàn chị Thân thị Giáng Châu lớn hơn tôi hai tuổi nhưng lại ở vai đặc biệt là phu nhân của thầy Nguyễn hữu Thứ. Thầy Thứ là người có một trí nhớ khủng khiếp của loài voi nên bài viết nào của thầy cũng chứa đầy những chi tiết sự kiện tỉ mỉ mặc dù câu

chuyện xảy ra cách đây sáu bảy chục năm. Chị Giáng Châu đã từng dạy học nhiều năm và cũng có trí nhớ dai không kém.

Sau đây là vài điều góp ý đáng kể của chị, vừa quí giá đầy chất lượng, vừa dí dỏm:

— Anh Âu ngọc Trác có các em là Âu ngọc Hồ, Âu Thúy Toan. Anh Hồ vốn học cùng lớp với chị Giáng Châu, có viết dédicaces (lưu niệm) cho chị như sau: *"Cầm nhẫn thín và tên đèo chữ Cụ"* vì bạn đồng lớp quen gọi là "Cụ Hồ" (Anh Hồ được giải văn chương của Quốc trưởng Bảo Đại năm Đệ Nhị.)

— Marybeth Thanh Mai là người Mỹ, gốc ở Springfield - Illinois, sang dạy thiện nguyện Anh văn khoảng năm 60 - 70, nói tiếng Việt giỏi lắm, làm cả một tập thơ tiếng Việt.

— Chị Giáng Châu cũng đồng ý và chia xẻ rằng các "tên đơn "của con gái Huế cũng có ý nghĩa hay đẹp không kém tên đôi và Bắc Nam đều có những tên mỹ miều, ý nghĩa, theo điển tích mà mình tìm chưa ra thôi! Chị viết: "Chọn tên đơn một chữ khó hơn chọn tên kép, anh à!"

— Riêng về tên đặt trong gia đình của chị, chị Giáng Châu đã khiêm nhường tiết lộ rằng chị có hai em trai là Lăng Tiêu và Mộng Lân còn các anh chị khác thì tên đơn. Ông cụ thân sinh đặt tên Giáng Châu ra để ghi nhớ cây măng cụt cổ thụ, sai trái ở từ đường họ Thân-trọng ở Nguyệt Biều - Huế mà cụ cho là "tượng trưng cho tình đoàn kết gia tộc, đồng thời ông cụ tôi cũng muốn cho con được ân sủng Trời Đất và biết thương người!" Người viết mạo muội xúc phạm sự khiêm tốn của chị Giáng Châu mà ghi lại một thủ bút của Cha Cao văn Luận, viết ở Huế ngày 12-8-50 cũng viết lưu niệm cho chị khi rời trường như sau: *"Chị Châu, Xin thành thực chúc chị suốt đời được thực hiện cái tên tốt đẹp của chị: nghĩa là một đàng được Chúa Trời ban xuống cho chị đủ ân phúc để cho đời chị nên một hạt "châu" quí báu, về đàng khác chính mình chị biết luôn luôn thi ân, giáng phúc cho những người nghèo khổ, những người cần đến chị: chị sẽ luôn "giáng châu" cho họ. P. Luận."*

— Chị Giáng Châu trong thư cũng nhắc lại vài điều chị còn nhớ về tên của các học trò hay những người chị biết: Tên 4 chữ thì có tên Nguyễn thị Phước Như Đông Hải; tên 3 chữ thì có Lê thị Mỹ Lâm Anh (vợ của dược sĩ Lưu Sơn) nhưng các bà em gái thì tên đôi. Cũng tên 3 thì có Lê thị Thái Bình Dương, thuộc các anh chị em có tên địa lý: Bắc việt, Nam việt, Nha trang.

— Cũng tên địa lý nữa là Hà tiên, Mê linh, Thụy điển, Thụy sĩ — những người đẹp học Đệ Nhị năm 1975 trong gia đình ông Tôn thất Ngọc (Rạp Ciné Tân Tân).

— Con cụ Lê khắc Tưởng thì có Lê K. Ngọc Giao, Ngọc Khuê, Ngọc Mai, với chị em chú bác: Ngọc Anh, Ngọc Bích, Ngọc Diệp... Nhưng cũng có gia đình thay đổi: Lê thị Túy Đại (em Lê Khắc Lý); Lê thị Tôn Kính (em của Lê Hiếu Kính, Lê Nghiêm Kính), dòng dõi này ở làng Văn Xá...

— Vài tên lót còn thông dụng nữa là:

- Phương (Phương Anh - Mme Hồ văn Châm-, Phương Vân, Phương Linh, Phương Dung...)
- Túy (Thân trọng Túy Cầm, Túy Diệp, Túy Quỳnh, Túy Diệu, Túy Ngọc, Túy Diễm, Túy Diễn, Túy Hồng (vợ nhà văn Thanh Nam)
- Như
- Phong (P. Ty, P. Phô, P. Thư, P. Hằng, P. Như, P. Uyển... các cháu gọi "anh Thứ tôi" bằng chú ruột.
- Lệ, Phi, Khanh, Kim, Như, Ngọc thì còn nhiều... Riêng chữ Lệ thì thân mẫu chị Giáng Châu là Tôn nữ Lệ Nghiêm, các chị là Lệ Đình, Lệ Diêu, Lệ Chương, Lệ Đồng..
- Có những tên khá độc đáo: Tôn nữ Hỷ Khương (con cụ Ưng Bình); Tôn nữ Ninh Thái, Ninh Khương (con cụ Ưng Khanh); Khánh Minh (vợ của ông Phạm Bích — con của học giả Phạm Quỳnh), K. Tĩnh, K. Nam, và các con K. Trang, K. Tâm, K. Hương thuộc phủ cụ Ưng Trình... Ngoài ra, còn vài tên cũng đặc biệt như Thân trọng Ấu Thơ (nay đã

50 tuổi! ở Pháp), Hoàng thị Sa Đa (không nhớ tích đặt tên, còn ở Huế), Công tôn nữ Tư Tề (hiện ở Toulouse, tích lấy từ một câu thơ gì đó!), Công tằng tôn nữ Nộn Ngân (hiện ở Đà Nẵng), Nguyễn thị Lam Điền.

Chị Giáng Châu cũng cho biết Châu Thúy là con gái độc nhất của chị, lấy từ câu thơ: *"Thủy điện phong lai châu thúy hương...);* ngoài ra chị có hai cháu nội hiện còn ở Việt nam là Cát Thư, Chân Tâm.

Chị còn cung cấp thêm ít tên "người thật, việc thật" để tôi làm tài liệu:

1. Tên liên hệ một hoài bão: Nguyên Hảo (Tx), Nguyên Phương (Tx); Đông Nghi (Canada); An Nhiên, An Nhàn, Tâm Nhàn (đã mất), Thanh Nhàn, Thái Hòa, Phước Hòa.

2. Tên bày tỏ sự toại nguyện thì trùng rất nhiều: Như Ý, Như Nguyện, Như Cầu (nữ tu Thiên Chúa).

3. Tên có kèm họ mẹ: Bùi Đặng Hà Phụng (dân Đồng Khánh, nhưng ở Đà nẵng, vợ thi sĩ Tế Hanh); Vũ Thân Túy An (cha người Bắc nhưng ở Huế); Bùi Thân Thùy Khanh (cha người Quảng ngãi nhưng ở Huế, cháu mất lúc vượt biển).

4. Chị Giáng Châu có người cậu là ông Tôn thất Chữ có nhiều con gái, đặt tên Cơ mà tên ở nhà là tên chim (Chị nói thừa giấy xin vẽ voi cho vui!): Lệ Cơ (Két), Ngọc Cơ (Én), Chước Cơ (Kỳ), Chí Cơ (Chài), Tiên Cơ (Diều), Nga Cơ (Nhạn), Yên Cơ (Làn), Xá Cơ (Cút).... Còn có Quạ, Họa Mi, Bồ câu, Khướu, Ngói... cả trai lẫn gái, lâu ngày chị Giáng Châu quên tên chính... và còn nữa... còn nữa.. v.v..

5. Ngoài ra, Chị có anh con Bác, gia đình đặt con: Tình, Nghĩa, Hiếu, Thuận; gia đình thứ hai là Phước Tài Đức Phú Cường Thịnh Lợi...; rồi gia đình khác có con gái: Hoài Thanh, H. Nhân, H. Khiêm, H. Liên, H. Đức, H. Vinh, H. Trang...

6. Chị cũng nói thêm về những người trong ảnh chụp với bà giáo Rérat có vài người học sinh Đồng Khánh Huế như Vân Huyền (người Nha Trang), Diễn (từ Thanh Hóa), Hựu (người đẹp Hội An), Tường Loan (Hội An)... Thành ra các cô, các chị đúng ra là dân Đồng Khánh nhưng có thể từ khắp miền Trung, không riêng là người Huế.

7. Bà Đào thị Xuân Yến nguyên hiệu trưởng trường Đồng Khánh quen gọi là bà Tuần Chi, người đâu ở miền Nam, không nói giọng Huế...

Qua những điều kể trên trong lá thư của chị Giáng Châu, ta thấy cái xứ Huế nhỏ, khép kín, chứa bao nhiêu điều lý thú vô song về lối đặt tên và cũng như là nơi "hiệp chủng quốc" qui tụ nhiều người khắp nơi đến học. Tuy là thư riêng viết cho tôi với sự khiêm nhường và dè dặt của chị, tôi đã mạo muội xin phép chị trích ra để đăng, và nếu có điều gì thất thố với ai, tôi thành khẩn mong đón nhận sự thứ lỗi. Và cũng nhân đây, tôi cũng nói thêm rằng thầy hiệu trưởng Khải Định Nguyễn hữu Thứ và bà Thân thị Giáng Châu có 3 trai và 1 gái là: Châu Thụy, Châu Thi, Châu Thiều, Châu Thúy... Hình như lối đặt tên này là ghép nguyên tên mẹ là Châu và chữ Th... từ tên của cha. Không biết có đúng vậy không?

Nhân có gia đình chọn chữ Cơ (bộ Nữ), ??? tôi thấy Hán Việt tự điển của Thiều Chửu giảng rằng Cơ là tên gọi sang trọng của đàn bà vì họ Cơ là họ Tôn thất nhà Chu, nên trong truyện Tầu, ta thấy nhiều tên Cơ, điển hình là Ngu Cơ.

Còn chữ Nộn (bộ Nữ) nghĩa là "non" ??? như tay mềm — nộn thủ, lá non — nộn diệp, màu xanh non — nộn lam, yểu điệu non tre — kiều nộn... Thơ của Vũ Hoàng Chương thật tuyệt khi diễn tả cái vẻ ngây thơ non trẻ của một thiếu nữ như sau: *"Em mới thơ ngây tròn tuổi nguyệt, Bụi trần gian nào lấm được thơ ngây"*. Thực tình, ta không thể hiểu nghĩa hai chữ Nộn Ngân là gì nếu ta không hiểu điển tích nguyên lai hay biết chữ Ngân viết với bộ gì và ý nghĩa ra sao? Ngân là bạc (bộ Kim), là lợi răng (bộ Xỉ), là sẹo hay vết nám (bộ Nạch), là rõ ràng khi tranh biện hay mùi thơm sực nức (bộ Ngôn). Có thể hiểu Nộn Ngân là bạc non tuổi, là thủy ngân hay vầng trăng non ánh bạc? là lợi con nít sơ sinh chưa mọc răng? là vết sẹo non chưa kéo da? là trông vừa non, vừa thơm? Có lẽ hiểu theo nghĩa đầu là đẹp, là thi tứ hơn cả chăng? Tìm hiểu một cái tên chao ôi là khó, nhưng cũng chao ôi là thú vị.

■ ***Lê văn Lân.***

THƠ

hoàng mịch điền

trở về thăm huế

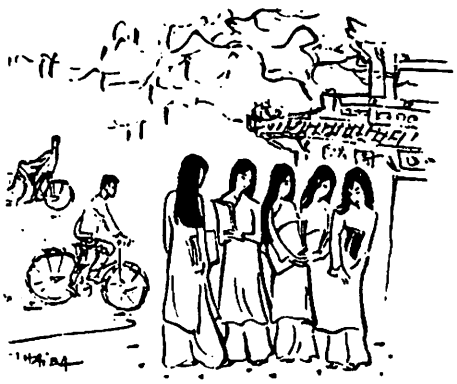

Huế vẫn còn đây, vẫn đợi chờ,
Vẫn còn nguyên vẹn bóng hình xưa,
Sông Hương giòng nước mơ màng chảy,
Núi Ngự hàng thông đứng ngẩn ngơ.
Thôn Vỹ vườn cau vẫn đợi ai,
Vẫn nàng Tôn nữ tóc buông dài,
Nghiêng nghiêng chiếc nón cười duyên dáng
Ta nhìn, ngỡ lạc bước Thiên Thai
Đồng Khánh ngoài sân phượng nở hoa,
Người em thuở trước ở bao xa?
Bên kia Khải Định ngôi trường cũ
Tình vẫn bao năm vẫn đậm đà.
Con đò Thừa Phủ vẫn bên sông,
Cô gái năm xưa đã lấy chồng
Cô gái năm nay ngồi đợi khách,
Tim cô chẳng biết có ai không?
Về đây nhớ lại mùa thu trước
Nhớ chuyến đò ngang thuở học trò
Thuở ấy nhìn nhau mình bẽn lẽn
Chưa dám làm quen đã thẹn thò
Đò đã sang bờ, ta chẳng hay,
Tuy rằng ta tỉnh vẫn như say:
Tâm tư tràn ngập bao hoài niệm,
Đò xưa, sông cũ vẫn còn đây.
Đông Ba chợ cũ còn đông khách,
Gia Hội cầu xưa kẻ lại qua.
Nhưng giờ ta chỉ người xa lạ,
Đâu có ai còn nhận được ta!
Trường Tiền mấy nhịp vẫn nằm im,
Mỗi bước đi là mỗi nhớ em.
Nắng hanh hay nhớ làm cay mắt?
Có gì nằng nặng ở trong tim.
Hàng me hai dãy còn nguyên vẹn
Chắc hẳn chưa quên chuyện thuở xưa:
Hò hẹn chúng mình cùng trốn học
Để được cùng nhau dạo dưới mưa.
Bọn mình tuy ướt nhưng không lạnh,
Vì có tình yêu sưởi ấm rồi!
Tay nắm tay nhau quên gió rét,
Chúng mình chỉ biết chúng mình thôi.
Huế vẫn còn đây, còn mãi đợi
Nhưng người thuở trước đã sang ngang.
Ta về nhặt cánh hoa tàn rụng
Xây mộ cho duyên kiếp lỡ làng.
Huế ơi! ta vẫn yêu em mãi
Xa cách bao nhiêu bấy mến thương
Tình cũ ngàn năm còn mãi thắm
Trong lòng kẻ đã mất quê hương.
Dầu em chẳng giữ tình nguyên vẹn
Ta vẫn yêu em tựa thuở nào!
Xa cách ngàn năm lòng chẳng đổi,
Gặp gỡ làm chi để nghẹn ngào?
Tiếng động làm ta bừng tỉnh giấc
Quanh mình đâu thấy bóng quê xưa.
Ta về thăm Huế, mơ hay thật?
Hay vẫn đang còn nói chuyện mơ?

Hoàng Mịch Điền

lời người ở lại

Mây đen che lấp cả không gian,
Thôn Vỹ hàng cau đứng ngỡ ngàng;
Đập đá chiều nay đò vắng khách
Phố phường như phủ tấm khăn tang.

Hương Giang lờ lững không buồn chảy,
Nuí Ngự hàng thông đứng nép mưa,
Phượng vỹ bên đường tan tác rụng:
Huế chẳng còn là Huế thuở xưa!

Mụ Rớt chết rồi anh có rõ?
Quán hàng cũng đã dẹp từ lâu.
Sắn khoai chưa đủ dằn cơn đói
Bún bò, bánh khoái dám mơ đâu!

Thiên Mụ hồi chuông nghe não nuột
Vân Lâu bến lạnh thấy tang thương,
Giọng hò cô gái trên sông vắng
Não nề hơn tiếng địch Trương Lương!

Nhắc lại làm chi thời dĩ vãng
Nữ sinh Đồng Khánh nón bài thơ?
Mái tóc thề xưa nay đã úa,
Mộng thắm tan rồi, hết ước mơ!

Cô gái ngày xưa đã lấy chồng,
Tiếng tuy rằng có cũng như không;
Chồng đi học tập ngoài quan ải
Nên vẫn cô đơn, vẫn lạnh lùng.

Cô gái ngày xưa đã có con,
Long đong số kiếp chẳng vuông tròn
Cho nên con đã nằm yên giấc
Trong bãi tha ma dưới xóm Cồn.

Thề nguyền thuở trước ai còn nhớ?
Vì ai mộng đẹp phải tan tành,
Vì ai hai đứa mình đôi ngã,
Để em mòn mõi cả ngày xanh?

Vì ai đôi nẻo đời ngăn cách
Kẻ ở trời Tây, kẻ cuối Nam?
Giờ đây em sống trên quê mẹ.
Mà tưởng mình đang ở xứ Chàm

Xin đừng mơ Huế nữa làm chi
Cô gái ngày xưa đã lỡ thì
Tang tóc giết lần đời thiếu phụ
Tủi sầu đè nặng cả hàng mi.

Huế mộng ngày xưa còn nữa đâu,
Nơi đây mưa lạnh với u sầu
Nơi đây đói rét và tang tóc
Uất hận dâng lên ngập mái đầu!

Nụ cười Tôn nữ chết lâu rồi
Chỉ có đau buồn sót lại thôi
Chỉ có khăn tang trên mái tóc
Chỉ còn chua xót với đơn côi!

Hoàng Mịch Điền

nhớ huế

Không biết giờ đây người xứ Huế
Có còn duyên dáng của ngày xưa?
Nữ sinh Đồng Khánh tóc thề cũ
Đã áo bà ba, tóc cụt chưa?

Không biết giờ đây trên đỉnh Ngự
Hàng thông còn có đứng hiên ngang?
Sông Hương còn có mơ màng chảy,
Hay Huế bây giờ mặc áo tang?

Không biết giờ đây bên Thôn Vỹ
Nắng có còn hôn các mái cau?
Giờ đây không biết trong vườn cũ
Gió có trêu duyên các ngọn trầu?

Tôi nhớ làm sao nem Vỹ Dạ,
Bánh bèo núi Ngự, Tré Kim Long,
Bánh khoái Đông Ba, chè Thượng Tứ,
Bún bò mụ Rớt có còn không?

Tôi nhớ làm sao chuông Thiên Mụ
Những chiều vang dội tiếng thu không
Trần gian im lặng như ngưng thở
Để lắng nghe lời của núi sông

Tôi nhớ làm sao hoa chợ Tết
Nhớ đò Đập đá những đêm trăng,
Giọng hò cô gái trên sông vắng
Như gửi tâm tư đến chị Hằng.

Tôi nhớ làm sao hàng phượng đỏ,
Nhớ nón bài thơ các nữ sinh,
Quên làm sao được người Tôn nữ,
Đôi mắt bồ câu, áo trắng tinh!

Chắc giờ cô gái mười năm trước
Nhà xưa ở cuối phố Gia Long
Đã quên người cũ, quên nguyền ước,
Đã có con thơ, đã có chồng!

Biết đến bao giờ về lại Huế
Để ngắm sông Hương, núi Ngự Bình,
Để ngắm nữ sinh giờ bãi học
Mỉm cười sau chiếc nón xinh xinh?

Hoàng Mịch Điền

THƠ LỤC BÁT

lê ngọc giao

MÙA ĐÔNG HUẾ

Đêm Huế gục sâu sướt mướt
Lạnh hiên ngoài cắt ruột ngược gió đông
Đò rủ mái quạnh quẽ sông
Hương giang rướn nấc giòng trông chợ vắng
Phố cổ nội trăm đêm trắng
Lửa cay nồng lồng ấp đắng tro than
Mưa nhòe nhoẹt nét son vàng
Đường run tơi đọt nón oằn bài thơ

Lê Ngọc Giao

CHIỀU NGHE CHUÔNG THIÊN MỤ

Chuông ban chiều - nụ hôn - ngân
Lao xao vuốt gió trăng ngần núi hoa
Mạn đò hương lững lờ qua
Câu kinh chạng vạng làm quà yêu em.

RẰM THIÊN MỤ

Tháp đứng và trăng tam cấp
Lòng đá xanh nứt nẻ ngập mõ chuông
Bước ai khe khẽ như tuồng
Theo kinh thả mộng trên nguồn thiện tai.

Lê Ngọc Giao - Tháng 2'99

THƠ

lê tín hương

thương một dòng sông

Trời mưa trời mưa mưa rơi rơi
Giọt ở ngoài kia ướt áo đời
Giọt ở trong nầy vương ngấn lệ
Cho trái tim ta sầu không vơi

Từ đâu từ đâu mưa qua đây
Có phải từ bên kia biển đầy
Nước dâng nước ngập dòng sông nhỏ
Cho lệ phương Đông tràn phương Tây

Lệ rơi lệ rơi từ nơi đâu
Tiếng khóc than thành cơn bão sầu
Bao xác thân nào trôi theo nước
Thấm lạnh hồn ta cuộc bể dâu

Ôi một miền Trung quá tả tơi
Thiên tai dâu bể phá tan đời
Bao nhiêu cay đắng tang thương đó
Có theo dòng nước lũ xa trôi

Ta đứng bên đây mà ngóng trông
Nghe từng nỗi nhớ thấm trong lòng
Xót xa quê cũ con đò cũ
Lệ nhỏ thành thơ khóc tiếc sông

Khóc tiếc quê nghèo nhiều long đong
Khóc người khóc cả một dòng sông
Thôi mang mộng ấy theo cơn lũ
Đến bến Trời thay vượt biển Đông

Về một niềm đau cho Huế.
Cali 08 nov 1999

huế còn không?

Dốc Nam Giao giờ ra sao em
Em có tựa cửa dáng nhung mềm
Nắng vàng trải lục bên song cửa
Hong tóc em dài giấc mộng êm

Đồng Khánh xưa còn tiếng guốc vang
Trên con đường nhỏ buổi trường tan
Tình thơ ai chép trong vành nón
Hương hoa ngây ngất mấy cung đàn

Tràng Tiền soi bóng bên giòng nước
Còn nhớ người qua mấy nhịp cầu
E ấp trong tay tà áo lụa
Nón lá nghiêng vành thẹn bước mau

Đò cũ còn đưa trên bến sông
Những cô áo trắng, tuổi xuân hồng
Ngày xanh hờ hững phai trên tóc
Như nước lạnh lùng xuôi biển đông

Thiên Mụ chiều còn vọng tiếng chuông
Trong thinh không nghe lặng nỗi buồn
Lầu xưa còn đó người đâu nhỉ
Cho mắt ai sầu giòng lệ tuôn

Vâng trăng còn sáng đêm thôn Vỹ
Nắng sớm còn lung linh bóng cau
Thuyền ai lặng lẽ trôi theo nước
Có chở giùm ai một khối sầu

Ôi Huế còn không, Huế của ta
Ngày nay dẫu cách mấy sơn hà
Nhớ thương còn mãi trong tâm tưởng
Yêu Huế, tình ta vẫn đậm đà.

Lê Tín Hương.

dòng đời

Sông Hương xanh vẫn xanh
Tóc ta giờ đã trắng
Phượng vẫn thắm trên cành
Lòng ta sao hoang vắng.

Ta về thăm trường cũ
Bến lặng không đò đưa
Tiếng buồn chuông Linh Mụ
Chiêu hồn về xa xưa...

Áo trắng cười trong gió
Ngạt ngào tình ngây thơ
Nón nghiêng vành trộm ngó
Bước ai theo thẫn thờ

Những nụ hoa đang nở
Hương nhẹ nhàng ngất ngây
Chim trời ngưng tiếng thở
Sợ vỡ men tình say.

Chim xưa giờ rũ cánh
Hoa xưa giờ úa tàn
Hồn xưa giờ muôn mảnh
Bão đời làm ly tan

Một mình bên bến nước
Thấm cuộc đời bể dâu
Làm sao ai biết được
Dòng đời qua qua mau...

Lê Tín Hương.

THƠ

ngô văn quy

QUA CẦU GIÓ BAY

Đạp xe
trong gió qua cầu
Bánh lăn lăn bánh
buổi đầu hẹn ai
Áo em bay trắng
gót hài
Cầu nghiêng nghiêng nhịp
tóc dài theo tôi.

NHÌN ĐỜI TRÔI QUA

Đêm nay
tụng hết trang kinh
để mai
mang kết mối tình nhân gian
Tình bỗng hợp
tình bỗng tan
Bèo mây
tan hợp
mang mang giọt sầu
Lời kinh
ai tụng vắng sâu
Tỳ keo
quên chuyên
bể dâu thở dài
Thế trần ư
chuyện mày ngài
Em xa nắng hạ
dấu hài dưới kinh
Hồn ta
một sáng lung linh
hồn ta từ ngữ
trên đỉnh Pháp Hoa
Sao em
mãi những can qua
sao em đọng hạt
trên hoa tháng ngày
từ nay xa hẳn vòng tay
xa em phiền muộn cuồng say
giữa mùa
Thôi em chút nắng chiều mưa
Khổ đau hạnh phúc lũy thừa có không
chuông vang
vọng mãi trong lòng
nghe như mộng vỡ
tơ hồng còn mang
Người ơi
về chốn ba ngàn
Hành tinh còn lại
thế gian vẫn là
Mai về
khổ hạnh thật xa
Nghe chim oanh vũ
Hát ca hạnh từ
Hành tâm
theo bóng Chân Như
Hồn ra cửa Bụt
Thiền sư đứng nhìn

HÁT TIẾNG ĐỒNG GIAO

Em về chợ Quán
chợ cầu
Anh theo về với
miếng trầu mời em
Trăng khuya đậu lại bên thềm
Xanh thêm
cành lá
vôi mềm miếng cau
Nam Phổ tình nặng nghĩa sâu
Quê miền Trung đó
chuyến tầu xuôi Nam

Ngô Văn Quy - 1/2000

THƠ

tôn nữ hỷ khương

CÒN GẶP NHAU

Ưu ái dành tặng những tâm hồn đồng điệu

Còn gặp nhau thì hãy cứ vui
Chuyện đời như nước chảy hoa trôi
Lợi danh như bóng mây chìm nổi
Chỉ có tình thương để lại đời.

Còn gặp nhau thì hãy cứ thương
Tình người muôn thuở vẫn còn vương
Chắt chiu một chút tình thương ấy
Gửi khắp muôn phương vạn nẻo đường.

Còn gặp nhau thì hãy cứ chơi
Bao nhiêu thú vị ở trên đời
Vui chơi trong ý tình cao nhã
Cuộc sống càng thêm nét tuyệt vời.

Còn gặp nhau thì hãy cứ say
Say tình say nghĩa bấy lâu nay
Say thơ say nhạc say bè bạn
Quên cả không gian lẫn tháng ngày

Còn gặp nhau thì hãy cứ đi
Đi tìm chân lý - lẽ huyền vi
An nhiên tự tại - lòng thanh thản
Đời sống tâm linh thật diệu kỳ.

Nắng vàng nhạt như lục ngà trải nhẹ
Để lót đường ta ghé bến yêu đương
Vườn tao ngộ đóa hồng nhung vừa hé
Trao cho ta cánh cửa ngõ thiên đường

Trong giai điệu mùa xuân hương gió ngát
Bầu trời xanh cánh hạc vút bay cao
Lảnh lót chim khuyên cất chào tiếng hót
Họa bản tình ca êm ái ngọt ngào

Mây ngừng lại nhìn nước trôi bỡ ngỡ
Nắng lên dần...rộng mở lối đường đi...
Chốn thiên cung muôn sắc màu rực rỡ
Lả lướt vườn xuân hoa bướm thầm thì...

Hồn đắm say trong mộng tình diễm ảo
Xa rời nơi huyên náo chốn trần gian
Ngày qua mau... nhạc chiều dang hợp tấu
Đêm xuống dần... bàng bạc ánh trăng tan..

VỌNG CỐ HƯƠNG

Từ nơi đây vọng về quê cũ
Lắng giọt sầu ủ rũ buồn thương
Ngậm ngùi nhớ nước sông Hương
Nhớ trăng đỉnh Ngự đêm sương lạnh lùng.
Hôm nay
Giữa đất miền Nam u ám
Một chiều đông
Mưa gió mịt mùng
Cỏ hoa xơ xác
Bóng hoàng hôn man mác gợi sầu.
Tình quê chợt thức
Bỗng nghe lòng ray rứt một niềm đau!
Quê hương tôi nhiều cuộc bể dâu
Bao lần đổ vỡ
Bão lụt mỗi năm còn về tàn phá
Gieo rắc thêm băng giá chốn Kinh thành
Hỡi dòng nước xanh
Hỡi đồi núi biếc
Nghe chăng lời tha thiết thân yêu
Của người lữ khách cô liêu
Dạt dào như nước thủy triều dâng cao...
Thương xiết bao, nhớ xiết bao
Tình thương nỗi nhớ ai nào có hay...
Tha phương giọt lệ vơi đầy
Cố hương ơi! thấu lòng này cho chăng!

Tôn Nữ Hỷ Khương

MỘT THOÁNG HƯƠNG XƯA

Thương mến gởi các bạn học Đồng Khánh

Thoang thoảng xa đưa tiếng nhạc
Êm đềm điệp khúc lời ca
Thuở ấu thơ chợt thức lòng ta
Thời quá khứ vọng về đâu đó...
Giữa cảnh trời quê
Nắng vàng trăng bạc
Dòng Hương Giang bát ngát chứa chan tình!
Chiếc nón nghiêng vành
Bờ vai tóc xõa
Dáng yêu kiều hiện rõ nét thơ ngây
Đẹp làm sao đôi má hây hây
Thương biết mấy làn môi đỏ thắm.
Trong bỗng chốc mộng hồn say đắm
Chìm theo dòng kỷ niệm ngược thời gian
Để thấy mình được sống thênh thang
Giữa trăng nước, mây ngàn, gió nội...
Nhớ những buổi trèo cây hái ổi
Nhớ những khi ăn vội chén quà
Cùng nhau trò chuyện lân la
Sớm, trưa, chiều, tối, gần, xa, sá gì!
Hôm nay:
Núi sông còn đó
Cảnh vật còn đây
Mà nghe sao lắm chua cay
Nao nao thương nhớ, lòng ray rứt buồn!

Ai đi qua ngã Kim Luông
Bên ni, bên nớ, sang sông ngóng đò
Bến xưa trăng nước hững hờ
Văn Lâu khúc hát, đợi, chờ, nhớ thương!
Ai về Vỹ Dạ khói sương
Mờ mờ nhân ảnh người thương thuở nào...
Ai lên viếng cảnh Nam Giao
Ai ra Gia Hội, ai vào Hoàng cung
Ngự Viên xóm nhỏ mơ màng
Chuông chùa Diệu Đế ngân vang đêm dài
Trường Tiền những buổi ban mai
Mười hai nhịp khúc, sáu vài long lanh.

*

Xa xa núi Ngự nắng vàng hanh
Vọng Cảnh đồi xưa liễu rủ mành
Cồn Hến xạc xào cơn gió thoảng
Trông về Đập Đá nước vây quanh.
Nhớ thương ơi hỡi! Ôi thương nhớ!
Mộng ước năm nao mộng chẳng thành
Một lũ kéo nhau về lại Huế
Để làm sống lại thuở ngày xanh.

Đêm họp bạn tại nhà Diệu Trang

Tôn Nữ Hỷ Khương

THƠ

nhã ca

CHIM NHỎ

Những chiếc lá của mùa thu
Loài chim di mầu xám
Đương tan vào đêm đen
Ôi đêm đen
Giấc mộng nào làm tôi thức dậy
Và trên không từ mút trời cao
Thả xuống linh hồn này từng vùng lũng tối
Xuyên cánh đồng đốm lửa đầu tiên
báo tin một vì sao tạ thế
Một đám tang cử hành ngoài vô biên
Trên lối đi hoa rắc thành bụi nhỏ
Con chim không kêu
gục đầu
cỏ úa
Khi mỗi tiếng mình tan vào thinh không
Đời sống lụn dần như bấc đèn
Rồi đôi chân của núi
Dẫn tôi đi dạo vòng tròn
Đi dạo vòng tròn và quay
Trong không trung gió bão
Giọt nước mắt rơi vào lòng hối tiếc
làm sao nói với anh
Khi mỗi chúng ta tan vào thinh không
Thinh không mà từ đó
Lệ là mưa
Xanh xao ngày tháng trên gò má
Những mặt trời tan vỡ
Từng chiếc lá mùa thu
Loài chim di màu xám
Đã tan vào đêm đen
Ôi đêm đen, làm sao kể với anh
Giấc mộng nào làm em còn sống mãi.

Nhã Ca

THANH XUÂN

Chợt tiếng buồn xưa động bóng cây
Người đi chưa dạt dấu chân bày
Bàn tay nằm đó không ngày tháng
Tình ái xin về với cỏ may

Rồi lá mùa xanh cũng đỏ dần
Còn đây niềm hối tiếc thanh xuân
Giấc mơ choàng dậy tan hình bóng
Và nỗi tàn phai gõ một lần

Kỷ niệm sầu như tiếng thở dài
Khuya chìm trong tiếng khóc tương lai
Tầm xa hạnh phúc bằng đêm tối
Tôi mất thời gian lỡ nụ cười

Đời sống ôi buồn như cỏ khô
Này anh em cũng tợ sương mù
Khi về tay nhỏ che trời rét
Nghe giá băng mòn hết tuổi thơ

Nhã Ca

TIẾNG CHUÔNG THIÊN MỤ

Tôi lớn lên bên này sông Hương
Con sông chẻ đời ra những vùng thương nhớ
Cây trái Kim Long, sắt thép cầu Bạch Hổ
Cửa từ bi vồn vã bước chân sông
Mặt nước sông trong suốt tuổi thơ hồng
Tháp cổ chuông xưa sông hiền sóng mọn
Những đêm tối bao la những ngày tháng lớn
Những sáng chim chiều dế canh gà
Tiếng chim buồn vui dợn thấu trong da
Người với chuông như chiều với tối

*

Tôi bỏ nhà ra đi năm mười chín tuổi
Đêm trước ngày đi nằm đợi tiếng chuông
Cuối cơn điên đầu giấc ngủ đau buồn
Tiếng chuông đến dịu dàng lay tôi dậy
Tiếng chuông đến và đi chỉ mình tôi thấy
Chỉ mình tôi nhìn thấy tiếng chuông tan
Tiếng chuông tan đều như hơi thở anh em
Tiếng chuông tan rời như lệ mẹ hiền
Tiếng chuông tan lâu như mưa ngoài phố
Tiếng chuông tan dài như đêm không ngủ
Tiếng chuông tan tành như tiếng vỡ trong tôi

*

Từ dạo xa chuông khôn lớn giữa đời
Đổi họ thay tên viết văn làm báo
Cơm áo dạy mồm ăn lơ nói láo
Cửa từ bi xưa mất dấu đứa con hư
Tháp cổ chuông xưa, sông nhỏ sương mù
Giòng nước cũ trong mắt nhìn ẩm đục
Con đường cũ trong hồn nghe cỏ mọc
Chuông cũ giờ đây bằn bặt trong da

Tuổi hồng xa chân chết đuối bao giờ
Ngày tháng cũ cầm bằng như nước lũ
Nhưng sao chiều nay bỗng bàng hoàng nhớ
Tiếng chuông xưa bừng sống lại trong tôi
Tiếng chuông xưa kìa tuổi dại ta ơi
Chuông oà vỡ trong tôi nghìn tiếng nói
Những mảnh đồng đen như da đêm tối
Những mảnh đồng đen như tiếng cựa mình
Những mảnh đồng đen như máu phục sinh
Những mảnh đồng đen kề nhau bước tới

*

Tôi thức dậy rồi đây chuông ơi chuông hỡi
Tôi thức dậy đây tôi thức dậy rồi
Thức dậy thực sự rồi
Thức dậy cùng giông bão
Thức dậy cùng tan vỡ
Thức dậy cùng lịch sử

*

Mẹ hiền ơi thành phố cũ chiều nay
Có tiếng chuông nào rơi như lệ trên tay
Trên mặt nước trên mặt người mặt lộ
Cho con trở về đứng mê sảng ngó.

Nhã Ca

THƠ

trần dạ từ

HUẾ, THƠ TÌNH 58

Những phiến mè xửng thơm mãi hồn chúng ta
Mùa nhãn tới rong chơi ngoài phố biếc
Những móng tay hồng giam kín đời anh
Em đừng trách chi người quên trở về
Giấc mơ còn đây đêm vô biên
hay chiều căn phòng cũ
Giấc mơ còn đây anh ôm em dấu mặt hoài
trong tóc
Những con đường ấy, chân xéo lên lá vàng
Xiềng xích quấn vòng tay, ta bước đi
Nhớ gì không, thành phố đó ngày anh về
Ném hết trên rừng hoang đau thương
anh tìm tới em
Nhớ gì không, thành phố đó, mùng hai
Em mang áo mưa đi với anh trong nắng vàng
Em đã để bàn tay, những ngón tay dài
trên bài thơ chiến tranh anh viết chiều nhà trọ
Nhớ gì không thành phố đó, mùng bốn
Mình giận nhau, anh lang thang tủi hờn
— Chao, tủi hờn
Chuyến đò ngang giòng nước trôi đi mãi
Ngó lên cầu sắt đen
Bài hát ấy nhắc anh thời yêu em
Những phiến mè xửng thơm mãi hồn chúng ta
Bây giờ mùa thu, lại mùa thu, anh hiểu rồi
Tóc em dầy là nghĩa trang đời anh ngủ đó
Môi em hồng tươi là mặt trời
Tình yêu anh nuôi đó
Và trái tim máu hồng tươi là ngày sau
Ngày sau không ai lãng quên
Không ai đớn đau
Mỗi lần sớm mai nụ cười mọi người san sẽ
Mỗi lần hoàng hôn đất kể lời mến yêu
Lời ước mơ nói khẽ
Anh sẽ về, câu chuyện mùa thanh trà
Dăm ba nỗi đớn đau đôi chút niềm hối tiếc
Là tình yêu chúng ta
Hai trái tim nhỏ nhoi
Gom lại báo động thế kỷ này
Những đất đai chia cắt
Công phẫn ngực, nghẹn ngào hơi, xây xẩm mặt
Là tình yêu chúng ta
Hai nỗi bi thương cộng một
Tiếng kêu tổ quốc này
Đòi mở mắt
Hai niềm tin hèn mọn những lòng tin chất ngất
Bài hát ấy nhắc thời anh có em
Mỗi lần mùa thu mang bóng tối trở về
Trong cuối bãi hoài vọng của lòng mình
Giấc mơ hiện hình giữa chúng ta đằm thắm
Cánh tay anh cành khô và vai em lá vàng
Giấc mơ hiện hình suốt một đời nhớ nhung
Sáng heo may mang đi hết nhục nhằn hờn giận
Những buổi chiều buổi trưa
Hồn thiết tha
Chúng ta lên Nam Giao về Vỹ Dạ
Cùng nhắc tên bè bạn
Lời vang dội giếng sâu
Những hơi thở trong đêm dài bất tận
Anh kể chuyện Hà nội, Sơn Tây
Hay Thái Bình Nam Định
Chuyện những người thân chết đi để mình còn
nhau
Giấc mơ khuya bình tĩnh một vì sao tím nhỏ
Những phiến mè xửng vĩnh viễn hồn chúng ta
Mỗi lần mùa thu mỗi lần sau giấc mộng
Bấy giờ loài dế nhỏ cử tang bầy lá úa vườn
nhãn
Trong đêm đen ngoài phố xá quạnh hiu
Bấy giờ con tàu đã qua rừng qua biển
Qua ngày vui, qua niềm tin
Bao nhiêu đường về, bao nhiêu đau thương
Anh tìm lại
Làm sao nói với em điều ấy
Trong những lần
Tổ quốc đau thương, bạn bè gục ngã
Thành phố hoang liêu
Hay đêm như đêm nay những lần anh thức dậy
Làm sao cất lên với em bài hát ấy
Nói tình yêu chúng ta
Giữa hơi thở thời ước mong thơm nức.

TRẦN DẠ TỪ

THƠ

phong đăng

QUÊ HƯƠNG

Ngày ra đi, bước chân vô định
Tìm cuộc sống tạm dung
Tôi không tìm
Một quê hương đích thực
Bởi lẽ
Đã có một quê hương
Đắng cay, đầm thắm
Nơi ông cha nằm xuống
Và người thân
Sau giọt mồ hôi
Bên luống cày Nấm mộ cỏ xanh
Thiếu một tấm bia ghi dấu
Quê Hương
Chưa có ngày an bình, trong chiến tranh
Chia xẻ với bạn bè xương máu
Thời bé bỏng, cơm độn sắn khoai
Cắp sách đến trường
Để lớn khôn
Khói lửa, lao tù và lưu lạc
Đất trời này xa lạ
Ngăn cách tận đáy lòng
Bên phương trời bạn bè còn lại
Đọa đày khổ ải
Giọt lệ ngóng trông
Một lòng tin, một ngày nào sẽ tới
Niềm mong đợi hắt hiu
Năm tháng trải dài
QUÊ HƯƠNG mòn mỏi

Phong Đăng

TÌNH QUÊ

Anh vào từ miền Trung
Quê em miền sông Hậu
Qua bến bắc Cần Thơ
Hỏi đường về
Phụng Hiệp
Gặp em
Sáng tinh mơ
Trên đường ra chợ
Áo trắng bà ba
Thấp thoáng rặng trâm bầu
Nắng lên
Xuyên hàng cây so đũa
Đong đưa
Bông trắng ngà nặng trĩu hạt sương
Chiều nay em kịp hái
Nấu bát canh chua
Mớ tép đãi ngoài mương
Bữa cơm chiều thanh đạm
Mà tình em nồng mặn
Buổi tiễn anh đi
Em chèo xuồng ba lá
Đưa anh qua vàm nước xoáy
Khăn rằn ri quấn quít bay bay
Ghe máy nổ
Nỗi buồn òa vỡ
Lạnh trường giang lấp lánh sao khuya
Đôi mắt tình quê
Giòng sông quê còn đó
Người thương mãi đi xa
Chưa hẹn ngày về

Phong Đăng

LỜI TRẦN TÌNH

Tôi không viết được
Lời cao xa bóng bẩy
Tôi chỉ viết
Bằng lời mộc mạc chân tình
Như con suối nhỏ
Róc rách qua cánh rừng
Nhiều cây cao rợp bóng
Với hoa lá muôn màu
Như giòng sông hiền hòa
Uốn mình qua cánh đồng quê
Người dân sớm chiều đưa nước
Lên đôi bờ khoai lúa
Từ một con tim sục sôi
Xin cho tôi có được lời trầm tĩnh
Mang tình người đôn hậu thiết tha
Xin thổi vào ý thơ
Lời nồng nàn về đường đời mọi nẻo
Người thân thương và bạn hữu
Tôi viết nỗi nhọc nhằn khổ ải
Của người dân
Qua bản thân
Bằng rung động của tấm lòng
Xin lời lẽ thăng hoa
Khi viết về tình yêu thương
Về quê hương
Đã một thời mến yêu vời vợi
Những ước mơ bình thường
Là áo cơm
Là quyền sống của con người
Để hướng về tương lai
Sẽ đến những ngày rạng rỡ
Cho một đất nước
Đã qua những khốn khổ lâu dài
Xin trong trái tim
Bừng lên sức ấm
Để dắt dẫn lời thơ

Phong Đăng

THƠ

hoàng thượng dung

EM ĐI SẦU Ở LẠI

Ngày nào ai đưa đón
chiều rơi đẹp dáng buồn
ta dìu nhau bước nhỏ
tình ngọt ngào môi hôn

giờ mình anh lê bước
chiều mưa nặng gót giầy
nghe rừng cây lá đổ
ngỡ như tình còn đây

em đi sầu ở lại
chiều lất phất mưa bay
cho mây trời tím dại
buồn chất ngất em hay

tim đong đầy kỷ niệm
hồn nhớ mắt môi em
tay thương làn tóc mềm
lòng nghẹn ngào nhớ thêm

giờ còn ai đưa đón
tình câm lặng dỗi hờn
xưa dìu nhau lối nhỏ
giờ lạnh lùng cô đơn

đời chìm trong xa vắng
còn ai mà ngóng chờ
con đường xưa lá đổ
hồn tìm về dáng xưa

*

SẦU CỐ XỨ

gửi Khánh và Thủy
cùng các anh chị em trong Non Sông

Em về nhẹ gót chân son
tóc bay theo gió tay buồn níu tay
quê hương nhung nhớ hao gầy
sầu con nước muộn sông đầy phù sa
à ơi tiếng mẹ ru hờ
từ em xa bến con đò buồn tênh
võng chiều kẽo kẹt tre xanh
tiếng con sáo nhỏ trên cành nỉ non
nước xưa nay lỡ xa nguồn
người xưa nay lỡ tủi hờn mười phương
khói chiều quê ngoại thôi vương
vườn hoang khuyên nhỏ thôi thương nhãn lồng
trầu xanh thôi níu cau nồng
tình thôi khóc bậu, chim lồng thôi ca
áo chùng thôi thắt lưng hoa
vàng xưa lúa đỏ nhạt nhòa trong mơ
bây giờ hồn phách bơ vơ
mười phương ngơ ngác buồn ngơ ngẩn buồn

Hoàng Thượng Dung

CHIỀU TRÊN QUÊ HƯƠNG

Gửi Thịnh, Thực, Dương, Hùng San Diego

Vẫn là phố thị ở nơi đây
nhưng xót xa thương nhớ ngập đầy
quê mẹ hàng tre buồn run rẩy
vườn cau nhung nhớ đọt trầu cay
đồng lúa xanh tươi lộng sáo diều
từng đàn cò trắng cánh xiêu xiêu
bay ngang bến nhỏ về hoang miếu
gọi nỗi cô liêu ở mỗi chiều
có đàn em bé đùa trên đê
ca hát tình quê đợi mẹ về
hoa nội hương đồng thêm sắc tía
dạt dào thương mến mối tình quê
dăm cô thôn nữ trên đồng vắng
hò hát tình ca rất rộn ràng
cây mạ nghe lòng ươm lúa mộng
ước mai sang bến với người mong
đám cưới nhà ai ở xóm Đoài
mâm trầu kiệu đỏ bướm hoa say
thôn Đông pháo tiễn rời quê ngoại
e ấp nàng dâu má đỏ hây
cô lái đò bâng khuâng trên bến sông
mộng mơ mai mốt cũng theo chồng
khăn là áo lượt hoa cài tóc
thiếp thiếp chàng chàng buổi cuối đông
thương quá là thương quê mẹ hiền
vườn dâu rộn rã tiếng chim quyên
nương chè thơm ngát câu hò hẹn
lưu luyến trên sông rợp bóng thuyền
ai về quê mẹ cho tôi nhắn
thương quá bờ đê thôn xóm nghèo
uốn khúc giòng sông vun cát mặn
mặn mà quê mẹ ngát thương yêu

Hoàng Thượng Dung

THƠ

lê nguyễn

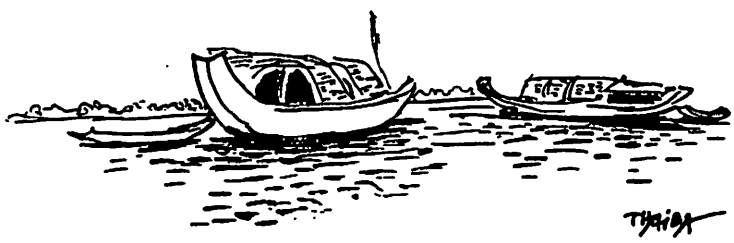

HẸN THẦM VỚI HUẾ

Mai về với Huế đầu đời
Tìm trong quá vãng
một thời ấu thơ
Núi sông vẫn đứng lặng chờ
Hương Giang vẫn ngọt
giọng hò bâng khuâng!
Mây qua đỉnh Ngự bềnh bồng
Hồi chuông Linh Mụ hư không Hoàng Thành
Mai về với Huế ngày xanh
Khói hương lăng tẩm - sao đành nhạt phai?
Nón nghiêng Tôn nữ trang đài
Tháng năm còn nhớ lời ai hẹn hò...
Mai về với Huế cố đô
Sông Thơm vẫn bóng con đò dọc, ngang
Bao đêm thổn thức, mơ màng
Sắt son kỷ niệm Huế vàng trong tay
Hẹn thầm với Huế thiết tha
Thân dù viễn xứ
hồn là cố hương!!!

Lê Nguyễn

THÈM

Thèm ơi - một lũy tre xanh
Và thèm mảng nắng long lanh quê nghèo
Quá thèm một ráng men chiều
Tựa tranh thủy mạc yêu kiều quê hương
Huế buồn
thương những là thương
Huế vui
thầm lặng chung đường chiều mơ
Thèm ơi một thoáng tình cờ
Mắt nai ngơ ngác rung bờ mi cong
Thèm sao má đỏ môi hồng
Tan trường bén gót theo... trồng cây si(!)
Quá thèm mỗi bước chân đi
Qua cầu Áo trắng thầm thì: Tại Anh!
Thèm kỷ niệm - nhớ ngọn ngành
Ngày xuân quê Huế ai đành chia tan?
Mậu Thân kia - vạn ngàn năm
Vành sô tang
đọng hờn căm tim người...
Xa quê - thèm nhớ quá thôi!

Lê Nguyễn

tưởng nguyện

Ba anh sống trọn đời thơ thanh bạch
lưng Mẹ oằn theo cây đòn gánh trên vai
tháng Mười về - mưa đông dầm quê Huế
thân Mẹ gầy run sau tấm áo mỏng manh!
Mỗi chiều cuối tuần vào chùa Diệu Đế
chân Phật đại từ anh thầm khấn nguyện
Phật nở nụ hiền nhìn anh độ lượng
con tiền kiếp qua - còn lắm nghiệp phiền!
Ngày Mẹ mất thiếu tiền mua áo quan
bao tấm lòng nhân và chân tình bè bạn
những vòng tay quen - con tim rộng mở
mười ba nắm đất, Mẹ yên mộ phần!
Một thời trai trẻ dần dã qua đi
anh sống bên em mong nương ân Chúa
ngót mười ba năm đời anh nghiệt ngã
Chúa vẫn cao xa - và Phật chẳng gần!
Nghe tiếng chuông chùa, lần trang kinh điển
triết lý cao siêu anh chẳng hiểu nhiều
chỉ thấy gian manh - lắm tên giầu sụ
khổ lụy tai ương giáng xuống người hiền!
Chẳng phải vô thần - anh có trái tim ...
Chúa Phật cõi nào
mong ban niềm tin
mai anh chết dẫu thân hoàn cát bụi
bạc ác trần đời xin chớ nẩy sinh thêm!

Lê Nguyễn

THƠ

tĩnh mặc
hoàng xuân vu

NHỮNG CÁNH VẠC BAY

12.
Hà thời quân trực kiến:
Hương giang diễm diễm tình
Tịch liêu quang thanh viễn
Trường giang vĩnh thùy minh!

Tĩnh Mặc

Có bao giờ
bỗng nhiên Người thấy:
Giòng Hương giang
biết mấy là tình!
Trong veo,
vắng lặng,
lung linh...
Vẫn hằng réo gọi
bao tình chứa chan!

T.M

*

32.
Nhị thập nhị niên hề đáo nhân
Ngự Hương đồng hỷ vọng lai quân
Tương phùng huynh đệ tư du mộng
Hốt kiến địa thiên đẳng mãn xuân!

Tĩnh Mặc

Hăm hai năm
chừ người trở lại
Hương Ngự vui
cứ mãi ngóng chờ
Anh em
gặp lại
như mơ!
Bỗng nhiên trời đất
bây giờ tràn xuân.

T.M

BẰNG LĂNG HOA

Kính tặng Anh Trần Tiễn Hoan
cựu giáo sư Quốc Học Huế

Quốc học hề, bách niên
Cổ trường hồng sắc ái;
Như hoài cảm thanh xuân
Đương thời tâm trí khải
Kim triêu, cổ trường lai,
hốt hoài cố hiền hữu
tương giáo, hà bất đãi?
thử trường nhất thời xuân.
Khách viễn du hồ hải,
Ha! Ha! kim hà tại?
Mịch mịch hề diện tiền
Duy kiến Bằng lăng hoa
Bi bi phất song ngoại!
Cảm cựu, thu phong tiền
Triêu sương hề lạc lạc
Như lệ châu vị toại

Tĩnh Mặc

THƠ

y la lê khắc ngọc quỳnh

THƠ TÔI

Thơ tôi tiếng nói của lòng,
Từ ngày biệt xứ long đong nước người,
Muốn thơ nói được tiếng cười,
Nhưng làm sao cứ chuyện đời mãi theo,

Những ngày lạnh gió, mưa gieo,
Tôi hong thơ ấm cho đầy tình ai,
Dẫu cho người có đơn sai,
Tình quê tôi giữ mãi hoài thiết tha,

Thơ người có trái có hoa,
Thơ tôi chỉ có chan hòa tình tôi,
Thơ ai chất chứa nổi sôi,
Thơ tôi xin được một lời yêu thương.

Thơ ai vui nỗi vấn vương,
Thơ tôi lặng lẽ giữa muôn giòng đời,
Thơ người rộn rã nơi nơi,
Thơ tôi nhớ tiếng ru hời mẹ quê.

Thơ người tràn nỗi say mê,
Thơ tôi lắm lúc chỉ lê thê buồn,
Thơ nào hoa gấm dệt khuôn,
Mà tôi chỉ có quê hương bên lòng.

Ai luôn mát mái xuôi giòng,
Quê tôi thơ mãi khóc sông nhớ nguồn,
Gieo mãi vần nhớ vần thương,
Nhớ hương hoa bưởi nhẹ vương nương chiều.

Cầu xin mưa thuận gió hiền,
Sông xưa xanh lại, hương xưa đậm đà,
Vườn xưa rực nắng tươi hoa,
Cho tôi thơ được ra mùa Việt Nam.

(14-4-1999)

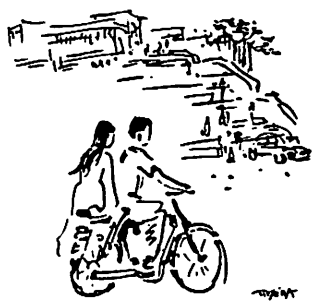

CHỜ MỘT NGÀY VỀ

Huế chừ ra răng nhỉ?
Sông xưa buồn không nói,
Cầu bạc đứng làm thinh,
Cây xanh chừng ủ rũ,
Áo trắng đứng một mình.

Câu chuyện ngày tháng tư,
Giấc mơ đời hung dữ,
Đưa bước mình viễn du,
Lạc loài nơi xứ lạ,
Vầng trán vết ưu tư.

Mắt buồn vì biệt xứ,
Tình chìm theo mùa thu,
Đường quê chừ lạc lối,
Nhớ hương đồng cỏ nội,
Nhớ thuở nào xa xôi.

Huế lặng lẽ im hơi,
Huế câm tiếng ru hời,
Huế nép mình chờ đợi,
Chân về tươi cỏ rối,
Quê Huế lại tuyệt vời.

Lê Khắc Ngọc Quỳnh

TRUNG TÂM PHỤC HỒI MAGNOLIA

TRUNG TÂM ĐẦU TIÊN CỦA NGƯỜI VIỆT PHỤC VỤ NGƯỜI VIỆT
DƯỚI SỰ ĐIỀU HÀNH CỦA

Bác Sĩ DIỆU-MY MICHELLE THÁI, M.D.

Diplomate American Board of Physical Medicine & Rehabilitation

- *Tốt Nghiệp Bác Sĩ Y Khoa - U.C. Davis*
- *Tốt Nghiệp Bác Sĩ Chuyên Khoa - UC Irvine*
- *Hiện là giám đốc điều hành của Orthopedic & Spinal Coard Injury Rebab. St JUDE Hospital, Fullerton, California*
- *10 năm kinh nghiệm phục vụ vùng Orange County*

PHƯƠNG PHÁP CHỮA TRỊ:

- Trung tâm trang bị máy móc và vật lý trị liệu tối tân để phục vụ bệnh nhân.
- Trung tâm mới rộng rải 5000 S/F, hơn 100 parkings Bác Sĩ sẽ đích thân săn sóc và hướng dẫn chữa trị từng bệnh nhân.
- Trung tâm có nhóm chuyên viên người Việt Physical Therapist, Occupational Therapist, Speech Therapist phụ trách chương trình thể dục đặc biệt cho bệnh nhân.
- Chích thuốc trong những trường hợp cần thiếc.
- Cập nhật hóa các loại thuốc mới nhất.
- Máy điện tử để xác định bệnh nghẽn thần kinh (EMG, NCV)
- Máy quang tuyến đặc biệt để chẩn bệnh ngay tại trung tâm.

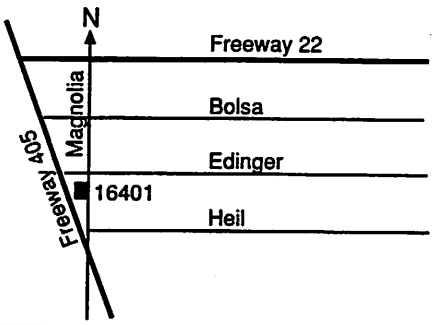

CHỮA TRỊ VÀ PHỤC HỒI CHO NHỮNG TRIỆU CHỨNG:

- Tai biến mạch máu não (stroke)
- Tai biến tủy sống và tê liệt (Spinal Cord Injury)
- Sau những cơn mổ xẻ hoặc đau cấp cứu, kinh niên.
- Sau khi bị tai nạn xe hơi, thể thao.
- Sau những cơn bệnh hiểm nghèo.
- Phục hồi do những bệnh:
  - *Ung Thư, Bệnh Tim, Bệnh Phổi, và những bệnh gây ra từ hút thuốc.*
  - *Bệnh Gẫy Xương, Phốp Xương.*
  - *Total Hip Replacement.*
  - *Total Knee Replacement.*
  - *Các Bệnh Đau Nhức, Phong Thấp và Thấp Khớp (Arthritis)*

THAM KHẢO

- Cách dùng dược thảo để tránh phản ứng hiểm nghèo.
- Ý kiến về mổ xẻ.
- Chuẩn định cho xe lăn tay (Evaluation for Wheel Chair)
- Chứng nhận để cấp phát dụng cụ Y Khoa (Xe Lăn Tay, Nạn Chống, Nạn Tập Đi, Giường Nhà Thương, v.v.v.)
- Chứng Nhận Disability.

THÔNG BÁO DỜI PHÒNG MẠCH KỂ TỪ NGÀY 12-13-1999

Giờ làm việc: Weekdays 9:00am to 6:00pm / Saturday: 9:00am to 3:00pm

ĐỊA CHỈ MỚI:

16401 MAGNOLIA ST., WESTMINSTER, CA 92683

TEL: (714) 596-4288 FAX: (714) 596-2388

SEAFOOD WORLD

FINEST CHINESE RESTAURANT

★ Nhà hàng Seafood nổi tiếng về tiệc cưới, hội đoàn với hơn 600 chỗ ngồi rộng rãi, lịch sự và sang trọng.
★ Trang trí độc đáo, khung cảnh tuyệt đẹp, nghệ thuật và tân kỳ khác hẳn các Restaurant khác.
★ Đầu bếp Hongkong chuyên nghiệp đã từng đoạt nhiều giải thưởng nấu ăn quốc tế.

15351 Brookhurst St., Suite # 101 - 106 ★ Westminster, CA 92683

(Giữa Mc Fadden và Bolsa)

Tel: (714) 775-8828 - Fax: (714) 775-2317

TRUNG TÂM ĐIỀU TRỊ ĐAU NHỨC VÀ CHỈNH XƯƠNG

DALAT CLINIC

ADVANCED CHIROPRACTIC CARE

9613 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683

(Khu Bolsa Mini Mall)

Tel: (714) 839-9384

- Văn phòng trang bị máy X-Ray tối tân (High Frequency Computerized Programable) giảm thiểu tối đa độ nhiễm xạ
- Trang bị đầy đủ máy Vật Lý Trị Liệu tối tân.

Bác Sĩ **BỬU PHỤNG**

Doctor Of Chiropractic

- *Nguyên Bác sĩ Bệnh viện Đà Lạt, Việt Nam.*
- *Tốt nghiệp Bác sĩ Chuyên Khoa Chỉnh Xương tại Đại Học Southern Cali CC.*
- *Certified National and State Board of Chiropractic Examiners.*
- *Certified Industrial Work Injury Disability Evaluation Examiners by ICAC.*
- *California Radiography X-Ray supervisor and operator.*

CHUYÊN TRỊ:

- Đau lưng, đau cổ, đau đầu, cụp xương sống.
- Đau khớp xương, trật khớp xương, bong gân.
- Nhức mỏi, đau bắp thịt, mệt mỏi do thời tiết, phong thấp.
- Các chấn thương do tai nạn té ngã, xe cộ, nghề nghiệp lao động, thể thao...
- Các chứng bệnh đau nhức liên quan đến hệ thống thần kinh, cột xương sống và bắp thịt.
- Đặc biệt chỉnh cột xương sống bị xiêu vẹo.

Giờ làm việc:
Mon - Fri: 10:00 am - 6:00 pm
Wed: 10:00 am - 12:00 pm
Sat: 10:00 am - 1:00 pm

PHỐI HỢP KIẾN THỨC Y KHOA VÀO CHIROPRACTIC ĐỂ ĐEM LẠI KẾT QUẢ ĐIỀU TRỊ TỐT CHO BỆNH NHÂN

BÁC SĨ NHA KHOA

HUỲNH THỊ HẠNH, DDS

- *Tốt nghiệp Nha Khoa Đại Học Saigon.*
- *Nguyên Giảng viên Đại Học Nha Khoa Minnesota Bộ môn Trám Răng và Làm Răng Giả.*

NHA KHOA TỔNG QUÁT:

- Khám răng định kỳ.
- Trám nhổ, lấy gân máu.
- Chuyên làm răng giả đủ các loại.
- Chuyên chữa trị các bệnh về nướu răng, hôi miệng, chảy máu, lung lay hoặc đau nhức.

NHA KHOA THẨM MỸ:

- Tẩy trắng răng.
- Làm khít răng thưa.
- Vá răng bị sứt mẻ.

14571 Magnolia Street,
Suite #202
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 897-9985

Giờ làm việc:
Thứ Hai - Thứ Bảy: 10:00 am - 6:00 pm
Xin vui lòng lấy hẹn trước.

NHẬN BẢO HIỂM & MEDICAL

TẬN TÂM, CHU ĐÁO, KỸ LƯỠNG. CHỮA RĂNG NHẸ NHÀNG THEO TIÊU CHUẨN HOA KỲ TRANG BỊ HOÀN TOÀN MÁY MÓC TỐI TÂN.

Bác Sĩ Nha Khoa

NGUYỄN DIỆU LIÊN HƯƠNG

HỘI VIÊN CHỈNH NHA VÀ CHỈNH HÀM

9251 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683

Tel: (714) 893-1264

- *United States Institute*
- *American Association for Functional Orthodontics*
- *Hành nghề từ năm 1968 tại các bệnh viện Chợ Rẫy, Nguyễn Văn Học và Phòng Nha Khoa tư tại Phú Thọ Sàigòn.*

- **ORTHODONTICS:** (Chỉnh răng và chỉnh hàm) Hoàn chỉnh mọi trường hợp mọc lệch lạc, khấp khểnh, không đều, thưa, hô, móm... bằng phương pháp mang Niềng Răng (Braces) hay mang Bộ Chỉnh Hàm (Functional Orthodontic Appliances). Nhận trả góp.
- **BLEACHING:** Làm trắng các răng đổi màu vàng, nâu, xanh vì lấy gân máu hay do ảnh hưởng của Tetracycline...
- **COSMETIC BONDING:** Thay men răng bị đổi màu, đắp vá các răng sứt mẻ, làm khít kẽ răng thưa...
- **ĐIỀU TRỊ VÀ GIẢI PHẪU BỆNH NƯỚU RĂNG:** Nướu răng sưng đỏ, chảy máu, chảy mủ, răng lung lay, xô lệch, tuột nướu và tuột xương do bệnh nướu răng.
- **NHA KHOA TỔNG QUÁT:** Khám định kỳ, làm sạch, chữa trám và nhổ răng.
- Giải phẫu răng khôn mọc lệch, giải quyết các răng mọc ngầm vì thiếu chỗ hay răng mọc chậm.
- **RĂNG GIẢ CÁC LOẠI:** Gắn dính và tháo lắp.

Quán Vỹ Dạ

9950 Bolsa Ave., #B

Westminster, CA 92683

(Góc Bolsa & Brookhurst)

Tel: (714) 531-2905

ĐẶC BIỆT

Bún Bò Huế Vỹ Dạ Đặc Biệt

(Thịt, Giò, Gân, Huyết, Chả cua)

- ☆ Bánh canh tôm cua
- ☆ Miến xào cua, Miến gà
- ☆ Mì Quảng
- ☆ Bún tôm thịt nướng
- ☆ Cơm gà Vỹ Dạ Đặc biệt, Cơm Hến
- ☆ Các loại Cơm Tấm
- ☆ Các loại cháo: Cháo lòng, cháo huyết, cháo gà, cháo chả tôm, cháo cá...
- ☆ Các loại chè...
- ☆ Bánh bèo chén Vỹ Dạ, Bánh nậm chả tôm, Bánh bột lọc lá chuối
- ☆ Bánh ướt tôm chấy, Bánh khoái, Bánh ít ram...

Giờ mở cửa:

Thứ Ba - Thứ Năm: 9am - 9pm

Thứ Sáu - Chủ Nhật: 9am - 10pm

Thứ Hai nghỉ

Chủ Nhân Kính Mời

Royal

NHÀ HÀNG NỔI TIẾNG VỀ TIỆC CƯỚI

Chinese Seafood Restaurant

12342 Brookhurst St., Garden Grove, CA 92840

(Ngay góc Bixby, giữa Lampson và Chapman)

Nhà hàng tiệc cưới đẹp lộng lẫy, trang hoàng mới mẻ, đẹp mắt với trên 400 chỗ ngồi, rộng rãi, thoải mái

- Đầu bếp Hồng Kông chuyên nghiệp với các món ăn cho tiệc cưới hết sẩy.
- Phòng trang điểm cô dâu đầy đủ tiện nghi.
- Sân khấu đẹp, sàn khiêu vũ đúng tiêu chuẩn.
- Nơi đặt tiệc lý tưởng cho những đôi uyên ương.
- Nhà hàng sang trọng.
- Tiếp viên lịch sự.

Ngoài ra còn có:
- *Cơm gia đình với các món ăn ngon miệng*
- *Các món ăn seafood ít dầu mỡ*

Mở cửa: *5 ngày trong tuần*
10 AM - 10 PM
Nghỉ: *Thứ Hai & Thứ Ba*
Nhận: VISA - MASTERCARD

PARKING RỘNG RÃI - AN TOÀN

(714) 636-5028

Phương Restaurant

10722 Westminster Ave., Garden Grove

(714) 534-3339

SAU 4 GIỜ CHIỀU:

- Bánh khoái
- Bún riêu
- Nem nướng
- Bún ốc

Danh Tiếng HỦ TIẾU MỸ THO

ĐẶC BIỆT
Có Cơm Thái

CƠM PHẦN GIA ĐÌNH

- Gà chiên dòn
- Steak nướng
- Steak tiêu đen
- Lưỡi bò sốt cà

MỞ CỬA 6 NGÀY:
8:00 AM - 10 PM

NGHỈ NGÀY THỨ BA

Bác Sĩ PHẠM GIA KHÁNH

9191 Bolsa Ave., Suite #205 ◆ Westminster, CA 92683
(Trong khu chợ 99)

Tel: (714) 891-7035

- *Nguyên Bác sĩ điều trị Trung Tâm Y Tế Toàn Khoa Đà Nẵng.*
- *Nguyên Bác sĩ điều trị Tai - Mũi - Họng bệnh viện Malteser Việt- Đức Đà Nẵng.*
- *Nguyên Bác sĩ điều trị Sản Phụ Khoa và Ngoại Thương Dưỡng Đường và Bảo Sanh Viện Hàm Nghi, Đà Nẵng.*
- *Hoàn tất Hậu Đại Học UCLA - Hội viên Hội Y Sĩ Hoa Kỳ.*

CHUYÊN TRỊ: BỆNH TOÀN KHOA VÀ TAI MŨI HỌNG

- **BỆNH NỘI THƯƠNG NGƯỜI LỚN:** Huyết áp cao, tiểu đường, bệnh tim, phổi, bao tử, bệnh gan, nhức đầu kinh niên, phong thấp, nhức mỏi, đau lưng, xây xẩm, thiếu máu, bệnh đường tiểu.
- **BỆNH TRẺ EM:** Nóng sốt, tiêu chảy, ho, suyễn, sưng phổi, ói mửa, chậm lớn, chích ngừa, khám sức khỏe nhập học.
- **TAI MŨI HỌNG:** Bệnh dị ứng, nghẹt mũi, sổ mũi kinh niên, ngứa mũi, nhảy mũi, tai thối, đau và sưng hạch cổ họng.
- **BỆNH NGOÀI DA VÀ HOA LIỄU:** Chữa tuyệt các loại mụn lác, lang ben, mụn cóc, phong ngứa, lậu mủ, giang mai.
- **BỆNH PHỤ NỮ:** Thăm thai, thử thai, ngừa thai, kinh nguyệt không đều, huyết trắng, có kinh đau bụng, thử nghiệm ung thư tử cung.
- **GIẢI PHẪU:** Đốt mụn cổ, mổ bướu da, xẻ nhọt, may vết thương.

☐ KHÁM BỆNH LÀM THẺ XANH CỦA SỞ DI TRÚ (INS)
☐ CẤP BÔNG SỮA (WIC)

NHẬN MEDICAL & BẢO HIỂM

Giờ mở cửa:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 am - 6 pm
Thứ Bảy: 9:30 am - 2 pm

TRUNG TÂM SẢN PHỤ KHOA

BÁC SĨ VÕ VĂN CẦU, MD., FACOG., INC.

- *Tốt nghiệp Bằng Chuyên môn Sản Phụ Khoa Hoa Kỳ.*
- *Diplomat American Board of Obstetrics & Gynecology.*
- *Fellow American College of Obstetrics & Gynecology.*
- Nguyên Bác sĩ Sản Phụ Khoa, Giải Phẫu, Trưởng Bảo Sanh Viện Lê Trung Đình, Quảng Ngãi.
- Nguyên Trưởng Khu Sản Phụ Khoa và Bác sĩ Giải Phẫu Bệnh viện Sùng Chính, Sàigòn.
- Tốt nghiệp Chuyên môn Sản Phụ Khoa, Nguyên Giảng Huấn viên tại Bệnh viện John Sealy University Hospital, Texas.

CHUYÊN TRỊ: SẢN KHOA VÀ TẤT CẢ CÁC BỆNH ĐÀN BÀ

- **SẢN KHOA:** Thăm thai và đích thân đỡ đẻ, kể cả trường hợp khó khăn. Kế hoạch gia đình (OCA, Deproprovera, Norplant). Cột kẹp hoặc đốt ống dẫn trứng. Có thể sinh thường những trường hợp đã mổ (previous C/section). Hướng dẫn để sinh trai gái theo ý muốn. Hiếm muộn và giải phẫu hiếm muộn.
- **PHỤ KHOA:** Kinh nguyệt bất thường. Nhiễm trùng bộ phận sinh dục. Huyết trắng. Rối loạn sinh lý. Truy tầm ung thư vú. Ung thư cổ tử cung và điều trị tiền ung thư cổ tử cung. Chẩn đoán và điều trị bướu âm đạo, tử cung và buồng trứng.
- **GIẢI PHẪU:** Bướu tử cung, buồng trứng, ống dẫn trứng. Ngưng sanh. Bệnh sa tử cung và sửa âm đạo. Bệnh không điều khiển nước tiểu. Các bệnh điều trị bằng Laser.

Giờ làm việc:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 10:00 am - 6:30 pm
Thứ Bảy: 10:00 am - 3:00 pm
Xin vui lòng lấy hẹn

NHẬN MEDICAL, MEDICARE & BẢO HIỂM CÁC LOẠI
14024 Magnolia, Suite 104
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 898-1375
(24 Hrs)

Giới thiệu sách mới: **VIETNAM, MY LOVE.**

Người Mỹ đã viết trên 4000 cuốn sách nói về chiến tranh Việt Nam. Nhưng chưa có cuốn nào nhắc đến nỗi khổ của hơn hai triệu đồng bào ta, vì chống lại chế độ Cộng Sản, đã hy sinh tất cả, đem con cái bỏ nước ra đi tìm tự do.

Cuốn sách **VIETNAM, MY LOVE** viết bằng Anh ngữ, kể lại câu chuyện tình thắm thiết giữa một cô gái Mỹ lập gia đình cùng một sĩ quan Việt Nam Cộng Hòa bị chia ly vì hoàn cảnh chiến tranh. Đây là một cuốn hồi ký hồi hộp và đau buồn, do một thiếu phụ Mỹ đã thấy và kể lại sự đau khổ của thuyền nhân Việt, trong khi nàng đi tìm chồng con mình vượt biển tại vùng Đông Nam Á.

Cuốn sách chứng minh một sự thật lịch sử và nói lên nỗi lòng của những kẻ ly hương đang sống tại hải ngoại như chúng ta.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn **'VIETNAM, MY LOVE'** với các bạn đọc xa gần. Tác giả, ông Vĩnh Noãn, là người đã viết và đạo diễn cuốn phim nổi tiếng **'Chúng Tôi Muốn Sống!'** Cuốn sách **'VIETNAM, MY LOVE'** do một nhà xuất bản Mỹ phát hành, hiện đã có bán trên Internet, tại AMAZON.COM với giá **$19.95.**

HƯỞNG GIANG

NHẬN ĐẶT TIỆC
SINH NHẬT - HỌP BẠN - ĐÁM HỎI

Chả Giò Tôm Cua - Chả Giò Hỏa Tiễn - Chả Nướng - Chả Tôm - Cơm Chiên - Mì Xào - Miến Xào - Gỏi Sứa Tôm Thịt - Gỏi Ngó Sen.

ĐẶC SẢN HUẾ:

Bún Bò Huế - Bánh Bèo - Bánh Nậm - Bánh Bột Lọc - Bánh Ít - Bánh Ướt Thịt Nướng - Bánh Ướt Tôm Chấy.

14282 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92843
Bus: (714) 531-1798
Res: (714) 531-2464

CHÂN THÀNH CẢM TẠ SỰ ỦNG HỘ CỦA QUÝ KHÁCH

HỆ THỐNG CÔNG TY VANCO INC.

SUPERMARKETS

LITTLE SAIGON SUPERMARKET
9822 Bolsa Ave.
Westminster, CA 92683
Ph: 714-531-7272 * Fax: 714-531-0771

VANCO FOODS SUPERMARKET
10932 Westminster, Avenue,
Garden Grove, CA 92843
Ph: 714-530-2999 * Fax: 714-530-4009

VANCO FOODS WAREHOUSE
16042 Magnolia Avenue
Fountain Valley, CA 92708
Ph: 714-843-1818 * Fax: 714-843-1816

FOOD WHOLESALE

DELTA FOODS COMPANY
14942 Moran Street
Westminster, CA 92683
Ph: 714-898-7544
Fax: 714-891-3536

VANCO OIL COMPANY
14902 Moran Street
Westminster, CA 92683
Ph: 714-896-0880
Fax: 714-891-3536

RESTAURANTS

THUY'S FOOD TO GO & BAKERY 1
14901 Euclid Street
Garden Grove, CA 92843
Ph: 714-530-3299 * Fax: 714-530-4009

THUY'S FOOD TO GO & BAKERY 2
9092 Edinger Avenue
Fountain Valley, CA 92708
Ph: 714-843-1810 * Fax: 714-843-1816

PAGETEK EXPRESS
10932 Westminster Ave.
Garden Grove
(714) 530-5900
(trong Chợ VANCO)

PAGETEK EXPRESS
9822 Bolsa Avenue
Westminster
(714) 531-7200
(trong Chợ LITTLE SAIGON)

PAGETEK EXPRESS
16042 Magnolia Ave.
Fountain Valley
(714) 843-0440
(trong Chợ VANCO)

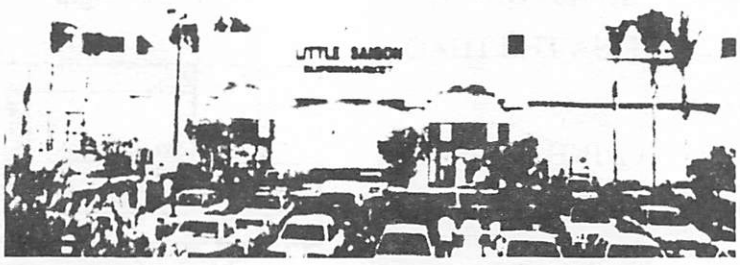

PHÒNG MẠCH NỘI THƯƠNG TỔNG QUÁT

BÁC SĨ TRẦN NHƠN, M.D.

14982 Magnolia Ave., Suite 109 - Westminster, CA 92683

(Góc Magnolia và Westminster, trong khu chợ Phát Tài)

Điện Thoại: (714) 895-8583

- *Tốt nghiệp Chuyên Môn Nội Thương Hoa Kỳ (Internal Medicine)*
- *Bác sĩ Điều Trị các Bệnh viện quanh vùng*
- *Hội Viên Hội Y Sĩ Hoa Kỳ*
- *Nguyên Giảng viên Đại Học Y Khoa Huế*
- *Nguyên Nội Trú Bệnh viện Đồn Đất (Grall, Saigon).*

CHUYÊN TRỊ CÁC CHỨNG BỆNH NỘI THƯƠNG

- ❐ Bệnh Dị Ứng: Sổ mũi, nghẹt mũi kinh niên, suyễn, mề đay, phong ngứa, thử allergy và dùng tiêm chích miễn dịch trị liệu.
- ❐ Bệnh Tim Mạch: Tim loạn nhịp, hồi hộp, đau tức ngực, cao máu, suy tim.
- ❐ Bệnh Phổi: Ho kinh niên, khó thở, viêm phổi, lao phổi, ung thư phổi.
- ❐ Bệnh Tiêu Hóa: Đau bụng, tiêu chảy, táo bón kinh niên, khó tiêu, ợ chua, loét bao tử, ung thư ruột, bệnh gan mật.
- ❐ Bệnh Thần Kinh: nhức đầu, lo âu, mất ngủ, động kinh.
- ❐ Bệnh Tiết Niệu: Viêm thận, viêm tiết niệu, bệnh hoa liễu.
- ❐ Bệnh Máu: Thiếu máu, ung thư máu.
- ❐ Bệnh Nội Tiết: Bướu cổ, đái đường.
- ❐ Bệnh Phong Thấp: Viêm đau khớp xương.
- ❐ Bệnh Ngoài Da: Mụn, ghẻ, Eczema, lang ben.

Giờ làm việc:
Thứ Hai - Thứ Sáu:
10am - 6pm
Thứ Bảy: 10am - 3pm
Chủ Nhật: Nghỉ.

☆ NHỮNG BỆNH LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI GIÀ

☆ KHÁM TỔNG QUÁT ĐỊNH KỲ, CHÍCH NGỪA NHẬP HỌC, THI ĐUA THỂ THAO, CẢM CÚM, VIÊM PHỔI.

☆ NHẬN LÀM BÁC SĨ GIA ĐÌNH.

☆ TRUY TẦM UNG THƯ MÁU, RUỘT, PHỔI.

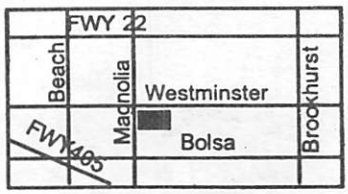

INTERNET CD

☞ **HỌC CÁCH XỬ DỤNG INTERNET**
BẰNG HÌNH ẢNH VÀ ÂM THANH
- Căn bản về WEB,
- Cách gửi & đọc E-Mail
- Cách Chat trên WEB, Download, v.v..

☞ **FREE INTERNET ACCESS**
KHẮP CÁC TIỂU BANG MỸ VÀ CANADA

☞ **BONUS SOFTWARE**
- Microsoft Internet Explorer 5.01,
- Netscape Communicator 4.7,
- WinZip, Free Agent32, ACDSee,
- CuteFTP, Homesite, Adobe Acrobat.....

FREE SHIPPING
cho những khách ở ngoài tiểu bang.

Dynamik Systems
14541 Brookhurst St., #D3
Westminster, CA. 92683
(Góc Brookhurst & Hazard
Sau lưng cây xăng Arco.)
Tel: (714) 418-0511
Fax: (714) 418-1538
E-Mail: dynamik@vinet.com

LIEN D, NGUYEN, CPA

Hội viên AICPA, California Society of CPA.

- KHAI THUẾ CÁ NHÂN, THƯƠNG MẠI.
- GIỮ SỔ SÁCH KẾ TOÁN.
- CỐ VẤN ĐẦU TƯ.
- ĐẠI DIỆN THÂN CHỦ TRONG TRƯỜNG HỢP BỊ AUDIT.

(714) 530-3602

14180 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
(Lầu 2, khu phố ngói xanh)

Bác Sĩ BÙI MINH ĐỨC

Chuyên Khoa **TAI - MŨI - HỌNG, GIẢI PHẪU ĐẦU VÀ CỔ**

9131 Bolsa Ave. Suite 201 - Westminster, CA 92683
(Trong khu Cathay Bank)

Tel: (714) 894-5581

- *Hội viên Hội Tai-Mũi-Họng Hoa Kỳ (Fellow, American Academy of Otolaryngology, Head and Neck Surgery).*
- *Hội viên Hội Tai-Mũi-Họng Đức Quốc (Mitglied, Deutsche Gesellschaft fuer Hals-Nasen-Ohren Heilkunde, Kopf und Hals Chirurgie).*
- *Hội viên Hội Mũi Học Hoa Kỳ (Fellow, American Rhinologic Society).*

CHUYÊN TRỊ CÁC BỆNH VỀ TAI - MŨI - HỌNG:

- **TAI:** Tai chảy mủ, Đau tai, Ù tai, Điếc tai, Vá màng nhĩ (Vi phẫu tai). Giúp mang máy điếc.
- **MŨI:** Nghẹt mũi, Chảy mũi, Ngứa mũi, Hôi mũi, Chảy máu cam. Giải phẫu xoang bằng Nội soi (Functional Endoscopic Sinus Surgery).
- **HỌNG:** Vướng họng, Nghẹt họng, Đằng hắng, Khàn giọng, Ngáy ban đêm: Giải phẫu bằng tia Laser.

ĐẶC BIỆT: TRUNG TÂM NỘI SOI TAI - MŨI - HỌNG VỚI VIDEO (Video Fiberoptic Endoscopy).

- Dàn Nội Soi hiện đại, tối tân nhất.
- Định bệnh chính xác. Định bệnh sớm.
- Thấy rõ bệnh mình trên Video. Có hình chụp.
- Tối cần để tìm Ung thư họng.

Giờ khám:
Buổi sáng (Thứ Hai và Thứ Sáu): Từ 10 giờ sáng.
Buổi chiều: Từ 1 đến 6 giờ.
Thứ Bảy: Từ 10 giờ sáng đến 3 giờ chiều.
Chủ Nhật và Ngày Lễ: Nghỉ.

XIN LẤY HẸN TRƯỚC.

Bác Sĩ

LÊ VĂN CẨM, M.D.

J. Fellow Of American Academy Of Pediatrics

9341 Bolsa Ave., - Westminster, CA 92683

Điện thoại: (714) 894-9666

CHUYÊN KHOA NHI KHOA

SƠ SINH, TRẺ EM VÀ CÁC BỆNH THANH THIẾU NIÊN.

Y KHOA TỔNG QUÁT NGƯỜI LỚN

Bác Sĩ điều trị tại Bệnh viện Fountain Valley Regional Hospital

TIỆM VÀNG HỘT XOÀN

KIM THỌ JEWELRY

TEL: (714) 892-5007

The Jewelry Center

Booth #3 & 2nd Floor

- **HỘT XOÀN, CẨM THẠCH, NỮ TRANG, VÀNG LÁ.**
- **ĐỦ LOẠI, ĐỦ KIỂU.**
- **BẢO ĐẢM ĐẸP VÀ ĐẦY ĐỦ PHẨM CHẤT.**

ASIAN GARDEN MALL
9200 Bolsa Ave. Suite 227 #3 2nd Floor
Westminster, Ca 92683

Bác Sĩ Nha Khoa

DƯƠNG ÚT, D.D.S.

(DOCTOR OF DENTAL SURGERY)

Tốt nghiệp Đại Học Đường Loma Linda California USA.

- ❑ Nha sĩ kinh nghiệm hành nghề nhiều nơi.
- ❑ Chuyên trị các trường hợp sai lệch khớp nhai, tái tạo khớp nhai (FULL MOUTH RE-CONSTRUCTION
- ❑ Chữa răng bằng phương pháp và kỹ thuật máy móc mới nhất ở Hoa Kỳ.

- ▼ **NHA KHOA THẨM MỸ:** Bonding, Veneer.
- ▼ **NHA KHOA NHI ĐỒNG:** Kiên nhẫn và nhẹ nhàng với trẻ em.
- ▼ **NHA KHOA TỔNG QUÁT:**
  - *Trám răng, nhổ răng, lấy gân máu.*
  - *Răng giả các loại.*
  - *Bệnh nướu răng (Gum disease).*
  - *Giải phẫu.*

XIN VUI LÒNG LẤY HẸN TRƯỚC
TRỪ TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP

Giờ mở cửa:
Thứ Hai - Thứ Bảy: 10:00 sáng đến 6:00 chiều.

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

CHUYÊN SỬA CHỮA CÁC LOẠI RĂNG GIẢ BỊ HƯ HẠI

Tel: (213) 617-2778

807 CESAR E. CHAVEZ AVE.
LOS ANGELES, CA 90012

CƠM TẤM
TRẦN QUÝ CÁP

Cống hiến hương vị thơm ngon bất hủ của
Cơm tấm Trần Quý Cáp ngày nào.

Địa Điểm I:
10522 Mc Fadden Ave.
(Góc Mc Fadden và Ward)
Garden Grove, CA 92843
Nghỉ Thứ Hai
Tel: (714) 839-3069

Địa Điểm II:
9607 Bolsa Ave.
(Trong khu Bolsa Mini Mall,
gần Nhà sách Tú Quỳnh)
Westminster, CA 92683
Nghỉ Thứ Ba
Tel: (714) 839-3173

ĐÀ NẴNG
Restaurant:
Thêm các món ngon:
BÚN BÒ HUẾ - MÌ QUẢNG - BÁNH BÈO - MÍT TRỘN

ĐẶC BIỆT: TÀU HŨ KI

MỞ CỬA: 9:00 AM - 8:00 PM
Kính Mời

POMONA OPTOMETRY
1101 East Holt Ave., Ste. D
Pomona, CA 91787
(Trong khu Pomona Square, cạnh chợ Pomona Supermarket)
(909) 620-4546

DR. TÔN NỮ KIỀU TIÊN, O.D.
DR. DƯƠNG THÙY TRANG, O.D.
DR. JOSEPH MOSTOW, .O.D.

- Tốt nghiệp Bác Sĩ Nhãn Khoa tại Southern Calif. College of Optometry, Fullerton, TDA Certified
- Hội viên California Optometry Association (COA).
- American Optometric Association (AOA), BETA SIGNA KAPPA, Honor Society.

- Đủ kiểu kính thời trang của Mỹ, Pháp, Ý... và kính mát.
- Đủ loại contact lenses trong hoặc màu.
- Làm kính lão bằng contact lenses.

- Làm đủ loại kính cận thị, viễn thị, loạn thị và lão.
- Kính mỏng cho độ cao.
- Kính hai tròng, có lằn hoặc không lằn.
- Chuyên khám mắt tổng quát: Khám mắt hột cườm, glaucoma, tiểu đường, áp suất cao, v.v... **CÓ THỂ CHO TOA THUỐC CHỮA BỆNH MẮT NẾU CẦN.**

NHẬN MEDICAL, MEDICARE, INSURANCE, VISA / MASTER CARD

ENSURE

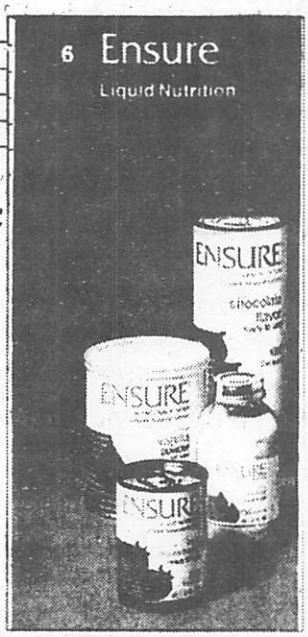

Similac®
Infant Formulas

- Sữa Similac dùng cho trẻ em.
- Máy đo máu và đo nhịp tim sản xuất tại Nhật Bản.

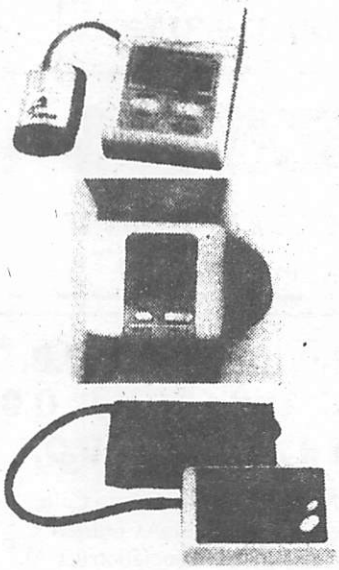

- ✶ Mọi người đều dùng được
- ✶ Tăng cường sức khỏe
- ✶ Bồi bổ cơ thể
- ✶ Lên cân nhanh chóng

* **Sữa Ensure** có đầy đủ chất dinh dưỡng như thức ăn, rất được người Việt Nam ưa dùng.
* **Sữa Ensure** có nhiều mùi vị khác nhau.
* **Sữa Ensure** thay thế được thức ăn hàng ngày. Rất tốt khi quý vị không ăn uống bình thường được.
* **Sữa Ensure** giúp quý vị lên cân nhanh chóng.
* **Sữa Ensure** dùng để tăng sức hoặc hồi phục sức khỏe khi bệnh hoạn.
* **Sữa Pediasure** dành cho trẻ em từ 1 đến 6 tuổi. Có đầy đủ chất bổ dưỡng cần thiết.
* **Sữa Pediasure** giúp trẻ em lên cân nhanh chóng, tăng cường sức khỏe và tăng trưởng đều đặn.
* **Sữa Pediasure** dành cho trẻ em biếng ăn - không lên cân - sau cơn bệnh - ăn nhiều nhưng chậm lớn - sau giải phẫu.
* **Sữa Glucerna** dành cho người bị bệnh tiểu đường.

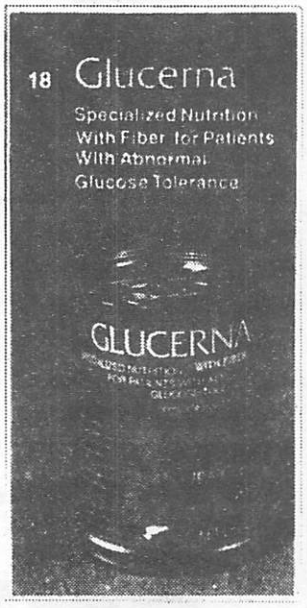

TÌM MUA TẠI:

LINH'S PHARMACY
9191 Bolsa Avenue # 102
Westminster, CA 92683
(Khu Chợ 99)
Tel: (714) 891-3644
DS NGUYỄN THỊ TÚY SƯƠNG

DANH PHARMACY
Nhà thuốc tây VN đầu tiên tại Mỹ
9182 Bolsa Avenue,
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 892-4407
DS QUÁCH NHỨT DANH

LINH'S PHARMACY II
9500 Bolsa Ave. # N
Westminster, CA 92683
(Khu chợ Bolsa Supermarket)
Tel: (714) 775-0550
DS QUÁCH THỊ THÙY LINH

Nhận CalOPTIMA và các loại bảo hiểm PCS - Pacificare - Paid Prescription - Health Net Aetna - Foundation Health - Express Scripts - Care Mark - ScripCard - ValueRx - Blue Shield - Blue Cross. v.v...

Quán Hỷ

10082 Chapman Ave.
Garden Grove, CA 92640

(Góc Brookhurst-Chapman - sau lưng Wendy Hamburger)

Tel: (714) 636-1652

Với đầy đủ các món ăn Huế như:

- **Bánh Bèo - Bánh Bột Lọc**

  Bánh Ram Ít

- **Cơm Huế**
- **Dấm Nuốc**
- **Bún Bò - Bánh Canh**
- **Mì Quảng**
- **Gỏi Cuốn**

Đặc biệt có món chay nấu theo lối Huế
(đã từng nấu chay cho các lớp Thiền của quý thầy)

Kim Thoa kính mời

Bác Sĩ

VÕ VĂN TÙNG

NHI KHOA & Y KHOA GIA ĐÌNH

- *Tốt nghiệp Chuyên môn tại Thụy Sĩ & Hoa Kỳ*
- *Nguyên Y Sĩ Trưởng trại Binh sĩ & Gia đình Binh Sĩ Tổng Y Viện Duy Tân, Đà Nẵng*
- *Nguyên Trưởng Khu Nhi Khoa Trung Tâm Y Tế Toàn Khoa Đà Nẵng*
- *Bác Sĩ điều trị các Bệnh viện Fountain Valley, Children Hospital v.v... Hành nghề trên 20 năm tại Việt Nam & Mỹ*

CHUYÊN KHÁM:

- **Bệnh trẻ sơ sinh, Săn sóc trẻ mới sinh tại Bệnh viện Fountain Valley. Tất cả các bệnh liên quan đến trẻ em (cảm, sổ mũi, ho, sưng phổi, tiêu chảy, bệnh tai, mũi, họng, bệnh ngoài da, chậm lớn, kém thông minh, chích ngừa nhập học...)**
- **Bệnh nội thương, người lớn. Bệnh biến ứng (Allergy).**
- **Bệnh đàn bà - Châm cứu các bệnh đau nhức, phong thấp**
- **Cộng tác với Chương trình Bông sữa WIC**

Giờ khám bệnh:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 6 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 2 PM

9559 Bolsa Ave., Ste. #D • Westminster, CA 92683
(714) 531-5754
(Trên lầu Thành Mỹ Restaurant, trong khu Bolsa Mini Mall)

Catinat PHARMACY INC

CATINAT PHARMACY Inc
9549-A Bolsa Ave. Westminster, CA 92683
Tel.: (714) 531-3560
FAX (714) 531-4601
Dược Sĩ TRỊNH LÊ HỒNG
Dược Sĩ LÊ THỊ MINH TÂM

- **Bán thuốc theo toa Bác Sĩ, nhận Medi-Cal, CalOptima và Bảo Hiểm (PCS, PAID, FHP, NPA, MPN, Rx Net, Gold Net, APS, Rx America, EXPRESS SCRIPTS, ALTA Rx, RESTAT, AETNA, etc...**
- Nhận chuyển FAX, thư nhanh và gửi thuốc Tây về Việt Nam.
- ***Đại Lý thuốc BỔ SÂM PHARMAX Gold (tăng cường sinh lực tươi vui trẻ đẹp, bổ trí nhớ).***

THUỐC BỔ SÂM

PHARMAX

MAXIMUM STRENGTH GINSENG K8000 & HIGH POTENCY VITAMIN

TĂNG CƯỜNG SINH LỰC
TƯƠI VUI TRẺ ĐẸP

MỞ CỬA 6 NGÀY:
Từ Thứ Hai đến Thứ Sáu: 10:00AM-7:30PM
- Thứ Bảy: 10:00AM - 6:00PM

9549-A Bolsa Ave.
Westminster, Ca 92683
Tel: (714) 531-3560
Fax: (714) 531-4601

QUẢNG ĐÀ

Restaurant

MÓN ĂN ĐẶC BIỆT MIỀN TRUNG

Tại quê người nhà hàng Quảng Đà hãnh diện là nơi bảo tồn các món ăn độc đáo của miền Trung xứ Huế.

QUẢNG ĐÀ Restaurant
820 Franklin St.
Oakland, CA 94607
(Góc đường Số 9, China Town)
(510) 444-1112

QUẢNG ĐÀ Restaurant
348 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95113
(góc đường số 8)
(408) 297-3402

QUẢNG ĐÀ Restaurant
9786 Westminster Ave.
Garden Grove, CA 92644
(Cạnh Chè Hiển Khánh góc Brookhurst)
(714) 636-3016

ĐẶC BIỆT HỦ TIẾU THANH XUÂN CHÍNH GỐC HỦ TIẾU MỸ THO

Ngoài ra nhà hàng chúng tôi rất nổi tiếng món: HỦ TIẾU THANH XUÂN (chợ cũ)

- Mì Quảng
- Bún Bò Huế
- Bánh Bèo Vĩ Dạ
- Bánh Lá (Bánh Nậm)
- Chả Tôm
- Bánh Bột Lọc
- Bánh Xèo (Bánh Khoái)
- Chả Huế
- Gỏi Mít Trộn Xúc Bánh Tráng
- Gỏi Hến Xúc Bánh Tráng
- Bánh Tráng Đập Chấm Mắm Nêm
- Bánh Ít Kẹp Bánh Ram
- Bánh Cuốn Nhân Thịt
- Bánh Canh Tôm Cua
- Bánh Ướt Tôm Chấy
- Bánh Ướt Thịt Nướng
- Cơm Hến
- Cơm Gà
- Bún Mắm Thịt Heo Quay
- Bánh Bèo Chén Miền Trung
- Mì Cao Lầu Hội An
- Mì Hoành Thánh Tôm
- Cơm Bì Thịt Nướng

ĐẶC BIỆT :
Mì Quảng Chay.
Bánh Xèo Chay.

Quảng Đà Restaurant Kính mời.

THƯỢNG HẢI BÁ BỔ
NGŨ TẠNG THẦN DƯỢC

Lần đầu tiên trong ngành Y Dược Đông Phương, Thượng Hải Bá Bổ Thần Dược được bào chế bằng tinh chất sức ong chúa phối hợp với dược phẩm cực qúy của Đông Y như nhân sâm, yến quế, hà thủ ô, và các dược phẩm thượng hạng khác với phương pháp bào chế gia truyền do Bác Sĩ Thượng Hải kế thừa điều chế và trực tiếp cố vấn.

Thượng Hải Bá Bổ Ngũ Tạng Thần Dược có công dụng như sau:

- Giúp cho cơ thể chống lại bệnh tật, gia tăng sức đề kháng của cơ thể, làm trẻ lại các tế bào thoái hóa vì tuổi già.
- Gia tăng sức chịu đựng của cơ thể, giúp cơ thể chống lại các bệnh tật của tuổi già như đau nhức bắp thịt, gân cốt, đau khớp xương do phong thấp, thận suy, suất tinh sớm, yếu sinh lý, già trước tuổi, tóc bạc sớm, ăn không ngon, mất ngủ, sụt cân.
- Phòng ngừa các bệnh ung thư vì rối loạn cơ thể, kinh mạch do hoàn cảnh đời sống và căng thẳng thần kinh vì công việc.
- Gia tăng trí nhớ cho học sinh, sinh viên cần thức khuya học bài.
- Gia tăng sức khoẻ, tăng cường sức lực cho qúy vị vì hoàn cảnh công việc phải làm việc qúa sức.
- Tăng cường sinh lực giúp cho hạnh phúc gia đình được bền vững.
- Làm mát gan, giúp cho da dẻ mịm màng, phòng ngừa các bệnh nám da, dà mặt sần sui khô khan vì thực phẩm hoặc thời tiết.

Ghi chú: Thượng Hải Bá Bổ Thần Dược là phương dược cổ truyền lưu lại hậu thế, đã được dùng trên 1000 năm do các ngự y cung đình phương Đông và các thiền sư Tây Tạng và Ấn Độ để cứu nhân độ thế.

MỖI CHAI THUỐC GÍA $25 - DÙNG ĐƯỢC TRONG MỘT THÁNG

Nhận gửi thuốc đi khắp nơi bằng U.P.S.

Muốn mua thuốc xin liên lạc với:

PHÒNG MẠCH BÁC SĨ CHÂM CỨU ĐÔNG Y DƯỢC PHÒNG

13878 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92643 * TEL: (714) 636-8166

(Trong khu chợ Kinh Đô và Sea food Đông Lợi)

CHUYÊN TRỊ: CÁC BỆNH NỘI NGOẠI THƯƠNG BẰNG CHÂM CỨU
VÀ CÁC BỆNH KẾT HỢP PHƯƠNG PHÁP ĐÔNG TÂY

Bác sĩ THƯỢNG HẢI, Ph. D., C. A., O.M.D.

** Tốt nghiệp Bác Sĩ Chuyên Khoa Đông Y Châm Cứu Hoa Kỳ.*
** Diplomate in Acupuncture of The N.C.C.A.*
** Hội viên hội Cố Vấn Đông Y Châm Cứu Hoa Kỳ.*
** Hội viên hội Châm Cứu Hoa Kỳ.*
** Nguyên Y Sĩ Đông Y Châm Cứu Trung Tâm Y Tế Phật Giáo.*
** Nguyên Cố Vấn Đông Y các bệnh viện Quảng Đông, Triều Châu, Sùng Chính, Phước Kiến.*
** Đông Y Gia Truyền Ba Đời.*

CHUYÊN TRỊ

- Đặc biệt tiểu sản, hiếm muộn, không có con, dễ bị xảy thai, sau khi sanh nám mặt, yếu người.
- Tai nạn xe cộ, phong thấp, đau nhức khớp xương.
- Nhức đầu kinh niên, nửa đầu hoặc cả đầu.
- Phong thấp, tê bại, bán thân bất toại.
- Huyết áp cao, thiếu máu, sa tử cung, ruột, bao tử, trĩ.
- Trị bệnh tim mạch, đau ngực, hồi hộp, khó thở.
- Ăn không ngon, mất ngủ, sụt cân.
- Đàn bà kinh nguyệt không đều, hiếm muộn, không con, huyết trắng, hành kinh đau bụng.
- Cai hút thuốc, rụng tóc, đái đường.
- Thận suy, xuất tinh sớm, yếu tình dục, già trước tuổi, tóc bạc.
- Trị bệnh da mặt nám, mụn bọc, mật, lưng.
- Phòng mạch có đầy đủ các loại Đông Y Dược thượng hạng bào chế bằng phương pháp gia truyền.
- Thuốc tể cho sinh viên, học sinh cần tăng cường trí nhớ để học thi.
- Nhận gửi thuốc Bắc bằng U.P.S đi khắp thế giới.

PHÒNG MẠCH ĐẦU TIÊN

Về **NHI KHOA**
Tại **VAN NUYS**

6900 Van Nuys Blvd., Suite #7
Van Nuys, CA 91405
Tel: (818) 989-2406
& (818) 989-2407
Beeper: (818) 379-9071
Cạnh Pharmacy of Phan's
cạnh Nha Sĩ Phan Mỹ Hạnh

Bác Sĩ

LÊ PHƯỚC LỘC (Richard Le), M.D.

NHI KHOA & Y KHOA TỔNG QUÁT

- *Tốt nghiệp Michael Reese Hosp. Med Center University of Chicago (Illinois)*
- *Nội trú Tulane Med Center - University of Tulane New Orleans*
- *Nguyên thường trú White Memorial Med Center University of Loma Linda, Los Angeles*
- *Hội viên Y sĩ đoàn Hoa Kỳ từ 1985*
- *Hội viên trung cấp Hàn Lâm Viện Nhi Khoa Hoa Kỳ*
- *Từng hành nghề tại New Orleans từ 1984-1985*

NHI KHOA & Y KHOA TỔNG QUÁT

★ Khám và trị bệnh trẻ em sơ sinh Việt, Miên, Lào, Hoa
★ Chích ngừa & Khám nhập học - Free
★ Khám sức khỏe định kỳ (CHOP) nếu lợi tức thấp - Free
★ Lập giấy sức khỏe tiền Hôn nhân
★ Nhận làm Bác Sĩ gia đình
★ Hợp tác với Chương trình Bông sữa WIC
★ Trực tiếp điều trị liên tục nếu nhập viện tại vùng Van Nuys
★ Giới thiệu chuyên khoa nếu cần

CHUYÊN TRỊ:

★ *Các bệnh trẻ em liên quan đến tăng trưởng - Tiêu bộ - Hô hấp - Xương khớp - Đầu - Đau ngực - Phong thấp - Ho - Suyễn - Táo bón - Hô hấp - Các bệnh ngoài da - Các bệnh dinh dưỡng - Các bệnh phụ khoa - Các bệnh thanh thiếu niên - Các thương tích tai nạn nghề nghiệp.*

Phòng mạch trang bị máy thử nghiệm Vật lý Trị liệu và Quang Tuyến X

ĐẶC ĐIỂM:

- **Phòng mạch có máy điều hòa không khí, trang bị dụng cụ tối tân - Điện tâm đồ**
- **Đo thính lực - Phân tích máu - Nước tiểu - Đo nhãn lực**
- **Bảo đảm không chờ lâu và có thể tham khảo trực tiếp bất cứ lúc nào bằng điện thoại**
- **Bãi đậu xe rộng rãi**

Đặc Biệt: Có máy truy tầm Ung thư và máy Siêu âm để truy tầm các loại Bướu trong bụng và trong các Xoang

Giờ làm việc:
Thứ 2 - Thứ 6: 9 AM - 7 PM
Thứ 7: 9 AM - 5 PM
Chủ Nhật nghỉ

NHẬN MEDICAL & MEDICARE & BẢO HIỂM

Nhà Thuốc Tây

TAM'S RX PHARMACY

14024 Magnolia, #103 - Westminster, CA 92683
(Khu Shopping Center mới, góc Magnolia và Westminster)
(714) 892-9808 / (714) 895-9044

- *Nhà thuốc Gia đình của Quý vị do Dược Sĩ tốt nghiệp, hành nghề lâu năm tại Việt Nam và Hoa Kỳ, luôn luôn có mặt, đích thân tận tình chỉ dẫn cách xử dụng các loại thuốc đúng theo tiêu chuẩn Hoa Kỳ.*
- *Nhận MEDICAL, THẺ THUỐC PCS, BLUESHIELDS, BLUE CROSS, MEDI-MET và các loại BẢO HIỂM.*
- *Địa điểm thuận tiện, góc Magnolia và Westminster (gần chợ Phát Tài), bãi đậu xe rộng rãi, an toàn.*
- *Tiếp đãi ân cần. Quý khách không phải chờ lâu.*
- *Có máy Photocopy.*

Giờ mở cửa:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 10 AM - 7 PM
Thứ Bảy: 10 AM - 5 PM

Dược sĩ Tôn Nữ Diệu Hoa,
tự Tâm Thường Kính Mời.

LIPO SUCTION CENTER & LASER SURGERY

TRẦN TIẾN HUYẾN, M.D., F.A.C.S.

American Board Of Surgery - Member American Academy Of Cosmetic Surgery

AESTHETIC LASER SURGERY
- Căng da mặt, xóa đường nhăn trên mặt.
- Chữa mặt rỗ do mụn.
- Xóa tàn nhang, nốt ruồi.
- Xóa hình xâm Tattoo.
- Chữa trị các vết chàm lớn nhỏ bẩm sinh.

LIPO SUCTION & BODY CONTOURING
- Hút mỡ mông, đùi, tay, chân.
- Hút mỡ bụng - Căng da bụng.
- Hút mỡ cằm - Căng da cằm.
- Chích mỡ vào bàn tay, mặt.

GIẢI PHẪU THẨM MỸ
- Sửa ngực và nâng ngực với túi Saline.
- An toàn.
- Sửa mắt 2 mí.
- Sửa mũi.
- Sửa cằm.
- Cắt nốt ruồi.
- Sửa âm đạo theo ý muốn.

TẬN TÂM - KỸ LƯỠNG - AN TOÀN - GIÁ PHẢI CHĂNG.

MAGNOLIA CLINIC
14571 Magnolia St., #207
Westminster, CA 92683
Xin gọi lấy hẹn
(714) 898-1177

ALHAMBRA OFFICE
841 E. Valley Blvd., Ste. 103
Alhambra, CA 91803
(818) 308-1122

YAG LASER SURGERY
- Bệnh Trĩ, Mạch lươn, Bệnh đường ruột.
- Truy tầm Ung thư ruột.

Bác Sĩ Nha Khoa

HỒ VĂN PHÚ, D.D.S.

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa

HỒ NHƯ MAI, D.D.S.

* Nha Khoa Gia Đình.
* Trám, Nhổ, Chữa Tuỷ Răng (Lấy gân máu)
* Khám Răng Định Kỳ.
* Nha Khoa Phòng Ngừa.
* Làm Răng Giả Đủ Loại
* Trị Bịnh Nướu Răng: Nướu sưng, chảy máu, hôi miệng
* Sửa Răng Thẩm Mỹ : Làm khít răng thưa, Vá răng sứt mẻ, đổi màu, Tẩy răng trắng

South Bay Center:.
15024 Prairie Avenue
Hawthorne, CA 90250
(310) 978-8993

Chinatown Center
625 W. College Street #104
Los Angeles, CA 90012
(213) 617-0096

Xin vui lòng lấy hẹn trước. Nhận bảo hiểm và Medical

Bác Sĩ

ĐOÀN YẾN, M.D.

1663 Beverly Blvd., Suite #201 - Los Angeles, CA 90026

TEL: (714) 413-4845

- *Tốt nghiệp Hậu Đại Học Wadsworth, LA.*
- *Nguyên Bác sĩ Trưởng Khu Giải Phẫu và Điều Trị Quân Y Viện Nguyễn Huệ, Nha Trang.*
- *Nguyên Bác sĩ Giải Phẫu và Điều Trị Quân Y Viện Trần Ngọc Minh, Sài Gòn.*
- *Đã hành nghề lâu năm tại Việt nam.*

CHUYÊN TRỊ:

- ☆ *Bệnh về Tai nạn & Nghề nghiệp*
- ☆ *Bệnh Toàn khoa người lớn và trẻ em.*
- ☆ *Bệnh Phụ nữ, Thăm thai.*
- ☆ *Săn sóc sức khỏe gia đình.*
- ☆ *Khám sức khỏe nhập học và chích ngừa.*
- ☆ *Cộng tác với Chương trình Bông sữa WIC.*
- ☆ *Tiểu Giải phẫu.*

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

Giờ khám bệnh:
Thứ Hai - Thứ Sáu:
9:30 AM - 6 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 3:00 PM

TỐT NGHIỆP VÀ KINH NGHIỆM

* State Board Certified in Cosmetics, CA. USA.
* Certified in Make Up + Maquillage, International Forum, Paris, France.
* Certified in Semi Permanent Make Up + Pigmentation, Biology Research, Paris, France.
* Pola Cosmetics, Tokyo, Japan.
* Lan Nomolee Cosmetics, Beijing, China.
* Member of Aestheticians International Association.
* Registered Nurse (R.N.) Cal. State Long Beach, CA, USA.
* Bachelor of Science in Nursing (B.S.N.) Cal. State San Francisco, CA, USA.
* Surgical Head Nurse & Office Manager, Plastic Surgery Clinic, Orange County, CA, USA.
* B.A. in Education (Pedagogy) anf B.A. in Psychology, Univ. of Saigon, Vietnam.
* Former Teacher at Gia Long High School, Saigon, VietNam.
* International Congress of Beauty 1990, Cannes, France.
* European Festival of Aesthetics 1990, La Baule, France.
* Aesthetics World Expo 1991 +1992 + 1993 +1994 +1995 +1996 +1997 +1998 + 1999, CA, USA.
* Aesthetics Congress 1991 +1992 +1993 +1994 +1995 +1998, Paris, France.
* Cosmetics Expo Kospafu 1992, Zurich, Switzerland.
* Professional Beauty 1992, Olympia 2, West London, England.
* International Congress of Beauty 1992, Athens, Greece.
* Cosmoprof 1993, Bologna, Italy.
* International Scientific Congress of Aesthetics, 1994 Rio de Janeiro, Brazil.
* Carol Priest Natural Cosmetics 1995, Wellington, New Zealand.
* Red and Earth Product 1995, Sydney, Australia.
* Lina Bocardi and Vittess La Cosmética 1997, Madrid, Spain.
* Biofol 1998, Montreal, Canada.

Nhận : MasterCard VISA

Orange County California. USA

Thuh Beauty Institute

8181 Bolsa Ave
Miway City, CA 92655

CHUYÊN MÔN:

*Facial * Dưỡng Da
* Lột Da Mặt
* Xâm Thẩm Mỹ
* Dầu Thơm Pháp
* **Mỹ Phẩm & Kem Dưỡng Da SOTHYS (Pháp) Jan Marini Skin Research (Mỹ)**
* Trang Điểm Cô Dâu Dạ Hội
* Thuốc mọc Tóc
* **Chữa trị Da Nám, Tàn Nhang, vết sẹo vì mụn, xoá nốt ruồi**
* Lớp dạy Trang Điểm và Xâm Thẩm Mỹ
* Khách ở xa có xe đưa đón và chỗ ăn ở tiện nghi.

Cô Bạch Thuhà
R.N., B.S.N., ESTHETICIAN
chăm sóc và điều khiển

Tel: (714) 894-9949
Fax: (714) 894-0466
Pager: (714) 218-6262

GIẢI PHẪU THẨM MỸ VÀ TẠO HÌNH

DO BÁC SĨ CHUYÊN MÔN ĐẢM NHẬN

*** GIẢI PHẪU**
- Mắt, mũi, môi, cằm, tai, bàn tay.
- Căng da mặt, căng da bụng.
- Nâng ngực cao, làm ngực nhỏ lại

***PHƯƠNG PHÁP NỘI SOI:**
(Endoscopic plastic surgery)
- Sửa ngực lớn với thẹo nhỏ ở nách.
- Căng da trán, nâng chân mày.

*** TIA LASER:**
- Xóa nếp nhăn trên mắt.
- Lấy mở mắt dưới không để thẹo.

*** HÚT MỠ:**
- Càm, bắp tay, lưng, mông, bụng, đùi.

***CẤY TÓC**
***CHÍCH MỠ**
***CHỮA TRỊ CÁC HÌNH THỨC SILICONE.**
***GIẢI PHẪU BỘ PHẬN SINH DỤC ĐÃ BIẾN DẠNG SAU KHI SANH NỞ.**

BẰNG PHƯƠNG PHÁP ĐẶC BIỆT DO THUH BEAUTY NGHIÊN CỨU VÀ CHĂM SÓC SAU MỘT THỜI GIAN NGẮN SẼ CÓ LÀN DA TƯƠI MÁT VÀ MỊN MÀNG.

BÁC SĨ NHA KHOA

TÔN THẤT THỌ

NHA KHOA TỔNG QUÁT VÀ THẨM MỸ

1449 PARK AVE., # 3
SAN JOSE, CA 95126

TEL: (408) 295-2530

COMPUTER TRAINING

□ ***SOFTWARE TRAINING:***
- Học Xử dụng Computer
  Lớp căn bản về Windows 98
- Lớp học về MS Word, Excel....

□ ***HARDWARE TRAINING:***
- Tự Lắp ráp, Sửa chữa
  Nâng cấp Upgrade PC

□ ***ORACLE PROGRAMMING:***
- ORACLE 8, SQL, PL/SQL
- ORACLE DBASE ADMIN.
- Visual Basic 6: FrontEnd

□ ***WEB-DEVELOPMENT:***
- MS SQL 7.0 - HTML
- ASP & Visual InterDev...

Mỗi học viên có máy riêng để thực tập
- *Có lớp cuối tuần & ngày thường*
- *Số học viên giới hạn xin ghi danh trước*

Dynamik Systems
14541 Brookhurst St., #D3 * Westminster, CA. 92683
(Góc Brookhurst & Hazard - Sau lưng cây xăng Arco)
Tel: (714) 418-0511 & 418-1278

TẠI LONG BEACH

BÁC SĨ Y KHOA
VÕ VĂN PHÁC, M.D.

CHUYÊN MÔN NỘI THƯƠNG NGƯỜI LỚN & TRẺ EM
Y KHOA GIA ĐÌNH

CHUYÊN MÔN:
- Y khoa gia đình.
- Các bệnh nội, ngoại thương tổng quát.
- Bệnh toàn khoa người lớn và trẻ em. (Các bệnh về tim, phổi, thực quản, bao tử, gan, ruột, cao huyết áp, phong thấp, tiểu đường).
- Bệnh ngoài da, hoa liễu, dị ứng (allergy).
- Bệnh phụ nữ, dàn bà, thăm thai, kế hoạch hóa gia đình.
- Chích ngừa, khám bệnh nhập học, theo dõi sức khỏe, định kỳ trẻ em.
- Cộng tác với chương trình WIC cho sản phụ, trẻ em.
- Tiểu giải phẫu các bướu dưới da, mụn cóc, nốt ruồi, cắt da qui đầu.

THỬ NGHIỆM:
- Mỡ trong máu (cholesterol).
- Các loại về máu, nước tiểu.
- Thử máu hòa thú.
- Truy tầm ung thư vú, tử cung.

Trang bị máy đo tim, đo phổi, máy massage.

LÀM BÁC SĨ GIA ĐÌNH
MEDICAL, MEDICARE
VÀ BẢO HIỂM CÁC LOẠI

Giờ Khám Bệnh:
Mon - Fri: 9:30 AM - 6:30 PM
Sat: 9:00 AM - 3:00 PM

611 E. Anaheim St., Long Beach, CA 90813
(Giữa Atlantic Blvd. & Lime Ave.)
Tel: (310) 591-8982

TÔN THẤT VINH

REAL ESTATE BROKER
Bus: (714) 839-6486
Res: (714) 531-8878

WINSTAR REALTY
17330 Brookhurst St., Ste. 100
Fountain Valley, CA 92708
Tiền lời đang xuống thấp. Quý vị muốn mượn nợ, refinance, mua bán nhà,
Xin liên lạc:
TÔN THẤT VINH
VỚI TRÊN 10 NĂM KINH NGHIỆM TRONG NGÀNH ĐỊA ỐC, CHÚNG TÔI SẼ ĐEM QUYỀN LỢI TỐI ĐA VỀ CHO QUÝ VỊ.

Bác Sĩ Nha Khoa

TRẦN NGỌC TÂM HƯỜNG, D.D.S.

- *Hội viên Americal Dental Association*
- *Hội viên Academy Of General Dentistry*
- *Hội viên California Dental Association*

Giờ làm việc:
Thứ Ba - Thứ Sáu:10am - 7pm
Thứ Bảy - Chủ Nhật:9am - 4pm
Nghỉ Thứ Hai

VÙNG SAN FERNANDO VALLEY
818-708-7280
18554 Sherman Way
Reseda, CA 91335

- ❑ Dùng máy siêu âm (Ultrasonic)
- ❑ Khám răng tổng qúat và định kỳ
- ❑ Lấy gân máu
- ❑ Trị bệnh nướu răng
- ❑ Nha khoa phòng ngừa
- ❑ Chữa, nhổ răng cho trẻ em và người lớn
- ❑ Nha Khoa Thẩm Mỹ dùng U.V. Light sửa và làm đẹp các răng cửa hư, xấu hoặc hở.
- ❑ Tẩy trắng răng (Bleach)
- ❑ Làm đủ loại răng giả (Fixed, Removalbe, Prosthodontic

Nhận bảo hiểm, Medical, trả góp.
Xử dụng máy móc tối tân và kỹ thuật hiện đại để phòng ngừa bệnh truyền nhiễm trong khi điều trị

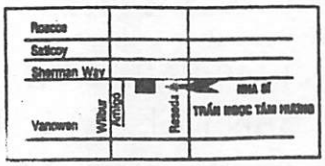

KHAM BỆNH THEO HẸN. ĐẶC BIỆT VĂN PHÒNG MỞ CỬA NGÀY CHỦ NHẬT.
TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP, XIN ĐẾN THẲNG VĂN PHÒNG

PLASTIC SURGERY

Bác Sĩ TRẦN TIẾN SUM, M.D.

GIẢI PHẪU THẨM MỸ và TÁI TẠO

- Tốt nghiệp chuyên khoa Plastic Surgery tại Mt Sinai Hospital New York, Hoa Kỳ (1984)
- Tu nghiệp chuyên khoa thẩm mỹ cho người Á Đông tại Viện Đại Học Showa, Tokyo, Nhật Bản (1983)
- Tốt nghiệp chuyên khoa giải phẫu tổng quát tại Stanford University Santa Clara V.M.C và Fresno V.M.C (1977-1981)

Chuyên Giải Phẫu:

- *Mắt hai mí Đông Phương và độn mũi*
- *Căng da mặt, trán, cổ, lột da, mài da làm mờ sẹo*
- *Độn ngực, làm nhỏ lại, nâng ngực bị xệ*
- *Đặc biệt giải phẫu bằng tia Laser: Cắt bỏ các bướu ở mặt,nốt ruồi, vết chàm v.v... (vết sẹo rất nhỏ và mờ)*
- *Giải phẫu và tái tạo các khuôn mặt bị tai nạn*
- *Tái tạo bộ ngực sau khi bị cắt bỏ bởi ung thư*
- *Tái tạo các chức phận của bàn tay: dây thần kinh, gân và xương*

Nhận:
Visa, Master Card, American Express

Tel:
1(805) 253-3755
Toll Free:
1(800) 540-2340
Tel. 24/24:
(805) 253-2211
Cách LA Downtown 30 phút lái xe.
Cách Monterey Park 40 phút lái xe

THAM KHẢO VÀ LẤY HẸN
TẠI ĐỊA CHỈ MỚI:
23861 W. Mc Bean
Parkway #E16
Valencia, CA 91355

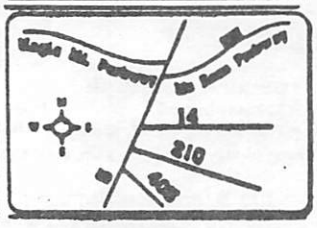

ITALY SHOES

QUANG NGÔ

- **Chuyên đóng đủ loại giày nam & nữ.**
- **Nhận sửa các loại đồ da.**

SHOE REPAIR

Open 7 days a week.

95751 Bolsa Ave.
Westminster, CA 92683
(Trong khu Bolsa Mini Mall)

TEL: (714) 531-0419

TIM'S AUTO REPAIR

1020 N. Harbor Blvd.
Santa Ana, CA 92703
(at Hazard)

Tel: (714) 554-9500

- **DOMESTIC & IMPORT**
- **BRAKES**
- **A/C**
- **CARBURETOR**
- **TUNE UP**
- **ENGINE REBUILT**

SMOG CHECK - NO PASS NO PAY.

TIM TIEN NGUYEN
Owner

HUẾ *Rendez Vous*

Restaurant
15562 Brookhurst St.
Westminster, CA 92683
(Góc McFadden)

TEL: (714) 775-7192

- *Huế Rendez Vous nằm sau tiệm Spires.*
- *Xin đừng nhầm lẫn Huế Rendez Vous với tiệm Huế số 1.*

Mở cửa 6 ngày:
Chủ Nhật - Thứ Tư: 9am - 9pm
Thứ sáu & Thứ Bảy: 8:30am - 10pm
Nghỉ Thứ Năm.

- Bún bò
- *Bánh ướt thịt nướng*
- **Bánh bèo**
- ***Bánh nậm***
- *Bánh ướt tôm chấy*
- Bánh bột lọc
- **Bánh khoái**
- *Mì Quảng*
- Các loại cơm
- **Cơm Hến (Week-end).**
- *Các loại chè*

- *Khung cảnh và màu sắc rất Huế.*
- *Lan tươi đẹp nhất.*
- *Tiệm đẹp, sạch và khang trang, hoa lan tươi.*

- **Đặc Biệt chúng tôi có bán "Bún Bò Chay".**
- ***Nhận đặt Party tại chỗ hay mang đi.***

thơ

Giọng ngâm: **Lệ Ba**

HongLac Vietnamese Music & Dance Ensemble (Canada)
772A Dundas St. West, 2nd Fl., Toronto, Ontario M6J 1V1 Canada
Tel.: (416) 603-6060 Fax: (905) 566-5594
phát hành

- ✔ Gồm 9 trong những BÀI THƠ HAY NHẤT cuả Thơ Việt hiện đại.
- ✔ Kèm TRANG THƠ in toàn văn các thi phẩm diễn ngâm.
- ✔ Lần đầu tiên BÙI GIÁNG xuất hiện trên CD thơ.

LY TAO Bùi Giáng • *GẶP EM HUYỀN DIỆU* Đinh Hùng
PHÚT LINH CẦU Hồ Dzếnh • *THƠ TÔ THUỲ YÊN* Tô Thuỳ Yên
TÂY TIẾN Quang Dũng • *ĐỘNG HOA VÀNG* Phạm Thiên Thư
MƯỜI HAI THÁNG SÁU Vũ Hoàng Chương • *NGUYỆT CẦM* Xuân Diệu
ĐỘC HÀNH CA Trần Huyền Trân

CD ngâm thơ • CD ngâm thơ • CD ngâm thơ • CD ngâm thơ • CD ngâm thơ • CD ngâm thơ

TRUNG TÂM Y NHA KHOA POMONA

Y VIỆN POMONA

1182 E. Holt Ave. - Pomona, CA 91766

Tel: (909) 623-8502

Bác Sĩ
VÕ ĐÌNH HỮU, M.D.

- Chief of Staff Bệnh viện Lenterman.
- Bác sĩ Department of Family Practice Pomona Valley Hospital.
- Hội viên American Academy of Pediatrics.
- Tốt nghiệp Chuyên khoa tại University of Florida.
- Cựu Y sĩ Hồng Thập Tự Việt Nam.
- Cựu Nội trú Sản phụ khoa Từ Dũ, Giải phẫu Bình Dân, Bệnh viện Nhi Đồng.

Bác Sĩ
LÊ MINH ĐỨC, M.D.

- Hội viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ.
- Hội viên Hội Y Sĩ California.
- Hội viên Hội Y Sĩ L.A County.
- Bác sĩ Điều trị các Bệnh viện vùng Pomona.
- Cựu Nội trú Sản phụ khoa Bệnh viện Hùng Vương, Nội khoa Nguyễn Văn Học.
- Cựu Nội trú Bệnh viện Huntington Memorial California.

- Chuyên Khám bệnh Trẻ em, Khám bệnh Nhập học, Chích ngừa, Khám bệnh Toàn khoa Người lớn, Bệnh Phụ nữ, Khám thai, Săn sóc sức khỏe gia đình, Khám bệnh định kỳ hàng năm, Thử nghiệm tìm Ung thư Đàn bà.

✦ **Khi cần nằm Bệnh viện, Bác sĩ sẽ đích thân theo dõi. Trung tâm có Bác sĩ chuyên môn, Bác Sĩ Nha Khoa đầu tiên vùng Pomona và phụ cận.**

NHẬN MEDICAL - MEDICARE VÀ BẢO HIỂM

Ngày giờ làm việc:
Ngày thường: 4 PM - 8 PM
Thứ Bảy, Chủ Nhật: 10 AM - 3 PM

Nhận Làm Bác Sĩ Gia Đình
Khám bệnh theo hẹn
Khi cần gọi 24 giờ (909) 623-8502
Bác Sĩ Võ hay Bác Sĩ Lê

BOLSA - WARD MEDICAL CLINIC

10495 Bolsa Ave., Suite 106-108 • Westminster, CA 92683

(Khu Thương xá Nguyễn Huệ, vào cửa góc Bolsa & Ward)

Tel: (714) 531-5201 • Fax: (714) 775-2849

NỮ BÁC SĨ ĐẶNG HỒNG SƯƠNG, M.D.

BÁC SĨ ĐẶNG VĂN PHU, M.D.

- *Nguyên Bác sĩ các Bệnh viện Từ Dũ, Nhi Đồng và Quảng Đông, Saigon.*
- *Bác sĩ Bệnh viện Fountain Valley, Santa Ana Hospital, Huntington Beach Medical Center, Garden Grove Hospital, FHP.*
- *Tốt nghiệp Đại học Tulana University, Louisiana.*

CHUYÊN TRỊ:

- TẤT CẢ BỆNH ĐÀN BÀ - TRẺ EM - Y KHOA GIA ĐÌNH
- CHỤP X-RAY
- TAI NẠN LƯU THÔNG
- BÔNG SỮA WIC
- KHÁM TRẺ EM LÀNH MẠNH
- CHÍCH NGỪA - THỬ MÁU - LẬP Y CHỨNG HÔN THÚ TẠI VIỆT NAM.

Quý vị có Cal-Optima nên chọn Bác sĩ Phu hoặc Pauline, Tổ hợp AMVI/MC số 27

PAULINE SUONG DANG, M.D.

(Bác sĩ Đặng Hồng Sương được chỉ định của Sở Di Trú Hoa Kỳ) đặc trách khám sức khỏe làm thẻ xanh Di Dân & Nhập Quốc Tịch Hoa Kỳ.

Thông Báo v/v Khám Bệnh

NHẬP QUỐC TỊCH

Quý vị có bệnh nặng cần xin miễn thi, nhớ mang theo:

1. Giấy giới thiệu của bác sĩ gia đình.
2. Thẻ xanh (Green card)

PAULINE SUONG DANG, M.D.

Civil Surgeon

Bác Sĩ

ĐẶNG VĂN PHU, M.D.

CHUYÊN TRỊ:

- ☆ Tiểu Giải Phẫu
- ☆ Y Khoa Gia Đình
- ☆ Vật Lý Trị Liệu

PHYSICAL EXAM FOR GREEN CARD CÓ CHỤP X-RAY

NHẬN MEDICAL, CAL OPTIMA & BẢO HIỂM

Giờ khám bệnh:
Thứ 2 - Thứ 6: 10 am - 6 pm
Thứ 7: 10 am - 3 pm

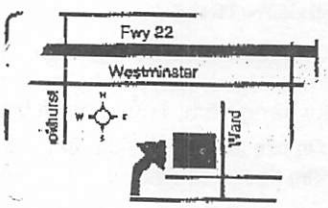

CÓ CHỤP QUANG TUYẾN X-RAY TẠI PHÒNG MẠCH

PROFESSIONAL WEB DESIGN - E-COMMERCE

QUÝ VỊ CÓ THỂ ĐEM BUSINESS CỦA MÌNH LÊN INTERNET

- Cơ Sở Thương Mại của Quý Vị sẽ phát triển lớn mạnh hơn.
- Lượng hàng bán nhiều hơn & Lợi nhuận sẽ gia tăng nhiều hơn
- Những khách hàng trong tương lai của Quý vị ở khắp mọi nơi sẽ liên lạc với Quý vị dễ dàng hơn.

BÁN HÀNG TRÊN WEB

ONLINE STORE / E-COMMERCE

- Domain Name Registration
  www.yourcompany.com
- 1 Year Hosting with 35MB of Space
- 10 E-mail accounts
- 1 Premium Homepage
- 1 Page of Company Address, Phone, Fax Numbers
- 7 Pages of Company Description
- Listing of Products (Up to 20 Products)
- 1 Online Order Form & Online Accept Credir Card

$795.00

VINET

CƠ SỞ THƯƠNG MẠI LÊN WEB

PUT YOUR COMPANY ON THE WEB

- Domain Name Registration
  www.yourcompany.com
- 1 Year Hosting with 25MB of Space
- 5 E-mail accounts
- 1 Premium Homepage
- 1 Page of Company Address, Phone, Fax Numbers
- 3 Pages of Company Description
- 1 Page of Product Listing (4 Graphics of Products)
- 1 Online Order Form

$495.00

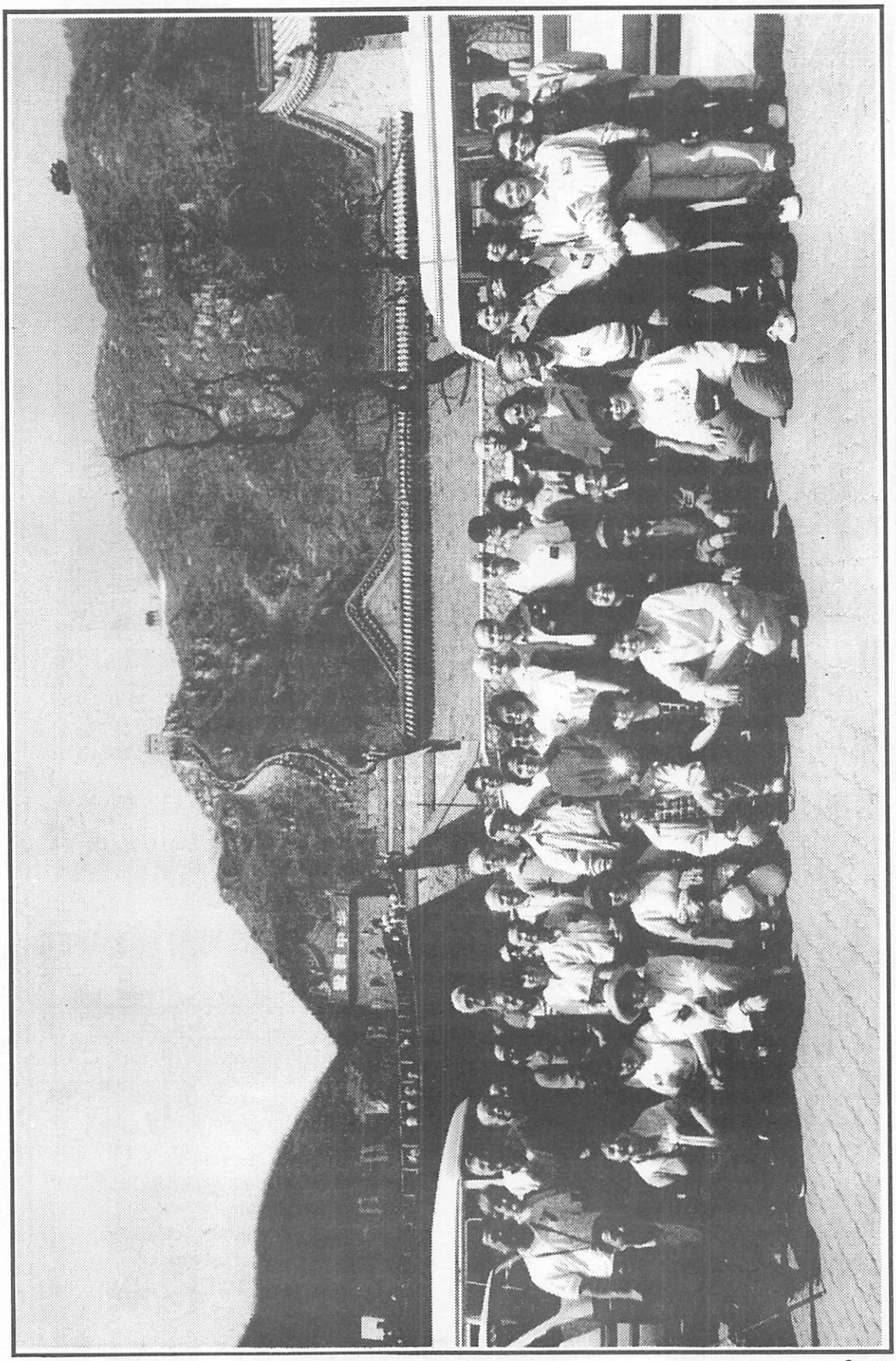

Đoàn Du Lịch thăm Vạn Lý Trường Thành - *"Bất đáo Trường Thành phi hảo hán"*.

Đoàn Du Lịch thăm viếng Trung Quốc - Tháng 4. 1999 - Dừng chân tại Quế Lâm trên giòng Lý giang:

Phạm ngọc Hương - Giao Hiếu • Đinh Văn Tùng - Tô Duy Gia • Đoàn Khoách - Thanh Tâm • Vũ Hậu - Thu Vân • Nguyễn Hy Quang - Liên Hải • Đồng Sĩ Tụng - Bích Ngọc • Nguyễn Văn Vỉnh - Kim Soa • Võ Văn Tùng - Tâm Thường • Ngô Đình Long - Trâm Anh • Trang Kiên - Duy Thạnh • Ngô Bút - Nguyệt • Ngô Nẩm - Phương Chi • Trần Tiến Khanh - Diệu Lê • Phạm Doãn Huề - Xuân Phương • Nguyễn Hữu Lộc - Tiên Phước • Ngô Trọng Hùng - Lê Thị Nam • Nguyễn Thị Hồng - Đặng Thị Liệu • Phạm Tina.

K-T FURNITURE GALLERY

2775 W. Lincoln Ave. ▪ Anaheim, CA 92801

(Giữa Dale & Magnolia)

(714) 821-4989

Với 15,000 sqft Showroom, chúng tôi có đủ loại bàn ghế tủ, nệm từ Italy đến Hi-Tex. Tha hồ để Quý vị lựa chọn.